



NGUYỄN TUÂN  
**TRUYỆN NGẮN**

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

62 Nguyễn Chí Thanh

Tel & Fax: (04) 7733041

*Email: [sach32bt@hn.vnn.vn](mailto:sach32bt@hn.vnn.vn)*

*Website: [www.nhasachdongtay.com.vn](http://www.nhasachdongtay.com.vn)*

NGUYỄN TUÂN

# TRUYỆN NGẮN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

1932 - 1940

## VƯỜN XUÂN LAN TẠ CHỦ

50 năm về trước, du khách ở vùng Thanh Hóa thường khi đi qua chỗ bến đò Ái Sơn, về hữu ngạn con sông Mã, nhận thấy ở vệ đường tay mặt một khoảnh vườn độ 4, 5 sào, xung quanh trồng toàn một thứ tre đặng ngà.

Đáng chú ý nhất là cái cổng kiến trúc theo lối cổng bên Phù Tang hải đảo. Nếu khách biết chữ Hán và đọc được chữ thảo Bát tiên đại thủ đời Thanh, thời khách nhận thấy 3 chữ tên biệt thự viết phông theo lối chữ Tăng Quốc Phiên. Trên cái nền bằng gỗ lim sơn màu "cẩn rượu", ba chữ thép vàng "Túy lan trang" như hoạt động trên miếng bạch thạch cẩn vào gỗ đỏ.

Chủ nhân "Túy lan trang", một vị hưu quan, từ ngày được nộp lại triều đình chiếc ấn vàng, lui về chỗ huê viên, thường để hết thời giờ làm việc vun trồng, chăm chút một thứ lan rất quý, tìm tận ở Yên Tử sơn, hồi còn tại chức nơi tỉnh Đông ngoài Bắc. Hoa xưa kia, quen cái khí hậu nơi đỉnh núi cao; nhất đán hoa về nơi đồng bằng, hoa không khỏi một phen rầu rĩ với ngày nắng hạ, đêm sương thu chỗ xứ lạ mà lá úa giơ gầy. Sớm, chiều hai buổi thăm hoa, chủ nhân lan viên chỉ lo hoa kia chẳng ở mãi với mình, mà cái công ngàn dặm chọn đất lạnh bọc cổ quý quấy về quê hương sẽ lấy chi đền chuộc lại. Sau một hồi tàn tạ giữa lan viên, hoa lại bắt đầu cười với gió xuân về. Thoảng mùi lan đượm, ngấm lá lan xanh ròn trên mấy hàng chậu sứ túy lam lớp đất phủ lùn vờ sò cùng hòn cuội trắng, chủ nhân như sống một cảnh đời mới. Rồi lan kia như cảm tình

người tri kỷ, ngày một thêm hoa và chái mấy chốc chủ nhân phải lùi lầu trang về một mé huê viên; nhường nơi đất tốt cho cô quý nẩy ngọn thêm cành.

Chủ nhân lấy luôn tên giống lan đặt làm tên biệt thự, ngụ cái ý yêu hoa và tỏ cho khách qua đường biết vườn nhà đầy cỏ lạ.

Nhớ đến lời sư Cụ chùa Quỳnh Lâm vùng tỉnh Đông dặn lại sau khi cho giống lan, mỗi bận xuân về, sớm sớm, chủ nhân lại phải cho cả vườn Túy lan say với hơi rượu thời cái vương giả hương ấy mới còn ở với người thế gian. Ngày xuân phải bón lan bằng hương rượu, chủ nhân rất lấy làm sung sướng được gần vùng cát rượu ngon có tiếng ở châu Thang là làng Vĩnh Trị. Ái Sơn đối ngạn Vĩnh Trị và đứng ở Túy lan trang trông rõ đê làng Vĩnh Trị. Những buổi sớm mùa xuân, mặt nước con sông Mã phẳng lặng như tờ, lại lặn tẩn lờn sóng nhỏ do mái chèo đập làn nước của một chiếc thuyền nan bơi từ bến Ái Sơn sang bến làng Vĩnh Trị. Bọn người sinh nhai chỗ duyên giang, đây sớm đứng trên mạn thuyền để thở cái không khí trong sạch bình minh vui cười bảo nhau:

"Lại thuyền cô chiêu Tần bên Túy lan trang qua Vĩnh Trị lấy rượu cho hoa!"

Phải, cô chiêu Tần - con gái ông chủ vườn Túy lan trang đi lấy rượu về bón huê đấy!

Quan án Trần, vì cái thích chơi hoa, phải giám những sự chi dùng trong nhà để có đủ tiền đặt thứ "rượu khê" cho hoa lan, trị giá hai quan một vò bên làng Vĩnh. Mà mỗi sớm, chèo thuyền đi lấy rượu theo lời cha dặn, cô chiêu Tần đã diễn ra trên dòng nước con sông Mã một cái cảnh tượng giống như trong tranh Thủy mặc của người Tàu. Một người con gái mà cái dáng điệu dịu dàng đã in theo khuôn nhịp chồn dài trang, tóc búi cánh phượng, áo mặc rộng tay màu thiên thanh, chân đi dép cỏ mà lại thực hành một cái ý nghĩ chan chứa màu thơ - ngày xuân cảnh sớm, bơi thuyền lấy

rượu cho hoa - đủ làm cho lãng tử được thấy cái đẹp ấy phải đưa mình vào mộng.

Vươn mình trên con bạch tuấn, cậu ấm Hai ghi cương, xuống yên, buộc ngựa vào gốc thùy dương, rồi đi tản bộ đến một cái quán dựng trên đê. Ngồi trên bệ đắp bằng đất sét, cậu ấm Hai như chờ đợi một người và muốn giết thời giờ, luôn tay phe phẩy cái roi ngựa làm bằng cành liễu khô bẻ ở cổng huyện Đông Sơn là nơi cha ngồi chức Huyện úy. Cậu ấm Hai ngồi chờ cô chiêu Tần đi lấy rượu về. Ngồi đợi người yêu lâu quá sức đợi và khi cúi mặt nhìn nền mặt đất chực chỗ quán nước, cành liễu khô đập luôn luôn vào đôi má chiếc giấy tàu bằng nhung đen để gai xe tám sợi, không đủ cho người quên hết những ý nghĩ về thời gian một khắc một chầy, cậu ấm Hai lại cất mình lên ngựa cho khuấy khóa nổi lòng khi vắng bạn. Con bạch tuấn được lỏng cương vể, cũng uể oải lê bốn vó trên đường. Vó câu một bước lại dừng, con bạch tuấn còn mê man những đám cỏ non của ngày xuân phủ kín mặt đê dài. Rồi vắng tiếng hát nơi đầu sông đưa lại. Cậu ấm Hai nhận được tiếng người quen, gò đôi cương nâng cao đầu ngựa trắng; lỏng tay buông tay khấu, lần bước dậm đê, ngựa đã từ từ đi xuống nơi dốc chỗ bến đò. Cậu ấm Hai, cô chiêu Tần cùng nhau thi lễ: người xuống ngựa, khách dùng chèo, nơi giang đầu lại có cái cảnh tượng như hệt cảnh tả trong bài thơ của Bạch Lạc Thiên.

- Xin lỗi công tử đã dây công chờ tiện nữ. Dưới Nguyệt viên vào đám, đặt nhiều rượu ở bên Vĩnh Trị, nên hôm nay qua lấy rượu cho lan phải đợi lâu. Vậy công tử sang bản trang từ bao giờ?

- Án từ nơi huyện đã xong nên bữa nay gia nghiêm muốn qua Túy lan trang xem hoa nở. Gốc trầm Quảng Nam buộc ở đầu ngựa này sẽ dùng để đốt lên trong khi lệnh nghiêm và gia nghiêm cho phép tiểu sinh ngồi trì hồ.

- Quan Lệnh doãn cho công tử mang trầm qua Túy lan trang như

mỗi lần hội diện cùng gia nghiêm, thời bên bàn rượu, trước những giò lan nở, tiện nữ lại một phen được nghe lại tiếng đàn thập lục của công tử.

Quan Lệnh doãn huyện Đông Sơn là bạn thân và là khách quý của quan án Trần bên Túy lan trang. Ngày còn làm kẻ thư sinh, hai ông già ấy, đã cùng thi một trường, thụ giáo một thầy, và xuất thân cùng một hội. Sóng nước bể hoạn, tuy không làm chìm đắm nổi khách công danh trong khoảng mấy chục năm trời, nhưng cũng đã làm cho hai người đôi phen tơ tưởng lúc xa nhau. Hoạn hải từ ngày thuyền buộc bến, quan án Trần về ở Túy lan trang, cho là một cái điểm phúc được vui tuổi già gần người cố hữu. Rồi muốn cho cái tình thân ấy được thân hơn một bọc nữa, đôi bạn già ngỏ ý cho nhau rõ rằng sẽ đi lại với nhau bằng cái tình thông gia gây nên bởi cuộc phối hợp nay mai của hai trẻ. Đều là người hiểu rõ cái lẽ sự vật trên thế gian, hai ông già không chịu uốn mình theo lễ thói giả dối và thực hành cái luân lý khổ khắc với đôi trẻ thơ. Cho nên còn ở cái thời kỳ vị hôn phu và vị hôn thê mà cậu ấm Hai cùng cô chiêu Tần thường được gặp nhau và trò chuyện. Nếu cuộc đời cứ theo cái nhịp êm đềm mà đưa đôi già, đôi trẻ ấy đi với ngày lụn tháng qua, thời chân hạnh phúc của con người ta, tạo hóa có lẽ dành riêng cho nhà họ Trần và nhà quan Lệnh doãn Đông Sơn. Lạc thú hai gia đình ấy vì có thời mé lâu Túy lan trang bày chi thiên lệ sử; khách tài tình phỏng ngàn năm không để giận thời giống lan kia, còn cợt mãi gió xuân về! Nếu hầu hết những hạnh phúc đều giống nhau ở chỗ ấm cúng, êm đềm, đầy đủ thời mỗi nghịch cảnh lại có bộ mặt riêng tùy theo cái đau đớn của người trong cuộc.

Năm Ất Dậu, đời vua Đồng Khánh, vùng Hoan Ái phải qua cơn binh lửa gây nên bởi loạn Văn thân. Cũng có người lấy danh nghĩa mà dúng tay vào công cuộc phá hoại; nhưng rút đầu cho hết những kẻ lợi dụng thời cuộc, làm cho thỏa thích lòng dục trong lúc giao thời trắng đen không tỏ rõ. Cái thời loạn! Mà thời loạn thời trai



thời loạn chứ sao? Cô chiêu Tần sống vào buổi non sông mờ cát bụi, đã dành trông ngóng cái thời bình. Cậu ấm Hai gặp lúc loạn ly, không những không có thủ đoạn của kẻ làm trai thời loạn, mà lại còn tỏ cho người thời ấy biết rằng một kẻ thư sinh chỉ có cái tâm hồn lãng mạn là một người chọn làm thế kỹ. Chọc trời khuấy nước, trong khi người ta ham chuộng cái sức khỏe mà chỉ biết có ngón đàn, hiểu có hồn hoa, thời ở tâm người tài tử, buồn, tủi, cực đến dường nào! Trước những cái tin máu, xương thành sông núi trăm họ bị làm cỏ, hai trái tim thơ ngây, của cô chiêu Tần và cậu ấm Hai, đều đập chung một điệu hải hùng. Riêng về phần quan án Trần, thời thân già đã không lấy làm quan tâm đến vóc xương khô, còn những lo cho hoa, làm sao ngăn nổi gót chân đám người ô hợp nếu một mai chúng tràn đến.

Quan Lệnh doãn Đông Sơn lo việc tuần tiễu quân nghịch cũng thừa đi lại trên quan án Trần. Nơi Túy lan trang, hoa thường vẫn nở, người thường vẫn không chểnh mảng việc vun xới cho hoa mà chỗ lan viên lần lần như đã thấy cảnh điêu tàn. Không phải tại người, không phải tự hoa; chỉ tại cái không khí nặng nề của thời loạn phảng phát trên chỗ hoa viên.

Một đêm kia, về quãng cuối năm Bính Tuất, mưa tuôn rả rích, gió thổi vù vù, một cái đêm đông đầy những sự bí mật tối đen.

Cô chiêu Tần, kinh động mở mắt dậy. Mé lầu trang lửa đỏ ngất trời. Tiếng người đi lại nhộn nhịp. Tiếng người quát tháo dữ dội. Họ nhét giẻ vào miệng cô chiêu Tần, rồi vục đi. Chỗ bến đò Ái Sơn, bốn chiếc thuyền từ từ dời bến. Đứng trên mũi thuyền có tiếng người con gái gào khóc, một người vạm vỡ mặc quần áo đen, quần khăn đầu riu, tay cầm một cây "hồng" đốt bằng giẻ tẩm dầu, soi sáng quắc mặt nước con sông.

Bên Túy lan trang, lửa vẫn đỏ ngòn mà tịnh không ai cứu hỏa. Tre và gỗ chỗ lầu trang thi nhau mà cháy trước những ngọn lửa xanh

lè liêm quanh loài thảo mộc. Lúc mà ngọn lửa đám cháy không soi rõ những đám lan xanh rờn trên chậu sứ, thời canh đã sang tư. Đêm tối buông một bức màn bí mật, lạnh lẽo lên trên chỗ lan viên tàn tạ. Chỗ đầu sông, đàn đóm lập lòe nơi bên nước, gió đêm vi vạt bãi lau già!

Sớm hôm sau, các người ở vùng đây, ngồi triết lý sông, giữa hai ngum nước chè tươi nơi quán:

- Quan án Trần cũng vì bị kích động, cảm xúc mạnh quá mà chết. Cô chiêu Tần, thuyền cướp mang đi. Cái biệt thự kia bị cháy ra tro. Cho hay sống vào thời loạn, cái phú quý và cái sắc đẹp cũng nhiều khi là cái mằm vạ lớn.

Từ khi Lan vắng chủ, từ khi hoa không người nâng giắc, giống cô quý kia cũng quyết tạ theo tri kỷ, thề không ở lại với thế gian. Và chằng người giai nhân đã đi, cái hào hoa cũng tận. Cái thuật cất "rượu khê" bên làng Vĩnh Trị, cũng không ai truyền lại cho ai nữa, để lại một mối tiếc cho "làng men" mỗi khi nhắc tới cái phong vị hồi cận đại.

Sau cái đêm dữ dội ấy, cây cỏ nơi Túy lan trang đều một loạt ủ rũ như để tang cho người thiên cổ. Tơ liễu khóc mưa, tóc tùng reo gió, bóng tre lia bụi, đều ngậm một cái tình buồn trước cái hương trời lẫn lóc khoảng vườn hoang. Lan đã biết tạ chủ, thời cỏ cây kia há kém ai!

Để lại bên sông một khoảng đất cao hơn mặt ruộng, đứng xa trông như một cái gò phát bằng ngọn, ngày nay, Túy lan trang chỉ còn là một chỗ đi về của đám mục đồng. Tụi trẻ kia không biết kính trọng cái âm phần của giống Túy lan khi yên giắc sau lúc tạ chủ, cho trâu bò giẫm nát cả mồ hoa!

Thiên "thâm sử Túy lan trang" cũng đi theo với thời gian và bị xóa nhòa trong trí nhớ người đồng thời. Ngày nay du khách đi qua vùng Ái Sơn đất Thanh Hóa, nghe thấy những danh từ "Gò Lan tạ"

và "Quán cậu Hai" phải hồi mãi mới ra nghĩa cũ. "Gò Lan tạ" là nền tảng Tuy lan trang và là cái nơi vùi hoa lan; "Quán cậu Hai" là nơi cậu ám Hai nghỉ ngựa trước khi gặp người ngọc chỗ lầu trang, vẫn hết sức giờ cái thân tàn chịu lấy cái gió mưa nơi đầu bến. Gò, quán kia đã ghi vào trong tâm trí khách chơi hoa một cái kỷ niệm buồn rầu. Vườn xuân lan tạ chủ; đàn đóm lập lòe nơi bến nước mà gió đem vi vạt bãi lau già...

*Tiểu thuyết thứ bảy (1935)*

## ĐÁNH MẮT VÍ

**K**éo một hơi thuốc缭绕 tọt nõ, ông Khóa Liêm ngửa mặt lên mái nhà gianh thủng, nhìn cảnh trời đông mầu nhạt, qua những khung hồng của một mái nhà sắp đổ và đã nát. Làn khói thuốc缭绕 xanh nhờ nhờ lần lần chui qua những lỗ gianh thủng; những ý nghĩ đen ngòm của kẻ đang bực dọc với mưu hồ khẩu hàng ngày cũng theo làn khói nhẹ đi đến chỗ mung lung.

Ông Khóa Liêm đang nghĩ đến ngày mai. Hình như cần phải hút thuốc缭绕 cho nhiều thì mới giải quyết nổi những việc khó khăn thuộc về sinh kế, ông Khóa lại vờ một điếu thuốc nữa bỏ vào nõ điếu, và dụi đi dụi lại thanh đóm, đến ba, bốn lần vào bát điếu, tầm mắt dăm dăm đặt vào cuốn lịch Pháp Hoa treo ở đầu giường. Ông thay dáng ngồi. Ông Khóa không ngồi xồm nữa. Xếp chân vòng tròn, xóc lại chiếc áo bông lụa thâm lốt màu quan lục khoác sẽ trên vai, ông mồm lẩm bẩm, mắt nhìn tay, tính bằng ngón tay. Ông xoay mình vào phía nhà bếp, gọi vợ:

- Này nhà ơi! Không phải hâm nước nữa. Cứ để đấy tôi làm cho. Ra tôi nói chuyện này!

Bà Khóa đơn đả chạy ra; vừa thất lại nút khăn vuông mở quạ, bà hỏi:

- Gì thế hở thầy nó? Nước gần sôi rồi.

- Này, nhà này, ngày mai là cuối tháng tây đây. Tôi muốn ra Hà Nội, rồi sang Bắc thăm vợ chồng ông Tú, xem ông ta có giúp cho mình

đồng nào không? Chứ năm mãi ở đây mà đợi chết đói, chết rét à?

- Thầy nó lại định sang bên ông Tú à? Anh Tú tuy đối với thầy nó quá như anh em ruột, tôi vẫn biết. Nhưng, vừa mới tháng trước đã ra, bây giờ lại ra nữa, coi sao tiện! Anh Tú có phải chỉ riêng cưu mang chúng ta thôi đâu? Cái người có bụng hào hiệp thường hay túng. Vả chẳng, đây chũm ở trường Pháp-Việt một tuần bảy tám giờ, lương lậu phỏng được bao nhiêu.

- Thế cứ ngồi ở nhà này, uống mãi nước bã chè tươi để xem mưa phùn rỏ giọt vào giữa cái nhà thủng mái à?

- Tôi có bảo thầy nó không phải đi đâu? Cái thế phải mất tiền ăn đường, nhưng nên tìm một người bạn thân khác.

- Ủ, thôi được rồi! Để tìm người bạn thân khác cũng ở Bắc Ninh.

- Đã bảo sao lại cứ định đi Bắc Ninh mãi? Thầy nó không nghe tôi sao?

- Biết rồi, nhưng sang Bắc Ninh mà tìm người khác giúp đỡ cho ít nhiều rồi sẽ tạt lại anh Tú gọi là đi ghé thăm qua. Thăm không thôi; Thế anh Tú mới lấy làm lạ cho mình. Bởi vì mỗi lần ra tìm anh ấy là y như có chuyện cầu cứu; bây giờ nó lạc cả cái lệ ấy đi, anh ấy phải ngạc nhiên chứ lại. Nếu anh Tú có cố gắng hỏi tôi đi ra làm gì, tôi sẽ có sẵn một câu trả lời làm cho vợ chồng anh Tú giật mình!

Bà Khóa tươi tỉnh nét mặt tò mò hỏi:

- Thế thầy nó sẽ trả lời ra làm sao?

- Trả lời rằng chuyến này có lẽ vô Kinh viết sách, viết bằng ở bộ Lễ. Và nhân có thời giờ rảnh, ra ngắm non sông đất Bắc cho thỏa thuê, kéo nữa biết bao giờ mới lại từ Huế ra thăm lại chỗ cố giao tâm sự như anh Tú? Bà nó nghe thế, đã sợ chưa?

Bà Khóa tủm tỉm nhìn chồng một cách kinh yêu vô hạn.

Trong cái cười kín đáo của người vợ nhà nho kiết kia, người ta có thể hình dung ra cả một thế giới "mục tâu giấy bản" thừa nọ có

những hiền phụ chỉ biết một việc khuất phục, tháo vát và hy sinh để cho chồng đủ lực nằm dài trên bục điểm son trang sách mộc bản, và ngêu ngao ngâm thơ Đường Tống.

Ông Khóa Liêm được thể lại càng lên nước, rung đùi rõ nhiều. Ông lại kéo một mối thuốc nữa! Trông cặp mắt lim dim và cái mồm tròn như chữ O đang thở ra những vòng khói đặc, trông kỹ nét mặt ông Khóa đã ruỗi hết những đường gân, bà Khóa nghĩ ngợi: "Ai dám bảo chồng mình là khổ? Tưởng chồng mình như thế mà không thành được người sung sướng trên thế gian, thì cũng nên lấy làm lạ đấy. Chỉ nghe thấy tiếng nói và giọng cười thôi, thì ai cũng tưởng là sang lắm! Thật là sang sảng như chuông!".

Bỗng ông Khóa hỏi gọn một câu:

- Bây giờ, nhà phải đi mượn đâu lấy hai đồng bạc để tôi ăn đường... Nếu không đủ thì ít ra cũng phải có một đồng rưỡi.

- Mượn ở đâu? Những chỗ quen biết đều... vương cả rồi!

- Nào tôi có biết! Cái đó là công việc của nhà nó chứ? Thế mọi lần thì sao? Nhà nó quên rồi à?

Bà Khóa lại cười tủm tỉm. Ông Khóa lại rung đùi ngâm thơ tưởng mãi lên cho đến lúc cao hứng quá, phải cho miệng nghỉ ngâm để rít một điều thuốc lào to và chặt hơn mấy điều thuốc trước nữa.

Buổi chiều mùa đông ấy là hôm đầu tháng và lại là hôm chủ nhật, vợ chồng ông Tú đang sắp ngòai vào mâm cơm, thì một chiếc xe tay đã đặt ở trước hiên nhà ông Tú, một ông khách đứng tuổi, ăn mặc nửa kim nửa cổ, tay ôm một bọc lớn, tay chống chiếc ô đen đã đổi màu xám xanh...

Nghe tiếng cạch của càng xe bít sắt nện vào thềm gạch ở lề đường, vợ chồng ông Tú nhìn ra, rồi đều cùng thốt ra một lúc:

- Chú Khóa Liêm!

Vợ chồng ông Tú nhìn nhau tủm tỉm trước khi ra cửa đón khách.

- Ông Khóa ở Thanh ra thẳng đây đây à?

- Gói gì thế? Bà Khóa mạnh chứ?

- À, gói nem đem ra làm quà anh Tú uống rượu đấy. Ở trong gói có cả bản sao cuốn Việt Điện U Linh, tôi chép cho anh theo lời anh dặn đấy.

Bà Tú vẫn mỉm cười... Ông Tú phải đưa mắt nhìn, bà mới thôi và mời ông Khóa:

- Chú đi rửa tay rồi đi xơi rượu luôn đi thôi!

Cái tình thân mật giữa vợ chồng ông Tú và ông Khóa Liêm lại càng rõ rệt thêm nữa, khi bà Tú ngồi bên mâm cơm làm bồi rượu cho chồng và cho bạn chồng. Bà vừa ăn, vừa đợi, vừa vui vẻ nói chuyện:

- Cái số chú Khóa thực là tốt lộc! Cái bát ba ba này của chú Khách Quảng Sinh Long vừa biểu đây...

Ông Tú bây giờ mới nói:

- Chữ tôi viết xấu thế mà lão Quảng Sinh Long vẫn cứ ưa! Giá hẳn mà biết chú thì hẳn thích lắm.

Nếu có ai thấy cách xưng hô đằm thắm, trẻ trung, tự nhiên của ba người đứng tuổi này, người ta sẽ phải lấy làm chướng, nếu không có người giảng cho họ rằng ông Tú với ông Khóa là bạn học chữ nho một trường một thầy, và bà Tú là con cụ Đốc, và cụ Đốc vốn là thầy học cả ông Tú lẫn ông Khóa.

Ngày xưa, còn tập trường quan Đốc, ông Khóa Liêm được cái vinh dự chằm đóm hầu thuốc lão quan Đốc, còn ông Tú thì được vinh dự hơn bạn: ông được pha nước trà tầu cho quan Đốc, mỗi sáng sớm, trước giờ giảng sách. Rồi, cũng được cái may hơn bạn nữa là khoa thi chữ nho của nhà nước Bảo hộ mở lần cuối cùng cho đám sĩ tử Bắc Hà, ông Tú đậu Tú tài mà ông Khóa chỉ là ông Khóa.

Và, từ ngày ông Tú dạy chữ Hán ở trường Nhà nước, ông Khóa

vẫn thường ra đây quấy quả luôn, lấy cái cơ rằng "cái" Tú tài đi làm việc Tây hẳn phải kiếm ra nhiều hơn "cái" Khóa sinh chỉ ý vào hoa tay, có chữ tốt chép sách và viết bằng. Một lần, hai lần... rồi dần dần, ông Tú cho như thế là một phong tục riêng của người bạn nghèo, và ông Khóa thì lại hiểu rằng thế là một luật lệ rất thường trong tình bạn hữu.

Nhưng lần này, lại ra Bắc Ninh, lại gặp ông Tú, ông Khóa không dám có can đảm hỏi tiền nữa. Ông tự xét mình như thế là không biết điều một tý nào cả. Vừa mới tháng trước đã lấy mười đồng rồi còn gì nữa!

Cho nên, lúc đỏ đèn, nghỉ ngơi một lát, ông Khóa vội nói với vợ chồng ông Tú:

- Anh chị cho phép tôi lại thăm một người bạn...

- Ai thế! Từ xưa tới giờ sao không thấy chú nói?

- Ông bạn tôi cũng vừa mới ra ở đây. Có lẽ khuya tôi không về đây ngủ.

Thế rồi đêm ấy ông Khóa đã tìm tới nhà bạn và, thật là không may cho ông, đêm ấy ông đã thất vọng nhiều. Khi gia nhân người bạn kia trả lời rằng chủ nhân đi vắng xa, có lẽ đến cuối tiết trọng đông mới về, ông Khóa thất thểu bước tỉnh bước say, lại đành quay về nhà ông Tú vậy! Và tự nghĩ: "người cố hữu của mình thế này thì ra còn nửa tháng nữa mới về. Thế là hỏng cái đám này. Cái số anh Tú thật hôm nay lại vào ngày "đại tiểu hao". Mình có muốn lấy của anh ấy nữa đâu? Thật là hai vai có quỷ thần chứng mình... Thế nào vợ chồng anh Tú cũng phải đưa cho mình một món cầm về cho qua những ngày thất nghiệp. Cái đó không sợ. Nhưng mình đã lấy tiền của vợ chồng anh ấy thì mình còn làm gì hưởng được cái khoái chí khi nói láo với anh chị ấy rằng mình sắp đến ngày phong lưu và có những lúc nhân tân đi ra Kinh Bắc chỉ để ngắm



non sông mà thôi!".

Ông Khóa Liêm càng nghĩ càng lầy lăm buồn cười cho mình. Rồi ông ngượng ngịu, khi phải trả lời vợ chồng ông Tú:

- Ấy vì ông bạn tôi đi vắng ạ!

Vợ chồng ông Tú tủm tỉm. Ông Khóa nói tiếp:

- Tôi ở chơi đây với anh chị một đêm nay thôi, nhà bạn lắm! Mai tôi xin về.

Vợ chồng ông Tú trách móc, cố giữ khách, nhưng khách van lơn nhất định xin về, kêu rằng nếu tối mai không có ở Thanh Hóa thì nhờ hết nhiều công việc lớn!

Đêm khuya, ông Khóa vắt tay lên trán nằm nghĩ nát óc, tìm một cách gì cho đỡ ngượng để xin tiền ông Tú. Và lại coi bộ tháng này vợ chồng ông Tú cũng túng dữ. Rét thế này mà vẫn cái áo bông đụp cũ! Nhưng nếu không mặt dạn mày dày cố hỏi thì đừng nói gì đến mang được dăm bảy đồng về nhà nữa: hãy một số tiền ăn đường cũng đủ khó nói rồi. Thế thì, đã đến nước này, ông Khóa đành phải cứ xin tiền của ông Tú.

Ông lại hút thuốc Lào! Cái thú đêm đông sương lạnh được khoác chiếc mền bông, ngồi xồm hút thuốc Lào, là một cái thích dễ truyền nhiễm. Ông Tú cũng chạy lại gần giường bạn, cũng hút và hỏi:

- Chú nhất định về! Mai đi tàu nào!

- Phải đi tàu sớm, hay ô tô sớm sang Hà Nội rồi đi xe lửa trưa về Thanh. Không thể ở lại được đâu! Anh nhớ dặn người nhà đánh thức tôi nhé.

Đêm ấy, ông Khóa nằm nghĩ; "Có lẽ anh ấy sẽ bỏ sẵn vào phong bì rồi lúc mình gọi xe là anh ấy đưa cho. Anh Tú bao giờ cũng nhà nhận lắm kia mà! Mình cũng chả cần phải bảo. Và, nói cho thật ra, mình nói cứ ngập ngừng thế nào ấy. Không có can

đảm nói. Thôi hãy ngủ đã".

Sớm mai, ông Khóa hé mắt nhìn đồng hồ thấy gần giờ tàu chạy, vội choàng dậy, đòi ra tàu ầm ĩ cả lên. Lúc bước lên xe, ông Khóa định ninh rằng ông Tú sẽ dúm cho một cái phong bì. Bắt tay ra xe rồi mà không thấy có gì trong lòng bàn tay, ông nóng cả mặt! Ông vội kêu:

- Anh Tú! Sao tôi đau bụng thế này? Có lẽ phải đi chuyến ô tô thôi!

Ấy thế rồi ông Khóa đành phải lờ tàu, ở lại để nhắn nhó và đợi chuyến ô tô.

Giờ ô tô đến, ông Khóa lại vội kêu rầm lên rằng chỉ còn một chuyến ô tô này thôi, khéo không lại nhớ nữa thì khốn cả.

Bà Tú lại gọi xe. Ông Tú lại bắt tay. Nhưng vẫn không thấy gì, ông Khóa phải sốt ruột vì những câu chuyện cầm tay người ở dặn với kẻ về:

- Chú về cho mạnh, từ giờ đến cuối năm ra chơi một chuyến tất niên nhé!

Ấy thế rồi ông Tú và bà Tú càng lầy làm cảm động khi thấy chú Khóa dùng dằng và bùi ngùi nét mặt bước lên xe. Xe đã khuất bóng người, bà Tú ra về nhớ nhung phàn nàn với chồng:

- Tội nghiệp, chú ấy độ này chả biết làm ăn ra làm sao? Trông bộ cũng vẫn thế thôi! Đi đâu mà vội thế? Giá có ở lại một đôi hôm thì tôi cũng có đủ thời giờ giặt tạm giúp chú ấy ít đồng.

Hai vợ chồng ông Tú ngồi thừ ra nhìn nhau có ý trách lẫn nhau về chỗ lãnh đạm với chú Khóa. Ngọn gió bắc thổi mạnh mưa bụi bay đã nặng hột. Vợ chồng ông Tú lại càng thêm nhớ ông Khóa Liêm. Thì quái, sao ông Khóa Liêm lại còn tiến vào kia và khua ô nói trước:

- Không thể đi được, anh chị ạ!

- Thôi chú ở đây, mai một hãy về. Vợ chồng tôi đang lấy làm ái ngại cho chú.

Có thể chứ!

- Thưa anh chị, kể như vừa rồi thì cũng đáng ái ngại thực. Lúc lên xe ô tô lấy vé mới biết mất cả ví tiền! May họ còn bỏ xuống đường cho về đây trông thấy anh chị trong lúc buồn này chứ không thì đã vào cấm rồi! Rõ đen quá và không may cho anh chị phải...  
đền: cấp cho tôi ít tiền lộ phí.

*Đông Dương tạp chí số 23 (1937)*

## GỖ CÁI VÀ VỊT

**T**ừ ngày ông ấy đổi Tri huyện Thạch Thành, tính đến bây giờ chưa đầy bảy tháng, mà ông ấy đã có ý kiến xin bề trên cho đổi đi nhậm hạt khác.

Không phải vì ở đây không có bổng lênh, không có lễ sống và lễ chín của lũ dân Mường không phải vì ở đây có nhiều án mạng, có nhiều vụ kiện gay go làm khó dễ cho những vị phụ mẫu không chịu phiền làm công bộc dân một cách tận tụy với thiên chức; không phải vì ở đây, tính dân ngang ngược, cứng đầu cứng cổ, động một tí là kéo cả làng xuống tỉnh xin liên đới chịu tù, hay là chạy tuốt cả vào Kinh đánh trống dâng văn nơi tòa Tam Pháp, hay là xin võng quan trả về bộ.

Đất Thanh mộc ấp vốn lành; lành còn có nghĩa nữa là nhiều địa lợi, nhiều lâm sản, nhiều hải sản, nói tóm lại là nhiều của. Người Thanh Hóa tính cũng lành như tính đất ấy. Theo lẽ phong thủy, chả biết rằng như thế có phải là tính đất đã ảnh hưởng sâu đến tính người? Nhưng sự thực là như thế đấy. Và không những lũ dân đen Thanh mộc ấp lành mà thôi đâu, lại còn đàn nữa. Vì những lẽ thế mà có mấy ông Đồ Nghệ vốn kiêu căng với cái anh khí của chín mươi chín ngọn Hồng Lĩnh đã tạo ra các ông, các ộng đã đem cái đức lành và cái đức đàn của dân Thanh Hóa ra mà trào phúng. Cái tính chế diễu không có kiêng nể vật gì và người nào hết thấy, dù vật là tối thiêng liêng, dù người ấy là tiêu biểu cái oai quyền lớn. Cho nên các ông ấy mới bảo rằng đất Thanh Hóa, vì lẽ là nơi

phát tích của nhà Lê, của chúa Trịnh, của nhà Nguyễn bản triều, nên bao nhiêu cái tinh hoa đã bị người sang kẻ cã rút hết cả rồi, mà trăm nghìn phần cặn bã thì dồn lại cho bách tính. Như thế cho hết đến mấy thế hệ nữa, nếu may mà mạch đất có hồi lại thì dân khí mới có mong quật khởi.

Khốn nạn thay! Nói cho rõ ràng ra thì người Thang mộc ấp đầu có đến nổi như các ông Đồ kia tưởng. Các ông há chẳng nghe cái câu ngạn ngữ "Nhất Xương, nhì Gia, thứ ba Hậu Lộc" mà các vị quan có nhiệm ở Thanh Hóa đều nhớ làm lòng hay sao? Câu ấy tả toát yếu và theo thứ tự cái đức bưng của dân ba phủ huyện Tĩnh Gia, Quảng Xương và Hậu Lộc. Nhưng hăng để yên mấy ông Đồ Nghệ và câu chuyện chế nhạo của họ.

Ta trở lại với cái tâm sự quan huyện Thạch Thành.

Ngồi ở huyện Thạch Thành là một nơi mà người thì chỉ có Muồng, cảnh thì chỉ có rừng, kẻ không rõ cái khổ tâm của ông huyện Thạch hẳn phải yên chí rằng giá những lúc việc quan được thanh thân, quan huyện Thạch "đánh chết" cũng phải khoan khoái hiện ra mặt, mỗi khi nhận được thư riêng ở xa gửi đến. Những lá thư ấy chắc sẽ đưa đến huyện lỵ Thạch Thành những luồng không khí mát mẻ và đủ sức mạnh thổi tan những mây sớm mai tám chín giờ còn giăng đầy thung lũng và sương chiều mới bốn năm giờ đã phủ đầy lối vào huyện? Trái lại, những lá thư của thân quyến của đồng liêu, của quan đờ đầu ở xa ở gần, một tháng kể gửi đến nhiều lắm, nhưng chính chúng nó đã làm phiền lòng quan huyện Thạch không biết đến thế nào mà kể.

Những thư đó, dù là dài hay ngắn, chia buồn hay chia vui, giọng đùa hay đúng đắn, của người thân lắm hoặc vừa mới quen, ở dòng tái bút đều có những câu đại để như là:

"... Nghe nói trên hạt Thạch Thành có thứ vịt Trạc Nhật ngon có tiếng, quan lớn (hoặc quan huynh) dành cho một cặp, khi nào tiện

chúng tôi xin lĩnh...".

Còn những thư của các quan thủ hiến bản tỉnh hoặc của quan thầy đỡ đầu ở nơi xa xôi gửi về thì lại có cái giọng hách dịch như thế này:

"Thạch Thành là nơi sở tại của giống vịt Trạc Nhật; nhân mùa lạnh tới, kiếm cho ta ít con đánh chén chơi...".

Quan huyện Thạch Thành là một ông quan nghèo. Cái chí của ông ta lại không định hẳn vào con đường hoạn. Và chẳng, đối với chế độ quan trường, ông ta đã sẵn có một quan niệm. Ông ta chỉ mong có một cơ hội kinh doanh nào lớn lao là vui lòng đem treo kiếm ân lên cành dương liễu ở cổng huyện, trông về Nam lạy bốn lạy, chạy tuốt về làng để theo đuổi những nghề tự do. Nhưng đây là một sự mong mỏi.

Còn tại chức ngày nào, còn ở huyện Thạch ngày nào, ông ta cho là còn điều đúng đủ trăm phần với vịt Trạc Nhật. Cái hình ảnh vịt Trạc Nhật ám ảnh ông hoài. Nó theo ông sát sạt như mang theo tiếng nói, bóng theo hình người. Lắm lúc vì bận việc công đường, bận đi hành hạt, hoặc mãi vui cùng mấy bạn tài tử lên họa đàn, ông quên được câu chuyện vịt Trạc Nhật. Khốn nỗi chỉ được độ dăm ba hôm thôi. Vì thế nào, dăm ba hôm, lại cũng có một lá thư gửi đến để xin vịt, để tống vịt. Trời ơi! Giá thử đáng thiêng liêng làm một trận dịch dữ dội cho toi hết giống vịt Trạc Nhật để tuyệt hết cái giống vịt ngon, ngon đến bực mình ấy đi, để hết những người thích ăn của lạ và lười bỏ tiền ra mua nhì! Cũng là một sự không mong cho quan Thạch, những người có tính hay "báo" vật ấy lại là chỗ quen biết với ngài cả.

Lắm kỳ đi hội giã ở tỉnh về, quan huyện Thạch hễ có mặt ở công đường là gắt gồng. Như thế đến mấy hôm ấy, lũ nha thuộc và dân sự đều lấy làm kinh hãi và không hiểu gì cả. Ở nơi tư thất, những ngày ấy, lúc đêm vắng, bọn lính canh nơi trại thường không được

nghe tiếng đàn nguyệt rất hay nữa - quan huyện vốn lấy đàn làm thú giải phiền.

Một đêm kia, quan huyện Thạch vừa ở tỉnh về, tiếng máy xe hơi ở sân huyện đường chưa tắt mà trong tư thất đã thấy quan ông gắt gỏng với quan bà. Quan bà không những không tỏ vẻ giận chồng to tiếng vô lý lại còn tủm tỉm cười một cách tinh quái, hình như muốn chòng ghẹo và thử thách kẻ hay có tính làm dữ. Quan huyện Thạch phải đầu dụi. Cặp mắt hóm hình cái miệng đùa cợt của bà huyện Thạch cũng đổi dần ra vẻ hiền từ. Quan huyện Thạch làm lạnh.

- Sao bà lại cười? Thấy người ta đang bực rộc với những sự phiền lụy của cuộc đời hàng ngày là một chuyện đáng cười lắm hay sao? Và thứ nhất là "người ta" đây lại là chồng mình? Bà phải biết nể cái người nào đang phiền muộn, đang đau đớn, ngang như nhau mới được chứ!

- Cái gì là phiền lụy? (bà huyện vừa cười vừa hỏi). Có phải lại chuyện vịt Trạc Nhật phải không? Hẳn các cụ ở dưới tỉnh lại tổng mua ít cặp phải không? Thôi phải rồi, thế nào, lão phủ Nông Cống chả vay khéo vài chục con để gửi về Huế? Chắc lão ta không vừa lòng, lại nói bóng nói gió một đôi câu chứ gì? Có phải như thế không, ông?

- Quả có như thế không sai. Bà đoán giỏi đấy.

Vợ chồng ông huyện Thạch Thành chưa lấy gì làm già và lại là người của thời mới. Hai vợ chồng cộng tuổi lại chưa đầy bảy mươi. Vì trong lúc to tiếng nên vợ chồng ông huyện Thạch Thành phải dùng hai chữ ông bà để xưng hô. Phải, trong lúc gắt gỏng, người ta phải nghiêm nghị từ cả danh từ gọi nhau. Vợ chồng ông huyện Thạch đã vui vẻ nói năng với nhau thời trong câu chuyện thuộc về gia đình ở nơi tư thất, ta lại được nghe thấy những tiếng xưng hô trẻ trung.

- Minh nghĩ đi làm quan như thế này, có thấy phiền không?

Không chiều bề trên thì họ bảo mình ngạo. Không làm vừa lòng bạn thì họ bảo ăn ở không có tình.

- Giá có biết thế những ngày thì... thì gì? Minh nhỉ! Bà huyện vẫn tùm tùm nhìn chồng ăn cháo.

- Minh có biết một con vịt Trạc Nhật thời giá bao nhiêu không?

- Thừa mình tám giác một con, lúc cao; và một chữ bạc một cặp, lúc hạ.

- Đấy mình thử tính xem, cứ cái tháng lương tri huyện hạng ba đem ra mà mua hết vịt Trạc Nhật xem được mấy trăm, mấy chục con? Họ lấy có ít đâu, mỗi người cũng là đôi ba cặp trở lên cả. Minh thử tính nữa xem tôi có bao nhiêu bạn, bao nhiêu quan thầy? Đừng nói là không đủ tiền mua nữa, nếu có bạc triệu đó cũng khó mua! Dân Mường Trạc Nhật mỗi nhà nó chỉ nuôi có ít con. Mà nó có cần đem ra chợ bán đâu?

Ý chừng họ tưởng chúng ta cứ bơi thuyền thúng ra giữa cánh đồng chiêm mà quơ lấy vịt. Hết thuyền này chỡ nặng lại đến thuyền khác đem về. Nhật hết lứa này lại đến lứa khác...

- Có thể này thì mình mới hiểu thấu cái nghĩa đau đớn của kẻ dâng đồ tiến, cái nghĩa không biết thương người của kẻ ngồi một chỗ yên ấm để hưởng của ngon đem đến, ngụ ở trong cổ thi: "Nhất kỳ hồng trần phi tử tiểu; vô nhân tri thị lệ chi lai".

Bà huyện vốn cũng có chữ nho sở đắc được của cha anh truyền cho và chồng luyện cho, gặt gù nghĩ ngợi và cố tưởng tượng ra cái thảm cảnh ngày trước người ta phải chạy ngựa từng cung, từng trạm dài để đem các thức ăn ngon tiến vô Kinh.

Nhưng bản tính hay đùa, bà lại nói tiếp:

- Và có như thế này, chúng ta mới biết ái ngại cho những kẻ mới xuất chính đã phải đi cung chức hạt Thạch Thành.



- Cứ gì hạt Thạch Thành. Cứ gì có vịt ngon. Họ không tổng được thứ này, họ sẽ tổng thứ khác. Có mắt gì của họ? Mình há không nghe chuyện chú huyện Can Lộc phải dâng cổ tươi và lá tre cho ngựa quan tuần đó à? Mình không nhớ chú huyện nhà mỗi lúc uống rượu với tôi hay nhại tiếng cụ tuần đó và nói câu: "Hạt thầy có thứ lá tre nhiều chất đậm - khi rất hợp cho bộ tiêu hóa của chuồng ngựa tui" đấy à?

Vợ chồng ông huyện Thạch nói chuyện trong đêm ấy thế mà đã gần khuya. Lúc sắp đi ngủ, bà huyện bảo chồng:

- Tôi vừa nghĩ được một cách, may ra vợ chồng chúng ta gỡ được cái nạn vịt Trạc Nhật.

- Hay đùa lắm. Thôi, đi ngủ.

- Không đùa đâu mà. Có thể làm ngay được. Mai tôi đi tỉnh. Tôi sẽ mua độ 200 vịt đàn. Chỉ một hào một con. Đem về thả ở đầm Trạc Nhật. Vịt nó béo, nó ngon là vì nó ở nước. Vịt hôi là vịt ở cạn. Nó ngon nữa là vì vịt rúc được nhiều mồi. Đem vịt ở nơi xa về Trạc Nhật, cho nó chịu thủy thổ Trạc Nhật, nó ăn ở đầm đấy, thở không khí đấy, tắm nước đấy thì nó là vịt Trạc Nhật chứ là cái vịt gì nữa? Mình sợ như thế là đánh lừa người ta hay sao? Mình không biết chứ chính tôi đã lên tận làng Trạc Nhật rồi. Tụi Mường ở đấy nó nói chuyện rằng ở gần hai trăm mẫu đầm đó, góc rạ nào bị ngâm nước cũng đều có tép chui vào ở trong cả. Người Mường ở đấy không thả dậu thả lưới đánh tép, nên vịt được ăn cái thứ tôm con đó. Thịt vịt đặc biệt nhờ đấy chứ đâu nữa?

Mình có ý quyền phụ mẫu cướp nghề của ai để mưu lợi đâu mà sợ. Chẳng qua là mình cũng phải nghĩ cách mà cứu lấy mình cho nó qua cái năm nay. Sang năm xin đổi đi hạt khác. Chứ không có các ngài ấy "hặc" cho về khoản vịt thì từ giờ đến tết cũng còn là khổ. Lấy đâu ra tiền mà mua vịt? Vịt đâu có nhiều mà mua?...

Áy thể rồi từ đêm ấy trở đi, thỉnh thoảng trong những đêm thu, đông mà chồng gảy đàn nguyệt di dưỡng tinh tình ở nơi cô tịch, bà huyện Thạch lại tình quái nhìn chồng mà ngâm hai câu thơ Kiều đổi đi mất một chữ:

*"Cầm đường ngày tháng thanh nhàn  
Sớm khuya tiếng vọt tiếng đàn tiêu dao"*

*Đông Dương tạp chí số 25 (1937)*

## MỘT VỤ BẮT RƯỢU LẬU

**L**ũ dân cày ở làng Phong Cốc, bây giờ thực không còn lấy cứ gì để phàn nàn với nhau trong lũy tre xanh và với người ngoài, ở giữa những chợ đông, rằng quan trên không săn sóc tới.

Đáng phụ mẫu của họ là quan Phủ Thiệu Hóa - làng Phong Cốc, thuộc về Thiệu Hoá phủ, Thanh Hoá tỉnh - những khi hành hạt qua đó thường vẫn không quên bảo với thầy Đề rằng nên tạt vào đây mười lăm phút để xem cái dân khí vùng đó lâu nay ra sao.

Ở đình làng, trong những ngày này, hương chức kỳ cụ đều được quan phủ khuyến khích họ nên giảng giải cho lũ đàn em về cái đức làm dân đối với bề trên không được tỏ vẻ kháng cự, và cái đạo làm dân trong một nước thái bình, ở một thời yên lặng phải đóng sưu thuế, theo tạp dịch cho đều đều. Nếu sự phục thiện của dân đã kết quả được một phần thì càng nên gắng nữa lên cho được mười phần, càng nên cố sức nữa lên mãi mãi. Rồi Nhà nước sẽ thương tới, và quan Phủ hứa thêm rằng ngài đã bẩm tâu cho, thì tha hồ mà được nhờ...

Nhưng lúc quan Phủ gần trẩy đi sang làng khác, ngài vẫn không quên bảo thầy lý mới, như mấy lần trước:

- Thầy nên coi chừng đến công việc của thầy và sự hành động phi pháp của dân làng. Trách nhiệm của thầy nặng lắm đó! Thầy giữ việc làng thay thầy lý trước (bị chết một cách rất thê thảm và chẳng

vinh dự gi) trong khi thừa hành công vụ, chắc thầy rõ phận sự của thầy trong lúc này, hơn ai hết thầy.

Thầy lý run lấy bẩy, chỉ biết mồm "dạ dạ" đưa mãi hai bàn tay chắp lên khỏi ngực. Thầy không dám nhìn thẳng vào quan và thứ nhất là nhìn vào ông Đề ngồi gần ngang hàng với quan; trong một lúc nhón nháo ở đình lúc quan mới tới làng, thầy lý đã dám liếc trộm ông Đề khi ngài này sai bác Cửu châm đóm để ngài hút thuốc lào vào điều giống của quan Phủ, có cái xe trúc uốn cầu vòng dài đến gần bốn thước ta. Ông Đề cặp mắt sáng như tia lửa, những lúc nheo nheo mi mắt lại, thì không khác gì mắt con vọ lúc ở trên cành cây gạo chú mục nhìn đống thịt chết ở mặt đất. Thầy lý tin rằng nếu ngấc mắt lên mà đụng gặp phải nhỡn tuyến của ông Đề già thì sẽ bị thôi miên mắt; và thôi miên thuật kia sẽ bắt thầy phải tường tận cung khai gia sản nhà mình ra xem của chim là bao nhiêu và của nổi là bao nhiêu, để ông Đề vui vẻ trả lời bằng ý nghĩ rằng có một ngày rất gần đây, chúng nó sẽ phải thay đổi chủ và thầy thì cố nhiên là sẽ mất quyền sở hữu ấy.

Nghĩ đến đây, thầy lý càng không dám giữ đầu mình cho thẳng thắn, chỉ biết cúi mặt xuống đất hết nhìn đôi ủng da tây của quan Phủ, đôi guốc kinh của ông Đề và đôi bàn chân lấm của mình. Thầy lý lúc này thực là một hoá thân của sự sợ hãi. Thầy chỉ biết dạ, dạ mãi, để đáp lại những lời đanh thép mà thầy chỉ hiểu một cách mang máng. Bỗng thầy giật bản mình khi nghe thấy quan gắt:

- Cái anh lý này "chương" quá. Người ta hỏi thầy xem số rượu dân làng uống trung bình trong những ngày thường chênh lệch với những ngày tế lễ như xuân tế, thu tế hoặc vào đám ăn chạ là độ bao nhiêu, mà thầy cứ dạ là nghĩa lý chi? Vô lý quá!

- Dạ bẩm ông Lớn, về việc dân làng con uống rượu, con cũng không lấy gì cho tường lắm. Dạ, con mới được dân cho con ra thay anh lý bất hạnh của con được độ mấy tháng.

Câu trả lời của thầy lý có vẻ dần dần một cách lừng khừng gần giống như lời búng bình thốt ra ở cửa miệng những dân cứng đầu cứng cổ. Tuy rằng là thực thà, nhưng thầy lý cũng vẫn đủ trí khôn nhận rằng có lẽ nó sẽ làm cho quan Phủ đến phải nổi trận lôi đình. Mà quả như thế thực. Thầy lý hiền lành kia nghĩ đúng đấy. Vì quan Phủ đã biến sắc mặt, làm om cả đình làng:

- Thầy làm việc quan như thế hổng, hổng to. Đừng nói chi đến chuyện nay mai thầy mong được Nhà nước cho tưởng lục hay là mong điền vào chân chánh phó cai tổng khuyết. Nếu anh không thay đổi cách làm việc thì cái triện lý trưởng của anh cũng khó lòng mà dặt cho được lâu đâu. Việc dân trong làng uống rượu mà thầy mù tịt như vậy, thì chết thật. Thầy làm việc không được mẫn tiệp rõ quá rồi. Nếu ta không thương anh, đem một việc này mà bầm tỉnh thì liệu anh có còn giữ được đồng triện không?

Ấy thế rồi quan và ông Đề và lính tráng trẩy đi để một lũ kỳ cựu hương chức làng Phong Cốc đưa mắt nhìn nhau và nhìn ông lý vừa bị quan quở. Thầy lý đâm mê và toát mồ hôi. Mồ hôi thấm qua cái áo lụa nâu già và làm đẫm cả lưng chiếc áo the dài màu nước dưa.

Thầy lý ra khỏi đình làng. Trận gió bắc thổi rụng lá vàng, thổi bay tà áo thầy vào lớp mồ hôi gặp gió lạnh càng se đến đâu càng làm cho thầy lạnh, "trông thấy" đến đấy. Với không khí lạnh lẽo ở ngoài trời, thầy thấy trong mình bốt bùng bùng và lúc về tới nhà, thì thầy đã lấy lại được sự trật tự hoàn toàn cho bộ óc vừa bị kích động mạnh.

Vào đến nhà, bỏ khăn áo, thầy nằm vắt tay nghỉ. Thầy bỏ bữa cơm ngon có rượu ngâm thuốc, có món nhắm tét. Trông thấy rượu, thầy sực nhớ ra vì câu chuyện ban nãy mà thầy bị quở ở giữa làng. Thầy điên tiết lên muốn đem lẳng "mẹ nó", cả chai, cả nậm ra ngoài ao.

Bà vợ thấy chồng có thái độ lạ lùng, khác mọi ngày, dám chê cả món thịt dê bóp tái và bánh tráng vùng bà công phu mua tận chợ bên sông gặp ngày phiên vội đón hỏi:

- Làm sao thế? Nghe nói quan về làng ta định bắt dân mở trường và khơi giếng thêm phải không? Sao lại bỏ bữa rượu? Thằng Kha nhà theo tôi sang chợ ngoạn lãm.

- Mở trường, khơi giếng! Ai bảo thế? Đình với giếng gì? Việc triều đình nhà nước, u mày biết gì mà hỏi! Cắt rượu đi!

Thầy lý bỏ mặc vợ tung hứng đang lúi thủi lấy lồng bàn đập mâm com để dành. Thầy đang lo đến cái tiền trình của tên lý trưởng vừa bị quan hạch là không đầy đủ bốn phận. Thầy càng ngẫm kỹ mấy câu quan vừa nói ban nãy thì ra cái chân lý trưởng của thầy là bấp bênh. Nó như cái thế quả trứng bị để ở đầu đặng, sớm tối vỡ lúc nào không hay. Rồi thầy lại lẩn thẩn nghĩ đến chuyện những chức phận ti tiểu lúc quên tạ ơn những vị đỡ đầu thì bị quan thầy báo thù lại như thế nào... Nhưng không, thầy lý nhớ rõ ràng rằng thầy đã được quan Phủ ban cho thầy cái vinh dự bắc chiếc ghé đầu gối gần quan trong tư thất, sau khi quan đã rủ lòng thương nhận cho thầy cái phong bì "lễ mọn" mà thầy khom khom mình cúi dâng lên bề trên bằng sự thành kính của kẻ biết ơn và tạ được ơn. Thầy còn nhớ như in vào ruột những câu của quan giảng dụ hôm đó vồn vã ôn tồn và những cách quan coi thầy như là đầy tớ tay chân... Thầy lý đưa tay qua trán, nhắm mắt lại, tưởng lại những phút ấy mà thầy rạo rục cả người. Sướng quá, thầy tự hỏi mình rằng cái số phận tầm thường của một người lý trưởng được hưởng những phút như phút ấy độ mấy lần trong một đời? Thầy so sánh quan Phủ hôm ấy và quan Phủ hôm nay sao khác hẳn đi? Không lẽ quan nhiều việc đến nỗi quên hẳn là mình đã tạ lễ? Phải, không có thể như thế được. Thầy lại cho rằng hay tại mình tạ thiếu. Nhưng không, vì hôm đó, quan đã khen thầy một câu: "Anh lý người linh lợi lắm. Anh đưa túc số như thế này, tội tiêu nó thành được món". Nếu thế thì là nghĩa lý gì, và nguy hiểm quá nhỉ! Vì ai còn biết manh mối đặng nào mà tìm, mà hiểu. Trong ba, bốn ngày liền, thầy lý cứ ăn kém đi vài bát com, ngủ kém đi vài canh dài, với những ý nghĩ ấy nó không tha ám ảnh thầy.

Rồi, một buổi trưa kia, thầy vừa bỏ mẩu triện đồng vào tráp đen, thì thấy lũ trẻ làng đang reo ầm lên ngoài cổng:

- A...a...a... Tây về! Có Tây về làng ta!

Thầy lý thấy khác trong người, vì không biết tại sao thầy nghĩ ngay tới sự chẳng lành sẽ xảy ra. Thầy đang sửa lại khăn áo, sắp ra xem là chuyện gì thì con chó mực ở sân gàn cổ lên trời sửa vàng cả nhà lên. Một tốp người quần, áo, mũ, giày, vàng khè một mẩu ca-ky, đã tiến vào nhà, đứng đầy cả sân. Thầy lý nhìn họ: người nào cũng oai phong lẫm liệt, người cầm thuôn sắt, kẻ đeo túi da đựng súng lục liến. Thầy lẩm bẩm: "Thôi bỏ mẹ, lại lính Đoan" và tiến ra sân.

Lính Đoan thấy ông lý ra vội xúm cả lại chung quanh cứ đặc cả lại như là đàn muông săn lúc vây được con sói rừng, đều một loạt nói bô bô:

- Trong làng rượu lậu! Ông đi ngay! Có cả quan Đoan về đấy!

Bấy giờ thầy lý mới biết là có cả quan Tây Thương chính về nữa. Thầy vội chạy ra vái dài quan Đoan, người Tây, tay cầm ba toong song, đứng ở gần cổng; rồi cả bọn kéo đi rất nhanh theo một ông đội đoan có bộ râu "củ ấu" là người dẫn đường xem có vẽ thông thạo đường lối trong làng lắm.

Đến ngõ đình, cả bọn ập vào nhà bác nhiều Tìn. Thầy lý trong bụng phập phồng và từ lúc đi đến giờ, thầy chỉ biết theo nhà Đoan thôi. Lúc đến nhà nhiều Tìn, thầy mới hiểu rằng quan Đoan về bắt rượu lậu ở nhà tên nhiều Tìn, một người mà thỉnh thoảng vẫn đưa lại nhà thầy những chai rượu khê rất ngon trong những ngày nhà ông lý có kỵ dùng thứ rượu cúng rất tinh khiết. Thầy lý than thầm cho nhiều Tìn đã gặp sự chẳng lành. Cảnh náo nhiệt bày ra trong nhà người bị Đoan vào nhà khám xét đã chiếm hết cả giác quan thầy lý. Lính Đoan gọi rầm rì:

- Chủ nhà là nhiều Tìn đâu? Nhiều Tìn đâu?

Bỗng ông đội Toan vừa reo, vừa chạy:

- Nó đây rồi! Các thầy mau theo bắt lấy! Kia kia, nó đang mang vò com chạy! Nó vừa mới vọt ra cổng ngang!

Linh Đoan chạy, cả quan Đoan, cả thầy lý cũng chạy theo một người nhà quê đang ôm một cái chĩnh chạy miết ra phía bờ ao gần đình làng, cách họ độ ba chục bước.

Trẻ con khóc. Chó sủa. Đàn bà kêu, và các ông già bà lão trở mắt, chống gậy "càng cua" đứng nhìn theo đám bụi mù bay.

Lúc thầy lý theo kịp được nhà Đoan đến bờ ao thì thấy thằng cha nhiều Tín đang lồm bồm ở giữa ao, hai tay bung một cái chĩnh có nắp. Chung quanh bờ ao, người đứng vây đen ngòm. Quan Đoan vừa nhìn thầy lý vừa nhìn ông đội nói một hồi tiếng Tây dài, mặt dày vẻ tức giận, dẫm chân múa tay, trông đáng ghê sợ lắm. Ông đội Đoan chỉ thuận xuống phía ao bèo, nói chớ xuống người bung chĩnh:

- Mày có muốn sống không? Nhiều Tín, mày có chịu lên không? Chúng ông mà xuống tóm được mày thì mày bỏ đời!

Nhiều Tín ở giữa ao, mếu máo nói lên:

- Con lạy các quan, các quan tha cho con. Các quan đừng giết con.

- Ai "giết" mày? Mày cứ đưa cái vò lên đây!

- Lạy các quan, con trót dại có làm ít tương để ăn. Lạy các quan, thật con có dám đem bán đâu!

- Tương với mắm gì? Mày không lên, ông mà phải lội xuống thì...thì...

- Con khổ lắm. Các quan tha cho con! Ôi mẹ thằng Tín đâu, tao khổ lắm! Các quan làm tội tao, thì tao đổ tương xuống ao đây này!...

- Này thằng kia, nếu mày đổ vò com kia xuống ao, thì quan Đoan sẽ bắn mày! Mày định làm phi tang đi, hở?

Quan Đoan, đứng ở trên bờ vừa chửi rửa bằng tiếng Tây, vừa rút súng lục, tay trở bắm sẵn cò, chĩa vào nhiều Tín. Ông đội Đoan đứng nói với về phía thầy Lý:



- Nay ông lý, nếu nó dim chính com để mắt tang chừng rượu lậu, ông phải chịu một phần trách nhiệm đây.

Thầy lý hoảng cả người. Thầy lại càng hoảng nữa khi thấy quan Đoan chia súng về phía mình. Rồi liên tưởng, thầy nhớ đến vụ đổ máu vừa xảy ra trong làng cách đây mấy tháng: trong một vụ bắt bớ hàng lậu do quan Đoan *Bét-nấc-đế* chỉ huy, ông lý trước mà mình thể chân bây giờ đã bị đạn Nhà nước nổ chết trong giây lát, giữa một lúc mà người ta bảo rằng nhà Đoan cần phải chân chính tự vệ. Thấy quan Đoan mắt đỏ ngầu, mồm sùi bọt, quát tháo rầm cả góc ao, thầy càng cuống cả lên. Mà dưới ao thẳng cha nhiều Tín vẫn cứ mếu máo và van lơn các quan đừng xuống ao, và nếu xuống hẳn dọa sẽ đánh chìm cái chính tương đi mất!

- Thế thì muốn sống mày phải lên ngay!

Tiếp lời ông đội, thầy lý cũng bảo nhiều Tín:

- Thì mày lên đi! Tao xin mày đấy! Mày làm chuyện phi pháp để lụy cả đến lý trưởng làng mày! Mày định cho tao theo ông lý trước hay sao? Mày không nhớ đấy à?

- Con lạy ông, ông xin cho con, không có các quan giết con mất.

- Thì mày cứ lên đi, tao sẽ xin cho. Mày cầm cho khéo cái vò kia, rồi lên ngay đi! Ừ, lên đằng phía quan Đội ấy.

Bao nhiêu cặp mắt đều nhìn vào nhiều Tín đang lồm bồm bung cái vò bước lên bờ ao.

Hắn run lập cập, vì ngâm nước lạnh thì ít mà vì sợ nhà Đoan thì nhiều. Ông Đội giằng lấy tay hắn lôi lại phía mặt quan Tây Đoan, và truyền cho hắn mở nắp chĩnh ra. Hắn sợ hãi nhìn quan Tây Đoan, nhìn ông Đội, nhìn ông Lý và lập cập mở nắp chĩnh. Thấy quan Tây Đoan đã bớt giận, ông Đội cũng tươi tỉnh được nét mặt, bảo nhiều Tín:

- Ông tướng mày ở cả ngày ở dưới ấy!

- Ông lấy làm khoái trí khi nhìn vào trong lòng chiếc chĩnh.

Nhưng sao ông lại cau mặt lại và mũi hít mạnh, đánh hơi. Ông sẵn số hỏi nhiều Tín:

- Cái gì ở trong chĩnh?

- Dạ bẩm tương. Con có dám nói bậy đâu, con làm có một ít để kho cá ăn ở nhà chứ thực không dám đem ra chợ bán: ông Đội tỏ vẻ khó chịu trình với quan Tây Đoan rằng đây là một thứ nước chấm của nhà chùa thường ăn chay và người An Nam dùng với cơm. Quan Tây Đoan bắt ông Đội ném và hỏi ông có dám quả quyết như thế không. Ông Đội trả lời nhất định rằng trong chĩnh đó không có chất gì để làm rượu. Thầy Lý thấy câu chuyện khám xét kết cấu một cách ngộ nghĩnh không ngờ như vậy, phải hỏi nhiều Tín:

- Thế sao lại bung vò tương mà chạy? Các quan khám rượu lậu kia mà! Ai bắt tương? Cái lý của anh gian lắm! Anh phải khai cho rõ ràng ra kẻo phiền cho đến tôi lắm đấy!

Nhiều Tín hoàn hoàn hồn khai với thầy Lý:

- Con thấy người làng đi chợ về, dạo này đồn rằng nhà nước đánh thuế cả tương và nước mắm, con thấy tương của con làm không có giấy phép nên con sợ, con phải chạy đem vứt đi...

Lúc sự yên lặng đã trở lại trong làng và mọi người đã ngật nghễ cười khi giải tán - trừ nhà Đoan rời làng Phong Cốc với nỗi tức bực thì trời đã xế bóng. Bác nhiều Tín cũng mỉm cười bung chĩnh tương về nhà, trong bụng nghĩ thương vợ phải một phen chạy rượu lậu vất vả, và không biết vợ đã đem giấu kín vò cơm ở nơi đâu đây. Bác tự nghĩ nếu không có chĩnh tương này thì chỉ có Trời mới gỡ nổi cho bác khỏi ở tù.

*Đông Dương tạp chí số 29 (27-11-1937)*

## CHIẾC DĨA SỨ GIANG TÂY

Cái hồi tôi còn là một gã thư sinh mài đũa quần trên ghế trường Thành chung Nam Định, không biết ai đã tập cho tôi cái tính đi uống nước trà và ăn bánh ngọt ở tiệm cao lâu của các chú người Quảng Đông.

Tôi còn nhớ mãi rằng hồi đó, tôi đã biết thích cái không khí náo nhiệt của trà đình, của tửu điếm. Nhưng thích lui tới tiệm ăn là một chuyện và sành sỏi khi ăn uống và hô hầu sáng lại là một chuyện khác. Muốn cho quen được phong tục ở nơi này, hẳn không phải chỉ một đôi lần lui tới mà khách còn bờ ngõ đã mong có những cử chỉ và ngôn ngữ thông thạo. Tôi cố làm ra bộ sành sỏi mà thực ra, nhiều khi tôi chỉ thấy tôi do dự ngượng nghịu trước những thực đơn đầy những món ăn mà tên gọi có vẻ "kiếm hiệp" hết chỗ nói. Tôi muốn lấy giọng đồng dục, mỗi khi gọi hầu sáng chế thêm nước sôi. Tôi càng thấy tôi lúng túng và không "oai" một tí nào cả. Tiếng nói của tôi chưa tới thời kỳ "vỡ" của tuổi dậy thì! Vả chăng, ăn uống thì dè dặt, mỗi lần không quá ba hào. Mà nào có phải một mình tôi: hôm nào cũng có hai hoặc ba "bạn trẻ" muốn tập sớm những phong tục của người lớn. Mà hôm nào cũng chỉ có một ấm nước trà và ít cái bánh trứng gà hay bánh cứt. Hôm nào hú họa mà đủ tư cách là sang được, muốn ngả bữa trà ra mận, thì giới lắm lại thêm bát mận thán sẽ ra bát con cùng mấy người "bạn trẻ" nếm chung. Như thế đã thành một cái lệ. Hình như người ta leo mấy chục bậc thang âm đầy khói và nhòn nhòn như có bôi mỡ lên gác hiệu Viễn Lai Lâu (một hiệu

lớn và có tiếng) chỉ ăn và uống có thể thôi.

Thậm chí, có tên hầu sáng vô lễ mỗi lần thấy chúng tôi vào bàn, đã dám hỏi một cách ngạo nghễ:

- "Hôm nay các cậu có lấy thêm mần thán không?"

Lúc ấy, chúng tôi muốn thu hết thấy những cái gì gọi là tự ái ở trong mình và muốn cho nó phát tiết ra ngoài bằng một sự giận dữ to lớn. Cái tên hầu sáng kia thiếu lễ phép đối với khách hàng, dù khách hàng ấy là ít tuổi và ít tiền nữa, thật đáng nhận một bài học lắm chứ! Hắn cần phải trông thấy sự thịnh nộ của chúng tôi ít ra là một lần. À mà hắn lại còn dám gọi các bạn tôi và tôi là "các cậu". Chữ *cậu* có một nghĩa rất sang để chỉ những công tử, những con quan chẳng hạn. Nó còn một nghĩa chế nhạo nữa để chỉ những người "trẻ con". Tôi tự nghĩ:

"Hay là tên hầu sáng muốn nịnh chúng mình! Ý chừng nó muốn xin tiền diêm thuốc"

Nhưng trong bọn này có đứa nào là con quan đâu, dù rằng nghĩa chữ *quan* bây giờ có cái phạm vi rộng lắm? Như thế thì mình không vin được vào cớ gì để tự an ủi mình với chữ *cậu* dùng theo nghĩa thứ nhất. Còn cái nghĩa thứ hai. Mình thừa biết mình chưa có thể nào "người nhớn" được. Cứ liếc mắt soi mình vào tấm gương có chạm tích "Anh hùng tương ngộ" của hiệu nó treo ở tường kia thì biết. Và ngói ở trên chiếc ghế đầu bằng trúc tàu, bỏ thông chân xuống sàn gạch hoa, có thấy chân dẫm sát được tới nền gạch hay không thì biết. Mình vẫn biết mình "trẻ con" đứt đi rồi.

Nhưng ở những nơi "ăn chơi" như thế này mà bị khinh là "cu ngấu" thì không có gì phiền bằng? Ăn sẽ mất ngon, chơi sẽ mất tự nhiên. Ta phải nghĩ cách thay đổi cái tình thế này! Không thể như thế được! Nếu không thì chỉ còn có một cách là đừng có lai vãng đến những nơi hội họp của các bậc cha anh hoặc là tìm đến những xứ nào có những tiệm ăn lập riêng để nhận những bạn hàng "mô trắng". Cái

bề ngoài của yên kỹ nhiều khi lợi hại là thế.

Hồi ấy, đã có dạo đến hai ba tháng chúng tôi không để chân lên gác Viễn Lai Lâu. Mỗi khi trong túi súng sêng ít hào, chợt có nhớ tới cái phong vị cao lâu, tôi cũng chỉ đánh nhớ vậy thôi. Cứ nghĩ đến những lúc bề miếng bánh ngọt, nhấp chén trà hay xúc bát mần thần mà lại có cái cảm giác rằng đằng sau lưng mình có tên hầu sáng kia đang khoanh tay ngắm nghía mình để làm một trò đùa rẻ tiền với những hầu sáng khác, thì mất hết cả "nhuệ khí" đi rồi, còn định đi ăn uống cho ngon lành thế nào được nữa! Trừ phi khi nào người ta không còn biết làm gì với xu hào sẵn có thì mới đi chơi như vậy. Tên hầu sáng kia thực đã giết mất cái thú đi ăn cao lâu ít tiền của bộ dạ dày non, của anh thư sinh thích chơi lối người lớn tuổi.

Rồi tôi thấy tôi nhớ, nhớ những cái gì mà tôi thấy thiếu. Vì nhiều lần, cũng mua trà về pha, cũng mua bánh ở hiệu ấy về ăn, tôi thấy nó lạt lẽo, lạt mất cả chân vị. Phải, ai mua được và mang được về nhà riêng mình cái không khí đặc biệt của hiệu cao lâu? Trước tôi thường hay hỏi tôi rằng sao lại có những người cất công đi hàng mấy phố, đến đây ăn một bát mì nước rõ thật chậm chạp. Ngày nào cũng thế, họ không biết chán hay sao? Liệt cái việc ăn một bát mì vào thời biểu nhất định của một ngày, há chẳng là một thứ hành dịch? À đến bây giờ tôi mới hiểu. Đến bây giờ tôi mới hiểu rằng đi ăn uống ở tiệm, ngoài cái việc cho tì vị đỡ đói khát, nó lại còn có những cái thú khác nữa. Ở đây, trước khi mình ăn cái phần của mình gọi, mình đã được hưởng bao nhiêu hương vị của các phần ăn khác từ ở lò bếp đồ rục bốc hơi ra thơm phức, từ các bàn ăn chung quanh vui vẻ, đáng thèm thuồng nó tỏa ra đầy phòng. Còn gì thích mắt bằng được trông thấy nhân loại lúc ăn uống. Trong khi người ta phải làm những việc rất cần, rất thiêng liêng này của động vật chung quanh những bàn la liệt đĩa đồ ăn đầy ụ bốc khói, thực khó mà tìm được những bộ mặt khác khổ. Đứng trước món ăn, vào giờ ăn, người ta không vui vẻ thì còn đợi đến lúc nào? Và sau một bữa chén đầy đủ, ngon lành, những

tư tưởng của con người ta phần nhiều là lạc quan cả. Ngồi gần nhau trong một buồng ăn uống, người ta nhiều khi tha thứ cả đến ông hàng xóm khác bàn ăn uống ồn ào mà trong những trường hợp khác không bao giờ mình dung. Rồi người ta dễ dãi quá đến quên cả thói quen riêng của mình và thành ra có độ lượng đối với mọi người, trong cái bầu không khí rượu ngon, dề hèo. Ngồi lẳng lẳng dùng xong cái phần mình với sự chậm rãi của kẻ ngheo biết quý và rõ cái giá trị của bát cơm, miếng thịt, người ta đã hiểu một cách thấm thía những bài học to tát về sự sống khi trông thấy các ông bụng phệ, cái cổ liền với cái đầu thua tóc có những hai ba chiếc cằm, ăn bằng hai người, uống bằng bốn người đồng tịch rất thân mật, và bàn đến việc đời, thì cho cái gì cũng là dễ cả và có việc gì khó khăn mấy cũng đều trao lời hứa hẹn một cách quả quyết. Ôi! Tôi muốn trọn đời chỉ trông thấy nhân loại trong lúc ăn uống no say.

Hóa cho nên đối với quán rượu, tôi đã vướng phải bệnh tư quy từ cái tuổi ấy. Tôi không thể ly dị với hiệu cao lâu được, dù rằng vào hồi ấy, tôi không có đủ uy danh về tiền tài và niên kỷ.

Đối với tiệm cao lâu, tôi đã vướng phải bệnh tư quy mất đi rồi còn gì nữa!

Sau một hồi băng đi hai ba tháng, tôi đã quả quyết trở lại hiệu Viễn Lai Lâu, trở lại với những phong tục cũ dùng nước, bánh ngọt và mần thẩn. Nhưng tôi đã phải tìm một người bạn đỡ đầu đúng tuổi, thông thạo, đi với tôi đến đâu cho có vây cánh. Thì tôi đã tìm được một người xứng đáng: anh Phúc Cáo. Anh là cựu sinh viên trường tôi, đã thi ra những mấy năm nay rồi nhưng không lần nào đỗ được bằng Cao đẳng tiểu học cả. Hiện bây giờ anh nằm nhà, với ngày tháng nhàn rỗi, làm con ký sinh trùng của đại gia đình để vắt tay lên trán tự hỏi nên đem cái tuổi trẻ kia phụng sự những cái gì. Tôi đã chân thành tìm tới anh Phúc Cáo, vỗ mạnh túi cho xu hào kêu lèng kèng vào bảo anh:

- Anh đừng nên phàn nàn là bắt đắc chí mãi. Tròn sinh ra người có tài lớn là để dành đến những việc lớn. Có cái là chông hay chày dò mà thôi. Trong khi chờ đợi lúc đại dụng, anh nên vui lòng đi chơi với tôi và chỉ bảo cho tôi những cái vật vật ở đời và nên tiến như thế nào và nên lùi như thế nào. Đó cũng là một cơ chính đáng để anh dùng tạm những cái tài nhỏ vậy.

Tôi ngộ ý với anh Phúc Cáo muốn mời anh đi hiệu uống nước. Anh đã làm cho tôi vừa lòng vì sự trả lời thành thực và sốt sắng.

Tôi không cần phải giới thiệu anh Phúc Cáo. Còn ai lạ gì anh ở phố Hàng Song tỉnh Nam nữa. Cái tên của anh đến bây giờ vẫn còn có quyền thế ở những chỗ ăn chơi. Cái tên đó có kèm chữ "Cáo" cũng đủ nói nhiều lắm rồi.

Lần ấy tôi đường hoàng dẫm mạnh cầu thang, khoác tay anh Phúc Cáo trở lại tiệm Viễn Lai. Tôi để cho anh toàn quyền ra thực đơn. Tôi chỉ ngồi để rình xem cái tên hầu sáng kia có còn dám vô lễ nữa không. Anh Phúc Cáo hôm ấy đã chẳng phụ lòng tin cậy của tôi một chút nào. Người ta có thể bảo rằng Phúc Cáo đang làm như ở nhà anh ta vậy. Tiếng nói ồ ồ "cấm" như tiếng người thượng quốc, anh gọi hầu sáng nhiều nhất trong mấy chục khách ăn có mặt tại hiệu. Hầu sáng thay nhau hai ba đưa chạy cứ tiu cả lên, hễ chạm một tí là anh chửi ngay bằng tiếng Quảng Đông. Cả cái tên hầu sáng ngày nọ dám lếu với tôi, hôm đó cũng bị mắng như tát nước vào mặt. Mà hẳn tịnh không dám cãi lại. Tôi sừng thâm trong bụng. Ô, có thể chứ! Sơn ăn tùy tùng mặt chứ lại! "Hồi tên hầu sáng kia ơi! Ta chỉ ngồi nhìn suông mi bị bạn ta hành hạ là cũng đủ no lòng mát ruột rồi, có lẽ không cần phải ăn uống gì nữa!". Nhưng không, đâu mà lại dễ dàng như thế; người ta phải phi đi một số tiền khi đã rửa xong một cái nhục (nếu tôi có thể gọi cái việc bị hầu sáng dè bêu mình là một cái nhục). Hôm ấy tôi đã giục khế anh Phúc Cáo gọi thêm thức ăn.

Ăn uống rất hùng dũng, anh Phúc Cáo phồng má tròn mép, vừa

nhai ngồm ngoàm, vừa bảo tôi:

- Đối với chúng nó phải to mồm mới được. Cái quán bát đấng ấy chỉ có tiếng sét lớn và mũi giấy là bảo được thôi.

Tôi nhìn anh Phúc Cáo một cách khâm phục, và tôi cho những lời anh xét đoán bọn hầu sáng như thể cũng còn là khoan hồng. Hôm ấy tôi ăn thấy ngon hơn mọi ngày. Cùng đi ăn mà được ngồi gần người ăn uống mạnh bạo, mình được cái lợi là ăn nhiều hơn mọi ngày. Và tôi đã mạnh bạo cả đến cái dáng điệu ngồi ở buồng ăn. Tôi đã dám nhìn ngang nhìn ngửa, nhìn chòng chọc vào hết mặt người này đến mặt người khác như người của sở Mật thám đang cố tìm một hình ảnh của phạm nhân nào đó. Tôi vừa xĩa răng, vừa chân đá ống chân anh Phúc Cáo, mắt liếc sang bọn ngồi gần đấy, vừa bảo anh Phúc:

- Anh thử đoán già xem trong bọn kia, tí nữa đứa nào sẽ làm khổ chủ trả chỗ tiền ăn?

Anh Phúc Cáo không để ý đến câu hỏi mà tôi tự cho là lý thú lắm. Anh vừa lẩm bẩm tính miệng vừa nhìn các đĩa không ở bàn ăn. Anh bảo tôi:

- Hết bảy hào sáu. Phải rồi, bảy hào sáu. Mình phải tính lấy. Không có chúng nó hay xương bậy lắm. Phải lâu; tội hầu sáng nó hay bắt quých thiên hạ lắm đấy.

- Ê, hầu sáng, *cai sin* à!

Anh Phúc Cáo lấy ít tăm Nhật Bản bỏ túi đứng dậy. Tôi cũng bắt chước, dốc nốt đĩa tăm vào túi, theo anh xuống thang.

Lúc xuống tới quầy hàng trả tiền, chúng tôi quay lại thấy tên hầu sáng cũng xuống theo, mồm vừa hô thật to:

- Cầu hầu lục!

Anh Phúc Cáo sùng sộ:

- Cái gì mà chín hào sáu?



Chính tên hầu sáng ngày nọ gọi tôi là cậu, tìm tìm trả lời anh Phúc Cáo:

- Thưa cậu, đây là cả tiền cái đĩa con cậu lấy. Nó là đồ sứ Giang Tây, mua ngoài cũng phải hào rưỡi một.

Tôi nhìn anh Phúc Cáo rồi lặng thinh đặt lên mặt quầy hàng đồng bạc giấy. Chú Khách bụng lồi rốn, trả lại bốn đồng xu và một nụ cười khó chịu cho chúng tôi.

*Đông Dương tạp chí số 26 (6-11-1937)*

## MƯỜI NĂM TRỜI MỚI LẠI GẶP CỐ NHÂN

**T**rong một hàng cà phê nhỏ, dọn lộ thiên trên một miếng đất bỏ không ở đầu cầu Đất, có hai ông khách quây cà phê rất thông thả, chốc chốc lại đặt cùi đĩa xuống để nhìn trộm nhau. Họ ngồi trong hàng, cách nhau đến ba chiếc bàn con. Họ nhìn trộm nhau mãi, và mỗi một lần người nọ nhìn trộm người kia xong thì lại mơ màng nhìn vào quăng không. Cứ trông những vết răn trên trán họ và cặp mắt nheo nheo sau làn khói của điều thuốc lá đã dài tàn, thì người ta phải hiểu rằng họ đang có những điều nghĩ ngợi lớn. Đã đến mấy lần, hai người bắt gặp nhau cùng làm cái việc liếc trộm có lúc rất kín đáo, có lúc rất sỗ sàng. Họ đều nhận thấy như thế là thiếu lễ phép ở chỗ công chúng, như thế là ngụ một ý gian. Nhưng họ biết làm thế nào?... Những cái liếc mắt trộm cứ trao đi, đổi lại từ bàn trong ra bàn ngoài, từ ông khách mặc tây sạch sẽ ở ngoài vào ông khách mặc tây cũ kỹ ngồi trong.

Bỗng ông khách ngồi trong đứng dậy, sóc lại bộ quần áo dạ cũ đã bóng nhoáng cùi tay và đít quần, tiến ra phía ngoài hàng, đến trước mặt người nhìn trộm mình ban nãy. Với một giọng nói khê khàng và một nụ cười rụt rè của con người giao thiệp, ông ta khom mình bắt đầu nói với người ngồi đây cũng đang trân trân nhìn lại.

- Thưa ông, tôi hỏi thế này khí không phải, tôi trông ông quen lắm. Nếu tôi không lầm, thì ông là ông Cầu.

Ông khách ngồi ngoài bây giờ mới đứng lên, vẻ mặt sang sủa và tươi tỉnh thêm ra vì ông đã nhận thấy cái tiếng nói này nghe cũng quen lắm. Và chỉ trong giây lát đủ thời giờ để cái nắm tay lên trán và bỏ tay xuống, ông ôn vã trả lời:

- Ông Đạm? Anh Đạm?

Một tiếng cười ròn làm cho một ít thực khách ngồi trong hàng cà phê phải nhìn ra. Điều nhanh như người có quyền thuật, hai người nắm lẫn lấy bàn tay nhau một cách mạnh bạo. Cái bắt tay sốt dẻo, kéo lâu trong mấy phút của hai người chỉ mới nói chuyện được với nhau bằng mắt, đủ tỏ cho người chung quanh đó biết rằng đây là cái dấu hiệu của một tình bè bạn thân mật bị gián đoạn đã lâu ngày. Đạm không đợi Cầu mời, vội kéo ghế ngồi dạng chân.

- Trông anh độ này đây hơn ngày nọ và nét mặt trông "phong trần" lắm. Cho nên lúc mới thoát thấy, tôi chỉ ngỡ ngợ. Tôi ngồi để ý nhìn mãi, lúc nhận ra được cái bộ điệu của anh như lúc ngâm thơ gõ díp giày và thứ nhất là dụi lia lia tàn thuốc lá, tôi mới dám đánh bạo ra hỏi...

- Thì tôi cũng thế. Tôi cứ định lắng tai nghe xem anh có nói với nhà hàng câu gì không, để nhận tiếng. Giá anh không lại hỏi tôi, tôi không nghe lại tiếng nói của anh thì hôm nay đó làm sao cho gằn lại được bạn cũ. Cái cường ký của tôi thuộc về thính giác.

- Thế ra chúng ta đều thay đổi nhiều đến thế kia à! Một nghìn chín trăm hai mươi tám. Mười năm!

- Bây giờ anh làm gì ở Hải Phòng? Anh ở ngoài này?

- Phải, đã mấy năm nay. Làm cho Tây buôn. Thế còn anh? Anh ở ngoài này đã lâu chưa? Tôi ít đi đâu, nên không được gặp.

- Tôi đi qua Phòng thôi. Tôi bây giờ làm nghề "chạy hàng sách". Bất cứ cái gì cũng làm. Lần này rủi quá, người có hàng ở ngoài này lại vừa lên Hà Nội tìm tôi. Tôi phải ngược ngay để đuổi theo họ. May

gặp anh, không có từ giờ đến 9 giờ rưỡi ô tô ray mới có, thì bực mình và sốt ruột đến chết.

- Anh lại ngược Hà Nội trong đêm nay? Dù có gặp tôi? Tôi muốn giữ anh lại ít ra là một đêm. Nếu việc có cần lắm, thì mai anh đi sớm cũng kịp chán. Chúng ta phải cần một đêm trọn mới đủ để nói chuyện và ôn chuyện.

Cầu viện một vài cơ để đòi đi cho được chuyến ô tô ray. Đạm, lừ lừ cặp mắt, đầy vẻ trách móc, nói rất cảm động:

- Có thể như thế được chăng? Anh nhất định đi ngay? Làm lỡ công việc của anh, tôi không dám, vì nhiều khi tôi cũng đã hiểu rằng trong đời khó khăn phải đặt công việc làm ăn lên trên mọi tình cảm. Nhưng như thế này, thì cũng có điều tủi cho chút tình cố giao.

Ở hàng cà phê ra, Cầu và Đạm đi sát nhau và không nói một câu gì. Đến gần trại lính khố xanh, Đạm mới bắt đầu nói:

- Giá anh lùi lại đến sớm mai hãy đi thì thích quá. Anh về ăn cơm với tôi. Lâu lắm tôi không được uống rượu cùng anh.

Cầu không trả lời. Cầu còn bận nghĩ có nên ở lại với bạn một đêm hay là cứ đi cho được việc mình. Đi thì phải hỏi hận nhiều, vì đã coi rẻ cái tình cũ của bạn gặp mình rất niềm nở, mà ở thì không đành lòng với công việc làm ăn chưa ngã ngũ ra sao. Cầu cho cũng hơi khó nghĩ; nhưng việc khó đến đâu mà chẳng có một giải quyết. Cầu tự nhủ rằng: "Đêm nay nên ở lại với Đạm. Công việc kia nó sẽ kết quả như thế nào không cần biết vội. Mà dù có hỏng việc đó chẳng nữa, thì cũng là một sự "hy sinh" về thương mại trước cái tình bằng hữu thiêng liêng. Ở đời, mấy khi người ta có dịp làm được những việc hy sinh như thế". Cầu thấy vui vẻ trong bụng khi nghĩ đến chuyện thiết thòi ấy và tươi tỉnh bảo Đạm:

- Ủ, tôi ở lại. Anh đã bằng lòng chưa?

Đạm lấy làm vui sướng, khi nghe bạn thay đổi ý nghĩ mà chàng

không ngờ. Chàng sướng quá, quên hẳn đi rằng đây là giữa phố.

- Có thể chứ. Thôi chúng ta gọi xe thôi. Nhà ở hơi xa. Ở gần quán Bà Mau kia đây. Nhà chật, bừa và tôi lại ở chung với hai chủ nữa. Tôi không có khiếm tốn chút nào khi tôi nói: "mời anh về chơi và nghỉ ở tệt xá". Tôi cần phải nói trước cho anh biết rằng nhà tôi ở thực là một cái "tệt xá", để lúc tới nhà, anh đỡ phải ngạc nhiên trước một cảnh tồi tàn...

- Anh Đạm, việc gì anh phải nói như thế. Tôi không bằng lòng. Anh hiểu tôi là một người thế nào?

- Anh tưởng tôi đùa sao? Thực đây, anh không thể tưởng tượng được Đạm cùng khó đến như thế. Đối với anh tôi không phải lấy làm ngượng nghịu khi tôi cho anh được chứng kiến cái cảnh phú quý giật lủi của tôi.

Ngồi chung với bạn trên chiếc xe tay lăn bánh trên con đường Lạch Tray, Cầu bắt giác nhìn bộ quần áo tây cũ và đôi giầy cũ, để cao su sồng của Đạm. Đạm nghèo túng rõ lắm rồi, giầy và quần áo kia đủ "tố cáo" sự thiếu thốn của Đạm và Cầu càng lấy làm tự hào khi chàng nghĩ rằng chàng đã có một người bạn tín nhiệm ở sự thành thực của chàng đến nỗi quên cả lòng tự ái - lòng tự ái của con người ta trong lúc thất thế.

Cầu ái ngại cho bạn và tự nhủ lòng rằng đáp lại bụng thành thực của bạn cũ và nghèo, chàng cần phải thận trọng từng câu nói, từng cử chỉ và trong khi ở nhà Đạm trọn đêm nay, đang vui vẻ đến mười phần, hình như là chàng không nhận thấy những điều kiện vật chất của một cuộc đời eo hẹp, khó khăn.

Ấy thế rồi Cầu đã tranh lấy việc trả tiền xe, theo Đạm tiến vào một chiếc nhà gạch hẹp bề ngang và sâu lòng, ở xế cửa nhà Bưu chính Hàng Kênh. Nhà cửa tối om om và lạnh lẽo tuy ở phía trong le lói mấy ngọn đèn hoa kỳ và lấp loáng dăm bảy hình người. Đạm mồm bảo Cầu ngồi tạm xuống bộ ngựa, tay đánh diêm châm đèn.

- Tôi nói không ngoa đâu, anh đã nhận ra đây là "tệ xá" chưa? Ở trong kia là ba gia đình của hai người ở chung với tôi. Tôi tưởng nhà, ở ngoài này gần cửa, đi về nó tiện.

Cầu sợ bạn ngược, vội nói chữa:

- Anh ở thế này cũng xinh đấy. Chỉ phải cái đi làm hơi xa thôi.

Rồi Cầu tò mò một cách kín đáo nhìn chung quanh chỗ mình ngồi, và nhìn vào phía trong. Chẳng nhận thấy ba gia đình ở chung với nhau mà chỉ có những bức màn mỏng ngăn "địa giới" và chia ra từng khu một. Trên nền đất mịn của mỗi khu, mỗi nhà đều bày một bộ ngựa và một cái bàn. Sự nghèo túng ở dưới mái nhà này, hình như đã dạy cho họ theo một lối bài trí giản tiện và giống nhau. Cứ cái cách chung đưng đó với sự bày biện liên tiếp nhau kia thì những câu chuyện của một gia đình lên tiếng than trách số phận lúc đêm hôm, dù khê khàng đến thế nào, cũng đều lọt vào tai "hàng xóm" ở cuối giường mình và đầu giường mình. Nhưng, sự "thực thà" của cảnh nghèo đã bày ra đủ mọi vẻ như thế rồi, thì họ còn có điều gì phải úp mở, giấu diếm, màu mè cùng nhau nữa?

Cầu vòng tay vào đầu gối của chiếc chân bắt chéo chữ ngũ, nhìn bạn "làm" đèn; có tiếng guốc lẹp kẹp từ trong sàn trong đi ra và tiếng đàn bà khàn khàn, nói nheo nheo.

- Gớm, sao chả để chốc nữa hãy về. Hẳn lại gặp các "bố" lỏi vào hàng con mẹ Mít phải không? Ngày mấy hôm nay, ngày nào nó cũng cho người xuống hỏi tiền rượu và thuốc lá đấy. Làm tốt vừa vừa chứ!

Cầu đưa mắt, hỏi bạn. Người đàn bà đẩy đà có cái giọng đay nghiến ấy cũng vừa tiến ra đến nơi nhìn chòng chọc vào Cầu. Đạm để chiếc đèn ở giữa giường, nhìn về phía Cầu, giới thiệu:

- Nhà tôi.

Đạm lại quay sang phía vợ, nói luôn với giọng ôn tồn:

- Đây là bác Cầu, một người bạn rất thân không gặp đã lâu lắm.

Bác đi qua Phòng, tình cờ gặp nhau, tôi mời bác về ăn bữa cơm dưa với chúng ta. Mình dọn cơm đi, đói lắm rồi.

Cầu thấy lúng túng, chàng vội đứng dậy thì lễ:

- Lạy bác.

Đạm chăm chú nhìn vợ mọi vẻ hiền từ, hình như van lơn và mong đợi vợ mình nói lên một vài câu dễ dàng, xởi lởi khi chàng đã trót nhỡ, trong lúc cao hứng, làm cái việc bất thường là dẫn bạn về ăn ngủ ở nhà. Vợ Đạm nét mặt vẫn cứ sa sầm xuống như lúc mới ra.

- Không dám.

Nói xong câu đó một cách khô khan nhạt nhẽo, bác Đạm gái nguây nguẩy, lê guốc đi vào. Đạm thấy phiền lòng, cùng theo ngay vợ vào trong, lấy ra đồng hào con đáng lẽ phải tiêu vào chỗ cà phê ban nãy mà Cầu đã nhận trả cả. Đạm hỏi vợ rất khẽ:

- Có gì ăn không?

- Còn không biết hay sao? Cơm chỉ có dưa và tép rang. Chiều nay vừa mượn bà Tịnh trong nhà được bơ gạo mới có cơm đầy. Không có bà ấy, thì treo miệng lên.

Đạm vẫn cố giữ vẻ hiền từ, tay đưa hào cho vợ, miệng nói:

- Đây mình cầm tiền mua lấy 5 xu tiết canh. Còn thừa, chốc mình ăn đỡ quả bánh gì vậy. Mình nên biết không mấy khi bác ấy ra chơi, kéo được bác ấy về nhà như thế này là quý lắm đấy.

Vợ Đạm lãnh đạm cầm lấy tiền với một tiếng thờ dài, vung vẳng ra đi với bao nhiêu nỗi miễn cưỡng và giận dữ. Đạm cố tin rằng như thế cũng không có hề chi và tí nữa chàng vẫn đủ lạc quan ngồi ăn uống chuyện trò cùng bạn cố tri. Chàng trở ra với bạn, thấy bạn có chiều nghĩ ngợi, liền khua tay nói huyên thuyên:

- Anh nghĩ gì thế? Anh còn đợi gì mà không bỏ giấy, bỏ áo ra. Hay là vẫn nhất định về ngay Hà Nội?

- Ai lại như thế. Tôi phải ở lại uống với anh một bữa rượu "trùng

phùng" cho say chứ.

Cầu nói, cười, bỏ quần áo cho yên lòng bạn. Nhưng chính thực ra thì dưới cái bề ngoài hỉ hã, Cầu đang bận tâm nhiều lắm. Đạm đã bị bạn lừa dối về tình cảm trong phút này và chàng vui vẻ ngồi đợi vợ mang đồ nhắm về.

Đạm thấy Cầu tháo xong đôi giày tây, đế và gót mới mòn có một tí, chàng ngắm nghía một cách thèm thuồng và so sánh nó với đôi giày đế cao su sống đã thủng rách của mình. Không biết chàng nghĩ thế nào mà lại đem xỏ chân mình vào giày Cầu ướm và ngắm mãi. Cầu ngả lưng ra bộ ngựa và hỏi:

- Chị ấy làm bạn cùng anh đã lâu chưa? Quê chị ở đâu anh nhỉ?

- Ba năm. Nhà tôi ở Phụng Bóp.

- Phụng Bóp? Cầu vừa hỏi lại, vừa liên tưởng nghĩ đến cái dáng điệu cục cằn và ngôn ngữ thô bỉ của bác Đạm gái và đoán già rằng một làng có cái tên như thế hẳn phải sản xuất ra những người như thế.

- Chính chữ Hán thì gọi là Phụng Pháp. Hồi trước tôi dạy tư ở làng Phụng Pháp, ốm một trận suýt chết, nếu không có nhà tôi bấy giờ thì cũng nguy. Tôi cảm cái ơn săn sóc thuốc thang ấy nên lấy về làm vợ...

Câu chuyện gia đình mới kể có đến đây thì Đạm đã thấy vợ về; chàng vội đứng dậy, với lên cái xích đồng lấy chai rượu con ở ban thờ "Tiền chủ, Hậu chủ". Cầu cũng không tiện hỏi nữa vì mâm cơm đã bung ra. Đạm mời bạn nên ăn cho thực thà và nhìn trộm vợ đang so đĩa. Cầu ngạc nhiên thấy có hai đôi đĩa thôi và khẩn khoản mời cả bác Đạm gái ngồi ăn luôn thể. Bác Đạm gái không nói lại được một tiếng, thành thử người chồng đang cần nịnh vợ kia phải đỡ lời:

- Nhà tôi thường hay ăn trước tôi. Anh cứ tự nhiên.

Ấy thế rồi bữa rượu đơn bạc được chủ và khách chiếu cố đến một cách quá tự nhiên, đến nỗi đĩa tép rang cũng theo bát tiết canh biến thành món nhắm rượu và đã trơ cả lòng "con phượng" ra từ lúc



nào. Rồi hai người bạn cố tri trong khi gặp lại nhau, trong lúc gạt gù chén tô chén bát, đã nhắc nhở lại cái hồi hai người còn là bạn học một trường ước hẹn với nhau sẽ đi chung một con đường tương lai, đã lên tiếng trách nhau sao không năng có thư từ đi lại để than phiền với nhau rằng cuộc đời xoay mau quá chốc đầy đã mười năm, và khen lẫn nhau rằng như thế mà còn được lành mạnh cả là một điều đáng mừng. Thấy câu chuyện đang vào giữa lúc cao hứng, thấy chai rượu mới cạn được hai phần ba mà đồ ăn không còn, Đạm vụt nhớ vợ còn ít ra là năm xu và đoán chắc chưa dùng đến, chàng vội bảo vợ chạy đi cho thật "ba chân bốn cẳng" mua bát tiết canh nữa. Bác Đạm gái nhìn chồng, lộ hết vẻ nguyên rủa ra cặp mắt. Nhưng thấy chồng trừng mắt, nàng đã phải hậm hực đi ngay để tiêu nốt chỗ tiền còn lại cho vừa lòng kẻ uống rượu dở mồm. Rồi bữa cơm ấy đã kết liễu bằng tảng cháy ròn dùng làm đồ tráng miệng. Cầu đã không từ chối cả đến miếng sém do tay bạn ân cần đưa mời với một câu:

- Anh ăn cho thật miệng.

Bữa cơm ấy, Cầu đã ăn hơn những bữa thường lệ ở nhà, tuy đồ ăn hôm nay chẳng có gì và gạo thì lẫn cả thóc và lổn nhổn những sạn, vì chàng sợ nếu mình ăn uể oải thì bạn sẽ tủi lòng và cho là mình chê mâm cơm đạm bạc.

Lúc mà hai người đã xĩa răng uống nước, nằm song song trên giường phì phèo điều thuốc lá thì bác Đạm gái cũng cúi xuống dưới bộ ngựa, gạt mạnh những bó củi đóm đánh "suỳnh" một cái, lịch kịch kéo chiếc chõng tre ra gần phía liếp để dọn chỗ ngủ. Và lúc mà bác Đạm gái gần tắt phụt ngọn đèn, bác không quên nhận rõ chồng mình nằm trong và bạn chồng thì nằm ở phía ngoài. Đạm còn dặn vợ:

- Sớm mai, mình đánh thức tôi dậy sớm để đưa bác ra tàu, nhớ nhé!

Bác Đạm gái không những đã không trả lời chồng mà trong bụng lại còn chứa đầy vẻ căm hờn. Bác đoán thế nào bạn chồng cũng phải ra sau đi tiểu và lúc ấy bác sẽ thừa dịp vắng "ông quý khách"

trong giấy lát để cho chồng mình một trận... Bụng bác nôn nao cồn cào. Tiếng chõng tre kéo kẹt họa với sương đêm thu rỏ giọt ngoài thềm. Bỗng có tiếng ai đang quơ đôi giấy tây ở mặt đất. Bác sẽ nhòm dậy nhìn kỹ về phía giường cử động, rồi tiếng giấy tây lộp cộp đi vào nhà trong. Đúng rồi, ông khách quý hóa đã rời được chồng mình ra để đi giải. Bác Đạm gái còn đợi gì mà không trả thù ngay cái thù chồng mình hiếu khách đến nỗi bắt mình nhịn đói.

Bác vợ lấy cái nồi đồng con thối cơm ban nãy chưa ngâm nước mà bác đã định tâm cất xuống dưới chõng tre, bác chạy mau lại phía giường, cọ mãi dít nồi vào mặt người nằm đấy và ghé sát miệng vào tai người say rượu nằm đấy, nói phào phào rất nhanh:

- Này tiết canh, này sém... Đã sướng chưa? Mai lại kéo vài người về đây bày ra ăn uống nữa để cho gái này nhịn nhá!

Bác Đạm gái còn đay nghiến nữa, và cọ đi cọ lại dít nồi vào người nằm đấy, nếu từ nhà trong bác không nghe thấy tiếng người đi giấy tây lộp cộp tiến ra. Bác lại vội chạy ra nằm ở chõng tre. Bác lấy làm hả dạ, bình tâm ngáy một nhịp khò khò. Đêm thu ở con đường Lạch Tray vẫn im lìm. Nhưng nếu có một người nào phải trần trọc trong đêm ấy với nỗi canh trường tư lự, thì người ấy là Cầu. Cầu đang dùng khăn mùi soa thấm vào nước trong tích nước để lau những muội nổi trên làn da mặt bị nhọ và xây xát. Chàng nằm lắng canh gà gáy và bụng bảo dạ: Minh hiếu câu chuyện rồi. Minh đã bị nhầm là anh Đạm. Ai bảo người bạn đáng thương hại của mình tự nhiên lại đổi chỗ cho mình bò ra ngoài nằm làm gì? Ai bảo anh Đạm xô vào giấy tây của mình mà đi tiểu? Ôi, vợ với con. Câu chuyện này, sống ta để bụng, chết ta mang theo đi, cho anh ấy biết làm gì cho thêm tội nghiệp.

*Đông Dương tạp chí số 34 (1938)*

## ĐÔNG PHƯƠNG LÀ ĐÔNG PHƯƠNG TÂY PHƯƠNG LÀ TÂY PHƯƠNG

Ông Hồ là người thuộc về lớp cũ. Ông đọc chữ Hán, viết chữ Hán, nói cũng nhiều khi chữ Hán nữa. Ở vào cái thời đại quý trọng kinh tế, ông cũng bắt chước thiên hạ đi buôn. Và ông đã có ý dọn một cửa hàng thuốc bắc ở giữa đất văn vật vì ông Hồ tin rằng đã không buôn bán thì thôi, chứ muốn cạnh tranh thì phải chen ngay vào những nơi đô hội như Hà Nội này thì mới bổ công. Ấy thế rồi cửa hiệu bào chế của ông Hồ, với mấy vạn pháo cối toàn hồng nổ liên thanh trong mấy tiếng đồng hồ, đã ra đời để chào người thành thị ốm đau phải cần đến thuốc thang.

Chủ nhân được phòng khéo giao thiệp nên trong hàng lúc nào cũng đen đặc người ra vào. Những khách thường ngày lui tới hiệu ông Hồ, chia ra làm hai hạng. Hạng thứ nhất là hạng người bị sức khỏe lúc không đều bắt buộc phải tìm đến ông Hồ hoặc xin đơn, hoặc cân thuốc, hay mời đi thăm bệnh cho người nhà ốm yếu. Hạng thứ nhì là những người quen biết chủ nhân hoặc là ở nơi xa mới về thăm lại cho đỡ chút tình hoài vọng, hoặc ở chung quanh đấy có công việc phải đi qua cửa hàng, ghé vào trong chốc lát, uống một chén trà, hút một điếu thuốc lão và nói dăm ba câu chuyện phiếm.

Ngoài việc buôn bán, ông Hồ hay đá động tới lý và số. Lý và số, không biết ông Hồ có giỏi thực về những khoa đó không nhưng nhiều người đã có dịp khen ngợi ông không tiếc lời nói. Kể cho

đúng, nhiều người biết ông Hồ là nhà tương số hơn là một ông lang. Người ta đã tập nập đến hiệu thuốc bắc để nhờ chủ nhân xem hộ cho một cặp chân gà khô, đoán cho một lá số tử vi hay mời đi về quê *phúc* lại cho một ngôi mộ. Ông Hồ nhiều hôm đã bỏ cả dao cạo và thuyền tán, bỏ cả bạn hàng giục cân thuốc để vui vẻ tiếp những ông khách không biết kính nể cái giờ "làm việc ra tiền" của kẻ buôn bán. Nhiều khi họ cũng tự nhận thấy không biết điều, muốn cáo từ xin về, thì chủ nhân lại càng làm ra bộ vui vẻ hơn, nhất định không cho họ đi ngay. Không hề chi. Để nói nốt câu chuyện đã. Thì hãy uống xong tuần nước đã nào! Bạn hàng tôi, đã có tài phú.

Cho nên cửa hàng chỉ đông khách đến chơi nói chuyện phiếm. Và vì thế, trước kia họ đến chốc lát, thì bây giờ họ ngồi "chầy" ra đáy hàng giờ, cả buổi, rồi nếu gặp bữa thì có khi lại chén nữa. Và trước họ đến ít bây giờ lại đến đông! Nhiều khi họ hợp thành từng đoàn để đến thăm ông lang Hồ. Mỗi ngày họ lại giới thiệu với chủ nhân thêm một ông bạn mới.

Rồi, một ngày kia, cửa hàng thuốc bắc đông khách quá; đông đến nỗi chủ nhà trong phải lên tiếng mừng ông lang ở ngoài buôn bán có duyên giữ được nhiều khách đến nỗi nhiều khi họ phải thấy sự bất tiện của kẻ ở chung nhà mỗi lúc ra vào cứ phải luôn luôn nói một cách lịch sự với những ông khách ngồi mất cả lỗi đi:

- Thế này khí không phải, xin lỗi ông tôi ra một tí. Xin lỗi ông, tôi vào một tí...

Ông lang Hồ đành phải thuê nhà khác rộng hơn và có gác. Chủ nhân hiểu khách lại chiều khách nên cái gác này dành riêng cho bạn hữu, cửa phòng lúc nào cũng mở rộng. Trong phòng khách, trên sập sơn son người ta đã thấy ở bên cạnh điều bát, một chiếc đèn dầu lạc trông giống cái đèn ăn thuốc phiện thay cho cây đèn dầu tây mọi khi kêu ngọn chỉ bằng hạt đậu xanh.

Trong số bạn lại chơi nói chuyện với ông lang Hồ, một phần

bây giờ lại là những tân học, không biết một tí chữ nho nào cả. Ông Hồ vẫn tiếp như thường, nhưng nhiều khi ông thấy "nó thế nào ấy" vì nói đến chuyện nghìn xưa rút ở sách thánh hiền, dẫn đến cả điển cố ra mà họ vẫn không chịu hiểu những cái hay trong nền học cũ. Như thế mà có một bạn trẻ cũng tí toe dám nói đến sấm ký, mang những lời sấm của cụ Trạng Trình ra đố ông Hồ thì có bực không? Nhưng một ngày lại một ngày một người bạn, cái số bạn có chữ tây đã đến thời kỳ chiếm đại đa số. Có những buổi tối ông lang Hồ cao hứng muốn nói nhiều nhiều nhưng ông thấy các bạn của ông nói chuyện với nhau bằng tiếng tây cả, ông lại thôi. Ông không dám buộc tội họ nói tiếng tây trước mặt nhà nho là khiếm nhã, ông tha thứ cho họ và chỉ quy tội riêng vào mình đã chẳng biết dùng tiếng tây và từ đấy quyết chí học cho kỳ được thứ "tiếng gió" một chữ có mấy vần mà lúc ở miệng phát ra, có những âm thanh du dương và âm điệu dập dềnh như tiếng khúc nhạc Thiều. Sẵn những ông bạn giỏi Pháp văn cả, không nhờ họ dạy ngay chữ tây cho, thì ông lang Hồ còn đợi đến bao giờ mới học.

Có chí là việc gì cũng thành hết cả, ông Hồ tự nghĩ như thế. Từ hôm ấy, bác tài phú cũ kỹ cả người lẫn khối óc, tưởng ông chủ hiệu mình điên hay sao mà bấy nhiêu tuổi đầu rồi còn ê a, ngêu ngao học: "*lơ sô-lây* là mặt trời, *la luy-nờ* là mặt trăng; *lơ sanh-dờ* là con khỉ, vân vân..."

Ừ mà khỉ thực! Một người đứng tuổi, xù xù cái áo bông, ngồi xếp vòng tròn trên sập, bên chiếc văn ký, trong một cái buồng bày những cổ đỉnh, trông cao chát đống những bức tứ bình viết phú Xích Bích đủ tiền, đủ hậu theo kiểu chữ triện, những cây phật trần bằng lông ngựa trắng, những thanh kiếm bằng tiền đồng lịch triều kết lại, một người như thế, ở trong một gian phòng cổ kính như vậy mà ngồi đánh vần tây và chăm chú học tiếng một cứ bô bô lên, thì ai trông thấy và nghe thấy mà khỏi phì cười, nếu người ta không cho như thế là quái đản? Nhưng trước sự cầu học thành thực của chủ nhân, không

ai dám tỏ vẻ khô hài nữa; các bạn giảng bài tiếng một đã đúng đắn hơn, chủ nhân càng trịnh trọng học. Sợ ngày tháng thì đi mau, cõ học thì không có hạn và bạn thì thỉnh thoảng mới đến giảng bài một tiếng, bữa được bữa không, ông Hồ đã tìm cách để lưu bạn lại trong nhà được lâu để có thời giờ học chữ tây, học cho thật gấp để sớm đem dùng với buổi đời mới thiên hạ trọng dụng người có Pháp văn. Nho học đã đến lúc tàn cục thì cái giá nhà nho thực cũng rẻ như bèo. Ông Hồ tin mình có thể hiểu học đến đóng cửa tạ khách để học chữ tây, học không kể mọ dạ, nếu sinh kế không bắt ông phải dọn hàng và chia thời giờ.

Ông Hồ để buổi tối rồi việc hàng họ làm thời giờ học. Sẵn có chiếc đèn thuốc phiện, sẵn có khay sơn, ông mua thêm ít dụng cụ nữa, thì nghĩm nhiên ông đã có một bộ bàn đèn để giữ bạn ở lại chơi khuya. Tốn thêm tiền mua thuốc phiện, nhưng lại được bạn học nhiều và lại khỏi phải đi chơi đêm, chẳng nào cũng thế, ông Hồ đã tính chán ra rồi đấy. Chủ nhân quả là người sành khoa tâm lý, cái bàn đèn thuốc phiện kia từ hôm được đồ con bắc tấm dầu lạc, đã giữ được bạn ở lâu và còn chắc chắn hơn một trận mưa dầm.

Bạn ông Hồ trong thời kỳ này đến luôn luôn. Có người đến để thành thực dạy chữ tây cho chủ nhân. Có người đến đấy để nhờ ngọn đèn dầu lạc đọc một tờ tạp chí hay một cuốn sách, hoãn mượn cái gác được phòng ẩm cúng kia làm nơi tụ họp và gặp gỡ những bạn khác hay có mặt ở đấy. Nhưng hết thấy mọi người đều được chủ nhân hậu đãi cả, trong nhà thực phẩm có gì là ngon là lạ đều mang hết ra để chia sẻ cùng bạn. Chủ nhân lại còn dặn họ có bạn riêng, xin cứ đưa lại chơi để cho ông được hầu chuyện: ở đời, ngoài việc học chữ học sách, không những sở kiến là cần thôi, mà cần hơn nữa là sở văn mà lại! Các bạn đã đùa và riễu ông Hồ là người tham lam quá; đã nhiều chữ nho, lại còn kinh doanh, lại còn muốn giỏi chữ tây, và lại còn muốn biết rõ người đời và trò đời qua những điều từng trải của kẻ khác nữa. Ô, thế ra cái lòng ham học muốn biết của con người

ta là không có bờ bến à! Chủ và khách đều cười rộ. Khói thuốc缭绕 bay, khói thuốc lá bay, khói thuốc phiện bay. Bấy nhiêu thứ khói giăng toả đầy phòng, chủ nhân vẫn còn chưa vừa lòng lại còn rắc mãi trầm vào chiếc đỉnh âm ý than luyện. Giờ học tiếng một đã xong, ông Hồ lẩm nhẩm những chữ thuộc về loài động vật vừa học xong cho nhớ, tiêm một liều thuốc phiện, hút một hơi rất ngon lành để thưởng cho mình vừa làm việc bằng óc nhiều quá sức mọi ngày. Linh hồn ông theo làn khói nhẹ bay lên những chỗ cao siêu, rồi ông nghĩ mà ái ngại cho những người trong bụng không có một chữ tây nhỏ. Ông tự hỏi xem họ làm thế nào mà sống như thế được trong buổi đời mới này. Ấy trong một đêm mơ màng suy nghĩ khoái trá như thế, ông Hồ đã được nghe lồm bồm các bạn thuật lại những giai thoại trong Pháp văn, có những bài điệu văn của ông "gi ấy" tề bà Hoàng hậu Anh Cát Lợi rất hùng hồn, bi tráng mà quái! Lại bằng văn xuôi. Các bạn ông còn nhắc đến một bài thơ của một thi sĩ thời lãng mạn tìm *yên sĩ phi lý thuần*, lúc nhớ tới tình nhân, ở một cảnh hồ "gi ấy" tận bên nước Thụy Sĩ hay Ý Đại Lợi chi đó. Họ còn nói rằng trong cú pháp người Tây phương nó còn có những điên đảo thể rắc rối bằng mấy mươi câu "*Bích ngọc thế lão phương hoàng chi*" của Tàu. Họ lại còn dẫn những cái "đẹp" trong thơ ngụ ngôn của một tác giả mà Tàu dịch là Lã Phụng Tiên.

Nhưng, cái gì mà lại có miếng phở mát, một con quạ, và một con cáo? Ồ đến bao giờ ông Hồ mới "lĩnh hội" được hết những cái "đẹp kỳ dị" như thế nhỉ! Ông Hồ lại càng tin rằng nếu rừng nho của phương Đông là rậm rịt thì bể học của người Tây phương cũng sâu lắm, nếu ông học không tử công phu thì biết đến bao giờ cho rõ được cái rồn bề ấy. Cho nên muốn hay chữ tây, ông càng phải chịu chuông những ông vừa là bạn, vừa là thầy. Các bạn được lời ông Hồ dặn bữa nọ, đã nói cho ông biết, sau một buổi học, rằng có lẽ chỉ nay mai thôi, họ sẽ đưa một ông Tây lại chơi với chủ nhân.

- Tây nào? Sao lại dẫn Tây tới đây? Ngôn ngữ bất đồng, tôi sẽ

ăn nói với người ta ra sao? Các bác cắt nghĩa cho tôi rõ mấy.

- Một ông Tây văn sĩ muốn được gần người An Nam để cho rõ thêm tính tình và phong tục dân mình. Ông ta người lịch sự sang đây kiểm tài liệu viết sách. Chúng ta được biết nhà văn sĩ Pháp trú danh *Đờ La Phốc* này thật là một cái hạnh ngộ lớn. Huynh ông lại nên nhớ rằng ông quý khách đó vốn ở dòng quý tộc bên Chính quốc. Họ "Đờ" mà "đờ" rồi chứ không phải "đờ" liền.

- Ông Đờ La Phốc? Một văn sĩ quý phái? Họ Đờ rồi? Cái gì nhỉ? Cái gì mà lại những *liền* với *rời*?

- Huynh ông lúc nào học thông chữ tây, sẽ có dịp hiểu thế nào là "đờ" liền và "đờ" rời. Bây giờ chỉ nên hiểu rằng ông Tây ấy là một nhà văn tự, dòng quý tộc. Chúng ta đã giới thiệu huynh ông với nhà văn Đờ La Phốc. Ông ta ngờ ý muốn được huynh ông tiếp và làm quen. Vậy ý huynh ông định như thế nào? Ông ta cũng có dùng a phiên.

- Thì cứ mời lại chơi, tôi cũng chưa được gần Tây thượng lưu bao giờ. Nhưng lúc nào ông ta định lại chơi tôi thì các bác phải có mặt cả ở đây nhá!

Thế rồi ông Tây Đờ La Phốc đã đến chơi nhà ông Hồ. Nhà đông đủ người, ngọn đèn dầu lạc tỏ ngọn hơn mọi ngày. Một cuộc giới thiệu long trọng. Ông Hồ chấp tay xá một xá rồi mới bắt tay ông Đờ La Phốc. Nhà văn hào Pháp nghĩ thầm rằng sự thi lễ của người An Nam so với người Nhật Bản ra cũng chỉ chênh nhau một chín một mười thôi. Ông Đờ La Phốc dè dặt từng cử động và mỗi lúc nói với chủ nhân, xưng hô đều dùng những chữ: "ét-si-mơ Hu". Ông "Hu" pha trà và các bạn ông thì lớn tiếng nói chuyện với nhà văn Tây. Góm, một nhà học giả ở nước tiên tiến có khác! Cái tài hùng biện của ông Đờ La Phốc đã làm cho ông "Hu" phải phục thắm, tuy rằng ông "Hu" không hiểu chi cả. Ông "Hu" chỉ ngồi để "thăm âm" câu chuyện, thế mà ông cũng thấy thú đáo để. Tỉnh thoảng các bạn ông



lại giờ bàn tay xoè sang phía ông, ông Đờ La Phốc cũng nhìn theo sang, và gật đầu một cách kính cẩn lúc gặp nhỡn chủ nhân. Chủ nhân chấp tay vào ngực tỏ vẻ khiêm tốn gật đầu đáp lễ lại.

Ông Đờ La Phốc có lúc nhìn chủ nhân bằng cặp mắt thâm thính và cười tủm tỉm rồi lại quay sang phía những ông bạn. Ông "Hu" cũng mỉm cười, đeo kính tuổi, giở cuốn *Liểu Trai* cho có vị, tỳ cùi tay vào gối xếp. Một ông bạn nằm xuống, tiêm điều thuốc đầu tiên mời ông Đờ La Phốc. Người ta nhường nhau hút lỏi "đá cầu" mỗi người một điều, hết một vòng lại bắt đầu trở lại theo thứ tự trước. Hộp thuốc vơi, câu chuyện càng nở thêm. Đêm hôm ấy, chủ nhân thức khuya hơn mọi đêm để tiếp vị thượng khách, và lúc giải tán cuộc hội đàm Pháp - Việt đó, ông "Hu" nhận thấy mình cảm động nhiều quá khi ông Đờ La Phốc nắm tay ông để xin cáo biệt. Ông "Hu" nói khề vào tai các bạn để hẹn ngày mời nhà văn Tây lại chơi nữa...

Đúng ngày hẹn, ông Đờ La Phốc lại đến. Nhưng nguy thay, các bạn của ông Hồ, không có một ai ở đấy cả. Cái thế không trốn đi đâu được, ông Hồ phải bám bụng tiếp liệu nhà văn hào Pháp. Cũng như lần trước, chủ nhân lại pha trà Thiết Quan Âm, lại cho đốt trầm và tự tay tiêm thuốc phiện, sau khi mời ông Đờ La Phốc ngã lưng. Nhà văn Tây bắt giác cũng áp hai lòng bàn tay vào nhau như lỏi người phương Đông, gật đầu, tỏ ý xin vô phép rồi mới nằm. Trên đầu giường sẵn có một tờ tạp chí ở bìa in hình một cảnh chiến tranh thảm khốc, và mấy cuốn sách khổ giấy nhỏ. Sách và báo đó của các bạn ông Hồ bỏ quên lại. Ông thấy bìa sách in chữ đỏ, đánh vần nhảm trong óc, đọc được mấy chữ *André Gide*. Rồi không biết tại làm sao, ông Hồ đã đưa báo và sách cho ông Đờ La Phốc. Chủ nhân tiêm thuốc để chờ đợi những bạn "cứu tinh" đến để tiếp chuyện nhà văn Tây họ.

Khách Tây phương trong lúc mãi miết đọc sách, thấy đầu đọc tẩu quay vừa tầm hút, đã không từ chối một điều thuốc phiện nào cả,

như thế có đến mười mấy điều thuốc to. Ông Đờ La Phốc đã bị say thuốc. Ông ta ngồi nhồm đậy, top vôi ngậm nước trà, bắt đầu nói và còn hùng hồn bằng vạn hôm trước ấy. Ông ta cứ nhìn chòng chọc vào mặt chủ nhân, làm chủ nhân cứ cuống cả lên và phải gật đầu mãi. Mỗi lúc ông ta to tiếng thì chủ nhân lại thấy ông ta lấy tay chỉ vào trang sách, vào bìa tạp chí như để phân trần một điều gì. (Các ngài đã từng thấy một người Pháp say thuốc phiện nói chuyện như thế nào chưa? Họ nói hàng giờ không ngớt, không để cho ai chêm vào một câu gì. Bao giờ họ mỗi miệng và đã hả hết hơi thuốc thì họ sẽ nghỉ).

Ông Hồ ngồi chịu chuyện ông Đờ La Phốc, có lúc gật đầu, có lúc tùm tùm cười, có lúc nhìn ra cửa sổ. Một vùng trắng mùa đông rọi ánh sáng lạnh lẽo qua lớp kính cửa sổ. Ông Đờ La Phốc nói xong một hồi thấy mỏi, sắp ngã lưng xuống nệm. Bỗng ông Hồ vụt nhớ rằng ông đã có học qua "mấy chữ đó" ông vôi nắm cánh tay nhà văn Tây, một tay chỉ ra phí cửa sổ có vùng trăng tỏ:

*- Regardez la lune.*

Ông Đờ La Phốc nhìn trăng rất lâu, vết răn trên trán hẳn lên nhiều. Ông ta có vẻ trầm ngâm; rồi ông nhìn thẳng vào chủ nhân, nghĩ ngợi gật đầu và tự nhủ: "Ta không nhầm mà. Những người trí thức ở Đông phương sống cái đời bên trong nhiều và mạnh lắm. Họ lấy trực giác để hiểu mọi việc ở đời.

Họ tâm tưởng. Họ chỉ muốn sống gần Tạo vật. Lấy ngay cái thí dụ trước mắt. Ông Hu thật đã đủ tiêu biểu cho hạng học giả duy tâm đó. Ông ta đã đưa cho mình đọc mấy cuốn sách của André Gide tố cáo sự lầm lạc của bọn độc tài Nga Xô Viết không thực hành đúng chủ nghĩa cộng sản. Ông ta đã đưa cho mình xem một tờ tạp chí tường thuật vụ xung đột giữa Tàu và Nhật. Ông ta đã dò tư tưởng mình một cách kín đáo. Mình cứ quen cái lối của mình, nắm được vấn đề gì là cứ tranh biện lý luận. Ông ta lại mời ta nên lặng lẽ ngắm vùng trăng.

Trước sau, ta chỉ thấy ông Hu nói có một câu đó với bao nhiêu vẻ thân nhiên trước những luận điệu ồn ào của ta. Ta chờ nên lắm cái bề ngoài nguội lạnh của những người học rộng như ông Hu này. Họ tiềm tàng nhiều tư tưởng cao lắm. Họ cho chúng ta là đồ xuẩn động hết. Người phương Đông và người phương Tây còn lâu mới gặp nhau".

Ông Đờ La Phốc xếp lại bên lòng những ý nghĩ của mình, đứng dậy, xóc áo, nhìn lại ông Hồ một cách kính trọng, bắt tay xin về. Ông Hồ mừng rỡ... đưa vị quý khách xuống thang gác và còn lò đầu ra ngoài cửa, đáp lễ lần nữa với một nụ cười.

Nhưng từ hôm ấy đến bây giờ có tới bốn năm tháng, ông Hồ không thấy ông Đờ La Phốc để chân tới được phòng của ông nữa. Ông có thuật câu chuyện một mình ông dám tiếp nhà văn Tây cho các bạn ông nghe. Rồi ông thẫn thờ hỏi họ:

- Hay là tôi đã làm mích lòng ông La Phốc? Mời người bạn mình ngắm trăng sông với mình, trong xã giao của người Pháp, như thế có khi nào có nghĩa là chế nhạo không hở bác? Chữ tây dùng khó thực. Có lẽ tôi đã thất thố vì dùng nhầm chữ nên ông La Phốc giận chăng...

*Đông Dương tạp chí số 35 (1938)*

## THỜI SỰ

**B**áo hàng ngày được nhiều độc giả nhất ở vùng Nghệ An là hai tờ *Điện báo* và *Thần báo* xuất bản ở Hà Nội. Về mục thời sự các tỉnh, bao giờ thành phố Vinh và tỉnh Nghệ An cũng choán hết một cột rưỡi hay hai cột báo chữ nhỏ li ti. Ông chủ nhiệm báo thông tin, nhà đại lý độc quyền và độc giả đều nhận thấy địa vị quan trọng của tỉnh Nghệ hàng ngày cung cấp tin tức cho báo giới. Không kể những ngày có kỳ xổ số Đông Pháp, là những dịp công chúng đến hiệu sách đại lý báo chí đợi giờ báo về cứ đông nghịt và đen kịt như một cuộc biểu tình, những ngày thường thôi mà cửa hiệu đại lý hai tờ *Điện báo* và *Thần báo* cũng có đủ số độc giả trung thành và sốt sắng để diễn những cảnh tượng của ngày họp chợ. Tin tức đủ, tờ báo thông tin thành ra quan trọng đó cũng lôi cuốn cả hai ông đại lý độc quyền ở Vinh, tuy các ông ấy chỉ là người buôn bán kiếm lợi. Bọn hàng há chẳng mục kích vẻ trịnh trọng của họ lúc xoa tay, mỉm cười đứng nhìn chổng mặt báo cứ vui dần đi một cách nhanh chóng. Có những độc giả lơ chân một chút, đến chậm không mua được báo, đã phải phàn nàn với những người tốt số hơn:

- Mua báo ở đây không khác gì ăn bánh uống nước buổi trưa ở các tiệm cao lầu Khách có tiếng trên Hà Nội. Đến chậm là y như hết.

Oai, giữ việc thông tin cho tờ *Điện báo* đã bao lần cảm động đến rơi nước mắt khi thấy công chúng đọc tờ báo của mình, đọc những bài tường thuật của mình viết mà ở dòng cuối không khi nào

chàng quên không đặt vào đây ít câu phê bình tỏ ý khiếp sợ, tức giận, mong mỏi, thóa mạ, hoặc cảm ơn nhà đương chức hay chia buồn cùng thân quyến nạn nhân với những câu phân nàn rã tiền. Chàng thọc hai tay vào túi quần, nhìn đám độc giả tờ *Điện báo* mà hiệu sách đại lý kia nhả ra đường mỗi lúc một nhiều thêm. Bao nhiêu vẻ kiêu căng của Oai đều tiết ra nơi cặp mắt nheo mí bởi làn khói thuốc lá của chiếc môi bữu đang thờ nhẹ ra. Những lúc này, chàng lại muốn gọi hết thầy những bạn đã khuyên chàng nên đi buôn, để cho họ đến đây mà hưởng với chàng những phút khoái trá đem lại bởi một nghề mà họ thường chê là bạc bèo. Chàng không muốn đứng yên một chỗ để tận hưởng những sự sung sướng đó đang dạt dào ra ngoài tâm tưởng và chàng đã cậy đến việc đi tản bộ trên vỉa hè để quên nỗi lòng. Trái lại ý muốn, Oai càng đi trên hè, càng gõ đều để giày da đến đâu thì chàng lại càng nhận rõ thấy mình là một người sung sướng quá và quan trọng quá nữa. Chàng tự hỏi nếu trong lúc này chàng nhất đán chết thì không biết vì thiếu người thông tin vùng Nghệ An có ngừng sự hoạt động xã hội không? Bất giác chàng lại nghĩ đến đám ma long trọng của hai nhà báo Anh có các sứ thần các nước ở Thượng Hải đi đưa để tỏ lòng mến phục lòng can đảm của những ông hoàng tử phóng sự vì nghề mà không sợ hòn đạn lạc. Rồi chàng lại muốn thế giới nhắc đến tên chàng "- Giá hăng Nhà Rông đóng một chiếc tàu bể nữa cũng đặt tên là *Georges Philppar* cho mình vượt sang Hồng Hải để chết cháy ở đây, chết rất oanh liệt như cái ông Albert Londres nhĩ!".

Ấy một người vui vẻ như thế, tin ở tài mình và tương lai mình như thế mà hôm nay lại phải tức bực với nghề thông tin viên. Khác hẳn với mọi ngày mỗi khi gặp người quen là tươi tỉnh tiếp chuyện và gây chuyện một cách tò mò tinh quái, hôm nay Oai cau có lầu nhầu với mọi người gặp chàng ở ngoài đường. Chỉ có những bạn thân lắm mới tha thứ cho Oai mà thôi vì chỉ có họ mới hiểu rằng chàng đang bị khủng hoảng về tin tức không đủ để gửi ra tòa báo *Điện báo* đã

mấy hôm nay. Đã ba hôm tin gửi đi ít lắm, và không có gì là quan trọng, rồi đến hôm nay thì tuyệt nhiên không có gì nữa.

Oai thấy không có hôm nào tưng tin đến như hôm nay kể từ mấy năm nhận giúp tin tức cho tờ *Điện báo*.

Chàng nhớ lại đâu có một lần cũng mất đến mấy kỳ khan tin, nhưng sau đó chỉ có mấy ngày, Oai đã vớt lại được một mẻ tướng lục và tin thuyên chuyển trong quan trường. Phải, cái hồi đó là sau hồi Cộng sản làm náo động dân tình vùng Nghệ Tĩnh, nhà nước tướng lệ bao nhiêu người đã tỏ lòng trung dũng với Chính phủ trong những buổi nguy biến và riêng phần Oai thì hồi đó chàng thấy sự bằng lòng trong mình như kẻ nông dân gặp ngày được mùa vậy. Trong những ngày đó, Oai chỉ việc đến tòa Sứ, mỗi ngày chép lấy ít chục tên các kỳ hào được tướng lục, thuật lại những việc kỳ lạ của mấy ông bang tá đi *bình giặc Cộng sản* và thỉnh thoảng đăng những bản án của tòa Nam án xử các phạm nhân chính trị đầy họ đi Lao Bảo và Ban Mê Thuột, ấy có thể thôi mà mỗi ngày Oai chỉ có chép lại để gửi ra tờ *Điện báo* cũng đủ mỗi cả tay, hết cả thời giờ, chứ đừng nói là chạy đi chỗ này, chỗ nọ nữa.

Oai ôn lại việc xưa và tặc lưỡi nhớ tiếc thời cũ nó cung cho chàng nhiều tin tức. Chàng cũng là người hiểu việc đời và học vấn thường thức của chàng cũng đủ cho chàng hiểu đến sự thịnh vượng trong xứ chỉ có thể đi đôi với sự yên ổn và chuyện bạo động là chỉ có hại. Nhưng... những lúc tưng tin như thế này, Oai thành thực muốn cho quốc gia vẫn đa sự như dạo nọ để có tin mà đăng. Vụ biến động dai dẳng và dữ dội lại xảy ra. Thật là tha hồ mà múa bút phê bình những tin đặc biệt. Chàng bực dọc nhớ lại từ sớm tới giờ chàng đạp xe máy, ngồi trên yên xe đã ê cả dít, đi có đến sáu bảy sở rồi mà vẫn không bói ra được một tin gì có thể đăng được. Sở Cẩm, tòa Nam án, tòa Tây án, tòa Sứ, sở Mật thám, nha Thương chính, Bến ô tô hàng, bấy nhiêu nơi là những tổ cho tin, chàng đều có đến cả.

Nhưng người ta đều lễ phép đáp lại sự cung kính của chàng và trả lời rằng không có gì là đại sự.

Vui chân chàng vẫn đạp xe lên phía nhà ga. Bây giờ thì chàng chỉ còn trông mong vào sự tình cờ. Ở nhà ga về, Oai cố giữ lấy tinh vui vẻ, hải hước tự hỏi mình sao trong những hôm như thế này, mà không có một đoàn tàu nào đổ hay là một toa máy nào trượt bánh cách Vinh độ một đôi ga để chàng được chạy rất nhanh ra nơi xảy ra tai nạn, để vừa điều tra vừa chụp luôn mấy tấm ảnh mà đăng vào trang nhất tờ *Điện báo*? Trong những ngày này, sao anh em "áo cộc" ở nhà máy Trường thì không toàn thể đình công và hiệu triệu quần chúng bên ngoài biểu tình qua các phố để ủng hộ những yêu sách của họ? Sao đức Kim thượng không vi hành ra đất Cổ Hoan để làm một việc gì rất lớn lao?

Vẫn vui chân, chàng lại đạp một vòng vào trong thành thị, buồn chưa! Người ta đã bãi hầu và mấy ông Thừa phái lớp mới, mặc tây đang cầm cổ đạp xe về. Chàng thấy những chuyện lớn lao vừa mong xảy đến kia là khó có được, giờ chàng chỉ mong được mục kích những chuyện tầm thường hơn vậy. Thí dụ, một thầy Thừa đảm phải chiếc xe nhà của quan Lãn Binh và ngạo nghệ thốt ra những lời xác đối với vị quan kia...

Rồi chàng càng tức bực hơn nữa, khi một đám đông người tụ họp ở đầu phố Cửa Tả đã bất tỉnh tò mò của nhà nghề phải dùng chân lại để ý xem qua. Không, chẳng có gì đáng để ý cả, vị đây chỉ là lũ con trẻ và đàn bà đang quây kín lấy chú Khách Sơn Đông bán thuốc cao, mĩi vớ và bảo khi làm trò xiếc.

Oai về nhà đánh một giấc ngủ đến chiều tối mới dậy. Bề mười ngón tay kêu răng rắc, chàng ngáp dài xỏ giày, ngẫm thâm:

- Phải đi mấy vòng nữa xem sao. Nếu không "săn" được tin gì, thì là vừa hết một ngày vô vị.

Muốn được tinh táo, Oai vào một tiệm cà phê, gọi một tách, dặn

bồi pha cho thật đặc và dùng bỏ đường... Hình như hôm nọ, cùng ngồi uống cà phê ở đây, không nhớ rõ ai đã bảo với Oai nên uống cà phê đắng và thật đặc, não cân sẽ bị kích thích nhiều và như thế, có lợi cho người muốn làm việc bằng óc. Chàng nhăm nháp chén cà phê đắng như là bát thuốc bắc, đổi ý kiến sắp gọi bồi cho thêm mấy cục đường vậy, thì kia! Thọ, bạn đồng nghiệp' của chàng đang tươi tỉnh bước vào, tay xách một cặp giấy dày cộm.

- Trần gió lạnh nào đưa quan bác lại đây? Có chuyện gì mà xem ra vội vã hoạt động dữ thế?

- Tiên sinh chỉ nhạo tôi mãi. Ai chả biết tờ *Điện báo* bên ấy dạo này cướp hết cả độc giả của *Thần báo*.

Thọ cười một cách mỉa mai. Oai làm bộ khiêm tốn cười mỉm nhận lời khen của đồng nghiệp và thuận tay kéo luôn chiếc ghế mây mời Thọ cùng ngồi vào bàn dùng bánh và uống một "thứ" gì vậy. Nhưng Thọ từ chối rất nhã nhặn, lấy cớ còn bận viết một tỵ, xin cứ để cho chàng tự nhiên ngồi riêng và lúc viết xong sẽ hay. Thọ vừa xin lỗi, vừa mở cặp lấy giấy và phong bì tem in sẵn tên và địa chỉ tờ *Thần báo*, tay vận bút máy, mắt chăm chú vào cuốn sổ tay, rồi chàng viết lia viết lịa gần đặc một trang giấy khổ nhỏ. Giá Thọ ngược mắt lên thì sẽ bắt gặp Oai đang lăm lét nhìn trộm sang mảnh giấy chưa se mực của mình. Oai vẫn thềm thuông nhìn trộm đầu ngòi bút của bạn đang "thao thao bất tuyệt" trên mảnh giấy, tuy chàng vẫn không đọc rõ một chữ gì. Oai đoán già rằng Thọ vừa biết được một tin quan trọng vội viết gửi cho kịp chuyến tàu thơ. Như thế này thì bực thật! Mai kia báo về, tờ *Điện báo* lại kém đi mất một tin đặc biệt và nghĩ tới nhọc điểm đó, chàng tự thấy mình khổ sở lắm. Nâng chén cà phê đã bay hết khói, muốn nhấp ít chút cho qua chuyện, thì Oai càng thấy nó đắng nhiều hơn lúc nãy, mặc dầu chàng vừa bỏ vào đây đến ba cục đường. Chàng ước ao tìm được một cách gì để đọc hết được cái tin quan trọng Thọ đang tường thuật trên giấy một cách vui



sương lộ trên nét mặt mà kẻ mãi viết không giấu nổi được. Hay là vờ lại gây chuyện cho khéo cùng Thọ ngộ may ra hẳn có nói lộ ra điều gì để mình tìm lấy manh mối? Nghĩ đi nghĩ lại, Oai không theo kế đó biết trước rằng người bạn đồng nghiệp cũng khôn chán và không những chỉ riêng chàng mới biết cách giấu tin.

Nơi phía bàn bên cạnh, Thọ đã mạnh bạo chấm dầu hết cho bài và hoa bút ký tên vào góc mảnh giấy.

- Bồi ơi! Cho tao mượn lọ cồn.

- Dạ thưa ông, cồn nhà không có; để con lấy ít bột com có được không?

- Được rồi. Này, nhà có chó không? Đi tiểu thẳng vào trong hờ?

Oai lắng tiếng giày Thọ đã bật hẳn, vội vàng bò nhoài sang bàn bên, đọc trộm những dòng chữ bút máy còn tươi mực, đọc rất nhanh, rất tham hình như có thể nuốt chửng được cả vắn, cả chữ. Đọc xong trong giây lát, chàng ngồi nghiêm chỉnh lại, tay cầm thìa quấy tách cà phê nguội để che đậy sự hồi hộp của mình, miệng nhắm lại cho khỏi quên những điều vừa biết trộm được.

Thọ đã cồm cộp từ nhà trong đi ra, hai lòng bàn tay áp và xoa mạnh vào nhau như kiểu người Pháp lúc bị giá lạnh hay là lúc tỏ vẻ bằng lòng.

- Nào, bây giờ tôi mới rảnh việc để ngồi uống nước cùng quan bác. Chắc quan bác cũng bị những lúc vội vã viết lách như thế luôn luôn.

- Chuyện gì quan trọng thế? Có cho đệ nghe mót được không?

- Khốn nạn, có mấy người mua báo, đổi chỗ ở và mấy cái tin vặt. Những tin này thì quan bác đã biết cả rồi, nói ra làm gì cho nó xấu hổ thêm. Tôi xin chịu kém quan bác về cách lấy tin. Từ *Điện báo* trả tiền nhuận bút cho quan bác hậu hĩ như thế là phải lắm. Và từ *Điện báo*, ở đâu thì không biết, chứ ở Vinh này mà nhiều độc

giả lại càng phải lắm nữa. Ý tôi cũng muốn thôi không giúp cho *Thần báo* nữa.

Oai nheo mắt nhìn Thọ nói chuyện. Trong bụng cười thầm người đồng nghiệp không thể lừa dối mình được vì chàng vừa được đọc trộm cái tin Thọ sắp gửi ra *Thần báo*. Ông thổ ty họ Sầm ở vùng Mường Phú Quý vừa bị lợn rừng húc lòi ruột trong một cuộc săn bắn long trọng. Nhưng chàng cũng đưa đẩy ừ ào cho xong câu chuyện và lúc gần đứng dậy, chàng tưởng cần phải an ủi ông bạn đồng nghiệp bất đắc chí.

- Quan bác cứ dạy quá lời chừ tôi thì có tài cán gì. Chẳng qua làm lâu ngày, thì có quen việc hơn.

Chàng lại nhún vai, nói tiếp:

- Còn như tiền nhuận bút thì đâu cũng thế thôi. Cái nghề này bạc bẽo lắm mà. Nếu quan bác mà không ở trong làng báo nữa thì từ rày tôi ở Vinh biết tìm ai làm bạn đồng nghiệp xứng đáng?

Thế rồi Oai và Thọ đứng dậy tranh nhau trả tiền để cho nhà hàng không biết nên nhận tiền của người nào thì mới là phải. Họ ở hàng cà phê bước ra với mọi sự thân thiện của kẻ cùng làm chung một phận sự. Họ dìu nhau ra nhà dây thép. Thọ bỏ lá thư vừa viết, Oai dò xem có thật Thọ bỏ thư đó vào thùng thư. Rồi lúc Thọ rời sở Buu điện, Oai đã thảo một bức điện tín gửi ra tờ báo mình, báo cái tin ông thổ ty Sầm vừa bị tử vong bởi thú dữ. Chàng không nề hà tốn tiền, đã thuật qua những tiểu tiết của cuộc đi săn, tả cái chết ghê sợ của nạn nhân bằng trí tưởng tượng và hứa sẽ tường thuật thêm nữa trong một số sau.

Oai bệ vệ bước vào hiệu sách đại lý báo *Điện báo*, đòi tờ báo mới về và cảm động đọc cái tin vừa gửi ra tòa báo xếp chữ to, đăng trang nhất, giá kèm được vào đây một tấm hình nữa thì thú biết chừng nào! Nhà đại lý đọc tin trước từ lúc báo ở tàu mới về, chêm vào sự yên lặng của người đang chăm chú đọc báo một câu khâm phục.

- Tôi thực chịu cật tai và cật mắt ngài. Chuyện ở Phủ Quý mới xảy ra hôm kia mà hôm nay bà con đã có báo xem rồi. Báo ở Tây, cũng chỉ nhanh được đến thế thôi. Oai bỏ tờ báo ra phía sau lưng, kiêu ngạo trả lời:

- Chuyện, không thể thì ai chả làm phóng viên được. Dễ thường ông tưởng người ta mù cả đấy, khi người ta cấp cho ông tấm "các".

Oai sung sướng trong mấy ngày, cứ nằm ẹp ở nhà mà hưởng lây khoan khoái, sợ đi ra đường nhỡ gặp bạn đồng nghiệp Thọ ghen tức và oán giận mình thì giảm thú. Chàng nghĩ mà chê những kẻ nào không biết tò mò xem trộm thư tín của người khác. Nếu chàng cũng cứ buộc mình theo những lễ giáo dạy về danh dự và nhân phẩm, và phải kính trọng bí mật thư tín của người khác, nếu chàng đã thận trọng như vậy thì tờ nhật báo mà chàng đại diện ở Vinh còn làm gì có những tin quan hệ đáng trang nhất nữa. Mới hay, sự tò mò nhiều khi không những không phải là thói xấu mà còn giúp cho người ta đi đến những chỗ thành công lớn. Muốn cho được công bằng đối với bạn, đối với mình, Oai định mai kia có gặp lại Thọ thì sẽ thành thực mời hắn đi ăn một bữa cơm tây. Có như thế mới là người biết điều, vì không có Thọ thì làm gì chàng biết được tin này, dù hắn chỉ là kẻ hó hênh vô ý.

Một ngày, hai ngày, ba ngày, Oai vẫn sung sướng đều đều như vậy. Nhưng đến ngày thứ tư thì chàng phải chịu không biết bao nhiêu là sự nhần nhục khi phải tiếp một ông khách lạ, to béo, ăn mặc không ra lối Kinh mà cũng không ra lối Mường Mọi hẳn.

- Thưa ngài, tôi muốn được hầu chuyện ông Phạm Tam Oai, phóng viên báo *Điện báo*.

- Chính tôi, ngài có điều gì dạy bảo?

- À, về cái tin săn bắn ở Phủ Quý mà quý báo vừa thuật lại. Tôi ở trên mường Tà Sỏi lặn lội về đây, mong được gặp ngài chính là vì việc đó.

- Tôi rất lấy làm hân hạnh. Xin phép ngài tôi vô mặc quần áo. Ở tệ ốc không tiện nói chuyện nhiều. Ngài đợi tôi một lát rồi tôi xin mời ngài tới một trà điểm gần đây.

- Dạ thôi, ngồi đây cũng được lắm rồi. Tôi quên chưa giới thiệu tôi với ngài. Tôi chính là viên thổ ty họ Sầm ở Phủ Quy nổi tiếng là bắn nhiều thú dữ.

- ?!?!

- Vâng, tôi nhờ thần linh đất nước vẫn còn được mạnh khỏe như thường, và đến mấy tháng nay, không hề khi nào có tổ chức cuộc săn bắn thú dữ. Sinh u nghệ, tử u nghệ, nếu tôi cứ theo đuổi mãi nghề săn cọp để lĩnh thưởng và lấy xương hổ nấu cao, thì cũng có một ngày kia bị chết dưới nanh vuốt ác thú. Có thể được như thế lắm. Điều ấy tôi không có phàn nàn gì. Nhưng tiếc rằng ngài đang chuyện đó lên quý báo khí sớm quá. Tôi tin rằng ngài có ý riếu tôi, khi ngài đánh điện tín đăng tin này.

Oai choáng cả người. Lúc trấn tĩnh được để nghe chuyện ông thổ ty họ Sầm thì chàng tự thấy xấu hổ vô cùng. Chàng ước gì mặt đất tự nhiên nở sứt một lỗ lớn để chui tọt xuống đáy mà biến mất tích đi như Đậu Nhất Hồ trong chuyện *Chinh Đông*. Lúc này chàng mong được làm mây khói để tan bay trong quầng hư vô cho khách không nhận thấy hình tích mình nữa. Hết cơn xấu hổ, Oai đàm câu và hỏi xẵng ông khách:

- Vậy ngài định kiện tờ *Điện báo*?

Ông Sầm vẫn thân nhiên.

- Có khi nào! Trong Báo Luật không có điều luật nào buộc lỗi tờ báo đăng nhằm tin người chết. Tôi thấy quan lục sự Nghị ở tòa án bảo tôi thế.

- Vậy thì ngài muốn cải chính? Chúng tôi rất vui lòng.

- Để mà làm gì? Hiện tôi còn sống sờ sờ ra đây, như thế tôi

tướng cũng đủ cải chính cái tin của quý báo, hà tất phải cần đến văn chương giấy mực nữa. Nhưng nếu ngài muốn đính chính, đây lại thuộc về công chuyện riêng của ngài. Tôi xin kính chào ngài.

Oai cứ điếng cả người, nuốt thẹn thùng đắng cả cuống họng, lặng thinh nhận lấy những lời trào phúng của khách đường rừng cao tuổi. Chàng tự an ủi mình rằng như thế còn là khá chứ ngộ ông thổ ty họ Sầm lại giữ cái lối thóa mạ ra - ông có quyền lắm chứ - thì chàng đã dám làm gì tốt? Nghĩ thắm thía chàng mới vỡ lẽ câu chuyện: chàng đã bị mắc mưu Thọ chủ tâm cho chàng ăn một con "vịt".

*Đông Dương tạp chí số 36 (1938)*

# VANG BÓNG MỘT THỜI

(Tập truyện ngắn)

Vang bóng một thời là tập truyện ngắn do Nhà Tân Dân xuất bản lần đầu năm 1940.

Những truyện ngắn trong tập sách này đều đã đăng trên tờ *Tao đàn tạp chí* và *Tiểu thuyết thứ bảy* năm 1939 dưới đề mục *Vang và bóng một thời*. Khi in thành sách, tác giả có sửa lại lời văn, thêm bớt một vài chi tiết ở chỗ này chỗ khác, không có ảnh hưởng gì đáng kể tới tư tưởng của tác phẩm. Riêng truyện *Bữa rượu máu* và *Chữ người tử tù* thì kiểm duyệt Pháp có bỏ đi vài chi tiết quan trọng. Đặc biệt là *Bữa rượu máu* do lược bỏ hai chi tiết quan trọng (hai tên quan đầu tỉnh Tây và ta chúc cho nhau hai tuần rượu và một con lóc làm bay cái mũ của thằng Công sứ Pháp xuống bãi cô pháp trường) đã làm thay đổi lớn tư tưởng của tác phẩm.

*Kinh tặg cô và bố*

NG. T

## BỮA RƯỢU MÁU(\*)

**P**hía tây thành Bắc, trên một nền đất rộng đổ sạt vào chân thành cho lằn gạch ngoài thành được thêm vững chãi, lũ cây chuối mật tha hồ mọc sức mà mọc. Nó um tùm, tàu lá rộng và không bị gió đánh rách, che kín bóng mặt trời. Trên áng cỏ bốn mùa ẩm ướt, loài nấm đại sinh nở bừa bộn. Khoảng đất ấy ở phía sau kho lúa xây trong thành quanh năm không có vết chân người. Mỗi buổi chiều mặt trời lặn, mấy con chim không tổ mỗi cánh định tìm vào vườn chuối âm u này để ngủ. Nhưng thân chuối cao vút và tàu lá chuối trống trải không-đủ là nơi làm tổ, loài chim kêu mấy tiếng thưa thớt rồi lại bay qua ngọn thành. Vào tiết mưa ngâu, vườn chuối dầm dề một khúc nhạc sông nghe buồn thiu buồn thiu.

Vườn chuối phía tây góc thành sớm nay quang đãng khác mọi ngày. Trên mặt cỏ ngổn ngang những tàu lá, cuống còn tuôn rỉ ra những dòng nhựa thẫm màu. Không khí làm se nhựa chuối lại, kết nên thành những khối keo quyện'chặt lầy búi cỏ gà.

Cùng một buổi chiều ấy, mấy người vợ lính cơ đứng trong luống bãi dậu trồng ở dưới chân thành sát ngay với bờ rào, được nghe tiếng người hát trên ngọn thành, ở trên đầu họ, đứng ngay chỗ vườn chuối im lìm của mọi ngày.

---

(\*) Khi đưa vào tập *Vàng bóng một thời* (1940), bị cắt xén những chi tiết quan trọng và đổi tên là *Chém treo ngành*.



Tiếng người trên mặt ngọn thành cũ hát rằng:

*Trời nổi cơn lốc*

*Cảnh càng u sầu*

*Tiếng loa vừa dậy*

*Hồi chiêng móm mau*

*Ta hoa thanh quát*

*Cỏ xanh đổi màu*

*Sống không thù nhau*

*Chết không oán nhau*

*Thừa chịu lệnh cả*

*Dám nghĩ thế nào*

*Hãy ngồi cho vững*

*Cho ngọt nhất đao*

*Hỡi hồn!*

*Hỡi quỷ không đầu!*

Người ở trên mặt thành hát đến đâu thì tiếng những thân cây chuối đổ xuống mặt đất tường thành lại kêu roạt roạt đến đấy. Bọn người đàn bà hái dâu ngừng tay bứt lá, nghiêng đầu lắng kĩ. Cái bài hát năm mươi tư chữ nghe như bài sai của thầy phù thủy, đã hát đi hát lại đến mấy lần. Cứ xong mỗi câu thì lại có tiếng roạt. Chỉ có cây chuối bị chặt mạnh, mình lia hẳn gốc, đổ vật xuống mặt đất thì mới kêu roạt roạt như vậy thôi. Nhưng mà ai chặt chuối? Không phải hẳn là cấm địa, nhưng góc thành sau kho lúa kia cũng là một miếng đất không ai dám vượt phép quan vào đấy mà hát mà phá vườn.

Những người vợ lính cơ, quen sống trong không khí loạn lìa, chiều nay và đêm nay bàn tán không ngớt miệng về cái tiếng hát trên vườn chuối mặt tường thành. Chồng họ cũng lấy làm lạ và tự nhủ ngày mai vào trại sẽ hỏi chuyện cho rõ.

Buổi sớm hôm sau, bọn vợ lính cơ, thêm được ít người tò mò nữa kéo đến vườn dâu ngoài thành, vẫn nghe rõ người ta chặt chuối trên mặt thành với những câu hát rõ mồn một:

*Tu hoa thanh quất*

*Cỏ xanh đổi màu*

*Sống không thù nhau*

*Chết không oán nhau...*

Bọn vợ lính mang chuyện đó về nhà, thì những người lính cơ đều ra vẻ cảm động sợ hãi và căt nghĩa:

- Ông Bát Lê sắp làm việc đấy.

- Làm việc gì?

- Ông Lớn sắp đem mười mấy người ra chém. Tiếng người hát trên mặt thành là tiếng ông Bát Lê đang tập múa thanh quất ở vườn chuối đấy.

- Múa thanh quất? Ở vườn chuối? Sao lại hát thế? Ông Bát Lê chém người đã nổi tiếng, còn phải tập với tành gì nữa?

- U mày không hiểu. Lâu nay ông Bát Lê không phải khai đao vì Ông Lớn thấy già yếu muốn cho nghỉ tay. Mỗi lần có án trăm, ông Bát chỉ phải ra pháp trường cho có mặt thôi. Còn công việc thì đã có người khác đỡ tay. Nhưng vẫn cứ được tiền thưởng. Đã đến gần một năm nay, ông Bát không cầm đến thanh quất. Không hiểu tại sao lần này Ông Lớn lại cho gọi ông Bát ra cho kì được và xem chừng như ngài sẵn sóc đến cái vụ xử trăm này nhiều lắm.

Lui vào tư thất, và nhác thấy lão Lê đang co tay úp lên mang tai nhìn vào vàng son lộng lẫy nhà riêng mình, quan Tổng đốc sung chức Đồng lý quân vụ liên quốc:

- Ít bữa nay, chú đi đâu? Ta cho thằng Cửu nó sang gọi mấy lần đều thấy đóng cửa.

- Bẩm lạy Ông Lớn, ít lâu nay con về nhà quê. Giá như ngày trước, có khi nào con dám đi xa. Sớm tối lúc nào con cũng phải ở trong nội thành, phòng những lúc Ông Lớn bất thần gọi đến. Nhưng từ hồi gần đây, Ông Lớn thương phận già nua cho con được nghỉ tay đao, con có nạm phép về thăm nhà. Được tin Ông Lớn cho dò, con vội vã vào hầu, xin Ông Lớn tha tội. Con chờ lệnh Ông Lớn truyền xuống.

- Thôi, cho đứng dậy.

Quan Đồng lý quân vụ ngả mình trên ghế bành vàng son, hát hàm hỏi tên đầy tớ già bát phẩm đang thu bé mãi người bên chiếc cột:

- Liệu bây giờ chém còn mát tay không?

- Dạ.

- Dạ sao? Chú có biết ta sắp cho xuống cái lệnh chi không?

- Dạ.

- Có mười hai tên tử tù sắp đem hành hình. Quan Công sứ muốn được xem tận mặt cái bọn chịu án trăm đó. Người chém sao cho gọn thì chém, hễ chém một đầu đến hai nhất thì không những ta truất tiền thưởng mà người còn bị quở nữa. Chém cho thực ngọt.

- Dạ.

- Tiền thưởng này chính quan Công sứ lấy ở quỹ mật mà thưởng cho chú đó. Ta muốn giữ phần cho chú nên ta cho gọi vào mà lĩnh lấy việc này, gọi là kiếm thêm chút bổng mà dưỡng cái tuổi già. Chú phải biết khi nhận lấy mười hai tên tử tù là chú phải làm việc cho đầy đủ phận sự. Chớ để phiền đến ta. Ta đã trót khoe khoang cái tài chém "treo ngành" của chú với quan Công sứ. Chú nghĩ thế nào?

- Dạ bẩm Ông Lớn đã thương đến phận tôi tớ, chúng con xin hết sức ra công chớ ngại. Nhưng bây giờ con già yếu lắm, không biết có còn làm được việc như hồi xưa nữa không. Vả chẳng gần một năm nay, không cầm đến mã tấu, e có điều hơi lạc mất đường đao.

- Ta đã nghĩ đến chuyện đó rồi. Chú còn đủ thời giờ để tập lại lối chém "treo ngành". Nếu cái nghề chém đặc biệt của chú không thể truyền lại cho một người nào được thì một lần cuối cùng này nữa, chú cũng nên cho một vị quan Tây ở đây thấy rõ cái cách chém người sắc tay của một người thầy tử hâu cận ta là như thế nào.

- Dạ, bẩm Ông Lớn...

- Chú đừng nhiều lời. Đây này, ta cho chú mượn thanh quát của ta mà làm việc. Sẵn có vườn chuối ở sau kho lúa, cho phép chú lên đó mà tập. Có ai ngăn cản đưa cái tin bài này ra cho họ nom rõ.

Quan Đồng lý quân vụ rút khỏi ống bút trên bàn một lá thẻ đỏ, viết mấy chữ thảo vào mặt thẻ sơn trắng, trao cho Bát Lê.

Thế là từ hôm ấy Bát Lê lĩnh thanh quát của quan Tổng đốc leo lên tường thành, xông xáo trong vườn chuối, hết sức tự do, hết sức tàn nhẫn, chém ngang thân loài thực vật, trước khi chém vào cổ 12 tử tù đang nằm đợi ngày cuối cùng.

Vườn chuối trên mặt thành mọc không có hàng lối nhất định. Ông Bát Phẩm Lê phải chọn lựa mãi mới được mấy dãy chuối mọc theo hàng lối thẳng. Y xoạc cẳng lấy bước chân đo những quãng trống từ một góc chuối này đến góc chuối khác. Tiễn lên lùi xuống, đo ngang, đo dọc, tự cho là tạm tạm được, y bèn nhẹ nhàng phát hết những tàu lá chuối rườm rà. Đây là cái khu dọn dẹp sẵn để nhận lấy sự thí nghiệm sau cùng của một đường đao bị bỏ quên đã lâu ngày.

Trước khi hoa thanh quát trong mấy hàng chuối được chọn lựa kĩ càng kia, Bát Lê đã múa đao chém lia lịa vào thân mọi cây chuối khác, chém không tiếc tay, chém như một người hết sức tự vệ trong một cuộc huyết chiến để mở lấy một đường máu lúc phá vòng vây. Một buổi sớm, Bát Lê nhảy nhót trong vườn chuối, đưa lưỡi gươm qua bên phải, múa lưỡi gươm qua phía trái, thanh gươm hai lưỡi đã gọn gàng, nhanh nhẹn phạt qua thân mấy trăm cây tươi còn nặng trĩu sương đêm. Mảnh khăn vuông vải trắng bịt tóc Bát Lê đã thấm ướt,

và nhựa chuối chát thấm vào đất, gặp ánh nắng sớm, đã xuống màu dần dần.

Trên đồng thân cây trơn ướt. Bát Lê vẫn làm việc, nhảy nhót như một kẻ điên cuồng. Cứ mỗi một cây chuối gãy gục xuống cỏ đánh roạt một cái thì Bát Lê lại cất tiếng hát:

*Sống không thù nhau*

*Chết không oán nhau*

Cây chuối đổ chắm câu cho từng câu hát, và văng từ trên mặt thành xuống mặt một bãi dâu chân thành.

Tập như thế cho thuần tay hết một buổi sớm và một buổi chiều. Bát Lê sớm ngày hôm sau lại trở lại vườn chuối đã rầu cả lá, đã khô cả vết thương. Y hồi hộp chống gươm xuống mặt đất ẩm ngồn ngàng sự tàn phá, như một võ sinh sắp trở tài ở võ đài với sự phân vân lo ngại của phút biểu diễn. Rồi Bát Lê trịnh trọng tiến vào cái khu vườn chuối đã dọn từ hôm trước để nhận lấy lưỡi gươm thí nghiệm cuối cùng của một cuộc tập chém. Y đứng vào giữa hai dãy chuối, tay phải cầm ngang thanh quát.

Y lùi lại ba bước, lấy hơi thở cho đều, vừa hát to câu: "*Tiếng loa vừa dậy*" vừa tiến mạnh lên, thuận tay chém vào cây chuối đầu tiên dãy bên phải. Đũa gươm mạnh từ cao soãi xuống theo một chiều chệch, tưởng gặp đến gỗ cứng cũng lướt qua. Thế mà thanh quát chỉ ngập vào chiều sâu thân cây độ chín phần mười. Lưỡi thanh quát bị ngừng ở cái cữ ấy, rồi lại được lấy ra khỏi thân cây chảy mủ. Vừa giật lưỡi thanh quát ra khỏi thân cây đang từ từ lả gục xuống, vừa hát một câu nữa: "*Hồi chiêm móm mau*", Bát Lê lại tiến thêm ba bước đến ngang tâm cây chuối hàng đầu dãy bên trái, Bát Lê thuận đả thanh quát; lại chém xuống một nhát thứ hai. Một thân cây thứ hai gục xuống nữa như một thân hình người quý chịu tội. Thế rồi vừa hát, vừa chém bên trái, vừa chém bên phải, Bát Lê đã hát hết mười bốn câu và đánh gục mười bốn cây chuối. Bát Lê quay mình lại,

ngắm các công trình phá hoại của mình. Thì ở mười bốn cây chuối chịu tội kia thân trên bị chém vẫn còn bị dính vào phần gốc bởi một lần bẹ giập nát.

Bát Lê mỉm cười, gỡ cái khăn trùm trên đầu, lau lưỡi gương vào đây, vuông vải lại đẫm thêm chất nhựa xám.

Thế là xong một cuộc tập chém lối "treo ngành" và Bát Lê cũng vui vẻ trong lòng đợi ngày nhận tù. Đi từ bề cao nền cỏ xuống chân thành, qua những bậc cấp thúc vào lòng đất, Bát Lê chốc chốc lại dừng bước và uốn mình về phía sau, ngắm cánh tay khẳng kheo mình đang lăm lăm cầm lưỡi gương.

Nội cỏ trước dinh quan Đồng lý quân vụ một buổi chiều thu quyết đã đổi màu. Mọi khi, ở đây chỉ có bê bò được thả lỏng khom cổ ngón áng cỏ tươi, bên cạnh một tốp lính hiền lành, tay cầm lưỡi liềm cắt cỏ về cho ngựa quan ăn. Bây giờ ở đây, người ta dựng lên một nhà rạp có tàn, có quạt, có cờ ngũ hành. Trước nhà rạp người ta đã chôn sẵn mười hai cọc tre bị vỡ gỗ đóng mạnh xuống toét cả đầu. Đánh đai lấy khu nhà rạp rộng độ một mẫu, mấy trăm lính mặc áo dậu có nẹp đã tề chỉnh tuốt gương trần đứng thị uy.

Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất lại sáng hơn nền trời. Nền trời vẫn những đám mây tím đỏ vẽ đủ mọi hình quái rợ. Những bức tranh mây chó màu thẫm hạ thấp xuống thêm và đè sát xuống pháp trường oi gắt.

Mọi người chờ đợi một cái gì.

Từ phía nhà ngục, mười hai con người chậm chạp tiến tới giữa hai tốp lính áp giải. Bãi cỏ im lìm. Tiếng gong bọm tù dây va vào nhau theo một nhịp bước rụt rè, nghe rõ mồn một như tiếng sênh người chấp hiệu định liệu khiến bước đi cho cỗ đòn dậm.

Không biết từ đâu ra, ông Bát Lê đứng sẵn chỗ cọc tre. Trong giây lát đã buộc xong bọn người đợi chết vào cọc. Tù tử bị trói giắt cánh khuỷu, quỳ gối trên mặt đất, khom khom lưng, xếp theo hai

hàng chênh chềch nhau, châu mặt vào rạp. Những người giữ phần việc ở bãi đoạn đầu đang bóp hông, nắn xương cổ và tuốt cho mềm sống lưng tử tử. Họ cần om thể nào cho tội nhân lúc quý phải để được gót chân ngựa đứng vào cái mấu xương cụt nơi hậu môn. Như thế, tử tử sẽ phải rướn mình lên mà nhận lấy lưỡi đao thả mạnh xuống cái cổ căng thẳng. Tử tử lạnh người dần dần. Sinh khí chùng như đã thoát hết khỏi người họ. Trông xa, họ có cái dáng cứng thân nhiên của những tượng đá tạc hình người phỗng Chiêm Thành quý trước sân thờ các đình chùa nhà Lý.

Tiếng nhạc bát âm thổi bài *Lưu Thủy trường* gần mãi lại. Rồi trong một giây phút mọi người lắng rõ tiếng sênh tiền. Ai nấy nín thở. Trông ra cờ quạt kín cả nền trời và linh tráng kín cả mặt cỏ. Bụi cát bay mù như lúc có cuộc hành quân. Quan Công sứ mặc đồ binh phục trắng có ngù kim tuyến đi sóng hàng cùng quan Tổng đốc. Hai quan đầu tinh, một người đi ghệt, một người đi ủng, đều gò bước đi cho nó ăn nhập với cái long trọng của pháp trường. Những tên lính tinh gầy ốm che sát vào người hai Ông Lớn mọi thứ tàn vàng tán tia lọng xanh.

Trăm họ dân đen bị bức đi xem chém không dám phạm thượng, cúi gằm mặt xuống đất, nhìn cánh cỏ may chọc thủng vải ống quần.

Trong nhà rạp các quan an vị. Thầy thông ngôn người Nam Kỳ đứng khoanh tay đằng sau quan đầu tinh lưu trú Pháp. Quan Tổng đốc nói trước:

- Những người sắp bị hành hình kia là dư đảng giặc Bãi Sậy. Bản chức rất mong rằng đây là những kẻ phiến loạn cuối cùng. Và nhờ hồng phúc của quan lớn, cuộc trị an ở xứ này sớm định.

Quan công sứ nhận chén rượu của quan Tổng đốc và rót một chén để tạ lại sự trung thành của quan Tổng đốc đối với công cuộc bảo hộ:

- Thiểm chức rất lấy làm hân hạnh tin cho Quan Lớn biết rằng

nhà nước Bảo hộ không bao giờ quên ghi công Quan Lớn vào công đầu trong cuộc bình định.

Hai quan đầu tỉnh uống đến tuần rượu thứ nhì. Bát Lê cầm gươm tiến đến trước nhà rạp, vòng tay thu lưỡi gươm lại, vãi một vãi, cúi mặt đứng im. Quan Tổng đốc nhóm mình khỏi mặt ghé bành:

- Xin phép Quan Lớn cho ti chức được trình với Quan Lớn một tên đầy tớ trung thành. Hẳn là tay đao phủ tại pháp trường hôm nay.

- Có phải cái người mà Quan Lớn nói là có tài chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lần da gáy đó không?

- Dạ. Mà hôm nay hẳn hạ thủ trong một hơi những mười hai cái đầu. Bây giờ để xin ra lệnh khai đao.

Quan Công sứ gật đầu. Viên giám trảm và Bát Lê cùng lùi ra ngoài rất mau.

Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng. Dứt mỗi hồi chiêng mớm, thì một tấm linh hồn lia khỏi một thể xác. Tùng! Bi li! Bi li!

Bát Lê bắt đầu hoa không thanh quát mấy vòng. Rồi y hát những câu tấy oan với hồn con tội. Trong nhà rạp, các quan chỉ nghe thấy cái âm lơ lơ rờn rợn. Viên Công sứ Pháp chăm chú nhìn Bát Lê múa lượn giữa hai hàng tử tù và múa hát đến đâu thì những đầu tội nhân bị quý kia chẻ gục đến đấy. Những tia máu phun lên kêu phi phi, vọt cao lên nền trời chiều. Mà trên áng cỏ hoen ố, không một chiếc thủ cấp nào rụng xuống.

Bát Lê làm việc xong, không nghỉ, chạy tuốt vào đứng trước nhà rạp. Bây giờ viên Công sứ mới nhìn kĩ cái thằng cầm gươm mặc áo dài trắng, một dải dây lưng điều thắt chèn ngang bụng. Thấy trên quần áo trắng hẳn không có một giọt máu nào phun vấy được vào, Lưu trú quan Pháp liền gật gù hỏi quan Tổng đốc để nhớ lấy tên họ một người đao phủ có lối chém treo ngành rất ngọt. Lưu trú quan



Pháp thưởng cho Bát Lê ba cọc bạc đồng bà đầm xòe.

Lúc quan lưu trú đầu tỉnh gần cầm mũ cáo về tòa Sứ, quan Đổng lý Quân vụ còn ân cần buộc thầy thông ngôn Nam Kỳ dịch cho bằng được:

- Bẩm quan lớn, chém treo ngành như thế này là phải lựa vào những lúc việc quân quốc thanh thân, số tử tù ít ít thôi. Gặp phải những lúc nhộn nhạo quá, án chém nhiều, tử tù đông quá, thì ti chức đã có cách khác. Là chẻ đôi cây tre đục dài ra, cặp vào cổ tù xếp hàng, nối đuôi, quỳ hướng về một chiều. Đại để nó cũng như là cái lồi thanh tre cặp gấp chĩa chim mà nướng ấy. Rồi Bát Lê sẽ cầm gươm mà róc ngang như người ta róc mắt mía.

Lúc quan Công sứ ra về, khi lướt qua mười hai đầu lâu còn dính vào da cổ người chết quỳ, sân pháp trường sắp giải tán bỗng nổi lên một trận gió lốc xoáy rất mạnh. Thường những lúc xuất quân bất lợi, tướng con lốc cuốn gậy ngọn cờ suý, cũng chỉ mạnh được thế thôi. Trận gió xoắn, giật, hút cát bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi, và đuổi theo các quan đang ra về. Cái mũ trắng ở trên đầu quan Công sứ bị cơn lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ lăn lộn mấy vòng. Mọi người liếc trộm hai quan thủ hiến và thì thào.

... Bấy giờ vào khoảng giữa giờ thân.

*Tap chí Tao đàn số 4 (1939)*

## NHỮNG CHIẾC ẨM ĐẤT

**B**óng nắng gần tới đỉnh đầu. Sư cụ chùa Đồi Mai thủng thẳng trở về trai phòng. Nhà sư già gỡ chiếc nón tu lờ, sắp ngồi vào thụ trai thì có tiếng con trẻ gọi ở ngoài cổng chùa. Một chú tiểu lễ phép bước lên tam cấp:

- Bạch cụ, có người con trai cụ Sáu xin vào.

- Vậy chú vẫn đóng cửa chùa đó à? Chú ra mở mau không có người ta phải đứng nắng lâu. Cổng nhà chùa bao giờ cũng nên để ngỏ. Từ giờ chú nên nhớ: sáng sớm tụng kinh nhật tụng và thỉnh chuông xong là phải mở rộng cửa chùa và tối đến, lúc nào học xong kệ thì mới đóng. Kéo nữa khách thập phương họ kêu đấy.

Tiểu ra được một lát thì một người con trai trạc mười bảy tuổi xúng xính trong chiếc áo dài thâm, chân sáo lấm, tay bung cái khay tiến vào tăng xá, vái sư cụ:

- Bạch cụ, thầy con cho con mang xuống biếu cụ bình trà đầu xuân. Và xin phép cụ cho ra giếng chùa nhà gánh một gánh nước.

Nhà sư già đã quen với những việc biếu và xin mượn này ở dưới nhà cụ Sáu, khẽ cất tiếng cười. Trên khuôn mặt khô xác, nụ cười không có gì là ấm áp, thiết tha. Nó chỉ đủ là hiền lành thôi.

- Thế cháu đựng nước bằng cái gì?

- Dạ có người nhà quấy nổi và gánh đi theo còn chờ ở ngoài.

- A di đà Phật! Nắng này mà đi từ làng trên xuống tận đây lấy nước, cụ Sáu nhà có công quá. Cháu ngồi nghỉ chân đã, để già bảo

chú tiểu đưa tên bọc ra giếng. Cháu đi từ sớm, chắc bây giờ đã ngót dạ rồi; sẵn oản chuối vừa hạ xuống, già ép cháu thụ một ít lộc Phật.

- Bạch cụ, cháu ăn mặn ở nhà vẫn còn lũng dạ.

Sư cụ chùa Đồi Mai không nài thêm và vẫn chỉ cười rất thuận hậu.

- Cháu có biết cụ Sáu nhà đến xin nước ở chùa đây đã mấy năm nay rồi không? Gần mười năm. Uống trà tàu như thầy cháu thì cũng có một. Cứ nước giếng chùa đây mới chịu pha trà. Lắm lúc già tự hỏi về cái tiền thân của thầy cháu xem là như thế nào. Nghĩ đến cái nhân duyên của thầy cháu với nhà chùa đây, thực cũng là bền và kỳ lắm cháu ạ.

Thoảng thấy tên lão bọc đã quảy xong gánh nước đang ngo ngác tìm mình và làm ướt cả khoảng giữa sân chùa lát toàn đá tảng xanh, người con cụ Sáu, với cái từ tôn của một thư sinh ngồi hầu chuyện bực phụ chấp đã xuất gia, liền vội vàng đứng dậy xin phép về:

- Bạch cụ, cháu vội phải về, vì ở nhà hôm nay có khách uống trà. Có lẽ thầy cháu ở nhà đang chờ nước về.

Nhà sư già cũng vội theo bọn xin nước ra tới thềm ngoài. Sư cụ rút trong tay áo vải rộng ra một chiếc quạt thước, xòe rộng hết cả nan quạt, nghiêng che đầu cho đỡ nắng và bảo chú tiểu:

- Chú chạy mau ra vườn, bẻ mấy cành lá đào.

Rồi cụ giữ con cụ Sáu lại:

- Ấy, ấy, thông thả một chút. Thả mấy cành đào có lá vào nổi nước, lúc gánh đi đường xa nó đỡ sóng ra ngoài và về đến nhà, nước vẫn mát.

Bọn xin nước vái chào nhà sư. Trên con đường đất cát khô, nổi nước tròng trành theo bước chân mau của người đầy tớ già đánh rổ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm màu. Những hình sao ướt nối nhau trên một quãng đường dài ngoằn ngoèo như lối đi của loài bò sát. Ví buổi trưa hè này là một đêm bóng trắng dãi, và ví

cổng chùa Đồi Mai là một cửa non đảo thì những giọt sao kia có đủ cái thi vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở lại trần.

Ánh nắng già dặn buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung rinh lớp không khí bốc từ mặt đất. Giống như vệt khói nhờ, nắng vờn qua những màu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây cối im lìm. Đứng trong cổng chùa từ bề cao nhìn xuống cái thắp dưới chân mình, nhà sư già nheo nheo cặp mắt, nhìn cái nắng sáng lòa. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi chuyển động lại làm tung lại phía sau mình một chùm cát bụi mờ mờ. Gió nồm thổi mạnh, nhiều con, đã đem cả mảnh bụi trần kia vào lọt cổng ngôi chùa cao ráo. Nhà sư nghĩ đến cụ Sáu, thờ dài tỏ ý tiếc cho một kiếp chúng sinh còn vướng mãi vòng nghiệp chướng.

Cụ Sáu vốn đi lại với chùa đây kể ra đã lâu. Từ trước cái hồi nhà sư già tới trụ trì. Mấy pho tượng Phật Tam thế bằng gỗ mít đặt ở trên bệ và mấy pho kinh in giấy đại thừa là của cụ Sáu cúng đấy. Cái chuông treo ở trên nhà phương trượng cũng là của ông cụ Sáu cúng vào hồi trùng tu lại chùa. Và mỗi lần nhà chùa lập pháp khuyến thì ông cụ Sáu đứng đầu số. Chùa Đồi Mai ở xa làng mạc, biệt lập trên một khu đồi nên cũng ít bị phiền nhiễu bởi đám tạp khách. Thịnh thoàng trong bọn khách đến chơi, ông cụ Sáu được sự cụ biệt đãi nhất. Tháng một lần, nhà sư già lại giữ ông cụ Sáu lại ăn một bữa cơm chay và lần nào từ biệt, nhà sư cũng chân thành tặng khách một giò lan Chu Mặc. Thường thường mỗi lần gặp gỡ, thể nào hai ông già cũng kéo nhau ra cái giếng nước mà chuyện vãn rất lâu. Nhà sư ít nhời, trầm tĩnh ngắm bóng cụ Sáu trong lòng đáy giếng sâu. Cái bóng nhà sư già ít khi được đậu hình cho lâu trên phiến gương nước giếng mát lạnh: chốc chốc một vài giọt nước ngọt lại rời mạch đá tổ ong, thánh thót rớt xuống, tiếng kêu bì bõm. Ông cụ Sáu tì tay vào thành giếng nhìn mịn râu xanh, chỉ ngón tay xuống lòng giếng sâu thăm gần hai con sào mà nói: "Chùa nhà ta có cái giếng này quý lắm. Nước rất ngọt. Có lẽ tôi nghiện trà tàu vì nước giếng chùa nhà đây.

Tôi sợ dĩ không nghĩ đến việc đi đâu xa được, cũng là vì không đem theo được nước giếng này đi để pha trà. Bạch sư cụ, sư cụ nhớ hộ tôi câu thề này: là giếng chùa nhà mà cạn thì tôi sẽ lập tức cho không người nào muốn xin bộ đồ trà rất quý của tôi. Chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị. Mà bạch cụ, chúng tôi không hiểu tại sao ngọn đồi này cao mà thủy lại tụ. Địa thế chùa này, xem ra còn dụng võ được...". Chùng như sợ cụ Sáu bàn rộng tới những chuyện không nên trao đổi với kẻ tu hành đã lánh khỏi việc của đời sống rồi, sư cụ vội nói lảng sang chuyện mấy cây mít nhà chùa năm nay sai quả lắm. Rồi kéo cụ Sáu vào trai phòng dùng một tuần nước. Theo một ước lệ rất đáng yêu đặt ra từ ngày mới làm quen với nhau, đã mười năm nay, bao giờ uống nước trà của nhà chùa, ông cụ Sáu cũng được cái vinh dự pha trà và chuyên trà thay nhà chùa.

Dạo này, chắc ông cụ Sáu bận việc nhiều nên đã mấy tuần trăng rồi mà không thấy vãn cảnh chùa, uống nước thăm hoa, để cho sư cụ cứ nhìn mấy chậu Mặc lan rò trở hoa mà tặc lưỡi. Cùng bắt đực dĩ phải ngắt cắm vào lọ con vẩy. Dạo này cụ Sáu chỉ cho người nhà xuống xin nước giếng thôi. Và trưa hôm nay lúc lặng ngắm hai thầy trò người con ông cụ Sáu đem nước ra khỏi chùa, lúc trở vào, nhà sư già thở dài cùng sư bác chờ đây: "Ông cụ Sáu này, nếu không đam mê cái phong vị trà tàu, đam mê đến nhiều khi lầm lỗi, nếu ông ta bỏ được thì cũng thành một ông sư tại gia. Danh và lợi, ông ta không màng. Phá gần hết cơ nghiệp ông cha để lại, ông ta thực đã coi cái phú quý nhơn tiền không bằng một ấm trà tàu. Nhưng một ngày kia, nếu không có trà tàu mà uống nữa thì cái ông cụ Sáu này sẽ còn khổ đến bực nào. Phật dạy rằng hễ muốn là khổ. Biết đâu trong bốn đại dương nước mắt chúng sinh của thế giới ba nghìn, sau đây lại chẳng có một phần to nước mắt của một ông già năng lên chùa nhà xin nước ngọt về để uống trà tàu. Mô Phật!".

Ông cụ Sáu hôm nay lấy làm thích cái người khách lạ đó lắm. Người khách lạ vừa kể cho chủ nhân nghe một câu chuyện cổ tích.

Lê tròn chén vào lợi chiếc đĩa cổ vài ba lần, người khách kể:

"Ngày xưa, có một người ăn mày cổ quái. Làm cái nghề khát cái là phải cầm bằng rằng mình không dám coi ai là thường nữa; thế mà hắn còn chọn lựa từng cửa rồi mới vào ăn xin. Hắn toàn vào xin những nhà đại gia thôi và cố làm thế nào cho giáp mặt được chủ nhân rồi có xin gì thì hắn mới xin. Có một lần hắn gõ gậy vào đến lớp giữa một nhà phú hộ kia, giữa lúc chủ nhà cùng một vài quý khách đang ngồi dùng bữa trà sớm. Mọi người thấy hắn mon men lên thềm, và ngồi thu hình ở chân cột một cách ngoan ngoãn, mọi người không nói gì cả, để xem tên ăn mày định giờ trò gì. Hắn chả làm gì cả, chỉ nhìn mọi người đang khoan khoái uống trà. Hắn đánh hơi mũi, và cũng tỏ vẻ khoan khoái khi hít được nhiều hương trà nóng tản bay trong phòng. Thấy mặt mũi người ăn mày đã đứng tuổi không đến nỗi bẩn thỉu quá, chủ nhân bèn hỏi xem hắn muốn xin cơm thừa hay là canh cặn, hay là hơ nữa, hắn lại muốn đòi xôi gấc, như kiểu người trong phương ngôn. Hắn gãi tai, tiến gần lại, tòm tòm và lễ phép xin chủ nhân cho hắn "uống trà tàu với!". Mọi người tưởng hắn dở người. Nhưng tại sao không nở đuổi hắn ra và còn gọi hắn lại phía bàn cho hắn nhận lấy chén trà nóng. Hắn rụt rè xin lỗi và ngỏ ý muốn được uống nguyên một ấm trà mới kia. Hắn nói xong, dở cái bị ăn mày của hắn ra, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ấm. Thấy cũng vui vui và là lạ, mọi người lại đưa cho hắn mượn cả khay trà và phát than tàu cho hắn đủ quạt một ấm nước sôi, thử xem hắn định đùa định xược với bọn họ đến lúc nào mới chịu thôi. Hắn xin phép đầu đấy rồi là ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tổng sang chén quân, trông xinh đáo để. Lúc này không ai dám bảo hắn là ăn mày, mặc dầu quần áo hắn rách như tổ đĩa. Uống một chén thứ nhất xong, uống đến chén thứ nhì, bỗng hắn nheo nheo mắt lại, chếp môi đứng dậy, chắp tay vào nhau và thưa với chủ nhà: "Là thân phận một kẻ ăn mày như tôi được các ngài cao quý rủ lòng thương xuống, thực kẻ ti tiện này không có điều gì dám kêu ca lên nữa. Chỉ hiềm rằng

binh trà của ngài cho nó lẫn mùi trấu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt lắm". Hấn lạy tạ, tráng ấm chén, lau khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ấm của hấn, hấn thổi cái vôi ấm kĩ lưỡng cất vào bị, rồi xách nón, vái lạy chủ nhân và quan khách, cắp gậy tập tễnh lên đường. Mọi người cho là một thằng điên không để ý đến. Nhưng buổi chiều hôm ấy, cả nhà đều lấy làm kinh sợ người ăn mày vì, ở lọ trà đánh đổ tung vãi ở mặt bàn, chủ nhân đã lượm được ra đến mười mảnh trấu."

Ông cụ Sáu nghe khách kể đến đây, thích quá, vỗ đùi mình, vỗ đùi khách, kêu to lên:

- Giá cái lão ăn mày ấy sinh vào thời này, thì tôi dám mời anh ta đến ở luôn với tôi để sớm tối có nhau mà thưởng thức trà ngon. Nhà, phần nhiều lại toàn là ấm song ấm quý.

- Cổ nhân cũng bịa ra một chuyện cổ tích thế để làm vui thêm cái việc uống một tuần nước đầy thôi. Chứ cụ tính làm gì ra những thứ người lạ ấy. Ta chỉ nên cho nó là một câu giai thoại.

- Không, có thể như thế được lắm mà. Tôi chắc cái lão ăn mày này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di Sơn nên hấn mới sành thế và mới đến nỗi cảm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch Mao Hâu và trà Trâm Mã hấn cũng đã uống rồi đầy ông khách ạ. Nhưng mà, ông khách này, chúng ta phải uống một ấm trà thứ hai nữa chứ. Chẳng nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhau có một ấm thôi.

Thế rồi trong khi cụ Sáu tháo bã trà vào cái bát thái rộng miệng vẽ Liễu Mã, ông khách nâng cái ấm quần ấm lên, ngắm nghía mãi và khen:

- Cái ấm của cụ quý lắm đây. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. "Thứ nhất Thế Đức gan gà; - thứ nhì Lưu Bội; - thứ ba Mạnh Thần". Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ấm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.

Cụ Sáu vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giờ cái ấm đồng có bay vào sát mặt khách:

- Ông khách có trông rõ mấy cái mấu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tàu, họ gọi là cái kim hỏa. Có cái kim hỏa thì nước mau sôi lắm. Đủ năm cái kim hỏa đấy.

- Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sôi không?

- Lại "ngư nhân giải nhơn" chứ gì. Cứ nhìn tấm nước to bằng cái mắt cua thì là sôi vừa, và khi mà tấm nước to bằng mắt cá thì là nước sôi già chứ gì nữa.

Chủ khách cả cười, uống thêm mỗi người hai chén nữa. Cụ Sáu tiễn khách ra cổng với một câu:

- Thỉnh thoảng có đi qua tệt ấp, xin mời ông khách ghé thăm tôi như một người bạn cũ. Mỗi lần gặp nhau ta lại uống vài tuần nước. Hà, hà.

Năm ấy nước sông Nhĩ Hà lên to. Thảo nào mấy nghìn gốc nhãn trồng trên mặt đê quanh vùng vụ đó sai quả lạ. Cái đê kiên cố đã vỡ. Nhưng vốn ở cuối dòng nước chảy xiết, nhà cửa cụ Sáu chưa đến nỗi bị cuốn phăng đi. Lúc nước rút, ở cái cổng gạch nguyên vẹn, hai mảnh giấy hồng điều đôi câu đối dán cửa vẫn còn lành lặn và nét chữ vẫn rõ ràng:

*Họ lịch sự như tiên, phú quý như giời, quắt con ngựa rong chơi ngoài ngõ liễu.*

*Ta trông cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất, gọi hè đồng pha nước trước hiên mai<sup>(1)</sup>.*

Năm sau, quãng đê hàn khẩu, chùng hàn không kỹ, lại vỡ luôn một lần nữa. Cái cổng gạch nhà cụ Sáu vẫn trơ trơ như cũ. Nhưng lần này thì đôi câu đối giấy hồng điều, gió mưa đã làm bọt màu

(1) Câu đối này lấy của ông Tú Hải Văn.



phẩm mực, ngăn nước phù sa đã phủ kín dòng chữ bằng những vạch bùn ngang dày dặn.

Ông khách năm nọ - cái người kể câu chuyện ăn mày sành uống trà tàu - đi làm ăn xa đã mấy năm, nhân về qua vùng đây, nhờ nhờ của cụ Sáu, đã tìm tới để uống lại với ông già một ấm trà tàu nữa. Nhưng người khách hỏi nhà ông đến, người khách đã bùi ngùi thấy người ta bảo cho biết rằng nhà cụ Sáu đã bán rồi. Thấy hỏi thăm tha thiết, người vùng ấy mách thêm cho ông khách: "Có muốn tìm cổ Sáu thì ông cứ xuống chợ Huyện. Cứ đón đúng những phiên chợ xép vào ngày tám thì thế nào cũng gặp. Chúng tôi chỉ biết có thế thôi".

Phải, bây giờ ông cụ Sáu sa sút lắm rồi. Bây giờ ông cụ lo lấy bữa cơm cũng khó, chứ đừng nói đến chuyện uống trà. Thỉnh thoảng có xin được người nào quen một vài ấm, cụ lấy làm quý lắm: gói giấy, giắt kĩ trong mình, đợi lúc nào vắng vẻ một mình mới đem ra pha uống. Vẫn còn quen cái thói phong lưu, nhiều khi qua chơi ao sen nhà ai, gặp mùa hoa nở, cụ lại còn cố bút lấy ít nhị đem ướp luôn vào gói trà giắt trong mình, nếu đây là trà mạn cũ.

Những buổi có phiên chợ, cụ Sáu ngồi ghé vào nhờ gian hàng tám của người cùng làng, bày ra trên mặt đất có đến một chục chiếc ấm mà ngày trước, giá có trông ngay cọc bạc nên cho trông thấy, chưa chắc cụ đã bán cho một chiếc. Có một điều mà ai cũng lấy làm lạ, là cụ bán lũ ấm đất làm hai lớp. Mấy kì đầu, cụ bán toàn thân ấm và bán rất rẻ. Còn nắp ấm cụ để dành lại. Có lần vui miệng, cụ ghé sát vào tai người bà con: "Có thể mới được giá. Có cái thân ấm rồi, chẳng nhẽ không mua cái nắp vừa vặn sao? Bán thân ấm rẻ, rồi đến lúc bán nắp ấm, mới là lúc nên bán giá đắt. Đó mới là cao kiến."

Cụ Sáu cười hề hề, rồi vội quay ra nói chuyện với bạn hàng đang mê mê những cái thân ấm đất đủ màu, cái thì dáng giỏ dậu, cái thì múi na, hình quả vả, quả sung, quả hồng. Cụ đang bảo một ông khách:

- Thế nào tôi cũng tìm được nắp cho ông. Cứ phiên sau lại đây thế nào cũng có nắp. Không, đúng ầm tàu đấy mà. Nếu không tin ông cứ úp ầm xuống mặt miếng gỗ kia. Cho ầm ngửa tròn lên. Cứ xem miệng vôi vôi quai và gờ miệng ầm đều cần sát mặt bằng miếng gỗ thì biết. Nếu muốn thử kỹ nữa, quý khách thả nó vào chậu nước, thấy nó nổi đều, cân nhau không triềng, thế là đích ầm tàu.

*Tạp chí Tao đàn số 8 (1939)*

## THẢ THƠ

Cái buồn thường không mấy khi xảy đến một cách đơn chiếc. Cụ Phủ bà vừa mất vào quăng đầu xuân, cỏ xanh chưa đủ che kín mặt nấm mộ mới, thì cuối xuân năm ấy, cậu Chiêu lại cũng qua đời. Ví những luật lệ về luân lý gia đình vẫn còn ứng dụng được dưới suối vàng thì bên kia cõi đời này, linh hồn cậu Chiêu chỉ hiểu đang được yên tĩnh để hầu dưới gối một linh hồn chí từ. Và trên trần, có một gia đình đang lúng túng vì sự hiu quạnh. Bây giờ cụ phủ ông đã lâm vào cái cảnh gà sống nuôi con một. Nguyên cụ Phủ được hai người con: cậu Chiêu không may sớm cướp công sinh thành, để lại cho cha một người em gái bỏ cõi mẹ, đã đứng tuổi mà chưa có dịp nào xuất giá. Trời đất ôi, trên mấy gốc tre cần không đủ gây thành một bụi ằm, trận gió thanh bạch ngày ngày cứ lao rào thổi mãi.

Cụ Phủ ông là một người mà học lực và chính tích chấp được cả bạn đồng liêu một thời; cô Tú là một thiếu nữ con quan mà cái tài làm thơ phú theo một gia sáo vững vàng, mà cái hạnh về môn nữ công đủ làm vinh dự cho một gia phong. Nhưng ông Giới thích thừa trừ đã buộc ông Phủ phải nghèo và cô Tú phải xấu. Và những lúc này, người ta không mấy ai nói đến tài và hạnh và thường chỉ hay nhắc đến chữ phận và chữ duyên.

Tiếng trống phủ trên lầu canh cứ điểm những tiếng vô vị vào một tư thất lạnh lẽo. Gian nhà giữa cụ Phủ Ông đã thâm canh dài làm bạn với thánh hiền bên án sách leo lét ngọn đèn; chái nhà phía tây,

cô Tú âm thầm ngồi vấn chuyện với bóng in trên lá màn vải xô. Có những đêm mưa to gió lớn làm nhòe những tiếng trống phủ cầm canh, cô Tú rời phòng mình, qua gian giữa gây một lu trầm cho cha. Ở gian giữa tư thất liền có tiếng ngâm thơ:

*Cứ đốt lò hương cho tới sáng*

*Thử xem mưa gió tới bao giờ<sup>(1)</sup>.*

Nhưng có một đêm rất gần đây, tiếng trống phủ thành hết quấy quả canh đài cụ Phủ và cô Tú nữa. Người ta đã cáo quan về vườn rồi. Ở một xứ quê buồn tẻ kia, bây giờ có một ông già ngồi dạy trẻ và một cô con gái ngày ngày ngồi trong nhà gõ một ống tơ vàng hay là chạy ra vườn bứt ít lá dâu nó cũng già cỗi theo cái cảnh người. Bây giờ muốn nói đến cụ Phủ già đã cáo lão về hưu, người làng chỉ gọi là quan Nghè Móm.

Cụ Nghè Móm thường dạy học vào buổi sớm. Cô Tú săn sóc mọi việc trong nhà cũng vào buổi sớm.

Buổi chiều đến cô Tú đi chợ, làm cơm và mua luôn cả đồ ăn thức dùng cho buổi sớm hôm sau nữa. Cụ Nghè Móm ở nhà nhàn rỗi dùng thời giờ vào việc sao một lá số, gieo một quẻ bói hay là kê một đơn thuốc cho người làng. Có một buổi chiều, một người bạn đồng song cùng ở vùng ấy, nhân bị trời mưa dầm giữ lại nhà cụ Nghè Móm, đã nói với chủ nhân:

- Dăm ba tên học trò nhép này, lấy gì làm đủ sống. Trà tàu, rượu cúc, cây cảnh và hình như bác vẫn chưa bỏ được cái chứng thấp nền bạch lạp để đọc Đường Thi sách thạch bản thì phải lâu nay có đi đâu xa không?

Cụ Nghè Móm cười. Người bạn già rít mỗi thuốc chặt xuống nõ điếu, tiếp:

- Tôi có một chuyện này muốn nói với bác từ lâu lắm, nhưng

(1) Rút trong *Hải Vân thi tập*.

chỉ sợ bác chê là cô lậu.

Cụ Nghè Móm ngừng tay mài hòn son trong đĩa, chăm chăm nhìn bạn.

- Bây giờ tổ chức những cuộc chơi thả thơ, ý bác nghĩ thế nào?

- Cũng khổ lắm. Hồi tôi còn tại chức, có lúc thì tôi đánh thơ ở nhà, có lúc thì lên quan Đốc trên tỉnh, không mấy tháng là không có một cuộc hội họp. Mà tôi nghiệm cái giống thả thơ càng hay chữ càng hay thua cay. Có lắm đêm tôi mất đến mười mấy quan tiền đồng mà không trúng lấy được một chữ.

- Cụ Phủ dạy như thế thì nhầm rồi. Cứ gì phải được tiền. Và chẳng, người thua có mấy khi là người dốt chữ đâu, và kẻ được thưởng cũng không dám tự đắc lên mặt sành thơ. Ở vùng đây lắm người cũng muốn chơi lắm nhưng tự xét không đủ tư cách để thả thơ cho ra hồn, nên chưa có cái lối hội họp như vậy. Tôi muốn được biết ý cụ về việc thả thơ này.

- Tôi bỏ đã lâu ngày rồi. Nếu cố định chơi thì phải đọc lại thơ mất một dạo và, vòng cho đủ chữ một túi thơ, kể cũng công phu lắm. Điều tôi ngại nhất nữa, là bây giờ tuổi tác rồi. Bây giờ lại bày trò vui đó, e có mệt cho tinh thần. Đã thả thơ thì phải ồn ào mới vui. Còn trẻ trung gì cho nó cam. Mà cụ tưởng ở đây ai đánh nổi. Chữ nghĩa đâu mà làm cái vốn. Họ dốt chữ, họ thua thơ, mình ăn tiền của họ đã không lấy gì làm hứng thú mà lại còn mang tiếng rất nhiều nữa.

- Nếu mình cứ thả thơ luôn ở đây, những người ở vùng quanh sẽ tới. Tôi sẽ rao lên. Cụ kêu người đây ít chữ, kệ họ. Họ mất tiền mà được lạm dự vào làng thơ phú, họ phải lấy làm sung sướng. Mà bọn nhà nho nghèo như anh em mình, nhiều lúc cũng nên cho họ chơi trò một chút, miễn là họ phải trả tiền. Tục lệ ở hương thôn, khi bán nhiều bán xã, mua quan viên cũng không ra ngoài cái ý đó. Vậy bác để tâm đến việc này. Từ mai bác đọc lại các tập thơ cổ, tìm sẵn những chữ "vòng" chữ "thả" thì vừa. Cô Tú nhà ta giọng trong

và âm tiếng lẩm.

- Để tôi xem xem có nên không đã.

- Cụ không phải nghĩ nữa. Vậy đệ xin đính ước với bác đến tuần trăng sau. Ủ, bây giờ chúng ta là cuối hạ. Bắt đầu sang thu mát trời, thả thơ thi tuyệt. Nhà lại ở bên sông, còn chờ gì mà không làm một cái nhà bè trên mặt nước. Kể cũng đủ di dưỡng tinh tinh và đỡ cho khoản nhật dụng.

Khách đi rồi, cụ Nghè Móm nghĩ đến hồi trước, cụ đi lại với bạn đồng liêu, những lúc thừa nhàn, không đánh tổ tôm, chơi cờ tướng, thì lại bày một cuộc thả thơ hay là leo lên một đôi trái núi đá. Cái buồn thấy đời là ngắn là ít, chớm qua lòng một ông già đã muốn yên phận với chữ bài.

Bắt đầu từ hôm ấy, những tập thơ cổ đã được giữ lớp bụi ngâu và ra khỏi cái níp sách son son. Cụ Nghè Móm bắt đầu nghiền lại tập thơ của người xưa. Đường thi, Tống thi, Minh thi; đọc đến một bài, đọc hết một câu, gặp được một chữ đột ngột, cụ ngừng lại, ghé mắt kém vào mặt chữ nhỏ như con kiến, cụ vất tay lên trán, nghĩ ngợi và lẩm bẩm. Rồi cụ ngồi nhồm dậy, sao cả bài thơ ấy vào một cuốn sách giấy bản mới mẻ. Nhưng thường cụ chỉ trích lấy một câu ở những bài thơ đọc rất kỹ lưỡng đó. Ngày năm câu, ngày ba câu, một ngày gần đầy, cuốn sách đã đặc những dòng chữ thảo chép những câu thơ rút ở cổ thi. Cô Tú theo lời cha dặn, đã đi mua sẵn rất nhiều tờ giấy tàu bạch rồi rọc giấy ra từng mảnh dài bằng chiếc đũa và ngang to bằng hai ngón tay. Đám học trò nhỏ, đầu còn để cái chỏm dài lẩn thẩn hỏi cô Tú, cô vui vẻ trả lời:

- Đùng nghịch, thầy trông thấy, thầy mắng chết. Giấy này để làm gì à? Thầy sẽ viết những câu thơ cổ vào đây để bày ra giữa chiếu những lúc thả thơ.

- Thả thơ? Có làm thơ thì có, chứ thầy và các anh ấy có nói thả thơ bao giờ.

Cô Tú vốn yêu những cậu học trò nhỏ tuổi của cha mình như một người chị lớn đối với em út, cô không khỏi nín cười để giảng:

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần" đấy chứ? Ủ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ "hướng" ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này câu: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần". Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm: "Quân hướng Tiêu Tương, ngã "vòng" Tần. Chữ "vòng" đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ "thả" ra. Thí dụ thầy thả năm chữ: *có, tại, vọng, phàn* và luôn cả cái chữ hướng trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy chuyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái chí, trố mắt nhìn cô Tú, giục cô nói tiếp:

- Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng. Nhưng mà đây là chuyện của người lớn tuổi. Các em ra tập bài đi, bao giờ thành người lớn rồi sẽ biết.

- Nhưng mà biết thế nào là được, là trúng hả chị? Lạy chị giảng cho một chút nữa, rồi các em xin đi ra bục học bài ngay, để chị rọc giấy.

- Trên đầu mẫu giấy con này, thầy sẽ viết cái chữ thả, thí dụ là chữ *phàn*. Rồi thầy cuộn tròn đầu giấy lại, giấu chữ ấy đi, chỉ còn độ hở cái khoảng viết mấy chữ: "Quân hướng Tiêu Tương ngã... Tần", với một cái khuyên tròn vẽ thay vào chỗ trống. Nếu trong năm chữ *có, tại, vọng, phàn, hướng* em chọn lấy chữ *phàn* mà đánh mà làm thành ra câu: "Quân hướng Tiêu Tương ngã *phàn* Tần", thì là em trúng đấy. Đặt một tiền thì được ăn thành ba tiền...

Tụi trò nhỏ nhìn nhau cười khúc khích và khi bị cô Tú xua đuổi lên nhà học trên đầu ngoái cổ lại cười, nói một loạt với người con gái lớn của thầy học:

- Bao giờ các em lớn, học giỏi được lên tập bài trên trường quan Đốc tỉnh, mỗi khi về thăm lại thầy, chị thả thơ cho các em đánh với nhá.

Đêm mười bốn tháng tám là cuộc thả thơ lần thứ hai của cụ Nghè Móm. Lần trước thả vào thượng tuần tháng bảy; lần này cụ Nghè Móm chọn ngày mười bốn, có người hỏi tại sao không để đến ngày rằm, cụ nói:

- Trăng mười bốn bao giờ cũng khéo hơn trăng rằm. Ngày mười bốn là ngày vầng trăng đi tới chỗ toàn thịnh. Ngắm vầng trăng rằm, người tinh ý sẽ nhận thấy cái vẻ sắp tàn của một vật gì đã mãn khai trong có một thì.

Những người có chút kinh nghiệm, đều chịu lời ông già nhận xét là chí phải.

Vầng trăng mười bốn lúc chéch về đoài đã in một cục bóng thắm và dài lên mặt con sông trắng và lạnh như thổi thiếc vừa nguội. Đây là bóng chiếc nhà bè lợp lá gồi mà trong đó, cụ Nghè Móm đang ngồi làm nhà cái, thả thơ cho hàng chục con người đánh. Người ta đang sát phạt nhau bằng tiền, đem cái may rủi cả vào đến cõi văn thơ và trên mặt nước sông thu, tiếng ngâm một câu thơ được cuộc, tiếng ngâm một câu thơ thua cuộc mất ăn tiền, những tiếng đó đều âm hưởng trên làn nước lạnh, thanh âm nghe trong trẻo, du dương và thái bình như tiếng vang của một hội tao đàn nào.

Mỗi buổi tối thả thơ, cô Tú đều ngồi bên cạnh cha. Cô bận tay đỡ cái túi thơ của cụ Nghè Móm mở lấy ra từng lá thơ đặt vào lòng chiếu cho làng chọn chữ đặt tiền. Đôi khi có kẻ chọn phải một chữ rất què kệch mà lại trúng vào chữ ăn tiền, cô Tú tủm tỉm nhìn mãi nhà con đang vợ tiền, chừng như muốn bảo thăm người được tiếng



bạc đổ chữ đó: "Đấy ông xem, ở đời ăn nhau ở may rủi, chứ chữ nghĩa tài hoa mà đã làm gì, phải không ông?".

Tháng lại tháng, cụ Nghè Móm thả thơ trên mặt sông đã là một chuyện mà một vùng đấy nhắc nhở đến luôn luôn. Nhưng có kẻ ác miệng đã phao lên cái tin cụ Nghè Móm định mượn cuộc thả thơ để cho con gái lớn gả quá lứa kén chồng.

Từ đấy không thấy cô Tú theo kèm cha xuống bè nữa. Cụ Nghè Móm không cho cô Tú theo mình đi thả thơ. Từ đấy, không rõ tại đâu, cụ Nghè Móm hay thua luôn. Và bọn đánh thơ thì uể oải vợ tiền được, và buồn nhớ đến một cái bóng người đã mượn ít nhiều tiếng thơ mà tô vẽ nhiều cho lắm buổi đổ chữ lấy tiền.

*Tap chí Tao đàn, số 6 (1939)*

## ĐÁNH THƠ

**G**iữa quãng cuối đời vua Thành Thái và đầu đời Hoàng Tôn Tuyên hoàng đế, đất Thuận Hóa có ba người đàn bà rất đẹp và rất lẳng lơ.

Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng cái tiểu xảo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế trong một thời.

Cái thời ấy là thời của Nhà nước Bảo hộ tạm gọi là yên trong cuộc bình định. Nơi quê hương, vào những ngày u hoài âm ỷ, gió Đông Bắc còn gửi mãi về cái mùi diêm sinh đem từ ngoài bờ cõi vào. Nhưng, mặc kệ, dưới chân một nếp hoàng thành, bên bờ một con sông nước không bao giờ có sóng, mỗi ngày vẫn có ba người đàn bà ca hát từ lúc mặt trời tắt cho đến lúc mặt trời mọc. Tiếng đàn hát trên mặt nước một con sông nông lòng và không gợn chút tăm cá, đã vẳng đưa ra rất rộng. Thấy thế, một vài ông già mặc áo vải, mỗi lúc chống gậy trúc ra bến, ngắm bóng nắng tàn rụng phía bên tả ngạn sông Hương, đã thốt ra những lời than thở.

Nhưng, giọt lệ già của người mặc áo vải rỏ rơi xuống thì cát nơi bãi sông cứ việc thấm hút và uống cạn. Và có một cái gì vẫn còn lại mãi mãi ở hai bờ sông Hương thì vẫn chỉ là những tiếng hát. Tiếng đàn hát của giai nhân.

Họ là một bộ ba có ba cái tên rất đẹp, rất thơ mộng: một người là Mộng Liên, một người là Mộng Huyền và một người nữa tên là

Mộng Thu. Ở Huế, những cái miệng tuổi tác đã bắt đầu theo thị hiếu mà nói luôn luôn đến ba cái Mộng xinh kia và luôn luôn tấm tắc: "Thần kinh hữ tam Mộng".

Gữa cái thế giới đàn sáo của thành đô, ba cái Mộng xinh đẹp mỗi đêm rải rác ra mọi bến đò tản mát ở dọc sông Hương, những cái sở đắc về thanh và sắc của mình.

Nước một con sông hiền lành đầy nhẹ cánh hoa vô định lừ đừ trôi một mình theo những cái xoáy nước yếu đuối. Mỗi đêm, ba cái Mộng gõ một nhịp phách, bầm một dây tơ và để rồi phá cười lên vài trận. Để cho cái xã hội đàn ông mặc áo xanh ẩm ướt phải thèm muốn. Thế rồi trong một đêm tốt đẹp, có một ông Phó Sứ giữ lăng, đã đứng lên làm chủ cho một cái Mộng. Mộng Liên đã về hẳn với quan Phó Sứ.

Một cái miệng cười, mười ngón tay thắp bút trước kia là của chung thiên hạ, bởi vì nó không có sở cứ, bây giờ đã trở nên của riêng một nhà. Cặp vợ chồng ấy là một lứa đôi tài tử.

Ông bà Phó Sứ giữ lăng không mấy khi ở yên một chỗ.

Cái nghề của họ buộc họ phải xê dịch luôn luôn và mãi mãi. Suốt một dải Trung Kỳ, họ đi về như là trầy chợ. Tới mỗi nơi, ở mọi chốn, quan Phó Sứ lại mở một cái túi đựng toàn bài thơ đổ ra cho mọi người đặt tiền và bên chiếu bạc văn chương, Mộng Liên lại đàn, lại ca để làm vui cho cuộc đồ đen rất trí thức này.

Một tuần trăng, cặp tài tử này ở một tỉnh. Cái chiếu bạc thả thơ của họ thường trải ở một phủ nha, huyện nha hay là nơi tư thất của một đốc bộ đường. Bất kể lúc lên voi, lúc xuống chó, lứa đôi này đã để dẫu giày trên mọi chốn và tha lê đi khắp nơi cái túi thơ và cái túi phách ăn người của họ. Họ nhờ vả cổ thi, kiếm ra cũng được rất nhiều tiền. Nhưng cái giống lăng tử cầm tiền thường không nóng lòng bàn tay và có mấy khi họ nghĩ đến sự bảo hiểm cho ngày mai của mình. Vợ chồng ông Phó Sứ chưa bao giờ nghĩ đến việc làm một

cái tổ ở một chỗ nhất định nào.

Quê hương của họ là Cờ bạc và Đờn hát. Nhà cửa đôi lưu dăng ấy gửi vào trong cái truy hoan của thiên hạ. Cái lãi trong đời bấp bênh của họ là ở chỗ nhiều người đã nhắc nhòm tới cái tên Mộng Liên và Phó Sứ, mỗi khi lữa đôi chậm tới hay là đã lâu rồi mà chưa thấy trở lại. Người đánh thơ được, người đánh thơ thua liếng xiếng, ai ai cũng đều nhớ đến họ những khi xa vắng. Hình như bấy nhiêu người đều nhận ông Phó Sứ là đáng mặt làm nhà cái cho những buổi thả thơ rất nên thơ; mở xong mỗi tiếng thơ có khi ăn thua từng mấy chục bạc, người ta đều ngâm đi ngâm lại câu thơ thả. Nhà con, nhà cái đều ngâm vang cả nhà, chùng như muốn thi nhau một cái giọng tốt, chứ đồng tiền mất đi hay thu về được gấp ba số đặt, thời có gì là đáng kể. Giữa hai tiếng bạc trên một chiếc chiếu la liệt những mảnh thơ đề, Mộng Liên đêm đêm kể đui tựa má ông Phó Sứ, lại đánh đàn, lại ca Nam bằng, ca Nam ai.

Có lẽ không riêng gì ở một nơi, mà ở mọi nơi, những lúc sốt ruột chờ mong vợ chồng ông Phó Sứ trở lại với túi thơ, mỗi buổi gần giờ tan buổi hầu, những lúc việc quan thanh thân, bao nhiêu thầy thừa phái ở các ty Phiên, ty Niết và những ông Hậu Bổ, Thông Phán tỉnh, Kinh Lịch đã nói những câu:

- Quái lạ, sao cứ này hai ông mụ đó đi lâu quá chưa trở lại thả thơ cho bọn mình chơi hề!

- Đánh thơ của lão Phó Sứ có cái rất thú là được thua chi chi, mình cũng đều lấy làm thích cả. Bởi vì lão biết chọn những câu rất hay mà thả. Mỗi lúc ngâm lên, cái hay của câu thơ đã làm cho bọn mình lạnh hết cả người.

- Chẳng thế mà quan Kinh. Ngài đã mấy lần phải bán lương non, thua nhẵn.

- Chơi cái gì thì chơi, chứ đến cái lỗi đánh thơ thả, cái nghiệp những anh đã hay chữ lại thêm tự phụ, là chỉ mần kiếp thua không

còn lấy một đồng một chữ tiền.

- Và có nhiều đũa dốt cay dốt đắng, thì lại mỗi tay vợ tiền.

- Quan bác có biết tại sao không? Đệ cho không có cái nào lợi hại bằng lão Phó Sứ. Hắn lấy ý tứ ra mà dò tiếng bạc của từng người. Nếu lão biết quan bác thích lối thơ liệu, đọc lên âm thanh và niêm luật tròn trĩnh, nhịp nhàng, thế nào lão cũng rình lão thả một đôi chữ rất què kệch hay là khổ độc. Quan bác mấy khi lựa những chữ què kệch mà đặt tiền. Vậy nên lão vòng những chữ rất ngớ ngẩn đó. Thế là quan bác mất nghiệp, nếu bừa đó, quan bác lại đặt tiền đến tột cửa. Và lão lại còn bán cho mấy cửa đánh những chữ ngô nghê mà lão biết trước sau mình cũng khinh rẻ.

- Kỳ tháng trước, quan Kinh phải đi khám án mạng ở vùng quê thành ra bỏ lỡ mất buổi thả thơ mà tôi rất lấy làm hứng thú. Ngài nghĩ, tôi đã bắt thóp được một câu do sự vô ý của mục Mộng Liên. Nguyên hôm ấy, lão Phó Sứ cho thả năm chữ: *cầm, thử, đàn, thiếp, sâu* trong một câu thơ mà lão "vòng" chữ đầu "*Vòng tâm duy hữu dạ dăng tri*". Kể cũng khó đánh đậy chữ. "Ngọn đèn dầu ban đêm soi tỏ, biết cho tấm lòng gì?" Lòng đàn? Lòng son? Lòng một thiếu phụ? Lòng sâu? Phân vân lạ. Bỗng tôi thấy mục Mộng Liên ngồi cạnh, nhìn chăm chú vào chữ thả đứng đầu là chữ *cầm*, rồi mục thánh thót bầm khẽ mấy tiếng đàn nguyệt. Tôi đánh ngay chữ *cầm* ngài ạ. Tôi đoán già là lúc ở nhà vòng chữ, chồng đưa đũa cho vợ gôi, lão Phó Sứ đã bị tiếng đàn của vợ dạo lên buổi đêm ảnh hưởng nên lão mới thả chữ *cầm*. Và đánh chữ *cầm*, thế nào cũng ăn. Hôm ấy, tôi đặt hai chục được sáu chục và muốn tỏ ý cảm ơn người đánh đàn một cách kín đáo, hôm sau tôi đã mua biểu Mộng Liên một cây đàn nguyệt có bốn cái trục bằng ngà voi nấy. Đây, chơi thơ, nhiều khi tâm lý nhiều vào là ăn.

- Tâm với lý gì. Có biết thơ thả, lão Phó Sứ thường mua lại của ai không? Mua của Tào Sát bên phủ Tuy lý Vương! Hai ba đồng, tiền

công vòng một trăm câu. Thơ Tào Sắt mà thả, thì dùng có hồng mà ăn.

- Nay, các ngài có được rõ câu chuyện lão Phó Sứ dám thuê thợ bên Tàu khắc riêng cho mình mấy tấm thạch bản in thành một tập thơ mỏng không? Lão ra khuôn mẫu cho họ in nhiều câu có những chữ lạ, rất ngộ nghĩnh và mỗi khi đem câu đó ra mà thả thực không ai ngờ đến. Nhưng chỉ có khi nào đánh to lắm, lão mới giở đến bí thuật này. Lão tìm đến những quan to và có tiếng là hay chữ lão mới thả một hai câu thật gay go. Các quan thua, đòi lão phải dẫn chúng cổ thi, lão giả vờ bịt tên sách lại, che kín lễ, mếp và gáy cuốn thơ, chỉ cho xem đủ cái câu thả đó và đứng đĩnh, tùm tùm trình với cả làng rằng đó là một câu thơ Tống. Thật là rõ ràng chữ thạch bản, chữ tuy nhỏ bằng con kiến, nhưng đeo kính vào xem, chữ không nhòe lấy một nét. Nhiều người thua cay, thường chỉ tự trách mình xem cổ thi ít quá và tặc lưỡi kêu: "Cổ nhân dùng chữ úp mở uyển chuyển quá đi thôi. Họ cậy có tài, tự cho mình cái quyền hạ những chữ quá lắt léo, đem cái quyền lực của sáng tạo ra mà làm bọn mình đảo điên cả nhận thức và cả tiền bạc nữa. Còn ai biết đặng nào mà lần nữa". Ấy một năm lão Phó Sứ dùng lối thả thơ sanh tử như thế độ một đôi lần, đủ gỡ lại những bữa thua to. Chà! Nhưng mà nghĩ lắm lúc cũng tội. Vợ chồng họ nhiều khi thua nhẵn. Lắm bữa không có lấy một chữ tiền mà thừa dây đàn nữa. Và hai ông cụ phải vờ cáo bệnh nằm bệt một nơi có khi đến hàng tháng.

- Cụ Tuấn trước ở đây, chơi khộng được lịch sự, thành thử vợ chồng ông Phó Sứ họ cũng dâm nhờn. Ai đòi đi mặc cả với họ mỗi buổi đánh thơ xong, phải đưa cho mình một số nhất định là bao nhiêu, mặc dầu họ thua hay là được. Không những thế, Cụ lại còn quấy nhiễu họ giữa những tiếng bạc lớn. Lấy tiền nhà cái, lúc năm đồng, lúc mười chữ, tẹp nhẹp quá. Hình như Cụ còn chót nhả với cả cụ Mộng Liên nữa.

- Thì cũng phải lấy hồ chút ít chứ sao? Có thể thì những buổi

hội giảng đầu tháng bên tòa bên tỉnh xong. Cụ mới giữ các quan phủ huyện lại cho chớ? Vậy chớ ai trả tiền những mâm rượu linh đình giáo đầu cho mỗi cuộc thả thơ?

- Cái ông huyện Bình Khê, người trông đứng đắn thế vậy mà nhảm lạ. Ông ta chúa hay vờ vĩnh. Nhà cái chùa thả thơ xong, ông cứ vờ vĩnh giục ồn lên những là lâu và làng đặt tiền chậm như thế thì một đêm, phỏng thả được mấy câu thơ. Thế rồi ông vờ lấy lá thơ đặt ở giữa chiếu, dọa mọi người nếu không đặt tiền nhanh lên thì ông thổi tuột lá thơ ra và xin làng, nếu nghì lâu quá, thì đợi đến câu sau hãy đánh vậy. Mỗi lần ông cầm lên đặt xuống lá thơ, cái mẫu giấy tàu bạch cuộn tròn như tổ sâu kèn lại nói giãn dần ra một chút. Và ông đã hé nhìn được chữ gì viết trên đầu giấy, cuộn tròn tận vòng trong cùng lá thơ. Mắt ông ta nhanh như cái cắt. Có lần ông Phó Sứ vòng một chữ *bút*, ông huyện vờ xin thổi thế nào mà nhìn được cái nét số dài. Rồi là có bao nhiêu tiền đem đặt vào chữ *bút* đến tột cửa! Nhưng, mục Mộng Liên xem chừng cũng hiểu, nên mỗi lần sau, ông huyện Bình Khê động tay vào lá thơ là mục lại buông tay đàn, chặn lấy giấy và nhìn trùng trùng vào giữa mặt ông huyện có tính gian xảo kia.

Đêm hôm đó người ta bày cuộc đánh thơ ở nhà ông Kinh Lịch. Mọi người tụ tập ở đây đều lấy thế làm vừa lòng. Vì ít ra, ở đây, người ta cũng chơi bởi có phần được tự nhiên hơn ở trong dinh các cụ. Ông Kinh Lịch là một người trọng cái sạch sẽ của tâm hồn, nói to cùng mọi người là ông không thu tiền hồ. Ông chỉ yêu cầu ai được thơ nhiều nhất thì nên cho người lão bộc nhà ông một số tiền nhỏ mọn để đền lại cái công nó làm dầu, làm đèn, nấu cháo và bung diếu. Ông Kinh lại còn khấn khoản với mọi người đừng nên làm huyền não nhà cửa lên. Ông vui vẻ nói:

- Đã hay rằng vớ được câu thơ hay, ai mà chẳng muốn ngâm vang lên. Thứ nhất lại ngâm vang câu thơ thả mình vừa đánh trúng

cái chữ hiểm hóc, thì ai mà bụm miệng được. Một người ngâm, cả làng phụ họa vào, ồn ào bằng võ chợ, cái đó cũng là thường tình. Nhưng, tôi xin các ngài biết cho là chúng ta ở trong thành, gần ba dinh Cự Lớn, mình không nên làm náo động quá. Bình khe khẽ, đủ nghe với nhau thôi.

Cả một lũ con bạc lên mặt tài giỏi, nhìn ông Kinh Lịch cười hóm hỉnh và khoan thai bước vào chiếu giữa. Ông Kinh Lịch chăm thêm dăm bảy cây sập nữa đã gắn sẵn vào đế đèn đồng. Tất cả thành thử đèn hơn mười cây nến, chung nhiệt độ lại để tăng bốc cái mùi thơm gắt ngát của một bình hoa rộng miệng chứa gần trăm gốc huệ trắng. Hoa huệ mãn khai cuộn cong đầu cánh trắng lại như những râu rồng và gặp tiết đêm, gặp sức nóng của nến cháy, của người thở mạnh, của hơi thở dồn vang càng hết sức nhả mùi hương. Không khí đều là huệ hết cả, có người rít mạnh mỗi thuốc lào, đã lầm rằng thuốc của mình là ướp ủ bằng hoa huệ. Hơi huệ ngùn ngụt bốc lên, quện lấy mùi dầu dừa nơi mái tóc Mộng Liên. Mộng Liên mặc chiếc áo màu hỏa hoàng ngồi ép sát vào chồng, mặc một chiếc áo lụa năm thân nhuộm màu khói nhang đột chỉ trũng rạn. Ông Phó Sứ vừa gỡ túi thơ vừa hỏi làng:

- Dạ thưa, có đánh thơ cổ phong không? Và có đánh chữ chân không?

Một con bạc ít tuổi và chùng như mới tập tống lối chơi chữ này, hỏi lại:

- Đánh thơ cổ phong? Thôi, nếu thả thơ cổ phong thì anh em ở đây đưa tiền cho ông tiêu hết. Còn đánh chữ chân là thế nào?

Ông Kinh Lịch đang nằm bên khay đèn, ngồi nhóm dậy nói chớ xuống chiếu dưới:

- Cái ông Thừa nhà tôi đến hay lắm lắm. Đã đi đánh thơ đòi ăn tiền thiên hạ, còn hỏi lục vấn thế nào là chữ chân. Thừa ông, câu thơ bảy chữ, đem vòng chữ thứ bảy cuối cùng cho làng đánh, thế gọi là



đánh chữ chân ạ.

- Nếu thế thì đánh cả chữ trác và cả chữ bằng à? Thôi, xin làng cứ theo như lệ mọi khi mà đánh. Đây chúng tôi không phải là thi bá, không dám đánh chữ vắn, chữ chân.

Ông Phó Sứ và Mộng Liên nhìn nhau cười: vợ chồng có ý bảo thăm nhau rằng làng cũng khôn đấy nên mới không dám trêu vào lối đánh thơ hiểm hóc này.

Lá thơ đầu tiên đã ra khỏi miệng túi gấm vắn khư khư nằm trong tay Mộng Liên. Cả làng chăm chú nhìn và ngậm ngợi và ngẫm nghĩ. Cái gì mà "... thượng, mai khai, xuân hựu lão?" Cuối lá thơ thả, có sẵn năm chữ thả viết xương kính: *tái, sơn, đình, mộ, Vãn*. Cả làng ngậm:

- "*Vong*" thượng, mai khai, xuân hựu lão.

Vắn lời cái ông thừa trê:

- *Tái, sơn, đình, mộ, Vãn*. Ta đánh chữ *tái*: "*Tái* thượng, mai khai, xuân hựu lão". *Hoa mai... nở trên mặt ngọn ải... xuân lại già nữa*.

Nghĩ ngợi lâu, ông Thừa trê trở nên do dự. Thấy ông Thông phán tỉnh, người có tuổi và vốn sành về môn thơ thả, đánh chữ *Vãn* ông tỏ ý ngạc nhiên:

- *Vãn* thượng, mai khai, xuân hựu lão. Quái nhỉ! Sao lại *Vãn*?

Rồi ông Thừa cứ mân mê mãi cọc tiên, không biết nên đặt chữ gì để ông Phó Sứ phải sốt tiết lên cắt nghĩa hộ cho bằng về lễ phép ngụ nhiều ngọt mạn kín đáo.

- Thừa ngài, *Vãn* là con sông *Vãn* chảy qua đất *Lỗ*, quê đức Thánh Khổng. "*Mai nở trên sông *Vãn*, xuân lại già*": Cụ Phán tỉnh đánh thơ như thế, câu đó ngài cho làm lạ lắm sao?

Và, xem chừng cả làng cũng không có một ai đánh thêm được đồng nào nữa, ông Phó Sứ xin làng cho phép ông được thối lá thơ cuộn tròn để tuyên bố cái kết quả tiếng bạc đầu tiên. Ông đã nhẹ

nhàng cầm lá thơ, phồng má định thổi phù một cái. Một vài người vội vàng rút thêm tiền đặt vào mấy chữ *tài, sơn, đình*. Chỉ có chữ *mộ* là không ai đánh cả.

Mộng Liên ngồi đánh được một phần ba bản đàn Nam bình<sup>(1)</sup>.

Thế rồi tiếng bạc mở.

Và cả làng đều ngã ngửa ra khi đọc rõ lá thơ kia là câu: "Mộ thượng, mai khai, xuân hựu lão". Cả làng nhao nhao:

- Ô, cổ nhân dùng chữ ác thật. *Hoa mai nở trên nấm mộ, xuân càng già*. Thơ phú thế có giết người không? Ai biết đằng mô mà lần, mà đoán.

Ông Phó Sứ trước khi vợ tiền cả làng, vì không ai đánh chữ *mộ*, ông đã vội trình với làng một trang sách thơ mở rộng. Và tay vừa chỉ một dòng chữ in nhỏ, mồm vừa nói:

- Thưa với làng, câu này lấy ở bài *Toa phóng hạc đình* của Từ Dạ.

Bao nhiêu bộ mặt tâng hăng đều cúi cả vào trang cổ thi và ề à ngâm lại;

- "Mộ thượng mai khai, xuân hựu lão; Đình biên hạc khứ, khách không hoàn". Hay, hay thiệt.

Ông Kinh Lịch đêm ấy thua to. Ông truyền cho người cuốn chiếu bạc và ân cần dặn vợ chồng ông Phó Sứ tháng sau có trở lại thì thế nào cũng phải tổ chức cuộc thả thơ ở ngay nhà ông cho ông gỡ lại. Ông còn nằn nì xin ông Phó Sứ làm quà cho mình tất cả những lá thơ đã dùng đánh suốt một đêm qua. Thấy nhà cái trù trù, ông Kinh Lịch nói dối:

- Có cho, thì tôi giữ làm chút kỷ niệm.

Ông Phó Sứ cười, trao vào tay ông Kinh mấy chục lá thơ đã dùng đến nhàu nát rồi và thắt chặt lại miệng túi gấm còn đựng đến

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất bốn dòng chưa tìm ra được.

gần trăm lá thơ khác chưa dùng đến còn phong kín cái bì mặt một chữ thơ. Rồi nhà cái nhà con chấp tay từ biệt nhau với một câu đĩnh uớc: "Cữ thượng tuần tháng sau, xin lại gặp nhau ở đây nữa".

Nhưng ngày thượng tuần tháng sau, ông Phó Sứ và Mộng Liên không trở lại. Rồi quá cữ trung tuần, rồi qua luôn cả cữ hạ tuần. Nhiều khách thả thơ đã dày công chờ đợi vợ chồng ông như một cái bóng chim như một cái tằm cá.

Một hôm, có người ở Kinh ra, nói chuyện cùng ông Kinh Lịch:

- Ông Phó Sứ chết ở chân Đèo Ngang rồi. Mộng Liên giờ là người góa và đang lúng túng tìm người giữ cho cây đàn. Số là đi qua Hoành Sơn quan, thấy cảnh đẹp, lòng sinh tình, hai ông mụ đã yêu nhau giữa vùng trời nước bao la. Ngay chỗ dưới chân ngọn tường ải có chữ "Đệ nhất hùng quan" của đức Thánh tổ ngự phê ấy, ông ạ. Trúng cơn gió độc, ông Phó Sứ đã hóa ra ma chết đường. Mộ để sát ngay bên đường thiên lý. Cái giống ma trời này, sẽ thiêng vô cùng. Rồi đây những lúc thanh vắng, những lúc trăng bãi gió ngàn, hồn ma tha hồ mà trêu ghẹo khách bộ hành vô Kinh đấy ông ạ. Cấm cảnh cho lão, đâu có bậc thời sĩ quê vùng Ngũ Quảng có làm đôi câu đối điếu. Xin đọc ông nghe:

*Ra Bắc vào Nam, trăng gió để huê thơ một túi*

*Lên đèo xuống ải, mây mưa đánh đổ cuộc trăm năm.*

*Tạp chí Tao đàn, số 7 (1939)*

## NGÔI MẢ CŨ(\*)

**T**hành ra cái hồi cụ án nhà mất thì cậu mới có ba tuổi.

- Dạ.

- Thế cậu không rõ cái người phân kim cắm huyết cho cụ Án hồi ấy là ai à?

- Dạ, thưa không.

- Tôi thấy cậu là người còn ít tuổi, mà có chí như thế, tôi có bụng yêu. Bỏ cô cha, bỏ cô mẹ, sống cái tuổi thơ ấu giữa cảnh loạn lạc và nghèo túng, vậy mà vẫn có chí theo đuổi được việc sách đèn, tôi lấy làm khen lắm. Giá như con nhà khác thì lêu lổng và hỏng từ bao giờ rồi còn gì. Cái thiên lương của cậu tốt lắm.

Cậu Chiêu ngôi hầu chuyện cụ Hồ Viễn, lòng buồn rười rượi. Mồm thì dạ vâng để giữ lễ mà óc thì bận nghĩ giạt lù về cái hồi còn nhỏ bé của mình. Cụ Án ông mất, cụ Án bà cũng mất theo liền. Cách nhau không đầy ba tháng, cậu Chiêu mang luôn hai cái tang lớn... Mấy ông chú, bắt đầu phá tán cái gia tài còn con... Một mình ở với chị, lúc ấy chị mới có mười hai tuổi... bây giờ lại đang loạn lạc. Trăm họ tan lia... Bao nhiêu ông già bà cả chạy giạt vào cái thăm thẳm của rừng Hung Hòa. Màn trời... có những vòm lá cây âm u. Chiếu đất... có những cỏ áy, sim lụi và những cành cây mục bở với những đàn kiến lửa nối nhau ngày đêm bò liền liền như là quan quân đi tiêu giặc. Nhớ đến cái mình sống hồi ấy giữa cảnh ly loạn, cậu Chiêu

(\*) Đã đăng ở tạp chí *Tao đàn* số 9 - 10 (16-7-1939) với nhan đề *Cái mả cũ*.

hình dung thấy rõ mòn một, một cái đĩa trẻ bỏ coi rất đáng nên tội nghiệp kia. Cậu đấy. Ừ, tương là chết được lắm, chứ có ai ngờ đâu còn sống được đến bây giờ và lại còn được ăn học đến nơi đến chốn nữa. Cái thân một người con quan lúc bấy giờ thật đã khôn cực đủ trăm phần.

Ông cụ Hồ Viễn vẫn nói và uống. Càng nói chuyện, cụ càng uống rượu; càng uống rượu, cụ càng được nói chuyện nhiều. Mỗi lúc bị hỏi gặng, cậu Chiêu lại như tỉnh cơn mơ nhỏ.

- Dạ?

- Thưa vâng.

Rồi cậu Chiêu lại vẫn không quên cái cảnh màn trời chiếu đất của ngày bé bỏng. Dưới cái màn trời triền miên những kinh động ngỡ sợ, ánh sáng tối và ẩm ướt của rừng tị nạn đổ xuống một cái đầu xanh đang ngậm chùm tóc mới vừa tơ mà đã nhuộm màu tang. Trên cái chiếu đất dằng dặc mùi cỏ cứt, một cặp chân có khóa bạc vòng vàng đang in đôi gót đỏ như son lên cái rêu nhầy nhờn, của ngày đau khổ và lẩn lút. Có những ngày liên tiếp cậu Chiêu và chị - cô Tú - phải nấu củ rừng ăn với cháo chó, - những con chó trung thành cùng theo chủ vào ruột rừng Hưng Hóa.

- Cậu còn nhớ chỗ để ngôi mộ cụ nhà đấy chứ?

Cậu Chiêu choàng ngời thẳng mình lên và ngừng tay quạt ruồi chồn vờn trên mâm cơm, vội thưa với cụ Hồ Viễn:

- Dạ thưa cụ, cháu nhớ lắm. Có ai mà lại đi quên được mồ mà cha ông. Vả chăng, vẫn còn có tấm bia ở đấy.

- Ờ. Đấy là xứ Đồng Cồn phải không? Từ ta đây mà xuống dưới xứ Đồng Cồn thì đi như thế nào nhỉ?

- Dạ như chúng tôi đi bộ thì mất trọn một ngày, nếu không nghỉ ở dọc đường. Nhưng cụ có đi thì phải thuê cáng. Và đi cáng đòn ba thì tỉnh mơ đi, độ quá giờ ngộ đã tới.

- Thôi được rồi, để hôm nào mát trời, tôi và cậu sẽ xuôi xuống Đồng Cồn. Ngôi mộ cụ Ân thế nào cũng phải phúc lại. Mộ để như thế, hồng hết. Ai lại tọa như thế, hưởng như thế bao giờ. Minh đường có mà thành ra nghịch thủy hết cả. Cậu nói qua qua thế, tôi cũng đủ rõ rồi.

Mâm rượu vừa bung đi xong, cậu Chiêu kính cẩn mời cụ Hồ qua giường bên nghỉ.

Bảy giờ cậu Chiêu mới lùi vào nhà trong qua bên chái buồng cạnh. Cô Tú ngừng tay gieo thoi trên khung cử vải, vuốt mái tóc xuề xòa dưới vành khăn nâu mỡ quạ.

- Thôi, em đi ăn cơm sớm đi chứ. Cơm ủ trong chăn đã ôi hết cả rồi. Có cái đĩa nộm khoai cho tương, chị để phần cho em một ít đấy.

- Em nhớ ra rồi. Hôm nay ngày rằm, chị ăn chay.

Cô Tú cười. Nét cười dè dặt lẫn có mùi vị của hy sinh.

Với cô Tú, cuộc đời giờ đã hết tất cả xán lạn rồi. Bởi vì đời đã sớm đòi hỏi cô nhiều về bốn phận. Cô nhất định không đi lấy chồng và vui lòng sống vậy cho đến lúc nào cậu Chiêu đi thi được và làm nên được. Ở trong cảnh cô cút với sự thanh bạch, cô Tú ngày ngày dệt vải và khâu thuê vá mướn cho người xóm làng. Những lúc rời tay kim tay thoi thì cô lại lên tiếng ngầy ngà đến người em lúc quên mặt chữ sách hay là bỏ dở một trang quyển bài viết. Cái bây giờ của cô Tú đã là không đáng kể và cô chỉ sống bằng mong chờ về cái mai sau của cậu Chiêu. Dưới quang đèn dầu bông, nhiều khi người em đã rầu lòng, tỏ lời hỏi lỗi vị những lúc làm phiền lòng cô Tú mà cậu coi như là mẹ, một người mẹ rất trẻ, đầy âu yếm và thừa đức tin vào mình.

Chị ngồi chờ em ăn xong bữa cơm rau dưa, đưa tắm nước cho em rồi mới hỏi chuyện về việc ông cụ Hồ Viễn đã nhất định hôm nào thì đi xem lại ngôi mộ cha cất ở Đồng Cồn chưa. Cậu Chiêu thở dài, tỏ vẻ sốt ruột:

- Cụ Hồ ở nhà ta có đến hơn một tháng rồi mà cứ nay lần mai nữa mãi. Em thấy tốn nhiều quá chị ạ.

- Em coi chừng lời nói, kéo cụ Hồ nghe thấy thì uổng cả cái bụng thành kính của mình đi.

- Chị thử nghĩ, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện. Ông cụ Hồ khó tính quá. Thuốc phiện nếu không phải là thứ một lạng đựng vào công thì không hút. Gớm, không hiểu ông cụ Hồ để móng tay làm gì mà dài đến thế. Móng tay út lá lan của cụ uốn hai vòng như râu rồng. A chết chữa, hình như hôm nay quên không mua chanh để chút nữa cụ dậy rửa móng tay.

- Có trong kia rồi.

- May quá. Chị chưa thấy cụ Hồ găt gông mỗi khi bung thau nước ra mà không kèm vài quả chanh sao?

- Em phải nên chiều cụ. Những lúc đêm hôm, em chịu khó hầu hạ cho được vừa lòng cụ. Cả nhà có hai chị em, chị là gái, vậy chị trông cậy ở em. Em nên biết, rước được cụ Hồ về nhà khó lắm.

- Nhà ta nghèo, cái đó cụ Hồ rõ lắm rồi còn gì nữa. Vậy mà cụ cứ bày vẽ ra nhiều quá. Một tháng, hai tháng, cố gắng thì may cũng chiều đãi được chu tất. Nhưng em chỉ sợ cụ cứ ở lý mãi đây, hết trông trời lại đến xem lịch, mà vẫn không chịu đi xem hộ ngôi mộ của thầy, rồi thì sao?

- Chị ngờ cụ Hồ muốn thử đến lòng kiên nhẫn của chị em nhà mình, xem mình có được chí thành không. Tại sao, ở vùng đây, khối người giàu có, cụ không thèm tới, tuy họ chèo kéo. Em nên nhớ đến câu này nữa. Là hồi xưa, cụ Hồ đây có biết thầy lắm.

- Vậy hở chị? Sao em không nghe chị nói bao giờ. Chị kể cho em rõ.

- Cụ Hồ nguyên là tướng Cờ Đen. Tên cụ khác kia. Chú Thủ nhà

có biết vì nhiều lần chú Thủ có nói đến rồi. Nhưng chị quên...<sup>(1)</sup>. Một cái cờ, cán dài hơn con sào, lá to bằng cả một cánh buồm thuyền lớn; lụa chập ba sợi xe làm một rồi mới dệt, rồi mới nhuộm đen. Đây, vì thế mà gọi là Cờ Đen. Viên chung quanh lá cờ to tướng là những hàng móc sắt, sắc hơn lưỡi câu. Người ta nói chuyện lại rằng cụ Hồ, hồi còn làm tướng quân Cờ Đen, mỗi lúc cụ trưng lá cờ đầu khi xuất quân, trông oai phong lắm liệt. Bên thắt lưng điều, cụ giắt hai khẩu súng. Phía bên trái là một khẩu đoản mã và phía bên phải là một khẩu súng thập bát hương bắn một lúc những mười tám phát liên<sup>(2)</sup>.

Có lẽ hồi nhỏ, những lúc ở trong thành xây đá tổ ong tỉnh Sơn, hồi thầy còn ở chức, chị cứ nghe thấy tiếng kèn tàu và loa đồng và trống trận nổi lên nhiều, là chính vào lúc quân Cờ Đen tế cờ ăn mừng được trận như thế. Quân Cờ Đen có cái tục tế cờ lúc thu quân... Nào ai biết. Thấy các ông già bà cả bảo thế.

- Cụ Hồ mà tài giỏi và dữ thế kia?

- Vậy mà những lúc việc quân thông thả, cụ mặc áo dài "sường sàm" đội mũ "sường chi" có quả bông đỏ, cầm quạt vào chơi trong đình với thầy, thì trông nhàn nhã và văn vẻ lắm. Cụ Hồ yêu thầy vì thầy viết chữ rất tốt. Chú Thủ thường nói chữ thầy viết có gân có mác như chữ lá thiếp. Bao giờ thầy cũng cầm bút đứng thẳng cái quân, chỉ thẳng vào đầu mũi và cùi tay không tí xuống văn kỹ. Nên những nét số rất khỏe và rất thẳng. Hôm nào em giờ cuốn gia phả ra mà xem thì rõ.

Cậu Chiêu nghe chị kể chuyện, thích lắm. Vì chung quanh cái thân thế một ông già mà cậu vẫn chỉ cho là một ông thầy địa lý khó tính chỉ đáng trọng một cách vừa phải mà nhiều khi còn gương ép nữa kia, bây giờ cậu thấy cả một huyền sử học bao quanh một lão

---

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ hai dòng chưa tìm ra.

(2) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mười dòng chưa tìm ra.



tướng võ nghệ cao cường và bí mật. Cái ông tướng tài giỏi ấy, ngày ngày cậu gằn kể và chuyện trò cùng. Vậy mà hơn tháng nay, cậu không biết gì cả.

Giàn bầu nậm ở ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp chật ô giàn nửa, đã làm dịu hẳn cái nắng tháng tư ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sàn bị cái cốt xanh ngắt của cây lá lọc qua một lượt, rồi đổ dồn và vờn vào áo vải trắng dài cậu Chiêu đang ngừng đầu ngắm những quả bầu nậm buông thõng xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa màu xanh của một người phong lưu và đa tình. Đây là cái màu dịu mát của chất ngọc bích; đây là màu xanh ở những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa.

Gió nam từ ngoài lũy tre già thưa đưa vào, làm va đụng vào nhau những bình rượu của Tự Nhiên. Những quả bầu mà được cứng lần cùi như chất vỏ cây khô, thì mỗi khi cơn gió vèo đấy những bình rượu ấy văng cụng vào nhau, người ta sẽ nghĩ ngay đến cái hình và cái tiếng của lũ khánh đất nung và cá đất nung ở cái sân cây cảnh một gia đình thanh bạch.

Cậu Chiêu nắm từng quả bầu nậm. Lúc buồn tay, lắc quả bầu thật mạnh, ở trong nghe như có tiếng nước ọc ạch. Trông sượng mắt và có thể vui tai đến chừng nào! Chẳng trách được, chiều chiều ông cụ Hồ Viễn cứ ra sân đùa mãi được với lũ bầu nậm lòng thông trước khung cửa sổ như nhắc nhở một người đã mệt với cuộc sống chỉ còn nên uống rượu chơi thôi. Trái bầu nậm còn tươi dưới lỗ giàn là một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng!

Giờ chiều, đứng nắm bầu nậm cho cụ Hồ, cậu Chiêu thấy có hứng thú. Vì cậu đã bắt đầu mến được ông già Hồ. Trước kia cười ngạ, cầm cờ, đánh Tây, bắn súng; bây giờ đi phân phát hạnh phúc bằng cách tìm đất để mả cho những kẻ thất thế, và lúc nhàn rỗi thì uống một đôi rượu của những người biết nhớ ơn mình.

Xé mảnh vải điều, buộc vào cái nấc ngãng quả bầu. cậu Chiêu nói với cái vắng vẻ của buổi chiều nhà quê: "Thất chặt dây lại tí nữa, thì dáng bầu sẽ thon. Nó chỉ nhón được theo chiều dài. Tròn quả này méo sẽ làm tội mình ngày mấy buổi ra dây nấn mãi cho nó bớt tật đi".

Cụ Hồ thức giấc, ra vườn, thấy cậu Chiêu đang nấn cái quả bầu mình đã rấm sần từ tháng trước, liền nói:

- Tại chị em nhà cậu tặng tôi mấy cái chén ngọc liệu nên tôi mới nghĩ đến việc lấy bầu nậm. Cái chén uống rượu của nhà này phải dùng với cái bình đựng rượu cũng của nhà này. Cậu biết chưa?

Cô Tú nghĩ tay thôi, bước ra nghe chuyện, đỡ lời em:

- Dạ thưa cụ, cảnh nhà nghèo bí, cũng chẳng còn có gì. Có bốn cái chén ngọc là của gia bảo còn lại, chị em chúng tôi kính biểu cụ gọi là đền đáp mới được có một chút đó mà thôi. Sau này nếu trời thương lại và nhờ được mạch đất tổ tiên có cơ hội lại, nếu nghiệp nhà có thể trung hưng lên được, thì chị em chúng tôi còn phải tạ cụ nhiều. Có lẽ quả bầu nậm ở giàn này, chỉ là mẫu vẽ trước của một cái bình bằng ngọc thực mà sau này chúng tôi phải kính dâng cụ.

Cụ Hồ lấy làm thương thức cái câu cô Tú nói một cách trung hậu mà cũng rất văn hoa. Người như thế mà còn nghèo mãi thì còn để thiệt thòi cho thế gian nhiều. Cụ Hồ nghĩ mà thấy buồn buồn.

Hai cái sừng trăng đã mở to, đã đầy dần. Rồi vầng trăng tròn vể lên trời, lần thì cái quãng, lần thì cái tán. Thế rồi nó khuyết ở đầu ngọn tre, những lúc gió sớm giục canh gà gọi nước bể dâng lên. Trăng tháng tư đã gần hết một tuần. Trong cả một cữ tháng tư này, cô Tú đã thức rất khuya để dệt cho được nhiều tấm vải, để góp công nhật của mình lại cho được thừa thãi, để có đủ một số tiền thuê cáng cho cụ Hồ và em trẩy xuống Đồng Cồn, nơi để phần mộ cụ Ân ông - cụ Ân cha mình lúc nằm xuống trả lại lộc cho Triều đình, em mình mới có ba tuổi.

Cái ngày đi Đồng Cồn đã đến.

Cậu Chiêu ra đi từ lúc tối đất, lúc hàng xóm mới nổi lửa thổi cơm cho thợ gặt, bây giờ đã trở về với bốn năm người già cả rách rưới. Thấy cô Tú, bốn người già nua kia đều kính cẩn chào.

- Các bác đã xuống đây ư? Chắc cậu Chiêu cũng đã nói rõ muốn mượn anh em ngày mai làm cáng hộ xuống xứ Đồng Cồn. Hai chiếc. Chiếc của cụ Hồ thì phải đi đò ba. Cụ đẩy người và có tuổi. Vậy các bác định lấy bao nhiêu?

- Đồng Cồn. Thế này là phải mất những ba trạm. Đại Đồng này, Trạm Trôi và Mai Dịch này. Hai trạm ngắn và một trạm dài. Và một con đò ngang.

- Phải, đò sông Hát. Chiếc cáng đò ba, sau khi nghỉ ở Mai Dịch, sẽ đi luôn xuống trạm Hà Trung.

- Thưa cô, thế là về tận Hà Nội?

- Có một mình cụ Hồ đi về Hà Nội thôi. Cậu Chiêu nhà đi đến Mai Dịch rồi trở về.

- Thế này thì cô cứ cho anh em một lượt mỗi trạm ngắn là một quan và quan năm tiền một trạm dài. Còn như cáng đò ba thì xin tùy cô định cho. Ngày xưa, anh em đã có dịp được hầu cáng quan Án nhà nhiều chuyện lắm. Cụ ngày xưa thường có sẵn sóc đến anh em chúng tôi. Giờ là ngày mùa, nhưng được tin cô gọi, anh em cứ xuống ngay là vì anh em nghĩ đến cái tình quan Án ngày xưa hay thương đến. Còn tiền nông, thôi, cô cho thế nào cũng được. Chúng tôi không dám kỳ kèo.

Họ ăn trầu, vừa thổi lửa nùn rom vắn ăn thuốc lão, vừa ngồi xỏm thưa chuyện bên khung cửa. Thoáng thấy cái ngáng vông ngà gác ở trên cột buong, họ lúi xuống ngắm đi ngắm lại và nói với nhau:

- Đây bác Xã, cái ngáng ngà này không phải cái ngáng vông điều của quan Án ngày trước. Nó sứt mất một đầu kia mà. Bác còn nhớ chứ? Cái lần qua đò sông Hát, trời mưa gió to quá, tôi lấy bẫy

trượt chân, ngã khuyu xuống. Một đầu đòn cắm hẳn vào bùn. Vỡ cái nấc chạm rỗng.

Một người quay lại phía cô Tú:

- Cự Ân nhà kể ra là người có bụng thương kẻ dưới lắm. Con tưởng cứ kể như vị quan khác. thì đền làm tội chứ chẳng phải chuyện chơi đâu.

Sau cùng, cuộc thuê cáng ngã giá đúng tám quan, một cáng đòn ba đi thâu đến trạm Hà Trung và một cáng đòn đôi chỉ đi đến làng Vòng thôi. Và sớm mai bắt đầu khởi hành.

Bữa cơm chiều hôm ấy là bữa cơm cuối cùng đãi một ông thầy địa lý. Cơm có rượu ngon, rất nhiều, và có cả một cái sỏ lợn. Cô Tú và cậu Chiêu cùng ngồi ăn với cụ Hồ vì cụ muốn thế. Cậu Chiêu thấy cụ Hồ hôm nay lấy cái bộ áo *lễ chí sấu* ra mặc, trông cụ lại càng có vẻ Tàu lắm. Thảo nào mà ngày xưa cụ Hồ là tướng Cờ Đen!

Cô Tú còn ít tuổi mà đã có nét mặt và dáng dấp của người goá trẻ phải nuôi con nhỏ. Trông cô hôm nay già thêm. Lòng tưởng nhớ vong linh cha và thương em và tủi cho mình, ở người cô, chiều bữa nay oằn nổi lên nhiều hơn tất cả bao giờ. Thịnh thoảng cô quay mặt ra ngoài hỷ mũi kín đáo. Rồi cô lấy dải yếm đưa qua cặp mắt đỏ hoe. Cụ Hồ vẫn cười nói, uống rượu.

- Cô Tú lẩn thẩn lắm. Ông Giời có đóng cửa ai bao giờ. Chị em nhà cô, thế nào sau này cũng khá.

Đến đây thì cô Tú khóc lên thành tiếng. Cụ Hồ nói tiếp:

- Ngày mai, tôi xuống thăm lại cái kiểu đất ở Đồng Cồn. Xong rồi tôi xuôi luôn Hà Nội. Tháng sau, tôi sẽ về qua đây, để chỉ bảo cách xoay lại ngôi mộ... Cô đừng nên vội nói đến chuyện tạ ơn. Còn về lâu dài. Đáng lẽ bộ chén ngọc đó tôi không nhận đâu. Lấy những cái gì là gia bảo của người làm của mình là một cái tội. Nhưng vì nghĩ rằng, trong lúc chị em cô còn nhỏ tuổi, chưa chắc đã giữ nổi,

thiếu gì kẻ dòm ngó. Thôi tôi cũng giữ hộ cô và cậu. Độ mười năm sau, lúc đất có thể phát được rồi, tôi sẽ trở lại đây. Lúc bấy giờ mới là lúc cô Tú nên nói đến việc đền đáp công ơn. Lúc bấy giờ tôi sẽ trả lại cô Tú và cậu Chiêu bộ chén ngọc liệu. Cụ Án nhà lúc sinh thời quý nó lắm. Đi lại với cụ luôn luôn, mà cụ Án nhà chỉ mang chén ra dùng với tôi có hai lần. Nếu tôi không sống được đến ngày đó, mấy đứa con tôi sẽ đưa chén ngọc đến làm của tin để nhờ cô Tú giùm giúp cho chúng. Cái đức nhà tôi xem chừng cũng bạc thế thôi. Cõ lẽ đến đời con tôi là không còn gì nữa. Cô Tú và cậu Chiêu nhớ hộ tôi câu nói chí tình này.

Cô Tú vừa đứng dậy, vừa sụt sịt, vừa xếp hành lý cho cụ Hồ mai xuôi sớm. Trong cái tráp sơn đen, cô đã chèn nhiều giấy bản vào kẽ tráp để chèn khỏi va đụng lúc đi đường. Rồi cô xếp luôn cả quả bầu nậm vỏ đã khô và ruột đã tộp lại. Quả bầu mới hạ khỏi giàn được mấy bữa nay.

Hai chiếc cáng đi từ sớm, qua đò sông Hát, đã gác đầu đòn lên mấy cái trấu cáng cắm sẵn ở trước một cái quán nước chỗ Trạm Trôi. Cậu Chiêu vội mời cụ Hồ vào quán nghỉ và tay cậu vẫn khư khư cái la bàn có vẽ bát quái đồ của ông thầy Tàu.

Mấy người bộ hành có vẻ học trò nghèo, ngồi ăn bánh ở quán, đang đố nhau đối một vế câu đối mà một người vừa tức cảnh nghĩ: "Ngồi nghỉ Trạm Trôi ăn bánh trôi". Ông cụ Hồ xoè cây quạt thước, quạt quạt và bảo cậu Chiêu soát lại quân còn lại của ván cờ tướng tưởng đã đến lúc gần tàn cục. Từ sớm tới giờ, muốn quên cái đặng đặng của mấy thoi trạm trên đường xứ Đoài, ông cụ Hồ và cậu Chiêu đã đánh với nhau mấy ván cờ không có quân đi, không có bàn bày. Họ đã đánh cờ bằng miệng chứ không phải bằng tay đụng quân. Khi mỗi người đi một nước thêm cho ván cờ tướng, họ lại vén cái rèm cáng, ghé cổ ra ngoài nói chỗ sang cái cáng đồng hành đi ngang hàng.

- Xa cứu bình bát.

- Tốt thật tiền nhất.

Bây giờ ngồi soát lại quân của mỗi người, thì cụ Hồ còn một xe và hai pháo. Và cậu Chiêu còn hai tốt đã sang hà và một ngựa một pháo. Hai bên sĩ tượng đều song toàn.

- Cậu rồi, ngày sau khá. Cứ một cái lối đánh cờ của cậu tôi cũng thấy được một phần cái tương lai của cậu. Nhiều nước cờ bất bồng, chiếu rú, có vẻ tài tử lắm. Tôi nghiệm ra cậu không hay rình chiếu bí. Đáng để ý nhất trong lối xuất quân, là cậu đánh mấy ván đều vào pháo đầu cả. Người hào hùng đánh cờ bao giờ cũng vào ngay pháo đầu. Đánh cờ tức là người đẩy. Rồi cậu cứ nghiệm mà xem, trong mười kẻ tầm thường, nhút nhát, không khoáng đạt là có đến chín người ghềnh tượng ở nước đầu.

Cái xóm hàng quán chỗ Trạm Trôi đã lùi lại trong nắng loà của trời hè. Hai chiếc cánh vẫn nhấp nhô xuôi về phía phủ Hoài.

Gần tới phủ Hoài thì xong một ván cờ nữa. Cậu Chiêu thua, sắc mặt vẫn tươi tỉnh. Cụ Hồ thì nghiêm trang.

- Cậu thua vì đã khinh thường con tốt biên của tôi và để nó lọt qua hà. Rồi lại cho nó nhập được vào cung. Một con tốt lọt qua sông là cái giá trị nó bằng nửa sức con xe rồi. Ở đời không nên khinh thường cái gì. Con tốt mà sang hà, tức là đưa tiểu nhân lúc đã đắc thế. Tha hồ mà phá phách. Mạng nó đổi lấy quân nào nó cũng lấy làm sở nguyện rồi kia mà.

Cậu Chiêu cười xoa, cụ Hồ mặt mới chợp giấc. Cánh vẫn song song trên đường dài.

Con đường xứ Đoài, cát bụi nhiều quá. Được một thôi nữa, bỗng cụ Hồ hỏi sang bên chiếc võng gai cậu Chiêu:

- Cậu thường có hay đánh cờ đất không? Cờ đất khó hơn cờ bàn; phải tinh lắm mới đánh nổi. Để tới vụ xuân sang năm, tôi sẽ rủ cậu

lên Hưng Hoá đấu cờ với một người bạn gái bằng trạc tuổi cậu. Cô ta khiến đôi ngựa rất nhanh, và có cái nước mã ngoạ tào lạ lắm. Mà cưỡi ngựa cũng rất tài.

Trời vẫn nắng như rang.

- Thế chốc nữa, ở làng Vòng cậu lại ngược ngay về Sơn, thì mãi đến hết canh một mới tới nhà đấy nhỉ?

- Dạ thưa cụ, có lẽ đêm nay chúng tôi phải nghỉ đêm ở làng Nhón. Chị tôi dặn lúc về thì tiện đường rẽ qua vào đây thăm ông Cử Hai và nhân tiện đòi bộ *Lữ hành Thi tập* của thầy tôi làm hồi theo đoàn sứ qua Bắc Kinh.

## HƯƠNG CƯỜI

**Đ**ừa cháu đích tôn và lũ cháu ngoại đang loay hoay ngoài sân với những đồ đồng ngũ sự lồng chổng trên đám trấu và tro dẫm nước.

Ông chúng, cụ Kép làng Mọc, cũng đang loay hoay với mấy chục chậu lan xếp thành hàng dưới giàn hoa lý.

Trái với thời tiết, buổi chiều cuối năm gió nồm thổi nhiều.

Con gió nồm thổi nhẹ, như muốn nhạo cái ông già kia mặc cả một tấm áo trấn thủ bằng lông cừu trắng. Trời nồm nực, bức đến tấm nước lã được, ông cụ Kép mặc áo lông cừu xứ Bắc, ý chừng muốn phô cái phú quý phong lưu của nhà mình. Không, đây chỉ là một thói quen của cụ Kép. Mỗi khi cụ ra thăm vườn cảnh, trong một năm, trừ những ngày hạ ra không kể còn thì lúc nào cũng khoác tấm áo cừu. Mùa xuân, mùa thu, khí hậu ẩm, áo mở khuy. Sang đến đông tiết, cụ cài hết một hàng khuy nơi áo, thế là vừa. Trong cái vườn cây nhỏ, trong đám cỏ cây xanh rờn, những buổi sớm tinh mơ và những buổi chiều tàn nắng, người ta thường thấy một ông già lông mày bạc, tóc bạc, râu bạc, mặc áo lông trắng, lom khom tía những lá ủa trong đám lá xanh. Cụ Kép nguyện đem cái quăng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý.

Buổi chiều ba mươi Tết năm nay, cả một cái gia đình cũ kỹ nhà cụ Kép đang tới tấp dọn dẹp để ăn Tết.

Mợ Ấm cả, mợ Ấm hai ngồi lau lá dong chăm chỉ. Thịnh thoảng họ ngừng tay, để hỏi nhau xem còn thiếu những thực phẩm gì trong



cái mâm cơm cúng chiều nay. Lũ con đàn, bi bô ở ngoài sân. Chúng đang đánh bóng ở ngoài sân những lu, đỉnh, cây đèn nền bằng đồng mắt cua và bằng thiếc Sông Ngâu. Chốc chốc, lũ trẻ lại mỉm cười, ngẩn những cái đầu thưa thớt ít sợi tóc tơ, nhìn vào phía trong nhà cầu, hỏi mẹ chúng:

- Bao giờ cậu mới về, hả mẹ?

Không biết nên trả lời con trẻ thế nào cho tiện, mẹ Âm cả đưa mắt cho mẹ Âm hai.

Ông Âm cả và ông Âm hai, đi làm việc Tây ở tận xa chưa thấy về ăn Tết. Cứ lời những người trong làng có người nhà đi làm việc Nhà nước thì được nghỉ những từ chiều hai mươi chín kia mà. Muốn được khuây nổi mong, hai chị em dâu, người đã đứng tuổi, càng thái đồ nấu cỗ cho thực nhanh. Góm, những miếng trứng trắng để bày mặt cỗ bát, thái hình miếng trám, sao mà đẹp thế. Đứng bên cạnh mẹ, đứa nhỏ nhất trong đàn con đã thủ thỉ van nài mẹ Âm hai:

- Mẹ cho con cái miếng mụi cắt hồng kia nhá!

Người mẹ không nghỉ tay làm việc trên tấm thớt, lừ mắt nhìn con. Thằng bé vội chạy ra ngoài, sấn đến cạnh cụ Kép:

- Ông đang làm gì thế hở ông?

- Ấy chết, cháu đừng mó vào hoa của ông. Ông đang thăm xem đúng hôm nào thì hoa của ông nở đủ.

- Ông cho cháu một cái... Cháu xin ông cái lá gậy kia nhá.

- Cháu không nghịch được những thứ này. Thôi, đi lên trên nhà với ông. Mẹ cháu mà trông thấy cháu ra nghịch cây của ông, thì cháu lại phải đòn bây giờ đấy.

Nhớ đến trận đòn phát trần hôm nọ, vì trót nghịch gãy mắt rò lan của ông nội, thằng bé mặt phụng phịu và hai tay đánh đai vào mình ông già, kéo trĩu cả tấm áo lông cừu. Nó làm nũng ông và quần quit lấy ông, mong ông sẽ che chở cho, nếu mẹ nó nom thấy nó ra

ngịch chậu cây cảnh.

Cụ Kép cười khà. Rồi cụ lại vạch từng gốc rò lan, xem xét tỉ mỉ đến màng hoa, đến rò lan và thân lá. Hết chậu này đến chậu khác.

Tưởng chừng như cháu mình cũng là một người biết chuyện chơi cây, hiểu đến thời tiết trong một năm, có đủ những kinh nghiệm, thói tục và thông minh của người lớn, ông già đã nói với cháu bé:

- Tự nhiên, cuối năm lại nổi gió nồm. Cháu có thấy bực mình không? Ông tiếc cho mấy chục chậu lan của ông quá. Nở hết thôi!

Đưa cháu không hiểu đến ý nghĩa của câu than phiền của ông già, ngừng bộ mặt ngây thơ lên, hỏi hai ba lần:

- Hoa sắp nở, sao lại tiếc hờ ông?

Cụ Kép, nhìn lại cái người bé tí hon đứng với mình trong vườn lan, thân cao không vượt khỏi cái lá lan uốn cầu vồng, cụ Kép đãi đứa cháu ngây thơ một nụ cười rất độ lượng, mắt nhấp nháy kinh tuổi:

- Nếu không có nồm thổi, thì hoa trong vườn ông còn lâu mới nở. Hoa sẽ nở nhằm vào ngày rằm tháng giêng. Đứng vào ngày Tết Nguyên Tiêu. Ông cháu chúng ta sẽ có hoa mà thưởng xuân, cháu đã hiểu chưa. Bây giờ cháu chạy vào gọi bố già ra đây cho ông bảo.

- Bố già đi ra bờ ao rửa đá cuội từ ban trưa kia ông ạ.

Phải, phía cầu ao trong vườn cụ Kép, một người lão bộc, đang lom khom dùng rổ đá xuống nước ao và sàng sẩy đổ đá như kiểu người ta sàng mạt gạo. Tiếng đá bị tung lên, đập vào nhau kêu sào sạo, khiến lũ cò trắng nghỉ chân trên lũy tre vội bay đi mất. Bố già nghỉ tay, nhìn đàn cò sợ hãi bay cao, với nét cười của một người chịu vui sống trong sự an phận.

Bố ở với cụ Kép đã lâu lắm. Cái hồi cụ Kép còn là một thầy Khóa sinh hai mươi tuổi, bố già đã ném cơm ở cửa nhà này rồi. Chính bố vác lều chõng cho cụ đi thi tú tài. Những việc nhón việc

nhỏ trong nhà, bỏ đều nhớ hết. Bỏ nhớ cả đến ngày giỗ giúi trong họ. Không có bỏ nhắc nhóm có lẽ nhiều lần mẹ Ấm cả đã bỏ mất ngày giỗ. Bỏ già hình như chỉ trải cuộc sống của mình để hàng năm, nhắc nhóm đến những ngày giỗ trọng và giỗ giúi của gia đình người khác.

- Thưa mẹ, đến mười sáu tháng tư này lại là ngày chính kỵ cụ ngoại... Thưa mẹ...

Mẹ Ấm cả, muốn tỏ sự cảm ơn, kín đáo đãi bỏ già một miếng trầu kèm miếng cau tươi mềm. Trong cái gia đình yên lặng này, bỏ già được thiện cảm của mọi người, không phải vì ôn thốt mà chính vì lòng thẳng thắn. Lắm lúc trông tội nghiệp lạ. Bỏ tính toán, sắp đặt việc nhà chủ ý như một kẻ có quyền lợi dính dấp vào đây. Cái hoài bão to lớn của bỏ, là lúc trăm tuổi nằm xuống sao được có một cái "áo" gổ vàng tâm thật dày.

Ở đây, không ai nữ nói nặng bỏ. Và, đến những việc nặng, mọi người đều tránh cho bỏ già. Công việc thường trong một ngày, có nhiều hôm chỉ thu vào việc chuyên trà tàu và thay bã điều cho cụ Kép. Thậm chí trong những ngày cuối năm bận rộn như hôm nay, mà bỏ già cũng không phải mó tay vào việc gì cả. Làm lợn, gói giò chả, vo gạo, đồ đậu xanh làm bánh chưng, làm dầu đèn, lau bàn thờ, nhất nhất không việc gì phải qua tay bỏ. Mãi đến quá trưa hôm ba mươi Tết, cụ Kép mới bảo bỏ già đi rửa mấy trăm hòn đá cuội trắng. Nghe thấy bỏ già nhận lấy cái việc rất ngộ nghĩnh đó, cả nhà đều cười. Thứ nhất là lũ trẻ con. Cụ Kép vẫn nghiêm trang dặn người đầy tớ già:

- Bỏ đem đá ra bờ ao rửa cho sạch. Lấy bẹ dừa mà kỳ cho nhẵn, cho trắng tinh ra. Xong rồi, lựa những viên đá tròn bỏ vào một rổ. Những viên đá xù xì, không tròn trĩnh, để ra một rổ khác.

Bỏ già tỏ ý hiểu:

- Thưa cụ con hiểu rồi. Cụ lại sắp cho dọn một bữa rượu "Thạch lan hương". Nhưng sao năm nay, lại soạn đá sớm quá? Thưa cụ, con

nhớ mọi năm cứ hạ cây nêu xong rồi mới đem cuội ra ngâm kia mà...

- Thế bố không thấy giờ đổi gió nồm đây à? Thế bố không biết năm nay hoa nở sớm hơn mọi năm sao? Tôi đã cho ngâm thóc để lấy mầm lúa nấu kẹo mạch nha từ mấy hôm nay rồi.

Bố già gật gật...

Cụ Kép là người thích uống rượu ngâm thơ và chơi hoa lan. Cụ đã tới cái tuổi được hoàn toàn nhàn rỗi để dưỡng lấy tính tình. Vì bây giờ trong nhà cũng đã thừa bát ăn. Xưa kia, cụ cũng muốn có một vườn cảnh để sớm chiều ra đây tự tình. Nhưng nghĩ rằng mình chỉ là một anh nhà nho sống vào giữa buổi Tây Tàu nhố nhăng làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu mất bao nhiêu giá trị tinh thần; nhưng nghĩ mình chỉ là kẻ chọn nhầm thế kỷ với hai bàn tay không có lợi khí mới, thì riêng cho thân thể, lo cho sự mất còn của mình cũng chưa xong, nói chi đến chuyện chơi hoa. Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng có một vườn hoa là một việc dễ dàng, nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành chí tinh ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng kia. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử. Chứ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuôn hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phó mặc chúng ở giữa trời, dẫu chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng trở bông không biết đến, chúng tàn lá cũng không hay, thì chơi hoa làm gì cho thêm tội.

Đến hồi gần đây, biết đã đủ tư cách chơi cây cảnh, cụ Kép mới gây lấy một vườn lan nhỏ nhỏ. Giống lan gì cũng có một vài chậu. Tiểu kiêu, Đại kiêu, Nhất điểm, Loạn điểm, Yên tử v. v... Chỉ trừ có giống lan Bạch ngọc là không thấy trồng ở vườn. Không phải vì lan Bạch ngọc giá đắt mỗi rò mười đồng bạc, mà cụ Kép không trồng giống hoa này. Trong một buổi uống trà đêm, cụ Kép nói với một người bạn đến hỏi cụ về cách thức trồng cây vườn hoa:

- Tôi tự biết không chăm được lan Bạch ngọc. Công phu lắm,

ông ạ. Gió mạnh là gãy, nắng già một chút là héo, mưa nặng hạt là nẫu cánh. Bạch ngọc thì đẹp lắm. Nhưng những giống nhẹ nhàng ấy yếu lắm. Chăm như chăm con mọn ấy. Chiều chuộng quá như con cầu tự. Làm lỡ một chút là chúng đi ngay. Những quý vật ấy không chịu ở lâu bền với người ta. Lan Bạch ngọc hay ưa hơi đàn bà. Trồng nó ở vườn các tiểu thư thì phải hơn.

Thiếu hẳn loài Bạch ngọc, cụ Kép đã cho trồng nhiều giống Mặc lan, Đông lan, Trần mộng. Giống này khỏe, đen, hoa và rò đầy, hoa có khi đậu được đến nửa tháng và trong mười ngày, nếu chủ vườn có quên bón tưới, cũng không lui.

Chiều hôm nay, hoa Mặc lan chớm nở.

Chiều mai, mông một Tết, hoa Mặc lan mãn khai đầy vườn.

Đêm giao thừa, bên cạnh nồi bánh chưng sôi sinh sịch, bố già đang chăm chú canh nồi kẹo mạch nha. Cụ Kép dặn bố già phải cẩn thận xem lửa kéo lơ dềnh một chút là khô mất nồi kẹo.

Hai ông Âm, con trai cụ Kép, người lớn tuổi đứng đắn như thế, mà lại ngồi gằn đậy, phát giấy vào những nan lồng. Thực là hai đứa trẻ con đang ngồi nghịch với lồng bàn giấy. Họ trịnh trọng ngồi dán hồ, vuốt giấy. Ông cụ Kép đứng kèm bên, mỗi lúc lại nhắc:

- Này Cả, thầy tưởng miệng lồng bàn, con nên đan to hơn miệng chậu. Con chạy ra, lấy cái que đo lại lợi chậu xem. Nếu rộng thì hỏng hết. Đo lợi mấy chậu Mặc lan thôi.

Hai ông Âm, ngồi phát được đến mười cái lồng bàn giấy. Họ rất vui sướng vì họ tin đã làm toại được sở thích của cha già. Cụ Kép có ro chạy từ nồi kẹo mạch nha, qua đám lồng bàn giấy, đến cái rổ đá cuội đã ráo nước thì cụ ngồi xồm xuống, ngồi lựa lấy những viên đá thật trắng, thật tròn, để ra một mẹt riêng. Ông Âm cả, ông Âm hai lẽ mẽ bung những chậu Mặc lan vào trong nhà. Cả ba ông con đều nhặt những hòn cuội xấu nhất, méo mó, xù xì trải xuống mặt đất những chậu lan gằn nở. Mỗi lần có một người đung mạnh vào rò lan

đen, cụ Kép lại xuýt xoa như có người châm kim vào da thịt mình.

Nồi kẹo đã nấu xong nhưng phải đợi đến gần cuối canh hai kẹo mới nguội.

Bây giờ thêm được bố già đỡ một tay nữa, cả ba ông con đều lấy những hòn cuội để riêng ban nãy ra mẹt, đem đúng đá cuội vào nồi kẹo, quần kẹo bọc kín lấy đá, được viên nào liền đem đặt luôn vào lòng hậu hoa. Những viên đá bọc kẹo được đặt rất nhẹ nhàng lên trên lượt đá lót lên nền đất chậu hoa.

Úp xong lòng bàn giấy lên mười chậu Mặc lan thì vừa cúng giao thừa.

Ba ông con, khăn lượt áo thâm lạy trước bàn thờ đặt ngoài trời. Năm nay, trời giao thừa lạnh.

Cả một buổi sớm, cụ Kép phải bận ở đình làng. Trước khi ra đình cụ đã dặn bố già ở nhà phải sửa soạn cho đủ để đến quá trưa, cụ và vài cụ nữa đi việc đình làng về sẽ cùng uống rượu thưởng hoa.

Bố già đã bày ra giữa sân bốn cái đôn sứ Bát Tràng màu xanh quan lục. Trước mặt mỗi đôn, bố già đặt một án thư nhỏ, trên đó ngắt ngẫu hai chậu lan còn lù lù chiếc lòng bàn úp, và một hũ rượu da lươn lớn có nút lá chuối khô. Bố già xếp đặt trông thật lẫm. Trong mấy năm nay, đầu mùa xuân nào bố già cũng phải, ít ra là một lần, bày biện bàn tiệc rượu Thạch lan hương như thế. Bố già hôm nay lẫm bẫm phân nần với ông Ấm hai:

- Năm nay, cụ nhà uống rượu sớm quá và lại uống ban ngày. Mọi năm, cứ đúng rằm tháng giêng mới uống. Và lại uống vào chiều tối. Đốt đèn lồng, treo ở ngoài vườn, trông vào bữa rượu hoa, đẹp mắt lắm cậu ạ.

Ông Ấm hai vui chuyện, hỏi bố già:

- Nay bố già, tôi tưởng uống rượu nhắm với đá cuội tẩm kẹo mạch nha thì có thú vị gì. Chỉ thêm xót ruột.

- Chết, cậu đừng nói thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không

nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ nhà có giảng cho tôi nghe rằng những cụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tịnh không dùng những đồ nhắm mặn như thịt cá dẫu. Mấy vò rượu này, là rượu tắm đậy. Cụ nhà ta quý nó hơn vàng. Khi rót rỏ ra ngoài một vài giọt, lúc khách về, cụ mắng đến phát thẹn lên. Cậu đậy nút lại, không có rượu bay!

Phía ngoài cổng cũi, có tiếng chó sủa.

Bõ già nhìn ra thấy bốn cụ tiến vào đã quá nửa lòng ngõ dưới. Cụ nào cũng cầm một cây quạt thước, chống một chiếc gậy tre càng cua hay trúc đuôi gà. Uống xong tuần nước, cụ Kép mời ba cụ ra sân uống rượu. Bõ già vòng tay vái các cụ và đợi các cụ yên vị thì khom khom mở từng chiếc lồng bàn giầy một.

Một mùi hương lan bị bỏ tù trong bầu không khí lồng bàn giầy phất từ đêm qua, đến bây giờ vội tản bay khắp vườn cây. Bốn cụ và bõ già đánh hơi mũi; những cặp mắt kém coi dăm dăm nhìn kỹ khoảng không trong vắt như có ý theo dõi luồng hương thơm đang thấm nhập dần vào các lớp khí trời. Con gió nhẹ pha loãng hương thơm đặc vào không gian.

- Dạ, xin rước các cụ.

Dứt tiếng cụ Kép, tất cả bốn cụ đều úp lòng tay vào nhau thi lễ và giờ tay chỉ thẳng vào giữa, mời nhau ai cao tuổi xin nhấp chén trước đi. Tiệc rượu bắt đầu. Bõ già kính cẩn chấp tay đứng sau lưng chủ, có vẻ cũng thèm say lắm.

- Trời lạnh chút nữa, uống Thạch lan hương mới đúng phép, chủ nhân ạ!

Đáp lời cụ Cử Lũ, cụ Kép vuốt râu cười nói:

- Chính thế. Nhưng đệ sợ chờ được lạnh đến, thì hoa vườn nhà tàn mất. Trông kẹo mạch nha không đông, còn dính vào lớp đá lót, đệ cũng biết là không được khéo lắm. Trời nồm biết làm thế nào.

- Này cụ Kép, kẹo đá thơm ngon đấy. Chỉ hiềm có mùi ung ứng pha vào hương lan. Chắc kẹo nấu bén nổi, khê và thêm không được đông nên mới có tạp vị nhiễm vào.

Sau mấy câu phê bình về tiệc rượu, tở ra mình là người biết thưởng thức những vị thanh lương đạm bạc, bốn cụ đều xoay câu chuyện sang phía thơ văn.

Cụ Tú người cùng làng với cụ Kép mở đầu câu chuyện làm thơ.

- Sớm nay, đệ đã khai bút rồi. Đệ nghĩ được một đôi câu đối. Để các cụ chữa cho mấy chữ, chiều nay sẽ viết luôn vào giấy hồng điều để xin phép dán thêm vào cổng nhà.

Ba cụ cùng cạn chén một lúc, cùng nói một lúc:

- Cụ Tú hãy cạn luôn ba chén rồi hãy đọc đôi câu đối mới. Câu đối của cụ còn ai hạch nổi chữ nào. Cụ nói gì mà khiêm tốn vậy... Chúng tôi xin nghe.

Chờ đợi cụ Tú dạng hăng lấy giọng, mỗi cụ đều bỏ vào mồm những viên kẹo mạch nha đá cuội ướp hương lan. Những nhân đá đánh vào răng kêu lách cách. Mỗi ông già đọc một đôi câu.

Rồi mỗi chén rượu ngừng là một lời thơ ngâm trong trẻo. Cứ thế cho tàn hết buổi chiều.

Mấy cụ đều khen lẫn nhau là thơ hay. Trong cái êm ấm của chiều xuân sớm, tiếng ngâm thơ quyến rũ cả đến tâm hồn một người lão bộc. Bõ già, chiều mông một Tết tự nhiên mặt sáng tỏ hẳn lên. Cái đẹp của tiệc rượu ngâm thơ lây cả sang người bỏ.

Vò rượu vọi với chiều xuân sớm quên đi.

Những vò rượu vọi dần. Trong lòng đĩa sứ đựng nhân đá, hòn cuội cao dần lên. Bõ già đưa thêm mãi những đĩa sứ vào bàn rượu.

Từ phía đầu làng, dội về mấy tiếng pháo lẻ loi. Lũ cháu nhỏ, nấp sau cột nhà, muốn chạy ra xin bõ già phát cho chúng những hòn cuội đã nhắm rượu xong rồi kia.



## CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ<sup>(\*)</sup>

**N**hận được phiếu trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao:

- Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao. Tôi nghe ngờ ngờ. Huấn Cao? Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy?

- Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhảm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. A, nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huấn Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?

- Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà!

- Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chắc lưỡi?

---

(\*) Lần đầu đăng tạp chí *Tao đàn* số 1 (1-3-1939) lấy tên: *Dòng chữ cuối cùng* và có lời đề từ: "Ngày xưa có một tên tử tù viết chữ đại tự rất tốt". (*Truyện cổ nước Nam*).

- Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiêng tiếc.

- Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhớ ra lại vạ miệng thi khốn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi linh tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiếng đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng tập nó đánh bạc nghe!

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhợt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngục quan bần khoản ngồi bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đây đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiếng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đầm sương, vắng từ làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen trắng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lẫn lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sỡ trên cây đèn nền vọi lẫn mực dầu. Hai ngọn bắc lép bép nổ, rưng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết. Viên quan coi ngục gác đầu, lấy que hương khêu thêm một con bắc. Ba cái tim bắc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy.

Người ngồi đây, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đây, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ. Ở đây, trong giây lát lại lập lòe chút ánh sáng của con tâm còn thom sạch. Người ta phải lấy làm lạ hỏi tại sao ngục quan lại không có một cái đầu trâu một cái trán dơi và một cái mặt khỉ. Trong thế giới khuyến ưng, khuyến phệ, cái bộ mặt quốc thước, nhẹ nhõm kia thực là một sự lạ lùng. Sự lạ lùng đó, trong bọn quan lại, người bề trên không chịu được và kẻ ty tiểu cũng không chịu được<sup>(1)</sup>.

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuận, khiết vào giữa một đồng cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghi ngại về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. "Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hẳn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biết đái ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu".

Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mấy dòng này: "Ở đây, trong giây lát... kẻ ti tiểu cũng không chịu được".

thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắc lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gỗ thân gông đã cũ và mỏ hôi cổ mỏ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước sơn dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại xỉn lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huân Cao, dùng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí:

- Rệp cắn tôi, đỏ cả cổ lên rồi. Phải dỡ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông, đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đưa một câu:

- Các người chớ phải tập nữa. Mai mốt chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bây giờ tha hồ mà tập. Đừng dậy không ông lại phét cho bây giờ.

Huân Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thêm đá tảng đánh thuyneh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tẩm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề, thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nề, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡ đối riêng với Huân Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại:

- Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xưởng. Xin thầy để tâm cho. Hấn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ "để tâm" có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giữ những mảnh khóc hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung:

- Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều lời.

Bọn lính dân câ ra, nhìn nhau mà không hiểu. Sáu tên tử tù có ngục nhiên về thái độ quân ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thợ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thợ lại lễ phép nói: "Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm".

Ông Huấn Cao vẫn thân nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quả ngục mở khóa cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn:

- Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai linh tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất<sup>(1)</sup>.

Ông đã trả lời quản ngục:

- Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng có đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huấn đã đợi một trận lời đing báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bực

---

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mắt sáu dòng chưa tìm ra được.

mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu: "Xin lĩnh ý". Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không để chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa: năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục: "Hay là hắn muốn dò đến những điều bí mật của ta?". "Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta ký rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận".

Trong đê lao ngày đêm cửa tử tù đợi phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa, vẫn đặng đặng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời khuấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỗi một ngày rất gần đây ông Huấn sẽ dụi bớt tính nết, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho... cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoáng, trừ cỡ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai mốt đây, ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời mất.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình Bộ Thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí ông vào Kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong câu chuyện, nói: "Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi". Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hốt hơ hốt hải kể cho tù tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngấp ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: "Về bảo chủ ngục, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó thuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đi phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ".

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi mắt lia lia.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền

kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bung chậu mực. Thay bút con. để xong lạc khoản, ông Huân Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy: thầy Quản nên tìm về quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đốt cháy rừng rục, lửa rụi xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức châm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh".

Viên quản ngục nhìn mặt chữ khô lằn lằn. Y sung sướng vì giữ được dòng chữ quý.

Y tự nhủ: "Tất cả nghề nghiệp ta, và có lẽ cả đời ta nữa, lái chỉ ở chỗ xin được chút kỷ niệm này".

Nhưng, một tình buồn mệnh mông đã lên vào lòng sung sướng của quản ngục...

... Ít hôm nữa... pháp trường trong Kinh...<sup>(1)</sup>

---

(1) Văn bản in trong sách (1940) bỏ mấy dòng cuối cùng này: "Viên quản ngục nhìn mặt chữ... pháp trường trong Kinh".



## MỘT Đám BẮT ĐẮC CHÍ(\*)

Ít bữa nay, Lý Văn buồn bực ra mặt, bỏ nhà ra đi đến hai ba hôm. nhiều người lạ mặt đến hỏi, vợ con Lý Văn đều không biết thế nào mà trả lời. Những người khách dữ tợn ấy có khi trở lại đến hai ba lần. Không được gặp chủ nhân, họ không lấy thế làm hăm hực. Vợ Lý Văn có hỏi gặng, họ chỉ trả lời nhiều câu nghe rất ngang tai:

- À anh em chúng tôi cũng chơi bời như ông Lý nhà ta đây. Hễ ông Lý có về, bà nói giùm cho là có bọn Huân ở Kim Sơn ra thăm. Bá Lý, bà nhớ thế cho. Và có tin gì hay, xin ông Lý nhà cho anh em biết sớm.

Bọn Bá Huân Kim Sơn đi chưa khỏi thì lũ chó mọ ở ngoài cổng lại sủa vang lên một hồi. Lại ba bốn người nữa đến hỏi thăm ông Lý. Người nào cũng quần khăn đầu riu, trông rất dị thường.

- Chúng tôi là người Tam Tổng. Ở nhà lâu ngày tù chân quá, nhân đi qua đây, ghé thăm ông Lý và hỏi ông xem có công việc gì đáng để cho anh em đỡ tay hộ không.

Bà Lý Văn chỉ biết dạ và thưa và luôn miệng mời khách hãy ngồi chơi để cho cháu nó đi đun nước.

- Thầy cháu đi lên tỉnh vắng - bà Lý nói.

Mấy ông khách người hạt Tam Tổng không chịu ngồi yên một

---

(\*) Đã đăng trên tạp chí Tao đàn số 2 (16-3-1939) lấy tên *Ném bút chì*.

chỗ để xoi một khẩu trâu. Họ cũng không chịu ngồi yên để chờ đợi ấm nước trà đun sấp sôi. Họ chấp tay ra đằng sau lưng, lững thững dạo quanh nhà một vòng. Đàn chó meo tha hồ mà sủa, mà rộ; có lúc chúng chồm vồ lên lưng khách. Khách vẫn thản nhiên để cho đàn chó nhà bà Lý gặm bấp chân. Bà Lý vừa quát lũ chó một cách vô hiệu, vừa để ý ngắm đến những bấp chân tròn trĩnh của mấy ông khách lạ. Thì ở đây, có cần gì đợi lũ chó nhà bà Lý cắn, trên làn da chân bóng như đồng đen kia, đã loang lỗ nhiều vết sẹo rất to, cái thì trắng nõn nước da non đang lên, cái thì đen thẫm màu thịt thối thâm đã lâu ngày.

Đàn chó xem chừng cũng chán mấy người lạ kia nghênh ngang trong nhà chủ mình và có ý coi cái khoảnh sân vườn này như là của họ. Trái với những lần khác thấy những người lạ qua đây có cảm que hay gậy tre gai với sự rụt rè kiên nhẫn là chúng cắn vồ và đuổi nhiều, lần này đàn chó meo, sau một hồi thị oai suông đã lảng xa mấy ông khách người Tam Tổng.

Sau một hồi "nhỏ to" ở giữa sân, họ nói chớ vào trong nhà:

- Thế ông Lý có nói bao giờ về không?

Từ trong nhà thấp, tiếng bà Lý đưa ra:

- Dạ, thầy cháu hôm đi, không thấy dặn gì cả. Xin mời các ông vào xoi nước kéo nguội.

Ngoài sân mấy ông khách vẫn thì thào bàn tán. Họ không trả lời câu mời nước của bà Lý. Trong một lúc gất gỏng, bà Lý chỉ nghe được một mẩu chuyện lúc họ nói to: "... Chả có lẽ lão Lý lại đi đánh một tiếng bạc bất thành linh như vậy. Bao giờ lão đi, cũng có anh em mình tả phù hữu bặt". Thế rồi họ kéo nhau đi, sau mấy mồi thuốc缭绕 đến tụt nõ và sau mấy câu chào hỏi kịch côm ngô nghê. Bên chiếc điều cày dài đến thước rưỡi ta, họ còn để lại một cái hộp tròn đựng thuốc Lào. Nấp hộp làm bằng vỏ cam khô. Lúc vỏ cam tươi, ở trong khuôn ép, người ta đã tì mĩ trở lên đây một cái mặt hổ phù.

Cai Xanh - người khách có hộp thuốc Lào này và vừa ở đây ra - Cai Xanh là một tay chơi nổi tiếng ở mấy vùng Thanh nội và Thanh ngoại. Những tay anh chị trong đám giang hồ phóng khoáng thường được biết đến tiếng Cai Xanh. Và những tay chơi chưa được gần y thì chỉ thèm muốn có một dịp nào nhập vào đảng y để được biết rõ đến nghệ thuật của một bậc đàn anh. Có mấy lần, Cai Xanh hay bàn với những người thân tin về việc ông Thám ngoài Yên Thế.

Người ta biết đến Cai Xanh, người ta biết luôn cả đến những đồ vật mà Cai Xanh hay giắt luôn trong mình. Như con dao hai lưỡi, cái hộp thuốc Lào, v.v... Con dao hai lưỡi ấy, ít khi Cai Xanh phải dùng đến. Khi đã dùng đến thì thế nào cũng có chuyện. Trong những phút rất nguy nan, phải giết kẻ khác để gỡ lấy mạng mình, chưa bao giờ Cai Xanh chịu phóng dao và bỏ dao lại trên chiến địa. Hóa cho nên con dao đó, sau những khi cắm ngập vào thớ thịt còn nóng hổi dòng máu của bao nhiêu tử thi, dao đó lại trở lại nằm trong hầu bao của Cai Xanh. Chung quanh con dao thép sáng ngời, một huyền sử đã bao trùm, cũng như một huyền sử khác đã chạy chung quanh cái hộp đựng thuốc Lào của Cai Xanh.

Những lúc nhàn tản, không dự một đám cướp to nào, những lúc nhỡ độ đường không có tiền trả những hàng quán hèo lảnh trên con đường Thanh nội Thanh ngoại, Cai Xanh đã lẽ phép nói với bao nhiêu là nhà hàng:

- Tôi lỡ quên không giắt theo tiền trong người, nhà hàng cho tôi gửi tạm vật này làm tin, mai mốt tôi sẽ cho người nhà tới chuộc nó về.

"Nó" đây là cái hộp thuốc Lào ở trên nắp vỏ cam có khắc cái mặt hổ phù. Những chủ quán ở rải rác đường Điền Hộ phần nhiều cũng là đầu trộm đuôi cướp cả. Khi nào họ không đi ăn cướp được thì họ là người lương thiện, mỗi ngày rót vào bát đàn vài lượt nước trà xanh nóng hổi cho người đi đường giải khát. Họ vừa rót nước, vừa nheo

cặp mắt lại như muốn đếm tách bạch ra từng đồng tiền trong tay nài khách qua đường nghỉ chân. Không biết ai đã nói chuyện cho họ nghe từ bao giờ về cái hộp thuốc lào của Cai Xanh mà mỗi lần thấy người khách ngang tàng kia gửi vật mọn đó làm tin thay cho món tiền thiếu, chủ quán nào cũng đều xoa tay, không dám nhận: "Đa, không dám. Khi nào ông anh sẵn thì cho đàn em xin. Cái đó có là bao mà dám phiền lòng ông anh".

Hôm nay, cùng một vài bạn lợi hại đến thăm Lý Văn mà không được gặp, Cai Xanh có ý vờ bỏ quên lại hộp thuốc lào, để nhắc cho chủ nhân biết y đến không phải là việc phiếm và khi nào về nhà, chủ nhân nên triệu y đến ngay. Vì có việc cần phải bàn. Cái việc lơ dẽnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để "đánh một tiếng bạc lớn" nghĩa là cướp một đám to.

Thế mà, không hiểu rõ một tý gì, bà Lý Văn cứ phàn nàn cho mấy ông khách Tam Tổng đến chơi đã không được gặp chồng mình lại còn bỏ quên đồ vật. Xa xôi hàng mấy ngày đường, đến bao giờ các ông ấy mới lại trở lại đây để nhận vật bỏ quên. Mà bây giờ các ông ấy đi hẳn đã xa lắm, biết đuổi theo thế nào cho kịp.

Một ngày nữa lại hết.

Vào một sớm thứ hai, một thôi tiếng chó sủa vang ngoài cổng, mở đầu cho cái ồn ào hàng ngày trong gia đình nhà Lý Văn. Bà Lý ngừng tay dưới bếp, đã tưởng chồng mình về. Té ra chỉ là một ông khách lạ mặt nữa, đến hỏi thăm chồng với sự nóng nảy của một người quen vội vàng. Y tỏ vẻ thất vọng, xin đi ngay. Bà Lý muốn ông khách hấp tấp kia cho mình biết tên. Khách cười. Trên khuôn mặt đen như cột nhà cháy, nê ra hai đường răng trắng nhớm. Ông khách chạy vội ra phía đầu chái nhà, vợ lấy cái mai đựng ở tường, móc túi lấy con dao găm, khắc vào cán mai một đường tròn đều như tiện, trao mai cho bà Lý:

- Bà cứ đưa cán mai này cho ông Lý nhà, tự khắc ông sẽ biết. Độ chiều mai tôi lại sang chơi.

Bà Lý Văn cũng chỉ biết vâng dạ cho qua chuyện. Từ ngày bà làm bạn cùng ông Lý Văn, đến bây giờ đã mấy mụn con, bà chưa từng được biết chồng bà có những người bạn lạ lùng như thế bao giờ.

Lý Văn đã về. Không kịp bỏ khăn áo, Lý Văn đã nằm ềnh ra giữa phân. Từ chối hết cả những lời mời mọc ân cần của vợ hỏi ăn cơm hay là ăn cháo hay là dọn rượu, Lý Văn chỉ nằm ngửa nhìn thượng lương nhà, tay trái vất lên trần. Trên mặt y, chốc chốc những đường gân lại dẫn dúm lại vì giày vò của suy nghĩ.

Bà Lý mon men lại gần chồng.

- Mấy hôm thầy nó đi vắng, có đến dăm bảy ông khách lạ đến hỏi thăm. Các ông ấy đều không nói tên. Có một ông khắc cái gì vào cán mai này và dặn đưa ngay cho thầy nó xem.

Bà đưa cho chồng cái cán mai có tiện một nấc ở đầu cán.

- A, Phó Kinh! Thế người ta đến từ bao giờ?

- Sáng qua. Theo lời ông ta hẹn, có lẽ chiều nay ông ta lại trở lại đây.

Lý Văn tự nói một mình: "Minh đang tìm Phó Kinh. Thôi, được rồi, có cây "bút chì" này giúp sức, ta không lo gì nữa".

Bỗng Lý Văn ngồi nhồm đậy. Y vừa nhìn thấy ở mép bàn thờ cái hộp đựng thuốc Lào con con. Y vội quờ lấy cái hộp có in mặt hổ phù.

- Ấy, của cái bọn ông khách gì nói là người vùng Tam Tổng đây. Ông ta lúc đi bỏ quên. Tôi bận trẻ không kịp chạy theo để trao trả cho ông ta.

Lý Văn không hề để ý đến nhời vợ, ngắm nghía hộp thuốc Lào sung sướng, lim dim mắt, nói như người mơ ngủ:

- Cai Xanh! "Tiếng bạc" này, thế nào cũng ăn to. Một cây "bút chì" của Phó Kinh và một cái lá chắn của Cai Xanh, thế nào đám này

cũng lợt. Ta đang lo thiếu hai tay này. Chắc thế nào Phó Kinh cũng tới tìm Cai Xanh. Và có lẽ họ đã gặp nhau ở giữa đường rồi cũng nên. Tất thế nào chiều nay hai người cũng có mặt ở đây cùng một lúc.

Thế là Lý Văn đã truyền cho vợ đi lấy độ chục chai rượu ngon và quát tháo người nhà bắc ngay nước sôi để làm lợn. Bà Lý Văn chỉ biết làm theo. Từ những ngày nào, trong cái gia đình này, mỗi một lời nói to của ông Lý là một mệnh lệnh. Một mặt, người nhà chộc tiết lợn, tiêng con vật bị đâm dao bầu vào cuống họng kêu eng oéc. Một mặt bà Lý đi ra đầu làng để liệu cho xong cái khoản rượu.

Lý Văn chạy tới tấp như một kẻ chức sắc gặp ngày phải đương cai. Ngồi ở nhà được một chút, ý nghĩ thêm được một điều gì, y lại vụt chạy đi rất lâu. Y chạy đi chạy về như thế, tính ra đã được ba lần. Đến lần thứ tư, thì y dắt luôn đến năm sáu người cùng về, trong số đó có cả Cai Xanh và Phó Kinh.

Người ta nói cười oang oang. Lý Văn vào nhà trước, trái vọi chiếc chiếu cạp điều phủ mặt ván ngựa.

- Mời các chú vào trong này.

Cả bọn kéo lên giường sau khi rửa chân cạp, hai bàn chân bấn vổ vào nhau mười lượt. Cũng như từ bao giờ, bà lý đã lẩn đi đầu mắt. Ông lý đã dặn vợ hễ khi nào ông có đông bạn lạ đến uống rượu thì bà nên vắng nhà. Vì thế, dọn xong rượu, lần nào bà cũng đi biệt.

Người ta ngồi vào mâm rượu với sự uể oải của người không đói ăn, với sự nghiêm trọng của một người biết trước bữa rượu này là khơi mào cho một việc quan hệ cần phải giải quyết trong hơi men nồng. Thực khách đều giữ một vẻ mặt bí mật.

Trong số mười chai rượu, thì đến bốn năm cái đã là vô thủy tinh không. Chiếc mâm đồng thước rươi có lót lá chuối tươi, đựng thịt thủ thái dối đầy tú hụ lên thế, lòng mâm thịt đã vợi đến một phần ba. Một vài người dặng háng. Đôi ba kẻ vè sẵn những mồi thuốc Lào, mắt nhìn trừng trừng vào người đang rít điếu cày. Lý Văn khạc mạnh.

Y giả vờ gọi đầy tớ thực to. Không có đứa nào thưa, y tìm tìm:

- Thưa các quan, nhà vắng cả, xin các quan bàn qua lại việc đó. Rồi để phân phát ngay công việc cho anh em và định ngày làm.

- Còn định gì nữa, Cai Xanh ngắt câu chuyện. Nếu có làm thì làm ngay đêm nay đi. Nhân thể đêm nay lại tối trời. "Tiếng bạc" này, em xin thưa để bác Lý biết: nếu đêm nay không mở ngay thì đi "tiếng bạc" đến vỡ mắt.

- Cũng được. Vậy thì anh em cắt và nhận công việc luôn đi, Phó Kinh bây giờ mới lên tiếng.

- Cứ như lệ cũ mà theo, vẽ vôi cắt đặt lại làm chi cho thêm phiền ra. Thì cũng lại cầm lá chắn là anh Cai và đánh "bút chì" là em chứ còn ai vào đây. Nếu có neo người thì anh lý nhà đỡ cho một cây "bút chùng" kèm sát bên cạnh em cho em vững tay ở những con đường độc đạo. Còn các chú nó đây - Phó Kinh xòe tay chỉ mấy người ngồi ăn từ nãy chưa nói gì - thì chia nhau ra mà đỡ lấy việc vất như thả chông, bặt hồng, vân vân. Còn thì mới đến người ngoài. Các ông anh nghe đàn em bàn thế đã tạm ổn chưa?

Phó Kinh tu một hớp rượu đánh ực. Cả bọn đều nhao nhao:

- Thôi, thông lắm rồi. Vậy thì nhất định đêm nay hết trống canh hai bắt đầu cắt quân. Sang đúng đất bên ấy, vừa vào giữa canh ba.

Cả bọn lại đều một loạt đánh ngã vài chai lớn nữa. Rồi trong không khí ồn ào, người ta đọc đi đọc lại cái câu: "Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi". Cả bọn đều lấy làm thương thức câu đó và mỗi người đều tự đặt ngay mình vào địa vị của người dám nghĩ dám làm. Nghèo, cực, khải. Lấy chỗ tiền bạc của bọn bắt nghĩa, đem chia cho anh em khác nghèo như mình.

Phó Kinh đã nóng mặt, xắn tay áo, ngồi chửi đổng:<sup>(1)</sup>

---

(1) Kiểm duyệt thời Pháp thuộc bỏ mất ba dòng chưa tìm ra được.

- Nay phải biết, một cây "bút chì" của em, em dám chấp cả một ập người chúng nó.

Nói xong, Phó Kinh nhảy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo cuộn dây thừng quấn trong người thay thắt lưng, buộc một đầu mỗi dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hôm nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ùa theo Phó Kinh ra mặt sau nhà, đứng một loạt đối diện với bụi chuối fiêu phất phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kinh cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái y nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai, nói to: "Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái".

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh roạt. Và Phó Kinh đang cười hề hề, cuốn vòng dây thừng vào cánh tay trái. Được giật về từ lúc nào, cái mai đã ở gọn trong hai bàn tay y.

- Bây giờ, đàn anh lại xem em lấy buồng chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai xén qua cuống buồng chuối, đi quá đích, chạm cả vào đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen:

- Ngón "bút chì" của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lắm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến, thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kinh đưa cho mình cây "bút chì", buộc thông lọng mũi dây vào cổ tay trái và bảo: "Chú nào ném hộ anh hòn đất đi!".

Tiếng hòn đất đụng đất kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lưỡi mai ở tay Lý Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gãy mất hai chân,



vết thương gọn gàng vừa đúng quăng đầu gối và cặp giò chưa lia hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi làn da hoen máu.

Lý Văn gác mai, nói với tất cả bọn:

- Nếu mình ném mạnh tay quá và không biết tính sức đi của "bút chì" là nát mất gà. Các chú không phải đánh những tiếng bạc vào sinh ra tử, các chú không biết, chứ độn "bút chì" khó khiến lắm. Và một cây "bút chì" ngang tàng như thế mà lại phải lụy một cành tre đấy. Chú nào hay xử cây "bút chùng", ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá "bút chì". Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy, thì đầu người rụng cứ như sung.

## CHÉN TRÀ SƯƠNG(\*)

**T**rời rét quá. Không kể tiểu hàn, không kể cả đến đại hàn, buổi sớm mùa đông nào, cụ Ấm cũng dậy từ lúc còn tối đất. Từ trên bàn thờ đức Thánh Quan, cụ nhắc cây đèn để xuống. Được khêu hai tim bắc nữa, cây đèn dầu sở phôi thêm màu xanh lá mạ chất sứ Bát Tràng.

Trên chiếu cói cặp điều đã sờn cạnh, cụ Ấm đã bày ra đầy nào là khay trà, ống nhổ, ấm đồng và hoả lò đất. Cái điều bát vẽ Mai Hạc kêu vang lên một hồi rất ròn rất đều. Khói thuốc缭绕 sánh bao trùm lấy ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn dầu. Rồi làn khói loãng dần biến ra nhờ nhờ như làn hơi nước sôi. Sau màn khói, ẩn hiện một ông già chống mạnh bên gối xếp, cặp mắt lim dim như một nhà sư nhập định. Về nghiêm trang lặng thinh của ông già muốn làm ngừng cả ánh khói trắng biến động đang trôi trong không khí gian nhà gạch. Ba gian nhà chỉ có một người thức.

Trong cảnh trời đất lơ mờ chưa đủ phân rõ phần đêm và phần ngày, ông cụ có phong thái một triết nhân ngồi tĩnh bước đi của thời gian. Đêm đông dài không cùng. Nó mênh mông và tự hết rất chậm chạp.

Gió bắc thổi qua những kẽ cánh cửa bức bàn gửi vào nơi yên lặng này mười lăm tiếng gà không hẳn nhức được với tối tăm. Từ ngoài phía ngõ râm bụi lượng sát nhà gạch, dội vào những tiếng bước chân người nặng nề nhẹ. Cuộc đời hồi tỉnh lại dần dần.

(\*) Đã đăng ở tạp chí Tao đàn số 3 (1-4-1939) lấy tên: *Ấm trà trong sương sớm*

Cụ Âm thấy quạt nan phành phạch theo một nhịp nhanh chóng trước cửa hoá lò. Hòn than tàu lép bép nổ, nghe vui tai. Và làm vui cho cả mắt nữa, những tàn lửa không có trật tự, không bị bó buộc kia còn vẽ lên một khoảng không những nét lửa ngang dọc ngoằn ngoèo. Những lúc có cháu nhỏ ngồi với mình, cụ Âm thường hỏi chúng xem pháo hoa cải như thế có thích không.

Những hòn than tàu cháy đều, màu đỏ ửng, có những tia lửa xanh lè vờn quanh. Không khí mỗi lúc giao động càng nâng cao thêm những lưỡi ngọn lửa xanh nhấp nhô. Hòn lửa rất ngon lành, trở nên một khối đỏ tươi và trong suốt như thổi vàng thổi chảy.

Thình thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khô, rất khê và rất gọn. Thế rồi hòn than sống hết một đời khoáng chất. Bây giờ hòn than chỉ còn là một điểm lửa ấm áp trong một cái vỏ tàn tro dày và trắng xốp. Cụ Âm vuốt lại hai mái tóc trắng, cầm thanh đóm dài đảo lộn tàn than trong hoá lò, thăm hỏi cái hấp hối của lũ vô tri vô giác. Cụ Âm bỏ thêm một vài hòn than hoa nữa vào hoá lò. Than hoa không nổ lép bép như than tàu; nhưng từ ruột ấm đồng nung nấu đã lâu, có tiếng thở dài của khối nước sắp biến thể. Nước đã lên tiếng để nhắc người ta nghĩ đến nó.

Cụ Âm cũng thở đánh phù một cái, như khi người ta được gặp lại bạn cố nhân sau nhiều giây phút mong chờ.

Cụ khê nâng vuông vải tây điều phủ trên khay trà gỗ trắc có chân quý. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Âm nhắc cả đĩa dầm chén tổng chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dờ tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kèn càng hơn. Cụ ngắm nghía mãi chiếc ấm màu đỏ da chu, bóng không một chút gọn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất cho vào lò lửa, người thợ Tàu lấy dáng cho ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Âm thử mãi da lòng tay mình vào mình cái ấm độc ấm, hình như cố tìm tòi một chút gọn trên đất nung để được sung sướng thêm hơn nữa sau khi nhận thấy cái ấm độc ấm kia

là nhãn nhụi quá.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ Ấm rót thử một chút nước xuống đất xem có thực là sôi không. Mỗi đầu cho công việc vụn vặt trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già sợ nhất cái ấm trà tàu pha hồng lúc sớm mai. Từ trên bề cao cỡ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trị, tiếng kêu lộp bộp.

Trên hoả lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà đúng cách thức trà đạo như cụ Ấm bao giờ cũng có ít ra là hai cái ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhắc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò than đở rục. Bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi, người ta luôn tay có một thứ nước sôi đủ độ nóng để pha một ấm trà ngon.

Nhưng có mấy khi cụ Ấm uống trà tàu nhiều đến thế. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ rồi. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám cầu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy nhiều công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi. Trong ấm trà pha ngon, người ta nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lý.

Cụ Ấm sau mỗi lần nhỡ gặp phải ông khách tạp, uống trà rất tục, cụ thường nói với vài bạn nhà nho:

- Có lẽ tôi phải mua ít chén có đĩa ở hiệu Tây, để mỗi khi có mấy thầy làm việc bên Bảo Hộ tới thì đem ra mà chế nước pha sẵn trong bình tích. Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết cái thú uống trà tàu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm

thế thì mất hết cả thành kính. Tôi còn nhớ hồi nhỏ, còn là học trò quan Đốc, tôi được cái vinh dự sớm dậy, sớm nào cũng như sớm nào, đứng hầu trà cụ Đốc, trước khi cụ giảng bài và chăm cho anh em tập quyển. Nhiều người đã ghen tị với tôi và kêu ca với cụ Đốc xin để cắt lượt học trò hầu trà, cho anh em ai nấy đều được chút vinh dự gần gũi thầy và sớm chiều được gần cái đạo của thầy. Quan Đốc mỉm cười: "Thầy già ơn các anh. Thầy nói thì các anh đừng giận: các anh không pha trà cho hợp ý thầy được đâu. Để thời giờ ấy mà học. Anh Đam - (trước kia tôi là Đóm sau sợ phạm húy nên cụ Đốc mới đổi tên đi cho) - anh Đam pha trà khéo thì thầy để cho giữ việc hầu thầy, chứ có phải thầy yêu anh Đam hơn hay là ghét các anh đâu". Bây giờ mỗi buổi trà sớm, ngồi uống một mình, tôi cứ nhớ cái tiếng ngâm của quan Đốc. Sớm nào dậy, cụ cũng ngâm một vài bài thơ. Giọng thật ấm, thật trong. Cụ hay ngâm mấy câu này:

*Bán dạ tam bôi tửu  
Bình minh số chén trà  
Mỗi nhật cứ như thử  
Lương y bắt đạo gia.*

Mỗi buổi sớm, thấy rõ lòng thầy là vui vẻ, tôi đã mạn phép đọc để cụ Đốc chữa cho bài diễn nôm:

*Mai sớm một tuần trà  
Canh khuya dăm chén rượu  
Mỗi ngày mỗi được thể  
Thầy thuốc xa nhà ta.*

Cụ Đốc tạm cho là được.

Sớm nay, cụ Ấm cũng ngâm thơ. Cụ tin rằng ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí kỳ diệu nhất của một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết ra hết ngoài những cái nặng nề trong cơ

thể và để đón lấy khí lạnh đầu tiên của trời đất. Ấu cũng là một quan niệm và một phép vệ sinh của thời cũ. Và người xưa uống trà là để giữ mình cho lạnh mạnh.

Thường hay vấn mình để sửa mình, cụ Ấm thường nghĩ đến cái câu nghìn xưa của thầy Tăng tử: "Ngô nhật tam tỉnh ngô thân" vào những giờ uống trà này.

Trong nhà cụ Ấm, người ta đã ồn ào thức dậy. Cụ Ấm cũng bắt đầu ho. Chùng như hồi nãy, cụ đã tự nén hơi thở không dám ho, sợ làm đục vấn mắt cái phút bình lặng huyền bí của lúc đêm và ngày giao nhau.

Người con trưởng rón rén lại hỏi thăm sức khỏe của cha và mon men ngò ghé vào thành chiếc sập cũ. Chàng đỡ lấy quạt, nhấc hỏa lò ra một chỗ rộng, quạt mạnh cho hết tàn than.

- Thầy uống xong rồi. Con uống thì pha mà uống. Trà còn đượm hương lắm.

Câu nói này là thừa. Vì sớm nào hai cha con ông Ấm chẳng dậy sớm để uống trà, cha bao giờ cũng uống trước hai chén và người con cả uống sau nhiều lắm đến ba chén là cùng. Sớm nay, cũng như lúc thỉnh thoảng của mọi ngày, cụ Ấm lại bắt người trưởng nam giờ tập Cổ Văn ra bình lại cả bài *Trà ca* của Lu Đồng. Giọng bình vẫn tốt quá. Điều cổ phong trúc trắc thể mà con cụ Ấm lại còn ngâm gỏi hạc bắt đoạn cuối một câu trên xuống luôn đầu câu dưới, hơi ngâm trong và dài. Trông hai cha con uống nước mà y như là một đôi thầy trò vào một giờ học ôn buổi sớm mai. Chuyện văn mãi về trà tàu, ông cụ Ấm lại mang luôn cả tập *Vũ trung tùy bút* giảng những đoạn công phu của Quốc Tử Giám Tế tửu Phạm Đình Hổ chiêm nghiệm và xung tụng về trà tàu. Rồi cụ Ấm liền than tiếc đến cái mùa thu đã đi mất rồi, để sen hồ rách hết tàn rũ hết lá. "Cả ạ, thầy cho nước pha trà không gì thơm lạnh bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có ít thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ uống một ấm. Hồi thầy

còn ít tuổi, mỗi lúc được quan Đốc truyền cho đi thuyền thúng vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm, thầy cho là kỳ thú nhất trong đời một người học trò được thầy học yêu tin”.

Trong gia đình cụ Âm, hồi gần đây đã lập lại cái phong tục uống trà. Có một hồi bản bách quá, cụ Âm đã cất hẳn bộ đồ trà vào tủ, tưởng không bao giờ được bày nó ra hằng ngày nữa. Nhưng trời kể cũng còn hậu đãi người hàn nho, thế nào năm nay nhà cụ Âm lại được mùa cả hai vụ.

- Này Cả, con lên tỉnh mua trữ lấy ít trà Lý Tử Uyên. Năm nay ta ướp thêm vào chục chai để dành. Thủy tiên nhà, năm nay gọt những một lấp đầy. Thầy mua chung với cụ Kép xóm dưới. Độ mai kia thì rò hoa tách hết màng. Củ nào hoa kếp thì đem ủ trà.

- Thưa thầy, con tưởng trà cứ để nguyên hương của nó mà uống. Con thấy ông ngoại nhà không bao giờ cho ướp trà mới, bất cứ là với hoa thơm nào. Ông ngoại con bảo chỉ nên ướp, là lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du.

Trời rạng dần. Một chút nắng đào lóng lánh trong cái đám cây một chiếc lại một chiếc, đang rụng lá năm cũ.

Đạo mạo trong vành khăn nhiễu quần dới, cụ Âm đã chống gậy ra đi. Cụ quay trở lại dặn người con trưởng đang lui húi lau bộ khay trà.

- Thầy vào trong cụ Điều để rồi cùng sang làng bên thăm một con bệnh già. Con bệnh này, tổn nhiều sâm dây. Đến tối thầy mới về vì thầy phải sao tẩm thuốc sống ở bên ấy cho tiện.

## ĐÈN ĐÊM THU

**H**ình như năm nay thu nó về sớm hơn một kỳ; phải không hở anh Cừ? - Ông già sáu mươi cái hết hàng khuy hồ phách nơi tà áo chiếc áo lụa Nguyễn tím than đã bợt, ngẩng đầu hỏi người con đang soạn bộ đồ trà.

Cậu Cừ mở qua loa cuốn lịch, thưa lại:

- Thưa thầy, lập thu vào ngày mồng một tháng bảy.

Ông già sáu mươi kêu: "Thảo nào!" và hỏi tiếp:

- Đến tháng tám này là đúng vào ngày đầy tuổi tôi con bé cháu Tố Tâm đấy nhỉ?

- Dạ thưa thầy, vâng.

- Một năm đủ mười hai tháng. Lên một, Tố Tâm nó chơi đèn được rồi đấy. Năm nay anh Cừ có định bày cỗ cho các cháu chơi Tết Trung thu không?

Dưới nhà, vọng lên tiếng trẻ con khóc bú và tiếng đàn bà ru con: "A ơ... Tâm ơi, Tâm ngủ đi Tâm... Để mẹ ra tắm, gánh nước tưới hoa... à ơ...".

Ông già tỳ cùi tay lên gối xếp da quang dầu, vuốt chòm râu bạc, nhìn ra con heo may lay bức màn, làm gật gù bông cúc nơi chậu cây cảnh ngoài sân. Ông già nét mặt nghiêm trang, bảo cậu Cừ:

- Các con gọi tên con cái, nên gọi cho đúng. Tên cháu bé là Tố Tâm, thì phải gọi đúng như thế. Sao lại ăn bợt đi mất một chữ.



Không thể bảo như thế là tiện là dễ gọi được. Người ngoài người ta cười cho.

Cậu Cử vội chạy xuống nhà rồi lại chạy lên ngay. Nói tiếp về việc bày cỗ tháng tám, cậu Cử thưa:

- Đã đến mấy năm nay, nhà ta bỏ mất cái tục lệ ấy. Cử kể có bày ra lại, nó cũng vui nhà.

Dưới nhà, lại vẳng đưa lên cái giọng ru con ban nãy: "À ơ, Tố Tâm thừa chút hương trời... à ơ u...".

Ông cụ già bằng lòng. Người con dâu thứ ở nhà dưới ru trẻ theo cái ý của ông già vừa ngỏ với cậu Cử. Cậu Cử cũng hài lòng vì vợ đã tỏ ra là một người thuần thực, biết nghe lời gia huấn. Không những thế, vợ Cử còn tỏ ra là người cũng võ vẽ thi ca nữa. Vì con gái út là một thứ hương thơm bắt được của trời!

Thằng Ngô Lang, đứa con đầu lòng lên bảy tuổi, chạy lên mách với cậu Cử: "Em Tố Tâm ngủ rồi cậu ạ". Rồi nó leo lên sập, nhảy vào lòng ông nội, cũng đòi uống trà tàu. Cái lối chạy lên làm nũng ông nội như thế, và được ông nội thỏa nhận, thằng Ngô Lang đã có thói quen. Ông già sáu mươi yêu cháu vô cùng. Có khi ông lại đọc cả thơ chữ Hán để cho đứa trẻ sớm thông minh kia ngời nhai mình. Nhớ được một hai câu ngũ ngôn ngắn ngắn, nó lại chạy xuống bếp túm dải yếm mẹ và đọc sai gần hết để vợ Cử lại phải phì cười chữa lại từng thanh âm một. Từ khi cụ Thượng Nam Ninh không ở chức Tổng đốc vùng xuôi, về trí sĩ ở Hà Nội tại cái nhà ngói chật hẹp phố Hàng Gai này, thằng Ngô Lang là một cái vườn cảnh cho cụ vui cái thú điền viên. Cụ khen cháu cụ là đỉnh ngộ. Mỗi bữa rượu sớm, mỗi tuần trà trưa, cụ đều cho Ngô Lang ngồi kèm một bên. Đã mấy mươi lần, vợ chồng nhà Cử Hai hết sức van xin ông đừng nuông cháu quá, sợ Ngô Lang đâm ra hỗn. Cụ Thượng phật ý, bảo dâu và con nếu không để cho cụ như thế thì cụ vào ở trong huyện Thọ Xương vậy. Vợ chồng cậu Cử không biết làm thế nào, đành cứ phải để Ngô Lang

mặc sức quấy và làm nũng ông nội. Cụ Thượng cười và thôi không dọa vào ở trong huyện Thọ Xương, nơi mà người con trai cả lý đã mấy năm nay. Thực thể, cái ý vào ở với cậu Cử Cả, giờ là một ông quan Lệnh, ý đó chỉ là một lời dọa. Ông Lệnh Thọ Xương đã mấy mươi lần đem cả vợ con đến nhà hẹp phố Hàng Gai để rước cụ Thượng vào trong huyện ở cho mát hơn rộng hơn. Cụ Thượng chỉ trả lời ông huyện Thọ Xương:

- Lần sau, anh được lúc việc quan thanh thân, có ra chơi ngoài phố này với thầy, đừng có nên đem lính ra nhé. Ôn lắm. Chúng nó có sinh vào đời vua Lê chúa Trịnh, thì cho thêm vào cái đám kiêu binh Tam phủ được đấy. Thầy rất sợ hàng phố người ta nói vào.

Mấy lần sau ra thăm cha, ông huyện Thọ Xương không dám đem mấy tên lính trợ trợ ra theo nữa, nhưng đã động đến việc cũ, thì chỉ thầy cụ Thượng trả lời:

- Thầy ở đâu thì cũng thế. Miễn là được tỉnh mạc là hơn cả. Anh cũng rõ cái tính tôi vốn sợ cái bọn lính hầu cận và lại hay tránh sự giao thiệp. Tôi tưởng vào ở tư thất một huyện nha nó phiền nhiễu lắm. Thôi anh cứ để tôi ở ngoài này.

Ông huyện Thọ Xương biết cha mình có bụng yêu chú Cử em mình hơn nên kiếm cớ ra như thế, bèn nói dối:

- Dạ, con tưởng hồi trước thầy còn ở chức, sự giao thiệp và đưa đón những tạp khách cũng nhiều lắm, và nhiều không kể cho hết được, lại là những cái gai mắt của toán lính hầu cận thầy. Một cái dinh Đốc bố đường thưa thầy, sai nha không phải là ít. Vậy mà con không thấy thầy phàn nàn bao giờ cả.

Cụ Thượng hiểu ý, cười:

- Bởi thế cho nên tôi mới thềm đến sự an nhàn lúc được dưỡng lão. Và lại thầy ở ngoài này nó quen đi rồi. Bao giờ anh được lùi về vườn và nếu trời còn cho thầy sống một vài giáp nữa, ông con ta sẽ

ở chung để sửa sang một cái vườn có đủ hoa bốn mùa. Anh không lo rằng chậm. Thôi, cứ để thầy ở ngoài này.

Cụ vừa trả lời ông huyện Thọ Xương vừa nhìn ông Cử Hai đứng sau người anh, có ý bảo thăm người con thứ rằng: "Bao giờ thầy cũng chỉ muốn ở với con, bởi vì con có tâm hồn giống như ta.". Rồi ngắt sang câu chuyện khác, cụ hỏi:

- Các anh có nghe thầy ở các phường người ta đồn về cái tin đức Thành Thái ngự du ra khánh thành cầu Bồ Đề với ngài Toàn quyền Đô Mĩ như thế nào không? Chắc ông huyện thì rõ hơn là em Cử nó. Máy nhịp cầu tất cả nhĩ! Hình như là chín nhịp đấy nhĩ?

Thường mỗi lần từ chối lời mời mọc chí tình của người con cả, ông già lại có một câu chuyện đánh trống lảng như thế, để giữ lấy hòa khí trong đám "anh em chúng nó". Cùng là con cả, nhưng cụ Thượng đã thấy rõ ông Cử Cả, tức là ông huyện Thọ Xương đương chức kia, là một người có tâm thuật rất hèn kém. Cũng là một giọt máu sinh đôi mà sao ông Cử Cả và ông Cử Hai không giống nhau lấy mấy may, từ quan niệm nhân sinh cho đến từng cái nhỏ nhặt hằng ngày. Cụ Thượng tin rằng khi cụ trăm tuổi đi rồi thì ông huyện Thọ Xương dám làm mọi chuyện phung hại đến gia thanh. Cái người ấy, thường cụ vẫn hạ mấy chữ "vô sở bất chí" những lúc nghĩ riêng mình với mình: "Ta nằm xuống, là thằng này sẽ làm mất hết những chính tích hay trong một đời làm quan của ta.". Bởi chán về người con lớn đã tìm được lối xuất thân, cụ càng nghĩ mà thương và yêu người con thứ. Cũng là thân danh một ông cử nhân có vợ có con, mà vẫn còn đơn giản như ngày để chớm. Ông Cử Hai có khoa mà không có hoạn, và cái khoa mục ấy giá không nói ra thì không ai biết. Người có hoa tay, thêm được chút tâm hồn lãng tử, nên ông Cử Hai sống cuộc đời mình như người ta chơi chơi vậy thôi. Người ấy thực là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh. Ông ta sinh ra để mà đùa với cuộc sống và bắt đầu từ việc đem

ngay cái tài hoa của mình ra mà đùa nhả với sự nghiệp thân thể mình. Hội tụ Thượng còn nhậm ở dưới Sơn Nam hạ, cái gia đình lớn ấy chưa quy về một mối, ông Cử Hai quanh năm đi dạy học ở bốn tỉnh tứ chính Đông Nam Đoài Bắc. Không cần phụ huynh học sinh xử hậu hay bạc, không cần địa phương ấy là có đất văn tự hoặc dân ấy có nếp văn chương muốn cầu học chữ của thầy, có khi tới ở đó ít ngày, ngồi giảng bài chưa ấm phòng học, ông đã quấy khăn gói xách điếu lên đường. Người tuổi tác có hỏi, ông trả lời vì cảnh ở đây không dung được người: "Bực trượng nhân thử nghĩ: cái gì mà nước chỉ chảy xiết không bao giờ tụ; cây trồng đến ba năm bói không có quả; ớt nhắm không thấy cay; hoa chỉ có mùi thơm về phần đêm; núi chỉ bằng đầu chứ không có chỏm ngọn, và mây trời không bao giờ hiện đủ năm sắc. Cảnh như thế, tôi ngồi mà làm gì. Chữ thánh hiền không phải ở chỗ nào cũng đem bó thi được."

Ông Cử Hai đi dạy học, đã lấy cái việc dạy học làm một mưu hồ khẩu mà y như là đi ngoạn cảnh hoặc là đi dâng hương ở các đền chùa cổ tích. Và những lúc mỗi chân phải ngừng ở lại các thôn ỏ, ông lại còn thỉnh thoảng ngừng cả cái miệng giảng sách hoặc ngừng chấm nét son lên quyển bài, để đề một bức châm lên lá quạt tặng bạn đồng song, để khắc chữ triện và chạm trở một hòn đá xù xì cho thành một con thạch ấn, để dúng ngón tay trở vào chậu mực vẽ một bộ tứ bình thủy mặc có hình đủ bốn thứ cây cỏ tứ hữu: cúc, trúc, lan, mai treo chơi trên vách đất quán trọ nơi ngồi dạy học.

Gần ngày tết nhất, người trưởng tràng lúc thu xong sổ đồng môn, chỉ khổ lên vì đi tìm thầy. Tết mồng ba ông Cử Hai đã trốn khỏi nhà trọ từ hôm trước để đi ăn hàn thực và đi hội đập thanh với các bạn sinh làm thơ tức cảnh. Tết Đoan ngũ, ông lên núi hái lá thuốc, những mong được như hai người Lưu, Nguyễn ngày xưa gặp tiên. Tết Trung thu ông lên chùa Thầy ngắm trăng. Chợ Giời họp trên đỉnh núi Sài Sơn. Gần Tết Nguyên đán, nếu chưa về nhà, thì ông ấn

ở trong một mái đình vắng nào để gọt cho hết một lớp thủy tiên. Cái hành tung của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hòa theo với người chung quanh ấy, thực khó mà dò hỏi. Lùng tìm cái dấu bàn chân một chính khách thất quốc lúc vượt bể ra ngoài mưu việc lớn, có lẽ còn dễ hơn đi đuổi theo ông Cử Hai những lúc cái húng giang hồ ở người ông nổi dậy.

Từ ngày cụ Thượng nghiêm phụ về trí sĩ ở Hàng Gai Hà Nội, ông Cử Hai không tha phương làm ăn nữa. Ông ở rìet ở nhà chép lại cuốn gia phả, và sao được bao nhiêu pho kinh mượn trên chùa Trấn Quốc cho cha. Thế rồi vợ Cử sinh thêm được con Tố Tâm. Trước ngày ở cũ Tố Tâm, vườn lan nhà cụ Thượng Nam Ninh ở Hàng Gai nở đều mấy chậu vừa Tiểu Kiều, Đại Kiều. Cụ Thượng cha gọi thế là lan báo hi và đặt tên luôn cho cháu gái là Tố Tâm. Vợ Cử Hai, thấy chồng không ra mặt bất đắc chí và phẫn uất với buổi giao thì nữa, chỉ ngày ngày thờ cha già và chơi với Ngô Lang và Tố Tâm, cũng vui cười hể hả thêm lên. Một hôm, vợ đã dám ru con rất to, như rót vào tai chồng:

*Ba năm lưu lạc giang hồ*

*Một ngày tu lại, cơ đồ vẫn nên.*

Thằng Ngô Lang và con Tố Tâm ngoan vô cùng. Thằng anh mến con em, nhiều khi cắn cả má em để cho em vừa khóc vừa theo, ồn ào và dễ thương lạ. Con Tố Tâm chưa đầy tuổi tôi, mà má đã lúm đồng tiền, mà mắt đã trong như nước hồ thu. Ngắm con gái, anh hoa sớm lộ ra ngoài, vợ Cử Hai có điều ngài ngại. Buồn một cách thoảng qua thôi. Chỉ có một lần thằng Ngô Lang làm cho mẹ nó buồn sợ hơn hết là một buổi tối, nó vén màn the lên, kéo mẹ nó đến gần cửa song có con tiện, chỉ cho mẹ nó xem một vùng trăng sớm ló bên đầu hội nhà.

- Mẹ ơi, ra đây mà xem ông giăng.

- Ông giăng làm sao?

- Ông giảng đẹp lắm. Có hai cái cánh nhọn.
- Thế thì đẹp gì. Ông giảng có tròn thì mới đẹp chứ!
- Tròn cả không đẹp vợ ạ.

Từ lúc ấy, thằng Ngô Lang cứ vắt tay lên trán mà ngắm giảng như một người lớn đang suy nghĩ. Mỗi lần mẹ nó bảo bỏ lá màn xuống cho khỏi muỗi thì nó lại sụt sịt khóc. Và nó cứ vắt tay lên trán nhìn vòng giảng lên mỗi lúc một cao. Ông Cử Hai vừa về, nó nhảy chồm dậy, vui mừng như một người đứng tuổi khi tìm được một tâm hồn bầu bạn, nó lôi tay bố nó xềnh xệch đến chỗ chần song, chỉ vòng giảng bạc có cánh nhọn và nói:

- Ban nãy ông giảng khéo hơn bây giờ kia cậu ạ. Ngô Lang nằm chờ mãi mà không thấy mây che lầy ông giảng của Ngô Lang. Thế đêm nay có mây không hả cậu?

Vợ chồng ông Cử Hai ngồi nhìn nhau hồi lâu, chốc lại liếc qua Ngô Lang đứng bần thần bên cửa sổ có ánh giảng xuyên qua. Người vợ hình như lầy cặp mắt lo lắng bảo thầm chồng: "Tính di truyền giọt máu nhà lại bắt chúng ta cho ra đời một tên tài tử nữa rồi." để cho người chồng nghĩ thêm rằng: "Đời thằng Ngô Lang rồi cũng chỉ đến lãng băng mà thôi. Cái vòng giảng lười liềm kia sau này còn lôi kéo cái thơ mộng Ngô Lang kia đi xa lắm. Việc ấy cũng là số mệnh định cả và điềm ra như thế."

Qua ngày Tết Trung nguyên, ông Cử Hai để tâm vào việc sắp cỗ Tết Trung thu cho hai trẻ Ngô Lang và Tố Tâm và vợ chồng cũng quên cái việc Ngô Lang mê cái bóng giảng lười liềm đêm trước.

Mấy hôm nay, ông Cử Hai chạy suốt ngày như một người bận rộn nhiều lắm. Chốc chốc lại tha về mấy cái mai cá mực, hoặc ít mụn nhiều đủ các màu tươi và bao nhiêu là giấy hàng mã cùng là que nứa và dây lạt. Ông Cử Hai, một người tài hoa giang hồ, đến cái tuổi chán sự bay nhảy và đã nghĩ đến chuyện vui cùng gia đình.

Người ấy đã hồi tâm lại, mong gậy cái êm ấm cho gia đình vào một ngày tết của con trẻ. Người ấy đi kiếm các vật liệu để làm cho lũ con một cái đèn xê rãnh. Từ trước tới giờ cái người ấy có sao Thiên Cơ chiếu vào hoa tay chỉ đi làm đèn xê rãnh ở những chỗ đầu sông ngọn nguồn cho các thứ trẻ con thiên hạ, hồ mong trả cái nợ áo cơm đối với những người bao dung mình vào những ngày và tháng bẽ bàng.

Mấy ngày liền liền, ông Cử Hai nghĩ tìm một cái đầu đề mới lạ cho đèn xê rãnh. Hay là lấy sự tích Tam Quốc ra làm? Không thấy hứng lắm, bởi vì đã đến ba bốn lần ông mượn tích Tam Quốc rồi. Người ta còn nhắc mãi đến bây giờ cái đèn xê rãnh của ông hồi mấy năm về trước, diễn cái tích "Triệt giang phò A Đẩu" lúc Triệu Tử Long nhảy sang thuyền Tôn phu nhân trên sông Ngô, trông cứ như thật. Cái tài làm đèn xê rãnh của ông được nổi tiếng, truyền rộng ra một vùng Kinh Bắc là từ cái đèn "Triệt giang phò A Đẩu" ấy. Tác phẩm chỉ độc có một cái ấy, ngày nay ông Cử Hai không còn nhớ ra được là đã vào tay ai. Hình hài ông vào hồi ấy cũng còn là chuyện bỏ qua, hướng hồ chỉ là một cái công trình tiểu xảo kia! Ai đi nhớ mà làm gì!

Mấy hôm nay ông nghĩ đầu đề làm đèn xê rãnh cho thằng Ngô Lang, thực khó hơn là tìm vần thơ gieo cho một bài bát cú phú đặc. Chưa biết nên diễn cái tích gì đây! Hết ngày ấy sang ngày khác, ông ngồi bóc sẵn hạt bưởi và chẻ những hạt na ra từng hai mảnh một. Hạt bưởi xâu vào que phơi khô, tức là những cây nến cắm vào đèn giấy cho lũ trẻ con nhà nghèo chơi đêm ngày rằm.

Cụ Thượng nung đỏ cái tiêm sắt vào ngọn đèn thổ hà, xiên mũi tiêm nóng vào lòng mảnh hạt na, hút một điều thuốc lão, thổi khói pháo. Mảnh hạt na vừa tàn thì tro thuốc nơi nõ điều cũng vừa tụt gọn vào điều. Gọn gàng và ngon lành đến thế là cùng. Cụ Thượng hỏi ông Cử Hai:

- Thế anh đã nghĩ làm đèn như thế nào chưa?

- Con định hỏi lại thầy về cái tích này xem có nên không. Là diễn một tích trong truyện *Ngô Việt Xuân Thu*, lúc Phạm Lãi đem Tây Thi sang dâng Ngô Phù Sai.

- Ủ, Phạm Lãi gặp Tây Thi giặt lụa ở bên Trư La, hỏi này thú vị đấy. Nhưng anh Cử định diễn từ đoạn nào? Phải làm những quân gì? Đừng nên làm nhiều quân lắm. Cái sức luân chuyển của tán đèn đốt lửa chỉ có chừng độ thôi. Nếu dùng nhiều quân quá, sức máy gạt ngang sẽ yếu đi nhiều.

- Con đã nghĩ rồi. Cái rãnh chính để hình dung một con sông chảy từ đất Việt sang đất Ngô, ở phía bên phải chiếc đèn, đắp một hòn núi giả hơi cao. Ở rãnh phụ ấy đặt một cái máy gạt ăn vào hai hình quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư. Ở nơi góc bên trái, cũng ở một cái rãnh phụ nữa, lại một chiếc máy gạt ăn vào một chiếc thuyền ở trên có hình Phạm Lãi ngồi. Ở cái rãnh chính thì có chiếc thuyền lớn. Đây là thuyền Tây Thi tiến Ngô.

- Thế anh cho các quân ấy chạy và gặp nhau như thế nào?

Ông Cử Hai dùng ngón tay trở vào cái đĩa dầm sứ có nước, vẽ xuống mặt án thư mấy hình phác họa vị trí của từng quân đèn xếp rãnh.

- Thưa thầy, khi tán đèn quay, thì cái thuyền Tây Thi đi từ phía trái sang phải. Khi thuyền gần tới hòn núi giả, động đến cái máy gạt có cần thép ăn vào hai quân Ngô Phù Sai và Ngũ Tử Tư, thì hai hình này cử động. Ngô Phù Sai sẽ vươn mình ra phía sau như là ngắm kĩ nòng Tây Thi ở trong cái thuyền tiến công đang đi thâu vào bờ cõi nước Ngô. Còn hình Ngũ Tử Tư thì cử động ở hai tay như là ôm lấy Ngô Phù Sai can ngăn không nên thu nhận lấy cái họa Tây Thi. Về phía bên trái cổ đèn, khi thuyền Tây Thi vừa lướt qua cái trục máy gạt ở rãnh phụ phía trái, thì chiếc thuyền con có Phạm Lãi lộn ngược đi khuất vào góc đèn. Thầy nghĩ thế nào?



- Anh dàn quân thông đây. Thành ra hết bốn quân Tây Thi, Phạm Lãi, Phù Sai, Ngũ Tử Tư, ừ, bốn quân và... hai con thuyền. Chưa lấy gì làm nặng quá sức quay của tán đèn. Có thể thêm một quân nữa.

- Ý thầy muốn thêm một quân Thái Tể Bá Hy nữa, thưa thầy phải thế không? Vâng, có cái ông Thái Tể nữa vào nó cũng vui trò. Phải thêm một cái gạt nữa cho cái ông nịnh thần vong quốc này. Lúc thuyền Tây Thi đến, trong truyện, chính Thái Tể Bá Hy ra đón Tây Thi, và từ đây, đã đưa Ngô vào đường diệt vong theo đúng cái kế hoạch của Việt Vương Câu Tiễn.

Cụ Thượng và ông Cử Hai ra công làm năm quân ấy cho chiếc đèn xẻ rãnh lấy tên là "*Ngô vương cự gián nạp Tây Thi*".

Công việc chẳng có gì, vậy mà cũng mất đến hơn mười hôm. Ông Cử Hai tìm những mẫu nến bạch lập rất to cháy dở còn thừa lại trên đầu các đèn nến thiếc Sông Ngân nơi bàn thờ. Và đi lục lọi thêm những mẫu khác nữa trong tủ để cho nó đủ. Mẫu nến của kỳ giỗ xa xôi sót lại, vẫn chưa mất hết hẳn những giọt nước mắt sấp của những ngày hương đèn năm trước. Ông Cử Hai đem đốt chầy và hợp thành được một tảng sáp lớn. Ông chuốt quân đèn xẻ rãnh và lấy sáp này làm cốt cho quân. Cũng may mà những mẫu sáp thừa kia đủ dùng, chứ không thì cũng hơi rầy vì cái khoản vật liệu này. Độ này nhà túng lắm, mọi việc mua bán đều phải lấy tiết kiệm làm đầu. Đã hay rằng ông huyện Thọ Xương vẫn có đưa ra luôn để đỡ thêm vào việc chi tiêu trong nhà, nhưng ông Cử Hai vẫn lấy thế làm phiền.

Thế ra tạm xong được mấy cái cốt hình người. Bây giờ mới bắt đầu làm đến đầu người, mặt người. Thăng Ngô Lang ngồi chồm hổm bên bô, hỏi luôn miệng:

- Tại sao cái mặt này cậu để trắng, cái mặt khác lại có hai chấm đỏ, và cái mặt kia cậu lại bôi đỏ hết cả đi?

Cụ Thượng đang ngồi lựa mận lựa xanh đỏ bó thành quần áo

cho quân sáp, cười và bảo:

- Cháu đừng có nghịch thì mới chóng có đèn chơi. Mặt trắng là quan văn. Mặt đỏ là quan võ. Những người trung thân nghĩa sĩ cũng đều mặt đỏ cả. Người phản nịnh thì mặt trắng mốc có điểm mấy vết đỏ nhờ nhờ.

Ngô Lang chỉ vào lũ mặt người:

- Thế là ông làm cho cháu một cái đèn có cả người nịnh và người trung, quan văn và quan võ đây à. Sao ông không cho quân đèn mặt đỏ tất cả đi?

Ông Cử Hai gọt đầu bằng mai cá mực, để công nhiều nhất khi gọt đến mặt Phạm Lãi và Tây Thi. Nàng Tây Thi tất nhiên phải có khuôn mặt đẹp. Nhưng nghĩ đến cái thú vị của một đời người như lúc Phạm Lãi dám bỏ lại sau mình cả một cái giàu sang nhất mà đi chu du Ngũ Hồ, nghĩ đến phút ấy trong cái sinh bình một người xưa, ông Cử Hai, cũng làm luôn cho Phạm Lãi một cái mặt rất đẹp, cấy vào đây một bộ râu năm chòm đen nhánh. Ngô Lang cũng tỏ ý thích cái đầu Phạm Lãi và cả cái đầu nàng Tây Thi nữa.

Đèn xẻ rãnh đã hoàn thành. Cái tán đèn xẻ rãnh to quá. Phải thắp đến mười con bấc nơi đĩa dầu sớ, cái sức mạnh của lửa mới quay chạy được tán đèn. Ngày đầu tháng tám, ông Cử Hai đem đèn ra thắp.

Có người học trò cũ ở Sơn Tây về qua Hà Nội, biết ông Cử Hai có con, đem biếu thầy học cũ một cái bánh dẻo mặt trắng, mặt bánh to một thước, thế nào lại nhắm ngay vào giữa hôm ông Cử Hai thắp đèn xẻ rãnh. Ông bày đèn ra sân, đốt hết cả mười bấc cháy sáng. Ông bày luôn ra sân bộ đồ trà, mời cụ Thượng ra ngồi vào cái ghế đầu đã để sẵn trước đèn. Cụ Thượng ngồi, ăn bánh, uống nước và trịnh trọng như một người được mời tới để định giải thưởng cho đèn xẻ rãnh. Rồi cả nhà, mỗi người một miếng, trông vui vẻ lạ. Vui nhất là Ngô Lang. Cả đến con Tố Tâm bé thế mà

cũng ăn được hai mảnh bánh mặt trăng.

Quân đèn bắt đầu diễn vòng đầu. Mặt trước đèn có nền soi vào, sáng như một sân khấu rạp tuồng thu bé lại. Thuyền Tây Thi từ từ tiến vào sân khấu. Lúc nằng vào được đến phần ba lòng sân khấu, lướt qua chiếc thuyền Phạm Lãi, động đến cái máy gạt thứ nhất ở góc trái đèn, thì thuyền của Phạm Lãi quay vào trong và lẩn mất. Nàng Tây Thi vẫn xuôi trên dòng sông Ngô rồi biến vào nội địa đất Ngô. Cái máy gạt ở góc phải cỗ đèn động đánh xích một cái nữa, thì trên hòn núi giả làm bằng giấy trang kim đốt đen, Ngũ Tử Tư bắt đầu ôm lấy Phù Sai với dáng điệu của người tôi trung hết sức ngăn chừa. Nhưng dưới chân giả sơn, cái người nịnh thần Thái Tể Bá Hy đã đon đả đi gần lại thuyền Tây Thi, giơ tay ra đón lấy. Trên cái núi giấy, hai hình tôi chúa kia vẫn cử động như ban nãy, một người tỏ vẻ can ngăn, một người vùng vằng không chịu nghe. Thuyền Tây Thi dưới này, đi sâu mãi vào đất Ngô và khuất hẳn. Vậy là đủ một vòng đèn xê rãnh.

Ngô Lang nhảy lên mà cười. Cái đèn này là của riêng nó để bày cỗ ngày rằm. Con Tố Tâm khoa mãi hai chân và hai tay như muốn sà xuống chỗ đèn sáng. Rồi nó khóc. Mợ Cử Hai bảo chồng:

- Hay là làm cho mỗi đứa một cái. Càng đông đèn, cỗ càng vui. Giữa mâm cỗ, bày một con gà uốn hình ông Lã Vọng. Ngô Lang đã có đèn xê rãnh. Giờ làm cho con Tố Tâm một chiếc đèn kéo quân, cho nó khác đi.

Ngày ngày hôm sau ông Cử Hai lại túi bụi vào việc làm đèn kéo quân. Ông đã đem một tập sách thơ cũ ra, lột mất mấy cái bìa sơn cây, cắt bìa ra, ghép hai mảnh bìa làm một, dán lại làm hình người, Tố Tâm thì chỉ chơi đến đèn kéo quân thôi. Nhưng dù sao, ông Cử Hai cũng để hết công phu vào việc làm đèn. Chiếc đèn kéo quân của con Tố Tâm, đến hôm bày cỗ rằm, cũng còn hơn các bàn cỗ nhà khác ở chỗ nó có những hai chiếc tán kia, mỗi cái tán ăn vào một đĩa đèn,

một tán xoay vòng theo chiều thuận, một tán xoay theo vòng nghịch. Đèn chạy, hai vòng quân, một vòng trắng đi, một vòng trắng về, vui mắt lạ! Lại còn đèn cá và thiềm thừ nữa. Mợ Cử Hai ngâm sẵn một vại ốc và bữa những quả bưởi rất khéo, cố giữ nguyên vẹn làn vỏ, trở vào vỏ những hình trám thủng, để hôm sau con nó thắp lên rồi thả hồ mà lăn tròn cái thứ đèn cù ấy trên mặt đất. Ông Cử Hai tìm lên vùng Hồ Tây đặt rượu sen thứ có ăm. Chưa bao giờ cái tết Trung thu nhà ông nhộn nhịp cả nhà đến như thế.

## TRÊN ĐỈNH NON TẢN(\*)

*"Núi cao sóng hây còn dài*

*Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"*

**L**àng Chàng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây là một làng trung du mà hai phần ba số dân làm nghề thợ mộc. Cái chàng cái đực của dân Chàng Thôn không những được người trần biết đến mà thỉnh thoảng cứ dăm bảy năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt to tháng tám đánh chìm hết những làng ở rải rác phía chân núi Tản Viên.

Vài năm năm một, vua Thủy lại dâng nước một lần như thế lên chân núi Tản, lên lưng chừng núi Tản, lên đến đỉnh núi Tản. Nhà cửa, trâu dê bò lợn, hoa màu bị ngậm nước cứ hằng tuần trắng một, rồi chết, rồi nẫu, rồi rữa, rồi tan theo với ngọn nước lúc rút, tiếng nước xiết réo lên như thiên binh vạn mã. Mỗi một kì nước trắng cuộn dâng lên vùng non Tản cao ngất trời xanh, rồi lại cuộn cuộn rút về thủy quốc, dân gian khổ hại không biết thế nào mà lường được. Có nhiều làng bị nạn nước, toàn thể sinh linh đều biệt tích. Nóc đình các làng bị nước phù sa chôn chặt, nhiều khi phải đào móc mãi mới đo được ra dấu vết cũ. Ở nhiều chỗ không ngờ tới, người ta thường còn đào thấy những hài cốt kì quái của loại động vật thời thạch khí. Trận hồng thủy đã đem từ những nguồn, những ngàn xa nào, biết bao con

(\*) Đã đăng tạp chí *Tao đàn* số 13 (16-10-1936) lấy tên: *Trên đỉnh núi Tản*.

vật quái về chôn tại vùng xuôi này. Như là cái mai con giải to bằng cả một cái giếng làng đào thấy ở cạnh cái vãn chỉ hang huyện Tùng Thiện chẳng hạn. Còn nhiều thứ xương cốt của nhiều giống thúy quái khác nữa bị giạt vào các chân đồi, vào giữa thung lũng các xóm núi, mà nước rút xuống mau đã ký táng vào khu vực tỉnh Đoài. Mỗi lần đào thấy dưới những lớp dày cát phù sa, dân sở tại nhìn nhau, hỏi nhau bằng cặp mắt sợ hãi. Ở khắp mấy vùng Vệ Đồng, Nam Toàn, Thạch Bàn, Văn Mộng, đều có đào thấy như thế cả. Lắm ông già tuổi thọ đã linh trăm tuổi mà cũng chịu, kêu rằng cha ông bình sinh cũng chưa từng có nói đến những việc đào được cốt như thế.

Nhiều cái cốt khí lạ không biết như thế mà nói. Có một lần, người Mường ở xóm Đá Chông, ngay chỗ sát rìa chân núi Tản, về vụ làm rẫy tháng xuân, đào được không biết bao nhiêu là đồng xương một loài chim to lạ quá; người ta ngờ rằng đây là những chim rừng của rừng hoang núi Tản; những con chim ấy lúc sống có đủ da, thịt, lông, thì cũng phải to gấp năm sáu lần thân những con hạc gỗ thờ bên hương án các đình cổ.

Tục truyền những trận hồng thúy dữ dội tàn khốc như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen giữa vua Thủy và một vị thần trong bốn vị Tứ Bất tử nơi thế giới u linh: thánh Tản Viên, chúa Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử, và Phù Đổng thiên vương. Trong bốn vị này, sau chúa Liễu Hạnh hay đùa ghẹo người trần nhỡ gặp phải, có người nào hay biến hóa nhiều nhất và tàng hình lẫn vào đám người trần mắt thịt, thì là thánh Tản Viên. Thánh Tản Viên đã gây thù kết oán với Tiểu Long Hậu con vua Thủy Tề. Thần Núi và vị hoàng tử Nước kia đã là hai tình địch một thiên tình sử thoát phàm trong cái mơ hồ vô tận ở tit trên một chòm non xanh, ở tit tận dưới đáy một thúy cung. Hai kẻ tình thù mỗi lúc đánh ghen nhau thì muôn ngàn sinh linh đồ thần. Mỗi một kì đánh ghen, nước các vùng lại đổ về như thác và dâng cao mãi lên; đỉnh non Tản, muốn cho khỏi ngập dưới làn nước ghen oán, lại có dịp để ngoi lên cao thêm nữa thêm mãi. Trời bao giờ cho nàng

công chúa đẹp kia mất tích hẳn đi để Nước ấy và Núi kia được trở lại với sự yên nghỉ muôn thuở. Chứ thỉnh thoảng mà hai cái Thần ấy còn cướp phá nhau và cố chống giữ nhau thì nước còn dâng lên muôn trượng và nghìn nhà vùng xứ Đoài còn mãi mãi bị nạn lụt nước. Chính cái hạnh phúc trên non Tản và lòng ghen của một ông hoàng tử Nước kia đã thành câu hát của người xứ Đoài:

*"Núi cao sông hãy còn dài*

*Năm năm bão oán đời đời đánh ghen"*

Trẻ con tỉnh Đoài, đến bây giờ vẫn còn hay hát. Vừa hát vừa nghe hát vừa trông lên cái chỏm non Tản: trông xa như hình một cái tán đá, non kia vùi vùi đã là cả một thế giới của bí mật, của huyền ảo.

Mỗi lần đi chủ tế lễ quốc tế xuân thu hai kỳ trong một năm ở đền thờ thánh Tản Viên, không có quan địa phương nào là không tò mò hỏi thăm đến cái bí mật của rừng cao cả.

Người ta truyền lại rằng đền thờ thánh Tản có đủ ba ngôi. Đền Hạ và đền Trung thì nhiều người đã leo lên tới rồi. Nhưng vượt được cái vách đá trái núi thất quả bông để lên cho được trên đền Thượng, chưa từng thấy có ai thuật lại việc đó. Hình như có một lần, đầu có ông phủ Quốc Oai nói chuyện một cách sợ sệt về đền Thượng với quan Đốc học Sơn Tây. Ông phủ Quốc Oai chỉ mới nói có mấy câu: "Đứng ở mái Nam đền Thượng mà nhìn xuống, trông được cả khối ở kinh thành Thăng Long, thấy rõ cả cái Chợ Giời ở núi Sài. Có đứng ở đền Thượng nhòm thẳng xuống thì mới biết cái dải Đà Giang là có thể hiểm. Tôi có mang trộm về được ít đá cuội và một mẩu gỗ chò. Đây Quan lớn ngài xem", thế rồi là lăn đùng ra chết. Cái viên đá cuội mà ông phủ Quốc Oai còn nắm chắc trong bàn tay giá lạnh cứng đờ, khi đập ra có một cái nhân nhỏ màu trắng nhờ tiết ra một mùi hương đượm của quả men rượu ủ trầu. Cái nhân đó vụn biến đi đâu mất. Vỏ cuội đá còn lại, đem thả vào bát nước mưa kinh niên, lấy thìa múc uống thấy say ngát vô cùng. Mảnh đá cuội vỡ, quan

Đốc Sơn Tây giữ lấy, đi đâu cũng giắt trong mình. Thỉnh thoảng vắng người, quan Đốc lại thả nó vào bát nước mưa, uống có nhạt hơn trước, nhưng vẫn say và thom. Đôi mảnh cuội về sau, vì quan Đốc phải đi theo gia quyến chạy loạn, thành ra thất lạc mất. Muốn cho được an ủi lòng mình, quan Đốc Sơn Tây tin rằng mảnh đá hẵn là đã trở về với chủ nhân trên non Tân. Ngài lại càng lấy làm sợ lắm và không dám kể lại với ai cái việc Thần núi Tân đòi lại hòn cuội cho mượn đó. Sợ lại có cái vạ miệng phải chết tươi như ông phủ Quốc Oai ngày nọ chẳng.

Chuyện kỳ dị hòn cuội có nhân không biết vì đâu mà đồn về đến tận dân làng Chàng Thôn chuyên làm nghề thợ mộc. Bên bếp lửa, giữa những mùi thuốc lò châm nùn rom hút đến tụt nõ điều cày, những bác phó mộc trẻ tráng luôn miệng nói đến hòn cuội trên non cao, hỏi nhau xem ở trên cái ngôi đền Thượng núi Tân Viên có những cái gì. Họ muốn được hiểu biết. Có một điều lạ là mỗi lúc câu chuyện có đả động đến ngôi đền Thượng huyền bí thì những ông phó mộc có tuổi đều đánh trống lảng ra chuyện khác, nếu họ không lảng xa ra chỗ khác. Bọn thợ trẻ để ý đến những cái nhìn ý tứ của đám phó mộc lớn tuổi đưa đẩy với nhau bằng mắt khi bọn đàn em nhao nhao bàn tán đoán già đoán non về những việc trên đền đức thánh Tân. Những bậc đàn anh này có biết một cái gì trên ấy chẳng? Sao những người tuổi tác này có vẻ khiếp sợ kín kín hờ hờ giấu diếm như thế?

Thái độ ông cụ phó Sần thì lại càng đáng nghi lắm. Ngày trước ông cụ phó Sần vui tính hay bép xép. Chỉ từ dạo cách đây đầu mười năm, ông cụ phó Sần tự nhiên bỏ làng Chàng Thôn mất đến hơn một tháng, vợ con không rõ là đi đâu. Lúc ông cụ Sần đi có mang theo đủ bèo, đục, tràng, cưa, dây mực, ống mực, dây quả dọi, và chỉ nói là đi nhận làm khoán ở nơi xa lắm. Khi về thấy có rất nhiều tiền và mỗi lúc tiêu đến thì lại mang tiền thả vào vại nước, có nhiều đồng nổi lênh bênh; ông cụ nhạt những đồng chim tiêu dần và cất



những đồng nổi vào một chỗ rất kỹ rất kín. Từ ngày ấy vợ con và cả người máy xóm ở làng thấy ông đổi tính đổi nét một cách mau chóng. Trước ông hay ngồi lê đôi mách, bép xép hết chuyện người rồi mang nốt cả chuyện nhà ra mà nói. Giờ thì ông dè dặt từng câu, lăm ngáy vẫn vợ như bị ma ám và nhiều hôm không dậy sớm ra mà nói lấy nửa nhời. Và nhiễm thêm tật khạc nhổ, thăm khám nước bọt vừa nhổ và tay luôn luôn sờ lên cái cổ vốn lộ hầu. Ông phó Sần xưa điềm đạm thì giờ hết hoảng. Người ấy có một điều gì ngập ngừng nửa muốn nói, nửa lại thôi dám. Bà cụ phó Sần buồn lắm. Những cháu rể hỏi trộm nhau rằng hay là lúc có tuổi, ông ngoại giờ chúng lúc sắp nằm xuống?

Cụ phó Sần là người không bao giờ biết những mơ mộng ở đời là gì cả. Thế mà từ hồi đi làm ăn một chuyến xa ấy về, ông cụ có cái phong thái một kẻ lãng mạn vào lúc cuối đời. Ông cụ giờ chơi cây cảnh. Và bất cứ là nơi nào, hễ ai đánh tiếng cho ông biết một vườn quả nào đẹp và lạ, là ông lần mò tìm đến cho được. Có được bao nhiêu chất vui sướng còn lại trong lòng là ông cụ Sần cho nó hiện hết cả lên trên nét mặt, để rồi lúc ở vườn quả trở ra về, ông cụ lại cho mọi người được đọc về thất vọng trên bộ mặt khô héo. Không, những thứ hoa và quả ở mấy thửa vườn quý báu ông vừa tới thăm không có chút gì là quý lạ cả. Cũng chỉ tầm thường như mọi thứ tầm thường ở cuộc đời này. Những thứ cỏ suối hoa ngàn và quả nơi rừng cấm, có lẽ ông chỉ thấy được một lần ấy thôi. Đã lâu lắm, từ cái ngày ông cụ Sần bị bắt đi mất hơn một tháng để trùng tu lại ngôi đền Thượng trên đỉnh núi Tản Viên.

Ở trên ấy đẹp lắm. Ngày tháng thì dài, mà không thấy sốt ruột. Hoa quả lành ngọt và thơm như hết thảy những cái gì không phải là trần hủ sống gửi ở mặt đất cõi trần. Những cái êm, dịu, trong, sáng, thơm lành trên non tiên, nếu được đem thuật lại với người làng, ông cụ Sần tin rằng sẽ có khối người đoạn tuyệt với cổ hương, tìm vào ngàn cao cho được thỏa cái tai và cái mắt. Nhưng, ác cái những

chuyện rừng lại không được thuật lại. Hôm hoàn thành công việc sửa đền, lúc sắp xuống núi, Thần non Tân đã gọi cả hai hiệp thợ mộc và thợ ngỗng lại, đưa mỗi người nuốt một lá trúc xe điều và dặn tất cả bấy nhiêu người: "Thôi nhá, chuyện chi để đó. Các người về làm ăn dưới ấy cho yên ổn". Cái lá trúc xe điều ấy là một con dao găm, một con trúc dao có phép thuật kết quả đời kẻ nào bép xép lỗ mồm tiết lộ đến thiên cơ thần cơ. Mỗi người thợ hạ sơn là đem theo trong mình một lời đe dọa của Thần Non Cao và cả một cái bí mật của ngàn xanh.

Hiệp thợ ngỗng là người xa lạ các nơi tụ họp lại, một lúc xuống núi là họ phân tán ngay. Còn hiệp thợ mộc bảy người toàn là người làng Chàng Thôn. Ông cụ Sần cùng trở về làng với tất cả anh em đi chữa đền Thánh Tân. Những lúc tắt lửa tối đèn hoặc họp chè họp rượu ở nơi chiếu hương ẩm, hoặc là làm mùa màng, bảy người thợ mộc đều gặp nhau luôn. Nhưng tịnh không ai hé răng cây miệng ra nói lấy nửa lời về câu chuyện hơn một tháng trên non xanh. Họ nhìn nhau trừng trừng mà biết vậy, rồi lo sợ đều bằng con mắt cả. Họ đều đem nhỡn tuyến ra mà chung viết lại với nhau một tập kí ức câm về hơn một tháng trừng tu ngòi đên Thượng.

Trong bọn, có Nhiêu Tầm, người xóm dưới, không biết đại mồm đại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ tử nhập ngôn xuất ra làm sao mà lẩn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiêu Tầm khỏe mạnh như thế, đang vui cười mà lẩn ra chết, không ai hiểu ra sao cả. Chỉ có ông cụ Sần và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sần và năm bác phó mộc đã tìm đến nhà đám dò xem mặt cho được người bắt hạnh. Nói là xem cái cổ Nhiêu Tầm thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ có một cái nhọt bọc mả đao đang nung. Nặn nhọt ra, có một cái ngòi xanh lè, dài vừa đúng một cái lá trúc con. Ông cụ Sần và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao! Sự trừng phạt của Thần Non Tân!

Ông cụ Sần bèn xin lấy cái ngòi mả đao ấy, nói dối là đem về

khảo một môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sần đem cắm ngòi mã đao đó vào chiếc chậu sứ chỉ có một đêm thối mà ngày hôm sau, chiếc chậu sứ đã có một cây trúc nhỏ bé khăng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ có mỗi một lá thối. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mầm giữ miệng cho quen đi, sau ngày đưa ma Nhiêu Tầm, cụ phó Sần thường họp mấy người thợ bạn đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhắm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngồi im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bày trước thềm nhà. Trong những ngày nồm nớp của đám thợ mộc này vừa hụt đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ố với cái vui thú được thỉnh thoảng nâng chén.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que đóm nõ. Đây là một lời cảnh cáo dai dẳng.

Ngày tháng cứ thế mà vội dần trên lũy tre làng Chàng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy - không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả kỳ đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi trượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh - buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ duối, một ông cụ già râu tóc lông mi trắng xộp như bông, chống một cây gậy trúc đùi gà vàng óng, khoan thai tiến vào cổng trước làng Chàng Thôn.

Trông ông cụ đỉnh đạc, cổ kính, đội cái nón cỏ giống kiểu nón tu lờ người tu hành, dân làng không hỏi căn vặn và chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sần, bước đi có đủ cái vũng vàng của một người quắc thước thuộc lòng con đường đi của mình.

Ông phó Sần đang ngồi quây nôi kê. Thấy có người tiến vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao ba con chó mực không sủa và lại còn quẩn quýt lấy chân người lạ, ông phó Sần bỏ cả nôi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cố lão thường

ngự ở chiều trên cạp điều ngoài đình, thật là chưa có cố nào đẹp lão đến như thế.

- Dạ thưa trượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều trượng nhân dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để ông Sần nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sần càng thêm ngự. Ông cụ già chợt nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bầy ở thêm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ già ngẩng đầu lên, vừa gặp bộ mặt ông Sần đang chăm chú nhìn xuống. Ông già khẽ mỉm cười. Ông phó Sần tái hẳn mặt đi và sụp xuống đất sấp lạy. Thần Non Tản! Thần Non Tản bèn đỡ ông Sần dậy:

- Chỗ này không phải là nơi bày vẽ ra những nghi vệ nơi cung điện. Người đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay lại trong đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

- Dạ.

- Cuối trồng canh tư, các người đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thoi nào tới thì cứ xuống. Ngồi một không hết thì san ra làm hai con lườn.

- Dạ.

- Đây, ta để lại cho ít bạc cốm. Hễ thả vào nước, những hạt mẩn nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các người. Những hạt mẩn nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các người dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Giữ sao cho không ai biết đi đâu, vợ con cũng vậy.

Nói xong câu này, Thần Non Tản chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, một tay ngăn không cho ông cụ phó Sần sấp sụp lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ phất mạnh cửa tay áo rộng, ra đi; mấy con chó mực vẫn không sủa lấy một tiếng nào.

Bến Gòn. Đầu trống canh tư. Sáu người thợ mộc ăn uống ở nhà no nê rồi như lũ thợ cày, đang ngồi bó gối chờ đợi trên những tảng đá sừng trâu trơn lạnh. Bến đò bỏ hoang đã đến mấy năm. Mấy năm nay, người hai làng bên bờ đều lấy bến trên hoặc bến dưới mỗi lúc sang ngang trẩy chợ huyện bên này và chợ phủ bên kia. Đã lâu lắm, không có một con đò nào ghé bến này. Đến cả một cái bè nửa chở muối rừng, đến cả một con đò độc mộc cũng không ngừng lại. Bến Gòn im vắng đến nỗi dòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tòm, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuỷu sông bị vụn queo. Tòm. Tòm. Những trái sung nẫu lia ngành cổ thụ. Dưới cái lờ mờ của đêm thắm, vài ba trái cây gọn vể lên mặt nước đặc sệt như dầu bông ít vòng tròn cùng chung một điểm trung tâm.

Chim thú thì thú thì đi gán mãi lại nhau. Chả còn mấy nỗi nữa, đêm sẽ tan canh, bởi vì tiếng kêu con chim thú thì đục đã gán mãi lại chỗ có tiếng trả lời của con thú thì cái.

Ông cụ Sần và năm người phó mộc bạn, ngồi chờ đã oải cả xương sống, chốc lại trở vai. Những bào, cán chằng, cán đục va vào nhau, tiếng động rất khô và rất gọn.

Nước lừ dừ dịch vài bãi nước bọt mà đám phó mộc nhỏ xuống dòng nước bệnh lúc muốn đánh lừa đợi chờ.

Đêm tờ mờ đen rằm hẳn lại, rồi đen ngòm, rồi đen kịt. Ở một điểm huyện cũ, trống bắt đầu chuyển canh.

Bỗng, ông cụ Sần cảm thấy một cái gì vừa loáng qua rồi vòng trở lại, rồi đứng sững hẳn lại trước mặt bấy nhiêu người. Nhìn gần lại, gì sát hẳn mắt vào, thì là chiếc thuyền thoi và một... chiếc thuyền thoi nữa. Mũi hai chiếc lườn có cặp luôn hai bên mạn ghé sát vào gờ đá. Bọn ông cụ Sần lẳng lặng bước chân xuống lườn. Lườn nhỏ quá, mỗi lườn chỉ chứa được đến bốn người là nhiều lắm. Những hai lườn, mà chỉ có một người đẩy. Người chở lườn không nói chuyện, không

nhìn mặt bọn vừa xuống lườn, chỉ hướng thẳng vào cái thăm thăm của đêm sông vắng đang thốc mạnh vào đầu mũi con sào. Lườn đi vút vút.

Bọn ông cụ Sần nắm tay nhau. Lườn đi trên sông, song song hai chiếc, gì mà lại như đi trong cái rỗng tuếch của không gian. Lườn đi êm như trườn xuống một cái dốc ngọn thác là lòng thác đều lót một lớp đầy rêu tơ nõn.

Ban nãy, lườn áp bên không một tiếng động róc rách như là khê lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bông ải rữ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi xuyên như cắm sâu mãi vào cái đông đặc của sương núi rạng mai.

Đến chân núi Tản Viên, thì rõ mặt người. Ô hay, người đẩy lườn lại là một người con gái. Một cô con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như chất kim, lạnh hơn cái gậy gậy của rừng buổi sớm mai dày đặc sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh văng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.

Cô lái và hiệp thợ mộc đã đổ bộ được một thoi đường. Con đường núi lót bằng đá tảng màu gan gà viền rêu xanh. Người ta đã phải lấy các đầu ngón chân bấm xuống mặt đá trên lối độc đạo cho vững bước đi.

Đây đã khỏi xóm Đá Chông.

Rừng Tản thâm hút không hết làn sương núi. Sương cảnh trên đọng gieo xuống cảnh dưới. Chỉ có một điệu chìm chìm tẻ tẻ. Rừng vắng và ẩm và mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người thấy mình càng rời lia cái nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ. Nguồn sống của dây mơ rợ mốc và cỏ và đá vào lúc mới có Cầu Tạo.

Đền Hạ. Rồi đền Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sần cho nơi này là tâm thường. Người xứ Đoài, ai chả từng có dịp để dẫu bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những cái gì đáng mở mắt cho to mà xem kia, thì phải là lên nữa, lên trên nữa, trên đền Thượng. Thành đá đổ mồ hôi lạnh trước soai soải, giò đã đùng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sững trước mặt bọn người đang sơn. Thế này thì leo lên làm sao, hiệp thợ tự hỏi. Ông cụ Sần vốn biết truyện Tam Quốc, thấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ cưa ngăn từng đoạn và đá tảng, mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như nước thác, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả một binh đoàn cầm tử.

Cô lái đồ hướng đạo quay lại. Cả hiệp thợ mặc lấy gân kim bước lại, đứng thẳng lên, rồi uốn người hơi ngã về phía sau. Họ ngắm kĩ, không một phút dám nghĩ đến lợi là. Có ông phó Sần là nhớ đến cái Bèo ở nhà: đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ óng dáng của cô lái bây giờ không còn nữa. Cái người đoan trang ấy giờ là người đứng ra để truyền một cái lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như là mần đình hồng, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy, tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày. Người con gái đưa đường lên tiên bảo thế. Cô lái dặn sáu người phó mặc nên buộc vào lưng cho kĩ những đồ làm đem theo, nắm lấy tay nhau cho thật vững và nhắm mắt lại. Thế rồi cả đoàn người cứ thấy bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới bay vụt thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mần sắt bị một khối đá nam châm xa cao tít tấp hút ngược lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm mần đình hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm cơ thể bọn thợ mặc đang băng mình qua cái miết lạnh của sơn cước mỗi lúc một cao, một

đầy, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng đã phi hành như thế này rồi. Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giá chuyển trước được mở mắt xem lược qua và chuyển này cũng được mở mắt mà xem kỹ lại cảnh xưa!

Cả bọn bỗng rơi đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái bảo họ mở mắt ra. Đây là một khu đá bằng mặt rộng độ một mẫu mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chòm nhọn màu xanh cánh chả lại có mây trắng mây vàng đánh đai lầy. Ông cụ Sần sực nhớ lại những lúc ở dưới quê hương thấy núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyển trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải lại cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất mà thôi. Đã mười năm rồi còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyển này nữa, tái kiến mà vẫn như là lần đầu. Người ta càng ngỡ ngẩn với non xanh. Mà thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những lời của chủ Non Xanh:

- Sơn chủ hôm nay bận sang núi bên phó hội cờ thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai Sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh Nữ sơn chủ, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong khu vực suối, các bác được phép bắn chim, bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác nhớ rằng không được đụng chạm đến từ một tác cỏ, một cái lá. Thôi phép trên sơn thượng này nghiêm lắm. Nhớ lấy kẻo lỡ ra mà khốn đó.

Người nữ tỳ - đây là người nữ tỳ hầu cận Nữ sơn chủ - ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ ngoặt phía trái rồi đi xuống. Tiếng nước róc rách lưng đèo nghe gần mãi lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ bồng dựng sẵn thì dòng nước suối Tịch Mịch nín bật. Nó lững lơ trôi ồm yếu và lững lơ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần vục hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch



làm ngay mấy ngum.

Sáu người phó mọc cát đổ làm vào dưới lều.

Tính cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả, nhiều nhất hai bên suối là một giống Hồ đào, trông như quả roi ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ màu vàng nhạt và xanh hay chín, trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ, trừ ông phó Sần, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng cái thai đứa trẻ gục đầu ngủ quên. Rớt xuống thảm cỏ, hột Hồ đào hóa thành luống cúc tần có bảy lá mọc. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sần, cười như phá. Chim ngàn giật mình, bay bổng.

Người nữ ti đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ phó Sần chờ một lời quở mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng sơn dương đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

- Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe. Cứ bắn lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng bắn chim. Bắn cá thì dùng cây tên bạc này. Cứ bắn ra, rồi mũi tên sẽ vòng quay lại, không bao giờ hết tên.

Ông cụ Sần cầm hai mũi tên, ngấp ngừng mãi rồi mới dám hỏi khê:

- Thế còn ngũ cốc?

Người con gái tủm tỉm cười, chỉ ra rìa suối:

- Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cuội xanh là lúa tẻ, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội trắng là, là... các bác muốn uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hòa với nước suối mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, cũng nên ném cho biết.

Nhưng lúc nào đã bắt tay vào việc, mỗi lúc uống rượu, các bác nên trình qua Sơn chủ đã.

Mấy bác phó mộc trẻ trở mắt nhìn nhau, lẩy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi lại còn trở lại, dặn thêm:

- Phía trước lều cỏ, khe Tịch Mịch xoáy sâu vào chân đá thành một cái hầm nước rộng. Những rễ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đáy và cá suối thường tụ ở hầm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi lên mặt nước. Nên năng tìm đến đấy, bắt cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lẩy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuôn rất nhiều đá cuội, cứ từng đống có ngọn một, mang về trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập đá bừa bộn, không cần để riêng hòn xanh hòn vàng. Mà có cái lạ, là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập ròi ra, bốc bỏ mầm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi rồi. Nhân đá trắng, thả vào những gióng tre Đẳng Ngà khổng lồ đựng nước suối đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vợi lòng tha hương.

Trong khi ấy, ông cụ Sần xách cung sừng và hai cái tên vàng bạc lần xuống chỗ Bạch đàn đàm, bắn được sáu con cá ngư hương. Lúc trở về qua dưới cây đại cổ kính đầu cành chàng nạng nhẵn nhụi như những cặp nhung hươu, thấy có chim, ông phó Sần bèn phóng một mũi tên vàng, dây cung kêu đánh phụt một tiếng. Rồi mũi tên lướt rơi qua lùm cây tóc tiên và rớt xuống cỏ thạch sương bồ bóng loáng nước sơn then. Lại cũng đủ sáu con chim xiên vào mũi tên như một que chả chim nướng cả con. Mà thực là một xiên chả. Mùi thơm ở sáu con chim sẽ đồng bị tên vàng cắm suốt, thơm phưng phức. Ông cụ Sần tháo vòng ngọc đỡ ngón tay, đeo cung lên vai, trở về lều với xâu chim chín và xâu cá cũng đã chín sẵn chung quanh cây ngân tiền.

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có cả chim ngàn, có cả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gối đầu lên tràng đục, đánh một giấc không biết trời đất là gì nữa. Mở mắt dậy, thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ như nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vòi lại, đỡ mấy cây gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để lại sau đuôi nào là gió, là đá rậm, đá cuội bắn tung hạt lại.

Một chốc, thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho Sơn chủ dặn bảo. Đi đến cổng ngôi đền gần sọt mái, người nữ ti lảng ra một bên. Thần Non Tân phe phẩy cây phát trần, ngắm mấy con bạch tượng cấm ngà xuống sân đền, sau mười cây gỗ dài rất thẳng. Thần Non Tân truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả dậy. Bọn thợ theo Thần vào đền.

Mấy hàng cột con, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bộ trắng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dãy cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thủy dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thủy ra, còn ai dám động đến đền Thượng? Địch cột đền là gỗ chò vẩy và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thủy dâng nước lên đỡ gỗ chò vẩy và đá hoa ở đền Thượng. Bây giờ Sơn chủ gọi họ lên chữa.

- Tâu Chúa Ngàn cao cả, cứ như kiểu đền này, kể ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư cũng được.

Thần Non Tân, đi lại trên những lỗ gạch đá thềm đình trống hống, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu và dựng đền thành ra thượng thực hạ hư.

- Dạ cúi thưa Chúa Ngàn cao cả, đó là cung cách của chúng tôi

thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ gỗ khác nhau, chúng tôi e không đẹp. Tôi xin Ngài phán xuống để anh em chúng tôi khởi công.

Thần Non Tản liền phán:

- Đền dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn giang này, có thiếu gì gỗ chò vẩy và đá hoa. Ta dám chấp kẻ kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà dờ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bảy cây gỗ chò nữa, chiều nay lũ voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch lúc nào lột cột và lát nền, sẽ có lần lần cho thợ ngõa làm.

Hiệp thợ mộc vẫn tuân tự tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ nhờ như màu ngọc liệu, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tái hẫng lại vì khí núi âm u, thì một vài hòn ngói trên lòng trần đèn hình mai luyện lại sáng rực hẫng lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ Tản Viên đài ngõa. Vào những phút này, mấy thân cây gỗ chò vẩy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của một thứ gỗ đặc biệt. Dưới ánh lửa ngói sáng choang, cột gỗ chò nhấp nhoáng lộng lẫy chợp chợp lên như vẩy ròng vàng cồm chạm nổi.

Những đầu kèo vai và câu đầu, đều chạm tứ quý tứ linh. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ. Nét chạm tỉ mỉ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở khỏi dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tĩa hình thư kiếm, quạt và phát trần, kẻ thì gạt dáng tù và với túi roi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào với cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cẩm đời nét dẻo như tung bay được.

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn theo hình Bát tiên

hóa thì trời xám quá, ánh sáng ngói đèn không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho nổi hiệu khánh đá gọi đôi tê giác xanh tới đền. Người thợ nào cần thêm ánh sáng thì con tê giác xanh lại ghé đến bên cạnh, lấy cái sừng âm rọi sáng cho đường chạm. Sừng tê giác là những vết lân tỏa sáng xanh và dịu. Nhiều con anh tước lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống tràng kêu lách cách cóc cách gieo những thanh âm thô lạ và gắt vào cái êm ả của ngàn mềm. Nhiều buổi Sơn chủ hài lòng cho phép cả hiệp thợ ngậm đá cuội mà say. Có một lần ông cụ Sần tỉnh rượu thấy mình gối vào vòi voi con bạch tượng mà ngủ và vượn trắng đang bút Hồ đào đùa ném vào các người thợ bạn còn ngủ li bì. Bên hàng lệ liễu màu phấn hồng, có đến linh trăm con chim quỳên mỏ và lông đều tím hoa sim đang rĩa vỡ những màng hoa mấy khóm phong lan đen như gổ mun.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Chàng Thôn đã làm đến cái diềm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sòi. Nghĩa là công việc chữa đèn Thượng gần xong. Ông cụ phó Sần buồn buồn nghĩ đến ngày sắp phải xuống khỏi núi. Cứ ở trên này, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của Ngàn thăm thăm kín mật, mỗi lia rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hở hang tí chút lại với người đời về cái thần bí trên đây xanh tươi đến ngày tận thế.

Ông cụ phó Sần rầu rầu nghĩ đến một hôm nào đây cũng không còn xa gì đâu, Chúa Ngàn Thiêng lại đưa cho người về một cái lá trúc nhọn đầu.

## KHOA THI CUỐI CÙNG(\*)

**O** cuốn lịch niên hiệu Duy Tân năm thứ mười, bìa vàng nhòe nét son dấu kim ấn toà Khâm Thiên Giám, thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

Mùa mưa dầm tháng chín chỉ là những giọt than vãn triền miên của kỳ Ngâu còn kéo dài mãi đến bây giờ. Xứ đồng chiêm Sơn Nam hạ đã biến thành một vùng nước rộng nhấp nhô những con đò đồng li ti. Sóng đồng hỗn loạn vỗ vào mép những con đường đất thó nhuyễn và những bờ lũy tre già ướt át. Làng mạc vùng quê Nam Định nhoi lên khỏi làn nước trắng lạnh như những quần đảo xanh một màu hoang vu.

Nước mùa mưa hợp các xứ đồng chiêm lại thành một khối lớn và trên nước đồng mông quạnh, những con thuyền thúng đi về nhiều như tre rụng lá mùa thu. Đêm mưa gió, mặt nước bình rộng âm hưởng rất xa cái tiếng kêu đánh cướp nhóm lên từ những làng cù lao lẻ loi.

Bên bờ đường cái quan, hoa hòe nở vàng ối. Dậm hòe đất Sơn Nam hạ trở bông đã từ lâu. Hòe đã rầu cánh, vàng úa tối mãi xuống.

"Hòe hoa hoàng, cử tử mang". Thấy dậm hòe ngả màu vàng, lòng những người có chữ bắt đầu bận bịu. Dưới mảnh trời sứt sùi, hòe vàng nở đều, làm ấm lại lòng người sĩ tở tưởng đến sự hiển đạt

(\*) Vốn có tên là *Báo oán* đăng trên tạp chí *Tao đàn* số 12 (16-9-1939).

về sau này. Màu vàng của sắc hoa nơi đậm hoè dài đã nhắc bao nhiêu học trò vùng Sơn Nam hạ nghĩ đến cái màu vàng một tấm giấy cáo trực phong tặng hoặc là phần hoàng mai sau cho hai đấng sinh thành.

Một hôm kinh truyện sũng ướt nước mưa, ôm khur khur mà ngồi trong lòng một chiếc đồ dầy đang tìm lại bền cũ, ông Đầu Xứ Em nghĩ xem giờ xuống tỉnh, nên trọ nhà ai cho tiện trong suốt một kỳ thi. Cái nhà bà Phùng quen kia thì đã chật hết chỗ rồi.

Hoa hoè lả tả đánh rớt những cánh vàng nâu cuối cùng lên bả vai bao nhiêu học trò các vùng đổ về tỉnh Nam. Năm nay Nhà nước lại mở khoa thi. Một khoa thi cuối cùng. Có những ông đồ già tóc râu đã ngả màu vì sự đua nhả của công danh đánh lừa suốt mấy phen, chuyện này cũng cố chen ra hồ vớt lấy một chút phần hương cuối châu của triều đình.

Trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ có ông Đầu Xứ Em dự, còn nhộn nhịp gấp mấy khoa Ất Mão trước.

Khoa Ất Mão trước, ông Đầu Xứ Anh bị loại ngay vòng đầu, bay kỳ kinh nghĩa. Khoa Mậu Ngọ này, ông Đầu Xứ Anh nhất định không đi nữa, mặc dầu đây là khoa cuối cùng, rồi đây bả hẳn sự thi cử. Ở vào buổi giao thời, nếu người ta còn cái lòng công danh thì khoa thi Mậu Ngọ là một chuyến thuyền vượt biển cuối cùng. Từ Mậu Ngọ trở về sau, sẽ mở một thời khác, chữ Hán chỉ còn là một thứ xa xỉ phẩm trong học vấn của một lớp người. Từ sau khoa này, cái lều cái chõng chỉ là những cổ tích mỗi khi nhắc tới lại gọi lại một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bỡ ngỡ với phong hội mới.

Ông Đầu Xứ Anh nhất định không nộp quyển khoa này, tuy bao nhiêu người, từ Quan Đốc tỉnh cho đến anh em đồng song, thầy đều gởi hy vọng vào ông. Thơ phú làm rất nhanh; sách nhớ có thể vạch ra từng chương từng tiết một. Tỉnh người lại diềm đạm hồn hậu; ai nấy đều khen nhà ông có đất học. Khen rồi lại lấy làm lạ cho ông.

Có một ông tam trường khoa trước lại ngờ hay là khoa này, tại Nhà nước bắt đảm sĩ tử phải chụp ảnh dán vào quyển nộp mà ông Đầu Xứ Anh không đi chăng? Có một hôm, đang cùng mấy người dạo chơi ở phố Hàng Thao, nhận được tin này, chính ông Đầu Xứ Anh đã kêu: "Tự trước tới nay, có bao giờ như thế. Nhà nước Bảo hộ, đảm sĩ phu trong nước, thật không ra quái gì. Chụp hết ảnh ông Thám, ông Đề, chụp đến nhà phía, nay lại chụp nốt học trò".

Hôm người em là ông Đầu Xứ Em xuôi tỉnh để soạn sửa đi thi; ông Đầu Xứ Anh đưa ra khỏi cái dốc đầu làng và lúc ông Đầu Xứ Em đã ngồi gọn trong lòng đò đồng ông dặn:

- Xuống tỉnh, nhà bà Phụng đã đông người ở trọ rồi, có phải ở chỗ khác, chú có ở đâu, cũng cứ tạt lại đây mà nhắn hộ cho tôi. Đến hôm các quan tiến trường, cứ hạ tuần tháng này, thế nào tôi cũng có mặt dưới tỉnh.

Người em đứng dậy, nói với lại, làm chiêng con đò đây.

- Cô Trinh, con gái út bà Phùng, hình như vẫn chưa lấy chồng phải không anh? Khoa Tý năm trước anh cũng trọ ở đây phải không?

Người em cũng muốn tiết nổi vui ra ngoài một cách quá đáng để trấn tĩnh cái rối reng trong bụng một người đi thi. Ông Đầu Xứ Anh nói lảng ra ngoài câu hỏi:

- Cứ quanh quẩn ở phố Cửa Trường ấy thôi nhé. Đi về nó tiện hơn. Ở đây dễ gặp anh em các nơi về thi.

Mấy đám hàng xáo người làng trên qua đây ghé đò xuôi chợ, không nhao nhao lên nữa như lúc mới nghiêng mạn đò vừa rồi. Họ ra về nể nang, ngồi thu hình lại, quơ lại một góc mấy lũ tay nải và bì cỏi, cốt để dọn cho cái người học trò xuống tỉnh đi thi kia một chỗ ngồi rộng rãi. Đẩy con đò, dính chắc vào đất sét lòng bến nông. Cô hàng gạo, buộc lại mùi khăn mỏ quạ, nhìn cậu Khoá không mỏi mắt, mỗi lúc ngượng nghịu lại nhổ cốt trầu xuống đồng nước. Gió đồng hôm nay không thổi. Bãi quét trầu đỏ lặng im giữa làn nước nhợt



nhật, rồi chậm chạp tan hoà vào nước cánh đồng chiêm, mỗi khi nhìn rộng ra, chỉ rớt một màu bao la nhờ nhờ. Người lái đò mặc áo toi kín phủ thân hình, chụp nón mê lấp cả mặt, đã rút đầu sào khỏi mặt nước. Con đò đầy cựa quậy, bốc nhẹ, rồi trườn mình ra xa. Trời bắt đầu nổi gió rét. Mưa thu lộp độp gõ xuống áo toi nón lá của một chuyến đò đồng. Dưới gốc cây hèo già chỗ dốc đê làng, ông Đầu Xứ Anh vẫn đứng nhìn theo.

Tình mơ ngày hai mươi năm tháng chín, tại khu trường thi Nam Định, các quan làm lễ tiến trường. Hai chiếc lọng vàng nghiêng phủ xuống lá cờ và tấm biển có chữ "phụng chỉ", "khâm sai", bốn cây lóng xanh ghé thấp tịt xuống một cái đầu bạc đại khoa. Mùi nghi vệ mới phảng phất ít hôm trước thì sớm nay đã nổi dậy trên khắp một khoảnh đất mà mọi khi chỉ có gió chạy trên hoa cỏ may hiu hắt từng cơn.

Ánh sáng ban ngày vắng đi mãi đến những đầu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy trở về. Từ hôm có gió vàng pha mùi cơn bắc đến nay, chưa bao giờ thấy cái âm u tê lạnh đến nhường ấy. Gần giữa giờ thìn rồi mà tối và sáng chưa phân tách hẳn được ra. Người đứng bao quanh đàn cúng, vẫn chỉ thấy ánh sáng mấy chục ngọn nến bạch lập rọi và đàn tế, trên đàn phủ phục ba cỗ tam sinh còng queo: một con trâu và một con dê đen thui kèm con lợn cạo trắng mở to cặp mắt chết.

Mặt đất sáng hơn nền trời. Cuộc tế tiến trường như đang lắng chờ một sự biến gì. Gió cũng không muốn thổi. Mấy ngọn sáp không lung lay, vệt khói xám nơi bình hương bốc lên thẳng thắn trên bàn tam sinh. Nền trời phương Đông đáng lẽ đã phải hừng lên rồi. Thế mà ở đây chỉ rớt một thứ mây đục đùn lên những hình quỷ Đông. Phía Tây, một cái cầu vòng cụt một chân, tô lên tạo vật những màu xanh đỏ đại đại và nghịch mắt. Trong cảnh âm dương không chia biệt rõ, quan Chánh Chủ khảo trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ, đang tế cáo giới, đất, vua, thần và thánh; xuyết xoa khai xong

tên, tuổi, quê, quán, ngài khấn to:

"... Báo oán giả, tiên nhập; báo ân giả, thứ nhập..."

Có lẽ đoạn khấn này là khoản chú trọng nhất của lễ tam sinh và đã được quý thân chúng giám. Người lính tuân mặc áo nẹp đỏ vừa được lệnh đổ chén rượu cúng xuống tàn lửa đồng vàng đang hoá đỏ thì những đầu ngọn cỏ may im lìm nơi bãi trường thi đều rung lên một nhịp và rung theo một chiều. Người ta, hồi nãy sống một cơn mơ giữa khoảng ban ngày u uất, bây giờ trông thấy một cơn mơ đang tàn dần. Một thứ gió u hiễn thổi thốc vào bãi trường, nghe ào ào như có tiếng các hồn oan hồn lành chen chúc và ùa vào choán chỗ. Những cây nến cháy vạt ngọn bỗng tắt phụt hết. Không gì xa vắng bằng cái động đây trong điu hiu của muôn loài.

Trời đất trong sáng lại dần dần.

Hai anh em ông Đầu Xứ Ngoạt - lấy tên tục của làng nguyên quán Cổ Nguyệt - lững thững ra về. Ông Đầu Xứ Anh bụng buồn lắm mà không dám nói ra.

Ba năm trước, cũng ngày tế tiên trường, năm Tý, cảnh trời đất cũng âm thầm giông giống như ngày này. Quan Chánh Chủ khảo khoa ấy, theo tục lệ quen của mỗi khoa thi, cũng cúng tam sinh khấn mời những oan hồn nên nhập vào trường trước hết để mà báo oán trả thù. Rồi ông Đầu Xứ vào trường, rồi oan hồn hiện lên, ngay ở kỳ đệ nhất. Một người đàn bà trẻ, xoã tóc, ẵm con, hiện ngay lên dưới lều, ngay chỗ đầu chõng, kêu khóc giữ rịt lấy tay không cho viết quyển nữa. Gào khóc chán, người đàn bà ấy lấy mớ tóc xoã quất vào mặt ông cứ bỗng rít lên. Lại cười sằng sặc, lấy nghiên mực hất vào quyển của ông. Lần ấy ông xin đổi quyển đến hai ba lần. Vẫn người đàn bà ấy quấy nhiễu không tha để quyển ông cứ tý ố mãi. Lúc gần chiều, ông nổi một cơn đau bụng hắc loạn, phải bỏ dở kỳ thi, nhờ người dìu về nhà trọ. Thế là ông bay ngay kỳ kinh nghĩa. Một người đầu xứ hay chữ và được quan Đốc khen ngợi luôn mà hồng ngay nhất trường thi

có thảm thương không. Cũng may mà còn có người lấy được cái bản thảo nháp bài của ông đem về, ông còn giữ được đến giờ, nếu không thì nhục cho gia sáo biết là chùng nào. Ông cụ thân sinh ra ông, cụ Huấn là người nổi tiếng một vùng, đem xem lại bản nháp và đưa cho các bạn đọc, ai cũng lấy làm tiếc. Hơi văn đi mạnh như thế, có vào đến kỳ hội thi cũng cứ lọt. Mọi người đều chặc lưỡi tiếc rẻ. Cái người bạn cùng ngồi một vị với ông, sau khi đem trả ông cái bản nháp đó, đã tìm đến phòng trọ đưa tạ ông ba chục quan tiền kềm: "Đại huynh lúc không may lâm bệnh rời bãi trường, phải bỏ lại trên cỏ bản nháp bài kinh nghĩa. Là một người biết là bất tài, tiểu đệ đã mạo phép huynh điền vào quyển của đệ những lời gấm hoa danh thép bị bỏ phí kia. Nay được vào kỳ đệ nhị, gọi là có món quà gửi lại, xin đại huynh nhận cho".

Biết là có oan hồn hiện lên cố phá không cho mình mở mắt với thiên hạ, ông Đầu Xứ Anh để tâm tra cứu lại chuyện nhà. Thì ra, lúc sinh thời, cụ Huấn để ra ông đã phạm vào một việc thất đức. Hồi còn mồ ma cụ Huấn, cụ đã mang lấy trách nhiệm tinh thần về cái chết của một người nàng hầu tài hoa nổi tiếng một thời. Người thiếp đó, lúc tự ải, có mang được sáu bảy tháng. Cái âm oán ấy còn theo đuổi ông mãi, nếu ông cứ còn lều chiếu ở cửa trường thi. Đây là lời người thiếp đó lúc ốp vào con đồng khi phụ lên. Nàng xưng là cô và gọi ông Đầu Xứ Anh là nó, cười sặc sụa và giọng nói the thé. "Nó còn đi thi, cô còn báo mãi. Các người hỏi cô muốn những gì ấy à! Cô muốn, cô muốn nó phạm húy, cho nó bị tội cả nhà kia. Nhưng nhà nó cũng có một ông mãnh thiêng lắm, cô không tàn hại nó được như lòng cô muốn. Nên nó chưa viết phạm đến tên các vua". Con đồng lắc lư nói có thể. Có gắng hỏi thêm thì chỉ khóc hu hu rồi lại lăn ra mà cười như bị ma ám. Ông Đầu Xứ thấy lạnh đến tủy xương sống. và đâm ra lo nghĩ từ ấy.

Khoa thi này, ông đành nhẽ không ra nữa, để ông Đầu Xứ Em nộp quyển thôi, thử xem hồn oan có còn đòi báo nữa không. Ông tin

ở học lực người em ruột, sao cũng lấy về cho làng Ngoạt, có hèn ra cũng được cái Cử nhân. Khoa cuối cùng, thêm phần luận quốc ngữ và phép đo lường tính theo lối học mới, nhưng chú nó thông minh vốn thiên bẩm và gần đây tận thu và toán pháp đọc cũng nhiều, cũng không lấy gì làm ngại lắm. Nhưng mà phúc phận con người ta, ở một người thi chữ Hán, biết sao mà định trước được.

Còn năm hôm nữa mới nhập trường. Mãi đến ngày sóc tháng mạnh đông mới gọi tên bốn năm ngàn người vào kỳ đệ nhất. Com nhà trọ, luôn mấy ngày nay, bữa nào cũng hết một bình rượu. Hai anh em ông Đầu Xứ, những lúc trời ngớt hột mưa, vào mấy ngày mong chờ, thường nhẩn nha ở phố Hàng Giấy, chọn một thời mực, thử lông một cây bút nhỏ hay là soi một tờ giấy bản lên ánh sáng. Ông Đầu Xứ Anh cố quên chuyện cũ, hết sức vui vẻ trong khi đi lục lợi giấy bút cho em ở các cửa hàng sách phố Hàng Giấy. Những người văn nhân lượn lên lượn xuống nơi phố này nhiều đến nỗi không thể nào mà nhớ được mặt, ví có gặp lại ngay đó một lần thứ nhì.

Cái cửa hàng sách gọn ghẽ xinh xắn được nhiều thầy Khóa lui tới nhất là cửa hàng cô Phương. Đám học trò vào cửa hàng cô để mua hàng, và để nghỉ chân và giải trí cũng có. Cô Phương ở Hàng Giấy, ngày trước là một người đánh đá chua ngoa có tiếng. Có một lần, một cậu học trò vào hàng cô chọn bút. Cô đưa bút Song Lan, Thanh Chi, Nhất Chi, rồi Kiều Lan, rồi đến Trúc Lan người thư sinh mặt trắng rút thập bút, cho bút vào miệng, ấn tòe đầu bút vào lòng bàn tay xòe, để thử soi lông bút lên ánh sáng có đến mấy mươi lần rồi mà cứ lắc đầu hoài, chê xấu. Anh chàng nhất định hỏi cho được cái thứ bút Tảo Thiên Quân mới chịu lấy. Thấy thầy Khóa ăn mặc đồ vải xuềnh xoàng, cô Phương ra giọng bí thử: "Có Tảo Thiên Quân lông trắng nhưng mà những hai quan một chiếc". Tiếp cái nguity dài của cô hàng sách càng ngời dãi thê thêm ra, người thư sinh mặt trắng chỉ tay lên tít trên đầu tú: "Phải, Tảo Thiên Quân lông trắng, có còn thứ nào *những* năm sáu quan một quan, cô lấy cho tôi chọn". Lúc nói

câu này, thầy Khóa cố dần giọng vào chữ *nhưng*, có ý bảo thăm cho nhà hàng biết rằng nên khinh người vừa vừa chứ. Cô Phương bẽn lẽn, nhưng cũng cố đứng dậy lấy thứ bút quý cất mãi trên cùng tột lớp tủ, đưa cho thầy Khóa, chỉ đợi nếu anh chàng không mua nổi chiếc nào thì sẽ mắng một trận như tát nước vào mặt cho bõ ghét. Lấy luôn một lúc bốn chiếc Tào Thiên Quân, trả tiền xong xuôi, người thư sinh mặt trắng dúng một ngòi bút mới vào nghiên mực, vò thử ngòi bút vào một mảnh giấy nơi mặt hàng. Những dòng chữ viết rất tốt kia, sự thật, chỉ là một bài thơ chữ nói mát mẽ cô hàng có tính chông lòn. Từ đây, cô Phương đâm ra gờm những thầy Khóa có tính ồm ở và trở nên rất ngoan ngoãn đối với bạn hàng, bất cứ là ai. Sau cô hỏi thêm, mới biết người thư sinh rất khó tính trong sự lựa bút và tác giả bài thơ bóng gió ấy là cậu Đầu Xứ Ngoạt. Năm Mão, phong thanh người thiếu niên tài hoa ấy thụ bệnh trong trường và bỏ dở khoa thi, cô Phương đã ra mặt ái ngại tiếc than với những người chung quanh. Trong tâm một cô hàng sách nho phố Hàng Giấy, đang nhún lên cái mầm sơ đầu của yêu thương gắn bó và đợi chờ.

Cho đến mai năm Ngọ năm nay, ông Đầu Xứ Ngoạt mới trở lại cửa hàng cô Phương. Ông Đầu Xứ Em còn lần lữa ngoài mặt hàng, chưa bước vào nhà. Trên mấy tấm cửa lùn ngả xuống hai cái mẽ gỗ nhô hẳn ra vỉa hè, một cuốn *Chinh phụ ngâm diễn nôm* đã ghìim bước ông Đầu Xứ Em lại. Thấy có bóng khách vào hàng, cô Phương đặt cuốn truyện *Lục Vân Tiên* xuống, lấy móng tay đánh dấu vào cái đoạn nàng Kim Liên đang "đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê", sắp cất tiếng chào khách, bỗng cô ngờ ngợ, tùm tùm muốn bật như cười. Cô nhìn không chớp mắt, đôi má lúm đồng tiền phơn phớt nhuộm đào - cái màu đào một ngày năm nọ.

Ông Đầu Xứ Anh hơi luống cuống, chưa biết hỏi món hàng gì thì may mắn quá, ông Đầu Xứ Em đã tiến theo vào phá hộ cái yên lặng:

- Nay anh, lấy một cuốn *Chinh phụ* bản nôm, về nhà trọ, ta ngâm nga chơi cho nó hết mấy ngày đợi bằng nhập trường.

- Ở thích được ngâm nga thì cứ lấy về. Có gì mà phải bàn.

Cô Phương hết nhìn người anh, lại nhìn sang người em. Cô đoán họ phải là anh em ruột thì mới giống nhau như tạc đến thế. Và chẳng hồi gần đây, cô có nghe đồn ông Đầu Xứ Anh cũng có một người em đỗ Đầu Xứ và tài hoa đã làm trội cả một vùng tỉnh Nam. Chắc là người mua truyện này đây. Chưa biết câu chuyện ông Đầu Xứ Anh không nộp quyển thi khoa này, cô Phương tự nói với mình: "Huynh đệ đồng khoa! Cái làng Cổ Nguyệt chuyển này tha hồ mà rước xách. Trong hai anh em, chả biết ai sẽ Tú tài, ai Cử nhân. Mọi năm hai trường Hà Nội và Nam Định hợp lại, lấy sáu mươi tư Cử nhân. Năm nay khoa rớt, Nhà nước đặc cách lấy những chín mươi Cử nhân và cũng như mấy lần thi trước, cứ một Cử nhân thì ba Tú tài. Lọt sao được tay hai cậu Đầu Xứ này". Cô kéo cái ấm giở trong bọc trong ra, giở nắp ấm thăm cái nóng chiếc ấm sứ, rót hai chén, cô hạ thấp vòi ấm xuống để nước không nổi bọt.

- Mời hai thầy quá bộ vào trong này xơi nước. Nước trà nụ ướp sôi vừa pha đầy, nên mới dám mời hai ngài tân khoa.

Cô Phương đưa tay che miệng cười, tự cho câu chúc sớm sủa đó là có duyên lắm, hẳn là phải hay và anh em ông Đầu Xứ Cổ Nguyệt phải thương thức. Thấy họ cứ đứng trân trân ra đấy, cô Phương thu dần nét mặt xởi lởi lại và ngồi ngẫm, càng nhận thấy cái vô duyên và vô lý của câu nói vừa rồi. Ai người ta đã thi cử được một kỳ nào, mình đã chúc với tụng. Cho đỡ ngượng, cô lại mời:

- Hai thầy xơi chén nước.

Ông Đầu Xứ Em chẳng biết cái gì cả, cầm chén, uống luôn, tưởng hễ cứ vào mua hàng người ta là mình có quyền xơi ngay nước mời. Khốn nạn, nào từ trước tới giờ anh mình có bao giờ nói cho nghe cái đoạn tình duyên thâm kín đã mấy năm nay giữa anh với cô

hàng sách đầu mà biết. Ông Đầu Xứ Em thấy anh còn trùng trình chưa chịu ngồi xuống cầm lấy một chén nước mà đầu lưỡi rất tinh của ông phải nhận là thơm ngon, ông càng chèo kéo ồn mãi lên.

Cô Phương, cũng phải phì cười và làm cho ông Đầu Xứ Anh cười luôn thể. Con người nào đã biết e dè với cuộc sống, những lúc cảnh ngộ tinh thần sớm không cho mình phí sức hưởng thụ khi ở vào một cái tuổi ăn và ngủ đáng lẽ phải nhiều mỗi lần được vui cười trên mặt, thì cái cười ấy thật là thỏa đáng, thật là đầy đủ và lại xinh đẹp là khác nữa. Nhân một cái vui tươi thể chỗ nét mặt trang nghiêm luôn luôn của ông Đầu Xứ Anh, cô Phương nói một câu mà sự thân mật riêng tây đã không cần thắm kín nữa:

- Khoa Ngộ này là khoa cuối cùng. Ông Đầu Xứ nên giữ mình làm trọng, chớ có đau bụng như kỳ năm Mão mà để thiệt thòi nhiều cho vùng Sơn Nam hạ lắm đấy, ông ạ.

Đến chữ "ông ạ" ở cuối một câu nói, giọng rất thành thật và cảm động, cô hàng sách cố làm ra giọng bông lơn cho nó nhẹ bớt sự tha thiết của một câu nói đã lỡ nhời, đã thốt ra từ đáy một tấm lòng để đi sâu vào một tấm lòng khác bấy nay cũng vẫn chờ lúc được đãi dàng. Sự rất hữu tình mà cố làm ra vô tình bằng một cái giọng cố gò lấy, làm sao cho tránh khỏi sự nhận xét thông minh của ông Đầu Xứ Anh được. Ông biết lắm. Ông hiểu cô Phương để ý đến ông lắm. Không cần các bạn nói cho hay, không cần gặp gỡ, không cần âm tín tiêu hao, ba năm nay rồi, linh tinh bảo cho ông biết thể. Nhưng từ ngày vấp ngay khoa thi đầu tiên, ở một kỳ đệ nhất, ông buồn uất vô hạn khi nhận thấy mình ra có còn lều chõng nữa cũng là chỉ để làm sống dậy, trong vòng oan trái, một cái oán cừu xưa cũ của ông cha di lại. Một cái oán hồn đã hiện lên, đã ộp đống vào miệng người sống mà thốt ra toàn những lời hăn học, cái oán hồn ấy hăn không chịu buông tha ông nữa rồi. Hóa cho nên, rớt khoa Ất Mão ngay kỳ kinh nghĩ, ông nhận luôn cho nó là khoa cuối cùng, chẳng cần phải

đợi đến khoa Mậu Ngọ cuối cùng này. Ngay dạo ấy, ông đã tuyên bố rất to rằng ông là thí sinh của một khoa thi thiêu. Cô hàng sách không rõ, vẫn tưởng ông còn có bụng với sự lêu chững.

Ngắm kỹ cô Phương, ông thấy cái đẹp của cô già dặn hơn ngày năm trước. Còn muốn nói thêm vài ý nghĩ vui tươi nữa vào việc đánh giá cái đẹp, nhưng ông Đầu Xứ Anh bỗng ngừng lại. Bởi vì - quái, sao mãi đến giờ, ông mới nhớ nhận ra - khuôn mặt cô Phương đã hao hao tựa diện mạo người đàn bà ẵm con xoa tóc ngồi rù than khóc nơi đầu chiếc chõng tre trong trường thi khoa nọ. Tự nhiên ông thấy cô Phương không hiền hậu nữa. Ông nghĩ đến những cái ghê sợ mà một cái sắc đẹp có thể giấu dưới nụ cười. Ông nghĩ đến những truyện ma quái lúc thay hình biến thể khi muốn hãm hại học trò. Ông nhớ lại cái cười gằn của oan hồn khi hiện thành người, quất đuôi tóc trần vào mặt ông cho ông hồn mê đi và cầm nghiên mực đổ chan hòa xuống quyển thi. Cái oan hồn ấy đã lên tiếng nói, thề quyết làm cho người sống phải lụn bại mới nghe. Biết đến lúc nào cái người nàng hầu cụ Huấn mới nguôi giận và cái âm oán kia hết theo ông? Chuyện cũ của cha, hồi sinh thời đi lại với người ta thật ông cũng chưa rõ hẳn đầu đuôi như thế nào.

- Vâng, nhà có thứ mực Kiều Kỳ đấy ạ - Cô Phương nhanh nhẩu trả lời ông Đầu Xứ Em.

Choàng tỉnh con suy nghĩ, ông đã vội bắt lấy việc mua mực, khuyên em không nên lấy mực Kiều Kỳ:

- Đi thi không ai dùng mực Kiều Kỳ. Mực của xã Kiều Kỳ chế rất tốt, chỉ hiếm mỗi khi viết xuống giấy, nó cắn xuống giấy chắc quá khó tẩy đi lắm. Cô lấy cho mấy thỏi Hoàng tam xương - vàng, nếu hết thứ chữ vàng rồi, cô có thứ chữ bạc cũng được. Cái thứ mực hiệu Diệu tự, "nhà ta" bán có được chạy lắm không hả cô?

Chà, người ăn nói sao mà xuôi tai, dễ nghe đến thế. Cô Phương nhìn ông Đầu Xứ Anh, nhắm trong óc mấy chữ "nhà ta", tưởng đến



cái lạc thú ngây thơ của một đôi vợ chồng son kia trong lúc đầu gối tay ấp ngửa mặt lên trần giời cao mà bảo nhau rằng trước khi làm bạn với nhau, mỗi người có một ông giảng, và nay thì mảnh giảng của cả thiên hạ kia cũng chỉ là vàng giảng của riêng của "nhà ta". Cô vui lòng quá, xuýt quên cả việc soạn thoi mực cho khách.

- Luôn thể cô cho tôi ít chục tờ giấy lịch nữa.

- Mấy chục tờ ạ?

- Cô đợi cho tôi tính xem dùng hết độ ngân nào thì không là thừa phí.

Làm ra bộ thông thạo thì ít, mà muốn tỏ sự thân mật thì nhiều - bao giờ được nên thân tình nữa nhỉ! - Cô Phương co tay tính nhẩm những cái gì gì, rồi cô ngắc đầu, vuốt mái tóc, nói với ông Đầu Xứ Em, giọng nhẽ nhót mà tự nhiên:

- Nộp ba quyển: kỳ đệ nhất, kinh nghĩa một quyển bảy tờ, kỳ đệ nhị, thơ phú, một quyển sáu tờ và kỳ đệ tam, văn sách một quyển mười hai tờ nữa, có dày lắm cũng chỉ đến mười bốn tờ là cùng. Ông định mua trữ giấy mang vào trường để phòng những lúc phải cánh quyển hoặc đổi những trang hư hỏng, chỉ nên trữ lấy từng kỳ một.

Ông Đầu Xứ Anh, vừa soi giấy lịch, vừa hỏi:

- Tại sao thế hở cô?

- Thưa, tại... tại là giấy chuyển này, thú thật với hai ông rằng không được mịn mặt lắm. Chuyển sau, có thuyền hàng phường neo về, thế nào cũng có giấy tốt hơn nhiều. Có lẽ kịp kỳ đệ nhị của các ông đây. Để tôi xem nào.

Cô hàng sách, bán giấy bút cho học trò trường Nam đã hơn mười năm có lẽ, đã không phụ cái tiếng là một người thông thuộc những phong tục nơi trường ốc. Cô Phương lại co tay tính nhẩm một hồi.

- Được rồi. Mừng một tháng mười là ngày vào kỳ đệ nhất. Có

chóng lắm thì cũng phải hết cỡ thượng tuần tháng mười mới có bảng vào kỳ đệ nhị. Phường giấy của tôi thế nào cũng có thuyền về bên trên mom sông trước ngày mười. Đúng hôm tết trùng thập cúng cơm mới, các ông lại đây mua mở hàng cho kiện giấy lịch Bưởi. Giờ các ông lấy tạm ít chục tờ dùng đỡ trong kỳ đệ nhất vậy.

Cô đếm giấy, thổi những tờ giấy chập đôi, nâng tờ giấy lên với cái nâng niu nhẹ nhàng của một người chị cả săn sóc em thơ lúc mẹ già đi chợ xa. Chỉ có những người đàn bà đẹp và phúc hậu thì mới thổi được giấy như thế thôi. Cô đếm thành hai xấp, mỗi xấp đầu hai chục tờ, đùn một xấp vào phía ông Đầu Xứ Em, còn cái xấp thứ nhì là lấy sau ở trong ruột đẹp khác, cô trao tận tay ông Đầu Xứ Anh, cặp mắt tình tứ linh động như muốn nhắc thăm ông rằng cái xấp sau đây tốt hơn xấp trước, và sự đối xử chênh lệch này trong lúc soạn giấy không phải là do ngẫu nhiên. Ra chiều tin chắc vào cái tài và cái may của hai anh em ông Đầu Xứ thi khoa này, cô hàng sách vẫn lấy cái cười duyên dọn đường cho một câu nói mà ở một cái miệng khác thì không khỏi thành ra thiếu lễ phép:

- Cánh quyển mà dùng bấy nhiêu giấy là nhiều quá lắm rồi. Phải thay quyển, đổi quyển đến quá ngữ giấy này, thì chỉ còn có ngồi mà lắng ba hồi chín tiếng trống ngoại hạn...

Lúc ra về, ông Đầu Xứ Anh, trong một phút sầu hận, đã muốn trả lại cô Phương tập giấy, để thăm bảo cô hay rằng cô đã làm một việc thừa, riêng đối với ông khoa Ngọ này, ông có đi thi đâu.

... Mấy bữa nay mưa to gió lặng. Nước trên trút xuống, nước ở dưới dâng lên, người thiu và cảnh ướt át sống trong một bầu không khí nồm ề ẩm và lo lắng. Trăm nhà vùng Sơn Nam hạ lại mới nhận được thêm cái tin đê vỡ đường trên vùng Kinh Bắc.

Nằm nghe mưa rơi trên quán trọ xóm Cửa Trường, một đêm nguyệt tận năm Ngọ, ông Đầu Xứ Anh, những hết lo xa rồi lại nghĩ gằn. "Minh không đi. Chú nó đi khoa này, hay dở sao đây...". Trong

một lúc mơ hoảng, ông lại trông thấy bóng người đàn bà mặc đồ trắng, xõa tóc, kiễng gót, thu một đứa trẻ con vào tà áo sổ gấu, đi tuốt vào phía nhà ngang. Ông ú ớ như người bị ma độc đê, cố gắng mà không quấy mình dậy được. Cái người đàn bà mặc đồ trắng, chân không sát đất, lại lên trở ra, và, khi lướt qua mặt ông, cười gằn mà không nghe thấy tiếng, tà áo quất vào má ông, nhức nhối và buốt lạnh như chưa bao giờ cảm thấy.

- Anh nói mê những gì thế?

Ông Đầu Xứ Em lắc mãi, ông mới hoàn hồn, nhìn em một lúc lâu rồi hỏi:

- Chú đã soạn sửa lều chõng đủ cả rồi?

Trống đêm cuối thu và đông non điểm bốn tiếng giục. Uống hết một nai rượu để chống lạnh và trừ gió mà nhà trọ đã dọn sẵn từ khuya, ông Đầu Xứ Anh bỏ thêm một đỉnh vàng lá vào tráp của em.

- Khi nào thấy "khang khác" trong trường thi, chú đốt vàng cho nhiều vào. Thôi ta đi đi. Anh đưa chú vào đến cửa trường. Đưa tôi cái bộ gọng lều và chõng. Chú đeo lấy ống quyển và tráp. Đi đôi tắt vào cho nó ấm.

Đêm mưa dầm vẫn tối như bung lấy mắt. Hai cái tài hoa anh em kia, cộng lại không được bốn mươi năm tuổi đầu, bì bõm dất nhau đi về phía cửa trường thi. Có tấm mưa gió và đi đêm như thế này, người ta mới thấy bước công danh là một con đường chật vật, nên xét lại xem có nên tiếp tục đi nốt không! Giá cô Phương Hàng Giầy có đứng đây mà nhìn này! Ông Đầu Xứ Anh cắn vào môi mà bước. Trong tối tăm, tiếng hơi thở người anh dẫn lối cho người em lặng thình từng bước một.

Bãi trường thi thấp hơn mặt nền tỉnh. Nước mưa lụt dồn về, cỏ may chôn ngập lút cả ngọn. Đứng xa trông những cây đình liệu rọi trên bãi cỏ xâm xấp nước, người không có chữ tướng đầu như dân cả một làng chài nào đang đốt đuốc làm nghề trên bãi nước. Càng tiến

gần lại trường, người ta có những cảm tưởng rùng rợn như khi chịu bó tay đứng nhìn một đám cướp lớn bật lửa hồng phá nhà lầy của trên xóm trên, trong những ngày lụt lội ở xứ bị thủy tai, quân cướp toàn đi bằng thuyền. Cái tiếng mất nửa nổ to ở cây đình liệu cháy sáng, có khác gì cái tiếng quân hồi vô lệnh đốt ống lệnh bật hồng của phường đạo tặc.

... Ông Đề Diệu đã leo lên ghé chéo. Một người lính thể sát bắc ống loa, lia ống loa qua lại, Giọng loa hô:

"- Báo oán giả tiên nhập;

"- Báo ân giả thứ nhập;

"- Sĩ tử thứ thứ nhâ... ập"<sup>(1)</sup>

Tiếng loa đồng xoáy sâu vào màn mưa lạnh. Trời còn tối đất. Ông Đầu Xứ Anh nghe tiếng hô, mặt nhợt nhạt, luôn luôn nhìn trộm em. Người em bây giờ chỉ là một thân cột cứng đờ mà sự thi cử đã mắc vào đây biết đến bao nhiêu thứ mũi dây lòng thông: dây lều, dây chõng, dây buộc bộ gong, ống quyển, v.v... Cùng với ngàn ngàn người khác, hai anh em đứng ngھnh mãi cổ lên, kiểng mãi người lên như muốn nhìn rõ mặt người lại phòng xướng danh. Đã lâu chôn chân xuống bãi sũng nước, lòng dạ người người đều bàng hoàng. Bỗng ông Đầu Xứ Anh dun mạnh người em:

- Kia... làng Cổ Nguyệt! Tên chú! Vào đi.

Trời sáng tỏ đã từ lâu. Cái hàng rào sĩ tử có đủ các hạng tuổi từ một cái đầu xanh mặt trắng cho đến một chòm tóc bạc, một lớp da mồi, đã bị xé thủng. Ông Đầu Xứ Em lách mình qua rồi, nhưng lều chõng còn vướng mắc lại sau lưng, gỡ mãi mới ra. Nhón nháo một lúc lâu, cái bề người, đã lấp được chỗ trống của một con sông người tràn đi, lại bằng phẳng như cũ để chờ đợi một cái đổi đời khác. Ông Đầu Xứ Anh ra về, chỉ hận rằng, lúc tới tấp, quên không dặn lại em

(1) "Những hồn báo oán vào trước; Những hồn báo ân vào sau; Các thầy Khóa vào sau rốt".

nên đốt một lúc cho hết đỉnh vàng lá trong tráp nếu ở trong trường có thấy "cái gì khang khác". Dọc đường, ông gặp một toán lính khố xanh đội nón đĩa, nài nịt súng ống gọn ghẽ. Người ta bảo đây là bọn lính Nhà nước phái thêm vào trường giữ trật tự.

... Ông Đầu Xứ Em dưng lều, dọn chỗ ngồi thi giữa sự giằng dỗi của trời đất. Mưa to gió lớn trên một trường thi. Cứ thế mãi mãi, cho đến qua giờ Ngọ, cho đến quá giờ Mùi. Vậy mà xưa nay người ta vẫn bảo mưa không qua giờ Ngọ gió không qua giờ Mùi. Sĩ tử khắp bốn vì giáp át tả hữu, co ro trong lều dột, thật đã coi tính mạng mình không quý bằng một quyển thi chỉ luôn luôn muốn những chuyện ti ồ. Chốc chốc cái loa đồng ngoài cửa trường lại kêu inh ỏi gọi các tư gia ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kê quyển viết và độn thêm lên chõng ngồi.

Cái bản nháp bài viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động ngồi bút lên mặt quyển là ông Đầu Xứ Em lại thấy đau bụng, đau quần quai tựa chứng hoắc loạn cứ như dùi vào từng miếng ti vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng, vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre đặt trên bãi cỏ ngập, lún xuống lần lần. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vắng vẻ lều ông những tiếng sĩ tử kêu nài: "Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em được đổi quyển. Trời mưa ướt lắm, anh em có muốn như thế làm gì...".

Thấy ở một vài lều chung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu Xứ Em sực nhớ đến đỉnh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gõ từng tờ một, xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chặn cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm mỗi lửa bụi nhùi. Gió thổi vào đống lửa vàng hóa bùng bùng, lửa kêu vù vù. Trong tiếng ngọn lửa reo, lại như có tiếng người nói cười lạnh lạnh. Khói bốc lên, khói trụt tỏa xuống soai soải, như những vệt nước thời gian trượt từ đầu ngọn tường xuống vạch gạch những đền chùa xưa cũ có mốc vẽ hình có rêu

phong dẫu. Những vòn khói nhẹ đổ xuống nhanh, đổi màu rất nhanh chóng. Trước mắt ông Đầu Xứ Em mê mệt và hoảng hốt, những vòn khói - thoảng mùi gậy gậy, khen khét, và tanh lợm - bỗng sầm hẳn lại thành một mớ tóc xòa u hiển đống khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gằn lụn, vụt bùng lên. Trời đất tối sầm xuống. Ông Đầu Xứ Em thấy bãi trường thi hình như nó rộng lớn hơn cả cái kiếp người. Trường thi âm u và không quanh. Gió thổi bay quyển thi xuống làn cỏ dầm nước. Ông Đầu Xứ Em găng nhào người ra, muốn vớ lấy quyển bị gió vừa thổi bốc khỏi mặt tráp. Ông hụt tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Con đầu bụng nổi lên dữ dội. Ông gục xuống tráp, thiếp dần. Ông Đầu Xứ Em tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẳn, tưởng chừng như con đầu dữ dội ban nãy chỉ là một cơn ác mộng. Ông bỡ ngỡ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngỡ ngác trước hoàng hôn như một người còn ngái ngủ ngày. Từ một chòi cao, người ta đã điểm mau hồi trống ngoài hạn.

Ông Đầu Xứ Anh đã đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vèn vện có một bản nháp, ông Đầu Xứ Em đã rời bước trong một giấc thần thờ. Hai anh em gặp nhau không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.

Tại nhà trọ bà Phùng, ở mâm cơm tay đôi ấy, có một người hồng thi khoa thi chữ Hán cuối cùng đã uống cạn ba bình rượu cúc, vào một đêm dài nhất trong một đời người.

*Hà Nội, tháng Giêng - tháng Mười 1939*

1940 - 1945

## MỘT NGƯỜI MUỐN ĐẬP VỠ ĐÀN

**Đ**êm thứ bảy này, cũng như tất cả những đêm thứ bảy trước, Xuân phải đánh đàn nhiều quá, bởi vì những tối thứ bảy là tối kiếm được nhiều lời, những tối mà khách sạn Bagatelle trên đường Quận Ngựa mở cửa cho người ta ăn và nhảy cho đến sáng bạch nhật. Thật đúng như cái lối chơi "sáng đêm" của thành phố Sài Gòn, người ta có thể đi xem Tuồng Cải Lương từ chín giờ tối cho tới gần sáng, giữa chừng chỉ nghỉ mắt một chút đủ thời giờ để đưa cái miệng khô nhạt vào Chợ Lớn ăn dăm bảy miếng súp dề, hồ lầy súc lại để xem tiếp lớp tuồng càng gần đoạn chót, càng múa may nhiều, càng inh ỏi nhiều.

Xuân đi trên con đường dê Parreau giải nhựa, trời mát thế mà chàng vẫn luôn luôn rút mùi soa ra thấm mồ hôi đầm mái tóc và trán cả xuống thái dương. Ba bốn giờ sáng rồi còn gì ra xe pháo ở chỗ này.

Xuân định rẽ ngang sang phía nhà dầu Tam Đa, rồi xuống tìm Quý, người bạn chàng cũng làm nhạc công ở tiệm khiêu vũ Moulin Sans Souci. Tiệm khiêu vũ sát ngay ven Hồ Tây này, ở xóm Thụy Khuê, nguyên trước là một cái đình cổ. Nơi thờ kính cũ kỹ ấy giờ cũng đông khách thập phương đến "chơi" lắm bởi vì người ta đã sửa sang lại cho nó thành một cái *Nhà Xay Lúa Vô Ưu*. Quý vốn đàn ở đây, cũng kiếm được ra tiền. Nhưng từ ngày có người Tàu sang đây lánh nạn đông quá, Quý gặp cái cô Tú Sương Hương người Thượng Hải mạnh mẽ ấy. Quý đâm ra chán nghề, chỉ muốn hủy hợp đồng với chủ tiệm và Xuân không chắc bạn mình có còn ở đây nữa không



mà đến tìm cho mất công. Lâu nay Xuân muốn gặp lại Quý, nhưng tối đến thì là cái thời khắc biểu của tất cả nhạc công, và lúc ban ngày có được rảnh việc, nhưng người nhạc công còn phải ngủ trả nợ cho mắt đêm qua, đêm kia, đêm kia... Thành thử Quý và Xuân lâu nay không có gặp nhau và bây giờ Xuân lại cứ thẳng đường về Parreau mà đi, nhất định không rẽ sang *Nhà Xay Lúa Vô Ưu* tìm bạn nữa. "Thà không tìm hẳn nhau, còn hơn là tìm mà không thấy". Xuân thở dài, tai lắng nghe chuông sớ *La Pho* điểm gần tàn, nhớ đến ăn và tự bảo: "Biết thế ban nãy mình cũng cùng ăn đồ nguội với anh em cho nó xong. Cái lão chủ tiệm ấy được cái khá là đêm đêm lúc hết giờ đánh đàn cho khách hàng của lão chơi nhảy, lão không có bủn xỉn về bữa ăn đêm của đám anh em nhạc công mình".

Đi qua Bách Thú, tuy là đi ở vòng ngoài công viên mà Xuân cũng bắt lấy được một vài tiếng động của cái vườn rộng mà đêm đã nhuộm thắm một màu bí mật và tội lỗi. Một con gấu nhó rùng, rống mạnh lên mấy tiếng liên tiếp, nghe như tiếng người thuê nhà trên gác hay kê lại chiếc tủ áo. Một con công chột tinh ngủ, tưởng đã sáng, vội kêu mấy tiếng "Xấu hổ! Xấu hổ!". Đã đi đến cổng đình Ông Bảy rồi mà Xuân vẫn còn nghe thấy cái thanh âm đồng vọng của một con vượn cái kêu rầu. Người làng Ngọc Hà đã lủ lượt gánh rau đi qua Cửa Bắc, xuống bán ở chợ Đồng Xuân từ bao giờ.

... Cái hiệu cháo lòng sáng ở ven đường Cửa Nam, trông sang chợ là một nơi có đủ hạng người đến. Nhưng số đông, vẫn là đám phu xe. Người ta vào đây là để ăn cho mau, cho ấm cái bụng trống không rồi đi làm việc ngay với cái ngày cần lao của người ta bắt đầu từ lúc còn tối đất. Xuân phải lấy đêm làm ngày theo với nghề sống của mình, đến đây húp một bát cháo nóng để rồi về đi ngủ. Chàng thấy mệt lắm, chán lắm, xương thịt buồn như người nghiện thiếu a phiến. Nếu bây giờ ăn xong, lần về đến nhà mà giấc ngủ lại chưa đến cho thì Xuân tin sẽ phải khổ sở vất vả nhiều lắm. Đã có bao nhiêu người rất khôn ngoan, không bao giờ dám điên dại lấy một phút, vụt

trở nên phạm nhân, tiêu tiền một cách kiêu ác, đập phá đồ đạc và đến cả những cuộc đời chung quanh, chỉ vì lúc bấy giờ, họ đã cầu nguyện mãi một giấc ngủ không chịu đến cho đúng lúc.

Trời đêm nay đối tiết, mọi vật trở nên khô cứng, co lại. Ở góc buồng riêng của Xuân, có một cây đàn đứt dây. Sợi dây ruột mèo đứt đánh bộp một cái. Tiếp cái tiếng khô ngắt rã rời ấy là một hồi tiếng vang của chùm kim thanh yếu ớt rỉ rên rung trong thùng đàn khô nỏ. Lòng Xuân cũng se lại vì cái âm hưởng tượng trưng ấy. Thương cây đàn đã mấy bữa bỏ quên không đánh đến, quên không nối dây những lúc cây đàn được vô sự. Xuân vặn trái lại những trục đàn, đánh chùng lữ dây xuống. Trục đàn không có dầu trơn, gắt rít lên. Nhẹ nhàng chải dây đàn, vuốt sợi tơ, Xuân chợt nhớ đến một mẩu chuyện được nghe đã lâu lắm ở một nơi hòa nhạc. Là cái ông Hoàng Ngũ Đại ấy, ở Huế, những ngày phải lên trên Tân Lăng trông nom lăng tẩm và sửa sang những chỗ vỡ gạch sứ mẻ, biết sẽ phải vắng khỏi phủ mình lâu ngày, trước khi đi, bao giờ tự mình cũng lấy cái áo lụa xanh năm thân đột chỉ trứng rạn của Đức ông đem đắp phủ lên cây đàn cho khỏi có bụi bám vào dây và cho sợi tơ đỡ ải. Họ kêu là ông Hoàng ấy ủ đàn.

Đàn đứt mất cái dây đại, Xuân lẩm bẩm: "Đứt vào quãng giữa thế này thì nối sao được nữa. Thế là lại mất hai đồng bạc mua sợi khác. Mà bây giờ là ngày cuối cùng tháng".

\*

\* \*

**K**hách sạn trên Quần Ngựa đêm hôm thứ bảy này lại đông như lệ thường. Đám nhạc công phải đàn luôn tay. Họ là sáu người. Một người Tây lai, một người Phi Luật Tân, một người Tàu và hai người nữa cùng một quốc tịch với Xuân. Xuân cử cây đàn contrebasse mà

anh em thường gọi đùa là cây đàn bò.

Đám người giàu có ngồi ở dưới kia phần nhiều là người ngoại quốc dắt nhau tới tiệm Bagatelle để thỏa mãn ít nhiều nhục dục. Một cặp vợ chồng già uống rượu để tiếc đời. Một cặp nhân tình trẻ muốn say sưa để mà càng thương xuân. Giữa hai món ăn, họ nhấy. Bọn Xuân, theo bài khiêu vũ phải đàn liền thoảng lên cho những người ấy tìm thấy được vui trong lòng. Bọn Xuân, như một cái máy tự động, cứ việc ngồi đấy ôm lấy nhạc khí mà đàn, đàn cho đến sáng hừng. Bao giờ những vị khách kia đã mỏi, nghỉ, thì đám nhạc công cũng mới được quyền mỗi một. Đám nhạc công thực tình nhiều buổi đã muốn phản kháng lại, không muốn bấm phím nữa, không muốn ngâm cái đầu dẫm kèn, không muốn hoa cây vĩ lên nữa. Tại họ đã ngấy những thanh âm quen thuộc ngày ngày của khúc loạn tấu rồi.

Xuân cảm thấy cái đời nhạc công của mình ở một khách sạn khiêu vũ, không những là vô vị mà còn nhục nhã là khác nữa. Tấu nhạc trong hoàn cảnh này đã hết là một cái thú thanh cao âm thầm của tâm hồn. Ra từ trước tới giờ Xuân chỉ là một kẻ a tòng vô tình giúp một tay vào những trò kiêu sa dâm ác của một đám người thừa ăn mặc, tìm nhau ở đây để ăn một bữa cơm đất tiền, mượn tiếng đàn để làm tiêu một cuộc no say hãnh diện và trai gái ấy đã mượn luôn âm nhạc để cho nhau chút ảo tưởng của tình ái mà mặt thực thì chỉ là những thú tính thô kệch. Ra Xuân đã hoa mãi một cây vĩ, tòng đảng chạy theo những cái ô trọc, trong lúc xuẩn động ấy đã gây nên bao nhiêu ồn ào và đổ vỡ. Chàng buồn rầu hơn nữa, khi nhận thấy từ trước tới giờ, chưa bao giờ mình là nghệ sĩ, tuy đã sáu bảy năm nay, đêm nào mình cũng đánh đàn. Đánh đàn để làm vui cho thiên hạ. Và trong lúc ấy thì mình quên lãng hẳn cái lòng mình. Người ta thường bảo rằng nghệ sĩ là một kẻ chứa ích kỷ và tính vị kỷ ấy đã là nguyên tắc của bao nhiêu tác phẩm lớn. Nhưng bấy lâu nay Xuân đã duy tha quá. Xuân chỉ biết có người chung quanh. Chàng đã chạy theo thiên hạ mà hòa nhạc, chàng đã ca ngợi những cái vui buồn tầm

thường ở cạnh mình. Cái công chúng múa may quay cuồng ở dưới sàn nhảy Bagatelle kia, là những người đang vui, đang buồn, đang nhớ nhung, đang thương tiếc, đang sung sướng. Mỗi người có một tâm cảnh. Họ trùng số, họ nhớ nhà, họ muôn khóc vợ, họ đánh mất tình nhân, họ đều mượn đến tiếng đàn của bọn Xuân để biểu lộ thêm cái tâm trạng họ. Hình như họ cần phải kêu to lên cho rõ cái vui buồn ở lòng họ. Ừ, thế này thì đáng giận thực. Đời bắt Xuân sinh ra cầm một cây vĩ thì cây vĩ ấy tưởng chỉ phải hoa lên để diễn tả những điều u ẩn của lòng Xuân thôi, chứ sao chàng lại đi ca ngợi những thất tình của thiên hạ. Xuân nhận thấy mình, từ trước đến nay, đối với thiên hạ thì hậu quá mà đối với riêng mình thì đã quá bạc bẽo.

Tiếng đàn đấng trí của Xuân vấp đến khổ này là bốn lần tái phạm, nấc mạnh lên một cái. Anh em cùng ngồi cử nhạc, thấy Xuân lỗi điệu, đưa mãi mắt cho bạn, lấy chân đá vào giày bạn để nhắc Xuân uốn vĩ theo vào nhạc luật bởi vì bản đàn đang vào khổ dồn và dưới kia khách khứa nhảy đang hứng. Xuân càng lạc hết cả cung bậc. Mắt chàng hoa lên.

Giữa lúc ấy, có người ném mạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá rơi thõm vào bụng Xuân.

- Ê lũ nhạc công, đàn địch lỗi gì thế hử? Bay cho tai bọn tao là tai trâu cả sao!

Bà đầm cùng nhảy với người to lớn vừa nói câu ấy và có lẽ là vừa ném cái gạt tàn thuốc lá ấy, cũng bĩu môi ra cười.

Xuân chống đàn xuống sàn đứng thẳng mình dậy, tay cầm ngang cây vĩ như một người dũng sĩ hoành ngang cây giáo để nghênh địch, mắt lừ lừ thử thách. Chàng giận quá không nói được ra tiếng. Bọn Xuân lại hoà nhạc tiếp, bởi vì ông chủ tiệm Bagatelle đã khéo khu xử đôi bên.

Lúc nghi tay đàn, có một người ồm yếu, rụt rè đến gần bọn Xuân, để một đồng bạc giấy vào lòng đĩa.

- Tôi xin mấy anh bản đàn *Con sông Danube xanh*.

Dưới sàn nhảy người ta lại tái cuộc.

Bọn Xuân đánh bản đàn *Con sông Danube xanh* hay như chưa bao giờ được thế! Bởi vì cả bọn Xuân đều lấy làm thương người khách lẻ loi kia bởi vì cả bọn đều có thiện cảm với người khách chơi ồm yếu kia vừa rón rén lên để một đồng bạc vào lòng đĩa với tất cả cái chân thành của một khách yên hoa nghèo và có giáo dục. Bọn Xuân không rõ tên và địa vị người khách cứ hôm nào đến cũng chỉ xin có bài đàn đó. Họ chỉ biết trước kia, vị khách đó ăn mặc sang hơn bây giờ và hay đi với một người đàn bà dong dong, tóc tơ màu da đồng. Nàng đẹp lắm. Mê nàng, bao nhiêu người nhảy đầm. Bây giờ, người đàn bà ấy, có đến mấy tháng không lui tới tiệm này. Và vị khách kia, muốn trung thành với kỷ niệm ngày vui cũ, cứ cách một đêm lại tha cái thân hình cô độc lên đây, người trông bạc nhược hơn trước, quần áo nhàu nát hơn trước và uống rượu thì chỉ dám uống cầm chừng và chỉ chọn những thứ nào rẻ tiền nhất. Hôm đầu người khách đó ngật ngừng đặt đồng bạc vào tay anh Khương đánh chũm chọe và nói như khóc: "*Con sông Danube xanh* đã là một cái ám ảnh trong đời tôi. Các anh vui lòng cảm tạ lấy chỗ này. Tôi giờ không đủ tư cách để mời các anh uống rượu. Mỗi vị một tuần! Phải long trọng được như thế thì mới xứng đáng phải không các anh nhỉ!"

Dứt bản đàn *Con sông Danube xanh*, có một người to béo khác thích quá vỗ tay hô ầm lên, chạy lên cái bệ âm nhạc, nói bô bô:

- Này, đám nhạc công, ta đãi mấy người một tuần rượu.

Đến lượt Xuân, Xuân lắc đầu, không uống rượu mời của người to béo ấy. Chàng chỉ bảo bồi rót cho mình một cốc nước lọc. Giá như mọi hôm thì dù có không uống, chàng cũng cứ bảo bồi lấy cho mình những thứ rượu đắt tiền. Tội gì, có người dùng mỡ trả tiền mà lại không phá và làm lợi cho lão chủ một chút. Nhưng đêm nay, Xuân chán và bực lắm rồi!

Cái người to béo ấy đùa mấy câu thô tục xúc phạm đến lòng tự ái Xuân, Xuân cầm luôn cả cốc nước đá hất vào bộ quần áo của y.

Đêm thứ bảy ấy, mới có một giờ khuya, mà Xuân đã được về nhà, bởi vì đêm ấy cũng là đêm cuối cùng của Xuân tấu nhạc, tại tiệm Bagatelle. Chàng đã xin thôi việc ngay sau lúc ồn ào đó và nếu không thôi thì chủ khách sạn cũng chẳng nhận chàng nữa. Đêm ấy trời ngả nồm, Xuân về đến nhà, trần trọc mãi. Trời nồm, bảm bảy con gián gặp ánh sáng đèn, bay vung lên, cánh lướt qua mấy cây đàn không phủ túi lụa, dây đàn vang rung lên rồi nhạt dần thanh âm trong cái buồn tênh của một đêm nhạc công vừa giải nghệ...

Cũ này Xuân không phải làm việc đêm, đâm ra ngủ cả ngày lẫn đêm, cửa đóng kín mít, phần âm phần dương thành ra lẫn hết. Những lúc Xuân chợt mở mắt, chợt nhớ đến cái cử chỉ của người khách thô bỉ hôm nọ đã làm chàng nổi phần bỏ nghề. Xuân lại nhớ đến những lúc mình lĩnh lương, rủ anh em đi hát ban ngày ở xóm. Xuân cũng đã hành hạ mấy người kếp đàn đáy những lúc họ nhớ đàn thiếu một khổ để che chở cho một cô đào hát xóc phách non tay. Xuân cũng đã làm tình làm tội họ, những khi họ mệt không ra công đàn lối đàn khuôn; những sợi dây đại ấy nắn mết lắm và đau đầu ngón tay lắm... Bây giờ suy bụng mình chàng mới thấy rõ đến lòng họ lúc ấy... Chàng ghéch lên cây đàn ở đầu giường và lấy làm chán cho cái nghề đánh đàn làm vui cho thiên hạ. Chàng vươn vai, tay khoa phải đàn, chiếc đàn rớt xuống sàn tường tan vỡ ra ngay được. Mọi khi, đàn rơi như thế, Xuân đã xuyết xoa nhiều. Nhưng bây giờ chàng mặc cho đàn rơi không cần biết đến cái đồ vỡ ấy... Xuân vốn ít Nho học, chàng chỉ nhớ mang máng lại cái truyện ông gì ngày xưa đem chẻ cây đàn vì cái ông gì ấy - người tri kỷ thắm âm mình - đã chết đi. Giá lúc này, tìm lại được cái anh bạn kể chuyện ấy mà hỏi cho ra mấy cái tên người xưa thì thú biết chừng nào.

Ngủ đã nhiều quá, mắt hùm hụp, Xuân hôm ấy cần phải ra

đường đối không khí. Lâu nay cứ ngày ngủ, đêm thức, mặt chàng bọt ra như người thiếu máu. Soi gương; Xuân thấy mặt mình còn thiếu cả ánh sáng nữa. Thấy một người mù thối sáo cốt để bán lạc rang cho mau hết hàng, Xuân bực mình quá, đòi lại đồng xu đã đặt vào lòng bàn tay đưa trẻ đeo thùng lạc. Mua tờ báo, xem thấy cái tin nhà nước cấm các tiệm nhảy đêm không cho khiêu vũ nữa, Xuân nở một nụ cười.

"- Cũng là hay. Bây giờ mọi người nhạc công sẽ thất nghiệp, sẽ không phải đàn cho thiên hạ nữa. Họ sẽ đủ thời giờ để đàn riêng cho lòng mình nghe thôi. Và anh em đều có thể cùng trở nên nhạc sĩ cả, nếu biết lựa phim mà tìm thấy chính cái vui buồn riêng tây của lòng mình".

*Trung Bắc Chủ Nhật số 19 (1940)*

## CÓ MỘT NGƯỜI KHÔNG MUỐN ỒM NỮA

**Đ**êm vừa rồi, Nguyễn lại lên cơn sốt rét. Cứ cách một ngày, sốt và rét lại trở về. Vào những ngày cắt cơn, Nguyễn nhớ đến bệnh tình đêm trước cả xác lẫn hồn bị lạnh và nóng kế tiếp nhau mà dày vò, chàng lại tưởng như đây chỉ là một cơn ác mộng. Thật vậy, không ai ngờ rằng người ta đang khỏe khoắn tươi tỉnh như thế này, ăn ngủ đều như thế này mà lại là tội nhân của một thứ bệnh giam lỏng mình đây. Trông thấy Nguyễn vững vàng như thế không ai dám bảo rằng hôm qua hẳn đã là một thằng ốm và ngày mai đây hẳn sẽ lại ốm như thế, nghĩa là rét và sốt, rồi bỏ cơm cháo, rồi chê thuốc chê thầy và rồi nói mê rất nhiều câu quái gở. Cứ thế những lúc tỉnh táo, vào những ngày chẵn, bệnh cắt cơn, nằm tĩnh dưỡng mà nghĩ đến những ngày lẻ, bệnh nổi lên để hành con bệnh, Nguyễn tưởng những cử chỉ ấy của mình chỉ là những trò đùa và ngày mai đây - là cái ngày lẻ mà sốt rét đã hẹn hò về lại với mình - không khi nào chàng lại có thể diễn lại những trò giống như hí lộng ấy được.

Cái gì mà đêm qua, trời nóng làm tủ và giường gỗ cứ xê dọc thớ gỗ từng tấm một, tiếng kêu nổ như bể sành củi khô, mà chàng lấy cả một cái chăn dày những sáu cân bông trùm kín cả đầu lẫn chân, nằm phủ phục, chống mõng lên trời rên hừ hừ và kêu la mãi vì vẫn thấy lạnh ở hai vai và buốt ở sống lưng. Sau một trận đại hàn thì tiếp đến một cơn nóng mà cơn bệnh tưởng chừng như gió nam ở tất cả những



buổi chiều mát của cuộc đời này cũng không thổi tan được. Những ông lang và những sách thuốc quả quyết rằng bệnh sốt lên cơn nóng ghê nhất là chỉ đến ba mươi chín độ rưỡi. Nguyễn không tin. Nguyễn cho rằng đây là lời nói của những ông lang chưa bị ốm lần nào. Nóng cháy người lên như thế mà lại không tới bốn mươi độ là nghĩa lý gì?

Những lúc sốt, Nguyễn có những ý muốn gì ấy à? Lúc bấy giờ, kẻ đau ốm đã quên cả lễ phép đối với những người khỏe mạnh chung quanh trông người nào cũng đạo mạo trịnh trọng cả, kẻ đau ốm đã cởi cả áo lẫn quần, vút tung hê hết lũ vải lụa che đậy hình hài và trả lại manh quần áo cho sự văn minh phiền phức xong rồi, thì Nguyễn muốn nhảy tùm ngay vào cái bể nước kinh niên ngoài sân, hoặc chạy vụt sang chú Khách bán thực phẩm trước cửa, xin ngồi lọt thõm vào cái máy nước đá ướp các đồ ăn và rượu bia trong mùa viêm nhiệt. Nguyễn đã nóng đến phát điên lên chứ chẳng phải là chuyện chơi. Người ốm ấy gất, hét, chửi, nguyên, doạ nạt cả những sinh vật hèn mọn ở trên trần, nơi vách và dưới nền nhà. Nằm trên giường bệnh, phỉ nhổ thuốc, xỉ vả ông thầy vắng mặt, Nguyễn có nhiều phút thấy mình cần phải giết người thì trong người may ra mới đỡ nóng. Ai dám bảo sức nóng chỉ có không đầy bốn mươi độ. Nguyễn tin rằng giữa cơn nóng, chàng loã lồ thân thể, cào xé bất cứ cái gì bện mắt chàng, giữa lúc ấy đem hàn thủ biểu đo cặp vào nách chàng, thì cặp đến cái nào là phải vỡ bung cái ấy. Thủy ngân phọt ra hết. Sức nóng phải là hơn nước sôi, phải là quá một trăm độ. Ghê quá. Lại còn mưa ra giun sống nữa. Lại khóc cả người chết lẫn người sống nữa. Cả nhà Nguyễn đâm sợ.

Con nguy kịch đã qua.

Bệnh nhân được nghỉ đúng một ngày, để ngày mai lại chịu lại những cực hình của bệnh sốt rét cách nhật.

Nguyễn bần khoản, nằm mở mắt thao láo, đem mãi cái nhõn tuyến mệt mỏi của mình ra mà đuổi theo mấy cặp muỗi ngày đang vì vu ôm yêu nhau qua một vùng không gian sặc sụa mùi ký ninh

lẫn vị thuốc bắc. Vợ Nguyễn đưa quần áo cho chàng thay.

- Nay, hôm qua mình lên con sốt dữ dội hơn tất cả những cơn mọi ngày. Mình chửi cả cụ Hai lại thăm và biểu cân táo trắng kia kia. Minh lại gọi tội là Dung. Lại còn Dung nào nữa? Người bạn học của tôi mà mình vẫn ca tụng là người đàn bà lý tưởng ấy mà.

Nguyễn hơi ngượng. Xấu hổ vờn lên khuôn mặt xanh rờn chàng một chút lòng dào. Nhưng Nguyễn vẫn nghe vợ kể tiếp:

- Chắc lúc mê sốt thì chẳng nhớ lại được những câu mình nói. Tôi vừa sợ vừa buồn cười khi thấy mình mồ hôi ra như tắm, rồi mình bắt cuốn hết màn lên và lại gọi con gió là chú. "Ai gõ cửa đấy? Chú gió đấy phải không?".

Nguyễn đổi chiều nằm, nhếch mép cười:

- Ai lại nói mơ đến như thế. Chỉ bịa.

Vợ Nguyễn nguyền và muốn tỏ cho chồng biết mình không có ý vu cáo một người ốm, nàng bèn tương ngay chứng cứ ra: một tờ giấy có những dòng chữ chì xanh ngùng ngoẵng. Trong cơn sáng sốt không rõ Nguyễn đã mê thấy gì mà viết nguệch ngoạc những câu tối tăm ma quái như: "... Cái người lái đò chở những linh hồn tội nhân sang ngang bên sông Hắc thủy ấy, có hai con mắt đỏ rực lồi hẳn như hai cái đèn bin soi xuống một vùng nước đặc như bùn lầy. Những vết ánh sáng nơi mắt người lái đò chiếu ra, đỏ và rung rinh như những con chạch máu oằn oài. Mùi nước tanh hơn mùi hột vải bỏ bếp và mỗi phả vào mặt, lại hâm hấp nồng nồng như hơi lửa lò vôi. Cái bát cháo lú của bà cụ già cho ăn vừa rồi thế mà đủ làm cho ta quên mất đường về. Bên kia bờ, không một tiếng chó, không một tiếng gà, lạnh tanh, đen và buồn quá..."

Nguyễn đọc đi đọc lại, tự cho những dòng viết trong cơn mê sốt như thế là hay lắm, nếu lúc ấy chàng đã cố ý dùng sức mạnh của trí tưởng tượng để vẽ nên một cái gì trong loại văn huyền ảo. Nguyễn lại tự nhủ: "Nếu ở cái đời khoa học đều thiết thực cả như thế này,

mỗi đứa chúng ta đều ghi nhận lại được kết quả những ảo cảnh và cảm giác của mình khi tinh thần rối loạn vào lúc bệnh tình khủng hoảng, thì sẽ có rất nhiều bức hoạ kỳ dị quái đản lưu lại cho cái đám hậu thế khỏe mạnh lắm đây"! Vợ Nguyễn vẫn nói:

- Mình thấy những cái gì mà lạ thế? Bà cho là mình đã lơ trên phải cô cậu ở đền phủ hoặc cây đa miếu thiêng nào, nên đã đem khăn áo của mình ra ngã ba để hú hồn. Hôm nay mình tỉnh nhiều lắm. Có lẽ đúng đấy. Tính mình ngỗ ngược kia. Chồng có khỏi rồi lại đưa anh đưa em đi rừng đi bể, nhờ trên vào ma mường thì khốn đấy.

Nguyễn thấy nhạt tai, nhạt mồm, nhạt cả mắt. Con mắt nhạt lại nhìn vào giữa một cái phòng nhạt. Nguyễn bảo vợ đưa cho mình cả tập báo ứ trệ lại mấy bữa nay không giờ đến. Thế giới độ này nhiều việc biến cải quá. Cuộc đấu bể giữa nhân loại. Cuộc đấu bể trong lòng người phải làm chúng cho thế kỷ. Bức dư đồ bình diện lại có sự thêm bớt.

... Lại có một Kinh thành nữa gặp và.

Gặp tờ báo lên ngực, Nguyễn thấy ốm đau lúc này là một điều đại sỉ nhục cho một trang thiếu niên. Chưa bao giờ hơn lúc này. Nguyễn thấy khổ vì thiếu sức khỏe và thèm tiếc cái sức khỏe cũ của mình bị mòn mất đi vì những ngày trác táng xưa xa.

Nói gì chuyện xa. Mới năm ngoài đây thôi chứ đâu xa. Những bạn phùng trường tác lí đã ganh ghét với Nguyễn bởi vì họ thấy Nguyễn càng chơi bời càng khỏe, càng lầy đēm làm ngày thì lại càng tinh táo, lại càng ăn nhiều, uống nhiều, hút nhiều, nói chuyện ở đám đông người lại càng có duyên và vào những lúc trác táng sa ngã liên miên như thế, hễ gặp một việc làm ăn gì phải tính toán bằng tài bằng trí, thì Nguyễn chưa hề vấp hoặc hớ lầy mây may. Những lúc được cuộc sống hậu đãi như thế, Nguyễn cũng thừa hiểu rằng chẳng qua là do sức khỏe lồi dần đi hết. Phong, sương, cảm, mạo của cuộc đời bừa bừa khinh địch hãy gửi tội Nguyễn đấy, đợi lúc nào cái

máy lớn ấy gặp giờ thiếu một cái đinh ốc thì chúng sẽ nhao nhao nổi dậy để phá cái đại cục trong người Nguyễn một thể. Dầu đổ, bìm leo, quả có như sự tiên tri của Nguyễn.

Hơn một năm nay chàng hay ốm vặt. Lưng mỏi, vai mỏi, xương sống lỏng lẻo và ông chân buồn như có giò đực. Chưa có tuổi mà mỗi lúc tiết trời giao nhau, là cơ thể chàng lại xộc xệch mấy buổi. Người ta bảo chàng có chứng phong thấp. Và người ta lại bảo rằng mười người chơi cờ thì có đến chín kẻ thể nào cũng phong thấp. Nguyễn cũng chẳng lấy thể làm tức mình mà lại còn cho là phải, là đúng nữa. Con người ta sống cho có điều độ thì đã vội việc gì đến thể? Cái quả này bao giờ cũng do cái nhân ngày nọ kết nên. Chính chàng đã tự tạo lấy sự suy đồi đọa lạc, chứ nào phải tiên thiên kém hay thiếu gì cho nó cam. Vậy cho nên không dám oán trách và chỉ biết có hứng chịu, Nguyễn đã bình thân mà hắt hơi, mà sổ mũi, mà nhức đầu, mà buồn bã nơi chân tay và cả nơi tâm tư. Hơn một năm như thế. Ốm đã là một thói quen. Một cơ thể suy mòn vốn hay gây cho người ta một cái tinh thần uỷ mị, Nguyễn đã thấy những dịp mình được ốm như thế là một cái cơ để mà chính thức tuyên bố một cái tính lười. Lười một cách chân chính, phải có người nói ngọt, cho ăn ngon, nâng giắc và chiều những cái ẻo oẹ nũng nịu, Nguyễn còn muốn cái gì nữa! Lúc ốm, lại còn là một dịp để đình chiến với cuộc sống; bỏ dở những công việc làm chung với những bọn ngu tợn bướng mà lỡ gặp phải trên đường đời, không phải thực hành những lời hứa đã đến kỳ hạn, và đuổi những chủ nợ ra khỏi nhà mình, nói nhăng nói cuội nói lớn mà không ai dám ngăn cấm. Nguyễn đã cho những ngày ốm một cách nhẹ nhẹ như thế tức là một lối xa xỉ trong cuộc sống của người muốn sống bằng tình cảm. Mỗi tháng ốm độ một kỳ. Mỗi kỳ độ hai ba ngày, cứ ăn rồi lại nằm dài như kiểu anh đồ thể hệ trước lúc chưa hiển đạt, nằm ườn ra đấy mà đợi cái thời của mình. Làm phí hao thời giờ, người ta bảo lại còn là một nghệ thuật nữa kia đấy. Tưởng phải tranh đấu, hoặc kiến thiết gì bằng những tư tưởng tích cực thì Nguyễn hàng,

chứ cái lỗi tiêu cực như thế thì Nguyễn giỏi lắm. Cái nghệ thuật tiêu phi thời khắc của mình, thật không có ai truyền cho mà chàng đã tỏ ra là một người có nghệ chắc chắn và tinh vi lắm.

Nguyễn đã trau dồi hết sức cái tính hiếu tĩnh của mình và để đối đáp lại với chung quanh, lắm khi chàng chỉ ngậm miệng.

Nguyễn không hiểu tại làm sao lại có những người mà mặc kệ một mình họ, họ cũng cứ họp được thành một cái chợ mà sự ồn ào nhộn nhịp không có thể chê vào đâu được.

Thấy được cái cảm giác thú vị rất quý phái của những ngày mình bắt buộc mình phải ốm để thoát ly khỏi cuộc sống trong giây lát, để duyệt lại cuộc sống bên trong của mình, Nguyễn lại lấy làm ái ngại cho những người ở đời chưa hề bao giờ dám ốm hoặc được ốm lấy một ngày. Họ rằm rĩ nó quen đi rồi.

Nguyễn nhớ lại cái lần ấy phải đấu cờ tướng với Trường, người bạn cũ tự phụ là kỳ hầu. Trường đánh cờ cao, đi quân rất nhanh và trong mười sáu quân, quân nào Trường cũng phải đụng đến và trừ tướng sĩ, tượng không kể, còn thì anh đều bắt chúng nó đổi chỗ khắp cùng cả bàn cờ. Chiếu tả chiếu hữu, chém trước chém sau, ván cờ ấy Trường vẫn không làm gì nổi Nguyễn, mặc dầu những quân gỗ kia đã mệt nhọc mà vẫn phải cố chiều người cầm quân đang thích tấn công. Cờ Nguyễn vẫn vững vì có con mã ba đứng giữ đây từ lúc mới xuất quân. Nguyễn hóm hình chỉ con ngựa lặng lẽ ấy và nói chọc Trường: "Đấy anh xem con đứng vẫn hơn con đi và ở đời nếu cái thằng ốm không xương hay nằm như tôi, đây lại vẫn còn hơn được thằng ngồi một trật nữa".

Những lúc Nguyễn ốm, chàng thấy sức sống của mình lại được tăng thêm vì những thèm thuồng, thương tiếc và mong chờ. Ốm là nghỉ ngơi, là nằm mà suy tưởng đến những ngày về trước và định lấy những ngày về sau. Nhưng cái thú ốm đau ấy thường là đặt tiền nên ít người dám màng đến.

Và cả ngay đến Nguyễn, đạo này chàng cũng không dám đùa cợt với cái siêu thuốc nữa rồi.

Cũ này, tiếng vang những việc từ ngoài đồn dập đưa vào xứ đã nhắc nhở các tầng lớp người ở đây phải nghĩ đến một cái gì, phải tính làm một cái gì để định lấy phận mình và giữ lấy giá mình. Hình như có những âm thanh huyền bí xao động trong lớp không khí mới. Và trời đất năm nay lạ quá. Cái gì mà đã cuối tháng tư sang tháng năm rồi mà có lắm buổi sớm mát lạnh như mùa xuân, có lắm buổi trưa điu hiu như mùa thu và có lắm buổi tối, trời mưa gió nồm nùng như tiết Thất tịch. Sự mưa nắng trong một ngày rất là thất thường và trái hẳn với thời tiết. Các ông già bà cả bảo đây là cái trời của loạn ly. Nhiều người đang khỏe mạnh và đều gầy gục xuống cả. Khác với quan niệm cũ, bây giờ thấy người chung quanh đau yếu, chàng lại thấy lúc này mình cần phải khỏe. Khỏe để mà gánh lấy việc. Cái việc lấy tai mắt mình ra mà làm chứng cho thời đại. Ôm lúc này, tức là một điều tối bản tiện, người ta bỏ phí mất nhiều sử liệu, người ta hụt tay đánh sống mất cơ hội làm người. Những lúc này người ta nên giữ đủ sức khỏe để nhận lấy một cái sứ mệnh gì. Nguyễn nghĩ đến những đứa con trai thời loạn. Và tin rằng mình là đứa nạn nhân cuối cùng của thời bệnh.

Sớm nay cái cây lim cổ thụ ở vườn Bách thảo chỗ vườn du nhà kèn ấy, rụng hết lớp lá già. Nguyễn ngồi xem cây đổi lá, đổ lá xuống như mưa. Nguyễn thấy đây chỉ là một cuộc lia rụng không thể không có được. Lớp nhựa giầu trong lằn vỏ cây già sù kia đang đẩy lộc non chồi nhiều và giục cây cao lớn, mạnh hơn nữa lên. Nguyễn thấy lớp nhựa xuân trong người mình cũng đang chảy nhiều lắm.

*Trung Bắc tân văn số 21(21-7-1940)*

## CON SƯ TỬ MỘT NĂM QUÍ SỬU

**H**ọ là bốn người hình thù kỳ quái, ngồi bên một chậu tiết đánh đung đỏ như son, trong một căn nhà lá ở ô Đống Mác, một buổi sớm Tết Trung nguyên.

Cái làng chơi sư tử giấy rằm tháng tám ở đất Bắc vào đời hai vua Thành Thái và Duy Tân vốn đã quen với bốn cái tên ngộ nghĩnh của bốn vị tay chơi này. Ấy là Ngồ Béo, Vạng Sài Goòng, Trương Lỡ và Sường Sáu Ngón.

Nhân vào kỳ tết rằm tháng Bảy, Ngồ Béo cho họp mấy bạn đồng chí lại để dự định việc làm đầu sư tử và tổ chức đám rước vào ngày Trung Thu chỉ còn trong có một tháng nữa thôi.

Ngồ Béo là người không có học, tính ngỗ ngược, lực khỏe lắm và đã từng ghi tên tuổi mình vào xã hội hỗn loạn thời ấy bằng một huyền sử đem về từ một cái bãi lau sậy lịch sử đất Hưng Yên. Ấy là người đồng thời nói thể và cũng chưa từng thấy Ngồ Béo cải chính một lần nào. Trong cái đời Ngồ Béo, nhất sinh, kẻ thất phu ấy chỉ lấy việc múa sư tử làm một điều khoái hoạt nhất. Đời sống của Ngồ Béo, cả một năm hình như chỉ có một ngày rằm tháng tám là đáng kể. Y đã nói rằng "Nếu đức Thánh Tản Viên có hạ sơn mà cho em một cuốn sách ước thì em sẽ ước rằng đời em ngày nào cũng được là một ngày tết Trung Thu. Tết Trung Thu, họp thành đảng đi múa sư tử, đánh trống trận, bật hồng, cướp cờ và đón bánh nướng, thú lắm các chú ạ".

Ngô Béo có một người vợ chuyên làm nghề bán thịt ở cửa ô. Thấy người đàn bà đồ tể ấy, chọc tiết lợn, cạo lòng lợn và những lúc liếc lưỡi dao bầu vào cán cân sắt tiếng nghe rít rít mau mau như tiếng mảnh vỡ chai cạo ống giang, nhiều nhà hàng xóm lấy làm rờn rợn ở trong lòng mình, ở đằng sau gáy mình. Họ phỏng đoán trước đến những cuộc xô xát giữa vợ chồng Ngô Béo. Có một lần, người chồng bạo thiên nghịch địa ấy, một buổi say rượu, đã muốn đem vợ ra để làm sinh vật tế cờ. Ngô Béo bắt luôn con dao bầu sáng nhoáng của người vợ lẳng loãn đang cầm ở tay vừa tuột xuống vì bàn tay nhầy nhụa những mỡ. Vợ Ngô Béo tránh miếng đoán dao, thuận tay vớ được chai rượu, ghè mạnh đít chai vào thành giường cho mất hẳn cái cù lao ở tròn chai đi. Đường chai vỡ, lổm chổm những răng cưa sắc muột. Vợ Ngô Béo cầm lăm lăm cái khí giới bằng thủy tinh mà chuôi là một cái cổ chai, thử thách chồng: "Mày tài giỏi thì cứ vào đây với bà". Cuộc đổ máu ấy không xảy tới và sẽ không bao giờ xảy đến nữa vì hai vợ chồng Ngô Béo đã biết nhau là xứng đáng kết làm đôi bạn. Vợ chồng phục lẫn nhau đã đành mà ngay đến các "chú nó" cũng thường ca ngợi cái đức tính gan dõm của vợ Ngô Béo.

Cái chậu tiết hãm kia là của vợ Ngô Béo để lại cho chồng trước khi đội mẹt thịt nhà ta góp với cái nhầy nhờn của buổi chợ sớm tại cửa ô. Nàng đã bảo chồng:

- Hôm nay là ngày Tết, buổi chiều ai chả phải cúng và đón các cụ ở "dưới ấy" lên. Vậy nhà nên mời các chú ấy ăn uống vào buổi sáng. Tôi hãm tiết rồi đây. Nhà mượn chú Trương Lữ giúp cho tôi một tay. Tôi phải đi bán thịt chợ Tết, chứ nếu được rồi mà ở nhà thì phải biết, gái này mà đánh tiết canh thì cứ xâu lại mà treo.

Buổi sớm ấy, có bốn kẻ thất phu ngồi uống rượu với tiết canh ở cửa ô Đống Mác. Máu đông món nhắm có màu sắc một chậu huyết ăn thè. Gọi đến việc múa sư tử năm nay, Ngô Béo nhắc lại chuyện năm trước và trách luôn Sường Sáu Ngón:



- Chú hồng. Năm nay không cho chú chặn hậu nữa. Chặn hậu thế nào mà năm ngoái chú để bọn Bạch Mai nó cướp mất đầu sư tử, và để cho chú Trương Lữ bị ba nhát xẻng chém vào trán.

Trương Lữ xoạc miệng ra để nói to, làm răn rúm lại ba cái sẹo bóng phía trên lông mày.

- Mấy vết thương của em dạo ấy cũng chả có gì là đáng kể. Chơi dao thì phải có lúc đứt tay chứ. Có cái đáng phàn nàn là chúng ta đã đánh mất một cái đầu sư tử rất quý. Khởi thủy là tự tay anh Ba tôi làm ra nó. Đến đời chú tôi múa là được 4 năm. Tôi kể nghiệp vào, vừa vận cộng lại được là chín năm. Giá năm ngoái không bị kẻ kia cướp qua tay, năm nay ta làm một cái lễ thập chu niên cho con sư tử của bọn mình thì vẻ vang biết mấy.

Sương Sáu Ngón muốn cho anh em đừng lỗi mình ra mà trách móc nữa, bèn kiểm một câu chuyện làm quạ với Ngõ Béo:

- Các anh đều biết lão Sập Vây làm tài phú ở hiệu Đông Hưng Viên đấy chứ. Chú ấy muốn anh em mình năm nay lại lên múa ở hiệu chú. Hôm nọ gặp em trong ngõ Sầm Công, chú có bảo đã để dành riêng một quây thịt lợn rừng sấy Quý Châu để làm riêng mấy cân bánh nướng treo giải sư tử cho anh em mình.

- Ủ thì múa. Bánh nướng Đông Hưng Viên ngon có thể quên nguy hiểm được đấy. Năm nay anh lại cất công từ dưới này lên tận Hàng Buồm một chuyến nữa. Chả phải vì tham mấy miếng bánh, nhưng chính là để cho những đám khác chúng nó biết rằng đây mình bất chấp đến cả chúng nó vì chúng cứ tưởng rằng giang sơn nào là của riêng anh hùng ấy. Để rồi năm nay ta thử xem cái bọn thằng Thiềm Thứ Sắt ở ô Quan Chương có còn giữ độc quyền nữa thôi. Nó thường bảo phố Hàng Buồm là riêng của nó, đũa nào dám đem sư tử lên đến "giang sơn" nó mà múa thì nó cho một nhát xẻng và một manh chiếu bó xác.

- Sập Vây lúc ấy thích anh lắm. Lão bảo anh múa hay lắm. Đến

nay bọn tùy tướng quân Cờ Đen đóng ở tỉnh Đoài, ngày xưa mùa cũng chỉ hay đến thế thôi. Lão còn khen anh về cả cái tài ăn bánh nướng nữa. Mỗi cân bánh chỉ ăn có bốn miếng. Vừa mùa vừa ăn. Đứng công kên trên vai bốn năm người nổi lên nhau làm cái thang đã chênh vênh rồi mà anh chỉ múa đầu sư tử đỡ có một tay, còn một tay thì thò từ trong mồm sư tử ra giật bánh giải mỗi cái vừa một miếng ngòm ngòm.

Ngô Béo cười khi khi một hồi, xong rồi bèn nhìn ra phía cửa mà kêu:

- Quái, sao cái tên Lương Con bây giờ chưa thấy mò tới nhỉ. Anh đã nhắc đi nhắc lại đến ba bốn lượt để hẩn nhớ ngày mà xuống rồi kia mà.

- Lương Con nào? - Vạng Sài Goòng hỏi.

- À, một đàn em. Con một ông đồ! Thế mới thú chứ. Có chú Vạng đây chưa biết đến hẩn đấy nhỉ. Để anh kể chuyện cho mà nghe. Nguyên ông cụ để ra chú Lương Con là một người đi thi mãi mà không đỗ. Ông bèn theo lũ cháu sang Hà Nội ở luôn ở Hàng Bạc với những người làng làm nghề vàng bạc. Chín phần mười những người Hàng Bạc là thuộc về phường Châu Khê tỉnh Hải Dương cả đấy chứ. Ông ta bây giờ ngồi viết chữ cho những người thợ chạm khắc vào vàng bạc và gần ngày Tết thì mang chậu mực và cây mực ra đình Hai Ông Tướng Hàng Bạc mà viết câu đối thuê. Một ông bố hiền lành như thế mà lại để phải một ông con chỉ thích múa gậy và nhảy đá bi cát. Lương Con hay xuống đây học võ, thợ nghiệp cụ Cử Miên, tập chuyên lắm nhé. Có y làm đàn em, năm nay làm đầu sư tử cũng đỡ được một khoản giấy bản. Y có khoe rằng Cụ Đồ Châu Khê có những mấy chục chồng sách nho tẩn vào mấy cái níp sơn đỏ cứ chắc cứng lại. Chỗ ấy mà đem ra dùng thì có bồi đến một chục cái đầu sư tử đại mới hết được giấy bản... Năm nay có bồi, ta cho bồi độ mười lăm lượt giấy. Khí nặng một tí nhưng tha hồ cho

xéng cuộc chém xuống.

Gần tàn tiệc, Lương Con mới tới. Để trả lời một câu hỏi bằng mắt xéch của Ngô Béo, chàng buồn rầu nói rất khẽ:

- Ngày mai mới có dịp đưa xuống được. Em rình cả đêm hôm qua, cả sớm nay mà vẫn không cạy được mấy cái níp sách.

Ngày mai, đúng hẹn, Lương Con đưa xuống nhà Ngô Béo có đến hai bồ con sách chữ Nho.

Đã sẵn cái cốt gỗ đầu sư tử mượn từ đâu và đưa về từ bao giờ, bọn Ngô Béo xoay tròn ra bắt đầu bồi đầu sư tử để kịp chơi rằm tháng sau.

Họ tháo sách, để riêng ruột sách ra một tập và bìa phiết cạy ra một tập. Họ bỏ bìa cạy ngâm vào những nồi nước và sau khi bìa đã sưng nước thì đem bỏ vào cối mà giã như giã giò. Những nắm bột giấy lẫn chất cạy nâu nâu ấy, họ dùng để đắp mũi, đắp gò má và mi mắt và sùng sư tử.

Người ta gỡ những tờ giấy bản ruột sách, căng phẳng ra và đập lên cốt gỗ một lượt lại một lượt. Dưới sức thấm tẩm của lần hồ vữa, những chữ son, những chấm son chấm câu đã hết cả tươi thắm và xạm mãi màu xuống. Hôm cái đầu sư tử thành hình đắp bồi thì cái mùi thơm của những cuốn sách chữ Nho của Ông Đồ Châu Khê đã là một cái mùi ung ung như mùi gỗ ngâm nước bùn. Tháng bảy hay mưa dầm, khí trời lại nồm, mùi ung ung ấy càng bốc mãi.

Đây là cái kết quả mười năm đèn sách của Ông Đồ Châu Khê. Bao nhiêu công phu của Ông Đồ Châu Khê ngồi gầy lưng chấm câu cho mấy bộ Kinh giờ chỉ còn là thế. Trong cái đầu sư tử giấy, có cả một bộ Kinh Thi, một bộ Kinh Thư, một Kinh Lễ, một Kinh Dịch, thêm một tập thơ của Ông Đồ những lúc than thân, những lúc than trời. Cái thời của Ông Đồ Châu Khê đã hết từ năm ngoái kia rồi, nghĩa là năm Nhâm Tý, nhà nước mở một khoa thi cuối cùng cho người theo chữ Hán. Năm Nhâm Tý khoa thi cuối cùng, Ông Đồ

Châu Khê cũng lại bay. Và năm nay là năm Quý Sửu, Ông Đồ ấy vẫn chỉ là một Ông Đồ ngồi ăn ốc trông giăng ở một cái gác tầu mã phố Hàng Bạc, với một ông bạn già cũng lối giờ sinh như mình.

Đêm rằm tháng tám ấy, trước khi vào tiệc rượu thưởng giăng - có rượu cất hương sen Hồ Tây, có ốc gác mỡ hóng bếp, có xôi vùng nén - Ông Đồ Châu Khê pha một ấm chè hạt, nước sôi đun bằng những mẩu vầu chẻ lạt bẻ khuôn vàng còn thừa lại, tàn than trắng xóp như bông. Để thi vị hóa cảnh mình thanh bạch, Ông Đồ gọi chè hột là chè tùng viên - hột tùng! - và cái than hoa loài tre kia là than bạch tuyết. Ông nhìn trắng và tự nhủ rằng đem *than bạch tuyết* mà nấu *chè tùng viên* thì còn gì thơm ngon bằng. Phường Châu Khê, người Hàng Bạc, xưa nay vốn lại có tiếng là pha chè hạt rất ngon.

Ngoài đường phố có tiếng ồn ào của những đám rước sư tử diễu qua và tiếng trống, thanh la vọng mãi vào cái gác sâu này.

Ông Đồ Châu Khê, vẫn chưa biết là Lương Con, con mình đã rút mất mấy phần ruột sách quý của mình, bèn chỉ mấy cái sách son son cũ màu, nói với người bạn già bằng một giọng cảm khái:

- Chữ Nho bây giờ hết thời rồi. Sách thánh hiền bây giờ chỉ còn là đám giấy loại. Mỗi vụ Trung Thu, bọn làm đầu sư tử phá hại không biết bao nhiêu là sách của cổ nhân. Một cái hồi loạn Văn Thân, bọn ta đã bị cái nạn ấy rồi. Bao nhiêu sách giấy bản là đem ra làm áo giáp hết... Bác không tin lời tôi nói thì hôm nào thử lấy một mũi mìn đâm xem có thể thấu qua được một cuốn Tính Lý này không. Hết làm áo giáp trần thủ đờ mũi nhọn đánh nhau lại đến làm cốt bồi đầu sư tử múa chơi, cái công tiền nhân đeo một cái bô "Kính tích tự chỉ" sau lưng những lúc lượm giấy rơi ngoài đường, nghĩ mà lại tiếc quá bác ạ. May mà tôi còn giữ lại được hết cả ở trong kia.

Cụ tự đắc, nhấp chén cười khà.

Cũng một đêm rằm ấy, vào cùng một cái giờ cảm khái của Ông Đồ Châu Khê, ở phố Hàng Buồm, có một đám múa sư tử to quá,

đang đòi ăn giải thưởng.

Nhiều tay anh chị quen, búi tóc giấu trong một vuông nhiễu xanh trông như đức Thánh Quan, cũng nghỉ một buổi xe cao su, con bộ ngựa; phụ vào đám rước Ngõ Béo để trợ lực lúc động dụng.

Ở trước con sư tử do Ngõ Béo múa rất điệu dàng, Lương Con đánh côn, múa ngọc để đứ con thú càng quay cuồng nhiều. Trông Lương Con không ai ngờ đây lại là con một Ông Đồ. Ở trán chàng có một cái sỉ mẩu gắn kính, ở ngực chàng có một cái thần hồng bằng nhiễu điều, ở bắp chân chàng có một đôi xà cạp vắn hổ rất ăn với đôi giày Tàu điểm một quả bông hỏa diệm sơn. Lương Con thỉnh thoảng lại cho bật hồng, ngậm một ngụm dầu tây phun vào búi giẻ cháy nơi đầu que sắt. Lửa bùng lên, soi sáng con sư tử, soi rõ vào mặt Lương Con mồ hôi chảy ròng ròng. Chàng hét, chàng lộn. Tiếng trống và thanh la lúc thưa lúc mau làm cho mọi người đều say với cái đầu sư tử râu bạc phơ phơ. Nhưng mọi người đều lăm lét nhìn nhau khi hai cái xe bò kia đã đùn từ cuối đám rước lên đến gần chỗ múa. Một xe bò toàn chiểu cỏi. Một xe bò toàn xêng bóng nhoáng. Và đuốc nứa. Và đuốc giẻ tẩm dầu.

Nhiều người nghĩ trước đến lúc hai đám du côn cướp đầu sư tử của nhau và chém nhau bằng xêng và liềm tử thi nhau bằng chiểu, nhiều người tự hỏi xem có nên bỏ dở cuộc vui mà về ngay bây giờ hay không.

*Trung Bắc chủ nhật*  
số 29 (15-9-1940)

## GIÁ ĐỒNG QUAN GIÁM SÁT

**N**gười tôi bây giờ xấu lắm rồi. Cả đến cái giọng cũng kém. Còn ăn được nhau chỉ có một vài ngón đàn. Nghĩa là cũng chẳng hơn gì ai. Chữ ai đây tôi muốn chỉ người đồng nghiệp của tôi. Tôi nói rằng cả một đời vẻ vang của tôi - tôi, một anh cung văn trước đẹp giai, đẹp giọng hát - giờ tuy còn tài giỏi ở một vài điệu đàn, nhưng cũng không dám lấy đó làm chắc chắn cho sự mưu sinh, làm đảm bảo cho những ngày còn lại với sự lo hồ khẩu, bởi vì đến cái môn đàn châu văn thì hồ như ai cũng đàn hay hết cả, cũng đàn được hết cả. Cái tài đánh đàn của một kép cung văn hình như không có chia cao thấp, non già như là bên đám đàn đáy hát ả đào chẳng hạn.

Nói đến cái đàn nguyệt châu văn trước bệ thờ các Phủ Mẫu có những chiếc nón quai giấy mã lòng thông cùng treo rủ với những đôi hài hoa cánh phượng, có những ngai bạch xà, hoàng xà uốn khúc châu bên linh vị thì hình như thiên hạ thấy đều đã trông thấy trước mặt mình một cây đàn, cầm dọc ngược cần đàn lên, người cung văn mồm há hốc ra và ề a với những tiếng tơ: phanh, phanh phanh phanh.

Vậy ở một người cung văn, cái tài nắn phím so dây không là đáng kể.

Đáng cho người ta chú ý là cái giọng hát của mình làm thế nào mà nó trong như rót cong được câu văn châu vào tai người gần mình. Trong các làn hát, hơi hát, điệu hát, có lẽ châu văn là khó nhất, vì nói ít có những hơi đệm, giọng mớm như là bên chèo, tuồng, ả đào,

trống quân, vân vân. Lên xuống và chuyển giọng không khéo, dễ bị đám ngang và giọng thành ra bỏ cúng lại.

Ngày trước, giọng tôi còn tươi gọn, tôi sống rất phong lưu, quanh năm, ngoài những lúc ôm đàn mà hát thờ, là tha hồ mà đánh tổ tôm, góp có khi hai ba chục một hội. Một cái nghề tinh, một cái thân được vinh nhân, có dùng!

Tất cả con cái nhà thánh thời ấy đều chuộng đèn tôi. Những giá đồng do những người đàn bà trung lưu ngồi hầu các đèn phủ thì không kể; chứ còn như các bà cô ấy đã sắm nổi vài hòm khăn châu áo ngự bằng tơ thật với những thẻ bài bằng vàng thật, thì đều có triệu đến Trương Bùng này cả. Họ tranh nhau mà mời tôi đi đàn, nhiều khi phải đi theo các bà, các cô ấy đến những ngôi đền cùng những cái phủ lọt vào tận giữa rừng, hẻo lánh quá, đi cứ mất hàng mấy ngày đường, bộ có, thủy có, lắm lúc tuy không được cùng nằm một chiếu nhưng được ăn cùng mâm với các cô, các bà ấy, lúc cùng thừa huệ thánh, cũng thú đáo để. Cái tên Trương Bùng hồi ấy chừng có như là một cái đàn đất tiền chỉ có đám phụ nữ phá của thì mới sắm nổi. Chưa có người đàn bà hầu bóng nào mà dám ném que nhang thương tiền cho tôi, dưới ba hào một thẻ nhang. Cái giá ba hào một thẻ nhang thương đã thành một ước lệ. Nhiều khi tôi vừa đàn vừa cười thầm, mỗi lúc có bà nào đã tiết kiệm mà vẫn cứ muốn làm ra mặt hoang, cũng ném thẻ nhang thương, nhưng độ vài que nhang nguyên vẹn, thì lại chêm vào một số rất nhiều que hương bẻ đôi. Lúc tan cuộc hầu bóng, Bùng tôi trình hương mà lĩnh thưởng; và chỗ que nhang bẻ đôi, thì cứ hai cái bẻ gãy tính làm một thẻ ăn ba hào.

Cái hồi ấy, quanh năm thôi thì hết tháng tám giỗ cha thì lại đến tháng ba giỗ mẹ, hết tháng sáu hội Gai thì lại đến tháng hai hội Mía. Rồi ngày vía đức Mẫu này, rồi ngày đàn đức Thánh nọ. Tôi cứ đội một chiếc nón dứa chóp bạc cần hoa vàng, quai lụa, trong áo cánh lụa, ngoài áo sa tây khuy ngọc thạch, ai gọi đến đâu là xách cây đàn

khâm xà cử đi theo đến đây. Thành thử tôi quen rất nhiều bà hầu bóng. Và các bà ấy nhả mặt tôi đến nổi nhiều khi tạ xong Thánh Mẫu, các bà ấy còn bông phèng với tôi nữa. Ô, có nhiều người ăn nói có duyên và nũng nịu đáo để. Nó cũng là cái tật của người hay hầu bóng các ông Hoàng ngã ngốn, lả loi hay sao ấy. Họ cong cớn ở miệng, họ lại cong cớn ở mấy ngón tay cầm một miếng thuốc tổ sâu kền ướp huê sỏi, huê ngâu. Nhiều bà lại còn thích cung văn nịnh mình một cách vụng dại nữa, càng ngờ nghếch bao nhiêu thì các bà ấy càng ưa bấy nhiêu.

Tương đến một người cung văn như Trương Bùng tôi mà nịnh hót một bà có tính đồng bóng thì không ai cử ký tôi mà tôi cũng cứ đòi cười đến lặn ra như mỡ. Chiều nịnh một bà hầu bóng lúc bà ta lên giá đồng ông Hoàng Bảy ăn thuốc phiện và chim gái, nói và cười hé hé và dặng háng, đã là một sự khó tròn được. Đến như chiều nịnh được bà ta lúc bà ta đã giải đồng rồi, lại càng khó quá.

Vậy mà tôi đã ra tâm mà chiều một bà hầu bóng, suốt một năm ấy, đèn phủ nào có khoá hội là tôi đều kè kè bên cạnh bà để đàn liến thoắng, hát chầu một cách liên miên và lúc "ngài" về đồng xong và "ngài" thăng rồi, thì tôi lại ton hót bà ta nhiều câu trơ trẽn quá, cho đến một đêm, trên cái bệ gạch trước điện cái phủ riêng lập ở nhà bà, bà ta buộc tôi phải nhận lấy những đặc ân cuối cùng (!) của bà.

(Kiểm duyệt bỏ)

Tên bà ta là bà Chánh K.. Trước bà lấy một quan Đoan, nên mới thành ra cái tên Chánh K. nhưng vì tiếng K. là chữ Tây khó đọc nên mọi người đều gọi gọn thon lỏn là Chánh. Chả cần phải khai thêm tên, cứ gọi là bà Chánh không thôi thì cái làng đồng bóng ở đây cũng hiểu là ai rồi. Đèn phủ nào mà bà Chánh chả đã cúng một số tiền lớn.

Bà là người xấu lắm, khô gầy như xác mắm. Răng vầu, mặt rỗ, mũi tẹt trũng xuống, tóc đã ngắn mà lại cứ đòi để mãi cái đuôi gà. Chỉ được cái bà Chánh lúc lên đồng thì đẹp đẽ ít ai bì. Tôi đàn hầu



Thánh cũng đã nhiều, nhưng chưa thấy người nào hầu bóng có dáng đến như bà ta. Mười ngón tay bà ta đẹp như mười cái tháp bút. Cổ chân bà ta tròn. Ngón chân dài và không hở kẽ. Gan bàn chân đầy mà không vướng. Với con người kém sắc và kém dòn ấy, hình như trời ban riêng cho đôi bàn tay và đôi bàn chân ấy để mà lên đồng, để mà múa và nhảy và phô khéo.

Tôi nói rằng lúc bà Chánh lên đồng thì bà đẹp vô cùng. Cái thân hình gầy đét ấy đã có áo ngực rộng che kín. Cái mặt rỗ và cái bộ răng vẩu ấy đã có khăn châu phủ kín. Tơ lụa đã đắp điểm cho những khuyết điểm trên người một người đàn bà luống tuổi. Cứ kể vua Mẫu còn để cho bà Chánh làm người thì năm nay bà cũng... cũng phải đến bốn năm, bốn mươi sáu gì đó. Thành ra lúc bà hầu bóng, bà chỉ phải phô trần ra hai cái tay ngón búp măng và đôi bàn chân gót đỏ như son và tròn như gót người phong lưu và đài các.

Bà vốn mình cao số nặng. Vua Mẫu bắt ra làm lính từ lâu lắm. Trước khi đội bát nhang, bà đã tìm lên ngàn xin làm bà hộ ở một ngôi chùa trên vùng núi Quảng Yên. Nhưng rồi bà lại không ở chùa cho chọn được mà quét lá ăn mày Phật. Phật chê bỏ thì đã có Mẫu thương. Bà bèn làm con Thánh. Ngoài những kỳ đi trừ các hội, tháng tháng ngày tuần, bà đều có hầu bóng ở điện riêng lập ở nhà. Rằm, mồng một nào, tôi cũng tới đây để hát châu văn. Bà trả tiền đàn cho tôi theo lương tháng, tinh theo tháng ta, cứ mừng một thì lĩnh lương. Nhiều hôm bà lại cho cung văn uống sâm banh nữa. Nhiều bà bạn bà Chánh, hay ngồi hầu dâng để đưa ống nhổ, chén nước, phiến gương và thay quần áo cho đồng lúc hết mỗi giá, đều nhắm nháy và đưa mắt cho tôi một cách gian giảo lạ. Thậm chí có bà còn bỏ nhỏ vào tai tôi rằng bà Chánh mê tôi và xin tôi nên lợi dụng và lạm dụng những thiện cảm đó đi. Thỉnh thoảng bà Chánh lại còn dắt tôi đi ăn cơm cao lầu nữa và hay đưa cho tôi những tặng phẩm đắt tiền. Bít tất phin tây hàng tá, rét đã có *bun-o-ve*, nục thì hàng tơ. (Đây này, đôi bít tất *ba-ghét* trở rua rách tôi đang đi đây là

vật còn sót lại của hồi ấy). Cái nhẫn quả tim một đồng cân vàng tôi đeo ở tay, nguyên là của Hội đồng chấm thi châu văn năm Tý ở đền Cổ Linh (?) ban giải thưởng cho, bà bắt tôi cất đi, chê rằng ít vàng quá. Bà đánh cho tôi một chiếc những ba đồng cân. Bà bảo có to thế, lúc bấm đàn, trông nó mới khéo...

... Đêm hôm ấy, bà Chánh hầu bóng lâu quá, như cái lối quen của bà. Chả giá đồng nào bà bỏ. Các thứ giá đồng các ông Hoàng, bà lên không sót, giá nào, từ ông Hoàng Cả, cho đến ông Hoàng Bơ, Hoàng Bảy, nghĩa là có bao nhiêu ông Hoàng thì bà hầu hết. Hết mỗi giá, tôi lại kéo rê giọng ra: "*Xe giááá... hồi loaaan*". Bà Chánh hết làm ông Hoàng bắn chim, rồi đến ông Hoàng đi ngựa rồi đến Cô Chín Giếng bơi thuyền rồng. Đêm đã khuya lắm rồi. Các bà hầu bóng đỡ mãi gương bạc, lược bạc, ống nhổ bạc, cũng đã mỗi mệt lắm. Vậy mà mỗi lúc con đồng bị hành, đám ngực thùm thụp, họ đều cứ phải kêu nhao nhao: *Tấu cô, cô đẹp chín nghìn... Tấu cô, người trần mắt thịt...* Bà Chánh lại cười the thé, múa que hương, nuốt lửa hương như thầy phù thủy phần sài nhà.

Rồi bà Chánh lên ngay một giá đồng quan Giám Sát. Giá đồng này dữ dội lắm. Người nào nặng căn thì mới hầu đến quan Giám Sát. Trông con đồng búi tóc ngược lên, mặt đỏ dừ như chín vì rượu, thất lung điều thất lẩy bụng con, mỗi người hầu bóng cầm một đầu ghi thất mạnh lại như lúc liệm phải buộc bụng tử thi, trông sợ lắm. Bà Chánh nhảy hét vang cả điện. Bà nhảy mãi. Nhảy chồm chồm trên tiếng đồng hồ, cứ như là đánh ghen với Thánh.

Không hiểu tại sao mấy bà hầu bóng đêm ấy lại bỏ về cả, bỏ bà Chánh nhảy một mình trên chiếu hoa. Trước khi ra về, các bà ấy hình như có nháy tôi thì phải. Tôi cứ việc đàn. Dịp đàn lúc này mau lắm. Đêm ấy tôi lại không đem người phụ cung văn đi theo để gõ dịp, thành ra đàn mệt hơn mọi ngày.

Đèn nền trên điện nhiều nơi tắt dần vì thiếu người nối sáp. Tôi

bận với đàn, hát khô cả họng mà cũng không có ai rót cho chén nước. Tôi chỉ mong cho bà Chánh chóng thặng. Tôi đang lim dim. Bỗng bà Chánh hét lên, con đồng giải đồng và lăn vào người tôi. Cái cần đàn gãy đánh rắc. Tôi sắp đỡ bà Chánh dậy, thì bà đè rần tôi xuống, miệng bà tìm miệng tôi... Lúc ấy tôi chỉ nghĩ thấy mùi khét của khói nện, lẫn với mùi nhang và mùi huệ ngát. Tôi không hiểu tại sao lúc ấy tôi không chạy và chỉ nằm yên trước cái bệ gạch lạnh, bên tai văng tiếng bà Chánh hỗn hển: "Cô ban tài cho, cô ban lộc cho, cô ban phúc cho Trương Bùng nhé!". Bà cười sảng sặc lên rồi bà thiếp đi. Tôi lên ra về, sau khi đã lấy vuông khăn châu lụa bạch đắp phủ lên một cái mặt rỗ và một bộ răng vấu vừa rồi đã ập mãi vào mặt tôi. Từ đó tôi kinh tởm, không lai vãng đến nhà bà nữa. Bà Chánh ấy hơn tôi đến tám, chín tuổi.

*Trung Bắc chủ nhật số 32, 13-8-1940*

## MỘT CẢNH RƯỚC DẦU CHẠY TANG

Cũng như cụ Hàn Ông, cụ Hàn Bà lấy làm mừng thầm trong bụng. Cái khổ người này thường là cái sướng của người khác!

Bà cụ Trường Hàng Bút khỏe mạnh thể mà chết ngay, không ốm một trận nào, không uống một thang thuốc chén nào, thì thật là việc trời - việc trời không biết sao mà nói trước được. Nhận cái tin này, vợ chồng cụ Hàn Cửa Nam lại đâm ra mừng rơn.

Cụ Trường Hàng Bút và cụ Hàn Cửa Nam vốn là chỗ thông gia với nhau đã từ mấy năm.

Định xin cô Bình Hàng Bút cho cậu Bé nhà, vợ chồng ông Hàn kể đã dày công đi lại với đảng cụ Trường. Sêu tết tốn kém và mệt quá. Tháng năm đậu xanh và ngỗng, tháng chín tháng mười chim ngói và cốm và hồng, rồi thì động đặng ấy có ngày kỵ và cả đến một cái giỗ dúi, chả một tuần nhang nào giỗ dưới ấy mà trên này không góp nên, úi chào ơi! Có những người nào đã từng trải trật vì đi hỏi vợ cho con rồi thì mới thấu đến những cái bực mình của vợ chồng ông Hàn Cửa Nam.

Nhưng bố mẹ không lo cho con trai - cậu Bé lại là con một nữa - thì định lo việc cho người thiên hạ sao? Lo lẽ cưới nay mai cho cậu Bé mà vợ chồng cụ Hàn cứ khô héo dần. Sự gầy sút ấy, nào giấu được ai. Cả xóm Cửa Nam đều thấy rõ.

Tiền cưới nay mai đã đành rằng tốn. Nhưng thỉnh thoảng, những việc đầu đầu xảy đến cho nhà gái lại còn thêm cho nhà ông Hàn một ít tiền nữa. Những sự tiêu pha ngoại phụ, lắm khi ông Hàn Cửa Nam phải bỏ bạc ra khỏi tráp mà càng thêm giận cho nhà thông gia sao lắm ách nạn thế. Thôi chẳng qua chỉ vì thằng Bé. Xứ được cho nó đẹp như thế thì tức là đẹp mặt con mình một khi nó làm rể nhà người. Cụ Hàn vừa tự an ủi, vừa tiêu tiền. Vậy cho nên cái đạo cụ Trưởng ông dưới ấy ốm, cụ Hàn phải gửi xuống cho thông gia một ông đốc tờ chả hiểu thuốc thang mạch lạc có giới không, nhưng chỉ biết rằng cái ông bác sĩ ấy tính tiền đi thăm bệnh rất đắt. Một ông lang kê đơn đắt, ông Hàn lại vì tính sĩ diện, được trả những tiền đắt đở ấy, thế là đủ rồi. Ông cụ Hàn có cần gì nhà gái có người sẽ mau lành mạnh; ông chỉ cần cho dưới ấy biết rằng ông đã phải tiêu cho họ một số tiền. Xử thế cho được lịch sự, cuộc xã giao nào mà chả tốn! Và khi người ta đã là một ông thông gia nhà nhận với mình đến bực cho mượn đốc tờ, thì khi gả bán con gái, cụ Trưởng Hàng Bút cũng nên liệu mồm mà thử thách sính lễ. Rồi ra cũng còn hơi chán. Đồng tiền đi trước vẫn là đồng tiền khôn. Ấy là cho được đúng với lòng mình cụ Hàn đã nghĩ thế. Chứ xưa nay cụ Hàn có làm được một cử chỉ nào gọi là hay, là tốt mà ở trong tuyệt nhiên không có ý cầu lợi.

Vậy thì nhận được cái tin dưới thông gia đưa lên, nói rằng cụ Trưởng bà vừa mất, cụ Hàn ông bèn bảo ngay vợ:

- Bà mày và tôi còn đợi gì mà không nhân dịp này đi xuống xin luôn con Bình cho thằng Bé nhà. Vào lúc nhà gái đang bối rối thế này, mình cố xin cưới chắc phải cho và nhất định là không dám bày vẽ thách thức như lúc bình thường. Bà phải biết mình giảm được cái khoản ô tô và cỗ bàn đi cũng đỡ nhiều lắm. Thôi, thế mà cũng là may.

**T**rong đám thân tình, có lẽ bà Thông là người thứ nhất đến chia buồn với ông Trưởng Hàng Bút, trước khi sự chủ cho chính thức phát tang cáo phó. Bà Thông vốn là một cái gạch ngang nối nhà ông Trưởng Hàng Bút với ông bà Hàn trên ấy. Bà Thông lấy danh nghĩa là một bà mối đến chia buồn với nhà gái.

- Sống chết thực là lẽ đời, cụ Trưởng ạ. Cụ bà nằm xuống như thế, hưởng thọ cũng gần năm chục tuổi đấy cụ nhỉ? Nhân sinh thất thập là một điều khó lắm. Cứ kể cụ bà về như thế cũng là đến cõi rồi, không sớm quá và cũng không muộn quá.

Ông cụ Trưởng chả biết nên có một nét mặt thế nào cho khỏi tiện khi có một người đến phân ưu buổi đầu tiên, chỉ biết ngồi thừ ra và gọi người nhà rót nước đưa trà. Bà mối bồm bẻm khẩu trà gây gây và phảng phất cái mùi tanh người chết còn nằm trong nhà chưa liệm, nói tiếp:

- Như cụ bà nằm xuống, dâu con đã đủ cả. Chỉ còn thiếu chú rể. Tưởng cụ nên nghĩ đến. Việc lúc này ở nhà ta là việc buồn, là việc lo liệu cho người chết. Nhưng cũng vì đây mà phải tính luôn đến chuyện người sống đi thôi.

Nhân có cụ Hàn nhà trai đến để chia buồn - đây là bà mối và cụ Hàn đã thông đồng mưu tính với nhau đến phân ưu sao cho được cùng một lúc có mặt tại nhà gái, chứ nào phải ngẫu nhiên gì - bà Thông bèn nói nốt câu chuyện ngắt quãng, chỉ luôn sang phía cụ Hàn:

- Luôn thể có cụ Hàn tôi ở đây và được hiểu rõ ý tứ bên nhà trai, chúng tôi muốn được cụ cho cưới chạy tang. Về việc cô Bình nhà ta và cậu Bé trên cụ Hàn, miệng tiếng thiên hạ thấy nói ra nói vào nhiều lắm rồi. Vẫn biết hai nhà đi lại với nhau, từ ấy đến nay, cụ bà

đã thương nhân nhờ cho thì cũng chả ai làm gì cho ngang trở được. Nhưng không may cụ bà nhất đản hết lộc, phải theo về với Trời Phật, công việc giờ thêm khó ra nhiều quá. Chờ cho được hết cái tang ba năm, chúng tôi sợ về sự gièm pha của bên ngoài thì rồi tội cho đám nhân duyên đôi trẻ về sau này lắm cụ ạ.

Bà Thông nín bật. Cụ Hàn và cụ Trưởng ông nhìn vào cái rỗng tuếch của phòng khách. Nhà cụ Trưởng Hàng Bút đã lạnh vì người vừa chết, phút này lại giá cứng thêm vì câu chuyện khó nghĩ.

Bà Thông bắm cụ Hàn ra ngoài một lúc; trở vào bà đặt vào lòng đĩa khay trà một chiếc phong bì trong có ba tờ giấy hai chục.

- Đây là chỗ cụ Hàn chúng tôi gọi là đưa cụ, đòi được góp một phần vào việc ma chay cụ bà nhà. Xin cụ cho chúng tôi được coi việc dưới nhà đây cũng như là việc trên cụ Hàn. Chả có gì là nhiều nhõ. Gọi là góp vào đám cụ bà một cỗ xe đòn đám ma bốn ngựa.

Sự chủ vốn nghèo, biết nói thế nào, nếu không là nhận phút số tiền sáu chục của nhà trai giúp mình rất đúng dịp.

Và phải trả lời cho dứt khoát về chỗ người ta đến xin cưới con gái. Cưới xong con gái rồi hãy chôn bà vợ. Việc hỷ đã rồi hãy tính đến việc hiếu. Người chết đâu đã bằng người sống - đang sống một cách lúng túng.

Cụ Trưởng trả lời về chỗ xin cưới chạy tang mà bà Thông vừa nhắc lại đến lần này là thứ ba:

- Vâng thì thôi, cụ Hàn tôi trên ấy đã định như thế là phải, chúng tôi lúc bối rối, cũng không dám nghĩ khác. Nhưng cũng nên để tôi hỏi qua lại con bé cháu xem đã.

Cô Bình khép nép bên cửa, bị những ba người lớn hỏi dồn như quan lấy khẩu cung, mặt dài ra theo với dòng nước mắt. Sự chết mất mẹ đã làm cho người cô thon đi. Trước kia cha mẹ còn song toàn, cô Bình hơi phục phịch. Cái chết của bà cụ, đã làm cho cô xinh đẹp hơn

mà cô không tự biết. Bà mới nhìn cô, cười:

- Cụ nhà định hỏi ý kiến cô. Cô nên trả lời sao cho tỏ ra mình là một người con gái đảm đang và biết đỡ đần được cha mẹ bằng lối quyền biến lúc này.

Cô Bình nhìn xuống gấu quần lấm láp, nói rất khê:

- Thưa bà, về việc con đã có cha và chú và anh chúng con định liệu. Chúng con là con gái út chỉ có phận vâng theo. Nhưng mẹ vừa nằm xuống, bỏ đấy mà đi sao đành... mẹ ơi!

Thế rồi cô sụt sịt. Tiếng khóc "ơ hờ hơ" chỉ chờ dịp để òa to. Cụ Trưởng thấy con mếu máo, sực tưởng lại phận quan phu của mình, thấy lòng nao nao. Bà mới là người nhanh nhẩu, biết rằng nếu không vội chặn ngay những khối buồn kia lại thì nát mất chuyện, bèn nói luôn:

- Cô nói chi phải. Nhưng thà cụ nhà còn hấp hối, cô sớm tối ở bên giường trông nom siêu thuốc và giặt giũ cho cụ; thế là phải đạo lắm. Bây giờ cụ nhà sớm quy tiên, trăm việc lo liệu, nhờ từ việc thấp tuần nhang, nhơn đến việc cất đặt ma chay, tôi tưởng đã có những bậc đàn ông khác trong nhà, đâu đã đến phận con gái.

Bà quay luôn sang phía ông bố:

- Thôi thì những lúc rối reng như thế này, cụ cũng nên ừ đi cho một tiếng, để trước nữa là vong hồn linh thiêng cụ bà được yên vui vì có thêm được một cái mũ rom con rể và sau nữa cho đàn trẻ chúng nó sớm thành gia thất. Vậy thì năm có một tháng, một tháng có một ngày, một ngày có một giờ, chúng tôi đã chọn được giờ lành tháng tốt, định đến trưa mai lại xin cụ chợ cô Bình về trên cụ Hàn... Và xin phép cụ chúng tôi về, để liệu công việc. Ngày giờ kíp lắm rồi.



Cái đám cưới ấy, thật quả là một đám cưới chạy tang. Nghi lễ giảm, sinh lễ giảm, tiệc tùng giảm. Nhà trai chỉ cho có hai xe hơi đến cửa nhà gái. Một xe dành cho cô dâu không có kết hoa, một xe nhà trai đến đón dâu thì phù rể vắn vắn có một người kèm với một ông chủ hôn ăn mặc xuềnh xoàng. Lá thiệp báo hỷ của cậu Bé có chua xuống phía dưới một dòng chữ con và ngả: *Lễ thành hôn sẽ cử hành hết sức thân mật*. Chưa bao giờ một câu văn xã giao được dùng theo nghĩa đen đúng nghĩa và đúng chỗ đến như thế.

Nhà gái cũng chẳng trang hoàng gì mấy vào dịp vui mừng. Sự bài trí trông rất đĩnh đoảng và càng ngấm, quan khách càng thấy rõ chỗ thiếu vẻ tận tâm. Những màu đỏ hình như tối úa có nửa cốc; chén nước trà Tàu không có một tí hương thơm nào. Bởi vì mọi người đều hiểu rằng sau cái vui chiếu lệ này, và đằng sau cái bức vách ngăn phòng khách này với nhà trong, đang có một cái buồn bằng xương bằng thịt đã thiu, đã ôi, đã tanh ngòm, chỉ muốn được chóng vùi xuống lòng đất một cái huyệt. Bao giờ cái xe hoa trắng đỗ ngoài cửa kia đã đi rồi, thì người ta sẽ cho đi nốt cái khối buồn này xuống nghĩa trang. Cái xe rước cô Bình chưa được lăn vòng bánh, người ta hãy tạm quàn cụ Trường bà lại đây và để cụ nằm hai tay buông xuôi trên chiếc giường. Đứng cách lá màn vải xô trắng buông rũ độ một thước, người không rõ cảnh tình nhà này, tưởng đâu cụ Trường bà đang ngủ một giấc rất ngon như mọi người sống khác thôi.

Lễ đón dâu thế là gần xong.

Người ta dặt chú rể và cô dâu vào lạy mẹ vợ.

- Thôi, cụ đang mệt, để cụ ngủ cho đủ giấc. Cụ miễn lễ cho chú rể.

Bất kể lời ông chú vợ đứng thị kiến đây, cậu Bé cũng cứ lạy như

thường. Cậu Bê vốn quý nhân cách thường xứng lên cái thuyết phải bỏ cái tục người sống lấy người sống ở một đám cưới. Nhưng lúc này, cậu lấy mẹ vợ thì thục bên màn, trông rất thành kính, vì cậu biết là mình chỉ đang lấy một con ma mới. Cậu bằng lòng lấy một cái vong hồn.

Cô Bình có mấy tiếng nắc khác thường, trong lúc biệt ly này nó làm cho cái thứ nước mắt của con gái về nhà chồng khỏi đến nỗi vô nghĩa lý như ở mọi đám rước dâu khác đã gây nên câu "*Khấp như thiếu nữ vu quy nhật*".

Đám cưới sục sùi rời khỏi cửa nhà gái. Một tràng pháo nổ. Nó nổ một cách gắt gao quằn quại đúng như tiếng vỡ của những quả pháo tổng hung thần lúc một đám hiếu lên đường.

Cái đám hiếu ấy, sự thực, bây giờ mới rục rịch cho tiểu liệm và đại liệm, chứ cũng chưa thành phục. Đến đêm nay người ta mới cho cử ai.

Cô Bình, vào giờ nhá nhem, phải chiều cậu Bé ép mời uống một chén rượu hợp cần. Chén rượu ấy cô chỉ uống có một nửa. Lòng cô nghĩ nên để dành nửa chén rượu hợp cần ấy để lúc khuya, về Hàng Bút, sau khi nhận quần áo và mũ mấn vải xô, cô sẽ đổ xuống một bụi cỏ sa mao đặt trước linh sàng mẹ.

Trông người bạn trăm năm đang bẻ cái đầu gà một cách rất ngon lành, cô Bình - bây giờ đã nghiêm nhiên là bà Bé - lại ngậm ngùi nghĩ đến mấy mâm cỗ ở nhà bị ế hôm vừa qua. Cỗ thi cỗ bát, cũng vây bóng, long tu, bào ngư, hầu sì, do tay cô và chị dâu cô làm rất kỹ lưỡng. Vậy mà ế, thì đã nhục chưa.

Khách mời đến ăn, họ kháo nhau rằng "cỗ có mùi của hơi lạnh, các ngài ạ".

Cậu Bé tập mãi mới bịt được mồm và cất cái tiếng "ô hô" trước linh sàng mẹ vợ được rền như một tiếng bạc thông khuôn. Có người đã ghé sát vào tai một người khác đứng bên lũ thợ kèn và khen người con rể ấy tiếng khóc có hậu lắm.

Cả nhà giai nhà gái, vui nhất có lẽ chỉ có cụ Hàn Cửa Nam. Lấy tình thông gia, lúc đi theo linh cữu bà cụ Trưởng Hàng Bút, cụ Hàn tính nhằm sự phí tổn về việc cưới xin cho cậu Bé. Ông nhìn theo cậu Bé đầu đặt một cái vành rế bằng rom có một cái dải vắt ngang, ông tự nhủ như là nói thầm riêng với con trai mình: "Tao mà không nhân cái dịp người ta nằm xuống mà xin ngay nó cho mày, thì còn chán là chờ với đợi và khối là tiền chín tiền sống. Còn thằng Hai em mày, nếu tao cũng lại chộp được dịp mà xin cưới chạy tang cho nó nữa thì, những số tiền đầu cơ để được ra ấy, mua được cái xe hơi bốn chỗ ngồi đấy các con ạ".

Cái đám cưới ấy đã đi qua. Cái đám ma ấy đã đi qua. Tiếp cái bánh dầy có dán nhãn chữ Phúc đỏ và quả nem buộc lạt nhuộm đỏ chia phần, cũng vẫn những người ấy ở cùng phố Hàng Bút với cụ Trưởng lại nhận thêm được một phần biếu nữa. Nhưng phần biếu sau, nhãn bánh dầy và lạt buộc nem đều nhuộm màu xanh.

Và nếu người ta chịu tò mò một tí sẽ tìm được ra tên cái bác làm bánh, làm nem ở Ngõ Trạm là người đã nhận một trăm bánh dầy kèm nem của cụ Hàn Cửa Nam đặt và một trăm bánh dầy nữa cũng kèm nem của cụ Trưởng Hàng Bút đặt, hai đơn hàng cách nhau có một ngày; hàng hôm trước giao cho đám hỷ thì dán đỏ, buộc đỏ; hàng hôm sau giao cho đám hiếu thì dán xanh, buộc xanh. Những điều nhỏ nhặt này, chả cần phải dặn bác làm bánh thừa. Mười năm ở Hà Nội, bán hàng, bác đã quen với những cách thức buộc, dán trong các dịp vui, dịp buồn của bạn hàng tìm đến bác lúc có dịp vui, lúc có dịp buồn.

*Trung Bắc chủ nhật, số 36 10-11-1940*

## MƯỜN CÁI VUI CỦA NGƯỜI KHÁC

**N**guyễn vừa mới đi chơi xa về. Quần áo mặc luôn ở người nhàu bầm, râu tóc bù ra bù lại. Chàng có cái diện mạo của một kẻ ở rừng bồng chốc có dịp đặt chân lên đất thành phố! Chàng mở va li, trong đó áo quần cứ guộn tròn thành từng bó cứng chắc lại vì lớp mồ hôi của cuộc viễn du vừa khô ráo. Cái bê trong của chiếc va li, sau một cuộc đi chơi, cũng mệt mỏi như cái bê ngoài của kẻ đi chơi xa về. Đây là những cái nền nếp trong trắng, tươi thơm, sáng sủa của hành trang, của tấm lòng cởi mở và đầy mơ vọng trước một ngày khởi hành?

Nguyễn vội đi nằm, tìm sự thoải mái cho thân thể và đánh dấu lại trong đầu mình, trong tâm mình một vài hình ảnh, một vài câu nói lượm lặt được ở dọc đường. Cái việc thú vị ấy, người ta thường gọi là việc soạn lại những dòng bút ký lữ hành.

Trên bàn bụi bặm, một tập thư và báo chí chồng chất thành một bó cao đã buộc, Nguyễn dựng mình trở dậy đi ra phía bàn giấy, bóc xem ngay những trang chữ viết, những trang chữ in nó dính buộc chàng với cuộc sống ở đây. Cuộc sống ấy, hơn một tuần lễ nay đã đánh xống mắt Nguyễn và vẫn đợi chàng trở lại để mách bảo cho chàng biết đến những cái gì "đã" xảy ra ở đây.

Đọc qua loa tập báo chí ghi lại một vài tình trạng vụn vặt của xã hội vẫn không có gì là mới, và những biểu diễn linh tinh của lòng

người ở đây vẫn chịu yên ổn thấp hèn với những thỏa mãn phù phiếm, Nguyễn thất vọng.

"- Thế mà mình tưởng đã có một cuộc biến cải gì lớn lao có thể đem lại một chút hăm hở cho mình".

Soạn đến tập thư, không thấy một chiếc bì thư nào có đường viền đen của giấy báo tang, Nguyễn cho ý nghĩ của mình theo ra sau một tiếng ngáp dài:

"- Trong chỗ giao tình tân lẫn cựu, từ hôm ấy đến giờ, vẫn không có một người nào chết bớt đi cho. Đã sốt ruột chưa? Nếu bây giờ vì một phép thần bí gì, trong sự sống của loài người, sẽ không có sự chết chóc, sẽ không có một người nào chết, mọi người đều cứ lù lù sống mãi ỳ ra đấy, thì không biết rồi cuộc sống của con người ta sẽ nặng nhọc đến bực nào nhi! Từ xưa tới giờ, ai ai cũng đều bạc đãi Thần Chết cả. Đã mấy người biết cảm ơn cái Chết".

Nguyễn vẫn soạn thư. Cái gì mà lại có cả một tấm bìa hồng bỏ vào trong một cái bì thư cũng màu phấn hồng thế kia hở giời! Thiếp báo hỷ! A ra có một người quen sắp thành người... đứng đắn đây. Hôn nhân. Thành gia thất. Hạnh phúc. Kiến thiết. Hoài bão. Nguyễn mỉm cười, để tất cả hoài nghi vào một tiếng cười.

Nhưng mà ai lấy vợ thế này? Nguyễn nhìn kỹ cuối lá thiếp. Ồ, ra anh bạn Song Dục. Cái người bạn lành như hạt gạo trần mẽ và hiền đến nỗi chưa từng ngút đầu một con nhặng xanh, ừ, người bạn ấy sắp lấy vợ, nghĩa là sắp làm lại cuộc đời, nghĩa là sắp thành một cái bản ngã khác, - càng nghĩ đến, Nguyễn càng không muốn nghĩ nữa. Thôi thì cũng cứ cho là vui đi. Và Nguyễn đang đem tất cả thông minh của mình ra để cố tìm trong đầu lấy một cái đồ vật gì hay hay, có ý nghĩ để mừng người bạn. Và chẳng ngày cưới cũng cận kíp lắm rồi. Ừ, ngày mai ngày mốt gì đấy là ở dưới nhà bạn sẽ cho nổ những cối pháo toàn hồng xác rụng xuống xô bồ như một rừng đào lúc gió ngàn hạ hết cánh hoa khai xuống thảm cỏ lau.

- **K**ìa, anh Song Dục. Tôi đang định thân hành đưa cái gói kia xuống mừng anh... Lấy vợ! Vui nhĩ! Anh ngồi xuống đây. Sao trông anh xanh thê? Trung một cái mặt thiếu máu vào giữa một ngày trọng đại, giữa một ngày vui nhất trong đời mình, hồng lăm đó.

Song Dục cười, và nói luôn cho Nguyễn biết rằng mình đã cắt chàng đi phù rể hộ đấy.

Nguyễn tưởng bạn mình muốn đùa:

- Anh bảo tôi đi phù rể? Có lẽ anh cũng thừa hiểu tôi đã là bố sáu đứa con vừa trai lẫn gái. Còn son trẻ gì nữa mà đi phù rể.

- Cái đó không hề gì. Trong bốn bạn phù rể tôi chọn, thì đã ba bạn là bố trẻ con. Tôi có cái ý chường chường như thế, anh chiều tôi vậy.

- Thế nhưng mà rồi ăn mặc ra làm sao?

- Áo gấm. Tôi đã mượn đủ áo gấm cho các anh đến một chục bộ, rộng hẹp dài ngắn đủ cả, các anh thử cái nào vừa thì mặc.

Thế là Nguyễn phải đi phù rể, không còn chối cãi vào đâu được nữa. Chàng nằm khăn chờ đợi cái không khí náo nhiệt một buổi ăn cỗ bát, dọn đường trước cho một ngày tốt lành đi rước dâu, chàng sẽ xúng xính mặc một cái áo gấm, chui vào một chiếc xe hơi hòm kính.

Nguyễn dí mặt vào tấm gương, tin rằng hôm ấy mình sẽ buồn cười lăm.

Mà quả như điều Nguyễn dự đoán, buổi sớm hôm ấy chàng ngắm mình trong gương nhà anh bạn Song Dục, thấy mình là đáng buồn cười thật. Nguyễn đang sống một ngày mới với một tâm hồn mới quá. Cả mấy người bạn chàng cũng vậy. Cái khăn mượn, cái áo

gắm mượn, đến cả cái áo trắng dài cũng mượn trông cả bọn như một đám lễ sinh. Trương, Đỗ, Đức và Nguyễn, cả bốn "anh" phù rể ghé đầu khít vào nhau như là lúc đi chung một tấm ảnh bán thân, ngắm lẫn mặt nhau trong tấm gương mới của một người vừa đưa mừng nhà đám, cùng nghiêng nghe và cùng cười rộ. Trông hay đáo để. Đức có vẻ một ông Ấm cuối mùa. Đỗ trông như một viên Tri huyện hậu tuyến. Trương có cái phong thái một ông Lãnh binh lúc phải cất bộ giáp trụ để khoác một tấm áo thường phục của quan văn. Đến lượt anh em phẩm bình cái đầu Nguyễn nghiêng ngả trong gương thì ai nấy đều bảo nhau là "trông hấn như một tên để lại già". Còn Song Dục thì ái dà! Thật là một ông tân lang, mày râu nhẵn nhụi, áo quần phẳng phiu. Khi mà người ta sung sướng, thật cũng khó mà giấu diếm không cho lòng mình đừng tiết lộ ra ngoài bằng quần áo được. Mỗi người lại còn vẩy cho nhau vài giọt nước hoa *Cái điều mà người đàn bà muốn* và xóc lại cho nhau một cái cổ áo đỏ.

Chưa bao giờ Nguyễn đi phù rể, chàng thấy mình say sưa với cái vui của bạn lồng vào trong một cái tâm trạng rất mới của mình.

Nhưng mà dưới kia nhà đám đã bóp còi inh ỏi giục cả bọn mau xuống mà đi đi thôi. - "Dạ xin các ngài lên đường cho, được giờ lắm rồi". Cái ông chủ hôn - cả một thân áo trước xệ xuống vì đám huy chương bằng bạc, bằng vàng, bằng đồng, bằng chi - hí hửng nói thế.

Ừ thì đi. Nguyễn khom khom chui vào cái xe hòm kính. Thế rồi cái đoàn xe ấy - cái nào cũng rộng rãi - vù vù qua cầu Bồ Đề. Trời phẫn phẫn mưa. Nguyễn hút si gà, hút thuốc Ăng Lê, hút thuốc Hoa Kỳ, đến thuốc Ai Cập, rồi đến thuốc có hương vị Thổ Nhĩ Kỳ. Dịp cầu thì dài và gọi cảm một cách cầu kỳ, trời thì cao rộng và lòng sông thì... thì nước xoáy những vòng tròn rất đẹp mắt. Lòng Nguyễn vui nhộn như người ta đang rước đèn hội Tây ngay trong bụng mình. Chàng cảm thấy được sống là một cái vinh dự hơn là một cái lụy. Chàng không ngờ mình lại hoan lạc được đến nhường này. Hoan lạc

một cách thành thực vị kỷ chứ không phải là vì cách thù thế của trường hợp này.

Anh bạn Song Dục thấy Nguyễn vui trong tấm áo gấm nên huyền như một bà già được một bát canh, nở những nụ cười cảm ơn thâm; từ hôm trước, anh chỉ sợ lo Nguyễn chiêu đãi vì phải dựa vào cái đám rước này mà có lẽ chỉ có vai chính là mới thấy đẹp mắt đẹp lòng thôi.

Theo sau một cái xe hoa trắng, thu gọn mình trong một tấm áo hàng tơ dệt hoa ngũ sắc, Nguyễn không chờ đợi đến sự phục hưng đột ngột này của một tấm lòng hồ đã héo cạn. Một buổi sớm ấy, đi phò tá một người bạn đang tìm hạnh phúc ở người đàn bà, trên con đường nhựa Hải Phòng nhẵn lì, Nguyễn ngờ ngợ hình như chính mình cũng vừa thoáng chớp được cái bóng của Hạnh Phúc. Một tí Hạnh Phúc xối thì. Một giây lát Hạnh Phúc trong hiện tại. Khi mà người ta cảm thấy mình được vui một cách không cần xếp đặt! Nguyễn có cần gì nhiều. Chàng muốn nói to một câu hoặc giơ tay giơ chân lên để tỏ thêm rằng mình đang lấy làm bằng lòng cái buổi sớm đẹp tươi này. Lúc này, Nguyễn lại thấy cần tha thứ cho một người nào nếu không thể tha thứ cho tất cả xung quanh.

Đến phủ Mỹ Hào, đoàn xe dừng lại trước cổng làng cô dâu. Nguyễn ngà ngà say vì không khí béo ngậy một buổi mai mát đặc đang tràn ngập hai bùng phổi, vì tốc lực trong hơn nửa giờ đồng hồ, vì khói các thứ thuốc lá thấm tẩm bộ lòng thanh tâm. Chàng ngây ngất, loạng quạng bước xuống xe, nhìn lữ tre già ẩm bụi phủ lấy cổng gạch làng, rũ vạt áo gấm nhàu, tương đầu như mình là một kẻ nào hiển đạt được về thăm lại quê hương một ngày xuân tiết, sau những năm lang bạt kỳ hồ. Nguyễn lấy bộ điệu, đứng cho các bạn chụp tấm ảnh kỷ niệm ngay chỗ cổng làng, bên lề đường cái quan. Những lúc này chàng khó mà giữ cho tự nhiên được.

Một tràng pháo nổ, khói mù mù. Nhà trai vào đến ngõ. Một



tràng pháo nữa lại làm lũ chim bồ câu trắng lồm lộp bay vung lên khoảng gò xanh. Cô dâu lên đường về nhà bạn Nguyễn.

Con đường về, ồ, sao mà chóng thế. Đã đến cửa nhà Song Dục rồi. Vừa đúng Ngọ. Cái ngày vui đã đến đoạn giữa, đã hết một nửa. Một quả ăn đã đến lúc chín và quá một tí nữa, chỉ quá một lúc nữa thôi, nó sẽ mồm, sẽ nẫu! Nguyễn hơi nao nao vì cảm thấy một ngày đẹp sắp tàn.

Nguyễn muốn người ta đốt pháo nữa cho nhiều lên, để khỏi cứ đùn lên mãi mãi làm cho những người ngồi đây nhìn chẳng được nhau, tuy là gần nhau trong tác gang.

Cô dâu và chú rể đi lễ các bàn thờ. Bốn ông bạn phù rể và bốn cô phù dâu đi dài ra như là giai nhân tài tử của một ngày chơi hội xuân. Giá cuộc sống của Nguyễn cứ ngày nào cũng là một ngày đi phù rể?

Cả một cái phố xóm ngoại ô nhìn cái đám cưới dài có đuôi ấy mà cười một cách thân thiện. Cái cười của hàng xóm, lúc này, giấu đâu cho hết độ lượng bao dung!

Giữa đường, Nguyễn bắt gặp một người bạn đứng trên tàu điện đi ngược lên phố. Người ấy cười nháy và nói lóng bằng mắt. Hôm nọ Nguyễn và người ấy đều có chung dự một đám cưới và một đám ma luôn trong một ngày. - "*Buổi sớm cùng đi chấp phát theo một cái xe tang người tội nghiệp; buổi chiều cùng đi nâng cốc để mừng một người sung sướng; anh và tôi có thể mãi mãi làm thứ người của hiểu hi thiên hạ không?*" Nguyễn vừa nhìn cái gấu quần xa tanh trắng phủ kín hớ gót chân tròn một cô phù dâu đỏ như son đi trước, vừa nhớ đến câu nói khó chịu của người bạn vừa gặp kia.

Thế rồi là bây giờ mọi người đều ngồi vào bàn tiệc. Rượu vào, Nguyễn trở nên bạo dạn. Chàng đã dám nhìn thẳng vào mặt vợ bạn. Vợ bạn không có tính bẽn lẽn. Bất giác, Nguyễn nhớ đến một câu thơ cổ: *Khấp như thiếu nữ vu quy nhật...* Vốn có tính lắm cẩm hay

lo nghĩ trước cho đoạn-chốt của mọi việc, Nguyễn vẫn vợ ngồi tưởng đến một ngày rất gần cái ngày nhậm nhíp này, có những người thiếu phụ chỉ còn đẹp được bằng cái đẹp của Đức hạnh thôi. Và khói lửa củi trong bếp cùng với tiếng khóc bú của một hòn máu lọt lòng sẽ giục người ta chóng già hơn là một người đàn ông giang hồ khi phải nghe mãi, hàng mười lăm năm một, cái tiếng gà gáy pha trộn với tiếng móng ngựa dồn trong hơi sương dậm khách.

Bàn tiệc đã tỏ vẻ mỗi mệ.

Nguyễn cảm thấy mình sắp là người thừa ở chốn này, bèn xin lui về. Sang gác nhà bên cạnh thay áo, trả lại chiếc áo gấm hoa vàng dát bạc cho nhà đám, Nguyễn lại sắp trở lại với những cái bình lặng quen thuộc mọi ngày của chàng. Hơi men ngà ngà và dư vị ngày vui làm cho Nguyễn đang tưởng đến bây giờ là bao giờ. Dẫu sao cái ngày vui kế ấy cũng là một giấc mơ bằng vàng diệp. Nguyễn đã đi gần cái sung sướng của chung quanh!

Chiều già đám, Nguyễn và ba người bạn phù rể rã rời đều gối lên đồng áo gấm mà bàng hoàng. Mặt đất trước nhà Song Dục, gió chiều lật ngửa những cánh pháo tươi thắm.

*Trung Bắc chủ nhật, số 37*  
(17-11-1940)

## MỘT NGƯỜI TỈNH RƯỢU ĐỐT CHÁY RỪNG TRÚC

*Bản chụp thiên truyện "Một người tỉnh rượu đốt cháy rừng trúc" bị khuyết mất đoạn mở đầu. Đoạn này có thể tóm tắt như sau:*

*Nguyễn ở nhà ông Chánh Năm, một thổ ty người Mường đã ba bốn ngày. Hôm nay, ngồi bên ông Chánh Năm, từ khung cửa nhà sàn, Nguyễn nhìn ra cảnh núi rừng đẹp tuyệt vời, tiếc không phải là họa sĩ để ghi lại những cảm giác của mình bằng nét và màu.*

... **C**ảnh núi âm u bỗng có tiếng sủng nổ vang dội từ khoảng xa kìn nào về. Ông Chánh Năm bình thân bảo Nguyễn:

- Nè, quan nè, chiều nay thế nào nhà ta cũng có thịt nai hoặc thịt lợn rừng uống rượu. Cái lộc của quan tốt lắm. Đây chắc là dân tôi đi săn trong rừng, sủng dân tôi mà nổ thì sao cũng phải trúng một con gì. Nhờ cái lộc của quan, nhà tôi hôm nay sao sao cũng có sơn hào hươu đem mang biếu. Dân vùng này, bất cứ là ai bắn săn được một cái gì, không kể là xa gần, họ đều phải có mang vào đây trình biếu ít ra là một quây.

Quả như lời ông Chánh Năm, chiều ấy có hai người Mường đưa vào một quây nai, thịt còn tươi thơm ngào ngạt. Ông Chánh Năm

truyền cho người nhà làm rượu và cho đi mời một ông ký dây thép, một ông ký nhà thương và một ông giáo đến uống rượu. Cứ lời ông Chánh thì nội vùng đây, những người Kinh mà gọi là chơi được thì chỉ có ba ông này. "Các ông ấy được cái tâm điền cũng khá, còn những người khác thì xảo trá lắm; động đi lại với chúng tôi là chỉ muốn lừa lọc chúng tôi". Sự thực, ông Chánh mời mấy vị công chức ấy đến chơi là muốn làm vui chỗ Nguyễn, cho trong nhà được nhộn nhịp thêm một ít cười nói của họ và cho Nguyễn đỡ buồn. Ông Chánh ngờ rằng một người đã sống quen với Hà Nội như Nguyễn, một khi phải lên xứ Mường điu hiu này, không có nước đá, không có xe cao su, không có nhà hát cùng rạp chớp bóng, làm sao mà không khỏi buồn được.

Sau bữa cơm tối, uống rượu với thịt nai bày la liệt trên mâm đồng lót lá chuối thì ông Chánh cho lệnh bày tiệc rượu cần. Theo phép xã giao trên vùng Mường, khi mà chủ nhân quý trọng khách phương xa tới chơi, lúc bày đến rượu cần, thường hay gọi cả vợ và con gái ra để bồi tịch.

Trên cái sàn nền bằng nửa đập rập, giữa bốn cái chiếu hoa can lại, là một vò rượu cắm tua tua những cần trúc. Nàng Hai và nàng Ba xiêm áo tề chỉnh, ngồi quý bên vò rượu, làm nổi bật hẳn tiệc rượu lên. Cây đèn đất tức tối với sắc đẹp của hai Nàng, nước ông ọc chảy xuống đèn dưới, hơi đất phun mạnh, ngọn đèn nấp và bốc sáng hẳn lên gấp đôi ba ban này.

Nguyễn đã say vì tiệc rượu mặn vừa rồi, lòng đã lão đảo, bây giờ ngồi vào tiệc rượu cần nữa, chàng thấy mệt, muốn xin lui, lại sợ chủ nhân mịch lòng. Nhưng có lẽ chàng phải ngồi vào chiếu rượu cần là vì có nàng Hai và nàng Ba. Đây, lúc chuếnh choáng, ngấm mỹ nhân dưới hoa đèn, sao trông quái ảo đến thế. Nhìn hai nàng, Nguyễn dần dần nhận thấy cái cảm dỗ của Rừng Xanh. Hai nàng gọi chàng là "cái quan" và lúc Nguyễn uống thua rượu cần

họ phạt chàng và đem cởi áo chàng ra mà đổ nước lã, mà quạt như quạt bánh trắng, theo một ước lệ riêng của Rượu cần. Nàng Hai cười ngật nghẻo. Nàng Ba cười sảng sặc. Nguyễn cũng muốn cười cho khéo như hai người con gái Mường. Ba người lẫn ra như mỡ, cùng cười như là đều bị ai đè ngựa mình ra mà cù ký. Trông dâm loạn quá... Hơi rượu thấm dần, tiếng cười nhạt dần, cái ngọn đèn đất độc nhất vô nhị kia tự nhiên hóa thành hai ngọn, ba ngọn rồi cứ thế mà nhân tăng mãi lên. Rồi ánh đèn nhòe, rồi những đường viền khuôn mặt và thân thể nàng Hai và nàng Ba cũng nhòe luôn. Nguyễn lim dim mắt, lầy đục vọng và thèm muốn ra mà dặt hai hình ảnh lẳng lơ hai cô nàng đưa vào trong một cái tầng sâu nhất trong lòng mình. Thế rồi Nguyễn thêm thiếp trên chiếc ghé bông gạo ban nãy chàng quỳ lên để nhận cần rượu uốn cầu vòng trước cái mặt chín dừ của mình.

Lúc Nguyễn tỉnh rượu, nhìn ra khung cửa sổ nhà sàn, thấy hai cái sừng trắng hạ huyền đã cài vào một đám lá một chòm rừng phía tây rất gần tầm mắt. Trông trên chòi châu lỵ, điểm bốn tiếng đùng đục, Nguyễn thấy hơi lạnh chỗ bụng dưới và phía ngực trên thì nóng vô cùng. Cuộc rượu ban tối để lại cho lòng người say tỉnh con vào lúc sáng những dư vị băng khuâng, hồi tiếc và u hoài. Bóng dáng lá loi ban tối của nàng Hai nàng Ba và hơi lạnh rừng đêm bí mật lúc này cho Nguyễn cái cảm giác nửa rờn rợn nửa tê mê của một người đã nhát mà lại hay đọc chuyện *Liêu Trai* ở gác trọ vắng, những đêm mưa dầm gió bắc.

Sáng hôm sau, đưa đầy tớ hầu ngựa nhà ông Chánh Năm tìm tìm gãi tai thưa cùng Nguyễn:

- Dạ đêm qua quan say rượu quá. Nàng Hai sợ quan ngộ lạnh, có ra nằm bên cạnh quan để ủ cho quan đỡ giấc. Nhưng quan đập mạnh quá, cô phải bỏ vào trong nhà.

Nguyễn trở mắt nhìn đũa ở ngay ngô kia đang hầu đóm và hầu

chuyện mình. Chàng cũng chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi ở Mường, có một người con gái con nhà lang đạo được lệnh cha mẹ ra năm ừ cho khách một đêm. Tục lệ ở đây vốn thế. Nhưng nghĩ đến cái đêm qua đẹp như mộng, chàng lại vẫn thấy khoan khoái trong người.

Chàng bảo đưa dây tơ trắng ngựa đưa cho mình một cây nõ và đi vào cánh rừng gần đây, dặn lại người nhà: "Lúc nào ông Chánh dậy thì nói tôi không ăn cơm trưa".

Cánh rừng Bù ở cạnh con sông Luông là một nơi có nhiều trúc xe điếu. Cạnh rừng có con suối Ngả Hai, thỉnh thoảng nước dòng trên lại gửi về một chiếc lá thắm. Những hòn đá giả ở đây, hòn nào cũng tròn và to như một cái sọ người. Vào rừng trúc, sớm nay Nguyễn rắp tâm phải chơi lửa một hôm cho thực thỏa thích trước khi trở về Hà Nội. Chàng đánh diêm châm vào cỏ gianh, cỏ bùng cháy và ngọn lửa dần dà liếm vào cánh rừng trúc. Trúc nổ lách tách rồi nổ đùng đùng. Một lúc nữa các mắt trúc đều liên tiếp mà nổ, đều như là tràng pháo chập ba chập tư. Thỉnh thoảng lại có một tiếng nổ đoàng rất to như tiếng ống lệnh. Ấy là một cây vầu bị vạ cháy lây với rừng trúc bị đánh hỏa công.

Lửa và khói ngùn ngụt, Nguyễn thấy nóng ran cả người. Chàng cởi hết quần áo, lội xuống suối ngàn, ngâm mình chìm lìm xuống khe, chỉ ngóc có một cái đầu lên để phì phò thở khói tẩu thuốc thiếu. Nguyễn nhìn rừng lửa bùng bùng reo, tự cho mình là con người văn minh, lúc muốn được gần tạo vật và trở lại với mọi rợ, với hoang phá, không một manh áo nào phủ thân, không một thành kiến gì sẵn trong đầu. Bên cạnh lửa, trong suối nước, Nguyễn thấy sung sướng, không muốn nghĩ đến ngày trở về. Trở về thành thị là lại tù túng, là lại giả dối và che đậy.

... Ông Chánh Năm giản dị lắm và nàng Hai nàng Ba đẹp lắm. Rượu thì ngon, rừng trúc thì nhiều và người thì ngon lành.

Nguyễn còn hơi choáng váng vì rượu đêm qua, ngón những trái ổi rừng, sim chín và ngâm mãi mình ở dưới suối, muốn thời gian đứng im như thế trên cái cảnh nước lửa và một thằng người lỏa lồ được làm sơn nhân trong một buổi đi nghỉ nắng xa khỏi Kinh thành.

*Trung Bắc chủ nhật, số 67*  
(22-6-1941)

## XÁC NGỌC LAM

**L**àng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời nhà họ Chu đầu suýt nữa đã có lần ra làm quan. Thời ấy, nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trọng các môn ấy; về các phường làm giấy bán giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng vào đầu sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương đã cho giấy là có mật thiết với văn chương khoa bảng của một nước sùng thượng kẻ sĩ nên liệt họ Chu lên đầu sổ. Chẳng rõ như thế có phải không, nhưng cứ cái chất giấy dó của nhà họ Chu đem ra xét thì đến giấy trúc của Tàu cũng xê ra lui chứ đừng nói là giấy dó của bất cứ lò nào xứ ta nữa.

Nhà họ Chu vốn không làm giấy moi bao giờ. Chỉ làm toàn giấy lụa và giấy lệnh hội để viết bằng, viết sắc. Và vào khoảng đầu những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu có khoa thi, thì nhà ấy mới làm đến thứ giấy để học trò đóng quyển gọi là giấy thi. Giấy của họ Chu chế ra bao giờ soi lên cũng có hai chữ Chu Hồ, in lồi thủy ấn. Hai chữ thương tiêu viết theo lối triện cổ đời Tần nhắc cho người dùng giấy biết rằng đây là giấy của họ Chu làng Hồ Khẩu. Trông đến tờ giấy dó của nhà này là ai cũng biết ngay, chẳng cần soi lên mà tìm dấu thương tiêu thủy ấn nữa. Cái đám đàn bà con gái buôn tạp hóa họ đã đó nhau là xếp ra trước mặt rất nhiều loại giấy của rất nhiều nhà làm giấy bán ra rồi người bị đổ sẽ nhắm mắt lại, chỉ được lấy tay sờ mà phải gọi



được tên giấy của lò nhà nào ra, chẳng bao giờ các bà các cô ấy gọi sai các loại giấy của nhà họ Chu cả. Thì ra gồng gánh ăn phở ăn hàng mãi khắp kẻ chợ thôn quê họ đã hiểu hết những đức tính của loại giấy nhà họ Chu. Nó nhẫn nại mà không cứng mình mà chất lại dai và lấm tở khổ rộng mình dày thể mà bắc đồng cân lên thì nặng chỉ đến như cái lông hồng. Mặt giấy xốp, nghiêng giấy ra sáng mà nhìn chất cát đó thì nó như làn da má trinh nữ phẳng đượm chất tuyền của lớp lông măng. Vuốt vào mặt giấy, người ta có cái cảm tưởng được sống là một điều dễ chịu; mùa nực, rờ vào giấy thấy mát cả lòng bàn tay và về tiết đông áp tay vào giấy nhà họ Chu, thấy nó âm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi, tờ giấy đượm hơi thơm của một thứ thảo mộc còn tươi sống. Thật là một vật quý trên thế gian. Tờ giấy dó từ lò nhà họ Chu đưa ra thị trường, ai nhìn thấy cũng đều lấy làm sung sướng. Nó đẹp đến nỗi mọi người yên trí rằng dầu đưa thất phu có cầm bút vẽ bậy vào đấy thì những nét lếu láo ấy cũng vẫn cứ thành được hình chữ. Nhưng hồi ấy người ta còn trọng Nho phong và chúng nhân đều là người trí sĩ cả, nên tờ giấy nhà họ Chu còn được may hơn là phận những vách đá giờ mình ra cho người đốt thích thơ vào. Người có chữ nhưng mà văn xoàng và viết xấu thì đều không nhẫn tâm dè giấy họ Chu ra mà viết. Người đốt thì biết kiêng sợ và chỉ trông thấy giấy có thủy ấn Chu Hồ là đã chạy ra rồi. Thành ra kẻ sĩ ở vào cái thời ấy thấy ai dùng đến giấy Chu Hồ là họ tìm đến, vì chẳng được văn đại khoa thì âu chữ cũng phải có nét bút thiếp. Mà sự dùng giấy dó nhà họ Chu Hồ đã thành một lối biểu dương của riêng một phái quý tộc trong làng văn mực.

Cái lần ấy được triệu vô Kinh và được hầu lạy quan Thượng Thư Bộ Lễ để tỏ bày những đức tính của giấy dó lò nhà, ông cụ họ Chu đã làm cho bực lão thần và tất cả thuộc nha một bộ phải kinh ngạc và trầm trồ. Ông cụ đã bày các thứ giấy các loại ra án thư và bắt những con gián, con nhậy con dòi đuôi thả vào đám giấy ấy. Thì lạ quá, cả một lũ côn trùng kẻ thù truyền kiếp của sách và giấy đều

chạy lảng xa rất nhanh khỏi chỗ giấy và lẩn trốn đi đâu hết cả. Bộ Lễ bèn làm sơ đệ dâng lên chỗ chín bệ và nhà vua bèn xuống chỉ cho ông già họ Chu sung vào một chân trong Cẩn tín Viện để ở luôn nơi thành vàng sớm tối chế giấy cung cho cả một hoàng tộc và cả một triều đình. Bộ Công đã có chỉ phải xây hai lò giấy dó bên sông Hương và ông già họ Chu sẽ là vị quan trọng dụng lần thứ nhất để coi mấy lò giấy mới mở đó. Nhưng ông già họ Chu lấy làm sợ hãi mà tâu lên rằng hiện trong mình đang mang cái tang mẹ và xin được lộn về Bắc, cứ ở nơi Tây Hồ nguyên quán mà chế giấy Ngự chỉ và thường niên đệ vào Kinh do quan địa phương săn sóc việc đưa đi theo những kì hạn nhất định. Triều đình thấy ông già họ Chu cũng thuộc về một trường hợp đình gián<sup>(1)</sup> nên cũng ưng, và không nghị tội.

Vậy từ ấy giấy Chu Hồ tiếng lại càng bay rộng xa. Thường niên, gặp kì Vạn thọ hoặc khánh đản Triều đình vẫn nhớ đến công người làm giấy, ban ra cho nhà họ Chu hết Tướng lục này đến Tướng lục nọ và ân tứ cho vô khối là vàng lụa. Đòi một người thôn dã lái buôn mà được đặc sủng đến đường ấy, thực cũng là một sự đáng ghi lại nơi ngoại sử của một thời trong một nước chỉ biết quý yêu có kẻ sĩ. Và cống lò giấy nhà họ Chu làng Hồ có nhiều ngày lại vui nhộn quá cửa hầu quyền. Lối xe vệt móng trước nhà người thường nhân, hãn hũu lắm mới chịu ăn rêu đậu cô. Những bực cao sang tài tuấn của một thành đô vẫn thường lấy chỗ nhà ông già Chu làm nơi hẹn hò với hạnh phúc. Được cái nhà họ Chu có cái đức làm người bình dị rất vững, nên vẫn cứ cố giữ mực thường, không vì thế mà thành kiêu lộng và lại càng vui với cần lao và nghề nhà ngày một càng tinh xảo. Vào nhà ấy, người ta không thấy có gì là lộ ra cái lối phú quý chơi trò. Giá vào kẻ khác thì ít ra ở đây cũng đã điểm những vệt vàng

---

(1) Ngày xưa người đương làm quan mà vướng phải việc đại tang, thường phải cáo đình gián, xin lui nghỉ cho hết tang ma rồi mới lại xin ra sau để triều đình bổ dụng. Ai ẩn nặc bị tội nặng.

lớp sơn - và cũng chính đáng lắm chứ sao. Nhưng không, ở đây vẫn chỉ có cái tàu dó gỗ xù xì, tảng đá ép giấy nhẵn lạng và hòn đá nghề giấy rất khiêm tốn nằm giữa nền đất trụi. Từ đời ấy đến đời khác vẫn chỉ có bấy nhiêu. Rất cổ điển, cổ kính và đơn bạc. Cái gì mà cả dòng nhà ấy biết quý yêu thì vẫn lại là cái tờ giấy của mình chế ra, cho người có chữ dùng.

Cho đến bây giờ.

Cái tảng đá xanh xanh màu núi mùa thu và vuông mỗi chiều hai thước ta, dùng để nghề tờ giấy cho nhẵn mặt, vẫn chỉ là một vật rất thành thuộc ở với họ nhà Chu đã đến sáu bảy đời. Nó cam lạng mà phụng sự như không biết là có mình nữa. Và người ta quý nó như là nương nhẹ một người lão bộc, ít khi người nhà họ Chu nữ nặng tay gieo đầu chày xuống miếng đá của tổ phụ lưu lại, nhưng khi nghề mặt dó giấy. Mà người ngoài cũng làm nghề này thì cũng chỉ thấy viên đá là một viên đá, đánh cho nó cái giá của một viên đá thôi. Cả đến nhà họ Chu cũng nghĩ vậy.

Nhưng... hòn đá ấy vốn có một đời sống thuộc về tâm hồn. Cũng hơi lạ.

Rừng Hoàn Bồ có một nương dó. Rộng sâu lắm. Cũng gần thành một cánh rừng riêng. Gió thung lũng thổi vào nương dó, mỗi đợt muốn đi gấp qua hết lòng nương thì cũng phải tàn mất nửa điều thuốc quẩn. Trong cái chỗ cùng tịt của nương dó, có một cây dó không rõ mọc từ đời nào mà cao vút, cành lá át cả những cây thiên niên tụng gần đây. Loài dó vốn là một loài cây trung bình thường chỉ cao hơn đầu người, mấy khi đã có được chút bóng dài. Vậy mà cây dó cổ thụ này mình to như mình lim mỗi lúc mặt trời chỉ lệch quá ngọ độ phần nén nhang là bóng nó đã rợp cả một khoảng lòng suối xa kia để làm vui cho một đàn cá buong ngư. Người trung châu mình thường hay khiếp lánh những cái gì lớn quá, không dám nhận những cái cao to là hẳn vật riêng của thế giới mình, bèn gọi luôn cây đại

thụ ấy là Góc Dó Thần, phải nhắc đến thì chỉ dám nói thầm và mỗi lần gặp mùa bóc Dó, họ đều lãng xa khỏi gốc Dó thần. Đờn ấy và đờn khác, góc nương dó có Góc cây thần, chẳng mấy mà đã thành hoang vu và trở nên bí mật như một rừng cấm, gió ngàn có lách qua được kể cũng còn là mật. Chỉ có bọn thổ dân sơn cước muốn mở một lối đi tắt là còn dám lần vào đó chứ đến bọn người kinh đi bóc dó thuê là đều lùì cả.

Nhiều buổi rừng dó lặng gió quang mây, từ góc rừng cấm nổi lên tiếng hát, giọng không ra Bắc không ra Nam mà hơi hát thì toàn bắt chệnh đi cả; lúc xa lúc gần, cái thứ tiếng nói không ai hiểu là tiếng gì đó đi khắp cả nương dó. Tiếng nói, đôi khi lại có chen vào ít tiếng trúc. Bọn người kinh đi lên rừng Hoành Bồ bóc dó, nghe thấy tiếng hát giữa một nơi mênh mông đìu hiu, giá đùng có những cái lối khiếp đảm tầm thường - thấy bất cứ cái gì không quen thuộc như là cơm áo và tiền y như đã sợ - thì vào những ngày gió tạnh mây quang nơi nương dó ấy, là họ đã có dịp gần nghệ thuật và tai nghe được cái tiếng thuần túy của nghệ thuật rồi đấy. Họ nghe tiếng hát lần lần vắng lên thì cái lòng kinh hãi nơi lòng họ cũng tăng lên dần dần. Thậm chí có người ngất đi và cầm khẩu, phải đốt đến hàng đồng lá khô mới tỉnh lại. Mới hay tiếng hát u hiều và tiếng trúc tuyệt vời có khi lại cũng làm tội cả đến những kẻ đi làm thuê ăn công nhật. Rồi có bao nhiêu người Kinh đi bóc dó thuê kia lấm lét bỏ cả việc, quây quần lại sát thít vào nhau bên đồng lửa cho đỡ sợ. Tiếng hát tắt đã lâu lắm, bọn họ mới lò dò ra làm nốt buổi. Những người thổ dân cùng đi bóc dó chung với họ, lấy thế làm cười và bảo họ:

- Không việc gì phải thất đảm như thế. Cô Dó hát đấy. Cô Dó không làm hại ai bao giờ.

- Các bác bảo cô Dó hát? Ai là cô Dó?

Đám thổ dân sơn cước vui vẻ chỉ đúng cái cây gốc Dó thần ở phía xa:

- Cô Dó ấy đấy. Cô ở cái cây ấy. Cô là hồn sống của cây ấy. Chúng tôi vẫn thấy luôn. Hôm nào đi làm về, gặp cô thì y như về đến nhà, ở mãi trên kia - bọn tôi cũng đều vui và quên mệt. Cô lúc nào cũng mặc một cái áo màu chàm.

Họ còn nói cho bọn thợ Kinh nghe rằng cứ năm nào cô Dó hát trong nương thì giấy dưới vùng xuôi làm ra rất nhiều. "Chắc dưới vùng xuôi có khoa thi khoa thiếc gì, nên năm nay cô Dó lại hát." Bọn thợ Kinh tính ra thì năm họ đang bóc dó vụ chiêm đây là một năm Mão. Và nghe đám người núi nói chuyện giọng thành thực, nên bọn thợ kinh cũng đỡ sợ, và từ đấy một vài người lại còn sinh ra tò mò nữa. Họ rình cô Dó ra hát. Bọn thổ dân nói đúng đấy. Cô mặc áo xanh màu lam và cứ đi đến gốc Dó Thần thì vụt mất. Nhiều lần thấy thái độ bọn thợ Kinh suông sã lộ liễu quá, cô Dó giận dỗi mất hàng mấy hôm. Bây giờ thấy nương vắng tiếng cô Dó, bọn thợ Kinh phân đông mới thấy nhớ và thấy hình như ngày làm của họ thiếu mất một cái gì. Nhưng sau đấy ít ngày rừng dó lại vang tiếng sáo tiếng hát, bởi vì vui hát là bản tính của cô Dó và cô vốn không phải là một sinh vật trong nhân loại nên lòng tha thứ ở người cô rất quảng đại.

Chuyện này đồn về đến vùng xuôi.

Có cậu Năm nhà họ Chu ở ven hồ Lãng Bạc nghe chuyện lấy làm mê lắm. Vụ bóc dó mùa năm sau cậu Năm bèn dặn dò lại công việc làm ăn cho người nhà trông đỡ lấy lò giấy làng Hồ Khẩu rồi theo luôn bọn thợ bóc dó lên rừng Hoành Bồ. Cậu tìm vào nương dó đánh tranh làm nẹp nhà bên suối, ngày ngày ăn cơm lam chấm với tro gianh tằm nứa đốt ra làm muối. Cậu Năm nhất định chờ cô Dó. Đôi khi cậu Năm có bắt chợt được tiếng hát tiếng trúc, nhưng đến bóng người áo chàm thì từ ngay vào nương, thật cậu chưa được thoáng thấy một lần nào. Thì ra, cái giống tình xưa nay vẫn là thế; lúc không thì chẳng sao, mà khi một bên đã hơi hiểu đến tình ý thì y như là e lệ thận lánh rồi là bày ra cái trò bắt diết đi trốn đi tìm. Biết có người trai đẹp

dưới Kinh tìm lên đến chỗ cổ cây muôn năm xanh tươi để chí tình cầu đến cái thanh sắc của mình, cô Dó trở nên mất hết tự nhiên rồi lãng hết lối mọi ngày tung tăng trong nường. Và giờ, có cao hứng lắm thì cô Dó chỉ ngồi trong Góc dó thần mà hát cho đủ thành điệu thổi. Thế mà cậu Năm đã chờ bên gốc cổ thụ từ hôm nào không rõ. Cậu Năm vốn là người có chữ nên cậu ngờ rằng điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xóc vác của thơ cổ phong năm chữ ngâm bằng một giọng bi tráng khê nồng của người khách hiệp gặp đường cùng. Đến một đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa trời nổi gió. Có ròn rợn chăng thì là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lơ âm ế ối a như lối Ma Hời đưa võng ru con. Dứt câu hát, lại có tiếng cười gằn và tiếng thở dài. Buồn cho hoang vu và cảm cho lẻ loi, tay rờ rẫm Năm ta bấm móng tay vào vỏ dó thì thấy từ ruột cây tuôn rơi xuống hai dòng lệ đặc. Trời, như vậy thì đến phải lấy nhau mới xong. Cậu Năm bèn khẩn xin cô Dó cho thấy mặt. Bóng dương đã ba lần chênh chếch bên cây to mà cậu Năm vẫn một niềm chôn chân đứng giữa trời. Cây to vẫn im lặng. Gió rừng chiều gõ một cái lá thả từ chòm cây vào lòng cậu Năm như trao cho nhau một bức thư không lời.

Ngày thứ tư, mặt trời vừa vươn lên khỏi ngàn trước mặt là đã thấy cậu Năm đứng dưới gốc dó, tay cầm một cây riêu lưỡi sáng quắc. Người tình nhân ấy bữa nay trông quả quyết như một người sơn trang sắp ngã một cây gỗ rừng rồi tay đề rồi đẽo sao rồi cốn nốt và thả đà. Cậu Năm vỗ vào thân cây, tiếng nói thất thanh, kêu rằng cậu không đợi được lâu nữa - trong người cậu đã thấy rề rề mầm bệnh sốt rét rừng - và nếu hôm nay cô Dó còn lánh mặt nữa, thì cậu phải phá nhà cô nghĩa là chém cây cổ thụ mà "còn tình chi nữa là thù đầy thổi" rồi, cậu xuôi luôn về Kinh đây này cho mà biết. Đến nước này thì cô Dó phải ra. Dưới gốc, kẻ khóc người cười. Cả hai cùng e ấp rồi cùng khấu đầu tạ lỗi. Sóng vai trên cổ sương hai người bàn đến chuyện đưa nhau về Kinh. Chợt nhìn đến lưỡi tâm sét... sáng như

nước nằm dưới chân, hai người cười liếc nhau và cậu Năm cầm liêng luôn xuống lòng con suối bạc. Sợ người ta ngưng vì mình và yêu nhau kém tự nhiên đi, mấy con bướm phấn đậu ra những ngọn lau xa. Đàn chim - má cũng ứng hồng lên vì chút thẹn, lầy bay đái lạc đậu trên chòm xanh, chùng cũng cho thế là phải, bèn rủ nhau đi sang rừng khác, sau khi gáy lên mấy dịp tươi nhanh để tỏ mừng; mấy bụi sim quanh quất gần đây đều cho mở một loạt cánh tím, mặc dầu mùa hoa tím hết đã từ ngày hạ.

Cô Dó sục sùi hỏi cậu Năm rằng:

- Trên này tôi đã quen ở với thảo mộc. Về dưới Kinh anh cây cỏ cần vắng, chất xanh nghèo nàn, biết sẽ gửi mình nơi nao và ở vào đâu?

- Em sẽ ở với đá với nước. Lấy cái xanh của nước thay tạm cho cái xanh của lá, lấy cái lạnh vững của đá thay cho mềm lạnh của cây, anh tưởng cũng tiêm tiêm được.

- Đá nào? Nước nào?

- Nước Hồ Tây. Và đá phiến làng Hồ Khẩu. Nhà anh làm giấy ở kẹt vào giữa một con sông và một cái hồ rộng. Có hòn đá nghe giấy, mỗi chiều bằng vai em, tưởng em ở cũng không đến nổi chật quá. Và em vốn sinh trưởng bằng nhựa dó và dưới ấy là nhà làm giấy, sự sống hằng ngày có thêm em nữa, cũng không phiền thêm chút nào. Thế giờ liệu đã xuống núi được chưa?

Cô Dó gật gật. Rồi cô xin phép cậu Năm cho cô khóc một lúc để tỏ nghĩa với Rừng cao cả. Cô quỳ xuống lạy Ngàn Xanh hai lạy, giọt dài không khác người con gái lạy sống cha mẹ để lúc bước chân về nhà chồng. Cậu Năm mắt cũng rớm lệ. Con suối bạc cảm động quá ngừng hẳn lại, không chịu chảy xuôi nữa. Lòng suối im ả như gương tàu phản chiếu, không nhòe lấy một đường viền nào, cái bóng hai người đang lẩy tà áo chùi lẫn cho nhau những lệ châu hạnh phúc sớm mờ. Hai người say sưa và mệ mội, đi trên một cái lối mòn ăn

ra dốc đèo.

Chúa Rừng cho nổi một cơn gió nóng tiễn đưa cô Dó ra cửa ngàn. Có một con hươu đực đang vươn cổ cao nhìn cô Dó xuống đồng bằng, mỗi lúc một bé dần. Nó quật sừng nó vào cái cây đại có những cành ngang và lá to làm bận tầm mắt nó.

Cái chằm áo chàm người sơn thần nữ vu quy đã tan lẫn vào cái xanh lớn lao của ngàn già. Bữa ăn chiều ấy, hươu đực ngón tắc cổ thấy chát đắng. Nuơng dó mất tiếng hát từ đây. Sớm ngày sau rừng dó bỗng kêu một tiếng ầm như ngọn núi nào lở thụt ngã xuống vực. Góc Dó Thần đổ vật. Người giai nhân đã đi. Đất này trở lại những lá úa rầu. Nhưng mà từ nay ven Hồ Tây và trên dòng sông Tô Lịch lại có tiếng cô Dó bây giờ xuống hát ở dưới đồng bằng.

Hát riêng cho cậu Năm nhà họ Chu nghe thôi. Hôm về tới làng Hồ Khẩu, trời đã canh hai, cả nhà đều đã ngủ say. Cậu Năm đưa cô Dó về nhà mà không ai biết tí gì cả.

Trông thấy phiến đá xanh ghé giấy đặt chìm xuống nền đất trị, cô Dó cười hỏi chồng:

- Đây phải không?

Cậu Năm đang gờ tay đốt đèn quay vội lại vui vẻ gật gật. Thế là cô Dó lẫn mình ngay vào tấm đá, sau khi ăn hết hương thơm của mấy trăm tờ giấy sắc vừa seo xong còn ướt để ở ngoài hiên - Mấy ngày đi đường cô đói quá. Lại vừa mệt nữa. Nên chỉ kịp chào cậu Năm và nói có một câu "Đầu canh tư, anh đánh thức em dậy với" là cô đã ngủ ngay trong lòng đá.

Riêng cậu Năm thì không ngủ được. Ngồi uống rượu một mình cho đỡ lạnh, Năm thấy phải đọc ầm có ý buồn buồn, bèn thành kính rót một chén xuống mặt phiến đá và tuy mới sang canh ba được có một lúc, cậu cũng đánh thức vợ dậy để cùng nhấp một chén tân hôn.

- Này em này, đã sang tư rồi. Sao tua rua thảng mười đã gằn tụt



hết xuống phía dưới rồi đây. Em ngồi dậy, uống một chén mùng cho đỡ lạnh.

Từ lòng phiến đá lạnh có một tiếng ngáp mệt mỗi đưa lên:

- Anh lấy ít bột dó chưa xeo rắc lên mình đá cho em kéo trong này lạnh lắm. Ngày thường, anh bắt đầu làm việc từ lúc nào?

- Cứ trời gần hừng sáng thì anh đã trở dậy nghe giấy. Đứng ngọ, ngừng tay một lát ăn cơm. Mặt trời lặn thì anh nghỉ hẳn tay chày.

- Từ nay có em về ở cùng, anh nên đổi thời khắc biểu cũ đi. Em thuộc chất âm, ít chịu được cái nóng sáng của mặt trời. Em muốn từ bây giờ, anh thay đổi giờ làm việc, lấy đêm ra mà làm ngày. Như thế nó tiện cho em những lúc phải đỡ đàn anh một tay. Vả chẳng cái việc em về làm bạn với anh, cũng không nên cho người khác biết, cả đến người nhà nữa. Muốn giữ bền được hạnh phúc, chúng ta nên mai ẩn ít nhiều tung tích mình đi để tránh những việc dòm dò của chung quanh. Lại còn thế này nữa: là thỉnh thoảng em có muốn lách mình ra khỏi đá để hát cho anh nghe hoặc đánh bóng mặt giấy cho anh mà phải lộ tấm hình hài cho người ngoài thấy thì thực là một điều không những là bất tiện mà lại còn nguy hiểm cho hai mình nữa. Nào anh đổ xuống mặt đá cho em một chén rượu nữa, người em vẫn còn mệt lắm, nhưng đã là ngày vui nhất trong một cuộc đời thì phải say và phải hát chứ. Em sẽ hát một bài ngắn thôi, rồi đi nằm. Lúc nào gà gáy canh một đêm nay, em sẽ dậy. Anh cũng đi ngủ, để tối hãy làm giấy.

Cậu Năm nghe theo lời vợ hiền. Và từ bây giờ, cả nhà đều phải để ý đến những giấc ngủ ngày triền miên của cậu Năm. Hỏi, cậu bảo rằng cậu vừa tìm được một phương pháp mới để chế giấy cho tốt hơn: Giấy nghe vào lúc đêm hôm thì mặt bóng hơn, chất chắc hơn vì... vì có hơi sương và tia trắng tia sao! Cậu nói thế mà cũng có khối người trong nhà nghe được đấy.

Ở ven Hồ Tây, giờ cảnh đêm đông không còn lặng lạnh như mọi

khi nữa. Trong sương, dùng đục những dịp tiếng chày nhà cậu Năm già dó và lẩm buối còn lẫn một thứ tiếng hát, âm thanh lơ lơ và nhịp lúc mau như khố dụng dụng nhà Tư và lúc thua thì giống hết lối ngâm thơ Thiên Thai rồi ngân dần dần lên và lại dần dần ngân mà xuống đúng như hơi hát cung bậc lúc đổ con kiến. Đêm đêm, cậu Năm làm giấy và cô Dó cũng lách mình ra khỏi đá, nghe giúp chồng. Cả ngày chỉ ngủ không ăn, giờ bữa cơm chính của cậu Năm thường lại là một bữa sủi dề có điểm mấy chén rượu. Vợ chồng vui vẻ, nói khôn nên lời. Ái tình và cần lao. Lắm khi ngà ngà mà say, phát phơ mà đi, nhìn đêm lạnh trăng suông, nhớ rừng cũ cô Dó lại càng hát nhiều nhiều. Khuya im một bầu sương muối, cỏ cây dùng đục vẫn trong sữa giăng loăng, trời đất trông ra như lúc hỗn mang, cô Dó đánh bạo ra ngoài. Đêm đông trường, chỉ có một thứ tiếng hát của cô Dó chập chờn đi từ giới hạn một bờ Tây Hồ đến bờ một khúc sông Tô Lịch. Tiếng huyền diệu và mờ mù bao la.

Từ đấy, lò chế giấy nhà cậu Năm họ Chu làng Hồ Khẩu biết một kỹ nguyên mới - giấy tự nhiên thơm đẹp lên và bỏ xa sự cạnh tranh của nghìn vạn người sống bằng vỏ dó. Loại giấy Chu Hồ có từ bấy giờ. Áp tờ giấy đẹp vào lòng, biết nó là do công ơn của người vợ hiền nhiều đêm đã cần cù vì mình, cậu Năm đê mê vì chân hạnh phúc và thú cần lao, nhiều phút ban ngày sướng quá, ngất đi và tỉnh con cuồng lại vỗ mái vào phiến đá nghe có ý đánh thức vợ dậy mà xem mình đang khóc vì... hoan lạc.

Có một lần cô Dó đỡ gùi khó ở mất đến một tuần, giấy Chu Hồ tự nhiên xuống hẳn mặt. Đã có bao đêm liền, cậu Năm bó gói gác chầy bên phiến đá, nghiêm và rầu như kẻ sắp gieo mình xuống dòng. Dưới lòng đá, có tiếng phào phào đưa lên:

- Em rõ chứng bệnh em rồi anh ạ. Ra em không chịu được cái mùi hoa hòe nhà ta vẫn mua để nhuộm giấy sắc. Đổ cái chất vàng ấy lên mình em, em ăn phải cho nên đây và cứ phủ dần người ra. Anh

thử bỏ vút bột hòe đi em xem.

Có như thế. Sau khi cậu Năm cho đổ hết hòe xuống hồ - làm vàng óng cả một vùng xanh trong - thì cô Dó cắt con ngay. Lò giấy nhà họ Chu thôi hẳn việc chế giấy sắc vàng, lại cũng từ đây. Ngày tháng. Hai người càng yêu nhau trong ca vui và cần lao; trăm năm cũng già. Không, cô Dó vẫn trẻ. Chỉ có cậu Năm là già đi vì cậu vốn thuộc chất dương và vốn bị thời gian chi phối. Cậu Năm chính là ông cụ tổ ba đời của ông cụ họ Chu được nhà Vua cho quan bộ Lễ vời vào Kinh để sung một chức ở Cẩn Tín Viện đấy.

Cậu Năm trăm tuổi đi rồi, cô Dó đêm đêm ra ngồi ở ven Hồ Tây và ven sông Tô có mấy tháng liền, sự nhớ thương lại biến thành nhiều khúc hát buồn và những bài ca điệu ấy cô có chép một tập đề là "Chu Ngũ Lương Hoài Nhân Khúc" giữ luôn dưới lòng đá và nét chữ cô Dó lờm chờm nhọn hoắt và so le như ngọn cỏ bông. Mấy mươi đời sau, đâu có một người tài về môn cách vật trí tri bảo đấy là thứ chữ không phải của loài người chế lấy mà dùng; nó là thứ chữ Sơn Hoàng của Chúa Rừng truyền dạy cho các hồn cây hồn quả hiển viết lúc dâng bài Chúc Thọ và chỉ có những người nào có số hỏ vồ là đọc thông được thôi.

Phiến đá xanh nghề giấy, từ cụ Năm về trời bỗng trắng toát ra. Phiến bạch thạch lẫn vãi bố góc bàn thờ mới. Sau ba năm cô Dó rất có thể lộn về rừng - cái quê hương cũ muôn năm xanh vui của mình. Nhưng không, cô vẫn còn thương cậu Năm nhiều lắm và thề ở lại giúp và dựng cho lũ con lũ cháu và lũ chất nhà chồng, có cái định kiến là đến bao giờ dân trung châu hạ bạn tuyệt nghề làm giấy bán thì cô mới bỏ nhà chồng mà lộn về rừng. Từ ngày theo chồng về Hồ Khẩu cho đến quá về sau cái thời chồng chết, người quả phụ ấy chỉ có một lần tìm đường quy ninh về rừng thăm lại Mẹ Ngân. Cô Dó quy ninh đâu vào cái khoảng người cháu bốn đời nhà cậu Năm.

Từ cậu Năm mất đi, con cháu nhà họ Chu lại trở lại tập quán

cũ, nghĩa là nghề giấy vào lúc ban ngày. Dưới đá trắng cư tang, nghe những âm chầy non đại đồ xuống đó ướt, cô Dó mỉm cười. Thương lũ trẻ, đêm đêm cô lại lên hiện ra hà ít hơi mình vào giấy và lấy tay vuốt từng tờ một. Giấy Chu Hồ vì thế mà vẫn giữ được vẻ quý mà riêng lũ con cháu nhà cậu Năm thì vẫn không hề biết mây may về sự hiển linh nhà mình. Đời ấy và đời khác.

Năm 1925 vào lúc cuối đời Hoàng Tôn Tuyên Hoàng Đế đất Nam kì, trấn Gia Định... có một ông Huyện... tên là Khỏe. Ông Huyện Khỏe là một người phú quý tốt bụng; hay gây ra nhiều điều phúc đức. Lúc trẻ tráng, cái nông lối hóm của ông Huyện Khỏe lại... vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thuở ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một giới và đến ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thấy đều xanh cả mắt... Khoảng đời thiếu niên của ông Huyện Khỏe, thật lúc nào cũng là vui như hồi Tây. Đấy, ông Huyện Khỏe vào lúc thiếu thời. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chăng trong cử chỉ hằng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa rộng như một đất phong cường và các nhà máy xà phòng, gạo và dầu cù là của ông rải rác ở khắp lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già lại còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là cổ và đẹp nếu là độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông Huyện Khỏe cũng bỏ tiền ra mua. Và những bạc có tài xem đồ cổ, ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi. Trong đám thực khách nhà ông Huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng Phủ Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, có chỉ vào cái cầu Phụng mà thề độc rằng "bất thừa xa mã bất quá thử kiều". Ở Sài Gòn được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn... Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh để bên lòng và tự như

trong suốt một đời thế nào cũng phải tìm lấy dịp trả ơn lại ông Huyện nghĩa là lúc nào cũng nghĩ đến việc đi tìm vật báu cho ân nhân. Xứ Bắc Kì cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đồi ba năm Chiêu Hiện lại lộn về một lần để sục một xem có thấy được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà Nội, không hiểu tại sao Chiêu Hiện lại thuộc cái sự tích phiến đá nghe giầy nhà họ Chu làng Hồ Khẩu, tìm có lần la rồi không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đó, đem về cho ông Huyện Khỏe.

Thâu ngày thâu đêm, dù đã qua hết các giang khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo, về đến biệt thự ông Huyện Khỏe, đá bở ngỡ với thời tiết ở đây quanh năm nóng như lò nung vôi, đã bỗng đổ mồ hôi. Cảm chén rượu rữ bụi lúc đã thông dong, ông Chiêu Hiện mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiện nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiến đá có tiếng người hát giọng buồn. Không rõ lời, nhưng nghe cái âm tiêu sái ấy đến như ông Huyện Khỏe mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiện bèn dẫn giảng rằng đây là một trong những bài thương ở tập "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc" của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tính hay khoe của, ông Huyện Khỏe ngay ngày hôm sau, gửi luôn thiệp danh đi mời các khách quý đến ăn tiệc và "xem một hòn đá biết sụt sịt trong đêm". Tàn rượu tiệc, có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiện mặc đồ lễ... ra xin với quan khách chỉ nên vui nhộn đến đúng giờ Tý thôi, nếu có bụng chân thành muốn nghe những tiếng thương xót của hòn đá "nó là cái cơ đẹp của buổi họp hoan này". Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét có một ngọn đèn cây. Sau đây một giờ lòng đá lại như đêm trước bật nổi lên những tiếng tương tư thê thảm. Tân khách thấy đều rơi châu. Tờ mờ sáng, họ ra về và bắt chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đây phải cho họ được xem đến mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp theo bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay, chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng li khổ của

hồn một phiến đá lương thiện có tình lại còn là cái cơ vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa cô Dó phải nhằm lẫn về hoàn cảnh mới gắt để thỉnh thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông Huyện Khỏe cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm dòng sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tình theo lối nhà nước ngăn đắp đập. Ngày lạc thành cái mẫu hồ bên sông và cái khúc sông giả vờ đó, lại tiệc yến. Những tân khách của những kì dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo ước cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, cô Dó hiện ra thật, mình vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xưa, nhưng dưới gấu đã xé xơ ra cho nó thành tấm áo trăm thoi và mớ tóc tang rối như xơ dó vừa vắn vợi. Có bao nhiêu người bùng bùng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khẽ trầm trở với nhau là đẹp và đoán chính đến bực ấy là cùng.

Cô Dó chập chờn trên nước sông đào, trên nước hồ đập, tỉ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đây. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đây chỉ là những lá cành của kê, cọ, dừa xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ sợ đến một sự nguy hiểm của một thung thỏ lạ, cô lại vội lẫn ngay vào lòng đá trắng. Từ đây không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng nhớ cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiện bỗng nấc lên mấy tiếng rồi là dần đi. Vực vào buồng bệnh, thấy Chiêu Hiện cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một đêm. Ông Huyện Khỏe biết là chứng bệnh cũ của người quản gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phèn vào nước, cứ mỗi giờ lại đổ cho uống, chứ tịnh không phải thuốc thầy gì cả. Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phiền hơn; là đã quá mười ngày rồi mà Chiêu Hiện không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm thôi. Bệnh này trong sách thuốc *Y Dược Đại Toàn* gọi là bệnh Miên

nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, Chiêu Hiện đã tỉnh lại. Nghe ông Huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình ngủ đã mười hai đêm ngày có dư, Chiêu Hiện đã bốc đứng người dậy, kêu xong hai tiếng "hông rồi" thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch, mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì "hông rồi", ông Huyện Khỏe mặt như chàm đỏ, sợ sệt nhìn con bệnh bây giờ đang lăn lộn như có ai cấu rồn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt đại đột Chiêu Hiện chán chường nhìn vào khoảng không và miệng - tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại: "Hông rồi", đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiện tập tễnh bước lại chỗ đặt phiến đá trắng, áp tay vào mặt đá, áp tai vào mặt đá vẫy ông Huyện Khỏe lại:

- Đến phải đập vỡ đá này, thì may ra mới chữa được người trong ấy. Cô Dó không khéo chết mất rồi ông Huyện ạ!

- Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối với.

- Nguyên là thế này. Hòn đá này phải ăn chất vỏ dỏ. Thiếu dỏ thì cái người nằm khóc trong đó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhiều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về, tôi đã mang theo về bao nhiêu là bó vỏ dỏ để ngày ngày áp lên đá cho người trong đó ăn. Gần hết, tôi lại đánh giầy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không kịp dặn ai thay cho việc bón đá, đến nay là quá mười ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

- Vậy bây giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đá thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bắn vung lên. Hòn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quý thần ôi! Có một người đàn bà rất xinh bé đang nằm ngủ. Nàng mặc một cái áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiện

đã nhẹ nhàng ẵm nàng ra đặt lên giường thì mảnh dưới phiến đá vỡ vẫn còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trống xuống như chỗ đựng nước trong một cái nghiêng dùng viết đại tự.

Chiêu Hiền rờ vào ngực cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình đem cái bó vỏ dó ông cất trong kho ra ngay mau. Chúng đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thứ dây dợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hi vọng cuối cùng lại tắt nốt. Ông Chiêu Hiền dẫm chân kêu giời, nước mắt đỏ như máu, tiếng mắt hằn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cùng ông Huyện: "Ông phải làm ngay hai việc: nhất điện là cho đánh xe đi lên Sài Gòn về các miền Lục Tỉnh vét lấy hết những giấy bản của ta, chứ giấy moi và giấy tầu của các Chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh ngay dây thép ra Bắc - theo địa chỉ này - bảo phải gửi ngay vào cho đảm kiện vỏ dó theo lối đại tốc".

Trong lúc chờ giấy bản, vợ được mười quyển chép dở những thi ca của mấy chỗ thế gia ngoài Bắc, ông Chiêu Hiền đem xé vỏ ra, chất thành một đồng to, đốt sưởi cho cô Dó hồi lại. Người đã chết là đã dần dần tỉnh lại, ngón tay động làm buột rơi một cuốn sách nhỏ ngoài bia bằng lá cây có nét kim khí vạch sáu chữ "Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc". Cô Dó mắt vẫn còn nhắm nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang hé cười. Nhưng những luồng khói đặc ở đồng giấy bản đã thừa loãng dần. Khói tắt, hương giấy tan đi, người cô Dó càng lạnh, lạnh thêm mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khóe cười không kịp nở hết. Cô Dó đã trở nên người thiên cổ. Cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lam trong sáng.

Bên tử thi đá lam, có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiền tưởng còn có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình vên vẹn được bộ ba trăm tờ hoen nhàu với một



câu: "Dạ chúng con đã cho xe lên Sài Gòn và về cả Lục Tỉnh mà cũng chỉ vơ vét được có bấy nhiêu. Dạ bẩm trong này ít dùng cái thứ giấy này. Việc quan và tư thầy đều dùng có giấy Tây thôi.". Ngẫm nghĩ một hồi lâu, Chiêu Hiện trấn tĩnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông Huyện Khỏe có cái số không được làm quý nhân nên quý vật nó mới không chịu ở với. Và cô Dó đã nhất định đi, giá cô nần ná lùi lại đến lúc này chờ giấy về kịp, thì cái tập giấy khốn nạn mỏng và biến lạn kia cũng không đủ để sưởi nóng cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vó ở Bắc gửi vào theo lối đại tốc. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thi hài đã lạnh, Chiêu Hiện thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết chết mất một thứ ngọc sống. Vì có biết thế này thì đã không khi nào ông diu ngọc vào đất Sài Gòn để đến nỗi đắc tội với ngọc đá và đánh hỏng của cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiện lại khóc lên ba tiếng để sau ba tiếng của mình khóc ngọc tị trần vừa dứt thì tiếp nghe đến ba tiếng cười của ông Huyện Khỏe. Ông Huyện Khỏe đã ôm lấy xác cô Dó vui reo ồn ào:

- Trời, té ra là ngọc thạch. Thuý ngọc, ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vẹn một phiến ngọc vì bán đi thì có thu về được cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc vì có còn sống để lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tửu đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái di hài này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi... Thôi nín đi mà, bác Chiêu.

Chiêu Hiện đã nín thật. Nghe giọng lười ông Huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu. Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay, ông đã thờ nhầm một người có nhân cách đê hạ quá. Đã thấm chưa! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà

ông Huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán xác Ngọc, cùng là cho Ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn có sự tuyệt tình nào phụ bạc được hơn nữa. Nhớp đến thế là cùng... Một người đã vô sở bất chí đến như thế thì còn cái gì ở thế gian này mà hẳn không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về với ông ta, chẳng may xấu số về giờ sớm, Ngọc đẩy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, hưởng chi là mình. Ở ngay sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi không còn lấy mấy may tình ý về kỷ niệm; cứ ở gần kề dựa bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đấy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiên đã bỏ ông Huyện Khoẻ. Lúc bỏ đi, không thềm chào, không thềm đeo theo một vật gì là tặng phẩm của ông huyện vẫn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư, trong nói là về Bắc để chữa cho khỏi ít cổ tật trong người; không dám hứa là có quay lại với ân nhân cũ không, nhưng dấu sao ơn ngày trước tưởng cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.

Mười mấy năm bỏ làng đi vào miền trong làm... cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm áo vải đắp lên cái thân dầu dãi đã cuối châu, ông Chiêu Hiên qua sông Hát Giang lại nhớ đến lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Phụng đây mà lộn về Phủ Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đâu khi Chiêu Hiên lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của nhà họ Chu. Thì ra từ khi bị đánh tráo phiến đá nghe, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bây giờ đã là một chuyện gần như cổ tích, một chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.

Để duy trì cái sống hằng ngày, nhà họ Chu bây giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi...

Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiên có chép lại việc này, đủ

ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả, tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dặn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá, tảng đá, hòn đá nào; mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.

Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ Miên nhất khí bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn Tây huyết đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lờm chờm lổn nhổn những đá tổ ong.

## RƯỢU BỆNH

"Ăm giả lưu kỳ danh"

*Kính gửi: Vong linh ông bạn rượu  
Nguyễn Khắc Hiếu*

**N**gười ta không rõ ông cụ ấy tên là gì và người ở đâu. Mỗi buổi sớm lúc giờ đất còn lờ mờ, ông cụ đã ngồi sẵn ở các cửa ô Hà Nội, không ai rõ người có tuổi đó làm nghề gì. Nếu là đi buôn thì sao lại không có tay nải. Nếu là xem số hoặc là thầy bói thì sao lại không có tráp. Và làm nghề gì mà đóng chỗ sớm thế? Tất cả những đồ vật đem theo, nếu người gặp ông già ấy luôn mà chịu để ý nhận một chút, thì chỉ vền vền có một cái ghế gỗ và một cái chén gỗ to gần bằng cái lồng gỗ mít đóng oản của nhà chùa.

Mỗi buổi sớm, ông già ấy ngồi ở một cửa ô. Ông cụ không bỏ ngõ với một cửa ô nào cả, ô Chợ Dừa, ô Cầu Giấy, ô Yên Phụ, ô Quan Chưởng, ô Đống Mác, ô Cầu Rèn, mỗi buổi mặt giờ gần hừng, cửa ô nào đối với ông già cũng đều là một cái quê hương trong chóc lát của mỗi ngày. Ông cụ đó là một đứa con nuông già nua hom hem của tất cả những cửa ô vào Kinh thành. Nhưng có một cửa ô ông cụ thích nhất: cửa ô Quan Chưởng. Mỗi buổi tỉnh mơ ngồi ở một cửa ô, đi hết một lượt thì lại lộn vòng lại. Nhưng đến cửa ô Quan Chưởng

thì bao giờ ông cụ cũng đóng chõ ở đấy liền hai buổi sáng để đón rượu, thứ rượu làm ở bên kia sông. Thứ rượu ngon cất ở tá ngạn sông Nhĩ, đưa qua bán bên đất Kinh đô, các cô gái vùng Bồ Đề bao giờ cũng ghé dò ngang đi vào lối cửa Quan Chương này.

Giờ còn nhạt mặt người ông cụ đã đặt ghé gỗ xuống nền cạnh chân tường cửa ô, ngồi xuống đấy rồi bày ra trước mặt mình cái chén gỗ tùy thân. Ông già cử động rất trịnh trọng, mặt ngó ra phía bờ sông lấm buổi sương mù dềnh dang mãi không chịu tan. Thấy có bóng nào của quang gánh tiến lại cửa ô thì ông già bắt đầu xoa tay. Cả người ông cụ lúc bấy giờ là sự vui sướng hồn nhiên. Bốn cô hàng gánh rượu đã chọc thủng màn sương gần lướt qua mặt, ông lão dặng háng, gọi: "Có rượu ngon, cho lão mua vài cân", rồi ông lão liền đưa cái chén gỗ cho cô hàng rót đầy vào để ném thử. Ném xong, ông già kêu nhạt hoặc chê là khô, xua tay cho cô hàng đi. Buổi sớm mai đi hàng, gặp người khách khó tính, cô hàng đành chịu vậy, lặng lẽ nhắc gánh đi nốt con đường vào kẻ chợ, lẩn mất vào mù sương. Ông già nhìn theo cô hàng móc túi lấy ra một cái đinh đóng thuyền chắm vào chén rượu mút đánh chọt một cái rất gọn và làm tiếp mãi như thế. Trông rất ngon lành. Một cô hàng rượu, hai cô hàng rượu, dăm bảy cô hàng rượu đã qua đều đều. Mỗi cô là một chén gỗ rượu ném thử. Mỗi lần ném thử các thứ rượu cất các thứ nồi nấu khác nhau không phải trả tiền và nhắm bằng cái đinh đóng thuyền ấy, ông già lại khoan khoái nhìn theo những đám quang gánh xinh gọn kia nhòe biến vào sương khói dày đặc bên hữu sông như những nhân ảnh của một giấc chiêm bao thú vị chợt tỉnh là muốn nói lại ngay. Đến lúc ông già đã đủ chuyễn choáng để giác quan thừa sức mà nhầm lộn về cuộc đời thực tại quanh mình, thì đám sương khói cũng vừa quét tan. Cửa ô Quan Chương đứng sững trước giờ hừng đông. Cũng đã vừa cho bụng ấm rồi, ông già liền đứng dậy, cho chén gỗ vào túi và cắp ghé gỗ vào nách chập chững trên đường vào phố như trẻ mới tập đi. Những tia lửa đầu tiên của vùng hồng đuối theo cái lưng còng một

người say đang ra về đâu? Mấy ai đã rõ được cái chỗ nằm chết giác của một người say! Và cả ngày cả tối ấy, đồ phổ phùng có thấy mặt ông già này. Muốn tìm ông lão ấy, tìm để mà nhìn qua nhìn chơi cho biết thế thôi, chứ còn ai dại gì tìm ông để làm ăn và chữa chắc ông cụ ấy đã chịu tình chuyện làm ăn gì với ai - thì lại cứ đầu canh năm, đi lục hết sáu cái cửa ô của Hà Nội. Bao giờ cũng chỉ có thế. Một cái chén gỗ lớn, một cái ghé gỗ con, phục sức chưa tã rách nhưng cũng đã quá tầu tầu, ông ngồi thu hình trên nền đất lạnh của buổi sớm tinh mơ, rình những gánh men lướt trong màn sương: dáng điệu lúc thì khuất nhục, ngôn ngữ lúc thì hóm hình, chơi chơi thật thật cứ y như là tiên hiện hình xuống để thử lòng những người đi qua. Mỗi buổi sớm ở mỗi cửa ô, ông già đã lại ra ngồi bày hàng ở đấy để đánh thuế rất khéo vào những gánh hàng các cô bán rượu quẩy vào chợ tỉnh. Và ngày tháng của bực lão từu đồ ấy đi qua một cách rất nhàn dậm có như là giọt sương mới thấm rơi trên một cái chén gỗ nông. Rồi có buổi, các cô gái bán rượu đều nhận rõ ông già nọ. Mỗi lúc đi hàng vào kê chợ, gặp cái người ngồi ghé gỗ và đưa chén gỗ đòi ném rượu, họ sững người ra mà kêu: "Thế ra lại cụ. Ở cửa ô nào cũng thấy cụ ném rượu. Lúc nào cũng cụ. Cụ là cái chức gì ở Hà Nội mà ngày nào cũng phải đánh thuế vào lũ rượu chúng tôi? Thế này thì mấy lúc mà hết vốn chúng tôi, hả cụ tiên?". Buổi sớm mai đi hàng các cô gánh rượu không dám nói nặng với bất cứ ai trên ám mình, sợ rông buổi hàng, nên họ đã dùng những lời nhẹ nhàng như thế để vãn lại một người có tuổi và có cái tật cứ đi ném chằng rượu để rồi không bao giờ mua thật cả. Và có lẽ vì họ thấy ông khách không đứng đắn ấy tóc trắng râu trắng mặt trắng lông mày trắng mà họ trêu là ông tiên. Được thế ông tiên bèn xoay câu chuyện đùa gọi là xí xóa cái việc làm bậy của mình: "Lão nghèo, các cô buồn trăm bán nghìn, các cô tiếc chi lão một chén rượu ném. Những lúc rơi vãi đong hàng, còn gấp mấy ngàn cái chén gỗ con con này ấy chứ. Đòi các cô còn dài rồi còn tha hồ mà hưởng lộc giới. Lão không có con, không có

vườn, lại không có rượu nữa thì lão buồn lắm. Lão sống cũng chẳng mấy nữa. Sự thiệt thòi và chịu khó của các cô cũng không đến nỗi lâu lắm đâu". Thấy lời ông già quen ném chằng rượu kia có vẻ hữu lý và nghe nó cũng tội tội, từ bấy giờ họ nhận lấy việc mỗi buổi mai mỗi người cấp cho ông già đầy một chén gổ rượu là việc dĩ nhiên. Rồi họ bèn đặt tên luôn cho cái ông già đánh thuế rượu một cách kỳ dị đó và gọi đùa là BỐ Ô. BỐ Ô, từ sau đó, đã thành một hình ảnh quen thuộc đối với họ. Bắt đầu mỗi ngày, chờ đò chợ bên sông sương, họ bàn tán về ông khách hàng nghèo và già của họ.

- Không rõ hôm nay, BỐ Ô ngồi ở cửa nào? Có ngồi ở cửa ô Quan Chương để chị em mình cùng mỗi người một chén không?

- Mà này, có cái lạ là hôm nào gặp ông cụ ấy ném rượu là đất hàng ra phết nhá. Mặt giới độ con sào là đã voi cả hai đầu gánh. Các chị ấy cũng đều nhận thấy thế.

- Hay ông cụ ấy đúng là người Giời!

- Trông BỐ Ô uống rượu ngon tẹt cứ ngọt xót đi thôi. Chẳng bao giờ thấy nhăn như mọi người khác. Uống đẹp quá. Nếu tôi mà không neo vốn thì có buổi chợ, tôi dám đưa không cả gánh hàng cho BỐ Ô ném đấy.

- Ông cụ uống, em trông thấy ngon lành và thèm thuồng quá. Mình cứ tưởng như đây là đang uống nước đường. Có lẽ chuyến này em cũng tập uống và nghiện được rượu đấy.

Và về sau này, thân thuộc nhau quá, buổi đêm trước, lúc làm hàng chợ sớm sau, nhân nhà sẵn những be nậm sành con con, thậm chí có nhiều cô lại còn đóng sẵn một be nhỏ cho BỐ Ô, để lúc gánh hàng qua cửa ô, sẽ dúi vào tay ông già, không phải dùng gánh lại nữa cho nó đỡ mát thêm thời giờ. Cái nghề buôn bán, thời giờ bao giờ cũng vẫn là phải quý hơn hết mọi thứ khác. Dúi nhiều be đựng sẵn rượu vào tay BỐ Ô là cô Cóm người bên bãi BỒ ĐỀ. Cô Cóm mồ côi cha mẹ và BỐ Ô vốn có khổ người và nét mặt phảng phất giống cha

mình, nên trong bọn bán rượu gánh, cô Cóm là người có thiện cảm nhiều với ông già. Riêng về phần ông già thì cũng chỉ có đối với cô Cóm là ông hay lộ cái tính vui của ông và nhiều khi bằng giọng đùa cợt của bề trên - ông bảo ban lắm điều hữu ích về lẽ xuất xứ của một cô gái ngồi hàng ở chợ, một nơi mà người thì không biết là bao nhiêu đáng và của thì không rõ là bao nhiêu loại. Sớm nào, ông già gặp bọn người bên Bồ Đề thấy chợ là ông cũng hỏi thăm nhiều nhất về cô Cóm, nếu cô chậm gánh qua hoặc nghỉ buổi hàng để trông nom việc đồng áng. Kế đến một hồi, cô Cóm không thấy qua đò ngang vào chợ tỉnh nữa. Có đến hai ba phiên chợ rồi chứ chẳng ít. Ông già hỏi ra thì mới rõ cô Cóm vừa bị vướng vào một chuyện hãm hiếp và không rõ tính mệnh và danh tiết cô giờ có còn được toàn không? Cậu Tư con quan Thượng mà cho lính bắt đi thì không phải là chuyện chơi. Cậu Thượng tuy là chính trực, nhưng cậu Tư vốn là cậu Âm con quan về ngành thứ, thường hay ý thể cha để làm phiền nhiều chuyện bậy giữa cả lúc ban ngày trong đám dân gian. Cậu có cái bệnh thêm sự gần đàn bà và hay cho lính vào lưng gái quê trong chợ, người nào coi chừng gòn gợn và sạch sẽ là bọn lính lôi luôn về phủ riêng của cậu. Cái thân người thôn nữ một vào đây thì mỗi ngày ở cái phủ đầy mùi dâm bôn ức hiếp ấy là như nghìn thu ở ngoài và nhiều cô gái bị hãm vào đây thì tự coi là đàn cướp công đáng sinh thành rồi. Kêu oan cùng quan Thượng thì ông kiến làm gì được to hòng và cửa hầu thêm một nỗi là sâu như rốn bể.

Được tin cô Cóm gặp nạn, ông lão cũng biết vậy. Sớm tinh mơ hôm ấy, ông lạc quyền các cô hàng một số rượu gấp đôi mọi lần, đổ tất cả vào miệng, ngồi lịm đi ở cổng ô như một khối tượng đá. Chờ cho mặt giờ thối tan hết mù mai vươn lên độ nửa con sào, ông lão bèn đi thẳng vào dinh quan Thượng, gạt phăng cả lính canh cổng ngoài và bắt chấp cả lũ lính hầu vồng trong. Chẳng rõ giáp mặt quan Thượng - quyền trấn một góc giới lấy đầu người trị hạ cứ để như bỡn - ông lão đã nói những câu gì. Đứng ngoài vòng dinh, mọi người chỉ nghe tiếng



quan Thượng quở lính sao canh phòng không được nghiêm cẩn để giữa ban ngày có thích khách lên vào và ngài quát tả hữu trối tên giặc lại để chút nữa bêu đầu ngoài cổng tỉnh. Mọi người lại còn nghe tiếng ông già la hét om sòm giữa chốn thâm nghiêm. Không rõ người ta có làm gì ông già không, nhưng hôm sau ông già được thả ra. Mọi người thấy ông già được tha ra về, mới lấy làm vững lòng và ngay sau đó cô Cóm cũng được trả về cuộc đời cũ nơi thôn ố.

Người ở kẻ chợ được biết tin này đều lấy làm thần phục cái người say rượu có tuổi vừa làm được việc lộng hiểm có hiệu quả. Chẳng rõ đây là lòng can đảm nghĩa khí đã xui ông cứu cô hàng trẻ hay đây chỉ là cái sức phản động mãnh liệt dĩ nhiên của chúng rượu lúc lên tới cùng độ ở một người liều mạng, nhưng đám đàn bà quang gánh trẩy rượu vào các cửa ô, từ bấy giờ, càng lấy làm quý Bó Ô không còn để vào đâu cho hết nữa. Họ càng lấy làm kinh ngạc thêm là từ hôm xảy ra việc đại náo dinh quan Thượng thì cái ông già uống rượu chẳng mọi khi ấy, cũng biến mất. Ô, một người kỳ dị. Riêng cô Cóm thì càng lấy làm nghi nhiều quá. Ông cụ đi đâu? Sao vào những lúc này thì lại không ngồi ở cửa ô mà đưa cái chén gỗ ra để cho người ta và các chị em cùng đi hàng rót vào đầy gấp năm gấp mười mọi khi! Mà tìm ông cụ thì tìm vào đâu? Muốn hỏi thăm thì hỏi vào ai?

Bỗng một buổi mai, lúc các cô đang quẩy gánh tiến vào cửa cổng ô thì từ trong màn sương hiện ra một đứa bé đầu còn để trái đào, một tay cắp cái hũ sành lớn bằng nửa người nó, một tay giơ ra một cái chén, miệng lấp bắp: "Bác tôi nói các cô đổ rượu vào đây cho đầy". Và nó chìa luôn hũ cùng chén ra. Cả bọn gánh rượu, nhận ra cái chén gỗ quen thuộc, bèn reo to: "Bó Ô đây rồi!" và hỏi dồn đứa bé xem ông cụ gì ở đâu và sao lại không ra đóng chỗ như mọi ngày. Đứa bé lắc đầu, trả lời là ông cụ bác nó giờ hai chân không đi được, người không dựng dậy được, cả ngày chỉ nằm bệt trên chõng tre, đã lâu không ăn uống gì, chỉ nói mê, mãi đêm qua mới tỉnh lại và dặn nó đưa hũ chén ra chờ ở đây để xin rượu. Hỏi thêm về căn

trạng ông lão bí mật, đứa bé không biết thêm được điều gì nữa. Cả bọn gánh rượu càng thêm ngạc nhiên. Bàn qua loa, họ bèn vui lòng lỡ một buổi chợ sáng để theo đứa bé tìm đến thăm ông già tại nhà.

Bây giờ họ mới có dịp biết nhà cửa Bồ Ô. Đây là một cái túp nhà gianh dựng bên một ông đồng ở phía sau một nếp đình cổ. Đây một cái cổng cảnh tre gai, qua một mẩu sân con là vào đến nhà. Nhà rộng độ một gian, kê vèn vện chỉ có một cái chõng. Trên chõng, Bồ Ô nằm cứng đờ, chân tay duỗi thẳng. Một cỗ màn nhuộm nâu rủ thông xuống trùm lên thân hình Bồ Ô không khác gì một cái nhà táng. Trên tường đất, treo một bức tranh *Thập Điện Diêm Vương* có những màu đen tối của địa ngục tương phản với vàng chói của mũ quan tòa luận tội, với màu đỏ của lửa vạc và của máu tội nhân. Cạnh bức tranh cũ là mấy bức liễn giấy viết bài *Tương Tiến Tựu* - mấy dòng trên bài phú bị rách nát mất đi thành thử bài phú lại mở đầu bằng câu: "Minh kính bị bạch phát, triều như thanh ty...". Trên tường đất sòng với tranh và liễn là một cái nỏ mán và một cái ống địch trúc Hồ quân. Tất cả chỉ có thế. Nồi quạnh hiu và cô đơn ở gian lều cỏ này, đến kẻ nghèo khổ nhất - dưới mực đứa ăn mày một tý - cũng phải rùng mình vì nỗi đơn lạnh. Thấy các cô hàng rượu để ý ngắm cái nỏ Mán, đứa bé chỉ ra phía bụi chuối ngoài hàng rào, trở vào một cái nồi bọng đất úp ngang lên đầu một cây tre cụt: "Ấy mọi khi còn đi lại được, mỗi buổi sớm bác tôi đi uống rượu - không biết ở những đâu - về là lấy nỏ Mán ra tập bắn vào cái nồi đất có vẽ mặt người đó. Phát nào đâm thủng con mắt vẽ vôi kia thì bác tôi lại mang ống trúc ra thổi một lúc rồi bung mặt khóc cho tới lúc lặn mặt giờ. Mỗi lần bắn thủng mắt ở nồi, thì lại thay nồi đất khác. Cả đêm không ngủ, mỗi lúc có tiếng gà gáy lại ngồi cười một mình trong bóng tối và tặc lưỡi thì với con mồi trên vách, hoặc mang cái bát sứ xanh rộng miệng ra, - không biết bác tôi cất cái bát đó đâu rồi - lấy lòng bàn tay nhỏ nước bọt vào rồi vuốt nhanh vào lợi bát, uốn vòng lòng tay ướm theo đường tròn thành bát, tự nhiên cái bát kêu vo vo như sáo

điều. Gắn sáng thì lại ra đi, và lúc nào về cũng say mèm". Ông lão cựa mình mạnh rung lá màn, rên hừ hừ. Đưa bé tắt câu chuyện. Thấy gọi đến nó, nó liền thưa:

- Thưa bác, có các cô hàng rượu đến nhà.

- Ôi chào ôi. Quý hóa quá. Các cô lại còn nghĩ đến nghĩa rượu cũ mà tìm đến thăm lão nữa kia. Lâu lắm lão không được ra cửa ô. Nhà nước có dựng thêm cửa ô nào nữa không? Phải thêm cửa ô chứ! Ô, lại có cả cô Cóm nữa đấy à? Cháu bé đưa chén gỗ ra xin ngay cô Cóm một chén đầy cho bác.

Cô Cóm lom khom rót. Một chén. Bốn năm chén. Mười chén. Ba mươi chén. Chén nào Bó Ô cũng chỉ làm có một hơi. Nhanh và ngon như kẻ khát đường vớ được nước suối rừng, vục nón xuống mà múc lấy múc để. Và rượu vào đến đâu, là chân lông ông già lại dãn tuôn mồ hôi ra đến đấy, làm dầm dề cả vải gói. Nhiều dòng nước trắng cứ theo mỗi chân tóc mà tuôn mạnh ra. Hết cả hai đầu gánh cô Cóm mà Bó Ô còn gào rượu nữa. Rồi ông già bèn cười sằng sặc, nét mặt thất nhặn lại thanh âm càng rộn lạnh mãi lên - diện sắc lúc ấy chếp đùng biến chuyển của mặt các bạo chúa lúc được đặc ý về những việc phá hoại báo ân báo oán vừa gây nên với sinh linh. Lũ hàng rượu sợ quá, không biết đứng ngồi ăn nói bấy giờ thế nào cho phải với chủ nhà.

Bó Ô mới thu nét cười bạo ngược lại, giọng trở nên ôn tồn van vi:

- Lão đã tỉnh lại rồi. Bây giờ là buổi sáng hay buổi chiều các cô nhỉ? Hay là trời đất đã đến lúc được trở nên vô thể rồi đây! Mà trông ra cứ mờ mờ nhân ảnh cả thế này. Tôi chẳng nhận rõ cô nào vào với cô nào cả. À, mà các người ơi, nay còn họp đông đủ mặt với nhau đây, lão muốn phiền các người hứa chắc với lão rằng từ nay sớm, nào các người cũng ghé vào lều cỏ này, mỗi vị đổ vào cái hũ kia cho lão một chén đầy. Lão bây giờ nửa phần dưới thân hình tự nhiên dầm trệ hẳn đi, phải nằm bệt ở đây không lê người ra các cửa ô như mọi buổi sớm trước để ăn mày rượu các người nữa. Bây giờ lão không nuốt được

miếng gì ăn gì cũng thổ ra hết và thiếu rượu thì bị chúng nôn khan, ruột gan đảo lộn cứ như có người sàng sảy trong lòng mình. Bụng dạ lão chỉ còn chịu được cái chất ngũ cốc dầm trong nước men thôi. Các người gắng chia phiên nhau mà cấp nước đó cho lão đến ngày lão chết. Cũng chẳng lâu lại gì đâu. Khéo lắm là hết vụ xuân năm nay.

Miệng Bó Ô lúu lại, bọt mép ông già phồng bong bóng lên, to như bọt giải ông kểnh lúc say giấc. Tay Bó Ô phác họa trong khoảng không trước mặt vài cử chỉ đại nghệch, mắt đỏ rực những tia máu và con ngươi như muốn phọt ra ngoài. Bọn gánh rượu tưởng ông già hóa dại đến nơi, sóc gánh muốn ra đi ngay thì Bó Ô kêu to: "Rồi hãy đi. Tôi đã chết đâu. Đứng đấy mà xem. Thằng cháu tôi đâu? Mày đưa cây nỏ cho bác". Ông già với giật cây nỏ khỏi tay đứa cháu, cong cánh tay lên và lỏng khuỷu tay vào tấm dây nỏ, lấy gân căng dây. Gân mặt ông già hấn oẹ lên những đường đau gằng. Khuỷu tay căng dây mạnh quá, một bên cánh nỏ gãy đánh rắc một cái. Ông già cũng ngất người đi, nằm thiếp trên gối ướt. Chùng đứa cháu cũng được thấy bác nó tỉnh thoảng lại có con ngất người đi như thế, nên nó không lấy gì làm thảng thốt và bảo luôn các người gánh rượu: "Thế này là bác tôi ngủ luôn có khi hai ba ngày và lúc dậy không có ăn gì cả. Chỉ có uống thôi. Và số rượu uống lại dùng tăng gấp bội số hàng ngày. Hình như có bao nhiêu, uống cũng cứ là thiếu. Vâng, các cô cứ rót rượu đầy vào hũ đó cho bác tôi. Vâng, tôi trông nom bác tôi quen rồi. Bác tôi không việc gì đâu".

Đám quang gánh rượu ra đi. Bó Ô vẫn lịm giấc. Đứa cháu lặng lẽ ngồi đánh cờ chân chó một trên nền đất trỉ. Lúc nào đói khát thì nó lại lẩn vào trong làng xin ăn xin uống những bà con trong họ chứ ở cái nhà Bó Ô này, lâu nay quanh năm, không có thổi nấu gì cả. Bó Ô đã không ăn cơm ăn cháo mà lại cũng không uống nước nữa. Cái người lạ ấy không bao giờ thấy đói và chỉ có biết khát thôi. Mỗi lúc tỉnh bữa rượu trước, thấy khát thì lại đem luôn rượu của bữa sau ra mà giải khát. Rất tiện. Cái bếp nhà ấy, giờ cỏ mọc um tùm, bó kín

lấy mấy ông đầu rau lạnh. Ở đây không bao giờ có khói. Và cũng tỉnh không bao giờ có lửa nữa. Tôi đến chẳng cần lên đèn, chẳng cần chặn cổng - nhà còn có gì nữa mà sợ trộm - đưa cháu lăn ền ra ngủ. Trước khi đi ngủ, bao giờ nó cũng mắc một múi dây vào đầu ngón chân cái nó và buộc một đầu khác vào tay ông bác, phòng lúc khuya khoắt, ông bác có cần đến nó thì cứ việc giật dây gọi. (Cái trò này sinh ra từ lúc ông già ấy trệ bại hẳn nửa người).

Tật cũ của Bố Ô ngày một thêm biến chứng. Có người biết việc ông già đại náo trong dinh Ông Lớn đầu tỉnh, ngờ bệnh hoạn của ông bây giờ là khởi nguồn từ ngày ấy. Biết đâu lúc bị cầm ở đấy hai hôm, người ta đã chẳng dùng đến ngón đòn âm mà hình phạt trả thù cái tính bộc trực của ông. Nhưng có người lại bảo rằng tất cả cái thảm kịch bây giờ của ông già chỉ là cái kết quả rất đau buồn của chứng rượu trả nợ cho rượu. Đây là bệnh rượu. Họ nói gọn thế.

Bệnh rượu ghê thực. Giờ nó đối được cả diện mạo và thân hình Bố Ô. Ai là cố nhân của ông già, giờ gặp lại cũng không nhận được ra nữa. Mặt Bố Ô bị rượu chuốt theo hình một cái hũ - cái cằm dài ra đúng đường lượn của cổ hũ - bụng chửa uốn lên như dáng chóe và hai cái chân thì thật là một đôi nậm: bắp đùi thu ngắn và bạnh phồng lên, ống chân thì thót ngăng dài mãi ra. Những đường cong, có bao nhiêu đường cong nơi thân thể con rượu là đều rập đúng những đường lượn của những đồ vật bằng sứ bằng thủy tinh vốn dùng vào việc đựng rượu xưa nay. Hai tay người uống rượu ấy trước kia còn cử động được để với một cái hũ, nghiêng rót nó ra chén rồi đưa vào miệng. Nay nó cũng theo cặp chân mà trệ nốt và cứ buông xuôi thế. Sự chết bất đầu sống trong người Bố Ô. Ở khắp mình kẻ có tật nguyên kia, những thứ ung thư rất kỳ quái cũng bắt đầu phát ra. Nó to bằng quả trứng ngỗng. Có đến hàng chục cái trứng ngỗng nổi rõ trên khắp thân thể. Lúc nó nung chín, nổ vỡ bục ra; rồi theo sau... phì phì là một thứ nước trắng như sữa dừa. Quệt vào mũi không thấy tanh. Chỉ thấy hăng sè. Nước cay ấy nhảy nhồm nơi lá màn,

chăn gối và áo quần. Lũ ruồi nhặng tưởng bỏ đậu xuống đưa vòi ra hút phải đều say ngất đi như bị thuốc mê cánh cụp lại và chân căng co ngửa lên giời rung ngã xuống mặt chiếu. Đứa cháu vốn hay nghịch được một dịp lấy ngón tay gầy lũ trùng ấy lăn ra, vun chúng lại thành đống rồi thả vào những cửa tổ kiến lửa ở chân tường. Cái thứ nước trắng nhờ ấy xông lên cay thực. Đến ngày đưa cháu, nhiều khi con người cũng xót chảy nước mắt ra, những khi nó phải đứng hầu cạnh lâu quá. Từ ngày ông bác nó lại trệ thêm cả hai tay nữa thì cái việc phục dịch ở nó cũng thêm phiền khó nhiều ra. Bác nó vốn không nói được nữa từ luôn với ngày không dùng được tay, nó bèn nghĩ sẵn ra một cách rất gọn để bác nó lên tiếng những lúc muốn nó đến hầu rượu. Đứa cháu mua ngay một cái còi đất cắm sẵn vào miệng ông bác. Lúc nào cần đến nó thì ông già liệt cả người kia chỉ việc thổi mạnh vài dịp là nó đã chạy vào. Đạo sau này, đứa cháu họ Bồ Ô đâm buồn, càng đàn đúm đông dài tẻ. Nó bỏ nhà luôn, suốt ngày chơi quay đánh đáo ngoài sân đình, ít khi ở bên cạnh người bác phé nhân. Lâu, khi ông già huýt còi đến ba bốn dịp nó mới chịu bỏ dở trò chơi với trẻ làng mà chạy về, hầu rượu xong một cái là nó lại tung ra đường ngay.

Trông đứa cháu bốn rượu cho ông già tê liệt kia thì không còn ai ở đời này muốn nghiện rượu nữa. Thảm quá. Bồ Ô huýt xong mấy dịp còi, mắt thao láo chờ đứa cháu, mũi thở phì phò, môi môi mà không dám há miệng, sợ rơi mất còi mà nó chưa về thì làm thế nào mà gọi tiếp. Thành thử cả ngày đêm Bồ Ô cứ phải ngậm còi liền miệng. Bồ chỉ rời cái còi ra khỏi miệng mỗi khi nào đứa cháu nghe hiệu chạy về đổ vào mồm cho vài chén rượu. Nuốt ực xong rượu, ông già mắt đã lim dim đứa cháu lại cắm lại cái còi vào miệng méo xong là nó lại đi ra sân đình ngay để khi nào còi hiệu thì nó mới lại chạy về, có ngày đến bốn lần. Trước, chỉ mỗi ngày một bữa thôi. Vào hồi này, Bồ Ô uống càng tợn. Đến cô Cóm mà cũng phải kêu lên là sự không vừa. Cô tưởng giá Bồ Ô mà trường thọ mãi thì có ngày vốn

của cô đi hàng cũng đến cạn hết. Mà chẳng lẽ lại đi nuốt lời hứa với một vị ân nhân mang tật!

Nhưng giờ đã thương cô Côm và sớm gờ cho cô một lời nguyện. Bó Ô đã tận số và cuối mùa xuân năm ấy. Bó Ô chết cháy.

Chả một hôm, không hiểu tại sao lại có tên dân cày nọ đem nùn rom vào cái nhà lạnh vắng này mà thổi bùng lên để thắp một điều thuốc lào. Lửa ấy bắt ngay vào chăn màn quần áo của ông già Ô và thiêu luôn cả cái túp ấy ra gio. Ngọn lửa xanh lè vờn lấy mình ông già đang say mềm. Xác Bó Ô nứt đến đâu là mùi thịt thui ấy thơm lừng như mùi cá mực nướng bằng rượu không có chút gì là hôi khét cả. Và lúc mà lửa đã hoại xong cái xác kia thì cỗ xương ấy bệch ra như thạch cao ai vụn ra trông trắng nhỏ không khác gì thứ bột để luyện những hòn men. Ngủ cái vụn xương vô tự ấy, lại còn thấy thơm và ngây ngất nữa, trong khi sờ tay vào thì thấy nó ấm như tinh bột men. Gắn đồng gio xương ấy, cái chén gỗ của Bó Ô dùng mọi ngày vẫn nguyên vẹn, không bị sém tí nào. Lửa chỉ trắng lên toàn thân chén một lần men khói bóng. Biết chén ấy có công dụng kỳ lửa, một người làng chuyên buôn đồ châu bảo bền nhứt về bán cho một bậc cự phú nọ lấy trăm nén bạc và chén đó sau tiện thành một bộ khay và lạc vào tay một vị Thái bộc mang theo luôn trong người để phòng việc hỏa hoạn.

Thời nhân, có kẻ rồi thời giờ, ngồi điều tra vụ chết cháy này, bảo rằng đích nhà Bó Ô phát hỏa vì lửa đã bắt đầu bén vào những khí rượu ở miệng mũi tửu đồ phì ra, ở những đồ dùng bằng vải của tửu đồ đã tẩm chất nước men khô đóng lại. Không khí túp gianh ấy nặng những hơi men như thế gặp được tia lửa nùn rom làm gì mà chẳng cháy vèo. Cỗ nước thác đổ cũng không cứu kịp.

(Rút trong tập *Yêu Ngôn*)

Am Sông Tô 23-2-43

## ĐỐI - ROI

*Một đêm giao thừa nọ, chúng quý sắp y ước mà vút xôi oản vào đất mình, Phật mới hiện ra mà bảo rằng: "Đây là Hậu thân của con".*

Ân Ngũ Tuyên

Kính Sám Hối

Cái ông khách đứng tuổi đến chơi uống nước nhà bác Téch Già chi tiền chầu hát tất niên hôm kia nhìn theo một người gầy ốm mặc áo vành tô vừa ra khỏi cửa, hát hàm hỏi nhà chủ:

- Tôi trông cái bác vừa vào bán roi chầu cho bà đây có vẻ mặt quen lắm. Hình như tôi đã có gặp ở những đâu đây.

Sau một giây lát suy nghĩ và dè dặt, bác Téch Già:

- Dạ thưa đây là cậu Đái.

- Đái nào? Cậu Âm Đái con cụ Bố Nam ấy à?

- Vâng chính là cậu Đới đây ạ. Tên cậu, chữ Đái cứ theo lời mấy cụ nhà Nho hay xuống hát ở đây giảng ra thì là đẹp lắm - đâu là cái đai hay cái dải mũ gì ấy - nhưng tất cả chị em trong giáo phường đều gọi chệch đi là Đới.

Ông khách mỉm cười. Rồi liền nhắc đến một đoạn tình sử cũ thuộc Âm Đới.



- Tôi còn nhớ ngày trước cậu yêu cô Tấm - cái cô Tấm ở Ấp ấy mà - say như điên điên. Hồi ấy người ta còn có cái thói là cứ được nằm giường Hồng Công thì mới cho là giàu sang kia. Cậu bèn về nhà đánh lừa vị trưởng họ mở nhà thờ, làm thế nào mà thó ngay được bộ chén ngọc liệu, đem bán đất bán rẻ đi sắm giường Hồng Công để Tấm ngủ cho đỡ đau lưng.

Chủ nhà hát nguyệt ông khách:

- Ông cũng hay nhớ những cái chuyện nhảm quái ấy nhỉ. Tôi tưởng chỉ có chị em chúng tôi trong giáo phường là biết thôi.

- Bà đừng nên tưởng như thế. Bởi vì tiếng lành đồn đã xa mà tiếng dữ đồn thì lại càng xa lắm. Với lại những người đi chơi hay tọc mạch như bọn tôi thì cái gì mà lại không biết. Để tôi kể chuyện tiếp về cái bộ chén. À, cái bộ chén ngọc liệu ấy đâu bán cho cái chú Khách đứng chủ hiệu cao lâu Nhật Tân được gần ngàn bạc. Cậu Đói liền sắm giường cho tỉnh và còn bao nhiêu thì uống sâm banh dần với tỉnh... Thú lắm. Nhưng trong họ cậu, có tí hơi phiền phiền. Là mỗi lần có giỗ họ, tổ tiên, những ngày chính kỵ và tiên thường, không có cái gì khéo khéo để uống một chén nước cúng cho ngon.

- Bây giờ cậu Đói khổ lắm Ạ. Tài tình như thế mà hoá ra hão huyền. Giờ sống bằng nghề chuốt roi châu và vót gọng ô nan hoa xe đạp làm tiêm bán cho các tiệm.

Đứng lên ông khách vẫn giữ cái giọng đùa:

- Ra cái người đi chơi xóm lúc xuống cũng chóng quá bà nhỉ. Thôi về bà Ạ. Qua năm, có lẽ đến giữa giêng, tôi mới xuống ăn cuốn được ở đây với bà.

Một buổi chiều giáp tết, nhẩn nha ngoài đường nghĩ về chuyện cậu Đói, lòng ông khách đi chi tiền hát cũ ra về, giờ mới thấy ngậm ngùi cho cuộc sống của làng chơi lúc xế chiều, tiền hết sức khỏe hết, cái tài hoa còn giữ lại được thì cũng chỉ là thừa. Ông nghĩ hộ cho

người, ông nghĩ luôn thể về riêng ông. Ông thấy rằng ca và nhạc và cái thanh cái sắc ở người đàn bà là thú thực đấy, nhưng đã có bao giờ những cái ấy có thể trở nên một cái bền tốt cho một đời sống của tình cảm. Ở đây gió giời chúa hay gió mặt, nước nông mà lại hay có sóng ngầm. Qua Cổng Trắng, một đợt gió tàn năm tạt ngang tai. Ông khách rùng mình. Một tiếng đàn bà trẻ gọi giật lại:

- Này, vào tôi hỏi cái đã.

Cô Nhẫn! Ông khách ghé vào nhà cô đào Nhẫn.

- Lạnh quá Nhẫn ạ. Gió phố ta lạnh quá.

- Đời bọn tôi còn lạnh bằng vạn cái gió ngoài đường ấy... Qua năm anh xuống hát mở hàng cho Nhẫn nhé. Anh xuống đốt cho em một bánh pháo để mừng cho cái đời có chồng của Nhẫn lại được ngắn bớt đi một đoạn nữa nhé.

Người đàn ông từ chối, viện cớ để không mở quả mít đầu năm; người đàn bà nói lại rằng một người vừa lành đến nhường ấy thì cứ phải xuống "Vời lại đầu năm, ai cũng thế, khai hoa, rồi mới khai bút anh ạ. Sau đó, có làm gì thì mới làm. Anh vốn là người hiểu biết nhiều". Lòng cái ông khách chơi vừa se lại cách đây mấy phút, giờ lại mở toang. Ông cười hà hà như một người được đời sống cho mình có rất nhiều tiền để đem tiền ra mà cười với mọi người. Ông nhận nhời hát mở hàng nhà Nhẫn.

Một kẻ đói rách khúm núm tiền vào. Lại vẫn là cái người mặc áo vành tô bán roi châu ban nấy tại nhà bà Téch Già.

- Bà mua cho một trăm. Hai bó này là đủ một trăm roi.

Rất tử tế, cô Nhẫn mở xác gửi người bán roi ba đồng, không đếm số roi ở hai bộ xem thiếu hay đủ và cắt nghĩa về phía ông khách:

- Bác Đới là chỗ quen. Nhà vẫn còn nhiều roi. Có đến hàng chục ông thâu khoán tới đây đánh trống cho giã gân cốt tay cũng không gãy hết được. Nhưng tôi cũng cứ mua để bác Đới lấy tiền tiêu

hết. Bác vẫn ở trong ngõ Liên Hoa đấy chứ? Bác xem hể lúc nào cô Hương hàng xóm dọn đi thì bảo tôi ngay, để cậu lý nó và các cháu vào trong ở kẻo ngoài này chật lắm. Độ này, cứ hai ba châu một đêm là thường.

Ông khách vui tay rút một cây ra khỏi bó roi vừa mua. Ông thử roi và mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi uốn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo. Bác Đới tiến gần lại:

- Dạ thưa đây là gỗ ruối.

Ông khách lại uốn đến cái roi khác ở bó thứ hai. Roi mới uốn được có một chút đường cong thì kêu đánh rắc, gãy đôi.

- Thế cái này hẳn là gỗ găng?

- Dạ bẩm ông tinh lắm. Gỗ ruối thì dẻo bền hơn. Nhưng thường bán ra, tôi vẫn đưa một nửa ruối và một nửa găng. Được cái các bà các cô ở xóm vốn có bụng thương nên đều vui lòng nhận như thế cả. Với lại các ông tính, chúng tôi làm nghề chuốt roi châu mà đánh đến một nghìn bài Thét Nhạc rồi mà đời một cái roi bán ra ấy vẫn cứ lành vẹn thì chúng tôi sống thế nào được, nếu không liệu thay nghề đi.

Ông khách gật gật, cười hóm hỉnh:

- Nhưng ngộ tôi muốn có một cái rất bền có thể dùng hết đời mình và lại còn truyền đến đời con tôi sau này nữa mà không gãy thì liệu bác có cái nào không?

- Dạ ông đùa kẻ hèn mọn này hay là ông nói thực?

- Tôi nói thực đấy.

- Dạ thế ông cứ ngồi đây, tôi về nhà lấy đem ra. Ông uống tàn ấm trà với bà Nhãn thì tôi ra đây.

Người bán roi đi rồi, chủ nhà nói chuyện về người bán roi:

- Anh có biết rõ về cậu Đới này không? Hát từ hồi còn Hàng

Giấy kia đây. Độ chị tôi dọn trên ấy cậu thường đến phá luôn. Tôi còn bé bằng này. Giờ thì cực lắm. Bán roi châu cho mấy xóm. Nên gọi là Đới - Roi. Này, tài hoa lắm nhé. Cậu ta mà đánh ba tiếng trống gọi rất tròn rất đĩnh đạc thì đến bà cụ Trưởng Bầy đang ngủ cũng phải chồm dậy mà ra xóc phách.

Những lúc say đùa mà cậu nhại lối hát Áp thì cứ bỏ ra mà cười. Lại đánh được cả đàn đay nữa. Giả chịu khó uốn nắn thêm ít tiếng nữa thì ghim đàn đay được rồi đây. Chúng tôi thỉnh thoảng có khuyên cậu nên xoay tãi ra mà làm kếp còn hơn là chuốt roi thì cậu kêu rằng giờ cậu lấy làm sợ những tiếng tơ tiếng trúc và nếu có tập thêm để đàn quanh đây thì rồi lại cũng chỉ đến thành một anh kếp một để mà đắc tội thêm với tổ, nên cậu không muốn. Chữ nghĩa như thế mà không thành một cái danh phận gì thì cũng uổng và cũng tội. Cái bài *Tỳ Bà* chữ, chữ viết lối triện treo trên gác là chữ bác Đới - Roi đây. Chị tôi cho mượn treo đến hai năm nay và giờ tôi có ý chiếm hẳn. Người vậy mà hay khái lắm đấy nhé. Cô Vy - Đồng - Bóng mê lắm. Mà xem cậu Đới thì hình như cứ làm như không biết ấy. Thế có lạ không?

- Vy nào? Hay là Vy lấy cái lão người Cự Đà mà nó cứ gọi là Mặt-Thủ-Lợn ấy phải không?

- Chính. Tinh con bé cũng ngang lắm. Nên mấy lần dọn nhà hát đều sập cả và giờ thì chỉ đi hát mảnh thôi. Khối người chấp chơi. Mà nó vẫn gan.

Đới-Roi đã lộn về, xách một cái túi vóc lam đựng đôi roi châu. Ông khách xem qua, biết ngay là thứ roi quý. Một cây bằng gỗ Khổng, một cây bằng gỗ Nguyệt Quế. Roi gỗ Khổng khắc cả một bài *Hữu Sở Tự* chữ lệ và riêng mấy câu "Mỹ nhân hề mỹ nhân - Bất chi vị mộ vũ hề chiêu vân - Tương tư nhất dạ..." thì viết theo lối hành thư. Roi gỗ Nguyệt Quế khắc một câu Thiên Thai: "Thanh đài bạch thạch dĩ thành trần". Đều là nét khắc của cậu Đới cả. Ông

khách lấy làm đắc ý lắm, ngắm mãi và uốn mãi, luôn tay thử mãi vào mặt trống.

- Tôi phải lấy hai cây này. Bao nhiêu?

- Cái đó tùy ông. Tôi giờ thất thế, có giữ thì cũng chẳng dùng đến nào. Nhưng ông cũng chỉ nên lấy một cây thôi. Còn cây có khắc câu Thiên Thai tôi giữ lại làm kỷ niệm.

Ông khách là người biết điều, đưa ba chục, lấy cây roi *Hữu Sở Tư*.

Lúc tỉnh rượu, giờ Tết lúc ấy áng chừng độ năm giờ. Ngoài ngõ, vẫn mưa phùn. Đói - Roi vào nhà trong tìm không thấy Vy đâu cả. Con sen vừa đi đâu về đưa ra một bì thư. Thư rằng "Anh Đói ơi, em phải yêu anh..."

Đói - Roi ngồi lặng người đi. Lời thư quyết liệt lắm.

- Mợ con dặn khi nào ông dậy thì nói là mợ con phải đi hát mảnh hát đầu năm. Một mảnh chúc thọ dưới Ấp và một mảnh mở cửa hiệu trên Hàng Ngang. Mợ con dặn đun nước hạt mùi để ông tắm. Và tối thì mợ con về cùng đi ăn với ông.

Đói - Roi gật. Mặt người bán roi lại nghiêm trang và xa vắng hơn cũ. Thế này thì ra Vy nó muốn lấy mình và đêm nay là một tối tân hôn của nhau đây. Vy nó thương một anh bán roi không muốn cho anh bán roi phải khổ nữa! Đói - Roi hút hết ba xu thuốc Lào. Miệng Đói - Roi cười ra chua chát và mắt thì ướt dần. Từ lúc sa sút, chưa khi nào chàng thấy bận lòng hơn phút này. Đói - Roi hiểu Vy thương mình lắm. Nhưng gắn cái thân mình vào đời Vy chàng thấy là buộc một quả chì vào đời người ta để rồi mà chịu ơn đời đời. Mà từ sau phút này, từ chối Vy nữa, chàng thấy sống là một sự hết cả vui. Mà nếu không lấy người tri kỷ thì lấy ai? Mà cứ đi chuốt roi mãi như thế này, tết ấy qua tết khác, sống bằng sự thương hại của một giáo phường thì cũng là một điều hờ. Đói - Roi vừa nghĩ ra được một việc rất hay phải làm ngay, không thì chẳng có lúc nào làm được. Đêm

ấy, không để một chữ gì cho Vy, gọi là đáp đền nhau một cái tri ngộ, Đói - Roi đã men ra phía Cổng Trắng treo cổ lên ngành tre bên dòng nước tù.

Và rồi càng về sau này, cái người trai không vợ ấy đã thành một ông mãnh rất thiêng thường hiện ra để quấy nhiễu nhà chủ cô đào ở Khâm Thiên dám vô lễ với vong hồn mình vẫn oán kết gần quanh kỹ viện. Nhiều nhà hát, những đêm không có khách, đã khoá trái cửa gác rồi mà vẫn cứ nghe thấy có tiếng đánh trống trên đầu. Cúng thì lại hết.

## LỬA NÉN TRONG TRANH

**T**ên thực ông Tây già chủ đồn điền ấy là Rê-Bít-Xê. Nhưng người mình đã Đông phương hoá cái tên ông Rê-Bít-Xê từ hồi ông còn là quan cai trị xứ này. Trước khi được về hưu để vỡ đồn điền giống cà phê ở hai vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, ông Rê-Bít-Xê đã làm chức công Sứ ở nhiều tỉnh Trung Bắc lưỡng kỳ và, sự thực, cái tên Rê-Bít-Xê được hoá chệch ra là Lê Bích Xa là từ cái hồi ông Tây đó bắt đầu lĩnh chức Đại Pháp Lưu Trú Quan ở tỉnh Quảng Ngãi. Quan Tuần vũ Quảng Ngãi là người hoàn toàn cựu học, mỗi lần có giấy má gì ở bên tỉnh đưa sang toà mà không có tính cách công văn lăm, lại viết lên đầu thư riêng: "Lê Bích Xa Công Sứ đại nhân..." Quan Tuần lấy làm thú lăm. Chữ Lê Bích Xa, nghe nó Tàu lăm, không có tí gì là Tây nữa. Và chẳng ngài không có chút nào là dính với cái học mới nên chữ "Rê" mà đọc ra "Lê" nghe nó cũng tiện lợi: ngài và thuộc hạ phải cái bệnh là không uốn được tắc lưỡi. Cho nên mỗi lần có quan Công Sứ nào mới đổi đến mà tên có vần "r" là vần tên ấy sẽ biến cả ra là Lê hoặc La, Li, Lô, Lu, vân vân. Có lẽ cũng vì thế mà đại danh quan nguyên Toàn Quyền Rôbin đã biến thành Lỗ Bình đại thần.

Nhưng mà chúng ta nên trở lại với cụ Tây đồn điền Rê-Bít-Xê nguyên là Lê Bích Xa Công Sứ đại nhân. Và muốn tránh sự bỡ ngỡ của chúng ta mỗi khi đọc những ngoại âm, trong truyện này, vai chính của chúng ta sẽ được mãi là Lê Bích Xa.

Vậy thì cụ Lê Bích Xa là một vị chí sĩ làm đồn cà phê vùng

Hoài Hoan. Cụ Lê doanh ấp lập trại ở đây từ bao giờ thì không rõ nhưng những gốc cà phê thấy đã to lắm, Cụ đã cho trẩy hạt bán ra ngoài không biết đến mấy vụ rồi. Vị hưu quan đó giờ là một lái buôn chính hiệu và thỉnh thoảng lại cho lộ ra cái cốt tày tử của mình những lúc chơi tranh xem tranh hoặc bày tranh. Cụ Lê không vẽ tranh, nhưng cụ buôn tranh. Hình như tôi đã quên không nói ngay ở đầu rằng cụ Lê Bích Xa là một người buôn tranh cổ. Nhiều bức lạ lắm. Đã đành là đẹp. Nhưng nhiều bức quái lắm, quái lạ như là trò phù thủy dính vào ấy. Nhiều người được cụ lấy tinh thần cho xem những bức tranh cổ - những bức quý như thế, cụ Lê ít khi cho bày ra chỗ công chúng thành hẳn một cuộc triển lãm, lúc trở ra đều ngỡ ngác ít nhiều và cụ Lê là một người có ảo thuật hoặc không thì cái người vẽ tranh cổ đó cũng là một ảo thuật gia.

Nhà riêng ông Tây già Lê Bích Xa nhiều tranh quá. Người ta phải tưởng đây là một nhà bảo tàng chứa tranh Tàu. Tiền của mỗi vụ cà phê thu về rất nhiều nhưng chủ nhân đều cho đi mua tranh hết...

Người ta ngờ việc mở đồn điền của vị Tây già này chỉ là một cái cớ và mục đích muốn đạt được thì phải là một bảo tàng viện cổ họa Trung Quốc kia.

Cụ Lê Bích Xa có dùng một vị Tây lai trẻ tên là Dăng để giúp cụ những lúc soạn tranh tìm tranh. Có người lại bảo cậu Dăng này ngày trước có làm phóng viên trường Báo Cổ Viễn Đông. Cái điều chắc chắn nhất là cậu Dăng người rất ít tuổi nhưng sức học nặng lắm. Không rõ cậu học môn khảo cổ từ bao giờ mà môn học so sánh của cậu sâu rộng đến nỗi các niên hiệu, các tên vua lịch triều bất kể nước nào và tên các nghệ sĩ bất kể thời gian nào xứ nào, cậu nhớ vanh vách rồi, thì là kê khai so sánh, suy luận. Giá có viết ra thì thành từng pho sách được đấy. Ở, người cậu thành ra là cả Đông Tây Cổ Kim rồi còn gì nữa. Suốt một vùng Nghệ Tĩnh ai cũng biết cậu Dăng. Nhưng họ chỉ biết đây là một người Tây lai hạnh kiểm rất khá, không



có gì là mất nét, bao giờ cũng nhớ đến mẫu hệ, rất có hiếu đối với mẹ với người bên ngoại, thường vẫn lấy lễ ra mà xử. Dân gian gần đó chỉ biết về cậu Dăng có bấy nhiêu thôi, chứ thực không rõ một tí gì về cái tài đọc tranh và cái sức đi tìm tranh của cậu ở khắp vùng quê Bắc Kỳ.

Một lần ấy cụ Lê Bích Xa gọi cậu Dăng lên buồng riêng và sau một tuần cà phê đặc có chế rượu rôm:

- Nay Dăng, có lẽ cũng nên sắp mà đi Hưng Yên đi thôi. Về chuyện cái bức tranh *Hàn Kỳ* ấy mà. Hình như có một lần vào rừng săn hươu, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe rồi. Lúc ấy đang cùng mãi tìm lốt chân hươu, cậu có nghe và nhớ không? Nhưng tôi cũng cứ kể lại. Nguyên hồi tôi còn ở chức Chủ hiến vùng Hưng Yên, có một người Chánh tổng huyện Ân Thi đem dâng tôi một bức tranh để gỡ mình khỏi một vụ án hình. Hồi đó tôi còn quý cái lương tâm nhà nghề lắm. Và lại lúc ấy còn trai khỏe, tôi chưa để bụng vào chỗ chơi đồ cổ. Tôi bèn đuổi lão Chánh tổng đó đi và dọa bỏ tù nó thêm về cái tội đòi hối lộ thượng quan. Cái thằng cha táo bạo thế? Bây giờ tôi mới biết bức tranh đó là quý. Nó vẽ một ông Tướng già đang ngồi xem sách đêm trong quân trướng. Trên án sách có một ngọn nến cháy trên đế sơn. Góc phải bên án, có vẽ một thanh bảo kiếm tuốt trần ghêch lên cái hộp tướng án. Trông thì bửu thiêu lắm. Lụa bồi đã bong rách và lòng tranh nhiều góc gián đã nhám nhiều. Nhưng mà tranh đó... (nói đến đây, Lê Bích Xa ngừng lại, tọt thêm một ngụm rôm, đôi mắt già sáng bừng lên bao nhiêu là thèm muốn)... nhưng mà tranh đó, cái chỗ quý giá thì không biết thế nào mà nói cho hết được. Mua được về rồi con mắt người Mỹ mà nhìn thấy là chúng ta sẽ có một cái cơ nghiệp để hưởng chung, Dăng ạ. Tôi tin rằng cậu và tôi, bao giờ cũng sống gần nhau mãi mãi. Tôi rất tin và yêu cậu như là con. Rồi dần dà tôi sẽ truyền hết cho Dăng những cái sở đắc của tôi về cái bí thuật tìm tranh cổ.

Sớm ngày sau, dân hàng áp đã đánh sẵn xe ngựa cho cậu Dăng xuôi tỉnh để đáp tàu ra Bắc - xe ô tô; tài xế ốm nặng. Cậu Dăng đánh thức cụ Lê Bích Xa dậy.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

Cụ Lê dụi mắt ngáp:

- Hôm qua tôi uống nhiều quá. Có lẽ gần chai rôm. Ít khi cao hứng như thế.

- Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

- À, tốt lắm. Đi đi.

Cụ Lê rút ở tủ két con thóc vào mặt tường, phía trên thành đầu giường một cuốn sổ in, ký vào một tờ vẽ hoa rêu, lẳng nhặng và xé đưa cho Dăng.

- Tạt vào nhà Đông Pháp ngân hàng Hà Nội mà lấy tiền. Đi Hưng Yên lấy tranh xong rồi tiện đường, sang luôn bên Cổ Am hỏi xem dân làng đã chịu bán hay chưa, cũng cứ đưa cho dân làng trước một nghìn bạc cho họ tiêu chơi. Mà phải lấy dấu Lý trưởng và cả một vài chữ ký của bộ lão nữa nhá. Thôi, đi cho được nhanh chóng. Tôi ngủ lại, có lẽ chiều hôm mới dậy.

Cụ Lê Bích Xa ngáp, vươn vai. Thấy Dăng vẫn còn ngằn ngừ, cụ tưởng là cụ đã hiểu một điều gì, bèn cười:

- Cái séc ấy, bốn mươi ngàn phật - lằng, cha tưởng là thừa thãi lắm chứ còn gì nữa. Một nghìn đồng đưa cho dân bên Cổ Am và còn ba nghìn đồng thì mua bức tranh. Có lẽ mua tranh, đến ba ngàn đồng, cũng là nhiều lắm rồi.

- Không phải thế. Tôi muốn ông cho tôi cái địa chỉ của người Chánh tổng có tranh đó kia.

- Tôi cũng không nhớ là về làng tổng nào và tên người đó tôi làm thế nào mà nhớ lại được. Và lại tôi tưởng một người như Dăng thì có cần gì phải hỏi kỹ đến như thế mới tìm đến được nhà người ta.

Cậu làm như xưa nay chưa bao giờ thuộc lầu địa đưà hàng tỉnh của xứ Bắc ấy.

Cụ cười. Cậu Dăng cũng cười theo. Cụ Lê Bích Xa chia tay ra, lắc mạnh tay Dăng: "Thôi đi cho tốt" rồi chui luôn vào chãn.

Ngoài cổng đồn điền tiếng móng ngựa, dịp nhạc và sát vòng bánh thừa và bé dân.

Sau đó độ dăm hôm, dân vùng Ba Tổng Lê ở Hưng Yên nhao nhao lên với nhau rằng hình như có quan Đoan về sục rượu lậu. Có người lên mặt thông thạo lại thì thăm rằng đó là quan Tây khảo cổ về đào mã Tàu đấy chứ. Cái việc Dăng về một làng vùng Ân Thi tìm mua tranh, đã là một việc náo động cả cuộc đời an nhàn càn cù và bình dị của đám dân quê. Người ta sợ sệt lo lắng cũng mất đến một ngày tròn. Mãi sau ông Lý sờ tại mới cắt nghĩa rằng đấy là quan Tây về mua cái bức tranh quái gì của cụ Chánh Thuận "đâu giả những mấy nghìn bạc" thì cả làng mới thờ đánh phào một cái và lại cày cuốc gánh gồng được như cũ.

Cậu Tây Dăng mà tìm đúng được nhà cụ Chánh Thuận kể cũng tài thật. Thì ra đối với những người đi tìm vật báu trên đời thật không có cái gì là khó là không làm được cả. Có thể thôi, chứ dẫu có đến thiên nan, họ cũng chẳng coi là mùi gì. Về những cái gay go trên con đường tìm đồ cổ, đâu có lần Dăng đã có nói chuyện đến những cái vất vả lúc vào tụy đạo dưới mặt đất Ai Cập để tìm vào lăng tẩm các vua Pha-Ra-Ông.

Đứng trước bức tranh cổ của cụ Chánh Thuận vừa cho treo lên một cây cột mẹ gỗ mít giữa nhà thờ, Dăng ngắm mãi vả ngờ ngợ. Lòng tranh thì cũ xưa mà lần vóc bồi thì tươi sáng.

- Tranh này, hình như tiên sinh mới cho bồi lại.

- Dạ bẩm quan, có thể. Mới bồi độ dăm năm nay. Vì nó đã nát lắm rồi.

Dăng trầm ngâm trước tranh, cố tìm cái quý giá trong những nét vẽ đã gần bay hết đường bút lông. Cậu ngắm mãi hình người trong lòng bức tranh trung đường. Cậu chỉ thấy nét mặt ông Tướng Hàn Kỳ là tươi đẹp quắc thước. Chỉ có thế thôi. Nét chỗ khỏe, chỗ mềm dẻo tài tình. Nhưng chẳng nhẽ cả giá trị bức cổ họa lại chỉ có thế? Đã gọi là vẽ thì họa sỹ nào hẳn cũng phải vẽ đến được như thế. Phải có những cái gì khác thế nữa kia chứ! Thì cụ Lê Bích Xa mới chịu trả ba nghìn đồng và tỏ lòng thèm muốn như đi mua ngọc biết nói. Cụ Lê Bích Xa, về môn cổ họa, Dăng đã phải tôn lên làm bậc thầy học mình kia mà. Cái tài học ấy, Dăng đã được bái phục về cái lần đó cụ Lê giảng cho Dăng về màu phẩm huyền ảo của những bức tranh đậm sơn môn bên Tây Tạng.

Dăng đứng rồi Dăng lại ngồi. Sau khi đặt cái ghế bành hương vào bức tranh cách tranh độ ba thước để "quan" - Dăng ngồi thẩm tranh, cái ông cụ Chánh Thuận, cả một buổi sớm ấy cũng mất cả công ăn việc làm, và chỉ biết có nín thít mà ngồi túc trực đó xem người mua tranh có cần dùng hỏi han gì không. Cái ông Tây trẻ đó cũng là lạ. Ngồi suốt một buổi, bên cạnh cụ Chánh Thuận, ông không nói lấy một câu. Ông chỉ có vòng tay trước ngực, ngồi đực ra và dán chặt mắt vào tranh. Ông hút không biết bao nhiêu là thuốc lá. Tàn tro và mẩu đầu thuốc dưới chân vị Tây trẻ, đã đùn lên thành một đồng rác. Ông lim dim mắt, nhìn bức họa qua vờn khói, say sưa và thắc mắc và có lúc nét mặt người trẻ ấy xa vắng như khuôn mặt một nhà sư già nhập thiền lúc tĩnh tọa. Dăng càng ngắm tranh, càng thấy mình bất tài. Chàng ngần ngừ, lúc đứng dậy cầm ví đếm tiền, chàng có ý không muốn trao nó cho ông Chánh Thuận. Không phải Dăng có ý tiếc tiền, đâu rằng cái tiền ấy không hẳn của mình lấy may. Từ đi vào con đường khảo cổ, Dăng đã được dùng tiền nhiều gấp bao nhiêu ngàn ấy kia. Có khi chỉ đổi lấy một mảnh sứ vỡ. Dăng cũng đã bỏ ra một số tiền bằng tiền mua một nếp nhà lầu rồi kia mà.

Nhưng thôi, lời thầy đã dạy như thế, Dăng chỉ có biết tuân theo,

Dăng đưa đủ số cho ông Chánh Thuận và lên đường về lĩnh mệnh cụ Lê Bích Xa.

Cụ Lê Bích Xa đã nhận được điện tin của Dăng trước ngày về, đem tranh về. Cụ liền soạn sẵn một bữa tiệc lớn cho riêng chỉ có hai người: cụ và Dăng. Và đám dân đồn điền lấy làm lạ về việc cụ cho họ nghỉ luôn những ba ngày luôn mà vẫn cứ cho ăn cả lương. Không những thế, họ lại còn được chủ đồn điền ban cho gạo thịt, rượu, cà phê và đường; cứ bốn người một chai rượu và tám người một kilô cà phê. Người bảo rằng hay là cụ Lê Bích Xa lại ăn mừng sinh nhật. Nhưng có kẻ thông thuộc việc nhà ông chủ, lại nói rằng lễ sinh nhật mọi năm thường làm vào giữa mùa lạnh kia mà. Có đâu một người trong một năm lại ăn những hai lễ sinh nhật mình. Cả đồn điền cà phê xao xuyến - Cụ Lê Bích Xa vui.

Cái buồng riêng của cụ Lê Bích Xa đã được kê dọn lại. Cụ cho cất bớt đi rất nhiều thứ. Mọi khi gian buồng này, không mấy ai được vào. Thân tín đến như Dăng mà đâu cũng chỉ được để chân tới vèn vèn hai lần. Đây đã gần như một nơi chính tẩm một ngôi đền. Đây chứa rất nhiều của lạ trên thế gian thuộc về đủ các loại. Những kỷ niệm lữ hành. Những vật quý tích trữ được, sưu tầm được. Linh rinh quá. Và có nhiều vụn vặt bé chỉ bằng khay áo mà nói đến là y như là cơ man tiền bạc. Mỗi vật đều có trước số theo thứ tự phân loại, kê khai vào một cuốn sổ và được chụp ảnh lại dán riêng vào một cuốn an bom, dưới mỗi ảnh đều có cước chú hình dáng cân lượng màu sắc, và cả tên tuổi những vị tiền chủ các vật đó. Thật là cả một cuốn sổ căn cước, một sổ bộ lý lịch. Thường mọi ngày, cụ Lê Bích Xa, mỗi đêm vào phòng này, đều phục sức rất trang nghiêm, tay cầm nến rọi vào từng vật, dáng đi chậm chạp thành kính; đứng ngoài nhìn cái bóng chậm yếu ấy cử động dè dặt, ta tưởng đây là một kẻ tu hành đang thắp kính làm một lễ dâng hương vào những giờ u tịch của đêm Áp.

Dăng đã đưa bức cổ họa về. Bàn tiệc đã bày sẵn. Lê Bích Xa không cho Dăng có thời giờ đi thay quần áo và tắm gội, cụ liền nâng mừng Dăng một cốc ứýt-cây tẩy trần và đòi xem ngay tranh. Tường đã đóng sẵn một cái đinh mới. Cái đinh ấy chờ bức tranh cổ đã từ mấy bữa nay. Hai thầy trò loay hoay mắc lên đấy. Ngồi đối diện bức họa xưa thốt tha trên nền tường, sự chăm chú của Lê Bích Xa bị nghi ngờ tràn mãi vào. Lòng hoài nghi ấy càng tăng thêm mãi. Kính tuổi, có khi đeo hai ba kính trông lên nhau. Đến lúc mà cụ đi gần lại tranh rọi kính hiển vi lên nền lụa cũ một hồi lâu xong rồi, cụ quay lại Dăng và chậm rãi:

- Hồng mắt rồi Dăng ạ.
- Thừa thầy tranh này vừa bồi lại. Họ cũng nói thế.
- Chính vậy, họ đánh tháo mắt ruột tranh rồi. Chúng ta bị lừa to rồi.
- Thầy muốn nói đây, không phải là nguyên bản bức tranh? Đây chỉ là một bản sao bức cổ họa.

Cụ Lê Bích Xa không trả lời. Mặt người sư tầm đồ cổ có những nét chìm đường nổi của suy nghĩ và thương tiếc. Lại cho người ra Ba Tổng Lê đòi lại tiền lão Chánh Thuận? Máy ngàn bạc, tuy là một số tiền to tròn đầy, nhưng đòi lại để mà làm gì. Cái đáng giữ lấy, đâu có phải là tiền. Bức tranh cổ kia chứ. Rủi bị tranh giả, Lê Bích Xa chỉ hận tiếc mình đã chẳng có duyên với vật báu, giờ biết nó lạc vào đâu mà săn tìm. Người đã biết chơi cái ruột tranh xưa đó, hẳn không vì vàng bạc mà thuận nhường lại cho, vì có biết mà tìm đến cầu thân.

Một đêm rờng ấy, chủ không ngủ.

Ông già ngồi đối diện bức tranh có đèn măng sông ba trăm nến soi tỏ. Ánh sáng mạnh và xanh trong càng làm tỏ thêm những thờ dài tiếp thêm của chủ áp không ngủ.

Ngày sau, Dăng lên buồng thỉnh an thầy và hỏi cụ Lê Bích Xa xem giờ nên xử trí ra sao với bức tranh bị đánh tráo và chàng xin chuộc lại lỗi bất tài vô học sơ suất của mình bằng sự bỏ tiền ra đền lại cho cụ, nếu Chánh.Thuận mạnh tâm không hoàn lại mấy ngàn đồng.

- Thầy bắt đền con mà làm gì. Thầy cũng không đến nỗi nghèo thiếu. Và bị mua nhầm tranh này, lỗi cũng không hẳn tại con cả. Vì cái học lực xem cổ họa của con, dẫu sao cũng chưa được vào mực cao đẳng. Mà lúc con đi lấy tranh, thì thầy lại không dặn kỹ về cách thử. Ai biết đâu rằng trong thế giới chơi tranh lại cũng có người quái quỷ như mình. Kẻ kia đánh tháo ruột tranh, thực cũng là người có mắt tinh đời, đáng nên gằn lắm.

- Có lẽ người ấy là tên khách bồi tranh.

- Rất có thể.

- Con muốn được nghe thầy giảng cho về cái quý giá của bức họa.

- Thầy sắp nói đến mà. Con hãy ngồi xuống đã. Uống đi. Và cũng không nên tiếc nữa. Vô ích. Thế gian còn vô khối cái khéo cái quý. Chỉ sợ mình không có mắt xanh đối với những vật có bề ngoài của vô hồn. Chỉ sợ mình kém đức để được làm bạn với vật báu thôi, con à.

Cụ Lê Bích Xa từ tốn đặt xuống bàn một bộ đồ hút thuốc lá chưa quận, lấy ở giá điều ra hai cữ pip, đưa cho Dăng một. Mùi thuốc thơm ở hai ống điều tỏa khói dần. Nước bọt chốc chốc chảy từ họng điều xuống tàn lửa mỗi thuốc, đánh dấu thời khắc qua bằng những tiếng xèo xèo gọi cảm. Lê Bích Xa đứng lên đi mấy vòng, bắt đầu giảng về bức cổ họa Trung Quốc, giọng đĩnh đạc trong trẻo. Buồng người chủ Ấp có tuổi, phút đã trở nên một giảng đường mà Dăng là một thanh niên chăm chú.

- Con có biết tác phẩm này là của ai không? À của Lỗ Hường Diên người tỉnh Mân - cái tỉnh Trung Quốc nổi tiếng về môn hội họa quái ảo, hẳn con đã từng! Như con trông thấy đó, tranh vẽ một ông

Tướng và một ngọn nến cháy soi xuống một cuốn sách mở của ông lão Tướng. Tất cả giá trị huyền ảo của tranh là thu vào ngọn nến. Ngọn nến ấy, nếu cha đánh diêm châm vào thì nến sẽ cháy sáng như một ngọn nến của cuộc đời thật tại chúng ta. Con hãy cứ bình tĩnh ngồi xuống mà nghe cha nói tiếp. Cha nói cái gì nhỉ? À nếu châm lửa vào đầu nến đó của tranh thì tranh sẽ sáng bùng lên. Và, chỉ có nến cháy thôi, chứ tranh vẫn âm u nguyên vẹn; lửa nến sáng vẫn không làm hại gì đến đời vật chất của tranh. Muốn cho tranh trở lại vẻ bình thường của tranh thì chỉ có thổi tắt phụt ngọn nến đi thôi.

- Thưa cha, con đi vào con đường cổ họa Trung Quốc kể cũng đã lâu ngày nhưng chưa từng nghe chứ không nói gì đến sự thấy nữa - tới những việc quái dị như vậy.

- Dăng, con hãy đứng lên ghé kia, đánh hộ cha một que diêm và châm ngay vào đầu nến tranh.

Tranh tự nhiên sáng bùng lên. Nến bốc dần sức sáng, soi xuống trang sách và khuôn mặt hồng hào vị tướng già quắc thước ngồi trong lòng cổ họa. Giá lúc này, lửa nến lả lay ngọn đi một chút theo với tí giao động của phòng khách đây thì Dăng đã tưởng Tướng Hàn Kỳ ngồi kia là người của cuộc đời này và đang là một vị quý khách ngoài thời gian của chủ Ấp đây. Dăng lùi mãi ra xa, nhỡm tuyến bị sự hiển linh của trang sáng chi phối. Chàng dụi mắt. Giữa không khí kinh ngạc kinh sợ thâm lặng đem lại bởi quái ảo, giọng cụ Lê Bích Xa cũng phào phào xa vắng như từ một thế giới nào gửi về - Lụa vẽ tranh, nguyên có những hai lượt. Vỉ còn cả cái ruột tranh không bị người có mắt tinh đời nào đó lấy mất, thì ngọn nến sáng của chúng ta cháy mãi mãi. Ta có thể treo mãi tranh này trong nhà, dùng ngọn nến này mà chơi thay đèn, đêm đêm thấp lên. Nhưng uống quá, chúng ta chỉ còn có một lần lụa ngoài của bức tranh nên sự thần diệu này chỉ có được trong giây lát thôi. Thấp lâu nữa thì cháy luôn cả tranh mất. Con lại chịu khó đứng lên ghé thổi tắt nến tranh đi rồi cha



sẽ giảng tiếp về cái bí thuật của lối họa xưa tinh Mân này.

Nền tranh tất. Phòng giảm hẳn sức sáng - cái cây bạch lập nơi tranh lúc sáng tỏ, sức sáng vốn ngang bằng một ngọn măng - sông nhỏ. Mùi cà phê tỏa trong sáng dịu của phòng lặng.

- Lỗ Hường Diên vốn là một họa sĩ nổi tiếng về môn vẽ và lại kiêm cả khoa thổi miên nữa (Tinh Mân vốn lại là quê hương của môn Hư linh học). Cứ chỗ thầy biết thì lúc tạo nên bức tranh này, Lỗ đã phải đi hành hương mãi vào vùng Ma Thiên Nhẫn để tìm nguyên liệu như chất lân tinh và diêm sinh ở những mỏ hoang gần đây - Núi Ma Thiên Nhẫn, vốn là đất cổ chiến trường - và chất thạch nhưng ở đáy lòng sông Bộc Lý. Con cũng thừa biết công dụng hóa học của mấy loại khoáng này. Lân và diêm sinh thì cháy sáng và thạch nhưng thì không cháy, mặc dầu bỏ thẳng vào lửa. Lựa vẽ tranh, dẹt bằng tờ loại sơn tằm đánh sẵn lại với thạch nhưng cán nhỏ ra. Vẽ đến ngọn nến, họa sĩ dùng chất lân và diêm Ma Thiên Nhẫn trộn lẫn với thuốc vẽ. Vẽ xong, họa sĩ thổi miên vào đầu ngọn nến. Đây là ruột tranh. Cái lân trong. Lân lựa vẽ ngoài, chỉ là cái lướt hoa mỹ của màu sắc và hình vẽ phủ lên để giữ vững cái cốt kỳ diệu ở trong. Tranh cổ lâu ngày, lướt lựa ngoài cũng hấp thụ được cái thần diệu của cốt trong. Và thấp vào ngọn nến ngoài cũng có cháy. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc thôi.

- Thừa cha, những lối hiểm hóc này của môn hội họa, cha sở đắc được ở nguồn khảo cứu nào? Sách không có nói đến.

Cụ Lê Bích Xa sẽ cười mỉm không trả lời thẳng vào câu hỏi của Dăng. Cụ kể sang một chuyện khác:

- Cái lối vẽ lấy chất lân trộn vào thuốc để điểm ngọn lửa tranh và lấy thạch nhưng để làm nền tranh, đâu có cái bức vẽ tích "Phục Nữ Thổ Thù" cũng gần như thế. Nguyên tranh này diễn lại việc nàng Phục Hy Nga đọc cho Thượng thư lệnh Triều Thổ đòi Hán chép lại những lời của lữ sách bị mất đi về đời Tần Thủy Hoàng phần Thuê

khanh nho. Lúc Phục Hy Nga đọc cho Triều Thổ ngồi chép, bên án sách có hai người quỳ nâng đèn lồng soi sáng trong sách. Ấy lửa đèn lồng, cũng điểm theo cái thuật ấy. Nhưng không rõ tranh tích sau này có phải là sản phẩm của Tinh Mân không.

Cụ Lê Bích Xa ngừng một hồi lâu rồi bàn với Dăng:

- Bây giờ cha nghĩ thế này. Là cũng không đòi tiền cái lão Chánh tổng ấy nữa. Và cũng không giữ tranh này để chơi riêng nữa. Cha sẽ tổ chức một buổi nói chuyện về cổ họa Tàu và đem đan cử luôn tranh Hàn Kỳ này ra và châm lửa nhen thí nghiệm ngay cho công chúng xem. Sẽ làm một tiệc trà tại Câu lạc bộ Pháp Việt ở Vinh. Mời cả thân hào và những bất cứ là ai người Pháp người Nam có cảm tình với Nghệ thuật. Của báu, có khi cũng không nên giữ lấy một mình. Cha sẽ phí bức tranh cổ đó, đốt cháy cho thiên hạ đây xem chơi.

Tại tiệc trà đi kèm vào buổi nói chuyện về tranh Tàu tổ chức ở Vinh, công chúng Việt vền vền có năm người. Bất chấp cả cái thiếu số đáng là một cái cơ để hoãn lại ngày nói chuyện, cụ Lê Bích Xa vẫn bình tĩnh giảng về cổ họa học Trung Hoa và cứ cho châm ngọn lửa nhen trong bức tranh ba nghìn đồng của mình treo ở tường câu lạc bộ. Lửa nhen cháy, nhiều người trầm trồ cảm động. Phép kỳ diệu đó chỉ đúng được có hai mươi phút nghĩa là bức tranh đã cháy ra gio trước khi diễn giả nói đến câu cuối cùng của đề chuyện mình.

Lúc ra về, bằng một giọng trào lộng, ông già phàn nàn với Dăng:

- Cha đã hy sinh bức tranh một cách không được xứng đáng. Ra người ở địa phương này họ chỉ biết quý có những cái học thiết thực quá, - thiết thực nghĩa là có ích lắm - đến nỗi gần như dùng dung với Nghệ Thuật.

Sự thiên này cũng là do cái bệnh ngu bướng mà ra. Họ phải chịu lấy sự hình phạt nặng nhất là suốt đời chỉ là những người thô tục. Thật cũng không nên tiếc.

## LOAN ÂM

Ông Kinh Lịch họ Trịnh quán làng Phú Giang tỉnh Đông, ở chức tại tỉnh Bắc, được cáo đình gián về quê giữ tang mẹ mới có chưa đầy một năm, lòng bận vô cùng, phần vì việc triều chính đổi mới, phần vì việc nhà lạc gần hết thời cũ. Thường đêm - nhất là bắt đầu vào tiết hè này - ông thức rất khuya chong một ngọn đèn thổ hà, làm khuấy bụng mình bằng những lời sách của người ngày trước. Cuốn sách in bản gỗ bìa đánh cạy gáy gấn sơn, có khi quá canh ba vẫn chưa chịu rời tay ông Kinh Lịch. Một đêm, nằm giữa sân, ngả mình trên trường kỷ tre, nằm ngửa mặt lên nền trời rất cao và rất trong gắt để luyện thêm về khoa chiêm tinh, ông Kinh bất chợt ngửi thấy một mùi khen khét rất lạ trong không khí. Không phân rõ là mùi gì, nhưng linh khiêu bảo ông nên đi vào nhà đi chứ không nên kéo dài việc nằm ở ngoài giới độc nữa. Ông thấy các lỗ chân lông khắp mình như mở rộng hơn lúc thường để đón lấy những đợt gió gây gây lạnh. Bầu trời sáng cao khi này bắt đầu tỏa sương và trở nên thấp tấc. Giữa ngày hè, sương! Mà lại sương có chất mặn, thế có biển không? Ông Kinh liếm mép khô, chặc lưỡi, đi vào nhà đóng cửa. Trong nhà càng lạ nữa. Nồng lên một mùi khói chổi sể và khói đốt rác. Mùi lan buồng sách của ông bạt đi đâu mất cả. Ông chạy lại án sách, thì hai giò Chu Mặc Lan vẫn còn tươi nơi ống bút. Ông định gậy một lư trầm và pha một ấm nước. Xuống bếp định gọi đứa tiểu bộc dóm lò than thì ra nó bỏ nhà đi đâu từ bao giờ, cửa cổng mở toang. Và cũng phút nghỉ ngơi này, từ các

lối xóm đồn về không biết bao nhiêu là tiếng chó sủa vang. Ông Kinh chặn cổng rất kỹ, lòng nghĩ đến những tai biến có thể đang xảy ra giữa nhà ông và quanh nhà ông. Dưới ngọn đèn khuya, ông thao thức không ngủ. Đọc sách, chữ không vào, mà đêm thì còn dài. Nguy hiểm nhất là lúc khuya vắng, đọc sách mà chữ thánh hiền không chịu vào. Cái lòng người có chữ, lúc ấy đã là biến lắm. Ông Kinh biết lấy gì mà thức? Mà ngủ ngày được? Ông đành nằm đếm suông những dịp ngắn dịp dài tiếng một đục khoét lòng chiếc cái gỗ sơn son đỏ cái bát nhang thờ trên cái tín áp tường. Có tiếng sột soạt khô nỏ và cứ cách quãng một. Lắm lúc tiếng ấy lại đều đều như tiếng lá khô bị gió ru chạy trên mặt đường nỏ. Soi đèn tìm mãi, thì ra đây là một con mối vừa đớp được một con gián, nuốt chưa hết - lớp cánh gián còn xòe tung ngoài miệng - và quật mãi cánh gián đập vào nền giấy một bức tử bình mép rách cong cứng lên. Ngoài ngõ đưa vào tiếng bụi tre già cọ mình vào nhau, tiếng kêu kéo kẹt y như tiếng nước xiết vận thùng cọc mái chèo một con thuyền mới cắm nghỉ ở bến nước khuya. Hình ảnh một con thuyền nghỉ nơi bến thường hiện lên luôn luôn trong đầu ông Kinh - một người làm quan sống một đời lãnh hoạn và chỉ thèm được lùi hẳn về nghỉ với vườn quê hương.

Đêm vắng nỏ lắm. Ông Kinh lại như nghe thấy tiếng sáo lúc xa lúc gần. Ấy là tiếng sáo thiên nhiên của bụi tre già ngoài ngõ. Chả bụi tre già bị kiến đục nhiều lỗ thủng trên từng đốt tốp cằn, mỗi đợt gió lùa qua bấy nhiêu lỗ thủng suốt, mỗi lỗ lại vang lên một âm thanh cao thấp khác nhau và bụi tre già đã là một cây phong cầm vang âm trong gió đêm tiết hạ. Mọi ngày vui vẻ trong lòng, ngà ngà mảy chén rượu thuốc, nghe điệu sáo bụi tre ngõ nhà, ông Kinh lấy làm thú và ví nó với một khúc địch Thiên Thai. Nhưng lòng ông Kinh giờ này tràn ngập những ngờ sợ, ông chỉ thấy tiếng gió lùa qua lỗ tre là một thứ thanh âm đủ những cung bậc quái đản của một thứ nhạc huyền bí tấu từ một thế giới u linh nào lạc về. Thêm vào ngón sáo ma quái ấy, ngoài hiên, đợt gió lả lay mỗi lúc đổi chiều lại ru cái

ống bơ sắt văng vào thành cong nước đầy. Cái ống bơ nổi lên bênh trên mặt nước vại bị gió xô quanh thành ang sành có những tiếng rục rục lên lút. Đêm quạnh hiu lẻ bóng, nghe mà thêm gợn. Nghe nó cứ như ma múc nước trộm và nghịch cái gáo ấy. Ông Kinh muốn tìm pho Kinh Dịch ra đọc để trấn vững lòng mình. Ông nghĩ thế thôi, chứ chưa kịp trở dậy lấy sách thì mí mắt đã thấy nặng. Ông mệt quá, muốn thiếp đi.

Bỗng hai cánh cửa lùa từ từ mở rộng, gió ulla dần vào. Ông Kinh nghiêng mình dậy rất nhanh như một người có nghề võ tự vệ lúc ngờ có ai định xúc phạm vào thân thể mình. Rất rõ rệt, có hai người lính áo dậu nep đỏ, đầu đội nón sơn, hiện hình trong khung cửa. Họ từ tốn bước vào, cung kính đặt giữa bàn một khay lễ vật rất xinh và cúi đầu nói qua vào trong lá màn ông Kinh:

- Thưa ngài, Ông Lớn chúng con hành hạt qua vùng đây, có chút lễ vật truyền cho chúng con đưa đến hầu ngài. Ông Lớn chúng con có lẽ sắp tới bây giờ.

Ông Kinh không rõ là Ông Lớn nào, lòng phân vân mà tay thì đã với áo dài thâm mặc vào mình. Vừa quần xong mấy vòng khăn rồi thì quý khách đã bước vào. Ấy là một vị thượng quan, bằng trạc tuổi mình, mặt tròn và đen và không râu không ria, đầu đội mũ đuôi cá, chân đi hia, mình mặc áo bào màu cánh hạc đỏ - lung và ngực thêu một con giao long đen, dát bạc. Cứ phẩm phục ấy, thực ông Kinh cũng chưa thấy có vị quan nào ở Triều đình thế gian này như vậy. Vị quý khách và ông Kinh vẫn vòng tay kính cẩn, hai bên lặng nhìn nhau trong lạ lùng và lễ độ. Sau cùng, ông Kinh chợt nhớ chưa mời khách ngồi, vội kéo ghế và tạ lỗi:

- Tôi vốn là một chức tiểu lại của Triều đình vừa cáo đình gián về cư tang mẹ được hơn năm nay. Tính lại vốn quen với việc thôn ổ, ít khi được đi tới những chốn tử các lệ viên. Nay Quan Lớn lại không hiềm nhà gianh vách đất mà giáng lâm lúc khuya khoắt, ắt hẳn có

điều chỉ giáo.

Bây giờ vị quan áo bào xanh mới lên tiếng, giọng sang sảng như chuông đồng:

- Anh quên em rồi à? Chỗ anh em trong nhà cả, anh xưng hô làm gì như thế cho nó cách biệt ra. Quan là quan với chỗ âm phủ và chỗ dương gian có việc thôi chứ, còn riêng đối với anh thì em đâu dám thế.

Ông Kinh Trịnh lại càng không hiểu, gương đôi mắt nhìn không chớp, trong sự ngỡ ngàng giờ lại pha thêm ít e sợ.

- Quan Lớn có thương yêu kẻ thôn dã áo vải này được điều gì trong đức hạnh liêm cần hoặc trong tính tình cao khiết mà giảng lâm để luận đàm đôi chút về lời chur sư chur hiền nói cổ thư vào lúc tịnh vắng đây thì kẻ thất phu tôi xin được hầu chuyện và kể cũng đã là may lắm rồi. Còn như chuyện Quan Lớn nhận cho là có tình ruột thịt thì trong họ tôi đây, cả bên nội lẫn bên ngoại, thực cũng ít người có chữ mà được điều hiển đạt. Xin Quan Lớn nghĩ lại, e có điều nhầm lẫn chăng?

Vị quan áo bào xanh cả cười.

- Anh để em nói thêm. Anh em cách biệt nhau đã mấy chục năm và lại âm dương cách biệt - em giờ làm quan dưới âm - anh không nhận được ra em là phải lắm. Số là em vốn học trò cụ Đắc. Hồi còn nhỏ em vẫn được hầu điếu đóm thầy. Anh tức là thể huynh của em. Được cùng anh học chung đèn đến lớp đại tập thì em chẳng may không được làm người nữa. Em rất tiếc rằng không được học nốt năm ấy để làm rạng cửa thầy. Thầy vốn thương em như thương anh và tin em sao cũng lấy được ít ra là cái Cử nhân về cho thầy. Em chết xuống dưới âm ty, Diêm Vương nhận ra em là oan uổng và thấy tư chất thông minh, lại thêm có sĩ hạnh, nên cho em làm quan luôn dưới ấy, giữ về việc kiêu lương đạo lộ. Một đôi năm, những lúc có việc đại công tác, thiếu phu phen lính tráng để hưng công hoặc trùng

tu đình đài miếu võ và đường sá đi lại thì lại cho em lộn về dương thế tuyển linh và bắt phu. Như năm nay chẳng hạn. Năm nay dưới âm em mở rộng đoạn đường nối từ bên đò U Minh đến Quán Cháo Lú, thiếu phu đầu đất, nên em lại được lệnh trở lên đây bắt phu. Công việc đem đủ người xuống phải làm cho xong trong vụ hè này. Phần việc của em nặng lắm. Chậm trễ sơ suất, sẽ bị khiển trách to. Nói qua để anh biết rằng sự giao thông ở dưới âm giờ bận rộn lắm. Các oan hồn thác xuống nhiều quá, không tiêu tan hết, chừa vào ngục tối thì không có quyền, nên ngày đêm họ nhan nhản trên đường. Nên năm nào, cũng phải tu sửa và mở thêm.

Vậy ra cái anh khóa Lương - ông Kinh Trịnh nhớ ra rồi. Ông nhớ cả cái tật hay ăn khoai lang sống của người bạn đồng song đáng yêu của cha mình - vậy mà khóa Lương giờ làm quan dưới âm, có áo bào xanh và lính áo nẹp đỏ đứng vòng tay hầu sau lưng. Ông Kinh Trịnh hơi rùng mình khi hiểu rằng giờ người bạn học cũ lĩnh chức Quan Ôn và cử học này, quanh vùng đang có bệnh dịch tả phát hiện. Giữa lúc ấy, tiếng chó các lối xóm sủa vang lại dội về inh ỏi.

Vị Quan Ôn ngược nhìn hai tên lính và truyền khê:

- Bay ra truyền cho quân đội trong hàng ngũ quanh ta hãy nghỉ tay làm việc, chớ làm kinh động làng quan Kinh đây vội. Nói Ông còn dở tí chuyện với Quan Lớn đây. Khi nào Ông xong câu chuyện, sẽ hay, nghe.

Hai tên lính lĩnh mệnh đi ra. Vị Quan Ôn bèn nâng khỏi lòng khay lễ vật lấy ra hai vật xinh xinh và nói với ông Kinh:

- Thừa thế huynh, em ăn mày được ít chữ của thầy và gắp gửi được cái đức của thầy, nay được xuống làm quan dưới ấy. Làm quan nơi xa và là chỗ quanh năm lạnh lẽo, quà cáp đưa được lên, gọi là có mấy vật mọn này, xin thế huynh nhận hộ em thực lấy làm vạn hạnh.

Đó là một cái nghiên bút bằng đá đen và một cái thủy tri cầm bút nho cũng bằng đá đen. Vị Quan Ôn chỉ lấy thứ văn phóng tứ hữu

đó, nói tiếp:

- Thứ đá làm nghiên và làm thủy tri này lấy ở lòng sông Hắc Thủy. Nó có cái đức tính là ướt quanh năm. Chẳng cần cho nước mà lúc nào mài mực cũng được, chẳng cần đổ nước mà lúc nào cầm bút vào, ngòi cũng mềm dẻo.

Ông Kinh Trịnh còn do dự chưa biết nên nhận vật tặng hoặc viện lẽ từ chối thì vị Quan Ôn lại rút thêm ở trong túi ra một cuốn sổ con mở đưa cho ông Kinh, tay bấm sẵn vào chỗ trang có tiêu tên làng Phú Giang quê ông Kinh lên đầu số mực.

- Công việc em làm năm nay, riêng về vùng Hải Dương này, phải bắt cho đủ một nghìn phu. Sẽ lần lượt đi qua khắp các làng mà nhật phu, nhật được đến đâu sẽ có áp tải quân đưa về dưới ấy trước. Làng ta, tức là ở vào chặng thứ ba nơi chương trình tuyển phu của em và phải cung mất... mất - anh cho em mượn lại cuốn sổ em quên mất rồi - ừ, phải mất chín mươi nhăm tên phu, kể cả già trẻ đàn bà con trai. Em đưa trình thể huynh xem kỹ sổ này. Tên tuổi, nghề nghiệp và quê quán mỗi phu đình bắt đưa xuống đều có ghi rõ cả, không thua gì một cuốn sổ bộ trên thế giới anh. Vậy anh nhận cho kỹ tên họ từng người và tìm xem trong sổ đó, có ai là ân nhân riêng của thể huynh, hoặc người trong họ gần họ xa hoặc những người mà thể huynh biết là hay tu nhân tích đức làm đình chùa xây cầu quán và hay tô tượng đúc chuông thì xin thể huynh kê riêng ra mảnh giấy này. Em sẽ liệu cách châm chước. Nghĩa là sẽ lại để nguyên cho họ làm người. Và số phu thiếu hụt ở làng ta, em sẽ cho quân đi bắt ở các làng quanh mà điền vào cho đủ.

Ông Kinh chăm chú đọc hết tên những người làng mình bị bắt đi phu xuống âm phủ vào cỡ vụ dịch tả năm nay. Đến lúc này thì nét mặt ông bình thân vô cùng. Đây là việc Giời. Việc số mệnh. Ông vẫn giữ nguyên được vẻ điềm đạm của nhà Nho, mặc dầu ông vừa thấy rõ số tên và tuổi đũa tiểu bọc của ông. Nó mười sáu tuổi. Thấy ông



Kinh đọc đến hai ba lượt trong sổ rồi mà không nói gì, vị Quan Ôn bèn giục:

- Thế nào, ý thế huynh ra sao, xin cho biết, để tôi còn liệu chằm chước. Cũng nên định cho chong chóng đi. Thời giờ của em ngồi được với anh, không thể dềnh dàng ra được. Vào thăm anh thế này cũng là đủ lắm rồi. Để em còn cho đám tuý tòng họ linh mệnh mà làm việc rồi còn trẩy xuống làng dưới. Quân án mãi ngoài ngõ đã lâu cũng bất tiện. Và chẳng đêm đã gần nhạt. Canh đã gần cuối tư rồi. Xin thế huynh nhất định đi cho. Có thể để sống lại cho làng anh chừng hai mươi kiếp phu. Nhiều hơn số đó, em không dám nhận.

Ông Kinh mới thùng thảng:

- Thưa Quan Lớn, trong cái đời liêm chính của tôi, chưa lúc nào tôi có làm điều gì khuất tất trong lòng. Nay Quan Lớn hành hạt qua đây, lại nghĩ đến cái tình đồng song cũ và thứ nhất có nghĩ đến cha tôi mà vào chơi, thế là quý lắm rồi. Việc Quan Lớn gia ơn cho làng Phú Giang này, tôi rất thâm tạ, nhưng thực không dám xin cho ai. Xin Quan Lớn cứ thừa thiên mà hành đạo. Việc sống chết của chung quanh tôi, xin Quan Lớn cứ phải mà làm và người áo vải này không dám nói thêm vào lấy nửa lời.

Sắc mặt vị Quan Ôn bỗng tái hẳn đi. Sự giận dữ quả đã là rõ rệt.

- Thế huynh thực phụ bụng tôi nhiều quá. Lòng cố nhân ngay thẳng quá, điều đó thực là đáng quý. Nhưng từ sau phút này chia tay, lộn về dưới âm, bụng tôi không đánh chút nào. Và như thế này tức là thế huynh không muốn cho tôi lui tới cửa nhà thầy nữa đây.

- Tôi đâu có dám nghĩ như thế. Tôi sợ dĩ không nhận xin sống cho một ai ở làng đây vì sợ điều này sẽ biến thành một chuyện ẩn nặc có thể gây lụy cho Quan Lớn lúc thừa hành công vụ. Để tỏ rõ lòng tôi vẫn có chỗ quyến luyến với tình đồng song cũ, tôi xin nhận cái nghiên bút và bình thủy tri đá đen và trân trọng tưởng nhớ mỗi khi dùng đến.

- Vậy anh cứ nhất định không xin cho một tên phu nào? Cái thể tôi có thể làm được thì mới dám nói.

Nói xong vị Quan Ôn định rũ áo ra đi. Ông Kinh nể lời bèn lấy móng tay nhọn gạch sang bên chỗ tên tuổi đưa tiểu bộc hầu mình.

- Vậy thì xin Quan Lớn tha phúc cho tên này. Nó mới có mười sáu tuổi. Nó cũng lanh lẹ. Nhà vốn lại neo người. Mặt nó hầu, kể cũng hơi bận. Và đâu trong họ nhà nó, nó lại là con một.

- Một tên ấy thôi?

- Tưởng như thế cũng là đủ rồi. Cổ nhân gia ơn cho mà không nhận thì thật là lỗi với đạo bằng hữu.

Vị Quan Ôn mỉm cười, xin cáo biệt. Ông Kinh vừa tiễn ra đến sân thì thấy biết mất. Trống canh chòi phủ phía trên điểm bốn tiếng. Ông Kinh lộn vào, lòng nghĩ ngợi liên miên. Chuyện gì mà như chiêm bao. Ông đang ngắm nghiên mực đen, thì từ lối xóm dưới, chó sủa không ngớt tiếng và lại có tiếng người nhón nhao chạy qua lối ngõ nữa. Mà hình như có ai mở cổng. Tên tiểu bộc đã hốt hải chạy vào, mặt cắt không ra giọt tiết. Nó nói ngay nghe chữ được chữ không.

- Ghê quá, ông ạ. Làng ta chuyển này bị bắt phu nhiều quá. Các quan và lính tráng đóng chặt cả đình làng. Con chắc kỳ nước năm nay rồi sẽ lên to lắm và các quan tuyển sẵn người để đi đê vụ nước sắp tới đây.

Thì ra tên tiểu bộc vẫn chưa hiểu gì. Ông Kinh giả vờ như không hay chi hết, hỏi thêm nó:

- Sao mà biết? Ai bảo mà rằng nhà nước bắt phu đi đê từ bây giờ?

- Dạ thưa ông, thì con vừa ở đây về. Lúc tối, nóng quá, con trộm phép ông ra sông tắm rồi thiếp ngủ luôn ở nền quán đầu làng. Con ngủ được một giấc kể cũng đã dài. Bỗng có nhiều người đánh thức

con đây, bảo con đi theo. Đến đình làng, con thấy các quan đóng ở đây ra từ bao giờ ấy. Ông nào trông cũng tợn cả, ông ạ. Các quan cho gọi tên từng người. Nhà xã bên hàng xóm nhà ta cũng có hai người phải đi. Lại cả vợ chồng Nhiên Hữu ở xóm Cầu cũng đều phải đi cả. Con nghe thấy tiếng hai vợ chồng khóc to lắm và kêu xin tha, nhưng mà không được. Đông lắm ông ạ. Tiếng khóc như ri. Gọi đến tên con, thì thấy có một ông mặt đen ngồi giữa, mặc áo xanh, trông rất tợn - bảo tha cho con. Vậy là con chạy luôn về đây, xem ông có sai bảo gì không. Nếu không có gì bận - thua ông, nước con gánh đầy cả các vại và cong rồi-, ông cho phép con lại chạy ra đình. Nhộn nhịp lắm. Mà sao con lại không thấy ông Lý đâu cả?

Té ra cái tên tiểu bộc vừa thoát chết dịch này vẫn không hiểu gì cả và nói chuyện âm phủ như chuyện dương gian. Ông Kinh bèn quát nó không được đi đâu và xuống dóm ngay lò đun nước cho ông.

Giờ đông hùng dần ngoài con song trúc. Ông Kinh uống ấm trà thấy lạc vị. Từ nãy mãi nghe chuyện tiểu đồng, ông quên đi, chứ thực ra, từ một lúc lâu rồi, đã im hẳn những tiếng chó cắn gà gáy. Lò than quạt nước còn ửng hồng, ông Kinh bỏ vào đây ít thỏi trầm Từ Đàn Hương và giờ bài *Chính Khí Ca* ra tụng. Những lời lẽ chính trực trong bài văn đầy nghĩa khí của Văn Thiên Tường được ngâm lên đồng dạng như lời kệ buổi niệm của sư chùa làng. Theo một thói cũ nhà Nho, ông Kinh Trịnh tin rằng những buổi đọc giờ xấu giờ, giờ *Chính Khí Ca* ra tụng thì những tà khí tản đi hết.

Tụng *Chính Khí Ca* xong, ông uống ba chén rượu thuốc để giữ độc rồi khăn áo đi xem động tĩnh trong làng.

Lúc ấy, bóng dương độ con sào.

Quanh co qua các ngõ, ông Kinh ngửi thấy toàn một mùi khói bồ kết và chổi sể. Một vài nơi trong lối xóm đã nổi lên tiếng khóc. Đúng là tiếng khóc người chết. Ông Kinh tìm đến gần những nơi có tiếng khóc để dò xem ai chết ở nhà ai. Một nhà, hai nhà rồi dăm bảy

nhà, "Thảo nào, mà ẩm trà buổi sáng chẳng đi hết nhang!" Ông Kinh nhớ lại cuốn sổ vị Quan Ôn đưa đọc tối qua. Thì những kẻ xấu số vừa thiệt mạng kia đều là những người có tên ở đây cả. Ông Kinh gật gù. Cứ lời Quan Ôn nói thì làng Phú Giang này phải cung mất những chín mươi nhăm suất phu kia. Ông Kinh đi vòng hết làng, và một buổi sớm dữ dội ấy, không thấy ai chết thêm nữa, ông bèn lộn về nhà. Trên con đường về qua các ngõ hẻm có tiếng tiếc thương người chết miệng ông kinh lẩm bẩm: "Chín mươi nhăm, chết mất bảy rồi. Chín mươi nhăm, trừ bảy còn... còn tám tám". Bước vào đến sân nhà, nhìn thấy thẳng bọc đang lom khom quét sân, ông à một tiếng và tiếp: "Thế nghĩa là còn tám mươi bảy mạng nữa. Nhưng quái sao không bắt nốt cả đi, trong một đêm qua? Có lẽ thiếu người làm việc, còn đợi bắt dần chăng!".

Giữa đêm ấy, ông Kinh Trịnh đem kinh Phật ra tụng, tiếng chày nện xuống cái mõ con cúng cháo nghe đều đều. Và những tiếng kèn Lâm Khốc của bảy nhà bắt hạnh lại chốc chốc dội về như muốn hòa theo đánh bạn với những điệu siêu sinh tịnh độ.

Cho đến hết một cái tháng tư.

Và qua tháng năm. Ngày nào, làng Phú Giang cũng có ít người qua đời. Qua một cách nhanh chóng quá. Chỉ đi có một hai lần, chỉ nôn có vài lần, thế là đã xong một kiếp người.

Ông Kinh Trịnh cứ ngồi đây mà tụng kinh và cộng dần số người chết dịch. Ông tự nhủ rằng làng ông còn được kinh động chán, kỳ cho đủ đến cái số gần một trăm mạng kia. Việc bí mật này ông giữ mồm giữ miệng, tịnh không hề dám ngỏ với một ai. Ông vốn là người kiêng dè đến những việc của quý thân. Nhà sẵn có ít cây cau liên phòng, mỗi đêm ông lại bẻ ở buồng cau xuống một quả đặt lên cây hương ở ngoài sân với một lá trầu, rồi đứng ra giữa giờ khấn vái cầu bình yên. Sớm mai dậy, buổi nào cũng vậy, ông đều nghiệm duy chỉ có bát nước cúng là không có vắng, còn như mặt nước các ang cong chum đều

nhờn vàng như có ai rỏ giọt dầu xuống. Ông hiểu đây là những lệ khi của một bầu giới loạn âm. Ấy, nhà mà không có âm phù dương trợ, kém âm công, nhờ mà uống phải những nước vàng ấy tức là "đi phu" dưới âm phù đây. Ông Kinh lại còn nhận thấy điều này nữa là từ độ vào hè đến giờ, các thứ quả thời chân mua ở chợ về, là đều có vết móng tay của quan quân bấm vào vỏ, lấm vệt đánh dấu rất sâu, cứ đỏ như máu tươi chứ không chịu tối thâm xuống.

Như thế này thì làng Phú Giang còn làm ăn gì nữa.

Chợ làng vắng hẳn đi. Đầu tiên tuy nắng nỏ và nhân tâm nao núng, chợ vẫn có người. Nhưng buồn và lạnh ghê lắm vì trong số người gồng gánh có mặt ở đây thì đến quá nửa là chít khăn trắng. Có người, trên đầu đeo ba bốn cái tang dòn trong một lúc. Ở chỗ đám đông, số khăn trắng tăng mãi. Trông xa cứ như là cò đậu. Người sống họp chợ cứ vội dần mà ma mới thì cứ thêm mãi. Chết nhiều quá. Sau cùng đến cả những người đội khăn trắng cũng chết. Âm thịnh mãi mà dương thì suy dần. Rồi có một buổi, chợ làng đến ba phần tư là ma họp. Thậm chí, còn một số ít toàn ông già bà cả, vì đói kém mà không còn biết sợ là gì, số đem quanh gánh đi họp vào ngày phiên. Nhưng tan rất sớm. Đầu giờ mùi mà đã không còn một ai ngồi đây. Chõng ghé lỏng chỏng, bên những nổi nước lã đầy có những đồng tiền nổi lênh bênh trông rất là gở quái. Từ ngày có việc loạn âm, ma quỷ được dịp lên nhiều người dương gian cả giữa ban ngày, các bà ấy đi chợ bèn sinh ra cái tục là thử tiền của người mua vào chậu nước. Ai trả đồng nào và mua bán gì là họ đều quăng luôn vào chậu nước để bên cạnh, những đồng nào chìm thì mới vớt ra đếm đến. Còn những đồng nổi thì coi là tiền của ma và không kể. Có bà cụ bạo là thế mà cũng đã có hôm chết ngất đi vì suốt một buổi họp chợ từ đầu ngọ đến sang mùi và toàn nhận có những đồng tiền nổi thôi. Giận quá, ngược mắt lên hỏi thì đám người trả tiền nổi ấy phá lên cười, ù té chạy, chân không sát đất và biến vào cái lùm tre xanh đầu đình chợ. Eo ơi, bà cụ lặn đùng ra. Mọi người ù té chạy. Thế là tan

chợ. Như lúc có loạn dương vậy. Kể đến những ngày chợ làng không còn ai họp nữa. Và đường lối trong làng, lấm hôm mới quá ngộ được có không bao lâu mà đã không có bóng một ai. Mặt giới chưa chéch hẳn bóng mà nhiều nhà đã sập hẳn cửa ngõ xuống rồi. Ai gọi cũng không thưa nữa. Mỗi khi có ai kêu đúng tên mình ngoài lối ngõ, người trong nhà, già bảo trẻ rằng chớ có lên tiếng vì đó là ma nó gọi đi đấy. Lên tiếng là mất, là không được làm người nữa. Ngoài đường, trên những con đường rác rưởi bừa bộn vì thiếu người quét, giờ nhiều nhất thì chỉ là lũ chó đuôi cụp lưỡi lè, vẫn vợ như đi tìm bóng chủ cũ, lớp lông thưa phờ trên một lớp da gầy hẳn lên những bộ xương đói. Ấy là những con chó vô chủ của những gia đình bị "đi phu" cả nhà. Cả làng không có tiếng gà gáy sớm trưa nữa. Nhưng chiều giới vàng mặt, đã có những tiếng chó già thay vào. Nó kêu như tiếng người bị bóp cổ kêu cứu sống. Cảnh tượng làng Phú Giang vắng quanh và thê thảm vô cùng. Trông những bóng rợp, to rộng từng miếng đen mát rượi nơi đường vắng mà lại càng rợn lòng. Mọi khi, đây là mát, đây là có sinh khí vì nó che cho vô số bóng người nghỉ chân dưới gốc. Bây giờ những bóng râm ấy chỉ gọi đến lạnh lẽo. Không một ai dám đến đây mà nghỉ chân, tin rằng quan quân đóng cả đó, nhớ tới mà chạm phải via các ngài thì khốn to.

Không khí khô nỏ. Giếng làng thầy đều ngót voi hết nước. Và ở các rãnh cống ăn ra ao hồ hoặc lạch con, nhan nhản những thuyền bát nhã bị rêu nhờn nước tù gấn chắc chèo lái lại. Những thuyền giấy mã của những đàn tế cúng hung thần ấy khô quắt lại trên những tảng nước giả vờ đang cho sủi những cái bọt xanh đặc mỗi nổi cục là to bằng cái ung thư. Khấp dọc các lối ngõ ngang đường chính, cứ vài bước là lại có một cái que nâng lấy một chiếc lá đa khoan tròn đựng ít cháo thí cho chúng sinh cô hồn. Nắng ngày dịch đã cô đặc cháo cúng giữa giới và rút dần mực cháo xuống, để lại từng ngần tròn trong lòng lá khoan chứa thứ nước ngũ cốc đã trở nên sền sệt như mủi. Kèm vào sát ngay mỗi lá đa cháo cúng là những lá cờ đuôi nheo

xanh đỏ chói loè và muôn thuở không lung lay giữa một giờ đứng gió. Bầu giờ nở, chốc lại vang về ít tiếng vọng âm u những hơi thở của vong hồn oan khổ. Ngoài các đầu ngõ, trên những đồng gio mới, ngổn ngang các mẩu chõng tre và cối chiếu cháy dở.

Ghê thảm nhất là cảnh đò ngang làng Phú Giang không có người chở. Trên con đò chợ bên dưới, chỉ có hai chị em đứa bé ngồi khóc bên mạn thuyền vắng, trên đầu mỗi trẻ, lòi thoi một giải khăn ngang.

Cha mẹ chúng nó vừa chết chưa đầy một tuần cơm cúng đầu. Bây giờ ai có việc muốn qua sông sang bên kia huyện dưới thì có bước chân xuống thuyền nhưng phải cầm lấy sào mà chống đẩy. Sang bờ sông lạ bên kia, trẻ càng bơ ngỡ và khóc nhiều.

Lắm buổi có chút gió dưới xuôi về, ông Kinh Trịnh nghe tiếng khóc của đôi trẻ ấy mà lấy làm ái ngại vô cùng.

Một hôm ông Kinh đang nghĩ có nên đem hai đứa cô ai tử ấy về mà nuôi không thì có người vén rèm bước vào. Ngọn đèn thổ hà lay ngọn, ông Kinh giật mình, nhìn lên thì té ra ông quý khách ngày nọ. Vẫn mặt đen, áo bào xanh, nhưng lần này không có lính đi hầu theo.

- Kính chào thế huynh. Lâu nay thế huynh vẫn mạnh giỏi?  
- Kia Quan Lớn đã lại đến. Hẳn lại có điều gì chỉ bảo nữa.  
- Thấy vẻ mặt ông Kinh có vẻ lo sợ, vị Quan Ôn vội cười:  
- Thế là gần một tháng nay, em đã làm xong xuôi mọi công việc ở vùng làng anh. Đêm nay, em xin trở xuống các làng xa phía dưới. Đèn để cáo biệt cùng anh. Và có chút vật mọn này, gửi anh gọi là đồ kỷ niệm buổi chia tay.

Vị Quan Ôn đang loay hoay lấy ra khỏi tay áo rộng từng cái gói quạ xinh xinh và đen bóng - lấy ra từng cái một - thì đứa tiểu bộc nhà ông Kinh mang hoà lò nước lên. Nó nhận rõ mặt khách này chính là cái ông quan ngồi bắt phu ở giữa đình làng đêm tháng trước,

nó sợ quá, đánh rơi hoả lò than xuống nền vỡ tan và chạy mất.

Vị Quan Ôn, bình thân ra khép kín cánh cửa lại. Rồi ghé sát vào tai ông Kinh: "Thôi em xin đi. Cốt lại chào anh và báo luôn cho anh một tin này. Là qua năm, vụ hè, anh sẽ cùng làm việc với em. Em đã tâu với Diêm Vương. Diêm Vương cảm cái đức lớn của anh, định để anh làm Chánh Tuyển Quan và em làm Phó Tuyển, mỗi kỳ có việc tuyển phu trên này".

Vụ hè năm sau, Ông Kinh Trịnh vẫn còn ở vào thời hạn đình gián tại làng Phú Giang, lấy lời chữ sách và gió giảng chỗ quê nhà mà khuấy khoả lòng nhớ mẹ khuất. Và về câu chuyện Diêm Vương mời làm việc âm giúp - cứ vào lời vị Quan Ôn nói từ hè năm ngoái - ông Kinh Trịnh cũng quên hẳn.

Một đêm nóng nực ấy, phải thức quá lệ thường để làm dở cho một hiệu chủ hàng xóm, ông lắng thấy có tiếng móng ngựa nện ngoài sân đất trỉ, rồi lại có tiếng nhạc rung. Vội mở cửa thì thấy có đông người tiến vào nhà, ông vội kêu đèn to thêm, hai con bắc nữa. Trời ôi, cổ nhân. Lại vẫn vị Quan Ôn ngày năm nọ nhưng năm nay lại không mặc áo bào xanh mà lại mặc áo bào màu ô bóng. Và dáng điệu có phần e dè hơn mấy lần trước. Những người tùy tùng đã khệ nệ đặt nhiều hòm con lên mặt bàn xong xuôi đầu đây rồi, vị Quan Ôn mới xoa tay vào nhau và thưa với ông Kinh một cách rất kính cẩn.

- Dạ thưa anh, đây là áo mũ Diêm Vương ban để anh dùng lúc làm việc. Nói để anh biết rằng anh không thể vin lẽ gì mà từ nan được đâu. Từ nay có anh đỡ đần cho một tay, công việc em chắc sẽ được nhẹ nhàng hơn trước nhiều.

Thấy ông Kinh nói hốt hoảng, vị Quan Ôn hiểu ý, nói đón:

- Thưa anh, anh không phải xuống hẳn dưới ấy mà làm việc đâu. Anh vẫn cứ ở nguyên dương thế với những bốn phận và những dật lạc của cuộc đời trên này. Một vụ hè, cứ mỗi thượng trung hạ tuần mỗi tháng, anh dành cho ba ngày giúp em. Vậy xin ngày mười



tới đây, em sẽ trở lại thỉnh anh đi điểm hộ ít phu và soát sổ bộ. Thôi, lạy anh.

Vị Quan Ôn vụt ra cửa. Tiếng nhạc ngựa thưa dần trong gió khuya. Ông Kinh ngồi ngẩn người ra trước bộ áo bào ô xanh mới nguyên để giữa bàn mình với một đôi hài và một cái mũ đuôi cá.

Gió khuya vẫn còn đưa lại cái tiếng lạnh lạnh thưa thớt của nhạc ngựa. Ngọn đèn thổ hà lụi một con bấc, kém hẳn sáng đi. Một con thiêu thân bay ập xuống, cánh đập tắt nốt ngọn đèn dầu. Cũng như đêm hè năm ngoái, ngoài hiên, gió sang canh lả lay lại du cái gáo múc nước văng cụng vào thành ang nước đầy.

NGUYỄN(\*)

(Tập truyện)

---

(\*) Xuất bản năm 1940, gồm 7 truyện vừa và ngắn. Song ở đây chỉ in 6 truyện vi truyện  
*Chiếc áo gấm mượn* chính là truyện: *Mượn cái vui của người khác*.

# NHÀ NGUYỄN

*Tăng Nguyên và Thống*

## I

- **Ê**, ê, Nguyễn, Nguyễn.  
Cái xe tay dừng lại. Một người xuống xe, mặt ngơ ngác, tay ôm một chiếc cặp da phẳng. Cái người vừa gọi giật giọng ấy lại nói tiếp:

- Lâu nay mắt mặt ông bạn hiền. Chúng nó đồn rầm lên là anh đang làm nhà. Nguyễn làm nhà? Vậy chớ chuyện anh làm nhà là chuyện chúng bịa ra để điều anh, phải không? Làm gì có, phải không?

Nguyễn - người đang ôm cái cặp da to phẳng - không trả lời ngay. Chàng lặng thinh, tất cả người toả ra vẻ buồn rộng như cả một cái khí buồn rộng rãi của mùa đông năm vừa qua. Khuôn mặt Nguyễn đượm một màu dăng đặc của hồi lỗi.

Nguyễn lặng im đứng giữa phố, cạnh người bạn vừa bắt chàng xuống xe.

Im lặng là vàng. Nhưng bây giờ im lặng chỉ là thú tội. Im lặng lại còn là ăn cắp, là lừa đảo nữa. Nguyễn im lặng cố tỏ cho người bạn đứng đấy hiểu rằng chàng hiện đang làm nhà, và những điều "chúng nó đồn rầm lên..." là rất đúng. Chàng im lặng đứng chôn chân xuống gạch lề đường như thế, nghĩa là không dám cải chính.

Chàng im lặng để nhận lấy tội, để sám hối. Hối cái gì? Tội với ai? À, chuyện dài dòng lắm.

Hoàng và Nguyễn thấy đứng lâu ở hè phố là không tiện, bèn rủ nhau vào một quán cà phê gần đấy. Thực ra cái người rủ vào hàng chính là Hoàng. Những việc tra hỏi về đời sống tinh thần nhau như thế này phải mất hàng buổi, hàng ngày, có khi hàng tháng chứ đứng với nhau một lúc ở ngã ba ngã tư thành phố ồn ào đâu có xong.

Nguyễn đã theo Hoàng vào cái quán ăn ấy, bước đi khuất nhục như cái bước của một tên tù đầy rập theo vào cái bước trước của một người lính dẫn mình trên con đường phát vãng.

Hiệu cao lâu ấy đã vắng người. Thêm được hai vị thực khách vừa vào, vẻ im lặng lại tăng thêm. Để chiều lòng người bồi bàn, Hoàng hỏi Nguyễn:

- Anh ăn gì?
- Tôi chẳng ăn gì cả.
- Thế uống cái gì vậy?
- Uống rồi, anh dùng gì thì cứ gọi. Kệ tôi.

Sau cùng người bồi bàn đã lấy làm chán cho hai ông khách hàng ngớ ngẩn và bung ra một ấm nước trà Tàu trồng và ủ ngay ở xứ mình. Nước rót ra chén đã bay hết khói. Chẳng ai nhấp môi.

Ấm nước vô duyên ấy, hỡi ơi! Chỉ là một cái cớ. Đã lâu Nguyễn không gặp Hoàng. Chàng đã cố tình như chàng đã cố tình không gặp lại những bạn cũ khác. Nay bỗng ngồi đối diện với Hoàng, Nguyễn bẽ bàng như một thiếu phụ đã tuyệt giao với một lời thề ước rồi mà vẫn còn phải gặp lại con người tình xưa, trên một cái ngã tư cuộc đời mình đang bắt đầu đổi mới.

Nguyễn định mở miệng nói.

Hoàng cũng định nói.

Nhưng mở bằng một câu gì? Câu nói đầu tiên để làm vỡ một cái

im lặng vẫn là một câu khó đưa ra cho gọn được. Nặng nề lắm.

Chiếc cặp da phòng của Nguyễn để ở mặt bàn, gọi đến tính tò mò của Hoàng. Hoàng nấn mãi rồi không thấy bạn nói gì, Hoàng bèn mở. Xưa nay Nguyễn và Hoàng vẫn không giấu nhau cái gì. Có cái gì cũng mở lẩn cho nhau xem. Mở túi, mở ví, mở cặp, mở tấm lòng. Mở ra, mở hết. Thế mà có lúc hai người còn lấy làm giận và phàn nàn "rằng cái bụng mình, tiếc chưa được là một củ khoai..." - vào những ngày trên tinh bẻ bạn, phát phơ mấy làn mây ngờ vực.

Nguyễn để im cho Hoàng mở cặp thăm dò mấy ngăn da. Hoàng yên chí sẽ lôi ra được, như mọi khi, một vài cuốn sách mới chưa rọc có những nhan đề cảm đỗi, có những tên tác giả rất quen. Mọi khi, vợ được những vụ vật như thế, sao Hoàng cũng tranh lấy đòi rọc trước cho kỳ được và lúc nào cũng nói thêm một câu rất thừa, nghe mãi nhảm cả lỗ tai: "Thế nào tao cũng bọc bìu lại cho mày, mày cứ yên tâm".

Hoàng đã lôi được ra khỏi ngăn cặp những vật gì? Một cái thước gấp bằng đồng, mỗi đoạn gấp là mười phân tây.

Một cái phong bì to, nào là địa đồ và kiểu nhà, giấy nhượng đất có áp triện Lý trưởng, giấy xin lục lộ và những mẫu giấy vụn vật khác chi chít những con số nhân chia trừ cộng.

Và mấy gói đinh: đinh năm phân, đinh ba phân, đinh ốc, đinh khuy. Và các thứ bút chì rất to của thợ mộc. Lại có cả một viên ngói nữa. Những hai viên ngói kia. Gói vào hai mảnh nhật trình.

Nguyễn nhìn cái tay Hoàng dờ mó đến những vật ấy. Mặt Hoàng tư lự vô cùng. Nguyễn mặc kệ cho Hoàng tự hiểu lấy. Bấy nhiêu vật linh tinh đủ bảo cho bạn chàng biết rõ hiện nay chàng đang làm những gì. Chàng đang làm một cái nhà.

Giữa Nguyễn và Hoàng, chiếc cặp da ấy vẫn lù lù ra đấy như một cái bình phong ngăn mỗi người ra một phía tư lường. Lòng Hoàng thấy chán. "Vậy ra những điều chúng nó đồn rầm lên là đúng.

Nguyễn nó làm nhà thực. Người bạn giang hồ của tôi đang làm nhà. Trời ơi!".

Xưa, không có nhà thì không sao. Nay thấy Nguyễn làm nhà, Hoàng trở nên nghĩ ngợi.

Ngậm ngùi dùng dậy trả tiền ấm nước, chàng hỏi Nguyễn.

- Bao giờ thì chúng mình lại gặp lại nhau? Tôi tìm anh ở đâu?

Hoàng lấy mắt lấy môi, gạch đit cho hai chữ "bao giờ", một cách cay chua. Bao giờ hay là chẳng có bao giờ!

- Có lẽ để tôi tìm anh thì tiện hơn, Nguyễn đã chậm chạp trả lời sau mấy phút suy nghĩ, mắt cảm xuống nền gạch của hiệu cao lầu.

Về tới nhà buổi trưa ấy, Hoàng gọi ngay Lựu lên gác. Lựu - người vợ rất ngoan của Hoàng - đang làm cơm. Thấy chàng gọi giật giọng, Lựu đã vội bỏ cả sanh rán đậu phụ chạy lên, tay cầm đôi đũa bếp và nhẩy nhìn những mớ.

- Tôi vừa gặp anh Nguyễn, mình ạ.

- Thế à? Lâu anh ấy không lại ăn cơm với vợ chồng mình. Nhớ lạ. Chắc anh ấy đi chơi xa vừa về, hẳn có nhiều câu chuyện thú vị lắm. Sao mình không kéo anh ấy về đây luôn? Mình, gặp anh Nguyễn rồi sao? Sao mặt mình lại thần ra thế?

- Chẳng sao cả.

Lựu lau tay bắn vào vạt áo con, ngồi xoà xuống mép giường, cạnh chồng, giọng sần sốt:

- Mình giấu tôi một điều gì. Khỏi nào hôm nay không có một người nào làm phiền cho mình. Tính tình mình nhiều khi cũng thất thường và bất công chết đi ấy mà! Ai vậy? Hờ mình?

- Em đoán giỏi đấy! Nhưng để chút nữa sẽ nói. Anh muốn nằm nghỉ một chút. Em xuống làm bếp nốt đi.

Rồi Lựu và Hoàng lặng lẽ vẩy lấy mâm cơm. Cái mâm cơm của

cảnh một đôi vợ chồng thèm khát mãi mà không có một mụn con, lắm lúc trông vắng lạ, trông hình như là bunn xin ở món ăn bày, mặc dầu trong lòng mâm có đủ các thức rán, xào, kho, luộc đến năm đĩa nhón lẫn nhỏ.

Lựu lấm lét, nhận thấy chồng ăn không lấy gì làm ngon miệng như mọi ngày. Hoàng ngồi bên mâm, và cơm vào miệng lúc này chỉ là vì cái thói quen thôi. Lựu biết là lại có chuyện gì đây.

Nàng lẳng lặng gắp, không dám đùa với Hoàng như mọi lúc, hai vợ chồng son hay nói nhảm một cách ngây thơ, giữa những miếng gắp cho nó vui thêm miếng cơm miếng mắm. Hồi còn là con gái, Lựu là một con chim sơn ca. Lúc về làm bạn với Hoàng, Lựu vẫn giữ nguyên được cái tính của chim sơn ca. Tươi. Vui. Trong cái khổ nhọc tận tụy của phận thờ chồng, Lựu đã biết đem pha vào những cái liu tiú của thân mật sơn trẻ. Các bậc có tuổi trong họ, không thể đến những cái quyến luyến ấy, nhiều khi đã cho là gai mắt và hạ xuống những lời phê bình cổ hủ và bất công: " - Chúng nó làm như là thằng Ngô và con đi". Nghe thấy thế Lựu và Hoàng chỉ đưa khê mắt cho nhau, bảo thầm nhau, rất có độ lượng: " - Các cụ già rồi. Các cụ sống với sự trói buộc tinh thần đã quen. Các cụ sống được mấy nả nữa mà đối đáp cãi cộ cho nó thêm đắc tội với gia pháp. Chúng ta đã yêu nhau thì cứ phải cho vui vẻ. Nghĩa là có cái trước mắt các cụ, từ rầy, chúng ta nên dè dặt coi chừng, mỗi khi bộc lộ tính tình". Lựu gặt đầu, và lại cười một mình nhìn xuống khuôn mặt mặt một môi của chồng đang im lặng chờ một giấc ngủ bồi bổ.

Lựu và Hoàng trong sự chung đụng hàng ngày, đãi nhau lắm lúc như là đôi tình nhân, khi kính, khi nhường, khi xuề xòa, khi nói phiếm và vào những ngày đau khổ về sinh kế thất thường, họ đã biết giải trí lẫn cho nhau bằng những truyện cổ tích, bằng những mẩu truyện hài hước lượm lặt ở những chỗ quái quỷ nào ấy. Vào những buổi tối nặng nề, Lựu và Hoàng phải ngồi lo tiền nhà, tiền đóng họ

cuối tháng, và tiền chợ ngày tới - những lúc ấy, ở tay Lựu bao giờ cũng có một cái bút chì và một cuốn sổ con biên số xà phòng, nước mắm, củi vân vân - vợ chồng nói chuyện bù khú, uống chung một chén cà phê đặc. Thân kinh hệ đôi vợ chồng trẻ này thật khác người. Uống cà phê đặc, Lựu và Hoàng lại ngủ được ngon giấc hơn là những tối uống nước trà. Và lúc đầu gối tay áp, vợ chồng lại càng yêu thương nhau nhiều hơn là vào những ngày thừa tiền, thừa thời giờ, thừa luyến ái. Rồi lúc đã thấy mệt mỗi một cách rất thuận lẽ trời, họ ngoan ngoãn giấp lưng lại để được ngủ cái giấc ngủ của người công bình và lòng chứa chan hy vọng, họ tin chắc vào cái ngày mai của họ sẽ đầy ánh sáng, và ánh sáng sẽ quét sạch hết những lớp mây lớp mù của một ngày lúng túng vừa rồi.

Chính vào những ngày lúng túng bế tắc như thế, Nguyễn đã giúp đỡ nhiều cho cuộc sống của Lựu và Hoàng. Phải nói ngay rằng Nguyễn là một người không bao giờ có tiền được. Tiền của của thế gian vốn là những giống tinh khôn đến điều. Nó biết chọn những cái mặt đặc biệt để mà gửi vàng. Cái mặt Nguyễn, cái giọng lười Nguyễn khinh bạc thế kia, đồng tiền nào mà dám tìm đến. Nguyễn chưa hề biết quý đến nó, tuy rằng nhiều lúc thấy cần đến chúng, Nguyễn tưởng chậm một phút thì có thể đút đầu vào thông lọng mà mong được những chuyện cướp ngay công sinh thành. Nó đến có một, Nguyễn lại muốn phá tan xua đuổi gấp mười. Với cái tính hắt hủi chúng một cách vô ơn như thế, Nguyễn đã phải mang lấy cái nghiệp thanh bạch và về mặt tiền bạc, chàng đã nhường tất cả cái hay ho cho thiên hạ.

Vậy mà cái người nghèo đó đã dự một phần lớn trong sự mưu mang đôi vợ chồng Hoàng. Nếu không có Nguyễn, thật ra cái đời tình cảm của Lựu và Hoàng, nhiều lúc cũng đến lung lay. Nói là đổ vỡ thì không có, bởi vì Lựu và Hoàng yêu nhau chắc chắn đến thế kia mà. Nhưng mà... biết đâu được. Ở một cái cuộc sống phiền nhiễu này, có nhiều khi một cành lá úa rụng của mùa đông tới cũng có thể



gieo ngờ vực, gây kinh hoảng vào giữa một cái tổ chim ấm vững.

Lựu và Hoàng vui tính và hay kết bạn, bụng dạ rất hào phóng tưởng có đến của núi đầy để ngồi lên mà tiêu thì một sáng một chiều rồi vợ chồng cũng đến kéo nhau đi ăn mày ngay mất thôi.

- "Này đây người ta cũng ít cần lắm nhá. Anh phải biết cho thế nhá. Người chung quanh đã tiêu của mình, lúc mình hết, có phải vác bát vác bị đi sê lại của người chung quanh một ít thì đã làm sao chưa? Một buổi nói đùa, Lựu cũng đùa lại Nguyễn, giả vờ bắt chước những mục nặc nô đánh song lúc cãi nhau chỗ đông người, vỗ tay đồm độp, nhảy chồm chồm mãi lên. Đùa một lúc như thế mà cũng đỏ mặt. Lựu nhí nhảnh, Hoàng cười. Được có tiếng cười phụ họa và khuyến khích của chồng, Lựu càng bỏ nhoài ra giường.

Cửa nhà vui quá.

Lũ hàng xóm quen đi ngủ sớm, động giấc trở mình, làm nhảm chửi "Những quân dục mỗ. Sướng thế?".

Những lúc ngồi tẽ tay ba ở nhà, thỉnh thoảng Lựu lại giở cái trò đùa ấy ra... "Đây người ta cũng ít cần, có phải vác bị vác bát đi sê lại của người chung quanh một ít thì đã sao chưa?" Nhưng cái gì nhắc mãi lại rồi cũng nhạt. Và một buổi tối, Nguyễn đã không buồn cười được nữa khi Lựu cười ngật nghẻo. Chàng đã làm ra trịnh trọng nói với vợ bạn:

- Chị cứ tưởng bậy thế, chứ việc đời có bao giờ lại rập đúng vào những lời nói và ý nghĩ của chị. *Đi sê "lại" của người chung quanh một ít, thì đã làm sao chưa?* Đây này, hiện giờ đang thiếu tiền điện, ngày mai không có tiền nộp, nhà máy đèn nó đê cắt công tơ. Chị thử đi "sê" mấy đồng của những người vốn hay ?? tiền chị về mà trả đi cho tôi xem nào! Không, tôi nói thực đấy. Cũng như tôi đã nói với anh chị từ lúc chiều, hiện giờ tôi không trông được vào một món tiền nào cả. Nếu có lấy được thì tôi đã được đi Lạng Sơn từ mấy bữa nay rồi. Chẳng phải ở mãi ở Hà Nội này đến ê ẩm cả người ra.

Đêm ấy vợ chồng Hoàng rủ nhau vào màn một cách rất là nghiêm trang. Con chim sơn ca Lựu đang bận nghĩ đến một cái phắc tuya điện ngày mai.

Một mình nằm cả một gian gác ngoài, Nguyễn hút thuốc lòn vọt, ra bao lơ nhìn xuống những cái bếp lửa của bọn cà phê rong lập lóc dưới mặt phố. Đi ra chán chàng lại đi vào, ngâm thơ trào lộng, chửi xỏ cuộc sống, nghe đến là băng quơ.

Đêm sau là một đêm không có điện, phải thắp nến ăn cơm tối. Hoàng ngồi ăn vẫn thân nhiên, hình như không biết gì đến cái ánh sáng trong nhà hôm nay có thua cái ánh sáng của mọi ngày, của hôm qua nhiều. Chỉ có Lựu là thần thái khác hẳn mọi ngày.

Nguyễn dốc nốt chai rượu, hỏi một cách hóm hỉnh và đột ngột:

- Thế nào, bà Tham Thực, bà ấy không đưa cho chị mượn cái áo nhung à?

Lựu làm ra vẻ ngạc nhiên, sau cái phút giật mình:

- Áo nhung nào?

- Đang ăn cơm mà nói dối thì là độc mồm lắm đấy nhé. Tôi cảm chị chối. Mà có định chối thì đừng chối vội. Hãy ăn hết bát cơm ấy đi đã, cũng vẫn chối kịp kia mà. Đi đâu mà vội.

- Anh say rượu rồi phải không?

- Chị vừa ăn cơm vừa nghe tôi nói chuyện... Có phải sáng nay chị đã đến nhà bà Thực. Rồi, bằng giọng thân mật, chị đã nói với bà ta một câu như thế này: "Dạo này em quần quá chị ạ. Chả là mấy. Giặt lửa của hàng xóm mười lăm đồng cũng được. Nhưng sợ người ta cười. Em đành đến nói với chị, mượn chị cái áo nhung the cùng chuộc về với bọn đồ của em hôm nọ ấy mà. Không phải là em cố đòi lại số tiền ứng ra cho chị hôm vừa rồi đâu. Để trả tiền điện hôm nay đấy". Thế rồi bà Thực mới làm ra bộ rất tiếc không giúp được chị, lấy cớ rằng: "Từ rầy chúng nó có cầm mà không ăn lãi, cũng không

nên đưa áo nhung đi. Tùng thì chịu vậy. Áo nhung the mà nó đem xếp nén lên thế này, thì chết hết cả tuyết chứ còn gì nữa. Có mà đại chị ạ. "Mí" lại, thật là không may cho chị, hôm nay ở nhà phải dùng đến áo này. Chiều nay nhà tôi đã hẹn cùng tôi xuống Gò Đa. Tan sớm mà lại. Ra ngoài, kém quần kém áo, khó coi lắm. Nhờ nhà tôi hỏi đến thì sao? Thôi chị rầu lòng để chút nữa tôi lấy ở nhà tôi vậy". Ấy - chị Hoàng, chị đừng ngắt tôi, tôi nói chuyện đang hay - ấy thế rồi bà Thăm Thực buổi trưa đã ăn một bữa cơm ngon, đánh một giấc ngủ cũng ngon để rồi chiều đi xuống phố Tây cùng chồng sắm hàng. Một người đang sướng trong một cái ngày rất đầy đủ của người ta, chị phải cho người ta cái quyền quên chị đi một chút chứ? Mình nên có lượng đối với chung quanh. Bữa sau, người ta có nhớ đến chị, có nhớ đến lời hẹn của chị, tình cờ nhớ gặp lại chị, người ta đái chị một câu xin lỗi. Thế cũng là nhiều lắm rồi. Đừng có nên bắt người ta nói thêm câu nào nữa. Bắt người ta cắt nghĩa thêm nữa, tức là mở con đường cho người ta nói dối đây. Tức là giục người ta đi vào tội lỗi đây... Thôi nghĩa là không thấp điện, thì thấp nên đã chết ai, việc gì mà chị sụt sịt... Ngày xưa người ta xem sách bằng võ trướng đơm đóm, còn được nữa là... Ô! Đừng khóc nữa, trẻ con lắm... Thế những điều tôi vừa nói là không bịa đặt một chút nào phải không chị?

Lựu cũng thôi không thèm giận đời nữa, mếu máo cười. Nhưng quay sang phía chồng, nàng cố lờm được một cái mới nghe. Nàng đã ngờ Hoàng thuật rõ cho Nguyễn nghe cả rồi cái chuyện mượn áo nhung của bà Thực. Bực thế đấy. Mà nàng đã dặn Hoàng hai ba lần rồi đấy chứ có không đâu: "Mình đừng nên kể lại cho anh Nguyễn nghe nhé. Anh ấy sẽ cười và chế tôi chết mất". Đàn ông thế mà cũng chúa là hay lẻo khẩu.

Để ngắt một câu chuyện vừa đủ rồi, Hoàng pha trò với Nguyễn:

- Thôi xin mời bố uống cạn đi. Và xơi cơm đi cho. Kể quá một chút nữa cơm ôi, ông lại bắt rang cơm, bếp không có đèn điện thì

khổ lắm đấy.

- O hơ, phải rang chứ. Cứ kê cho com nó ôi, Tị nữa rang. Uống rượu mà không kênh càng một chút thì đưng bày chai cốc ra cho xong. À này, anh chị có biết cái phong bì này là cái gì không? Đố đấy.

Nguyễn đưa cho Hoàng một cái phong bì nâu dày cộm cộm và bảo thêm: - "Thử ngửi xem".

Hai vợ chồng nhăm nháy. Lạ vừa cười vừa trách một câu đùa:  
- "Hà, bác Nguyễn nhà ta có tiền. Thế mà định găm để tiêu một mình. Giá không có hơi men lồi được ruột gan bác ra, thì có mà giời khào cũng không đưa ra đâu... Gớm, nhưng mà anh bỏ ra hai ba đồng sắm lấy một cái ví da đưng tiền cho nó có phong thể một tí. Chứ mỗi lúc rút tiền ví ra tiêu, anh cứ đưa cái phong bì giấy gói hàng, trông mất cả lịch sự đi".

- Tội gì mà sắm ví. Lấy bạc giấy từ trong ngăn cái ví da đẹp ra mà tiêu, nó có vẻ trịnh trọng lắm chị ạ. Và lại đâm ra tiếc rẻ nữa. Tôi đã thấy một người bạn tôi sắm một cái ví những ba chục, góc bít vàng tây, về nhà anh ta đem lấy bàn là điện ra là độ mười tờ năm đồng và tờ hai chục cho thực phẳng bỏ vào ngăn ví có thứ tự, trông đẹp đáo đẽ. Thịnh thoảng ngồi buồn, anh ta nhớ cái ví, lại giở ví ra đếm lại những giấy bạc càng để lâu càng phẳng phiu. Những tờ giấy bạc ấy không bao giờ anh ta tiêu đi. Nhiều người ghét mắng anh thậm tệ. Nhưng ví thử tôi có dịch tôi vào địa vị anh ta, tôi cũng không nỡ tiêu hết giấy bạc đi; trông cái ví xinh xắn như thế, giấy bạc phẳng phiu thơm tho như có ướp nước hoa, ại nỡ lia. Tiếc lắm, chị ạ.

Hoàng chen vào:

- *Moa* cho tiêu tiền mà sướng tay nhất, đưng nên có nhiều. Có nhiều thì phải tiêu thành từng món, tinh đi tinh lại, mệt lắm. Chỉ cứ có độ chục bạc thôi, giắt ở túi *gi-lê* bên phải một đồng, túi *gi-lê* bên trái hai đồng, *bốt-sét* vài đồng, túi sau quần vài đồng. Khoái lên, cứ móc bừa bừa vào các thứ túi trong người mình, tiêu cứ vung cả lên.

Húng lên là *a-lê* tiêu! Tiêu! Rồi lại tiêu. Tiêu mãi. Tiêu nặng lên. Tiêu cho đến đồng xu chót. Tiêu tiền, nhiều khi có được như là làm thơ thì mới thích. Không nên dàn xếp trước. Thấy có cảm hứng thì làm ngay, tiêu ngay.

Lạ nhìn chồng bĩu môi. Hoàng đang gập cái đà nói rất hùng, cầm lấy cốc Nguyễn đang uống, tợp một hơi. Ngụm rượu ké làm cho Hoàng bực đồng. Chàng thấy cần tìm ra một hạng người bỉ ổi nào ở cái xã hội bố nhắng này để làm đối tượng cho cái hơi giận dữ của chàng trong lúc này. Hoàng đã lòi ra được cái thứ người hể đã tiêu xong tiền là y như là hối hận.

- Cha mẹ nó chứ. Quân nó ngu lạ. Tiêu xong để mà hối tiếc thì đùng có tiêu nữa có được không! Thích thì tiêu, ai bắt.

Tự nhiên lạ cũng mấp máy miệng, nói một câu rất là đầu Ngô mình Sở:

- Thế nhưng mà tôi xin mình từ rầy bỏ cái lối giắt tiền vào vành mũ và mép bút tất đi nhá. Trông cở rả lắm. Này anh Nguyễn này, một hôm vợ chồng tôi đi ô-tô-ca xuống Nam. Ngồi hạng nhất. Lúc người ta giục đưa tiền vé, ông Hoàng ông ấy lòi giấy bạc ở cái vành mũ ra, em thấy gương quá đi mất. Cả một chuyến xe toàn người sang kẻ quý cả, họ nhìn trừng trừng vào mặt mình. Mặt em cứ chín như ra và lúc ấy, em nghĩ đâu như em là vợ một anh cờ bạc nghề vừa tan đám. Thế mà Hoàng thì cứ thản nhiên được. Trông mà cứ muốn lộn cả ruột lên.

Hoàng sắp phân trần với vợ đại về cái thái độ ít cần của mình vào những trường hợp như thế, thì Nguyễn phá ngay câu chuyện:

- Ê, cấm hai người không được cãi nhau. Hãy giương mắt ra mà trông vào đây này...

Chàng mở phong bì, chia cái thép bạc giấy dó ra làm ba phần không đều nhau.

- Chỗ này chị Hoàng giữ lấy, ngày mai đem nộp nhà máy đèn. Chỗ này của tôi giữ riêng. Ngày mai đi Lạng Sơn. Còn chỗ này là của tất cả chúng ta. Lát nữa phải đi giải trí. Xem chớp bóng và ăn đêm. Lâu nay buộc mắt buộc mắt, khổ quá lắm rồi.

Lưu chăm chọc, nhưng giọng cố làm cho nhẹ nhàng:

- Anh mà cũng có tiền mặt kia à? Ai đã cho anh mượn? Anh phải khai thực đi. Kéo lỗ Hoàng và tôi lại thành ra a tòng mà tiêu vào cái của bất nghĩa nào thì hồi đến mãn đời. Anh phải nói rõ đi đã thì tôi mới đi rửa mặt thay quần áo. Tiền ở đâu thế? Hở anh Nguyễn?

- Từ nay tôi cấm chị không được đùa như thế nữa. Sợ nó thành một thói quen, ra đến chỗ lạ, cũng cứ ăn nói như thế, rồi đâm nhảm hết... Tiền này là đồng tiền lương thiện. Khi chiều, vào thư viện, gặp một người bạn khoe rằng sắp in một cuốn sách vừa làm xong. Anh ta thiết tha nhờ tôi trông nom hộ về việc ấn loát và đi chọn giấy. Biết tôi không phong lưu gì anh ấy kính biểu tôi số tiền này... Tôi định đi Lạng Sơn mấy hôm, đổi không khí. Thình thoảng cần phải đổi không khí để giữ cho lòng mình luôn luôn mạnh và yêu đời và yêu sống. Để lúc về được bình tĩnh mà trông nom hộ công việc người ta cho chu đáo.

- Đưa nào in sách hở Nguyễn? Hoàng hỏi. Nếu không phải là một việc cần giữ kín trong một thời hạn, mày cũng nên cho tao biết tên, rồi tao sẽ cho mày một vài ý kiến hay. Tao có một cái linh tính lạ lắm Nguyễn ạ.

- Thăng Việt Lang. Chắc mày cũng chẳng lạ gì cái tên anh văn sĩ đầu cơ ấy.

- Nó sắp in cái gì?

- Một cuốn sách tham khảo về phong tục và lịch sử một nước quần đảo hàng xóm. Có cả những bản kẽm in ảnh phụ bản nữa. Nó tin rằng sách sẽ chạy lắm! Vì hợp thời.

Hoàng cười một cách khó hiểu rồi cười mũi.

Để gỡ cho Nguyễn một cái tư buồn ngại thoáng trên mặt, Hoàng tiếp:

- Nghĩa là đưa nào đem quân bút mình ra đánh đi thì đưa ấy xấu. Nó cậy anh chỉ trông nom việc ấn loát thì cứ làm. Tưởng là nó lại mời anh cùng đứng tên vào cạnh tên nó để mà cùng soạn sách thì là việc rất không nên.

Cả nhà, tức là chỉ có ba người - soạn sửa đi xem xi-nê-ma. Nguyễn đòi Hoàng phải đổi cho mình chiếc cà vát mùi huyết dụ, và lục tung cả tủ áo lên tìm con dao cạo.

- Già rồi mà còn cứ đòi làm dáng.

Tiếp lời vợ, Hoàng đẩy Nguyễn ra một bên, vừa tranh lấy chỗ trước gương soi, vừa đùa bạn:

- Ông nên nhớ rằng ông là bố một lũ trẻ con vừa giai vừa gái rồi đấy nhé! Cái thứ người như ông đáng lẽ ra bây giờ, chỉ được mặc toàn đồ đen và phải để râu cho nó chỉnh con người lại.

Lạ thấp hơn chồng đến nửa đầu người, kiễng chân lên, cài khuy cổ, nói với cái bóng mảnh dẻ mình đang động trong tấm gương.

- À hôm nào chúng mình cùng đi Thanh thăm chị Nguyễn và xin chị ấy một đứa con gái đem ra làm con nuôi cho đỡ vắng nhà đi. Đây, cứ kể chị Nguyễn chị ấy cũng giỏi đấy chứ nhỉ. Cả năm anh ấy đi hoài. Một năm kể những ngày ở nhà, đem cộng lại thì chừng cũng chỉ được một tháng.

Đúng cách xa đẩy vào tầm hai cái bàn, Nguyễn bắt giắc thờ dài một tiếng khê, Hoàng tỉnh tai và tinh ý, lừ mắt cho vợ đừng gọi nói đến những chuyện riêng của Nguyễn nữa, rồi to mồm ra lệnh, đánh trống lấp:

- Thôi đi, đi thì vừa.

**Đ**êm ấy thành phố Hà Nội đổi sang tiết lạnh, gió hanh đầu mùa làm cho mọi người có những dáng đi rần rỏi. Lựu, Hoàng và Nguyễn thấy bước chân đang vui, thỏa thuận cùng nhau chỉ nên đi bộ.

Những đợt gió si tình nẻo hồ Gươm lật ngửa tà áo màu phía sau của đám thiếu phụ tân thời.

Nguyễn tưởng đến những mảnh đời thui thui rất được đẹp đẽ trong cái lạnh lẽo của cô đơn. Hoàng thấy lúc này phải thương đời thêm một chút nữa thì mới là công bằng. Lựu thấy da thịt se dần và hơi rùng mình, nàng nghĩ trước đến một cái chăn vừa cho bật lại lần bông cũ, khép nép nằm ở góc trái chiếc giường kê ở nhà.

Nhiều cái bóng bộ hành hợp thành tốp năm lữ ba, kè đầu kè cổ theo một chiều đứng và những tiếng đế giày tây chắc chắn cùng gõ một dịp với gót đầm giày nhanh thoăn thoắt. Màu phân phát rất đều khắp cả người. Một bộ quần áo gấm, gọn ghẽ. Gió vỗ nhẹ vào một cái mặt đi chơi. Nhựa lè đường, lẽ phép vang hưởng theo những bước chân nhàn tản. Hoàng và Nguyễn đều cảm thấy được sống lúc này với những cảm giác tinh vi của mình, là một cái đặc ân, là phải mang một cái ân sâu nặng đối với tạo hóa, đối với cái kỳ diệu của sáng tạo.

Và nếu cái xã hội hiện họ đang sống này được là một cái xã hội tận thiện mỹ nào của Ngày Mai thì ngay lúc này, - miệng nói tay làm ngay - người ta không giộ nạt, nhưng người ta sẽ âu yếm gọi Nguyễn và Hoàng đến mà úy lạo rằng: "Hỡi hai tên công dân kia, Chính Phủ Nhà Nước đã nhận được những tang chứng chắc chắn về cái đức tinh của các ngươi trong cái đời sống vui vẻ. Đời công cũng như đời tư. Nhà Nước ta chí nhân, chí công, chí minh, không bao giờ phụ những công dân rất xứng đáng như hai người. Từ ngày nước ta theo "hiến pháp" mới, những kẻ nào vẫn còn buồn rầu là những kẻ còn phản



\* Cách Mệnh - bởi vì vui yêu là tinh lý của Hiến Pháp mới - phân nhân loại, là những kẻ đắc tội với Pháp Luật. Trước khi trừng trị những kẻ không biết đến cái bốn phận vui trong phạm vi của quyền sống, ta hãy theo nhờ đảng chí cao viện Hành Chính mà ban cho mỗi người một tấm huy chương gọi là làm gương cho những kẻ khác chưa biết đến cái sự được sống và vui, là một cái thú độc nhất của con người. Được đeo tấm huy chương này, tức là các người được miễn cả sưu lẫn thuế, và nếu các người cứ được mãi mãi vui và lành như thế, quá năm chục tuổi, các người đem cái huy chương ấy đến Ngân Quỹ thành phố mà đổi lấy một cuốn sổ hưu bổng.

Tấm huy chương ấy bằng vàng, trên hình tròn miếng kim khắc một cái đầu người đang cười và ở phần bán cầu dưới chói lọi một quả tim phát ra những tia sáng nhấp nháy.

## II

Ở hý viện ra, Lựu, Hoàng, Nguyễn vẫn đi bộ. Cảnh đêm không có một tí gì là đáng sợ. Đêm lành và hiền từ. Đêm lại còn đẹp nữa. Vòm cây trên đường thay lá, gió trút lá lạt sạt, tiếng gieo khô, vui, đều. Tĩnh tình chất phác, Lựu không phân tích được cái lòng mình hôm nay sao mà lại vui nhẹ được đến như thế. Nàng loạng quạng bước đi, dẫm phải một vật trắng trắng, vuông vuông, mong mỏng. Nhặt xem thì là một lá thư rơi, tem còn nguyên chưa đóng dấu. Theo một thành kiến riêng của Hoàng thì bất cứ nhật được thư rơi của ai ở ngoài đường, chàng đều vứt hết. (Cái ý nghĩa của thành kiến ấy có một nguyên ủy riêng mà Hoàng giữ kín, không bao giờ chịu nói rõ; đến ngay đối với Nguyễn, chàng cũng không cho biết). Nhưng lúc này Hoàng thấy mình cần phải quảng đại. Chàng đành không giữ trọn cái thành kiến kỳ quái khắc khổ đó - ít ra là một lần này - và từ tốn hỏi vợ:

- Thư đề gửi đi Bất Tâm Boong à? Mà lại chữ đàn bà? Xa xôi và yếu đuối nhỉ? Thôi, chúng ta cũng nên làm một cái ơn nặc danh cho một người nào đang ở mãi chỗ cùng tột của xứ Cao Miên. Em đưa đây cho anh.

Khi nào Hoàng gọi vợ là em tức là lòng chàng đang băn khoăn nhiều về một điều gì.

Hoàng gửi lá thư. (Hoàng có tính hay gửi và tính ấy hồ đã thành một cái tật. Hoàng gửi món ăn, gửi hương trà - đã đành! Nhưng Hoàng lại gửi cỏ, gửi đất, gửi khói than đá, gửi sách, gửi mặt kính đồng hồ!). Hoàng gửi lá thư, thấy tiết ra một mùi nước hoa cầu kỳ và phải là đắt tiền, chàng bèn đọc phong bì cốt để xem tự dạng chứ không phải tò mò đến địa chỉ. Chữ đúng là chữ đàn bà. "Lụa, vợ mình nó cũng tinh đấy". Chữ viết bằng bút máy ngòi vàng chứ không phải là ngòi thủy tinh. Cuối dòng chữ có những nét tà tà kéo lê rất chán đời. "Những nét này là nguyên tính eo lá của một kiếp con người hay chỉ là cái rã rời khoảnh khắc của phút đề bì một phong thư chán nản?"

Hoàng đã nhẹ nhàng bỏ hộ phong thư rơi ấy vào hòm thư xếp móc cạnh tường ga tàu điện Bờ Hồ.

Nguyễn vẫn nghiêm trang, dè dặt đi bên cạnh vợ chồng Hoàng hình như không dám bạo nghịch đến những cái sống ở chung quanh. Chung quanh chàng, trên đầu chàng, dưới chân chàng, vung tỏa ra một vẻ đẹp rất thần bí.

Trong đêm vắng, sắt đường tàu điện sáng như vừa mài vào đá màu. Thổi thép lạnh bóng và dài dằng dặc tít mãi lên Hàng Bông kia nhắc đến giá trị vô song của nó ở vào cái thời đại kim khí và cơ khí này. Rồi giờm giợn nơi tóc gáy - có lẽ vì gió nơi ngã tư Bờ Hồ lộng, - Nguyễn liên tưởng đến những thổi thép luyện của những lịch sử thượng võ ngày xưa có dăm bảy lưỡi kiếm danh tiếng chém sắt chém đá ngọc cứ như chém vào chuỗi vào bùn.

Trong đầu Nguyễn, có một cái gì muốn rụng xuống. Một cái gì như một quả chín lúc được lia cành, phải lia cành. Ấy là một câu thơ. Đêm nay người thì hiền, cảnh thì lành, âm thầm không còn là khó nhọc, tư tưởng không có nghĩa là đau thương, lặng lẽ không phải là buồn tủi nữa. Nguyễn thấy được sống cũng đủ là một cái tác phẩm rồi, chẳng cần phải làm việc gì nữa. Nếu có cần phải làm thêm một điều thiện vào giây phút này thì Nguyễn chỉ muốn làm một câu thơ không có luật. Làm xong rồi đốt đi. Đốt ngay giữa giờ như là hóa vàng lễ ấy. Đốt đi, rồi mặc kệ gió giờ đem cái bụi thơ, cái phấn thơ, cái hương thơ tự do ấy cho thật xa, cho thực rộng, đem đến những chỗ nào không có bờ bến, không có ngày tháng, không có đầu không có cuối.

Trong lòng Nguyễn, tình vui cho nổi lên một cơn cuồng. Chàng khép vạt áo lại, đánh một que diêm, thổi một hơi thuốc. Khói lừ lừ trước mặt như những cái tơ giờ dăng trên những cánh đồng mùa tháng mười lức về chiều.

Ấm lòng, Nguyễn càng thấy cái sướng của người trai đất Việt được sinh trưởng ở những thành phố phía Bắc. Chàng lại phàn nàn hộ cho những người cùng quê hương mà lại phải sống ở những thành phố phương Nam, quanh năm chỉ có nắng của xích đạo và không bao giờ hiểu đến những luồng gió hanh đầu mùa này rất có giá trị kiến thiết cho tinh thần.

- Anh Nguyễn đang nghĩ chuyện gì mà mãi miết vậy? Tôi thấy những người im lặng, tôi ngại lắm.

Bị Lựu làm đứt mất luồng tư tưởng, Nguyễn mới nhớ ra từ lúc nãy đến giờ chàng tịnh không nói một câu gì, chỉ thực hai tay vào túi quần và đi trong yên lặng. Hoàng cũng vậy, thành ra Lựu trở nên cộc cạch, lẻ hẵn ra. Đáng lẽ cùng đi bộ về như thế này, ba người cùng bàn về cái phim ảnh nói vừa xem xong mới là phải.

Nguyễn đã bắt lại câu nói của Lựu.

- Chị đừng tưởng những người im lặng đều là người nham hiểm cả đâu nhé. Cái im lặng của lũ thi sĩ có di hại cho ai bao giờ đâu? Nào, bây giờ bắt đầu ồn đi nào. Bây giờ đi ăn. Tôi và anh Hoàng để cho chị toàn quyền mà chọn hiệu ăn. Hàng Buồm, Hàng Quạt, Hàng Da? Phải uống một chút rượu vang đỏ cho nó ấm bụng, chị ạ. Nay Hoàng, vợ ông đang kêu buồn kia kia (...).

Nguyễn lùi xuống một bước, để cho Lựu tiến lên. Lựu vịn vai chồng:

- Những đêm như thế này, tôi không muốn về nhà đi ngủ một tí nào cả, mình ạ.

Hoàng và Nguyễn lấy làm thương thức câu nói ngây thơ cuối mùa đá chút lãng mạn không tự biết ấy, và khúc khích cười để cho Lựu tiếp thêm một câu kịch côm hơn nữa: "Chứ lại không ư! Các anh cho đàn bà chúng tôi là tượng gỗ hay sao. Nghĩa là đàn bà chúng tôi nếu không sợ những lời hàng phố dị nghị thì... thì cũng...).

Hoàng ngắt:

- Thi, thì cũng... làm sao?

- Thôi không thèm nói nữa. Tôi đến ghét mình cứ hay về hùa với anh Nguyễn. Người ta nói chuyện đúng đắn thì cứ phá đám.

### III

Cái hiệu ăn đêm, gần bãi chợ Hàng Da chật ních những người. Thật là một việc không chờ đợi. Đêm đẹp giờ có khác. Ai cũng đều có cái ý tưởng ra ngoài, thoát ra ngoài, tìm cách mà lọt ra ngoài cái nhà quen thuộc của mình.

Vợ chồng Hoàng và Nguyễn đứng chôn chân ở giữa hiệu, tìm một chỗ góc phòng nào kín đáo. Họ phân vân, sắp quay ra thì có một

bọn ăn xong, đứng dậy. Cái bàn ở góc ấy xinh xắn. Ba người ngồi vây lấy thật là vừa quá. Ngồi ở đây lại còn lợi được hai điều nữa: là tầm mắt quán được cả một phòng ăn; và nếu có nói chuyện riêng, ít bị những cái tai tọc mạch nghe lỏm.

Hoàng hỏi Nguyễn:

- Thế nào, ăn uống ra sao đây?

- Hôm nay lại giá vờ làm thẳng giầu tiêu tiền không nhìn đến chỗ cộng ngân. Cứ gọi bừa đi. Chị Hoàng gọi đi.

- Thế anh lại hoãn cái việc đi Lạng Sơn à?

- Mai không đi thì ngày kia đi, ngày kia không đi thì đã có ngày kia. Ngày nào chẳng có hai chuyến tàu chạy lên biên giới bắc? Mình có phải là công chức đâu mà mỗi lúc đi đâu tinh nhật kỷ cứ sát từng nửa ngày một. Tôi hãy gọi riêng cho tôi một chai rượu Médoc sức miêng cái đã.

- Ấy là tôi hỏi phòng xa anh thế; không có lại lỗ tiêu quá vào tiền vé đi Lạng Sơn của anh, nhờ công việc của anh thì khốn. Ai dám bảo anh đi Lạng Sơn chuyến này không phải là để tính đến một chút sự nghiệp cho mai sau?

- Chị làm gì mà to chuyện thế! Cái sự nghiệp mai sau nào của tôi mà bằng được cái hể hủ đầy đủ của phút bây giờ - có anh chị. Tôi chỉ quen sống với nổi ăn xối ở thì. Ba chén mà túy lên thì việc có to bằng giờ đó cũng bỏ, phải không Hoàng?

Hoàng gật gật, nở một nụ cười tòng đàng.

Rồi Nguyễn và Hoàng tí ti làm hết chai rượu vang. Món ăn vẫn chưa đưa ra. Lợn ngồi chờ cắn hạt dưa, nhìn mấy thiếu phụ mặc quần áo theo lối mới, ngoài cái áo dài bằng hàng len màu, lại có một cái ngắn chèn, bằng nhung đen phủ lên. Nàng phát biểu một ý kiến làm Nguyễn và Hoàng phải phì cười.

- Mới quái gì cái kiểu áo chèn của đám ấy hở các anh? Cũng

chả hơn gì cái áo cánh bông của các cụ bà nhà chúng ta. Đấy các anh xem.

Lạ sợ phạm vào cái tội cáo giác không có tang chứng, đòi phân bua cho được và luôn tay chỉ chỉ trỏ trỏ. Nguyễn phải ngăn:

- Chị nói thì cứ nói, nhưng đừng chỉ vào mặt người ta. Xem chừng cái tội bên kia nó đã khó chịu với tội mình từ lúc chúng ta mới vào kia rồi. Chị có trông thấy cái người cao cao mặc tây theo kiểu Hồng Mao kia không?

- Ngồi quay lưng lại đây ấy phải không? Ờ, mà có chuyện chi vậy?

- Thằng cha ấy nó đòi đánh tôi nhiều lần lắm rồi đó. Trước kia y hay rủ tôi đi chơi luôn. Tính y rất hiếu thắng. Nói rất nhiều, rất to; những nhà nào có ông già bà cả nằm dưỡng bệnh hoặc có trẻ con đương ngủ thấy y xông vào nhà là sợ lắm. Tôi không nói ngoa tí nào, khi tôi bảo một mình anh ta, anh ta hạp chợ nói, chẳng cần đến hàng xứ nữa. Khiếp, người đầu mà nói như cái máy hát của mấy hiệu bào chế. Mà lại toàn nói nhảm. Ấy thế rồi có mấy đứa con nhà giời đánh nào nó mới xui khôn xui dại anh ta, bảo anh ta là một người có tài. Anh ta trẻ người non dạ, tưởng thực, khi không đòi nhẩy ra gánh vác việc đời. Thấy cái cung cách anh chàng táo tợn như thế, tôi hãi quá. Từ đây tôi không dám gần anh ta nữa. Nhưng trước khi định xa hẳn anh ta, nhân danh một cái việc chung đụng cũ, tôi có bảo thẳng vào mặt anh ta một câu: "Lời nói thẳng hay làm méch lòng, nhưng mich thì mich, tôi cũng cứ phải nói rõ cho anh hiểu rằng không bao giờ anh là người có tài đâu. Anh muốn cái đời anh được sung sướng, tất cả cái hoài bão của anh - và có lẽ cũng là cái hoài bão chung của những người sống ăn hột cơm của giời - là trở nên người sung sướng phải không? Làm sao phải giẫy nẩy lên. Muốn sung sướng, đâu có phải là chuyện xấu mà anh phải chối? Ồ! Vậy anh bằng lòng thành người sung sướng; có khó gì. Làm giàu đi, kiếm tiền cho nhiều vào.

Tiền bạc không hẳn là cả hạnh phúc nhưng là một phần lớn của hạnh phúc. Giàu là đủ rồi, việc gì cứ phải có tài mới là sung sướng? Mặc kệ cho thiên hạ tài, mình cứ giàu sự vào. Ai tài cứ cho người ta tài. Nhưng mà anh thì anh không được cho anh là tài". Anh ta đòi sùng sộ với tôi ngay lúc ấy. Tôi phải dịu lời nói thêm: "Nghĩa là thế này anh cũng có tài - tài làm giàu, - thế cũng có ích cho xã hội - ngoài cái sự vinh thân cho anh - nếu anh cứ định gánh với xã hội một chút (tôi không chờ ở anh những cái sót sảng có giá trị như thế) thí dụ như lúc cái tài làm giàu của anh đã được thực hiện rồi, thì ai cấm anh dùm giúp những cái tài khác. Tôi nói những cái tài chơn. Để mà xã hội trí thức quên được những cái hành vi ấy của anh? Một cái tài làm giàu nâng đỡ những cái tài không có tiền. Về vang biết mấy. Chứ bây giờ, tự nhiên chẳng căn cứ vào đâu cả, anh xưng xưng nhận ngay mình là có tài, cũng bắt chước bĩ báng đồng tiền, khinh thế ngạo vật, tức là bỏ đứt cái sở trường của mình để vác ngay cái sở đoản ra mà đập lên đầu thiên hạ cho người ta tối mày tối mặt lại. Thành ra anh bỏ đi một cái chỗ ngồi đích đáng của anh để nhảy sang chiếm chỗ tại miếng đất người khác. Ta không nên vụng dại thế. Anh há chẳng được trông thấy những cái thảm trạng gây nên bởi một chú lái buôn cứ đòi đốt trầm nấn phím. Anh há chẳng được chứng kiến những cuộc tàn sát thi ca của những ông lãnh binh lính làm thơ. Từ nay về sau, đũa nào cứ đến đám cửa nhà anh để mở mồm khen anh là một người có tài thì anh phải từ chối những lời xảm bậy đó và đái nó một số tiền rất hậu rồi đuổi nó ra. Nếu nó còn đến để vu khống anh ngay ở nhà anh nữa, thì cứ trối phăng nó lại. Đòi sẽ khen anh là một người có liêm sỉ. Anh đã có lúc yêu tôi như anh từng yêu những người tầm thường khác, dẫn tôi đi nghe ca hát, rồi ăn, rồi uống, rồi nói phiếm và cười suông. Để trả những món nợ miệng đó, tôi kính biểu lại anh những lời chân thành này. Nếu tôi có khinh anh, thì anh cũng nên xét và tha thứ cho tôi vì tôi đã thành thực trong cái ý tưởng đó. Tôi biết tính anh ngỗ ngược đã quen, gia dĩ lại thêm có được cái vóc người

kích thước dài rộng đều hơn chúng nhân. Mỗi lúc thất trực là anh phải đánh người ta. Không đánh được thì anh phát ốm. Tôi đã biết. Tôi biết cả. Một người lực sĩ cử đỉnh như anh mà ốm thì tức cười đến chết mất anh ạ. Tôi không muốn cho anh thành ra cái trò cười đó, tôi muốn tránh cho anh một trận ốm tổn tiền và mất thời giờ, lúc này tôi vui lòng cho anh đánh tôi. Đánh nhá. Đánh đi... Một phút. Thong thả đã. Anh hãy để tôi ngồi xuống cho nó chỉnh đốn đã. Và khi nào anh đánh tôi đủ rồi, thì phải nói lên để tôi còn đi ra đường này có chút việc cần đã chậm mất giờ hẹn".

Cái chai rượu vang thứ hai đã làm cho Nguyễn nói rất nhiều. Nếu chàng không đến nỗi nói to là vì tửu lượng chàng cũng khá, chai vang thứ hai thì mùi gì, thì đã lấy gì làm say. Lạ mãi nghe chuyện, gần như bỏ cả ăn. Chùng như Hoàng đã nghe Nguyễn nói đoạn này đến đôi ba lần rồi, thành thử Hoàng không để ý đến mấy. Chàng ngồi chế hóa các thứ nước si-dầu, lạp-chiu-chương, kíp-chấp, rươi mà-dầu thêm vào những bát nấu. Thừa tay, thừa thời giờ, chàng bồi rượu cho Nguyễn. Lạ nóng nghe nốt chuyện, hỏi dồn:

- Thế rồi người ta có đánh anh không?

- Anh ta đã giơ tay, nhưng không hiểu anh ta nghĩ thế nào, anh ta lại thôi. Tôi nghiêng mình cảm ơn anh ta, lùi ra. Hai người không bắt tay nhau. Cho đến bây giờ đã bao nhiêu lần gặp nhau lại mà cũng không bắt tay hỏi chào. Anh ta có nhấn một tên du côn nhà nghề bảo tôi nên liệu hồn, "Nếu cứ còn làm bộ làm tịch thì sao anh ta cũng đánh cho mà xem".

- Thế sự thực thì anh ta dốt thật hử anh?

- Nếu thực anh ta là người có tài thì khi nào tôi nói xấu anh ta không tiếc nhờ như thế. Đứng trước một cái chân tài, thì người khinh bạc đến đâu cũng trở nên trung hậu. Tôi vốn là người biết phục thiện chứ có dám làm điều quấy bao giờ. Đấy anh ta ngồi đấy. Dốt hay có tài, trông đó thì biết. Chị trông vào cái gương to dựng



ngay trước mặt anh ta, ở trên vách kia thì tiện hơn. Đấy chị xem, cái mặt đó ở trong gương đúng là một cái mặt không có chữ chữ?

Chẳng hiểu là bị cái tính ghét của Nguyễn đã truyền nhiễm sang làm cho cảm tình trở nên theo hùa và thiên lệch hay là nàng đã thành thực cảm thấy như thế, mà Lựu gật gù:

- Ủ, trông anh chàng ấy ngu độn và phàm phu thật. Cái trán bóng và đen, và dô như thế, chỉ có đi buôn bè là hợp thôi. Thế mà còn đòi đánh người ta thì vô lý thực. Em trông thấy nó mà ăn thia mi này mắt ngon rồi đấy. Thế ra ở đời này, chỉ có một mình cái sức khỏe của hần thôi à? Ngoài ra, không còn có ai nữa à?

Lựu công phẫn với tất cả những ngây thơ của một người đàn bà chưa am hiểu đến những cái nhỏ nhãng ở cuộc đời này. Hoàng tùm tùm, nói tiếp cho vợ nghe nốt về cái anh chàng bất tài và khỏe ấy.

- Chính hần ta có mấy lần cũng đòi đánh cả tôi nữa kia đấy. Tôi nhớ ra rồi. Tên nó là thằng Phú. Phải rồi. Thằng Phú Sài Goong. Nó người Hà Nội này đấy chứ, nó hay hát cải lương, nên người ta mới đặt tên cho như thế. Tôi thì tôi không ra mặt chằm chọc nó như anh Nguyễn, và cũng chẳng chơi bời gì với nó. Ai chơi bời gì với những quân ấy. Vậy tôi đó mình biết tại sao nó lại cũng đòi đánh tôi? À, chỉ vì rằng, chưa bao giờ nó được trông thấy tôi phải mặc áo rách... ấy chỉ vì người ta luôn luôn được mặc áo lành...

- ... Mà nó đòi đánh người ta đấy! - Nguyễn tọp ngum rượu, cướp nhời Hoàng, mặt càng vênh lên nữa. Chàng lại thủ thỉ nói cho Lựu nghe:

- Chị phải biết, ở đời có những người chỉ muốn mình khuất nhục trước mặt họ một tí là họ hả hê lắm. Họ cứ lồng lộn tức tở lên với mình, chỉ vì cái lẽ là họ thấy mình nghênh ngang không giẫy dụa gì với họ. Lắm khi không quen thuộc gì, không thù, không oán gì, chẳng ai làm hạnh làm hại gì chúng nó, mà động trông thấy mình là chúng nó cứ như nuốt chửng được mình đi. Minh dâm nghi. Thì ra

chúng nó ghét mình, chỉ vì mình lúc nào cũng có bề ngoài của người phong lưu, chỉ vì trong khi mình đang túi bụi sống cho mình, mình đã vô tình không để ý nhìn đến chúng nó một chút. Nào có phải mình ngạo gì. Nhưng mà ai biết đâu rằng nó định cầu thân với mình. Chẳng lẽ cứ phải ngồi lù lù ở giữa nhà, đóng khăn áo vào, chỉ đi ra đi vào hoài hoài để chờ tiếp những người đến cầu thân với mình hay sao, dùng làm ăn gì nữa, dùng đi đâu nữa hay sao?

- Tôi phải ngắt ông về chỗ này, Hoàng giơ tay lên - những lúc nào thân mật và vui quá, thì Hoàng gọi Nguyễn là ông. Ông bảo rằng ông không có ý phụ những kẻ kia định tìm đến cầu thân với ông. Đã gọi được là thân thì "khi thân chẳng lọ là cầu?" Vào những trường hợp này, ông phải coi chừng và tôi khuyên ông nếu có phụ thiên hạ được đến đâu thì cứ phụ đi. Càng nhiều càng hay. Hãy đem một thí dụ cầu thân ra mà nói để cùng nghe nhé. Cái buổi đầu của một kẻ thích ông, muốn gần ông và khi đã tóm đúng được ông rồi thì thường họ làm những gì để đánh dấu ngay vào cái buổi tương kiến sơ giao đó. A, một châu hát, một bữa tiệc; một châu hát mặn một bữa tiệc đại ẩm nếu thẳng cha ấy ăn tiêu rộng; một châu hát chay ở tận cuối Ngã Tư Sở và một bữa phở sách chân nếu thẳng cha ấy ăn tiêu chặt chẽ. Người ta và ông ăn chơi, cười nói cứ loạn cả lên. Người ta hỏi thăm về cái quá trình của ông, người ta tiếc hộ ông rằng: hữu tài mà vô hạnh - thua ông chữ hạnh đây là may, là gặp chữ không phải hạnh là hạnh kiếm đâu. (Tôi không tức nhỏ, nhưng được cái đã dùng chữ nào thì rất chắc, trước khi dùng đã phải hỏi lại các bậc cha anh rồi... Lạ cười cái gì?)... Vậy... thế rồi người ta kỳ vọng cho ông. Úi già, thân thiết quá. Người ta lại còn phàn nàn những là "Gặp nhau, tiếc rằng khí muộn quá. Được bắt tay nhau, trao danh thiếp cho nhau thì mặt trời đã gần lặn về tây, thì chợ đã gần tàn". Nghe chúng nó nói thế, trong đầu ông, ông đã tưởng rằng nếu sớm gặp chúng, e chúng đã cho không ông một cái tòa nhà nào rồi. Tính ông đa tình. Tôi biết! Lúc chia tay, ông dùng

dằng. Trở về nhà ông, ông nhớ đến tấm cảm tình của một người vừa chia tay. Ông nghĩ về một tấm lòng vừa rồi trong thiên hạ mà ông đâm ra hối, tự mình cứ đòi trách móc mình cho kỳ được đến thấu canh: "Té ra suýt nữa mình cô phụ đến một tấm thịnh tình của thế gian". Ngay ngày mai, ông đi tìm cái người bạn nhất kiến đem qua để đáp lễ. Rồi ông mới ngã ngựa người ông ra, khi ông biết rằng người đi vắng ấy hiện đang nói xấu ông ở một chỗ nào đó. "Tuồng thằng cha ấy thế nào kia, chứ cũng vậy vậy thôi. Đêm qua, nó vừa đánh chén, nghe hát với *moa*. Được cái nó nói chuyện cũng hay hay. Có nó đi bên cạnh, những lúc điếu qua một đám đông, hay là ngồi bày mặt ra ở một chỗ nào, trông cũng bài trí ra phết. Nhưng mà phải cái đi lại với nó luôn luôn, thế nào rồi nó cũng hỏi vay tiền. Thằng ấy hay "đả" tiền lắm nhà". Ông đã chết bỏ đời ông chưa? Ông đã thấy ông là đại chưa? Ông tưởng là người ta yêu ông, quý ông, trọng ông, kính ông lắm, nên người ta tìm đến ông. Ông đã bị người ta lừa. Người ta đã buôn ông, đã mượn ông để đem bày ngay bên cạnh người ta. Ông đã làm vui cho người ta. Ông là một người bạn phùng trường tác hý của người ta. Người ta đã trả công ông bằng một bữa phở tái, bằng một châu hát trên một cái chiếu rượu rách. Vậy mà người ta đã dám coi thường ông trong buổi đầu. Một lần, hai lần, lần thứ ba, người ta lấn thêm một tí đất nữa. Người ta sẽ cho người ta cái quyền gọi ông là mày. "Mày khó tính lắm. Mày phải đọc những sách này này... Mày phải làm những việc như việc này thì mới phải. Mày... mày... vân vân". Đời nó mới đóng một cái triện nhận thực ngay vào cái tình giao du đó và đời nó bảo rằng ông là người bạn thân của người ta. Ông cãi đi? Nếu không thế sao thằng kia nó lên được vào cái đời tâm tưởng riêng của ông và dám làm cố vấn cho ông, đòi hướng dẫn cho tính tình ông, và tọc mạch đến cả những món ăn tinh thần của ông, - Phải, tôi nói sự đọc sách - và lại còn dám lạm một bàn đến những cái thắc mắc trong đời tư tưởng của ông nữa? Ôi tại sao vậy? Tự ông

hay nhận, hay trả lời cho chung quanh, để cho người ta được gần ông rồi người ta rờ rúng ông, người ta sẽ chẳng coi ông ra đêch gì nữa... Ông đừng tưởng tôi ghen với ông trong tình bạn đâu nhá. Tôi vẫn biết đời ông vốn rộng lắm. Ông phải huy hoắc. Ông phải tiêu cái đời ông sao cho được hoang phí thì mới sướng tay, sướng lòng. Ông đã có một lũ con rồi. Vậy mà có lúc ông còn thèm khát cả đến những đứa con ngoại tình kia nữa. Với một người đàn bà lý tưởng. Và ông đâm ra giao thiệp. Những bức thư rất dài của ông viết cho thiên hạ, trong hồi gần đây, đã có cái lòng thù thế lắm rồi. Việc xã giao của ông, tôi đâu dám dòm ngó đến. Một thằng như tôi, tài đức còn lơ mờ, chưa được thực hiện giữa cuộc sống, tôi đâu dám can ngăn ông, tôi làm gì mà dám giữ độc quyền lấy một mình tất cả những tình cảm lời thôi của ông. Ới tôi ơi là tôi ơi! Ới ông ơi!

#### IV

**H**oàng say rượu. Tè ra Hoàng say rượu mất rồi. Lụy lo sợ quá. Hoàng ít khi uống rượu với ai. Tầm lượng xoàng ít quá, Hoàng đã từ chối nhiều chén rượu vui đích đáng chỉ vì chàng là người tự trọng, sợ mỗi lúc uống rượu là tổ giác những cái dở trong người ra, rồi chỉ làm trò cười cho chúng nhân thôi. Nhưng những lúc ngồi riêng thủ thi với Nguyễn, chàng bằng lòng uống. Chàng thấy vững tay nâng chén. Và bằng lòng say. nhất nhẽ có phải thổ ra, có gầy gục cả ngày hôm sau nữa thì cũng không cần. Lụy sẽ nấu đậu xanh đổ vào cái miệng chàng nhạt bã. Nguyễn sẽ lấy vôi khuyen vào gân bàn chân chàng. Một bên là người vợ hiền, một bên là người bạn trung thành. Giữa hai cái thiêng liêng và thân yêu ấy là một cái cốc pha lê trong trắng đang sủi lên những cái tăm rượu - màu rượu đỏ như máu Chúa, - tăm rượu liên tiếp đùn lên như là những cái quả bóng nhẹ bằng cao su ngũ sắc mỏng của những ngày mở hội. Thích lắm, sợ gì.

Hoàng đã uống. "Bạn mình và vợ mình chẳng nhẽ lại đi cười chê mình!" Chẳng e sợ gì, chàng rót rồi chàng lại rót nữa. Xuyên qua một lần màn mỏng dệt bằng tơ của men rượu, Hoàng nhìn thấy mặt Lựu trẻ thêm mãi ra và những nét giang hồ tạc trên khuôn mặt Nguyễn thì càng thêm rần rôi. Chàng trở nên tin cậy trong cuộc sống. Rượu ngà ngà, Hoàng nhớ đến một đoạn truyện *Tam Quốc*, lúc Tôn Bá Phủ biết mệnh mình đã đoán, cho gọi em là Tôn Quyền vào giới giăng mấy nhời về công việc giữ gìn cơ nghiệp Giang Đông.

Sách đã cầm tay Quyền lúc sắp hấp hối: "Em ơi, gắng ở mà giữ lấy di sản của cha anh gởi lại. Anh đi rồi, việc ngoài không tính xong thì cứ hỏi Chu Du; việc trong không tính xong thì cứ hỏi Trương Chiêu". Cái đoạn đã sử nước ngoài ấy đã làm cho Hoàng cảm động vô cùng. Rồi chàng cũng bùi ngùi nghĩ đến một ngày của mình. Rồi chàng muốn so sánh, đặt Lựu vào địa vị Trương Chiêu và Nguyễn vào địa vị Chu Du trong cái lời ký thác lịch sử kia. Lúc bấy giờ, - lúc bấy giờ chàng tin chắc thế nào cũng có một đứa con, một đứa con tinh thần - một cuốn sách gì để lại cho mai sau, gọi là ghi vào Vĩnh Viễn cái giây lát chóng vánh của mình đã đi qua. Trong đầu Hoàng bao giờ cũng có một tập tùy bút viết dở, viết đi, viết lại, viết hoài. Tài liệu của Thời Đại gởi vào cái kho lòng ấy súc tích lắm. Cảm giác, tình cảm, kiến thức, đau khổ, hy vọng, hỗn độn bừa bộn vô cùng. Nên bắt đầu từ chỗ nào? Hạ bút thế nào cho khỏi thiên vị? Hay là cuốn sách hay vẫn là cuốn sách không bao giờ viết? Không, đấy chỉ là một câu nói của một cây bút nghèo nàn, tự mình dối mình và tự an ủi mình. Trời ơi! Hoàng tự nhủ mình là phải viết. Viết như một người bị con quỷ của sáng tạo đến ám ảnh và dẫn dắt. Viết như một con đồng bị cái ánh linh của đầu đề hành hạ. Nhưng, chàng muốn cái đời ngộ nghĩnh của chàng lắng xuống, cứ lắng xuống nữa đã. Chàng còn chờ của cuộc đời một chút phèn chua nữa. Bấy giờ chàng sẽ cho đánh đùng cái vai

nước kỷ niệm, và cắm một ngòi bút thành kính vào đám cần đong của những ngày qua, bây giờ chàng sẽ viết bằng tất cả cái mình mẫn của ký ức trầm tĩnh, bằng tất cả máu và tinh khí trong người chàng. Đã vội gì. Đã chậm gì?

Cả một đời Proust là một sự hoang phí đem ra đãi đằng hết cả cho người đồng thời; mãi cho đến phút cuối cùng, người ấy mới nghĩ đến sự phải sống riêng cho mình lấy ít ngày. Nằm trên giường bệnh với nỗi thê lương của tinh thần và sự quạnh quẽ đê mê của xác thịt, Proust đã để những trang giấy trắng lên ngực, rồi chống nẹ trên gối bệnh, người ấy đã viết, viết để tìm lại thời gian đã mất. Cái ngày người ấy chữa lại một lần chót cho bản thảo những nhả tập ấy, chính lại là một ngày người ấy từ giã cuộc sống. Lạnh thay, độc thay và đẹp ôi!

Hoàng rùng mình. Một luồng gió đen lạnh lùa qua mặt Hoàng. Chàng ngờ rằng viết xong tập tùy bút, chàng sẽ chết. Khi mà con tằm đã rút hết ruột rồi! Khi mà người ta đã nói được hết rồi những cảm giác, những tình cảm chỉ tới với ta có một lần! Sống thêm nữa là tham, là lạm dụng cuộc phù sinh. Chàng không hiểu tại sao có người sống lâu quá - lâu đến nỗi đã khô hết nhựa sống trong mình, - đã không biết nhục, lại còn thích được mặc một cái quần vóc điều, tự nhiên ngồi ở giữa cái nhà mình để cho người chung quanh đến chúc thọ, tế sống nữa. Sống lâu nhiều khi chỉ là mình bêu điều mình.

Hoàng tin cái phút cuối cùng của chàng sẽ là lúc chàng chữa xong mấy chục thiên tùy bút. Rồi mệt mỏi, cầm cả một thiên tùy bút, trước khi nhắm mắt, chàng cười mà bảo Lự: "Việc nhà việc dạy con là ở em. Còn đưa con tinh thần này, em đưa cho anh Nguyễn".

Chàng uống thêm một cốc nữa, cái cốc dĩ tận vi độ. "Bạn của ta sẽ in sách của ta, không phải qua tay một thằng lái buôn nào. Sung sướng thay là vong hồn ta, vào một ngày lễ tiểu tường ấy".

Nhìn thấy nơi trên chai rượu cạn không còn một giọt máu Chúa

nào, nhô lên một cái hình cù lao đẹp đẽ và gợi cảm, Hoàng bàng hoàng đứng lên, tưởng đây cũng là một hòn đảo nào - một hòn đảo tuy đã cũ như cuộc đời, nhưng ở đây, chưa hề có ai nghe thấy tiếng một đồng xu rơi xuống một miếng đá hoang rêu.

Ấy thế rồi chàng đã được vực về nhà, đặt lên một cái giường, chét đi một giấc nặng tựa chì. Lúc tỉnh cái mộng men, Lựu bảo chàng rằng: "Minh nằm im như thế đã hai ngày". Chàng bâng khuâng vui vẻ bảo vợ cho mình uống. Uống nước lã. Nước lã trôi xuống cổ họng, xuống bộ lòng, xuống dạ dày bị đốt cháy. Khoái trá thay! Những kẻ được khát.

Ấy, thỉnh thoảng chàng lại làm nũng Lựu và đem thử cái tình bằng hữu của Nguyễn bằng một buổi truy lạc có ích như vậy. Lựu cũng hiểu qua cái ý ấy nên không can ngăn. Ai lại đi can một người chồng một năm uống đầu chỉ có ba bốn lần, mỗi lần uống là đòi say cho được bằng cái đêm rượu tối tân hôn gặp mình, lòng chứa chan hy vọng và thấy đời đẹp như ở trong tranh vẽ. Thấy chồng đòi say, Lựu chỉ lo chàng nhớ gặp phải... cơn gió độc thôi. Chỉ sợ có thể thôi.

Lựu lo, thấy chồng nói nhiều khác hẳn mọi lần, nàng hóa ra nghi ngại. May mà lúc Hoàng nói to thì hiệu cao lâu đã vãn hết cả người. Thành ra Hoàng nói om, ngoài bọn phổ kê, chỉ có Nguyễn và nàng nghe lấy thôi. Nguyễn đã cho trước lữ bồi bàn mỗi đứa ít hào nên chúng vẫn hầu hạ có trật tự, thưa bẩm rất lễ phép, và không dám tỏ ra một ý phê bình rề rúng gì đến Hoàng đang ba hoa.

Lựu ngồi cùng một phía với Hoàng, cạnh chồng, lúc này cứ lúi mõi đầu ra phía sau và đưa mắt cho Nguyễn lia lịa. Ý nàng muốn bảo Nguyễn nên đình cuộc rượu lại và vực Hoàng về nhà. Vả chẳng đêm cũng đã khuya lắm rồi. Nhà hàng đã cho lên cửa lùa ngoài mặt hiệu, tiếng những tấm gỗ dồn vào nhau trong đêm rạo rỏ nghe gắt và mau đến chối cả tai. Nguyễn vẫn điềm nhiên ngồi trông Hoàng say và nghe Hoàng nói, mặc kệ cho Lựu van nài mình. TỬ TỐ CHÂN TÌNH.

Hoàng ít biểu lộ tính tình. Rượu vào, nét điềm đạm của chàng không còn nữa. Đối diện với Hoàng đang bị rượu sai khiến, Nguyễn muốn lợi dụng ngay cái tình thế biến loạn tâm thần đó để dò Hoàng nói và nghĩ về mình. Chàng muốn hiểu Hoàng hơn nữa.

Một viên Tri huyện thời cũ ngồi rình một con nói mê thú tội của một tên tù giam cứu bị tình nghi giết người cướp của như thế nào thì Nguyễn cũng đang ngồi rình Hoàng bị hơi men bắt nói to những điều chàng nghĩ thầm về mình như thế. Thường ra, có một chén rượu vào người, người ta trở nên mạnh bạo hết nể nang, dám tàn ác và dám nói thực những câu ghê gớm mà lúc bình thường, lòng tự ái và tính nhân đạo hay ngăn lại không cho lọt ra ngoài miệng và cất giữ nó ở đáy lòng. Rượu đối với một cái tạng không vững, đã làm vỡ hồng mắt cái ý nghĩa tuyên thệ kín đáo của một câu "Sống để bụng, chết đem đi". Có bao nhiêu cuộc âm mưu đã bị thất bại và đàn áp oan uổng vì một chén rượu hào hùng uổng trong một cái quán vô nghĩa lý. Nguyễn lẩm nhẩm: "Hà, rượu!".

Không còn gì rầu rĩ và tỏa thắm hơi lạnh bằng cảnh tượng một đêm chăm nom một người say rượu mê man, trong cái ánh rập rờn của lũ nến bị gió khuya lùa.

Giá đêm nay, vẫn có điện mà thấp, không bị nhà máy đèn cắt điện thì Lựu cũng không lấy gì làm sợ lắm. Tâm thần nàng thêm hoảng hốt, mỗi lúc thấy chông vọt vĩa cựa mình hoặc thấy Nguyễn im lặng đứng lên nói thêm sấp vào cây đèn nến vạt lụi.

Trên trán Hoàng có một cái khăn mặt bông trắng sũng nước. Trên bàn ngủ đầu giường, một chai nước lọc, một cái cốc, một cái bình phóng và mấy lọ thuốc con. Lựu ngồi ở chân giường, chốc lát lại ngừng mũi kim, nhìn đăm đăm cái thân hình Hoàng nằm ruỗi thẳng hai tay hai chân. Lựu không phải là một thiếu phụ lãng mạn nhưng cũng có một óc tưởng tượng thừa thãi. Lòng nàng se lại khi nàng ví cái việc Hoàng say cứng đờ nằm kia với một cái tai nạn chết



người và kẻ bất hạnh ấy đang chờ những vuông vải liệm trong cái ánh sáng tang ma của lũ nền leo lét. Giá mà có đèn điện như mọi khi thì chẳng bao giờ Lựu nghĩ nhảm như thế. Nguyễn vẫn ngồi đun nước đắp mặt cho Hoàng bên cái bếp cồn. Lửa dầu cồn, ngọn xanh lè và ma quái.

- Đắp nước nóng, thay độ hai lần khăn mặt nữa thì anh ấy tỉnh ngay đây mà. Nhà còn trà Thiết Quan Âm không hờ chi?... Nếu vậy thì tốt lắm. Chị cứ để nguyên cho anh ấy nằm im. Chị bỏ ấm chén ra đây. Lọ trà và hộp sữa nữa.

- Để tôi đính nút hai cái cúc áo tây ngoài cho anh đã. Còn độ vài mũi kim nữa thôi.

- Lúc ấy, không víu được tôi mà ngã thì đau lắm đấy. Lúc xuống xe, anh ấy lại còn làm bộ ra điều ta vẫn tỉnh táo lắm. Chốc nữa Hoàng nó tỉnh dậy, chị cứ ngồi yên mà ngắm cái mặt một người say tỉnh rượu đây để mà hối và tiếc; trông hay đáo để.

Ấm nước sôi, trên bếp cồn hãm nhỏ lửa, điểm những tiếng thò dài chậm chậm nhặt nhặt vào cái đêm đang là cà đi. Dưới mặt phố, đoàn xe vệ sinh đã lăn những vòng bánh trệu trạo trên con đường về, tiếng dội lại nghe xộc xệch lung nhùng.

Hoàng đã ngồi nhồm dậy từ bao giờ. Chàng trâng tráo nhìn. Chàng dụi mắt, chàng vuốt trán; miệng nhai không mấy cái, lưỡi nhặt và đặng và ngờ hai hàm răng mình đang cắn lại những bựa đóng.

Cái ý nghĩ đầu tiên của một người choàng tỉnh rượu là một ý muốn định nghĩa về không gian và thời gian trong hiện tại. Bây giờ là đâu? Bây giờ là bao giờ? Mình hay là ai đây?

Hoàng băng khuâng, nhớ lại. Rồi xoay cái cổ, chàng nhìn chung quanh.

Bên đóng chặn, dưới chân mình, Lựu gục xuống, vẫn mặc áo

dài. Bên cây nền mấp máy ngọn, "thằng" Nguyễn đang chăm chú cúi mặt xuống cái bàn kê gần tường, tay nghi ngơ.

Hoàng bước bạo xuống sàn gác, chân xéo lấm, tiến lại phía Nguyễn. Thấy có một hơi lạ thổi nhẹ vào gáy mình, Nguyễn ngắc đầu lên. Thấy Hoàng, Nguyễn không chút ngạc nhiên. Chàng đã chờ mãi cái phút Hoàng tỉnh rượu và mò lại cạnh chàng đây. Hai người tùm tùm ngắm nghía lẫn nhau.

- Ông đã dậy?

- Ông đang làm gì đấy?

- Tao đang viết nốt mấy lá thư chậm trả lời cho mấy người quen. Mày khát lắm hả? Tao viết xong rồi đấy. Ấy, để im tao thấp thêm cây nền nữa cho sáng, kéo mày loạng quạng đánh đổ nước rỏ xuống đỉnh màn nhà dưới, nó lại chửi ầm lên bây giờ đấy.

- Tôi say quá. Đã hơn bốn giờ sáng rồi kia à?

Những bốn cây nền đỏ ngọn, lại thêm cái bếp lửa còn khêu cao bác. Nước sôi reo to và vui hơn trước. Ánh sáng và những tiếng động của sinh khí. Thêm một người nữa mở mắt: Lựu - đang quán lại mở tóc trần.

Ba bóng người ấy lại khúc khích cạnh một bộ đồ trà sứ trắng bốc khói. Tỉnh cẩn thận, Nguyễn chưa uống vội. Chàng đứng lên, cất tập giấy viết thư màu vàng mình da đồng, nói một câu chữ Hán gần hợp cảnh. "Thủy hỏa bất cận thư".

Ấm trà nóng pha khéo. Người uống thấy thú vị nhất, người thưởng thức nhiều nhất vẫn là cái người vừa tỉnh rượu kia. Ngon miệng, Hoàng uống mãi, càng uống càng thấy muốn uống thêm. Phải gọi là uống chứ không gọi là nhấp được. Hoàng khát lắm. Khát hơn một thừa ruộng nắng hạn gặp ngày mưa đảo vũ. Ấm trà được người ta vời đến nhiều quá, đã trở hương, và nguội rồi lạnh. Câu chuyện bên ấm trà cũng đã rã rời. Cái phút vui của Hoàng tỉnh rượu

và được uống trà nóng đặc ngay cũng tàn theo với hơi khói hương vắng quạnh. Cái việc say rượu lúc đêm, Lựu và Nguyễn tịnh không dả động đến. Nhưng lúc giờ đã về sáng này, dờ tay vào thân một cái ấm lạnh, Hoàng đã ngồi im như một nhà sư già nhập định để tự mình ôn lại việc mình. Chàng đang rầu rĩ một cách rất văn chương. Như là không có được biết đến một việc gì đã xảy đến trong tâm tư Hoàng, Lựu đòi đi ngủ trước, y như mọi ngày, những lúc quá mệt mỏi về công việc nội trợ. Hoàng gật; Lựu đứng dậy.

- Phải đấy, chị cũng nên đi nghỉ đi, Nguyễn vừa buộc dây giày vừa nói với theo vợ Hoàng đi vào buồng.

- Anh Nguyễn không ngủ hay sao mà giờ lại đi giày tây?

- Cũng đi giày tây vào là vừa đấy thôi. Đêm, thế mà cũng chẳng dài. Sáu giờ tàu chạy. Năm giờ rồi. Chút nữa tôi đi Lạng Sơn và gửi lời chào chị trước.

Lựu cài lại cúc áo dài, quay lại:

- Vậy chớ lấy cái gì mà đi Lạng Sơn?

- Lúc đêm làm gì đã mà tiêu hết? Vẫn còn hơn một đồng bạc kia mà?

- Bấy nhiêu thì làm gì cho đủ tiền ăn đường? Thôi, anh đi nghỉ với nhà tôi đi. Mai mốt hãy đi. Ngày mai thế nào cũng đòi được tiền nợ hoặc thu được tiền họ. Tội gì mà đi hôm nay cho nó kham khổ cái thân. Thà có phải buôn đầu sông ngọn nguồn, hoặc lo chạy công danh thì cũng nên lật đật như thế.

- Chị đừng gàn tôi nữa. Phút này tôi đang cao hứng muốn đổi gió cho nó xa xa một chút. Ở lại Hà Nội đến ngày kia, cũng chẳng làm thêm được trò trống gì. Thường tôi đi, có mấy khi lấy vé cả lượt đi lẫn về đâu. Một lượt là đủ rồi.

Hoàng không tỏ ý ngăn bạn. Chàng nhìn kim đồng hồ. Đồng hồ nổi một hồi chuông báo thức nghe rất rền. Thế có vô duyên không?

Cả nhà vền vẹn chỉ có ba người đang không ngủ, đang nói chuyện mà khua vang lên để đánh thức ai? Hoàng dẫn tịt cái nút chuông xuống cho nó câm đi.

- Mới có năm giờ. Thế mày có thể biết trước được là hôm nào về không? Độ tuần lễ nữa, tôi có tị việc phải cần đến anh. Nếu trong một tuần mà chưa về được, phải báo ngay cho biết... Việc làm ăn chứ còn việc gì nữa. Chưa tiện nói rõ. Vậy hôm nào về?

- Bực mình nhĩ? Nó chết cái đã đi ra thì tính thế nào được ngày về cho đúng.

- Thôi cũng không sao. Cứ việc đi đi. Hôm ấy *toa* về được thì càng hay. Bằng không *moa* sẽ tính cách khác.

Nguyễn thu xếp một ít vật dụng tùy thân bỏ vào chiếc cặp da. Chàng gấp lại mấy chiếc mùi soa, bít tất và những quần áo lót mình. Hoàng ngồi nhìn bạn lom khom soạn hành lý, cảm thấy lòng mình sàu muộn vẩn vơ. Giữ bạn lại chẳng? Cũng chẳng có một cơ chính đáng gì để chàng buộc giữ Nguyễn ở lại Hà Nội. (Có khi, buổi sớm nông nản giữ nhau lại tưởng đâu buổi tối ngày ấy sẽ cùng chia sẻ những cái ngon ngọt gì, những cái bóng lảnh bất thành linh của cuộc đời vô thường đem đến cho. Một ngày gần gũi thêm thất cò kè ấy chưa đi đến cái buổi tối của nó mà ngay buổi chiều ấy người ta đã cùng cảm thấy nổi bẽ bàng, rồi thành ra bần tính, dâm ra cáu kỉnh. Chỉ vì gần kề nhau quá, một cái tình thân trọng đã thành ra sơ thường và kém thế nữa). Mà để bạn đi vắng mắt thì Hoàng thấy mình sẽ thiếu thốn ở bên cạnh, hao hụt mất một cái gì khó định được giá, khó định được nghĩa.

Để tránh một cái buồn không có manh mối sắp xâm chiếm tất cả lòng chàng, Hoàng bèn làm việc - làm một công việc mà những con buôn quen sống với đời chác hàng họ và buôn Tần bán Sở đều gọi là vô ích.

Hoàng mở cái ngăn tủ cuối cùng, rút ra một quyển vở bìa đỏ

dây đến hai trăm trang. Vở đã bị dùng đến quá nửa, trang nào cũng chỉ chút nhùng dòng chữ li ti vội vã trông có thể nhầm với một cuốn vở của một sinh viên ban đại học ghi chép lời các đấng thầy học cắt nghĩa bài tại giảng đường. Những trang chữ đen đặc ấy chỗ thì viết đăng tả, chỗ thì viết đá thảo, chỗ thì viết theo lối tốc ký, rồi mực xanh, mực tím, mực đen, mực đỏ và lại cả bút chì nữa - bấy nhiêu thứ mực bấy nhiêu màu chì, đã tổ cáo một lối làm việc không có bàn viết nhất định, tiện đâu thì viết đấy, cần đến lúc nào thì viết ngay lúc ấy cho khỏi thất lạc mất ý tưởng. Có nhiều đoạn lại sửa chữa, thêm bớt, màu mực này đè lên mực khác, rồi chen vào những dấu thập ác, cái hình kỷ hà học, đóng khung lấy con chữ trông như thể một cái lá bùa trừ tà.

Trên một tấm bìa đỏ bóng như sừng bò tót và dày bằng một lá tôn, có đề một dòng chữ rông: "Tập VII" viết rất nắn nót, đội lấy một chữ "Hoàng" ký rất chân phương. Quyển vở ấy Hoàng không cho ai xem. Hình như Hoàng đã nhiệm phải cái tính giấu giếm rất chính đáng của thi nhân hay hủy những trang bản thảo sơ đầu dềnh dang và mệch nhọc của những bài thơ càng luyện càng rút ngắn lời. Những trang vở lèm nhèm ấy, chỉ là những nét chì chớp nhoáng phác họa giữ lại vài cái bóng dáng mau như cát, đó chỉ là cái công trình vội và sơ đầu của một cái hoa tay ghi nhanh để lại mong sau này dựng lên được một pho tượng gì bằng những cái tang chứng linh tinh ấy cốp nhặt trong âm thầm.

Đến ngay Nguyễn và Lựu chàng cũng không cho xem.

Hoàng ngồi viết dưới ánh sáng cây bạch lạp gắn vào một cái vỏ chai xanh. Trông trang nghiêm đẹp đẽ quá chừng. Thành phố Hà Nội đang ngủ. Cả Hà Nội cứ ngủ nữa đi, không việc gì mà sợ. Nhân loại vẫn còn đáng kể lắm, khi có một người đang ngồi làm việc bằng tim và óc như Hoàng kia, Hoàng ngồi chép lại những cảm giác hỗn loạn về một đêm say và tỉnh say - mình được làm chứng cho những biến

chứng của tâm hồn mình dồn dập đến như thế nào. Mặt Hoàng già hẳn lại. Mặt Hoàng nhăn như một nhạc sĩ đang tìm tòi trên phím, càng tìm càng thất bại càng dún xuống phím, thanh âm lại càng trốn lánh xa vắng. Hoàng đang tự giải phẫu những u hoài lúc hiện lúc trốn trong lòng chàng. Một trang giấy phân tích về ngay cái tâm lý phản trắc của lòng mình, một không kém gì một cái định thức hóa học trong một phòng thí nghiệm của bác sĩ. Tôn thọ lắm nhưng mặc dầu, Hoàng vẫn cười với bằng lòng trên những dòng tư tưởng sâu rộng, thành thực. Rồi, để chấm hết cho trang nhật ký một ngày ấy, Hoàng viết nốt đoạn này:

*"Nàng lấy những móng tay nhọn hoắt - đỏ như lá móng một ngày Tết Đoan Ngọ - cấy những tảng nền đỏ xuống mặt bàn, hình thù cổ quái như những cây thạch nhũ rủ xuống dưới vòm đá động. Những cục sáp phi hoang quần quai đau khổ dưới bàn tay đẹp của một người đàn bà căn cơ. Sao cái bàn tay ngón tháp bút ấy lại là một cái bàn tay của tiết kiệm?"*

*"Người ta có kể lại rằng ngày xưa, triều vua Lê Ý XVI, trong cung nội sáp tháp xa xỉ như cháy rừng, chưa hết cây này đã nổi thêm cây khác. Trông thấy mà tiếc của giời, có những người cung nữ hèn mọn đã hót những mẩu bạch lạp ấy đem bán trộm ra ngoài trăm họ. Những cái của một rơi vãi ấy, một đêm dự yến, đã đem lại hàng ngàn hàng triệu phật-lãng cho bọn cung nhân, đủ thành một cái gia tài để dưỡng cái tuổi già khi Thánh Thượng thái hỗi, cho họ trở về với cuộc đời bách tính. Cuộc Cách Mệnh nổi lên; những người đẹp tàn xuân và căn cơ ấy, bị cuốn theo luồng gió loạn ly, không kịp hưởng chỗ công của chất chiu nọ. Hỡi ôi!"*

*"Người ta còn kể chuyện thêm về những người hủi, bị xã hội lành mạnh bắt biệt trí ra một khu hoang tịch mà sống nốt cái sống thừa mỗi ngày tứ chi mỗi thêm tê liệt, thịt cơ dần lại, xương mòn ngắn đi. Rồi có những người đàn bà quá lứa và nhớ nhàng trong*

*duyên phận, bỗng động lòng trắc ẩn, tình nguyện đem một cái xuân già vào hẳn giữa cái nhân loại tật bệnh căn khổ ấy, nâng khăn sửa túi đồng lòng cho những tổ trùng Hansen và lúc được tự hoại hoàn toàn, còn lấy làm tự kiêu rằng sự hy sinh ấy mới đáng gọi là một cử chỉ từ thiện không cần mong đến sự đền đáp.*

*"EM ơi, sao EM chẳng được là những bậc thiếu phụ nguyên làm một nội tướng chung và khuất nhục của cả đám hủi ấy mà EM lại chỉ là một người cung nhân ngồi hút những giọt nước mắt bạch lap khô cứng của một đêm truy hoan bằng hồi tiếc và vị kỷ?"*

*"Chúng ta chẳng là gì cả. EM và tôi là không đáng kể, sống trên những ước lệ không đáng kể của một thứ luân lý đầy những thành kiến của di truyền. Bao giờ (...) EM ơi! Cái Buổi Chiều Lớn của Tỉnh Tỉnh?"*

Gió buổi sớm, thay một bàn thắm, làm khô lần những dòng cuối của một trang tùy bút. Hoàng gấp vở lại, bảo Nguyễn đã soạn xong hành trang:

- Tôi cũng ra ga, anh chờ tôi với.

Quay lại phía Lạ:

- Em đóng cửa đi ngủ. Sớm nay không cần đi chợ. Buổi trưa anh về sẽ đem đồ ăn nguội về cho.

Sương đêm lạnh làm ướt bóng thân hình đoàn tàu Lạng Sơn. Không chịu lên vội để xí chỗ ngồi trước như trăm nghìn lữ khách kia, cứ mỗi lần đi thêm một đoạn đường là lòng lại mệt mỏi và héo chết thêm mất vài phần nữa, Nguyễn vẫn đi cạnh Hoàng dưới sân ga. Người bạn chàng theo chàng ra ga, đã làm chàng bận lòng. Nguyễn thấy buổi khởi hành của mình có giảm bớt đẹp vì những cái bận rộn đem lại bởi một người đang làm chứng cho buổi lên đường của mình. Thời thường mỗi lúc ra tàu đi đâu, Nguyễn không muốn có ai tiễn chân mình. Trông sốt ruột lắm. Đẹp nhất về buổi lữ hành, Nguyễn cho không ai hơn được cái người chỉ ra đi có một mình với

không một tí hành lý nào cả. Nếu cần phải có một chiếc va ly thì chiếc va ly đó chỉ nên là một chiếc va ly của tình cảm, đặt ngay trong cái buồng con tim của mình. Hùng dũng thay là một lữ khách không lưu lại tên mình, lủi thủi trên đường, ngoài cái sống bên trong của mình không còn biết cái gì khác nữa của ngoại cảnh!

Wong có Hoàng, Nguyễn đã không hoàn toàn chuyên chú được vào cái buổi lên đường của mình. Chẳng nhẽ lại cảm một người bạn thân đưa chân mình ra ga? Nguyễn cũng thừa hiểu Hoàng có mặt ở ga lúc này, vì mình thì chỉ có một phần, còn chín phần suy nghĩ khác ở bên cạnh một đoàn tàu là Hoàng dành riêng để săn sóc đến tâm thuật Hoàng.

Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về. Ngày về lại càng được là ngày vui và ngày vui nào mà lại không phải tốn đến tiền, ngoài sự tốn phí về tình cảm. Người ta tiêu tiền như là bắt được, như là tự mình in ra được, người ta thương yêu nhau như là cái tấm lòng mình chẳng bao giờ có thể cần cỗi đi và có một lúc phải khép kín lại...

Mỗi lần Nguyễn đi rồi lại được về, Nguyễn ngồi kể cho vợ chồng Hoàng nghe những chuyện phương xa, rồi hỏi thăm vợ chồng Hoàng về những phố phường Hà Nội từ bấy đến nay, thay đổi những như thế nào. Để chiều lòng một người phương xa vừa về, Lựu và Hoàng, ngay cái buổi ấy lại rủ Nguyễn ra đường. Người ta lại cùng ngắm đêm của phố, mỗi chân thì lại vào nghỉ ở quán rượu. Ngày vui ngắn quá. Năm vui cũng chẳng dài quá gang. Thấm thoát cái tình thân của vợ chồng Hoàng và Nguyễn đã đầy tuổi tôi, đã được bốn tuổi, rồi năm tuổi. Chóng vậy thay.

Mỗi năm của tình bạn được già thêm một tuổi đầu, Lựu Hoàng Nguyễn lại càng có nhiều ước vọng chung và mưu tính chung với nhau để phác lấy cái đại thể một chương trình sống khác. Sống như thế này cũng chẳng đáng buồn nào, nhưng mà nguy hiểm. Lựu, con sơn ca không biết buồn ấy, vốn lại là người dốt, thấy sống như thế là



cũng đáng sợ lắm và thật là phí quá, phải sống lại, lại sống lại. Rút cục, Nguyễn và Hoàng đã sống đi sống lại mấy lần rồi.

## V

- **N**ày Lạ này tôi vừa gặp Nguyễn!  
- Sao mình không lôi anh ấy về luôn đây? Lâu nay anh Nguyễn hình như không ở Hà Nội? Chắc đi xa về, tha được nhiều cái lạ về lắm? Vậy hiện nay anh ấy ở đâu? Thế nào tối hôm nay, chúng ta và anh Nguyễn cũng đi chơi nữa chứ? Đạo này em đi chân khá lắm rồi nhá. Những buổi đi chợ hoặc đi phố một mình em không có đi xe nữa. Đấy, rồi tối nay anh xem.

Hoàng thương vợ, cười. Cười nửa miệng chưa xong, Hoàng đã lộ ra bao nhiêu là chua xót.

- Chẳng bao giờ chúng ta đi chơi như trước nữa, em ạ. Anh Nguyễn bây giờ bận lắm.

- Anh bảo thế nào?

· Buồn bã, mắt Hoàng nhìn đi chỗ khác.

- Lâu nay Nguyễn vẫn ở ngay Hà Nội này nhưng cô tình tránh vợ chồng mình. Nguyễn bây giờ khác trước rồi. Em nên nhớ lấy.

- Hay là chúng ta làm mất lòng anh ấy về một chuyện gì mà chúng ta không tự biết chăng? Tính Nguyễn hay hờn mất lắm. Nếu như có điều gì thì chúng ta phải bắt anh ấy nói rõ ra. Đã gọi là thân với nhau, có sao lại còn có những cái chấp nhất tâm thường như vậy? Mình phải hỏi anh ấy, bắt anh ấy cắt nghĩa cho nó vỡ lẽ ra thì phải hơn.

- Em bao giờ cũng là người bình dị. Ngoài cái hạnh phúc của gia đình, có lẽ em là người có được nhiều cơ hội hơn anh để tìm những cái hạnh phúc khác. Sao em lại cứ bắt người khác phải phân

trần, phải trần tình mỗi khi em bị đứng trước một đôi cái hành vi của người khác, mà em cho là khó hiểu? Có nhiều việc không thể nói lên nhờ được. Chẳng nói gì xa, anh lấy thí dụ ngay trong những chung đụng hằng ngày của vợ chồng mình. Lắm khi em tò mò một cách rất vô lý, hỏi anh lắm câu mà anh phải bỏ lửng. Không phải là khinh em đâu. Nhưng con người ta, đời đã cho mình cái điểm phúc là được sống gần nhau, đã cận và thân hơn những người khác, anh tưởng không còn gì khổ hơn bằng cái việc cứ mỗi lúc xảy ra một sự khó nhọc gì về tình cảm là lại có người bên cạnh đòi cắt nghĩa rõ. Đã gọi là sống cạnh nhau mà mỗi lúc còn phải giảng dẫn thì khổ lắm. Khổ sở một cách nhạt thường quá. Để cái thời giờ hoang phí ấy mà tổ chức lấy cuộc đời bên trong của mình. Hãy cố mà hiểu lấy mình đã.

Lọ trổ mắt ra mà nhìn chồng. Nàng định đùa một câu nhưng thấy chồng có một phong thái nghiêm nghị, nàng dậm ra sợ, ngồi im. Chợt nhớ đến câu chuyện định nói với vợ, Hoàng đổi giọng:

- Anh Nguyễn đang bận làm nhà em ạ. Ừ, anh ấy làm nhà cho anh ấy, chứ còn làm cho ai nữa. Ở trong Cầu Mới.

- Làm nhà thì đã có thợ mộc, thợ nề và cai, tưởng anh ấy vẫn còn thừa thời giờ lại chơi với vợ chồng mình như trước chứ?

- Trước khác, nay khác. Nếu Nguyễn không lại được, chắc là vì anh ấy có một cái cơ riêng. Anh vừa gặp anh Nguyễn. Trông tất tươi lắm.

- Anh Nguyễn mà cũng thành ra người bí mật thì cũng lạ thực nhỉ. Làm nhà cửa thì cũng phải dự định năm sáu tháng trước sẵn, có khi một đôi năm cũng nên. Không thấy anh ấy ngó chuyện bao giờ cả.

- Về cái chuyện anh Nguyễn làm nhà thì bây giờ thế này nhá; tôi và mình không được đã động đến, nếu một hôm nào đấy anh ấy lại chơi với mình. Ví anh ấy đem ra bàn với mình thì mình lại cứ thành thực mà bàn điều hơn lẽ thiệt cùng anh ấy. Cuộc đời anh

Nguyễn đang đi sang một nếp khác; nó có thể là hay hơn trước hoặc tồi kém không bằng trước. Mặc dầu chúng ta là thân cận nhau, cuộc đời của chúng ta không có thể là cuộc đời của Nguyễn được. Phải để cho người ta thực hiện cái đời người ta. Mình không nên căn cứ vào một kỷ niệm hoặc những điều thêm muốn chung xưa cũ - nói lên trong một lúc thân yêu sốt sắng - để mà buộc người ta cứ phải nghĩ đến mình. Mình phải sống cho nó có độ lượng mới được.

Nghĩ một lúc lâu, Lựu đổi ra giọng cảm động:

- Hay là anh và em cũng kiếm một miếng đất con con nào ở vùng quê mà dựng lên một mái nhà. Có một cái nhà để mà có chỗ về chứ! Chúng mình đi mãi quá rồi. Nhiều tiền, ta làm nhà ngói; ít tiền, ta lợp tranh. Ờ, sao từ trước đến giờ, vợ chồng mình không nghĩ tới điều quan trọng này nhỉ?

Đêm ấy Hoàng vỗ về Lựu như chưa có thể bao giờ. Mắt người bạn, nhưng mà vợ vẫn còn.

## VI

Tả ngạn sông Tô Lịch gần chỗ rẽ về làng Lũ, có một thửa đất rộng không đầy một sào, hình méo mó, không giống được một cái hình nào có sẵn trong kỹ hà học bình diện. Từ ngày thôi không giữ cái chân ký lục của nhà nước Bảo Hộ xứ này nữa, ông cụ Tú Quân đã mua miếng đất ấy, định cất lên một nóc nhà. Có người bảo rằng ý ông cụ bây giờ muốn được gần làng gần họ. Bao nhiêu năm đi làm ăn xa, đổi hết vào Quảng Nam, vào Khánh Hòa, lại đổi ra Nghệ Tĩnh ra Thanh và bây giờ về hưu. Còn đợi gì mà chẳng về làng, giữ lấy một chân trong hội tư văn! Cái ông Lý Bá ấy mấy phen cũng đã tốt lời mời. Thấy xoay về làng mà ở cũng là một chuyện hay hay, ông Tú Quân bèn mua ngay cái miếng đất méo đó. Nơi thôn ổ, những

người trong họ gần họ xa, những viên kỳ cựu đều khen cái ông già ấy "Thế mà cũng khá, chưa đến nỗi là một người bỏ làng. Bây giờ đã có ý trở về để nhận phần đóng góp với chúng ta ở chỗ đình trung". Cái làng Mọc quê hương bản quán ông cụ Tú vốn lại thuộc về một cái kiểu đất ly tổ. Mỗi lần thấy có một người nào tự phương xa trở về ăn ở lại với làng mạc, các bậc cổ lão đều lấy làm mừng. Người ta càng khen ông Tú Quân là người trung hậu đối với một cái lũy tre xanh bây giờ được thêm có ông, thì còn ngại gì không có sự ấm bụi.

Nhưng có ai biết rõ được cái tâm sự ông Tú Quân, khi ông đòi mua cho được thửa ruộng đất làng ấy.

Ông Tú Quân lúc mưu tính việc làm ngôi nhà đã nghĩ đến đứa con trai lớn của ông nhiều hơn là nghĩ đến phận mình. Đứa con lớn nhất của ông là thằng Nguyễn. Tính Nguyễn đã lông bông, cuộc đời của Nguyễn lại càng khó định quá.

Ông cụ cũng biết mình bất lực nên cũng không tỏ ý gì giữ đứa con hoang tàng ấy ở luôn luôn bên cạnh. Nhưng nhiều buổi cái lòng một người cha già mỗi ấy cảm thấy nỗi trống trải hiu quạnh trong gia đình và nửa thương nửa giận, ông già ấy muốn thằng Nguyễn đừng lảng bãng sống một cách vô thường ngoài gia đình nữa. Ông Tú Quân vốn là người đạt, thức thời, biết rằng mình vốn sinh ra "nó" nhưng thời đại mới chính là "người" định cho nó tất cả những tính nết kia. Nguyễn thường vẫn cảm ơn thâm cha mình về chỗ rộng lượng đó. Và lẳng lẽ sống cuộc đời mình đúng theo với cái ý mình. Một năm vài kỳ về qua nhà, ngồi dưới gối cha, Nguyễn lại ngoan ngoãn hầu trà, hầu cờ, hầu đóm, hầu thơ, bố con lại yên vui và tưởng đâu bây giờ vẫn còn là cái thời xưa cũ hiền lành.

Tuế - vợ Nguyễn - thấy chồng về nhà, chỉ biết có vui, chứ không dám giở dối trách móc đến những ngày (ngày đây chỉ là những đêm) của chiếc gối lẻ và Tuế cũng không dám hỏi han gì

đến những hành tung của một người chồng khó hiểu và không bao giờ nàng nghĩ đến sự cần phải hiểu thêm, hiểu rõ. Quý và tin nhau. Thế là đủ lắm rồi. Tuế cũng không biết chồng mình có những ai là bạn. Giữa mấy tộp rượu, vui miệng, Nguyễn có nhắc đến tên những người bạn nào, thì Tuế cũng biết vậy và tự nhủ mình rằng nếu có dịp được gặp bạn chồng ở một chỗ nào, nàng sẽ rất xởi lởi cung kính và vồ vập. Trước mặt vợ, Nguyễn hay nhắc nhóm đến tên vợ chồng Hoàng. Anh Hoàng thế nọ, chị Hoàng thế kia. Ngồi nghe chuyện một cách chăm chú, Tuế cũng không dám biết đến sự dò hỏi chồng cho mình được gặp những người bạn thân mến ấy. Nàng chỉ biết lấy cái trí tưởng tượng đơn giản trong đầu mình mà vẽ phác qua cái hình ảnh một đôi vợ chồng Hoàng nọ. Lúc nào được dịp chồng giới thiệu cho gặp, Tuế sẽ hay. Bao giờ chưa gặp thì nàng không tọc mạch. Nàng chỉ biết rằng được gần một người chồng "hậu ư thiên hạ, bạc ư gia" là một việc rất quý rất vui. Nhưng chỉ được độ vài ngày thôi, Tuế và ông Tú Quân lại đánh sống mất Nguyễn. Nguyễn lại đi rồi. Bố chồng và con dâu trao đổi cho nhau một vài ý nghĩ giận dỗi về Nguyễn và rút cục, người ta đều thấy thèm tiếc những cái ngày vui ngắn ngủi vừa qua ấy. Có Nguyễn ở nhà, ông cụ Tú và Tuế mừng một cách sợ sệt kín đáo như là bắt được một tí của trời vừa rớt xuống. Nói lên sợ lại động và hỏng. Hễ động thì Nguyễn lại vụt đi ngay. Nếu tỏ ý giữ ở nhà thì ngay lúc ấy, dẫu cơm canh có gần bụng ra rồi, Nguyễn cũng cứ dùng dùng xách va ly ra tàu. Hỡi chồng! Con hỡi con!

Nhưng mà bây giờ, ông Tú Quân thấy mệt mỏi lắm. Ông muốn có ngay bên mình một cái gậy để chống, thuận tay và cần đến bất cứ lúc nào là cứ vớ lấy. Nguyễn phải ở cạnh giường ông và làm cái gậy đó. Riêng về Tuế, nàng đã đến lúc nhận thấy những ngày vui được gần chồng ngắn ngủi đó không còn là đủ nữa. Ngày vui đó phải triển miên kia. Con thì con đàn mà nàng sinh nở mãi, giờ thấy mỏi lắm. Chúng nó lại nhón như thổi. Phải có thêm một người nữa ở cạnh

nàng để chăn nuôi lũ trẻ thơ gọi là đỡ hộ một tay cùng. Việc cho trẻ vào trường học chẳng nhẽ lại cũng vẫn đến nàng!

Ông cụ Tú bèn quyết định phải làm cho Nguyễn một cái nhà riêng định đánh bẫy đưa con hoang toàng đó vào cái tròng thê nhi. Ông sẽ cho con dâu và tất cả lũ cháu kéo nhau ra Cầu Mới mà ở cho kín cái nhà mới. "Từ trước tới nay nó cứ phóng sinh phóng địa ra đây cho mình! Đại gia đình!" Rồi xem Nguyễn có phải ở nhà mà giữ lấy cái tổ riêng ấy cho ấm kín không? Có khi rồi ông cũng ra đóng luôn ở đây cho vui. Nếu đến như thế mà cũng không đánh lừa giữ được đứa con hoang toàng nữa, nếu như thế mà cũng không xong nữa thì ông chỉ còn đành ở với Giời cao trên đầu thôi.

Thửa ruộng méo ấy, chủ đất nhường cho ông Tú Quân đã năm sáu năm nay. Người làng đi qua đường cái quan, chỉ trở và kháo nhau rằng mai kia ở đây sẽ có một cái nhà đẹp. Làng cũng đẹp lây. Khi mà làng đã xoay ra thành một cái mặt phố, nhà chen nhau liền khít! Người làng chờ mãi chưa thấy khởi công, cũng đâm ra sốt ruột hộ thay. Ngày giờ cứ trôi qua trên một sào ruộng bỏ trống. Có người hàng xóm tiếc cái sức phì nhiêu của miếng đất béo màu và cao ráo, đã lên tiếng mượn thuê để trồng trọt. Ngô. Khoai. Đậu. Vừng. Lạc. Hết ngô, đến khoai, hết đậu đến vừng đến lạc. Một năm, hai ba năm. Chẳng một ai thấy chủ đất mới tỏ ý khởi công làm nhà.

Bỗng một buổi sớm mùa đông một năm Hồ nọ, người ta thấy bọn tuần phiên làng đào bới trên thửa ruộng cỏ hoang. À, bóc những cái mả vô thừa nhận. Có chín nắm mả vô chủ tất cả. Cốt nhiều quá. Đào sâu xuống quá hai thước ta, vẫn còn lượm được. Mấy người tuần phiên cẩn thận và tham việc lại còn cho lấy bừa bừa cái khoảng ruộng đầy cốt khí ấy lên nữa. Bỏ chung lẫn lộn vào những cái tiểu sành, mấy cái nắm xương tội nghiệp đó đã được táng ở mé gò bên. Và ông Tú Quân đã biện một cái lễ nhỏ để khấn những cô hồn linh thiêng này phù hộ cho nhà mình, nếu trong năm nay, mình khởi công

làm nhà được.

Cuộc khởi công dọn đất để làm nhà không được tiếp tục thêm. Ông Tú vẫn chưa có tiền. Nhưng năm ấy được hợp tuổi Nguyễn, ông cũng cứ cho dựng tạm lên đây một cái thượng lương nhà, gọi là lầy ngày tốt.

Ấy là một ngày cuối tháng chạp, hình như trước cái tết tiền ông tảo về giới một ngày chi đó. Công việc lại nhờ đến bọn tuần phiên người làng. Có ông Lý Bá là người quen biết, điều khiển hộ.

Người ta đã trồng xuống mấy lô đất thịt, bốn cây luồng, mỗi đầu hai cây bắt chéo lại, ngọn nhọn hoắt gai ngạnh như là ngọn một cái rào cánh sê. Cái thượng lương gỗ lim, gác lên bốn cây luồng, chênh vênh giữa trời, khoảng giữa đoạn gỗ dài là một cảnh thiên tuế bó lầy mấy vuông vải tây điều có viết năm chữ "Khuong Thái Công tại thử", kèm một dòng niên hiệu. Ông Tú Quân đứng đốc thúc công việc ngay trên đồng đất sét ướt và nói cùng ông Lý Bá:

- Kể cũng nặng đấy chứ, ông Bá nhỉ? Không có ông bảo anh em tuần phiên làm hộ thì cũng còn dềnh dang ra đến hết ngày nay. Việc gì nó phải có quen mới được ông Bá ạ. Ông bảo anh em lèn mấy lỗ chân luồng cho chắc thêm lại, rồi chiều nay tôi đãi anh em một bữa rượu ngoài chỗ đưa tiền công.

- Dạ, cụ cứ về vơi ra thế, rồi hộ những nó quen đi. Giá cụ không thuê họ phân họ cũng cứ phải làm. Gia chi dĩ lại có tôi đứng lên, thì họ càng phải cẩn thận. Cụ về ở với làng cho, là một điều mà tất cả các cụ trong làng ta lầy làm quý rồi. Vậy lại đến sang năm mới khởi công được? Được rồi, cụ cứ cho làm cho sớm đi. Gạch ngói đã có tôi khảo giá cho cụ. Đầu xuân qua năm, cụ cứ cho làm đi. Sớm được ngày nào, làng ta vui ngày ấy.

Xuân sang năm, nơi thửa ruộng méo ấy cũng chẳng thêm được một nhát cuốc nhát thuổng nào. Cả một mùa xuân Kỷ Mão, mấy vuông vải tây điều nơi thượng lương những càng ê chề vì lớp mưa

phần đầu năm. Mỗi lúc có gió khô, miếng vải đỏ ấy xe lại, lại phấp phới phơ màu còn thắm trên khoảng cỏ lúa xanh um. Vậy rồi mùa hạ. Nắng làm khô vàng thêm Tàu thiên tuế, đầu lá mỗi ngày một thêm nhọn sắc. Tiếp đến mưa Ngâu. Mấy chữ đề vào vải thượng lương nét mực tàu đã nhòe dần. Rồi năm gần hết. Ngày này năm ngoái, ông Tú Quân khăn áo tề chỉnh, đứng ngay ở mép ruộng đây làm lễ dựng thượng lương! Chóng quá thực.

Lũ tuân phiên có cái phận sự phải canh gác đến cái đoạn gỗ lim thượng lương gác ngang ở giữa giới kia - theo lệnh ông Lý - những đêm có trăng sông, bắt tay thước ra sau lưng bàn soạn cùng nhau về một cái kiểu nhà sau này sẽ sừng sững trên mẫu ruộng: "- Sao lâu thế nhỉ? - Kiểu Tây? Kiểu Ta?".

Còn có những người đi tầu điện vào ngày chợ tư Hà Đông qua quãng ấy đều chỉ trở miếng vải đỏ sắp đi màu dính vào một khúc gỗ nghênh ngang giữa đồng, phải trao đổi nụ cười với nhau về cái lối dựng nhà chọn lấy ngày tốt của người mình.

Bỗng đến đầu năm Canh Thìn, cạnh thửa ruộng của ông Tú, có mấy người vạm vỡ đang hi hục đào đất. Đầu tiên người ta ngỡ rằng có ai vừa chết và chủ ruộng kia được cho thuê đất để đào huyệt. Cái huyệt to sâu quá. Tưởng chôn bốn năm người nằm một lúc xuống đây cũng vừa. Không phải là cái huyệt. Chỉ là một cái thung tôi vôi thôi.

Bà Tú đứng cạnh cái thung tôi vôi, xem người ta cân vôi. Bà dòm ngó luôn luôn đến cán cân, chốc chốc lại phải to tiếng nặng nề vì cái thói cân đều của bọn bán vôi. Lắm buổi cân vôi, bọn cân vôi ăn cắp ấy làm cứ tối cả mắt lại, hễ sếnh ra một cái là chúng cân non đi rồi đổ ụp cả mấy mươi tạ vôi thiếu cân xuống thung tôi đầy nước; vôi đã nở sinh sịch trong thung nước rồi thì có giới vào đây mà khám được. Biết trước thế, bà Tú đem kèm theo xuống đây một người nằng dậu thứ hai để khảo cân và trông nom đỡ mình.



Chẳng phải tò mò thêm nữa, lân bang cũng hiểu rằng năm nay bà Tú làm nhà. Bà đã thuê sẵn hai gian nhà gần ngay đấy để tiện công việc đi về trong nom chỉ bảo thợ thuyền nay mai.

Trông bà Tú quá tha thiết với công việc làm nhà cho đứa con trưởng, nhiều người đã phải ái ngại hộ. Tính bà căn cơ - cả một đời bà cụ này là tất cả những công chất chịu hàn gấm, buộc mồm buộc miệng, nhịn ăn nhịn mặc, suốt đời đụng đến lửa là chỉ dám châm đóm và khi nào quá lắm có phải dùng đến bao diêm thì bà cụ hay chế que diêm ra làm hai mảnh đã rồi mới đánh -, sau hôm rằm tháng giêng, bà đi từ Thanh ra Hà Nội, bà đã đem theo lên chuyến tàu ấy cả một vại dưa cải muối trường. Vại dưa to và kền càng, chiếm mất nhiều chỗ trên toa xe đông, đã là cả một cái đầu đề cho sự mè nheo cãi cọ của đám hành khách ngồi gần bà. Nào có thể thôi đâu. Lại còn nước mắm, tương, cà, rổ rá, chổi sể chổi lúa. Bấy nhiêu thứ vây lấy bà cụ. Bà Tú ngồi lọt thỏm vào giữa đã làm cho ông xếp tàu lúc soát vé phải tìm mãi mới lôi ra được cái bà cụ hành khách "đa mang" ấy.

Lúc đi ra Hà Nội để làm nhà cho con, bà Tú đã tinh cả rồi. Công việc làm có chóng ra nữa thì cũng phải tháng rưỡi. Bà đã đếm từng củ dưa, đo từng chai nước mắm cho đủ dùng trong cái thời hạn phải ở luôn trông nom việc làm nhà đó. Bà tin ở ngoài Hà Nội cái gì cũng đắt và những người hầu hạ thì toàn hay ăn bớt cả. Chẳng tin được ai. Cái bà già cũ kỹ lại còn cẩn thận đến nỗi đem theo luôn với mình ra Hà Nội ba con gà sống và đôi vịt Mường Thạch Thành. Đôi vịt Mường nằm trong bu dưới gầm ghế toa xe chẳng hiểu có nhớ quê hương Mường hay không mà cứ quang quác mãi lên, tàu càng chạy nhanh đôi vịt càng kêu to, có khi át cả tiếng máy động trên đường sắt. Người ngồi cùng toa xe, đã khổ vì cái vại dưa đặt ở giữa toa - chốc chốc gặp luồng gió tạt lại đưa mùi khang kháng vào mũi bao nhiêu người ngồi cuối gió - chưa xong, giờ lại còn bị đình tai nhức óc vì tiếng kêu của đôi vịt nữa. Họ trách bà cụ sao tha khuôn lắm

Hỡi các người cùng đi một chuyến tàu với bà cụ Tú! Các người có được bao nhiêu độ lượng, hãy lấy tất cả ra mà đãi bà cụ, thương bà cụ và cầm cái mồm đi! Các người há chẳng biết đây là một bà mẹ can đảm và căn cơ bao nhiêu năm nay mới lần ra được cái xứ Bắc để làm cho đứa con hư thân ấy một cái nhà! Và con người ta đứng trước cái tình mẫu tử như thế, há chẳng nên tán thành và kính nhường và đứng nên ganh tỵ một chỗ ngồi. Các người có biết ba con gà và hai con vịt đang rắc phân hôi hám ra sàn tàu kia là bà cụ dùng để làm gì không? Đố đấy!

Bà Tú đã tính kỹ lắm rồi. Gà để cúng vào ba kỳ sóc vọng trong cái thời hạn tháng rưỡi giới ở luôn ngoài ấy trông nom việc làm nhà cho đến lúc hoàn thành. Còn đôi vịt thì để làm cho thợ ăn vào hôm xong nhà. Hiệp thợ mộc một con. Hiệp thợ nề một con. Chẳng biết bà cụ định mượn bao nhiêu thợ tất cả mà "chỉ" cho người ta ăn "những" hai con vịt? Mỗi người thợ khỏe mạnh kia rồi sẽ gấp độ mấy miếng ở cái mâm rượu hoàn hành nhà nay mai của bà cụ Tú? Thôi thì kẻ nào hay ăn nhiều là kẻ chẳng hiểu gì cả. Bà cụ lắm cấm, cẩn thận và tần tiện thế đấy. Ai muốn hiểu ra sao cũng được. Của tuy ít nhưng lòng thì nhiều. Lòng bà cụ Tú thành lắm. Thế là đủ rồi.

\*  
\* \* \*

Cả một buổi sớm ấy bà cụ Tú đi tìm Nguyễn. Hà Nội kể ra rộng thực. Mà xe pháo thì đất đỏ quá. Bà hết chờ người đi tìm chán rồi bà lại đi tìm lấy. Khổ quá. Khó hơn là mật thám đi lùng một người quốc sự phạm sống tù đang chọc thủng biên giới. Vậy mà trời xui thánh dẫn thế nào, bà Tú đã được gặp Nguyễn. Bà Tú thầm cảm ơn các đảng quý thần xong rồi, liền vỗ về bảo Nguyễn:

- Này anh Cả ạ, về việc làm nhà ở Cầu Mới ấy mà, tôi muốn anh đỡ tôi một tay; mỗi ngày anh ghé xuống dưới ấy một lần. Chứ một mình tôi thì tôi chịu thôi. Bố anh thì phải ở luôn trong Thanh. Mà tôi ở ngoài này thì có một mình. Sốt ruột quá anh ạ... Gạch bây giờ bây đồng rưỡi một nghìn mà chưa chắc đã mua được. Ngói bốn đồng một nghìn. Mua bán bây giờ cái gì cũng đắt đỏ quá. Nhất nhất mỗi cái, tôi lại phải nhờ ông bà Bá. Ở ngoài này tôi không thuộc chợ thuộc phường, sợ lạ mà đi mua lấy thì hơi mất.

- Thưa mẹ, thế còn về thợ mộc, thợ nề?

- Tôi lại phải đem từ Thanh ra, chỉ độ vài hôm nữa thì họ cũng ra đây đây. Chính vì chuyện ấy mà tôi phải đi tìm anh. Hôm nào họ ra, bố anh sẽ đánh dây thép cho anh. Anh ra ga đón họ rồi đưa tất cả về trong Cầu Mới. Chịu khó một tý con ạ. Và có đưa họ về, thì đừng có đi xe. Đi bao nhiêu cái xe cho xuể; nên hà tiện chứ. Ý tôi thì tôi muốn hôm ấy anh thuê một cái xe đạp đạp thông thả đi trước, rồi cho họ chạy bước một theo sau.

- Thế còn đồ đạc, hòm xiềng, đục cưa của họ thì làm thế nào?

- À, anh lại thuê thêm một cái xe bò cho họ bỏ tất cả lên đây. Anh cứ bảo thằng Khin người nhà cụ Hàn nó đẩy xe bò ra ga. Có lẽ từ mai, sớm nào anh cũng phải tạt lại đằng nhà cụ Hàn xem có dây thép dây thiếc gì ở trong nhà đánh ra không. Bớt chút thời giờ đi, bớt đàn đúm với chúng bạn đi. Thôi bây giờ tôi phải về, kéo họ xe vôi đến, vắng mình họ lại cân non đi thì chết. Hết đến bảy mươi tạ vôi đây anh ạ. Thế chiều nay, anh có xuống ăn cơm với tôi không? Trong ông Lý Bá hôm qua chả biết làm gì mà lại biểu nữa con gà. Tôi đem kho gừng cả. Hôm nào cúng rằm lại phải biểu lại ông Lý cái gì mới được. Anh nhớ nhắc tôi nhé.

- Vâng. Vậy thì độ sáu giờ chiều con về. Để ra cho được sớm. Tám giờ đã hết tàu điện rồi. Tối nay con lại phải ra nhà in.

- Đêm hôm mà người ta cũng ir-rà? Anh có vào những chỗ máy

móc thì nên cẩn thận lắm. Khiếp, hôm vừa rồi tôi có lại cái nhà in gì ở Hàng Buồm tìm anh, thấy cứ tối cả mắt lại. Nghe ầm ầm cứ như là vũ là bão. Gớm chết. Eo ôi! Nhà in.

\*  
\* \*

Nguyễn lững thững trên sân ga, chờ đón chuyến tàu Thanh tới ga vào khoảng mười một giờ. Chàng đi đón hai hiệp thợ mộc thợ nề. Cứ lời bức gia thư nhận trước cái dây thép hôm nay thì ra bọn thợ này là bọn thợ quen, trước kia đã làm cái nhà trong Thanh. Đám thợ mộc vẫn là cái đám người làng Hạ Vũ. Còn thợ ngôa thì ở làng Bọt Hưng. Cái lão cai thợ nề tên là Phảng ấy là người làng ông Trạng Quỳnh có khác. Tính bác ta vui, linh lợi và hay nghịch ngợm. Nguyễn nhớ đâu cái hồi mình còn ít tuổi ở Thanh, thỉnh thoảng lên đảo lại ngồi hoặc đáp lại những đường bờ nóc nhà, bác cai Phảng hay nói những chuyện quái quỷ tục tĩu cho Nguyễn nghe. Rồi Nguyễn lại ăn cắp từng nửa bao chè tàu của cha đem dúm cho cai Phảng. Thế mà đã mười mấy năm rồi thì có gớm không. Nguyễn chỉ còn nhớ cái lối tung gạch của bác cai Phảng thần tình đến thế là cùng. Chập hàng ba bốn viên gạch một, bác ta tung lên cho một người đứng đón bắt ở mép gióng, trăm lần chẳng nhớ chẳng rơi lần nào.

Cái tàu Thanh Hóa đã lọt vào ga Hà Nội. Nguyễn nhìn ngay cái tàu đầu. Trong thư, ông Tú Quân đã dặn Nguyễn hôm ra đón thợ thì cứ sục ở cái toa đầu tiên. Ông Tú tính cẩn thận đã dặn họ nên ngồi toa đầu, tuy than bụi có nhiều nhưng không bị cái nạn cát toa chuyển đồ giữa đường.

Ở cái toa đầu vừa lướt ngang tầm mắt Nguyễn, có một bọn người nhem nhuốc ló đầu ra khỏi khung cửa reo ầm lên:

- A ha, cậu Cả đây rồi.

Họ xuống ga một cách hấp tấp, mắt cứ nghếch cả lên. Thấy bộ dạng hấp tấp và ngọc nghếch ngạc nhiên của bọn thợ, người ta phải nghĩ ngay đến những cái dáng dấp của hai sự nhờ tầu và mắt cấp đem cộng lại làm một. Một bác phó cả cứ nghênh ngang mãi giữa đám hành khách xô bồ, quay cuồng thế nào mà phang cả cái thân của trường vào đầu một ông đang đứng chờ ai ở sân ga. Rồi lúc sợ hoảng, lại ngã dúi vào người khác.

Cả một cái đoàn người ấy kéo từ cửa ga qua phố Khâm Thiên để trẩy xuống xóm Cầu Mới. Nguyễn đi xe đạp dẫn đầu, đạp rất thong thả, chốc chốc lại đạp ngược vòng xích, ngoảnh đầu trông lại, ổ xe đạp kêu những tiếng sè sè. Hai hiệp thợ nháp nhô chạy bước một theo sau. Để đóng hết cái đám rước này là một cái xe bò ngổn ngang những chiếu, hòm, bồ, tay nải, thước thợ, bay, cưa, v.v...

- Thưa cậu còn xa không? Cậu cho anh em dừng lại xem cái tầu điện đã. Này anh em ơi, trông hay quá nhỉ. Hôm nào làm xong nhà, cậu phải nói với cụ cho anh em đi một bữa tầu điện cho thật sướng.

- Đi cả vào bên tay phải kia, không có lại chết bỏ đời cả bây giờ. Được rồi, rồi hôm nào sẽ đi chơi tầu điện tất cả, rồi thì được đi cả ngày.

Trông Nguyễn đang quát bọn thợ, ngồi trên yên một cái xe đạp cũ dỉ, ống quần có cặp miếng sắt, người ta dễ bị nhầm với một bác cai thầu khoán dẫn lũ phu của mình đi làm việc.

Kể ra Nguyễn cũng là người có can đảm lắm mới dám ăn mặc như thế và dẫn một đoàn người áo ngắn xộc xệch chạy qua cái phố Khâm Thiên. Nguyễn nhớ đến nhiều buổi, bất cứ là đêm hay ban ngày, Nguyễn đã từng đi qua cái phố ăn chơi này với một cái xe lùn hoặc cái xe xích lô, miệng ngậm xì gà, tay chống ba toong trúc khoằm đầu, chân bắt lên lấy dáng và cả nhà cửa có cái gì đẹp nhất là đều mặc hết cả vào người.

là đều mặc hết cả vào người.

Những nhà hát phần nhiều đóng kín mít cửa. Giờ này là giờ các cô ấy nghỉ, ngủ. Nhưng ở một vài chiếc bao lon nhà gác, bên những nan hoa sắt vẫn có một vài bộ quần áo lụa nhân tạo trắng lỏm lộp đùng chải gỡ mở tóc vừa gội chưa khô ráo hết. Họ nhận ra cái người đang đi xe đạp dưới đường kia chính là cái anh say rượu của những giờ giao hoan các đêm nọ. Họ bèn cười suông sã, thi nhau mà réo âm cả phở lên:

- Anh Nguyễn ơi, đi đâu mà trông khổ sở thế?

Nguyễn cứ lặng lẽ mà đạp. Bọn thợ đi theo chỉ trỏ, cười nói, giọng âm ơ, trọt trọt.

\*  
\*   \*  
\*

Tiếp đến ngày hôm sau, Nguyễn lại ra ga một chuyến nữa. Ra phía sau ga, để lĩnh một toa gỗ phó từ Thanh Hoá ra. Gỗ đem từ trong ấy ra tính cả cước xe lửa và tiền đài tải từ ga về đến Cầu Mới, cũng vẫn cừ còn rẻ chán. Một thước khối gỗ lim đỡ được đến gần chục bạc. Bà Tú đã tính đúng như thế và tự tin vào những kinh nghiệm của mình về việc làm nhà.

Cái đoàn xe bò mười mấy chiếc chông chắt những đoạn gỗ so le; lần này về Cầu Mới, không phải đi qua Khâm Thiên nữa... Không phải là Nguyễn sợ xấu hổ gì với những đám sơn phấn phở ấy, nhưng đi lối Hàng Bột nó ngắn đường hơn. Từ cái cổng sau nhà ga ra, đi đường Sinh Từ tiện lắm.

Nguyễn lại vẫn đi xe đạp dẫn đầu, đến quãng Giám có ba bốn người ăn mặc đẹp chạy xô vào ghi đồng xe Nguyễn, bắt xuống xe và hỏi Nguyễn rằng: "Sao độ này mày bán cửa nhà con Thuý? Chúng

tao vẫn xuống đây luôn. Tội cho con bé nó cứ nhắc mày luôn. Và thiếu chỉ có một mày, tất cả đều trở nên trơ vắng. Chúng tao đang vui đây. Trong lòng chúng tao đang có cả một cái hội tây đây. Gặp thêm được có mày nữa, thú quá. Bây giờ chúng ta cùng xuống đây đi..." Nguyễn nói vắn vắn hai chữ "cám ơn", mặt vẫn lạnh như tiền và nhảy phốc lên xe, đạp vội đuổi theo đoàn xe bò đã bỏ xa mình mất một quãng. Bốn con người uể mả kia nhìn theo Nguyễn, chung hừng. Phê bình về thái độ Nguyễn ít lâu nay, có một người bảo rằng "Không khéo thằng ấy thành ra dở người mất".

\*

\* \*

- **N**ày anh Cả, thế anh cứ nhất định bắt tôi làm nhà theo cái mẫu vẽ ấy à?

- Thưa mẹ, miếng đất đã không được vuông vắn và lại hẹp, nếu không làm theo kiểu đó thì khó coi lắm. Cái kiểu nhà đó, con nhờ một anh bạn anh ấy vẽ không cho. Một cái kiểu nhà như thế nếu người ta lấy tiền thì cứ bốn năm chục bạc là ít.

- Ngày trước tôi làm nhà tôi chẳng phải nhờ đến ai cho kiểu cả. Đây anh xem, cũng ngấn nắp cao ráo khỏi ra đấy. Các anh chúa là hay vẽ chuyện, làm nhà theo kiểu tân thời tốn lắm. Rồi lại sinh dê ra bao nhiêu là kính là gỗ nữa. Lão phó mộc nó vừa tính thành ra hết thêm những bao nhiêu là gỗ nữa về chỗ cửa chớp và khuôn cửa kính, và kiểu kiếc gì mà nhà lại quay lưng ra ngoài đường.

- Quay lưng ra như thế là phải lắm. Vì thầy con bây giờ về hưu; thầy mẹ có về đây ở với chúng con thì điều cần nhất là được tĩnh dưỡng an nhàn. Mở cửa ra mặt ngoài đường phố, ồn và bụi lắm. Bật phía trước và mở các cửa vào mặt trong vì mặt trong là hướng Nam

mùa nực mát, mùa đông tránh được gió bắc. Phải căn cứ vào hướng nhà, hình miếng đất và sự cần dùng ăn ở riêng từng người mà vẽ kiểu nhà. Vì thế mới có cái nghề kiến trúc sư.

- Ô, vẽ chuyện. Thế xưa nay, nước Nam không có kiến - anh bảo cái gì... phải, kiến trúc sư - nếu không có kiến trúc sư thì dễ thường không ai làm nhà ở nữa hay sao? Thôi anh ạ, không nên giở dối ra, tốn lăm. Bây giờ anh cứ nghe tôi, mở cửa ra ngoài mặt đường. Và làm cửa lùa. Đỡ được bao nhiêu gỗ. Không những thế lại còn tiện cho chị ấy về sau này buôn bán được nữa. Ô, tôi sẽ cho chị ấy cân kẹo hoặc dọn cái hàng tạp hoá. Chứ kéo nhau về đây, ở quay lưng ra phố, cả ngày cứ xùm xụp ru rú một lũ trong nhà với nhau, làng nước phố phường người ta nói cho. Chỗ tiền lương hưu trí của bố anh, anh tưởng đã to lăm hay sao? Liệu bố anh mua thuốc ngày hai bữa đã đủ chưa? Phải buôn bán thêm vào. Rồi vợ chồng cuu mang lấy nhau. Đây nhà đấy, tôi làm rồi đấy. Tôi cho vợ chồng anh. Và tôi không biết gì nữa. Khéo tính liệu thì no lành. Bằng không thì rách dùm. Đùng có mè nheo đến tôi nữa. Bố anh ngày xưa đã làm khổ tôi nhiều lắm rồi.

Thế rồi bà Tú khóc. Trước còn sụt sịt, sau hoá ra bù lu bù loa. Giọt ngấn giọt dài bà kể lể:

- Anh thử nghĩ xem, từ ngày anh ra ở Hà Nội đến giờ, anh đã đem về nhà những cái gì? Anh nói rằng anh làm báo. Tôi chẳng biết báo là cái gì những mỗi chuyện anh về, anh lại báo hại tôi một ít tiền. Lũ con anh, từ cái tã cũng lại đến gái già này. Tôi khổ lăm, anh ạ. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà vẫn cứ phải lo nghĩ mãi. Đến bao giờ thì tôi mới được rảnh thân để theo người ta mà đi hội đền hội chùa, hở anh? Anh còn nhớ cái lần anh lờng lộn mãi lên để mở hàng sách? Không được hai năm, gần hai nghìn bạc, đã thấm chưa, hở Giời!

Mẹ con hết cần nhau rồi đâm ra cãi nhau. Nguyễn lại bỏ đi. Gần mẹ thì chàng cầu nhau, xa được mẹ thì chàng lại hối. Ngay



tôi hôm ấy, lòng hiếu của chàng bị thương tui lại còn dẫn chàng vào nhà một người đàn bà lạ. Đêm ấy, Nguyễn tiêu mất năm đồng bạc. Đây là tiền về chỗ mấy tiếng cười trong bóng tối trên một tấm vải phủ giường. Cái chai rượu mạnh ấy, lại đèo thêm vào hơn bốn đồng nữa.

Nhận được dây thép mời ra ngay có việc cần, ông Tú Quân đã đi thẳng một mạch xuống Cầu Mới. Ông Tú, bà Tú bàn tán và sau cùng bà Tú bảo Nguyễn đang ngồi ngắm bức họa đồ vẽ kiểu nhà:

- Thôi, ý anh đã muốn làm nhà theo đúng cái sở thích của anh thì tôi cũng phải chiều vậy chứ sao. Nhưng tôi phải bắt anh chơi một bát họ. Tôi sẽ lấy cho anh một bát họ năm trăm. Mỗi tháng, anh xem đóng được bao nhiêu thì liệu nhờ mà nói chuyện với người ta. Anh nghĩ cho chín đi. Việc tiền nong của người ta không phải là chuyện chơi... à, mà anh Cả ạ, anh có muốn bày vẽ theo kiểu gì đi nữa, anh cũng phải nghĩ đến một chỗ riêng trong nhà để đặt cái bàn thờ ông vải. Anh là con trưởng mà anh chẳng hiểu một tí gì cả. Giỗ tết chẳng bao giờ anh dòm ngó tới. Cúng lễ cũng không. Nhà này có ai đi đạo đâu. Bố anh cũng chẳng biết bảo anh lấy một tiếng. Ông ấy chiều anh, để cho anh làm loạn trong nhà. Thôi, anh sốt ruột muốn lên phố thì cứ đi đi. Hình như tàu điện đã đến rồi đấy!

\*

\* \*

**Đ**ến hôm nay là xong xuôi cả cái nhà Nguyễn. Hai hiệp thợ đã ăn cỗ hoàn thành nhà mới và lĩnh hết tiền công. Nguyễn bèn đưa mấy bác thợ nề cùng thợ mộc đi xem nhà Gò Đa, ăn cao lâu, đi chơi tàu điện và tối hôm ấy lại dẫn cả bọn đi xem tuồng Quảng Lạc. Bọn thợ hể hả lắm, Nguyễn cũng vui sướng vì suốt tháng rười rờng, thợ thuyền vừa làm vừa hát. Nguyễn chỉ sợ nhất là nhớ xảy ra

chuyện gì với bà mẹ mình lẫn thẩn, bọn họ sẽ kéo nhau lũ lữ ra phòng Lao Động thì phiền bức không biết đến thế nào mà nói cho hết.

Bọn thợ ra tàu Thanh sớm hôm sau về quê thì ngay chiều ấy, bà Tú cũng ra ga với tên lão bộc quân gia.

Chiều hôm ấy ra ga đưa mẹ về Thanh, Nguyễn cảm thấy mệnh mỏng buồn. Cái nhà vừa làm xong: mẹ về; chàng bâng khuâng như một khán giả ngồi sững lìm trước một cảnh chót vớ kịch đang hồi hộp mà đã hạ màn.

Hỡi ôi! Từ đây cuộc đời chàng sẽ mới, sẽ bước sang một giai đoạn khác. Chàng sẽ đem vợ con ra, rồi đếm củ dưa hành đo chai nước mắm, chàng sẽ sống như trăm nghìn người chung quanh. Chàng sẽ cố quên chàng đi. Chàng sẽ sống vì những người khác. Rồi thực hiện được hay không thực hiện được cái cá nhân của mình thì cũng chẳng là điều đáng quan tâm cho chàng như trước nữa. Nay là trật tự. Chàng sẽ ăn ngủ, ở ngay cái nhà của chàng, chứ không ngủ ở những nhà mọi người khác như trước nữa. Chẳng bay nhảy thì nằm ở nhà. Và cựa quậy lắm thì chỉ tổ sây sứt mình mấy ra thôi. Chàng lại an ủi chàng.

\*

\* \*

Cách đây sáu tháng một buổi chiều nhớ đến người bạn cũ lâu nay không có tin tức gì. Lạ và Hoàng đi tàu điện về Cầu Mới tìm Nguyễn. Có một người đàn ông nhiều tuổi ra mở cửa.

- Ông bà hỏi thăm ai?

- Thưa cụ, chúng tôi hỏi thăm nhà ông Nguyễn.

- Phải, đây là nhà ông Nguyễn. Nhưng ông ấy không có đây. Chúng tôi cũng chỉ nghe thấy nói ông Nguyễn là con cụ Tú Thanh. Nhưng cũng chưa được gặp mặt bao giờ từ ngày thuê cái nhà này. Cứ cuối tháng thì chúng tôi lại gửi tiền nhà vào Thanh cho bà cụ. Ông bà vào chơi trong này xơi nước cái đã.

Thế rồi ông cụ thuê nhà kể chuyện thêm:

- Cái ông trưởng nam bà cụ Tú chủ nhà, tôi cũng không rõ là người như thế nào. Không có về đây đến một lần. Ông ta vẫn giữ lại một chái buồng bên kia chứa toàn sách và nhật trình cũ rồi khoá kín lại. Thằng cháu tôi tò mò, nhìn qua lỗ khoá dỉ, nói lại như thế. Thành ra bỏ phí mất một cái buồng xinh xắn quá.

## ĐÔI TRI KỶ GƯƠNG

Ở đầu chuyến tàu tốc hành hôm ấy, có hai hành khách trung lưu - vốn quen nhau đã lâu - cùng đáp một con tàu mà lại ngồi mỗi người riêng một toa.

Tính từ cái toa bưu kiện, thì Mọi ngồi ở toa thứ sáu và Nguyễn ngồi ở toa thứ bảy.

Đi từ Hà Nội, vé Nguyễn và Mọi đều đến Thanh Hoá là hết đường.

Ở Thanh Hoá, Mọi có một cái đại gia đình.

Ở đấy, Nguyễn cũng có một cái đại gia đình.

Lúc sẩm tối cùng đi Thanh Hoá, họ đều có cái "ý kiến" trở về thăm lại nhà một chuyến. Và họ đã lấy làm bằng lòng lắm khi cảm thấy mình là hành khách của một con tàu tốc hành, mặc dầu họ chỉ là hành khách đi có một thôi đường, và chốc nữa - chỉ một chốc nữa thôi - cái tàu còn chạy rông rã những bốn năm mươi giờ, tít tắp mãi vào tận Cực Nam, đã thả họ một cách khinh bỉ xuống sân ga một cái tỉnh nhỏ xíu ở địa đầu xứ Trung Kỳ. Thế nhưng mà dẫu sao về Thanh Hoá bằng tàu tốc hành cũng vẫn cứ thích hơn là bằng những chuyến tàu thường khác chạy cứ rì rì, bò ra như rùa và bọ ga nào cũng đòi đỡ lấy được. Ai dại ngu gì mà lại trở về cái tỉnh xếp quê hương mình bằng một chuyến tàu vét bao giờ. Nơi quê hương ấy đã tẻ ngắt sự đời, mỗi lần về là một sự cố gắng - và con tàu vét thì lâu và nặng và tối như đời một người không may.

Đã đến bảy tám năm nay, Nguyễn và Mọi không rủ rê nhau, mà đều bỏ Thanh Hoá đi Hà Nội cả. Lúc đi họ đều cho rằng muốn lập cả thân lẫn danh cho được phải chặng, thì phải sống ở một thành phố nào có những ánh sáng chói hắt lên. Chứ ở cái tỉnh tí ti này, đèn đóm của trăm nhà đều lù mù lảm. Ở đây mỗi khi đã động đến một tí chút gì có liên can đến cuộc sống, là mỗi người lại lặp lại câu "Đèn nhà ai rạng nhà ấy" mà họ cho là hay lắm, là đúng lắm. Ngọn đèn của mỗi nhà chẳng biết có đủ soi sáng được mỗi nhà không, chứ cả một cái thị trấn này, mỗi lúc mặt trời lặn sau ngọn tường gạch nếp thành xây từ đời Gia Long, tất cả bấy nhiêu ánh sáng của trăm nghìn nhà đem cộng lại với đèn mấy mươi dãy đường cũng vẫn cứ lù mù thế nào ấy. Hơi lạnh của thứ ánh sáng leo lét ấy đã làm cho Nguyễn và Mọi có một hôm phải bỏ đi xa. Vào lạy cha lạy mẹ và võ về em để đi Hà Nội, Mọi tin rằng mình là người có tài lớn và chỉ có đất Thủ đô mới dùng hết được cái tài của mình.

Cũng từ biệt vợ và hôn hít đàn trẻ để lên đường ra Bắc, lúc Nguyễn ló đầu vào cái cửa mắt cáo bùng phát vé ga Thanh Hoá, xin ông ký ga "cánh hầu" kia một cái giấy hạng tư đi Hà Nội, Nguyễn cũng cảm chắc là mình hẳn cũng là một người có tài - chung quanh chàng ai chẳng bảo thế và lúc nói thế, họ không cười một chút nào, họ đều tỉnh táo lắm chứ có phải Nguyễn đã thết đãi họ ăn uống say sưa gì mà họ phải nịnh hót - và không ai đang tâm chôn cái tài ấy ở một nơi lèo tèo này làm gì, trừ phi với một lẽ bí hiểm hoặc một thành kiến riêng, người ta bằng lòng sống một cách oan uổng ở đây. Mọi và Nguyễn đã tin tưởng như thế và tự bảo rằng: "Rồi đời sẽ xem. Đời sẽ xem chúng tớ húc đầu vào ánh sáng. Chúng tớ là những cục vàng mười. Chỉ có cái hòn than tây ở ngoài ấy mới thử được cục vàng

mười này thôi. Rồi đời sẽ xem nhau".

Sẽ xem nhau! Tự phụ chưa.

Không định rủ nhau đi lập nghiệp mà tình cờ lại cùng đi một chuyến tập sớm, cách đây bảy tám năm, một buổi sớm ấy, Mọi và Nguyễn, theo cái âm thanh lũng củng rồi dần dần du dương của những vòng bánh sắt đầu tiên, đã lấy làm khoái trá vô cùng khi được vút lại cả một cái tỉnh nhỏ ra đằng sau lưng mình.

Tàu chạy qua ga Hàm Rồng. Mọi vênh mặt lên nhưu mắt lại, nhìn những gióng sắt chiếc cầu treo loang loáng lướt qua tầm mắt, Nguyễn thì nhổ tràn nước bọt xuống đường và lấy làm giận những mảnh ván cầu đã ngăn giữ mắt thứ nước bọt khinh bỉ của mình không cho rớt tồm ngay xuống dòng một con sông làm bộ. Nếu không có những tấm ván gỗ lim đó thì "những cái xoáy nước dòng sông Mã kia, sẽ còn nhục nhã với ông"!

Xong rồi, Mọi và Nguyễn đứng khít vào nhau ở đầu toa, nắm nắm tay lại và cùng giơ lên. Cái cầu sắt sơn màu xám xám ấy lại tưởng là "chúng nó" chào mình. Lắm! Ai người ta lưu luyến gì với mà chào và hỏi. Người ta giơ tay lên bởi vì người ta muốn xắn tay áo lên thử thách với mấy cái dịp cầu cam đấy. Thật vậy, Mọi và Nguyễn đã lấy cái cầu sắt vĩ đại kia làm tượng trưng cho những ngày cũ của mình ở đấy, và từ đây được tin tưởng rằng mình sắp được sống những ngày mới, họ muốn dùng cái cầu này đánh dấu lấy một quãng đường đời. Và lúc tàu đi qua cầu, họ bèn giơ tay lên như phân bua với cái cầu sắt lạnh. Dáng điệu của Mọi và Nguyễn lúc ấy hung hăng sôi nổi.

Buổi đầu tiên rủ nhau đi làm người Hà Nội, nếu có một cái gì mà họ đáng nhớ lại để sau này kể lại cho đám hậu sinh, thì việc đó là Mọi bị mất cấp ở Bờ Hồ ngay chiều hôm đó và Nguyễn thì đánh tụt mất một chiếc giấy hạ cũng ngay ở buổi sáng nắng tươi ấy, lúc tàu gần vào cái ga ngổn ngang như một cánh rừng đốn gỗ và lộng

lấy như ngọc đá mây mười nếp lâu đài.

Thẻ rồi từ cái ngày bị mất cấp và tụt giày, Mọi và Nguyễn lấy luôn thẻ của thành phố Hà Nội, mỗi lá thẻ dùng luôn trong năm năm trời và mỗi năm đóng một kỳ. Cái thẻ họ đang giữ trong người là cái thứ nhì và cũng nhuộm vàng - màu vàng hoàng đế - như cái thứ nhất. Thẻ nghĩa là từ khi xứ kinh kỳ đã quỵen rũ Mọi và Nguyễn thì nơi sở bộ thuế chính ngạch một cái tỉnh nhỏ yên ổn kia lại hụt đi mất hai suất dinh.

Hai cái tên dinh bỏ Thanh Hoá còn lấy làm kiêu hãnh một cách rất rôm, mỗi khi đi đâu gặp nhà chức trách hỏi căn cước lại lịch họ được trưng ra cái thẻ giấy vàng của toà Đốc Lý Hà Nội. Cái thẻ ấy, phô trương ra trước mắt một tốp cảnh sát ở bất cứ một tỉnh nhỏ nào, sao nó có thể độ người tỉnh lẻ một cách nặng xị đến thế nhỉ!

Mọi và Nguyễn, sống nổi với cuộc đời chỗ Kinh đô, nhiều khi thực đã là gắng gỏi lắm. Vật thì đắt, và kể về người thì ma quỷ rất nhiều và hình như ai ai cũng muốn đè át cả chung quanh. Mỗi người đều có cái ý định phát huy cái cá tính của mình cho đến kỳ cùng. Kết quả cuộc phấn đấu về tinh thần là nhiều khi để lại bao sự thiệt thòi cho những người chung quanh, có khi là vô tội. Có những cái tia lửa lúc bùng cháy lên là đốt luôn cả những vật gần mình. Nhưng những tia lửa đó, đem gộp lại đã kết nên một kinh thành ánh sáng và làm vẻ vang cho một nơi vốn gọi là kết tinh của trí thức. Hà Nội người ta bảo rằng đây mới là trung tâm của Văn Nghệ.

Mọi hăm hở sống, Nguyễn cũng hăm hở sống. Sống lấy nhanh. Sống lấy nhiều. Mỗi người thiết tha về riêng phận mình nhiều quá, thành thử họ không còn có thời giờ nghĩ đến nhau, biết đến nhớ đến người bạn vẫn sống bên cạnh mình.

Cuộc đời mới mẻ đã dạy cho Mọi, đã dạy cho Nguyễn phải nên có một luân lý mới. Có như thế thì mới được để yên lại ở một góc lòng mình cái lương tâm quá tọc mạch của mình, để rồi cứ nhìn

thẳng về phía trước mà đi. Cái luân lý ấy là cái luân lý cá nhân dựng trên vị ngã. "Tôi hãy xây dựng cho tôi đã. Tôi hãy tạm cho tôi một chỗ đứng cho gọn để hít sao cho được nhiều khí giới và quơ lấy được nhiều ánh sáng. Tôi còn túi bụi lên vì tôi còn chưa xong nữa là nói chi đến lúc được thư nhàn trong lòng để nghĩ đến một người khác, mặc dầu người ấy đã cùng tôi ngẫu nhiên đi một chuyến tàu với tôi ra đây, một sớm bỏ nhà đi ra ngoài lập lấy thân".

Mọi nghĩ thế và Nguyễn cũng nghĩ thế, từ ngày đem nhau ra ngoài ấy để thí nghiệm những sở năng của mình.

Từ buổi ấy đến giờ, đã có bao là nước chảy dưới cầu.

Cầu Hàm Rồng Thanh Hoá là một cái cầu không có một chân nào cả. Nếu nó có ít ra là một chân bằng đá tảng xanh, thì cái thứ nước chảy quanh năm không biết mỗi và không biết từ đâu đến và sẽ đi tới đâu kia thì nước ở đoạn Sông Mã sẽ đẹp và gọi lòng nhiều lắm. Những xoáy nước cứ xoắn chặt mãi lại rồi nói dần dần ra như là cái cốt đồng hồ chết, chốc thành đầy, chốc lại tan nhoè ra trên mặt sông đùn đùn khói hơi lạnh.

Vậy thì dưới gầm sắt một chiếc cầu treo xám ngoét từ ấy đến nay đã có bao nhiêu là nước chảy xuôi.

... Để đến mãi hôm nay, mới lại có hai người cùng trở về. Hai người ấy lúc đi đã tình cờ thành nên đôi bạn đồng hành. Hai người ấy hôm nay trở về - có mũ đẹp, có áo đẹp - cũng lại nhờ sự tình cờ mà thành nên đôi bạn của một chuyến tàu đêm. Đi đôi với nhau trên đường đời, ra nhiều khi vẫn không có nghĩa gì cả. Chỉ là tình cờ. Tình cờ! Và ngẫu nhiên!

Đến ga Thanh Hoá, con tàu tốc hành đang thơm phụng phức những hương vị của đấng trình đã đổ lại. Toa thứ sáu thả xuống một người, Mọi. Cái toa thứ bảy cũng thả xuống một người: Nguyễn. Hai người đâm sầm vào nhau. Ô!

Mọi và Nguyễn xoè tay ra và vỗ lấy bàn tay nhau, lắc. Họ lại



dang cả hai cánh tay ra, nắm lẫn lấy hai đầu vai nhau mà rung, trông giống như cái sự tỏ tình tái kiến của những người Hoa Kỳ tráng kiện.

Cùng đi một chuyến tàu qua một thời đường dài những một trăm bảy mươi năm cây số, gần bốn tiếng đồng hồ tàu tốc hành, sau bảy tám năm cách biệt, vậy mà không biết có nhau! Khi thật! Cho được đền bù sự vô ý đó Mọi và Nguyễn cười nói vang lên một hồi và hình như lấy thế làm hả dạ lắm.

Ông ký soát vé cửa, hơi lấy làm sốt ruột và tự hỏi đến bao giờ họ mới chịu buông nhau ra để trả vé cho ông và cho nó xong công việc của ông đi. Người ta còn về ăn cơm chứ! "Cái chỗ này, cái nhà ga, tuy sự cần dùng về việc đài tải người đã bắt nó thành những nơi đoàn trường đình của một thời đại kim khí, nhưng đâu có phải là chỗ để cho tất cả mọi người bày tỏ tình cảm mình một cách quá dềnh dàng như vậy".

Thật thế, tất cả hành khách xuống Thanh Hoá đều đã lách mình qua cửa ra cả rồi và đoàn tàu dài đã xịt khói hơi nước, lại đi nữa rồi mà Mọi và Nguyễn vẫn đứng ý ra đây để hỏi mãi nhau về cái mua cái nắn của riêng đời mỗi người từ ấy đến nay. Hai va lý móm và mấy cái bồ con mới mẻ chưa phình lên những quà cáp để bên cạnh chân Mọi và Nguyễn vẫn giam buộc mấy người phu bắt-tê đứng loanh quanh đây.

Chừng như chẳng biết nói gì nữa ở một cái sân ga đã thừa thớt người, Mọi yêu cầu Nguyễn lấy ngón tay banh mí mắt mình ra và thổi hộ cái bụi than tàu lọt vào từ Đồng Giao. Mọi nháy mắt lia lia và cánh tay mân mê nắn hộ Nguyễn cái cổ áo sơ mi bị bẻ quíp lại đầu cũng từ ga Đồng Giao gì ấy, theo lời Nguyễn kể... Lúc ấy hình như chàng ngủ ngời, đầu kê vào vai một người đàn bà xứ Huế. Cái người đàn bà ấy sở dĩ có sự thân mật với Nguyễn là vì cũng có tình cầu lợi; bởi vì đến Thanh Hoá - chỉ đến Thanh Hoá thôi - người đàn bà ấy sẽ được chiếm chỗ ngời của Nguyễn. Rồi thì tha hồ mà rộng.

Lúc mới lên tàu, toa chật ních người, nghe thấy thiếu phụ ấy nói tiếng trọ trẹ, Nguyễn đã lấu cá tuyên bố to lên là "Thưa cô chúng tôi chỉ đi tới Thanh Hoá" nghĩa là "Thưa cô, chúng tôi chỉ làm bạn - đi đường - với cô được có một quãng thôi. Và rồi, chỉ trong vài giờ, cô sẽ ngồi luôn cả sang cái chỗ trống của tôi. Tha hồ mà rộng, cô ạ". Thiếu phụ né mình, khép lại nửa tà áo tím và đến Đồng Giao thì chàng và người đàn bà Huế đã gối lăn vào nhau mà ngủ, theo một chiều dọc. Đến bây giờ Nguyễn vẫn còn thấy phảng phất trong lỗ mũi cái dư hương mùi dầu dừa đặc biệt của người xứ Huế.

Chùng như tỉnh một cái mộng xinh và nhỏ, Nguyễn hát hàm hỏi Mọi:

- Thôi, đi ra chứ?

- Ừ. Nhưng mà bao giờ lại ra?

- À, ra Hà Nội ấy à! Chưa biết được. Vui thì ở một tuần, nửa tháng cũng chưa biết chùng. Thế còn Mọi?

- Cũng chưa định. Nhưng mà mai kia, chúng mình còn phải gặp nhau trước khi đi Hà Nội. Thế nào chúng mình chẳng đến nhà nhau.

Nguyễn mới vụt nhớ là cùng ở một tỉnh, tuy hai nhà có biết nhau - ở một cái tỉnh nhỏ dân số lèo tèo, kể vào mặt tạm gọi được là gia thế, thì nhà nào mà lại không biết nhà nào - mà thực ra, Mọi và chàng chưa hề để chân tới nhà nhau bao giờ cả.

Chàng nhường cho Mọi cái xe tay đầu tiên chạy xộc vào cửa ga và gạt gù nhắc lại:

- Phải đấy, chúng ta phải tới nhà nhau.

Đến cái ngã ba kia, có hai cái xe tay chia đường và có hai người giờ tay lên đỉnh lại một câu ước.

Chuông thành tỉnh, nện một tiếng boong, ghi lấy một bàn điểm của tỉnh nhỏ, bóng đèn lù mù và bóng người lù rù.

Ồi, hai người không thân nhau mà lại có cái nhã ý mời người

bạn quen sơ sơ ấy lại chơi nhà mình thì cái sự tiếp đãi nó sẽ như thế nào? À, nó sẽ không khỏi như là bỡ ngỡ, như là ngượng nghịu. Chứ nó không thể như là cái gì khác thế được. Họ nghĩ lẫn vẩn trên cái xe chạy.

Ngày ngày hôm sau, Mọi lại thăm Nguyễn.

Nguyễn cho vợ con ra chào.

"- Bác Mọi cũng vừa ở Hà Nội về chuyến tàu tối với tôi, mình a. Bác, là trưởng nam cụ Phán... a, cụ Phán ở phường đệ lục ấy mà".

Tuy không biết người bạn chồng mình là thuộc về gia tộc nào - vì chồng kiêng không gọi tên cụ Phán sinh ra "bác" Mọi - vợ Nguyễn cũng à một tiếng và cười như là mình đã nhớ ra một điều gì lý thú và quan trọng lắm.

Ngày chiều hôm ấy, Nguyễn đáp lễ Mọi tại đại gia đình nhà Mọi. Lại cũng giới thiệu:

"- Thừa thầy mẹ, đây là bác Nguyễn, con cụ Ký Tú. Bác cũng làm ăn ở Hà Nội và về tàu cùng với con một chuyến vừa rồi".

Cụ Phán ông gật đầu, với một tiếng "à" vì cụ nhớ lại rằng ông cụ Ký Tú ấy cũng là chỗ bạn đồng liêu cụ, cùng ở một tỉnh, cùng thờ một cái chính phủ Bảo Hộ như mình. Và bây giờ cũng đã về hưu. Giờ con cụ Ký Tú lại là bạn của con mình! Tre già măng mọc, vui thay lẽ trời! Cụ bảo Mọi rót nước và cụ mời Nguyễn ngồi ngay vào cái ghế đầu sát chỗ cụ đang bắt chân chữ ngũ.

Cụ Phán bà nhổ bã cốt tràu xong, liền cất tiếng giọng rất hiền từ: "Quý hoá quá. Anh em cùng tỉnh đi xa, lúc về lại biết rủ nhau cùng về một lần".

Nguyễn thấy bà cụ sinh ra Mọi có vẻ một người mẹ hiền và nghe một câu hồn hậu như thế, chàng trọng sự thực, chàng không muốn cụ Phán bà bị lừa, - lừa người già yếu là một điều hèn lớn, chàng muốn đứng dậy cãi chính ngay rằng Mọi và chàng, chỉ ngẫu

nhiên mà cùng về chung một chuyến tàu đấy thôi, chứ không hện hò gì như cụ đã tưởng lầm. Chàng lại còn muốn nói rõ thêm rằng, chính ngay ở giữa "đất Hà Nội", Mọi và chàng cũng chưa từng có biết tới nhau là ai nữa. Và hôm nay được cùng "anh Mọi nhà" gọi nhau là anh em, thì cũng là một sự rất mới mẻ quá cho chàng vậy.

Chàng định nói to lên những câu như thế, nhưng rốt cuộc chàng chẳng nói gì cả.

Chàng chỉ ngồi hầu chuyện trong bầu không khí im lặng có thể làm chết được cả người nói chuyện lẫn người hầu chuyện.

Thỉnh thoảng, chàng ngo ngoáy cái cổ, đưa cái đầu xoay theo cái trục cổ phía trái qua phía phải. Và dán cặp mắt khổ sở vào những đôi liễn giấy và cái bức trướng hàng tơ thêu chỉ kim tuyến, có những chữ Hán rất tốt, rất khỏe, rất bay bướm, nói đến cái việc cụ Phán thân sinh ra Mọi được từ đấy về hưu trí và từ đấy làm bạn với vườn hoa cây cảnh - vườn nhà cụ Phán, ngoài kia cửa sổ, có dăm cây ớt mọi và mấy bụi tử tô.

Nguyễn bèn đứng dậy xin phép về. Chỉ có ra về mới kết liễu cho được buổi hầu chuyện nặng nề này. Mọi, chùng như chỉ chờ đợi có thế, vội tươi hẳn mặt lên, đon đả đưa Nguyễn ra cửa và nói riêng: "Chúng ta nên đi lại với nhau luôn luôn".

Khách đi rồi, cụ Phán bà bảo con: "Này Mọi ạ, mẹ cứ thấy người ta đồn ầm lên rằng bác cả con cụ Ký Tú đằng ấy là người chơi bởi ngõ ngược lắm. Lần này mẹ mới được gặp, thì xem người cũng thù mị và ngoan lắm. Ấy, những người như thế, nên đánh bạn lấy mà chơi. Chứ mẹ xem ra, ở chỗ tỉnh thành lớn, bây giờ người thì ít mà cái giống tai quái thì lại rất nhiều lắm đấy con ạ".

Sau cái buổi đầu để chân tới nhà nhau, Mọi và Nguyễn vẫn còn đi lại thăm nhau đôi ba bữa một lần.

Rồi có một hôm, ông bà thân sinh ra Mọi đã giữ riệt Nguyễn lại, bắt chàng phải ăn cơm ở đấy và rào đón trước một câu từ chối,

những bậc đưng tuổi ấy đã bảo Nguyễn rằng ở vào buổi đời mới này, người ta nên tự nhiên, không nên giữ lối khách sáo như ở thời cổ nữa.

"Với lại đảng này và trên cụ nhà ta, cũng như một nhà", cụ Phán bà cười và nói thế.

Nguyễn hơi ngạc nhiên. Chàng không thể hiểu được nghĩa một câu nói thân mật quá như thế. Sao lại là như một nhà được? Đâu có dễ thế? Mãi đến lúc cụ Phán ông nói thêm vào thì Nguyễn mới hơi vỡ lẽ.

- Bác Nguyễn... bác Cả này...

Nguyễn hơi mỉm cười: bây giờ người ta đã kiêng tên tục chàng và lại lấy cái thi vị thứ của chàng ở gia đình chàng ra mà hô. Chàng liền tưởng đến một thói tục ở chỗ thôn ộ hay lấy tên con mà điền thay vào tên tục người cha, kèm vào sau một cái chức Nhiều. Nhiều Nguyễn! Cả Nguyễn! Những cái thi dụ ghép tên ở trong trí Nguyễn làm chàng có những cảm tưởng vui nhẹ.

"- ... Bác Cả không biết chứ cụ đảng nhà và tôi khi còn làm việc bên Tòa với nhau, thường hay ngồi gần nhau lắm; những khi có tiệc yến trong dinh ba quan lớn tỉnh và lúc về chơi các vùng phủ huyện những ngày lễ hoặc chủ nhật cũng thế. Cụ nhà không uống được rượu như tôi nhưng được cái vui chuyện lắm. Cụ biết rất nhiều chuyện cổ tích về lúc quan Tây mới sang".

Mỗi lúc thấy cụ Phán ông hơi ngừng, Nguyễn dạ một tiếng chen vào câu chuyện.

"- ... Như tôi và cụ nhà đã đi lại với nhau, rồi bây giờ Mọi ở nhà này và bác cũng lại kết thân với nhau, cái lối giao tình từ đời nọ được kế tiếp theo đời kia, người Tàu ngày xưa gọi như thế là thế nghị. Nếu các con bác và nếu các cháu tôi - ấy bác cũng nên khuyên em Mọi nó lấy vợ đi thôi - mà lại cũng ưa nhau và giao du với nhau nữa thì các nhà gia thế lại gọi như vậy là tái thế diệt. Thế nghị là đáng quý lắm. Bây giờ thì thói tục đó có mấy nơi giữ được, trừ phi ở mấy nhà

gia thế còn phương phát cái mùi Nho học thôi.

Nguyễn lại dạ.

Nguyễn và Mọi có một phút nhìn trộm nhau. Ra họ chẳng hề nói với nhau một câu nào. Họ chỉ cảm như hèn, ngồi ngắm nhau để trong lúc ấy, thì các bậc cha mẹ nói rất nhiều cho họ nghe. Họ thấy như thế là hồng. Định chơi với nhau mà lại cứ giao thiệp quanh quẩn trong hoàn cảnh đại gia đình thì thực là thất sách quá.

Tan bữa ăn, lúc Nguyễn xin về, cụ Phán bà còn nèo Nguyễn lại hỏi thêm một câu chuyện mà Nguyễn không biết đằng nào để trả lời.

- Như cụ nhà ta giờ về hưu, mỗi kỳ lương hưu trí chắc cũng nhiều lắm? Mỗi kỳ lĩnh bổng thế nào chả hơn trăm rưỡi bạc? Chắc cũng như ông Phán nó nhà tôi đấy chứ gì?

Ra đến ngoài đường, Nguyễn thấy khoan khoái lắm. Chàng thấy mình trở nên tự nhiên. Chung quanh chàng chỉ có không khí bao la. Trên đầu chàng thì trăng sao vàng vạc. Mặt đất, bóng trăng tỏ tợ ban ngày. Ánh sáng trăng tỏ át cả ánh sáng đèn điện thành phố. Những chiếc bóng đèn điện mười lăm nến vàng ệch thật là bất có liêm sỉ. Định đo sức sáng của mình lúc đó với một nguồn ánh sáng lạnh và xanh và loãng của mặt trăng cũng không sao đo nổi; thì cháy to lên làm gì để càng bêu diếu đến cái văn minh nơi tỉnh nhỏ này hở? Giá những buổi tối trời như thế này, sở lục lộ nên truyền lệnh cho sở máy đèn cứ tắt phụt cả thứ đèn ồm yếu này đi mà lại hóa ra hay kia đấy. Sự giao thông của một thành phố chỉ huyền não bằng cái huyền não của cảnh phố phủ lúc thu không thôi thì sự giao thông ấy, lúc tối cũng chẳng cần gì có đèn điện hướng dẫn, đã có cái bóng trăng thanh lũng đũng ở trên đầu.

Không những thế, ngân quỹ thành phố lại đỡ được tiền chi phí về đèn trong ít ngày và ngắm phố phường người ta lại còn thấy ngoạn mục hơn.

Một đám xẩm soạn vít cần một cây đàn bầu cục mịch, ngồi

ngay ở chân cột đèn, hát chõ lên cái bóng đèn điện mười lăm nển: "Ngửa trông lên anh đếch thấy có ra gì... Bực... bùng bung... a rằng... anh chỉ thấy tối, sì cái bóng... a... đen...".

Lông lộng trên chín tầng mây, cái bóng dáng tròn rớt một tia sáng lạnh xuống một đôi mắt thao láo những lông trắng cùi vãi. Bóng trắng còn soi xuống những cái cổ chân và những cái đùi trắng hều của một đám thiếu phụ truồng iuu ở cái xóm bình dân này ngồi dãi thẽ ra đây lấy đèn nhà nước làm đèn nhà mình, chưa được nghe một khổ xấm thì nào đã chịu đi ngủ cho đâu.

Bất giác Nguyễn nhớ đến cái cảnh yên nhàn một cách tẻ ngắt ở vùng quê, ở những cái làng mạc gần đường cái quan, vào cũ mùa màng xong rồi, gặp tuần trăng sớm, tối đến, người ta kéo nhau ra tụ họp ngay trên đường cái chính xứ. Có người thì ngồi xếp xuống, quần tam tụ ngũ chán rồi thì lại thui thui trở về cái mái nhà tranh của mình ở những khoảnh vườn tản mát bên dià đường, lấy những bóng đen cây cau chót vót làm đích dẫn lối cho bước chân lúc đêm khuya thanh vắng. Có người thì cảm thấy về nhà cũng không hơn gì là nằm ở quãng đường này; gió thì mát giăng thì trong, họ bèn ngã lưng luôn xuống lớp nhựa đường nhẵn thín rồi thiu thiu ngủ và ngủ luôn một giấc thiên cổ. Vì sau lúc ấy thế nào cũng có một cái xe hơi 6 mã lực, 24 mã lực của một vị "ân nhân" nào đi qua, nghiêng chết họ một cách mau lẹ để giải quyết họ cho họ một vấn đề sống khó khăn và đầy tử thâm.

Nguyễn cảm thấy cái tẻ ngắt mệnh mông của đêm Thanh Hóa. Mọi đưa tiễn chàng ra tới đây, đã xa nhà đến hai ba trăm thước rồi mà cũng chưa chịu lui gót. Hai người lặng thinh đi cạnh nhau như một đôi trai gái lúc đã bén tình, chỉ nghẹn ngào mà nuốt nước dãi, sau một lời thề thốt nặng. Đáng lẽ Nguyễn mời Mọi nên trở gót về đi thì phải. Đưa nhau, tiễn khách ra về không nên tiễn xa quá. Sự lịch thiệp của con người ta cũng nên có chừng hạn thôi, không thì lại đâm

ra giả dối ngay, đã nhiều người nhận thấy cái chân lý ấy. Thứ nhất là khi cái tình của hai người chưa lấy gì làm thân, chưa có một kỷ niệm chung đích đáng nào bảo đảm hộ cho.

- Hay là nhân thể chúng ta đi đây, ta đi thẳng luôn lại hiệu cơm tây bán món một kia mà "làm" mỗi người một chén cà phê. Cho nó tiêu cơm. Tôi mời anh.

Lòng Nguyễn muốn như hơi mỉm cười. À. Mọi lại mời mình đi uống cà phê và y lại gọi mình là anh. Lần đầu tiên hai người uống cà phê với nhau trong quán và lần đầu tiên, người nọ gọi người kia là anh. Trước tới giờ, họ chỉ nói trống không, những khi phải xưng hô. Thế nghĩa là từ bây giờ hai người đã được chính thức gọi nhau là anh, bởi vì Mọi đã bắt đầu gọi Nguyễn như thế. May quá! Và hay quá! Trước tới giờ Nguyễn mỗi lần gặp Mọi, chàng lúng túng mãi về cái điều xưng hô. Thưa ngài ư? Thưa ông, thưa bác? Khó quá!

Ngươi hương cà phê chàng mở miệng:

- Anh Mọi uống ba hay là hai thôi đường?

Mọi chộp lấy phần đường của mình để trong lòng đĩa, bỏ ba cục vào chén và hỏi lại Nguyễn:

- Anh cũng ba hay hai?

- Tôi cứ dùng vào cỡ hai thôi rưỡi là vừa.

Mọi cau mày "Hai thôi, hoặc ba thôi, chỉ có thể thôi chứ sao lại còn rưỡi vào đấy nữa. Cái thằng cha Nguyễn tinh cầu kỳ quá. Thực ở Hà Nội, cứ thấy nhiều người bảo hẳn là thằng lập dị, quả không sai".

Mọi dẫn lòng mà nhìn Nguyễn bề nổi một thôi đường, thả một nửa vào chén nước đen bốc khói. Mọi dẫn lòng như chịu lấy một nghiệp dĩ.

Chàng muốn tỏ lời công kích. Đáng lẽ phải công kích cái sự cầu kỳ đó. Nhưng nghĩ lại, Mọi nhận thấy dù sao mình với Nguyễn



cũng mới ở vào cái buổi sơ đầu của giao du và, tất cả những người bạn ở trên thế giới này chỉ có quyền bắt bẻ nhau khi nào giữa họ đã có sẵn một trình độ thân mật mà thôi. Còn ra thì ai muốn làm thế nào, nghĩ thế nào cũng mặc, mình không có quyền dự đến. Cứ đòi dự vào đời riêng của người khác với nét xấu với tật lớn và nhỏ của người ta khi mà mình không có một chút quyền tình thân, quyền tình cảm nào cả, như thế tức là sự tọc mạch xấu đó. Mọi vừa quấy cả phê vừa tự nhủ.

Tối hôm ấy, Mọi về nhà, suy một chén cà phê hai thỏi đường rười chàng đã để ý đến cái trường hợp của "me-si" Nguyễn. Nguyễn đã trở nên một trường hợp. Tối một hôm khác. Vẫn trong cái quán ăn ấy. Hai người lại uống cà phê.

Lần này Nguyễn đả Mọi. Nguyễn đòi đả cho được. Mọi hôm ấy rức đầu, muốn thoái thác. Nhưng chàng đã nhận lời mời, cốt để cho bạn mình gỡ xong một cái nợ miệng cồn con và cốt để cho Nguyễn cảm thấy rằng Nguyễn là người xử thế đúng phép xã giao, trong trường ăn uống, phải nợ ai một tý thì canh cánh mãi bên lòng cho đến một ngày được đền trả lại.

Hai người kể đã là người lôi thôi và cẩn thận quá. Hai con người cẩn thận và lôi thôi ấy hôm nay lại uống cà phê, thì một người vẫn bỏ ba cục đường và một người nữa lại cũng vẫn bỏ hai cục rười.

Cái tiệm cà phê ấy, thế mà cũng đông khách. Đủ các thứ người các giới của một tỉnh lẻ lúc đi tiêu tiền.

Ấy là mấy ông Tri Châu ở đường ngược có việc phải về tỉnh. Ông thì khoe một cái bè gỗ cho trôi từ trên ngàn về đây. Ông thì xuống trình một cây quế chính sơn vừa tìm thấy ở hạt mình.

Mọi và Nguyễn lại quay sang cái bàn bên kia, bên kia và xa xa nữa.

Ấy là đám người trẻ tuổi tóc mượt, áo sơ mi màu cào cào, đang ca tụng một thứ hàng tuyệt-so ngoại quốc.

Ấy là vài ba viên chức công sở đang hỏi nhau ăn xong có nên vô trong thành đánh tổ tôm nữa hay là về nhà đi ngủ cho khỏe để ngày mai đi làm cho tốt.

Ấy là một đôi thiếu niên đang nói xấu bố mẹ, chê vợ là không có nhan sắc và cảm thấy cuộc đời là đáng buồn lắm, họ bèn ghếch những chiếc giấy véc ni không có tắt lên thành bàn ăn, ca tiếp rí rả một bài Vọng Cổ Hoài Lang; lấy dao ăn gõ nhịp vào thành cốc vaj. "Coong dzan đành kêu sương... biểng Bắc".

Ấy là hai người ả đào tỉnh Thanh, đang nèo hai người du đãng kia cho mình đi theo vào Nghệ với "- Mai anh đi Vinh, các anh cho em vào *máy*, - Không, các anh đi Hà Nội kia mà - Thế thì các anh ăn xong về nhà em hát, rồi sớm mai các em cũng đi Hà Nội *máy*, đánh cho thực to rồi lấy tiền hồ ra mà chi hát anh ạ. - Thế nào em cũng ké cửa anh...".

Mọi và Nguyễn để ý nhất đến cái bọn lấu tấu kia đang bàn tán về việc sở xe lửa sắp cho ô-tô-ray đi qua Thanh Hóa, có đỗ ở đây và lại nhận cả hành khách nữa.

" - Thú quá nhỉ! - Thế nhưng mà bao giờ? A thứ hai và... - Ngày mai thứ hai đấy. - Phải rồi chuyến ô-tô-ray qua Thanh Hóa lần đầu tiên. - Tôi chưa thấy ô-tô-ray đấy, thế có quê không? - Thì tôi không đi nhưng thế nào cũng phải đi xem cho kỳ được. Máy giờ nhỉ? Chín giờ sớm! Được rồi..."

\*  
\* \* \*

Sân ga Thanh Hóa, sớm hôm sau. Nguyễn đã đứng ở đấy để xem tàu cùng với những người khác nhan nhản đứng ở kia, mặt người nào cũng hí hửng một cách lộ bịch như cái mặt của một

đám người lùn chơi hội tây.

Đêm hôm qua nghe người ta khảo chuyện ô-tô-ray trong tiệm ăn. Nguyễn về nhà trần trọc nghĩ ngợi đến cái ngày mình lên đường. Lại đi, phải đi, chứ ở thế nào mãi đây được. Cả đêm chàng nằm mơ thấy những chuyến tàu tốc hành vù vù lướt trong màn tối của những đêm phiêu linh ma quái nào.

Tỉnh mộng, chàng sấm sửa thật diêm dúa, đi tản bộ lên ga để xem một cái gì mà chàng tin chắc rằng sẽ gọi cảm vô cùng. Kia, Mọi cũng đang đứng kia. Không hẹn mà nên! Giữa một tốp người ngốc nghếch đang héch mãi mắt lên đầu ghi phía bắc, tuy còn lâu mới đến giờ ô-tô-ray tới. Đứng giữa họ, Mọi và Nguyễn đều cho nở vài cái cười tinh quái thay một lời chào nhau. Người ta đi xem ô-tô-ray có như là xem rước. Lúc tàu từ từ vào ghi có người khách lùn kiểng mãi chân lên, tuy đứng tự nhiên thế, họ cũng thừa trông thấy tàu đến. Nó to, nó cao như thế kia mà. Có người đem cả con đi. Nâng trẻ lên. Đưa trẻ sợ hãi quá dùm cả hai chân hai tay lại như một con mẫn sắp bị quẳng xuống đất. Thế rồi ồ ồ ào ào, cái tàu nhìn những người đứng đấy, mà từ từ đi tới và những người đứng đấy thì hơi tỏ vẻ thất vọng. Cái tàu đứng dừng lại. Ô, nếu vậy thì ra nó cũng chỉ là một cái tàu. Một toa đầu có máy và một toa thường móc theo, hai toa đều sơn trắng. Tàu không có ống khói và lại không chạy bằng hơi than đá. Lại chạy bằng nước xăng kia. Thế có bực không. Và nghe đầu nó đã chạy thì nhanh lắm, phăng phăng như gió.

Chiếc ô-tô-ray thấy người ta dị nghị mãi về mình một cách ngu quá, không thể chịu được nữa, bèn nổi hiệu còi đi thẳng về phía xuôi trông chừng xứ Nghệ mà tiến phát.

"Bi bùm! Bom!" Hiệu còi nghe lạ tai. Bao nhiêu người cười rộ và lại còn cứ đòi buồn cười thêm. Còi kiểng gì mà nghe như bò rống. Không mắt công đi xem mà nghe lấy bằng chính cái lỗ tai của mình, "thì thực cũng không biết thế nào mà nói kia đấy các ông các bà ạ".

Người ta ở ga kéo nhau về, như là cảnh tan rạp tuồng. Giấy lê dệp lết, và guốc Sài Gòn gõ lóc cóc gõ xuống mặt nhựa đường. Nghe đến là mấy dậy.

Có những người chậm chân quá, lên gần tới ga thì tàu đã đi mất rồi phải bỏ quay về với cái chặc lưỡi ăn năn như mình đã bỏ lỡ mất một cơ hội để làm người.

Mọi và Nguyễn nhân nha đi theo đám người bình dị này, nhận chân thấy cuộc đời ở đây nhẹ nhõm và nhạt nhạt, một ngày qua cũng tợ như một ngày sắp đến, và một ngày qua thì cũng là cái hình ảnh một ngày của mãi mãi. Bất giác Nguyễn làm một việc so sánh và tự hỏi nên sống ở đây cho nó nhân cái thân hay là cứ nên sống ở cái thành phố lớn kia, lúc nào cũng phải lấy ngay cái thân mình ra mà thí nghiệm một cách đau đớn và mệt nhọc. Ở đây người thì lành của thì rẻ, gần rừng, gần bể tôm cá nhiều, gỗ nhiều, quế nhiều; có sẵn tài hoa thì không phải thực nghiệm hoặc chứng tỏ và người thiếu tài thiếu cả học thì vẫn có quyền sống một cách đầy đủ và tự túc nữa. Ở đây không ai làm méch lòng ai, bởi vì ai ai cũng đều giống nhau, ở đây mưa và gió đều có chừng hạn; sự tiêu pha cả về tiền và tâm lòng đều có chừng mực; ở mấy ai đã nghĩ đến cái say sưa của một đời sống nguy hiểm, ấm lạnh vô thường.

Án ngữ trước mắt Nguyễn và Mọi, đôi vợ chồng kia vừa dềnh dàng ra đường, vừa nói chuyện.

- Thế này thì ví dụ mình và tôi hôm nào vào thăm ông ngoại ở trong Vinh kể cũng tiện lắm đấy nhỉ?

- Chín giờ ô-tô-ray mới chạy, chúng mình ăn cơm sớm vào đến Vinh đúng mười hai giờ, không phải ăn uống gì nữa. Ở chơi với ông đến hai giờ chiều lại ra tàu, bốn giờ rưỡi đã về tới đây. Lại vừa đúng bữa ăn cơm chiều. Mà cứ kể thì cũng chả cần phải nhờ đến cụ Tư ở bên cạnh sang trông hàng hộ. Bảo chú Chín chú Ấy ở nhà, không ra sở Đạc Điền một buổi thì đã làm sao.

Cả một ngày rằm tháng tư năm 1940, chuyến ô-tô-ray thứ nhất chạy qua Thanh Hóa đã là một câu chuyện thời sự nằm sẵn ở đầu lưỡi mọi người ra về thành thạo ở đây.

Đoàn ô-tô-ray đã đi qua.

Người ta nhắc đến nó ở ngã ba đường cái, ở xóm Nhà Giòng, ở hiệu cao lâu chú Lit, ở sở Ba Bò, ở vườn ông Me Sừ, ở Ty Phiên - Ty Niết, ở xóm Cầu Chanh. Quán Giò, Cửa Hậu và vân vân.

Đối với cái tỉnh hiền lành và xinh xắn này, cái ngày có một cái tàu mới chạy qua tỉnh, quả đã là một niên hiệu có giá trị của một niên hiệu lịch sử. Nó cũng làm cho người ta nhón nháo lên như một ngày hai mươi ba tháng năm Ất Dậu của Huế thất thủ.

Mọi và Nguyễn một tối gần đấy tung chuyện nói cho nhau nghe, Mọi Nguyễn lại cùng nhau gọi đến một vài ngày khác của dĩ vãng tỉnh này, nó om sòm quá như thế này; nghĩa là hàng phố đầy đường, đám tôm cua cò cá che kín mặt hè và người ta mỗi khi ra đường là y như lại cứ va phải một bác bếp khổ xanh say rượu và nói bần.

- Anh Nguyễn có còn nhớ cái lần mà có quan Thượng Reynaud ghé tỉnh mình và đi xem cái đập Bái Thượng không?

- Hừ, đâu đã ghé bằng cái chuyện đức Tiên Đế ngự giá bắc tuần có ghé ở đây. Năm Mậu Ngọ, phải rồi.

- Tức là 1918. Thế nhưng mà cũng chưa tợn bằng cái chuyện ông *Dốp* ở Tây qua Đông Dương, nhất định đến đây thăm cái cảnh cũ, bắt bày lại trận Ba Đình và gọi ông Đội Vinh ra mà ban cho mẽ-đay Bắc Đẩu ấy mà. Hồi xưa lúc nhà nước Tây chưa đặt xong cuộc bình định ở đây, ngài Joffre mới chỉ là ông quan ba của toán quân giao chiến với các cụ Văn Thân và lúc bị thương thì ông cụ Vinh công ngài chạy. Hình như cái ông cụ Vinh gác nghĩa địa tây mất rồi thì phải.

Mọi và Nguyễn cũng đều cảm thấy cái vô vị của những mẫu

chuyện đại loại như thế. Nhưng hai người thỉnh thoảng vẫn cứ phải dùng đến để lừa dối phút hiện tại: Chẳng nhẽ gặp nhau mà không nói chuyện gì thì nó cũng trơ trẽn quá. Mà nói lên thì hai người lại càng cảm thấy cái đỉnh đoảng của phút tuy sống chung mà tâm trạng mỗi người thì đều ở riêng một thế giới tư tưởng của mình. Cái thái độ ấy thực không xứng đáng chút nào với cái nhân phẩm của hai người này về mặt tài đức. Đáng lẽ họ phải chuyện trò với nhau một cách khác kia. Mọi vẫn có tiếng là một người học rộng, ở Hà Nội chàng đã nổi danh là một cuốn Bách khoa tự điển sống. Cái học của Mọi không những đã có bề sâu, mà lại còn đáng kể ở bề rộng nữa. Ở một vài cái tiểu đoàn trí thức nơi Kinh sư, Mọi đã từng lưu được cái tên mặc dầu cái tuổi của chàng chưa là mấy. Người Mọi trẻ nhưng não Mọi đã chín lắm.

Kém Mọi về mặt học, Nguyễn lại hơn bạn được một chữ tài. Nguyễn là người sinh ra để mà thờ Nghệ Thuật. Nghệ Thuật với hai chữ hoa. Người ấy quý Nghệ Thuật hơn cả thân mình. Bảy tám năm nay ở Hà Nội, Nguyễn mưu sinh bằng Nghệ Thuật và sống cho Nghệ Thuật. Việc ấy tuy không có giấy tờ nào của nhà đương chức thông báo đi trong toàn hạt nhưng đa số chung quanh đều biết cả và công nhận cho việc ấy là một chuyện có như thế.

Để được gởi cái sở năng mình vào một công cuộc gì, trong mấy năm trời ở chỗ Kinh đô ánh sáng, Mọi đã cho trưng cái tên mình vào một vài tập nguyệt san. Mọi đang theo đuổi việc phát huy tinh thần nước bằng những tỉ mỉ và suy luận hàng ngày. Công việc trước thu lập ngôn có một chương trình vững chắc ấy đâu cũng đã có bóng mây hơi nước đến cả đến những chỗ thanh khí nhiệt huyết hẻo lánh. Và từ đấy, những cảm tình độc giả ở chỗ xa xôi đều lấy làm trọng cái tên ký Mã Giang Khách - một biệt hiệu của Mọi. Người Khách Sông Mã quả đã là một người trẻ tuổi có cái học sáng suốt đủ làm quảng cáo tốt cho tỉnh Thanh Hóa quê hương.

Trong khi ấy thì cũng ở Hà Nội, Nguyễn đã làm những cái gì để cho mỗi ngày đi qua không đến nỗi là một sự hoang phí, một cơ hận tiếc?

... Chàng sống! Chàng chỉ sống. Chàng đã dám sống. Nghĩa là chàng muốn chứng tỏ ra mình đã được là mình. Nguyễn đã lấy cuộc đời làm một chỗ thí nghiệm. Thí nghiệm bằng cả một kho tình cảm phong phú của mình, thí nghiệm bằng cả một quãng hoa niên tươi thắm của mình.

Những cuộc thí nghiệm thành thực và can đảm thường để lại vô khối là sứt sẹo trên thân hình một cái trí tuệ muốn ngược lại dòng chúng nhân, muốn vượt ra ngoài những khuôn sáo hèn nhát.

Tuổi hoa niên đã đi qua.

Thành Kính và Tin Tưởng cũng đã đi qua.

Bây giờ lòng Nguyễn mệt mỏi. Ở trong một người mệt mỏi ấy, tín thành đã nhường chỗ cho khô cạn và ngờ vực.

Cuộc thí nghiệm nào cũng trị giá rất đắt.

Và có một lúc, người ta không thể trì hoãn được món nợ đã tới kỳ phải thanh khoản.

Nguyễn đã trở nên hoài nghi và cay cú với nỗi sống. Từ một người trẻ tuổi bình dị, Nguyễn đã thành một kẻ có một tâm hồn phiền phức đến điều. Chốc buồn đấy, chốc vui đấy, ngủ lúc đứng, ăn lúc nằm, đi tản bộ trong cơn mưa rào; khi không, tại một tiệc thọ vui và đông lại đi khóc một người cố hữu đã khuất bóng từ bao giờ và gọi ra toàn những chuyện đề chủ cùng mũ mấn áo trăm thời giữa một tiệc cưới mà thực khách đều mặc toàn áo gấm chần. Với Nguyễn, những điều như thế, kể sao cho xiết.

Người chung quanh thực đã đến lúc không chịu được Nguyễn. Người ta không e dè nữa; người ta đã bất bình mà nói thẳng vào mặt Nguyễn rằng trước mặt họ, chàng là một cái bướu nhọn, nếu chàng

chưa hẳn là một cái đỉnh, một cái gai. Trông chường mắt lắm. Phải nhổ đi, nếu đôi bên còn muốn sống chung với nhau để mà "làm ăn"!

Nguyễn cũng thừa biết rằng giữa chàng và chung quanh, thực khó lòng mà có được sự hòa thuận. Cái hồ cách biệt mỗi ngày một rộng thêm mãi. Như thế này sẽ đưa đến cuộc ly dị. Muốn "cho được mình vẫn là mình" Nguyễn cứ phải gắng mãi với chung quanh. Phải đương đầu. Phải khai chiến. Phải đánh nhau với chung quanh. Nguyễn vẫn bướng bỉnh. Chàng vẫn còn sung sức. Chàng tin chắc ở chàng, không sợ hãi chút nào.

Và chưa bao giờ chàng nghĩ đến chiến bại.

Bởi vì chàng thấy mình còn khỏe lắm, răng khỏe, miệng khỏe, chân khỏe, óc khỏe, chàng vội cần gì đến đời. Đời, chung quanh chàng, nếu cứ như thế này mãi thì chán mới đời!

Bao giờ tôi và yếu tràn ngập thân thể, bấy giờ sẽ hay.

Lúc bấy giờ có lẽ - có lẽ thôi - Nguyễn sẽ trông vào độ lượng của cuộc sống. Chàng sẽ bớt kiêu hãnh, bớt kênh kiêu, chàng sẽ nhường bộ ít nhiều. Rồi có khi chàng còn phải đi ăn mày lấy cảm tình của chung quanh nữa kia. Để mà níu giữ nổi được chút ít tình cảm riêng của mình. Cái lúc suy yếu, biết đâu!

Ngay bây giờ, nếu chàng muốn được yên thân thì thực cũng chẳng khó gì. Chàng chỉ ngỏ ý giảng hòa với chung quanh một tiếng thì tất cả mọi người lại nhận chàng ngay. Người ta chỉ yêu cầu chàng có một điều là chớ nên làm khác với chung quanh. Phải sống với chung quanh. Làm khác, nghĩ khác tức là giặc, là không thể làm thế được.

Ở một chỗ mà mọi người đều cho cuộc đời Tạo Hóa đã an bài đến như thế là "cừ" lắm rồi, ở một chỗ mà mọi người đều lấy làm há hê với số phận, ai để yên cho "hắn ta" dấy loạn? Cho hắn ta làm khác? Thôi, nên hòa đi, nên nhường đi.



Những lúc này Nguyễn đã cần gì đời. Bao giờ phải cần đến sự dính chung của thể nhân thì sẽ hay. Đời cái thằng Nguyễn ngổ ngược và can đảm này đâu sao cũng còn dài đằng đẵng, đã lấy gì làm vội, đã lấy gì làm chậm!

Vậy là Nguyễn cứ tin ở điều mình nghĩ và trên con đường đời, y lượm những hòn đá thực to ném lung tung, bất kể là trúng đích hay là trật sang bên cạnh. Chàng hãy cứ biết mình là phải ném đá. Chàng ném đá vào đầu vào mặt rất nhiều người. Cả người quen nữa. Có nhiều hòn lại dính cả máu người thân trong nhà. Viên đá quăng, có khi là tỏ một tiếng cười phẫn, nhưng thường thì đều là những lời khóc than.

Chàng đã cúi xuống nhặt những viên đá tai mèo cạnh dom dóm máu và tự nhủ rằng "rồi một ngày kia ta sẽ có dịp xây dựng nên một cái gì bằng những hòn đá có thương tích và tang chứng đồ ngòm này đây".

Thế rồi, cũng như những người khác tí toc, chàng cũng trước thư lập ngôn. Chẳng lập công, chẳng lập đức - ở cái thể kỷ "bố lão" này, ai dám cả gan nói đến chữ đức? - Chàng lập ngôn vậy.

Ngôn của Nguyễn lủng ca lủng củng dăm dẩn cứ như đâm vào họng. Đọc đến, nghĩa tối quá lời thâm ông Trọng. Người ta càng đọc, càng không hiểu Nguyễn định nói cái gì với chung quanh. Văn gì mà cầu kỳ quá, kênh kiệu quá và chẳng có chương tiết nào là hồn hậu cả. Người ta "kêu văn hấn không có hậu". Nghĩa là nếu Nguyễn có viết một cuốn *Kiều* thứ hai lẽ tất nhiên là không bao giờ có cái đoạn Kim Trọng tái hợp! Ở cái thời và cái xứ Nguyễn đang sống, người ta xét lời của sách có như là phê bình thơ bát cú Đường luật về quăng hậu bán thập cửu thể kỷ, nghệ thuật chưa hả hết mùi luân lý của thời đại.

Có những vị độc giả, muốn làm được một điều thiện rất ngu, rất kịch cỡm và rất hời giả đối với tác giả, đã bảo thằng vào mặt

Nguyễn rằng muốn có nhiều độc giả thì "Chúng tôi xin ngài nên giản dị và sáng sửa cho nhiều nhiều vào".

Một người bạn đồng nghiệp có địa vị ngồi một chiếc cặp điều riêng trái ở giữa làng văn, lúc đọc sách chàng đã phải đeo đến hai cặp kính tuổi trông lên nhau mới nhìn thấy mặt chữ, đã nói kháy tác giả, lúc tan một buổi họp thảo luận dự án về thể lệ Hội Nhà Văn.

- Tác phẩm của tiên sinh quả là đi trước thời đại, e những người đồng thời của tiên sinh không theo ngang cho kịp được. Nên kim cái đà của mình lại thì có hơn.

Nguyễn cũng biết ông bạn già có ý nói mát mình; ăn miếng phải trả miếng, chàng cũng lạm mượn luôn một câu của danh sĩ kia mà kính đáp:

- Thừa tức hạ, bị nhân cũng ngờ rằng độc giả của bị nhân chỉ rải rác ở tận tương lai thôi. Những lời tức hạ chỉ giáo, bực này xin cảm ơn lắm.

Thế rồi bất chấp những lời chỉ giáo ấy, Nguyễn cứ lập ngôn một cách bướng bỉnh. Đời nó ngu thế, không bướng thì sao có được? Chàng đã thành thực trong cái bướng bỉnh, thành thực cho đến sống sượng, cho đến phũ phàng. Sự thành thực tàn bạo ấy đã làm cho người chung quanh lấy làm tung tức và từ chàng.

Nhưng cả một nỗi hậm hực của chung quanh cũng chẳng làm cho chàng thay đổi chiều mà phát ngôn. Bởi vì Nguyễn tin sự thành thực là một đức tính, là một quan điểm của nghệ sĩ chính hiệu.

Nguyễn đã dùng một quyển sách in để tỏ rõ cá tính mình. Cuốn sách đã đánh dấu sự chàng có mặt ở cuộc sống này - một cuộc sống đầy bất mãn và uất kết của người trong cuộc, phản lại nỗi lèm nhèm let đẹt, lờ mờ, luộm thuộm và bằng lòng của tất cả chung quanh.

Lúc Nguyễn mới giao thiệp loàng xoàng với chung quanh, người ta đã không chịu được chàng rồi. Bây giờ Nguyễn lại "làm sách" để

ghi lại những cái lỗi bịch mà sự chung đụng mỗi ngày càng vạch rõ thêm, người ta lại càng không thể tha thứ cho chàng được nữa.

Có người đòi đánh Nguyễn.

Chưa bao giờ Nguyễn thấy mình cô đơn đến thế.

Nói cho thực, có một người vẫn còn chú công bằng đối với Nguyễn. Người ấy là Mọi.

Mọi không muốn a dua, không muốn thiên lệch và lại còn muốn lân tài nữa. Nhưng chết một nãi, cái tài ấy lại là Nguyễn. Nguyễn lại là người không cho ai thương mình. Tài vốn hay tự phụ mà lòng tự phụ của Nguyễn bấy lâu nay đã thành một câu ngạn ngữ. Mọi thừa tư cách để bênh vực Nguyễn ở trước mặt mọi người, ở những nơi hội họp lựa lọc kỹ, quý hồ là Nguyễn có tìm tới mình để than thở với mình ít ra là một lần, bằng một giọng thân mật.

Mọi cũng là một người giàu lòng tự ái lắm. Chàng muốn người bạn cùng tình với mình phải khuất phục mình đi một chút và phải tìm lấy một dịp phải chằng nào để nhận mình cũng là một cái gì ở cõi đời này. Mọi nhất định tin mình cũng là một bó đuốc. Về một câu chuyện tự ví mình là một bó đuốc, đến bây giờ mỗi lúc nhớ đến, Mọi vẫn lấy làm cay cú mãi với Nguyễn.

Đâu một lần có một người hay đôi cơ mách lẻo, đã bảo Mọi rằng "Thằng Nguyễn nó có nói chuyện đến anh, nó cũng nhận anh là một bó đuốc thực đấy. Nhưng nó bảo cái bó đuốc ấy chỉ đủ dùng để bắt một con ếch ở một thửa ruộng đêm xâm xấp nước thôi".

Chẳng biết Nguyễn có ý bấn tin ấy cho mình để châm chọc khinh thị mình, hay là chỉ nói để mà nói theo một cái tính quen trào lộng - nhưng nghĩ đến, Mọi không thể không giận và không báo thù được.

"À ra nó lại khinh cả mình".

Tính Mọi dễ dãi và lại hay nhũn nhặn và thích đánh bạn. Đối

với những người quen biết vương phải sa ngã, chàng hay viện những trường hợp giảm đăng ra để bào chữa cho họ. Chàng không giận đối ai được lâu. Một chai rượu bé của một buổi ăn tạ lỗi là đủ gột sạch hết phiền giận cũ khỏi lòng chàng. Mọi thường lấy cái nghĩa trung dung ra làm cái đạo xuất xứ ở đời. Chưa hề bao giờ chàng đứng vào thái cực để nhìn tới một cái gì ở chung quanh.

Đời chàng vậy mà cũng cỡ vài cái mộng.

Nhưng chưa bao giờ chàng dám mơ ước đến những cái to tát mặc dầu chàng cũng biết rằng những cái hoài bão hùng vĩ ấy chỉ là những vọng tưởng vui vui cần có, để giữ mình trong cái sống khó khăn và đăm đăm này. Chàng vốn không quen với những cái lỏng lẻo.

Về quan niệm nhân sinh, Mọi chủ trương rằng sự nghiệp con người ta là nên *hoành* chứ không nên *tung*. Tung thì nó vang dội âm lên một thời nhưng không bền bằng hoành. Mọi muốn tỏ hết cái khôn ngoan của mình khi nói thế.

Không ai chối cãi rằng Mọi không phải là một người khôn ngoan. Chàng lại khôn quá nữa kia. Trong cuộc sống riêng của Mọi, vì khôn ngoan quá mà chàng đã làm mất hết cả cái thú của việc mình tìm mình. Mọi khôn quá thành ra hèn nhất.

Đời chàng xếp tính gọn quá, thành ra không có một cái gì là bất thành linh cả. Cả đến những văn phẩm của chàng về mặt tiểu thuyết cũng thiếu hẳn cái đẹp của đột ngột. Những công trình ấy rất thông minh nhưng vẫn thiếu sôi nổi của cảm hứng mạnh, thiếu những hơi thở nồng.

Mọi là một người công chức cả đến trong công việc sáng tạo - cái công việc duy nhất có thể lưu một cái tên mình cho nghìn sau.

Những nhân vật, những anh hùng, anh thư trong tác phẩm Mọi, người nào cũng cẩn thận suy tính và khôn róc máu. Văn vốn là người. Ở họ.

Nguyễn đã rở rúng Mọi. Vậy mà có lần Mọi lại làm thơ nữa. Con người như thế mà cũng bất thiên hạ in thơ mình thì có gan da không? Đọc tập thơ Mọi, Nguyễn đã lấy làm khó chịu quá. Chàng phán xuống một câu

- "Thơ gì mà cục gạch thế này?"

Câu ấy chưa ác bằng câu này:

- "Hắn nếu có bỏ nghiệp văn theo nghiệp võ, làm đến Đại tướng thì có mặt kiếp cũng không dám hành binh bằng một cuộc đại tấn công nào. Chỉ có đánh úp vật vất mà thôi. Y như những cuộc chiến tranh sài mòn ở Y Pha Nho hồ Nã Phá Luân thời Đê Chính thứ nhất".

Câu ấy lại lọt vào tai Mọi. Lại giận nữa, lại thù nữa. Nhưng Mọi vẫn tự an ủi mình rằng những cái tài ở cùng một thời và một nước, lẽ thường là ít chịu phục nhau và dễ dèm pha nhau lắm. Trời đã sinh Mọi, sao còn sinh Nguyễn!!!

Ở Hà Nội, nhiều ngày đẹp như nạm xà cừ, buổi sáng cũng xanh đỏ trắng tím vàng, buổi chiều cũng xanh đỏ trắng tím vàng. Nhớ đến quê nhà Thanh Hoá, Mọi không thể ngồi yên mà làm việc được.

Chàng đội mũ đẹp đi ra đường.

Chàng muốn tìm một linh hồn bầu bạn để gạt sẻ vợi đi một chút lòng quê.

Chàng nhớ sang bên phải, chàng nhớ sang bên trái, chàng nhớ tới Nguyễn.

Ồ, cái thằng Nguyễn là một tâm hồn thi sĩ. Nó lại cũng đã sống nhiều với Thanh Hoá. Tìm nhau để ăn một cái gì, xem một cái gì, uống một cái gì. Vào khoảng hai tộp, vào khoảng hai miếng, hai người sẽ nhắc đến dăm bảy cái kỷ niệm cũ ở tỉnh nhỏ quê nhà nhì!

Đáng thương hại thay! Những người đi xa khỏi cố hương mà lại không có lấy ít ra là một người bạn ở cùng tỉnh với mình để mà nhắc nhở đến chốn chôn rau.

Mọi thành thực muốn cầu thân. Chàng liền đi tìm Nguyễn.

Chàng đã co cong ngón tay trở lên, định gõ ngay vào tấm cửa nhà Nguyễn trọ.

Nhưng Mọi lại bất giác nghĩ đến cái thái độ khinh bạc của Nguyễn. Chàng ngật ngừng rồi đành phải quyết định. Mạnh bạo, Mọi lại đặt mũ lên đỉnh đầu rồi đi thẳng con đường của mình.

Ánh sáng ngày vui lợt qua những vòm lá cây sấu mọc bên thông cù. Tia sáng ngày đẹp lợt qua lớp lá xanh trong thắm xuống đường rộng, thắm vào lòng Mọi đang cởi mở. Chàng muốn trở gót lại gọi: "Nguyễn ơi! Bao giờ hai ta được gần nhau cho đỡ mệt trong sự sống?" Nhưng giữa Nguyễn và chàng vẫn day dứt mấy câu chuyện về "bó đuốc bắt ếch", "câu thơ cục gạch", "và những cuộc chiến tranh sài mòn ở xứ Y Pha Nho". Thế này thì quá lắm, Nguyễn ạ.

Mọi đành cứ để nguyên bộ quần áo đẹp quá như thế mà đi chơi một mình. Buổi chiều ấy chàng ăn tiêu vung lên như một cậu học sinh mượn tiếng đi du học phương xa gặp ngày cha mẹ gửi cho một tấm măng-đa thừa thãi.

Tiền vung lên đã hết, Mọi mới buồn rầu khi phát mình ra được một sự thực rất ghê gớm là cái bọn cầm bút chúa là hay đổ kị lẫn nhau.

Ông nào cũng một chứng một tật. Không ai chịu ai cả. Trong cái chính phủ Cộng Hoà của Văn Học, ra chưa có bao giờ người ta hoà thuận cả.

Từ cái buổi cầu thân hụt với Nguyễn, Mọi yên chí rằng không bao giờ hai người còn có thể gần nhau được nữa. Chàng đã đi quá sự chịu khó rồi.

\*

\* \*

Nói cho đúng thì thỉnh thoảng hai người cũng có dịp bắt tay nhau ở những nơi đông đúc.

Ở một tiệc cưới, ở đuôi đám ma, ở cửa một hý viện hoặc ở gian hàng sách tây những ngày có kỳ tâu Pháp mới tới.

Có lẽ hai người đã gặp nhau nhiều nhất ở cái cửa hàng sách bán báo tây này. Hai người niềm nở bắt tay nhau.

- Ông Nguyễn lâu nay có về Thanh Hoá không?

- Kia, ông Mọi. Tôi mãi chọn báo không nhìn ra ông, ông thứ lỗi.

- Lâu nay ông có năng về Thanh không?

- À... không ông ạ... ô, thế ra ông cũng không hay về. Vậy chắc hai cụ ở nhà lại phải năng ra chơi với ông?

- Hay là mai kia chúng ta cùng hẹn nhau về chơi Thanh một chuyến. Ông Nguyễn nhỉ? Ông nghĩ sao?

- Cái việc đó tôi cũng chưa từng nghĩ tới. Có lúc tôi cũng mong được như thế, nhưng tính tôi bất thường và bất định lắm. Chưa bao giờ tôi định trước được lấy nửa ngày, trước khi đi. Tôi đã đi là dùng một cái là tôi đi thôi ông ạ. Tôi đi đâu - giả thử có đi đến ngoại quốc chẳng nữa - thì cũng chỉ có cái cặp nhỏ, cùng giả lắm là một cái va ly. Gọn lắm, ông Mọi ạ.

Nguyễn cười rất xã giao rồi lại cúi xuống chọn tiếp đồng báo mới.

- Nay ông Nguyễn, tôi nói thực với ông, đến ngày kia tôi về Thanh đấy. Đi bằng ô tô nhà. Tôi sẽ lại đón ông nhé? Về một mình trong ấy, tôi không có ai là bạn tri âm cả. Buồn lắm.

- Không có tri âm thì cũng là đáng buồn thực. Nhưng này ông Mọi, ông tưởng chỉ có một mình ông là không có tri âm thôi hay sao? Còn vô khối người khác cũng bị khủng hoảng về bạn; có lúc cô quạnh quá tưởng có thể lăn đùng ra mà chết ngay được. Nhưng tôi chưa thấy ai chết vì thiếu bạn cả. Trái lại, tôi chỉ thấy người ta chết vì "đã" có nhiều bạn quá, ông ạ.

Nguyễn khoan thai nói, chàng rất lễ phép: lễ phép ở khuôn mặt, ở cả hai chân, ở cả hai cánh tay. Thế mà xưa nay cứ tin vào lời người khác nói thì Mọi tưởng Nguyễn phải có những cử chỉ láu lỉnh dâm dấn và cả khía nữa kia.

Nhưng Mọi lại ngờ ngợ rằng những cách lễ phép đó là một khi giới riêng của Nguyễn dùng để giữ mình trong cuộc sống. Chẳng có lẽ một thằng tự phụ và khinh người như mẽ ấy lại tôn kính được mỗi người chung quanh một cách quá đáng đến dường ấy hay sao? Có lẽ Nguyễn dùng phép xã giao lạnh lẽo và lễ độ để ngăn rào mình và không cho chung quanh đứng gần khít mình quá. Hình như đã có một người quý tộc nào nói rằng: "Lễ độ là một cái gậy đặt từ khoảng mình cho tới một bọn thất phu - một cái gậy nó tránh cho ta khỏi phải đánh đập nữa kia".

Ngẫu nhiên nhớ một cách mơ hồ đến một câu tư tưởng băng quơ, Mọi thấy bực mình quá. Nếu thực như thế thì ra cái thằng Nguyễn lịch sự kia là một thằng đều cẳng đến tuyệt luân.

Chàng lại thấy mình đại đột và hờ. Bỗng dung đi lôi từ trong đầu ra cái câu nói cay chua của nhà quý tộc nọ mà làm gì?

Không, nhưng không phải thế. Nguyễn nó lễ phép là bởi vì nó lịch sự, là bởi vì nó là con nhà gia giáo, bởi vì nó có học. Chỉ có thể mà thôi. Đừng nên bàn ra bàn vào và mặc mãi ra. Đã bới đến bèo thì thế nào cũng ra bọt. Mọi thấy diu diu trong người.

Muốn bắt lại câu chuyện ban nãy, Mọi bèn ghé sát vào Nguyễn.

- Người ta nói ông hay có tính khôi hài và trong đùa bỡn thường ngụ một ác ý. Vừa rồi ông khái luận sơ sơ về cái nghĩa tri âm, chẳng hay là câu nói đùa hay là câu nói đùng đả? Có lẽ lần này là lần đầu tiên mà tôi với ông nói chuyện dài dòng với nhau.

Nguyễn lại để bó báo xuống. Chàng cố nhớ lại xem ban nãy mình đã thốt ra câu gì mà xem chừng cái ông Mọi này lấy làm băn khoăn lắm thế.



- A, tôi nhận thấy ông ihan thờ về sự thiếu tri âm ở quê nhà nên tôi cũng nói theo vào rằng xưa nay chính vì người ta có nhiều bạn mà sinh ra lụy. Ông tưởng tôi đùa sao? Ông ngẫm kỹ mà xem, xem có phải rằng cái người cướp vợ mình thường chỉ quanh quẩn ở đám bạn thân của mình không? Và biết được những nhược điểm của mình để hại mình đến không ngóc được đầu dậy nữa thì thường vẫn là một người tri kỷ của mình không? Người ngoài, người sơ giao mấy ai đã biết rõ lòng mình để hại nổi mình cho thấu đáo? Hại nổi được mình thì chỉ có hoặc là Giời hoặc là người tri kỷ thôi, ông Mọi ạ.

Nguyễn nin bật và hình như lầy làm hồi tiếc vì mình đã nói nhiều quá. Chàng không ngờ rằng mình có thể vui miệng và rườm chuyện đến như thế, chàng tự nhủ: "Thôi thì lần sau nhờ gặp phải Mọi ta không như thế nữa. Ta sẽ không bép xép một cách tầm thường như vừa rồi. Ta chỉ lễ phép chào hỏi và nếu sợ như thế là không tiện thì ta hỏi thăm hỏi thêm một tý về sức khỏe của hắn, để cho hắn khỏi trách ta là lãnh đạm".

Mọi cũng không ngờ rằng Nguyễn lại có một cách nói chuyện vốn vã như bữa nay. Ở thế ra người chung quanh hay đặt điều thực. Ra họ đặt điều ra để nói xấu Nguyễn. Họ nói Nguyễn là một thứ người có một bộ mặt lạnh như người Ăng Lê và quả ngôn cũng như người Ăng Lê. Đâu có thế.

Một lần khác gần Nguyễn. Thấy chàng không có ý gì lánh mình, Mọi đánh bạo mời một câu:

- Chẳng mấy khi được gặp, nhân tiện hôm nay được gặp ông, ông ở đây, tôi muốn mời ông đi xơi cơm chiều cùng tôi. Chỉ có ông và tôi thôi.

Nguyễn vẫn nhìn xuống đồng báo hiệu sách. Mọi nói tiếp, giọng thân mật hơn:

- Chỉ có hai chúng mình thôi. Trời hôm nay đẹp lắm. Minh ở

dây đi ra ngắm vài phố tây rồi nhấn nha đèn hiệu ăn là vừa. Ông Nguyễn thường hay dùng cơm ở tửu điểm nào?

Mọi lịch sự, muốn dò ý xem Nguyễn thường hay thích ăn uống ở hiệu nào thì chàng sẽ mời luôn bạn đến ngay hiệu ấy. Mọi có được nhã ý ấy vì chàng vừa chợt nhớ đến một thói quen của những người đi hát lịch thiệp, người khổ chủ châu hát thường phải chiều bạn đưa ngay người bạn xuống nhà cái cô đào nhân tình thân của người bạn.

Nguyễn lễ phép không nhận bữa cơm mời, chàng đã nói dối rất khéo để từ chối.

- Tôi rất lấy làm tiếc, chiều nay tôi phải nhịn cơm vì vào khoảng tám giờ tối tôi phải đi tiêm thuốc. Thuốc Novar senobenzol. Tiêm vào mạch máu.

Mọi biết ngay là Nguyễn nói dối. Người hẩn chắc chắn như thế, tính không chơi bậy, trên người không có sẹo đê của chúng giang mai thì việc gì mà tiêm 914? Nhưng thôi được đã muốn xa nhau thì cũng xa nhau. Có khổ gì chuyện ấy. Nguyễn muốn lánh chàng thì hà tất từ rầy trở đi chàng có cầu thân nữa.

Thế rồi hai người trịnh trọng bắt tay nhau ở cửa hiệu sách. Cái bắt tay sốt dẻo ấy đã đánh lừa được hết thầy khách qua đường. Người ta gọi xã giao là một nước sơn xì rất loãng.

Còn gì khó chịu bằng sự hai người đã ồn ào từ biệt nhau rồi mà lại còn đi chung một đoạn đường, và lại cùng một bờ hè, cánh tay sát cánh tay. Mọi và Nguyễn bắt tay nhau rồi mà lại không ngờ rằng cùng phải đi ngược lên phố Bôn Be.

Bực nhất là đà chân người này lại đều ngang với chân người nọ. Hai người tuy không muốn, mà thành thử cứ song song trên lề gạch. Mỗi hòn gạch vượt qua bực như một ngày sống gương.

Cái tình thế của hai người bộ hành Mọi và Nguyễn lúc này thực

là mập mờ và gian lận nữa.

Không muốn kéo dài nỗi bực mình cứ theo gót mình mãi, đến tầm nhà Địa ốc ngân hàng, Mọi rẽ ngang, vờ vào trong ấy, ngắm lũ cà vát bầy nơi tủ hàng một hiệu thợ may tây.

... Từ đây trên những con đường Hà Nội... hai người không gặp nhau. Bây giờ thì hình như Mọi lại tránh Nguyễn.

Ác nhất là những người chung quanh, họ nói chuyện có lắm câu cứ như móc được từng miếng thịt lòng người trong cuộc. Thà họ cố tình hại nhau thì cũng không sao. Nhưng đảng này chỉ là họ vô ý thôi. Họ đã vô ý hỏi Mọi:

- Ông Nguyễn cũng người Thanh Hoá đây ông Mọi nhỉ? Người cùng tỉnh mà sao các ông không hay chơi với nhau nhỉ? Người ngoài họ nói chán ra đấy. Họ nói chắc các ông có hiềm khích gì.

Muốn cho hết những lời bàn tán tò mò của chung quanh, Mọi đã vờ nói chuyện một cách úp mở, cố nói lái cho thật khéo để cho họ phải hiểu lầm rằng: giữa Nguyễn và chàng đã có một kỷ niệm đàn bà rất khó chịu.

"Có hai người đàn ông cùng tỉnh đã xa nhau vì giữa họ đã có một người đàn bà".

Cả một cốt chuyện; cái đầu đề ấy vui đấy và người chung quanh thế nào cũng "nuốt" phải. Mọi tự nhủ mình với một cái cười láu lỉnh.

\*  
\* \*

**H**ai người thiếu niên trí thức ấy tưởng suốt đời sẽ không bao giờ gần nhau. Họ đã nhận xa cách ấy như là nhận lấy định mệnh. Mọi và Nguyễn là Sâm và Thương trên một nền trời kinh đô.

Nhưng sự tình cờ của một chuyến cùng về đã làm cho họ gần nhau. Những ngày tẻ tẻ ở Thanh Hoá đã làm cho Mọi và Nguyễn được sống cạnh nhau. Nói là phải sống cạnh nhau thì đúng hơn. Lòng họ chưa chắc đã gần nhau. Nhưng hình xác họ đã chạm nhau ở một sân ga, ở bàn hiệu ăn, ở quanh những bữa cơm gia đình.

Ở Thanh, một buổi tối ngồi đánh đấm lòng mình vào đáy một cốc rượu đỏ như máu Chúa lúc xả thân cứu thế, Nguyễn ngồi co tay tính đếm đến những ngày nghỉ ngơi ở đây. Thế mà đã được đúng mười ngày rồi. Gọi là về chơi thăm nhà thì như thế cũng đã là nhiều lắm.

Nguyễn ngác đầu nhìn lên bức tường tửu quán; ở đây có dính một bản cáo thị giờ xe lửa sở hoá xa vừa xếp đặt giờ tàu lại. Cốc rượu đỏ trên mặt bàn ăn kẻ ô con cờ màu xanh bề vắn bần chồn sủi lên những cái tấm men.

Mọi hỏi Nguyễn.

- Anh đang nghĩ gì?

- Mai tôi đi.

- Tôi còn giữ việc nhà. Mất vài hôm nữa. Anh xem có thể nán lại vài hôm nữa được thì chúng ta sẽ cùng ra cả. Đã cùng về một chuyến tàu, giá lúc ra lại cùng đi với nhau một chuyến thì thú biết mấy.

- Ôi, vè. Ở người anh vẫn còn nhiều tình cảm lặt vặt quá. Thôi, mai tôi đi. Anh ra sau vậy. Chúng ta gặp lại nhau ở ngoài ấy.

- Nhưng khoan đã, ở đây ra về anh hãy tạt qua lại đằng tôi một lát. Nào ta cùng đi.

Ý Mọi muốn Nguyễn sẽ lại chào cha mẹ mình một tiếng trước khi đi Hà Nội. Chàng không muốn nói to cái điều nghĩ thầm ấy, bởi vì chàng vừa tính rụt rè và một phần nữa vì chàng tin sự giao hữu chưa lấy gì làm thân mật giữa hai người đâu đã cho chàng cái quyền đòi hỏi bạn một cử chỉ lễ phép đối với cha mẹ mình. Và chằng, những

cứ chỉ ấy để nó xuất tự lòng người ta ra hơn là tự mình mách bảo.

Chẳng hiểu Nguyễn có xét đến bản khoản đó của lòng Mọi không, hay là chàng có nghĩ đến mà không lấy làm đều. Chàng chỉ lạnh lùng bắt tay Mọi với một câu "Anh ở lại cho vui". Mọi nhìn Nguyễn thoãn thoắt bước đi, dáng cứng cỏi, cái mặt lạnh không một nét cười. Chàng không ngoảnh đầu lại, theo thường tình con người ta muốn lưu lại cho nhau chút dư vị của phút đã chia tay.

Mọi lại hồi tưởng đến cái tình thế giao thiệp rất căng giữa hai người ở "ngoài ấy", trước khi chàng và Nguyễn có dịp gần nhau trong ít ngày vừa rồi. Lúc hai người còn lấy chữ "ông" ra xưng hô chàng xét lại thì Nguyễn vẫn thế nào ấy? Cái tình giao hữu trong ít ngày vừa rồi ở Thanh, tuy ở phía chàng thì chàng đã chịu nhượng bộ rất nhiều mà Nguyễn thì vẫn đuềnh đoảng lừng khừng không ra hàm dưỡng mà cũng không ra hẳn phóng túng. Nhưng nói cho cùng thì kỳ này về Thanh, có Nguyễn ở bên cạnh để nói chuyện phiếm thế mà cũng hay. Chẳng gì Nguyễn cũng còn lý thú hơn chán vạn kẻ ở đây. Trong cái đám bạn cũ của Mọi ở cái tỉnh nhỏ này thì họ tầm thường quá, họ thiếu cận quá. Kiến thức họ đã không có gì, mà xét về đời sống của họ tùn mùn lẫn cả trong cái đức cái nết làm người và cả trong những tật lỗi của hành vi.

Nguyễn đi rồi, bỏ trở lại Mọi cho cuộc đời bằng phẳng ở tỉnh nhỏ. Mấy lần trước thì không sao; nhưng chuyến này có Nguyễn ở cạnh để mỗi buổi tối dạo phố bàn hão về trời nắng trời mưa, bỗng chốc vắng Nguyễn, Mọi thấy thiếu một cái gì. Chàng vẫn đến cái từ điếm cũ để uống cà phê như mấy bữa nọ và tự hỏi lòng xem những lúc nao nao độc ẩm như thế này, có thật là mình đang thèm nhớ đến ai không. Và một người khinh bạc và chường và tự phụ như Nguyễn thì có đáng cho mình nhớ đến không? Cõi đời này thiếu gì thanh khí, thiếu gì người hay để chơi mà lại cứ phải đuổi theo hình ảnh của một người kiêu bạc đã xa vắng!

Sự giao tình giữa chàng và Nguyễn chẳng qua còn đang ở thời kỳ thí nghiệm. Một cuộc thí nghiệm ở trong hoàn cảnh không chắc chắn một tình nhỏ, thiện cảm của chàng đối với Nguyễn vẫn chưa có thể gọi là định được.

Dẫu sơ buổi tối này, giá có được "hắn" ngồi cùng bàn với chàng, trước mắt chàng, thì chén cà phê của Mọi vẫn có thể dậy hẳn mùi thơm lên.

Nguyễn vừa trở về Hà Nội mới được có hai hôm thì có người bạn cố giao tên là Bình đến chơi và sùng sộ hỏi luôn ngay.

- Tao cảm mày chối. Có phải dạo này mày đã là bạn thân của tên Mọi không? Mày đang kết giao với nó phải không?

- Ai bảo?

- Hôm nọ tao cũng vào Sầm Sơn ba ngày. Tao thấy mày và thằng Mọi cùng tắm với nhau. Áo tắm của mày màu tím, thằng Mọi đỏ; tao cũng tắm ở gần cái mảng luồng mà bọn chúng mày không biết. Tao thấy mày và Mọi lấy tay vớt bọt bể sóng bạc đầu đưa cho nhau ném một cách thân yêu nhau quá, thành thử tao phải lánh đi chỗ khác. Tao không chịu được thằng Mọi cũng như nhiều lần mày đã cả tiếng phê bình như thế về nó.

- Sao thấy tao ở bãi bể mà mày lại cố tránh mặt tao hở Bình?

- Bởi vì lại chào mày, chẳng nhẽ lại không chào cả thằng Mọi thì nó cũng khó coi lắm. Tao đã làm một việc từ thiện mà chúng mày không biết đấy thôi. Tao tin rằng lúc ấy tao lại gần chúng mày để bắt được mày và Mọi đang quả tang đánh bạn với nhau thì chúng mày sẽ ngượng với tao lắm. Nếu tao không nhớ nhầm thì từ trước đến giờ, có hai đứa nào nói xấu lẫn nhau, thú vị nhất và nhiều nhất thì là mày và thằng Mọi. Mày mà "sục" được thằng ấy thì cũng là giỏi lắm đó.

Nguyễn mim cười, ghé mình dậy, thấp thêm một điều thuốc nữa, gửi tầm mắt vào khoảng không.

- Mà y có thể cho tao biết về sự hiển linh gì mà mà y lại chơi được với thằng Mọi không?

Câu hỏi đột ngột ấy đã làm Nguyễn phải suy nghĩ. Chàng suy nghĩ trong bốn hôm, năm hôm, trong cả một tuần lễ để đến một hôm thứ tám thì có một người quen tiến vào nhà với một lũ hành lý và bộ quần áo nhem nhuốc của đường trường. Kia Mọi, mặt và cổ Mọi lấm chấm những than bụi tàu hoả.

- Tôi vừa mới ra, ở ga về luôn đây.

Mọi chẳng cần phải nói, Nguyễn cũng thừa biết rằng chàng ở ga về luôn đây. Nhưng sao lại về luôn đây? Mấy ngày chung đụng vừa rồi ở Thanh Hoá đã lấy gì làm đảm bảo chó thân tình để một người có quyền xông vào nhà một người? Cái cử chỉ này của Mọi chẳng hoá ra hớ và sỗ lẫm sao?

Nguyễn kéo ghế mời Mọi ngồi, rất lấy làm nghĩ ngợi. Chàng vốn là người khùng khỉnh ở chỗ công chúng nhưng lại là người rất lịch sự khi phải tiếp bất cứ là ai ở nhà mình, và thường thực hành phép xã giao với khách đúng với trường hợp tương đương. Nguyễn bèn gọi thằng nhỏ lấy thau nước để Mọi rửa mặt. Mọi vội cản lại.

- Thôi tôi đi ngay bây giờ đây mà. Tôi có cái này gửi anh.

Nguyễn trở mắt nhìn một cái nồi bằng a-luy-mi-nhôm. Cái nồi rất đẹp ấy lại chòng lên một cái nồi bằng sắt nhẹ khác, cũng đẹp như thế, nhưng miệng nhỉnh hơn một chút. Mọi để ra bàn cái nồi nhỏ ở trong lồng bông một thứ nước đỏ cảnh cạch.

- Đây là tôm he, mẹ tôi kho lấy để cho tôi mang ra ngoài này ăn. Mẹ tôi tưởng tôi ở ngoài này phải kham khổ trong sự ăn uống nên lần nào tôi ra, mẹ tôi cũng bắt đèo một vài thứ ăn ra. Ấy là không kể những lần mẹ tôi ra thăm tôi, linh kính tha ra những là nem, giò, cua bể hoặc cá thu kho. Các cụ lấm cấm quá... À còn cái nồi này là mẹ tôi biếu riêng anh đấy... Mẹ tôi dặn đi dặn lại thế nào cũng phải đưa ngay lại đàng anh, kéo chậm thì lại hỏng mất. Tôm này tuy là

kho, nhưng kho nhạt, không thể để được lâu, tôi ở ga xuống, phải rẽ vào anh ngay, sợ về thẳng nhà ngủ quên đi một cái hay là hoặc có việc gì gấp phải đi ngay mà chậm đưa lại anh thì nó trở vị và uống cái công đem từ trong ấy ra. Gặp anh có nhà, giao tận tay được, tôi lấy làm bằng lòng quá.

Nguyễn định nói một câu mà chàng chưa kịp nghĩ ra câu gì, thì Mọi đã chào chàng, dùng dùng xuống cầu thang và nói với lên: "Thôi tôi mệt lắm. Phải ngủ. Mai kia chúng ta gặp nhau. Tôi sẽ lại tìm anh".

Sau những ngày chơi thử, chơi giọng với Mọi ở Thanh Hoá. Nguyễn có thể dự đoán tất cả mọi kết quả xảy đến cho một cuộc làm quen tạm bợ, nhưng chàng không thể chờ đợi đến một việc như vừa rồi. Một nồi tôm kho. Trời ơi! Một nồi tôm do tay một bà mẹ hiền thương yêu con kho nấu lấy để cho đứa con ra ngoài này ăn để khỏi thấy sến nhà là thất nghiệp, là cực khổ! Bà cụ yêu con và lại còn nghĩ luôn đến người bạn của đứa con nữa.

Nhưng tiếc thay, Nguyễn đâu đã là bạn của Mọi. Bà cụ làm mất rồi! Nguyễn ngồi ngẫm nghĩ rất lâu, trước nồi tôm kho ngon đẹp cả trong ý nghĩ và cả ở hình sắc hương vị nữa.

Đây là một cái nồi bằng sắt nhẹ trắng, bóng như chùi, xứng đáng với một thời đại khoa học cơ khí. Trong cái nồi gọn gàng ấy nằm lặng im một chất nước lèo đỏ như son tàu đang nhấp nhánh những chùm sao mờ.

Nguyễn lấy làm khó nghĩ quá.

Dem trả lại cho Mọi chẳng? Sẽ lấy cái có gì biện ra để từ chối một món quà mà sự tốn phí về tiền không là mấy, nhưng về ý tình thì rất là nhiều? Đến ngay ban nãy từ chối được cũng là khó, huống hồ là bây giờ. Bây giờ chậm quá rồi.

Không trả được thì chỉ có việc nhận lấy rồi ăn đi. Nhưng ăn hết một nồi tôm ấy rồi chàng sẽ nói chuyện với chàng thế nào cho khỏi



mâu thuẫn đây? Giá Nguyễn mà lại được là bạn thân của Mọi; giá chàng đã chịu đựng được Mọi, chịu đựng được đến cả những tật xấu của nhau thì còn gì thù vị bằng sự đón nhận nỗi tâm này rồi đem bày thêm nó vào cái mâm cơm thường ngày.

Chàng hết sức bực mình và không ngờ một nỗi tâm vô nghĩa lý ấy lại có thể quấy nhiễu lòng mình mất cả một buổi chiều mà chàng ước ao được luôn luôn không bận bịu. Nguyễn nhất định chiều hôm ấy không ăn cơm nhà. Chàng sẽ đi ăn hiệu. Rồi thì sẽ mặc kệ sự gì sẽ xảy đến cho một nỗi tâm kho nhạt không có người đựng đũa tới.

Có anh Bình lại chơi, may quá!

Nguyễn chỉ luôn nỗi tâm vẫn còn để nguyên góc bàn giấy:

- Bình có thích cái món ăn kia không?

- Gì thế? Tôm he?

- Tôi có một bà đi ở Thanh ra trưa nay, đem cho. Bà cụ kho tôm có tiếng là khéo. Tôi tiếc hôm nay đúng vào ngày rửa ruột, phải nhịn ăn. Tôi xin biếu anh cả. Để thằng nhỏ nhà tôi nó đưa lên trên anh. Nếu không phải kiêng cữ, thì hôm nay tôi giữ anh ở đây ăn cơm và hai đứa mình sẽ thăm đến một món ăn giản dị mà tôi chắc nó cũng làm cho anh ngon miệng. Tôi nó phải cái vô duyên thế nào ấy anh Bình ạ. Động có ai bất thường rủ đi tiểu âm hoặc đúng những ngày hẹn dự tiệc thì y như là trong người lũng củng. Phi trọng thương thì cũng ngúng nguẩy.

Nguyễn lấy làm khoái; chàng đã nói dối được một câu rất thông và rất lịch sự đẹp đẽ thế. Chàng lại còn sướng hơn nữa khi đùn được nỗi tâm cho Bình. Bình đi rồi, Nguyễn ngờ mình có ác ý trong việc vừa làm. Hôm nọ Bình chẳng lông lộn mãi lên vì thấy mình lại đi đôi với Mọi và anh còn kêu rằng anh không thể nào "sực" được cái thằng Mọi, Anh không sực được Mọi nhưng hôm nay anh đã sực được nỗi tâm của Mọi. "Mai kia mà Bình đã tiêu hết món thực phẩm đó rồi, nếu ta nói rõ ra, thì cái mặt Bình lúc đó chắc

sẽ dùm lại. Chắc hay lắm".

Cuộc sống nơi thị trấn lớn không phải là cuộc sống nơi tỉnh xép. Người ta có cảm giác đầy đủ, chẳng cần phải gần ai, hoặc nhất định tìm riêng một ai. Ở Hà Nội ít người được chuyên nhất trong tình bạn, cũng như bây giờ có nhiều người đàn bà đẹp ở đây đã bằng lòng quên mất cái nét chính chuyên.

Mọi cũng không tìm đến nhà Nguyễn. Từ sau hôm ở Thanh ra, chàng tới nhà Nguyễn vền vền có hai lần. Một lần để đưa nỗi tâm kho của mẹ gửi. Một lần nữa để lấy lại cái nỗi không.

Và như thế cũng là hay. Vì Nguyễn cũng muốn tránh Mọi. Người đàn ông ấy lại tránh đàn ông có như là lánh mặt một người đàn bà mình biết không thể yêu thương được, nhưng nếu cứ năng gặp, lừa lâu ngày bén rom thì rồi thế nào cũng phải có con sống con chết với nhau.

... Nước hồ Tây chẳng chảy thoát đi đâu cả. Nước hồ Gươm cũng chẳng chảy đi đâu cả và chỉ quanh quất vỗ vào ven bờ rủ bóng liễu. Vậy mà cũng xong một năm Hà Nội.

Cũng vào ngày tháng ấy năm ngoái, năm nay Mọi lại về Thanh, Nguyễn cũng về Thanh. Hai người đều có chút việc nhà cả. Người ta ngờ việc ấy là một niên hiệu trong một gia đình ghi trong một gia phả, người ta ngờ việc ấy là một ngày kỵ, ngày giỗ.

Nhưng trái với năm ngoái hai người đã tình cờ được làm đôi bạn đồng hành thì năm nay trở về tỉnh quê hương, Mọi về trước một ngày, Nguyễn về sau một ngày.

Nguyễn ở ga về đến nhà thì vợ chàng, sau một mẻ chuyện hàn huyên, đã bảo chàng:

- Sáng nay bác Mọi đi qua đây. Bác có nhìn mãi vào nhà nhưng không trông thấy tôi.

Nguyễn âm ừ để cho vợ nói sang chuyện khác. Nguyễn hỏi vợ

về tình hình cửa nhà, về sức khỏe đàn con. Đàn con lúc bấy giờ đã ngủ lảm cả ra vì gần nửa đêm rồi còn gì nữa - lúc tàu tốc hành về đến ga thì đã mười giờ rưỡi đêm.

Vậy mà vợ Nguyễn vẫn cứ bắt lại cho được cái mẩu chuyện ban nãy:

- Chiều hôm nay tôi đi chợ có gặp bà cụ để ra bác Mọi. Bà cụ hồn hậu lắm, khác hẳn tính nết mẹ ở nhà, mình ạ. Cụ có hỏi thăm về mình và tôi có nói là đâu tối nay mình cũng về. Cụ có nhắn tôi mời mình lại chơi vì "em Mọi nó cũng đã về". Thường thường tôi đi chợ về vẫn gặp cụ luôn.

Nguyễn quay mặt vào tường cố ngủ ngay vì mệt lắm. Giấc ngủ chậm đến, bất giác chàng lại nhớ đến cái nỗi hôm bà cụ gửi cho năm ngoái. À thế này thì ra lỗi thôi lảm rồi đây. Trong một cuộc giao tình bấp bênh với Mọi, bây giờ lại có những người đàn bà đáng kính và rất hiền lành đòi chen vào. Một bà cụ Phán để ra Mọi chưa xong, bây giờ lại còn thêm vợ chàng nữa.

Sớm ngày sau, Nguyễn trở dậy, đầu còn nặng một câu chuyện đêm vừa rồi. Đứa con nhớn chàng vội khoe với chàng rằng: "Hôm qua con đi ngang hiệu cao lâu, bác Mọi gọi con vào và cho con ăn kem ca-ra-men".

Ồ, thế ra trong những việc tình cảm riêng của chàng đối với Mọi, những người đàn bà chen vào hình như chưa là đủ hay sao mà bây giờ lại có cả con trẻ nữa.

Nguyễn vẫn ngờ đến cái tình bạn của Mọi đối với mình cũng như chàng đã không tin chắc được lòng riêng mình đối với Mọi.

Trót đi lại với Mọi bắt đầu từ năm ngoái, vào giữa hồi này đây, chàng muốn việc ấy sẽ bị xóa nhòa đi, đừng để lại một vết gì trong lòng mỗi người. Chàng tin có lẽ Mọi cũng đã nghĩ giống như mình nên suốt một năm ròng ở Hà Nội, Mọi chỉ lại tìm chàng có hai lần, một lần để đưa một cái nôi - làm việc ấy, Mọi chỉ là tuân theo ý mẹ

muốn thế - và một lần khác để thu lại cái nôi của mẹ. Nghĩa là Mọi tìm đến chàng vì cở chuyện, chứ không phải là để kết giao cho khăng khít thêm.

Mà khăng khít thế nào được kia chứ. Mọi một tính, chàng một tính. Mỗi người một cá tính; tư tưởng không giống nhau, hoài bão không cùng chung, đây là nói tới những chuyện to lớn trong một đời người; đến như những việc vặt hăng ngày giải trí như sở thích riêng về môm, về tai, về mắt thì lúc ăn uống và lúc tìm thú giải phiền, mỗi người đều một chứng một tật, vậy thì chơi với nhau bằng chỗ nào.

Chàng có thể phục Mọi - ngồi xa xa, ở xa nhau mà phục nhau - nếu Mọi có rõ chân tài (nhưng đây lại là chuyện khác mất rồi). Nhưng đánh bạn thì là một việc không thể có được. Chàng và Mọi về phương diện "người" thật không có một mối tương quan nào cả. Nếu cứ miễn cưỡng mà buộc nhau đi sâu vào lòng nhau thì chỉ sinh ra chán nhau và oán nhau thôi. "Người ta không quen nhau, không được đánh bạn với nhau nhiều khi thì lại là hay. Đã không chơi với nhau thì có bao giờ phải nói đến hai chữ phụ nhau. Cái làm của nhiều người là cứ đi vét lấy những linh hồn bầu bạn để rồi về sau lại làm đau khổ lẫn nhau, phụ lẫn nhau".

Nguyễn - cái người hoài nghi ấy - đang có một luận điệu tiêu cực như thế về tình bằng hữu thì từ một góc nào của cuộc đời, Mọi đã hiện ra và va mạnh vào đời chàng.

Cuộc gặp gỡ ấy bây giờ lại có những người thân thích của đôi bên - một bên là bà cụ Phán sinh ra Mọi, một bên là vợ và con Nguyễn - định lấy những cử chỉ vật vãnh nhẹ nhàng, nhưng rất chắc ra để giữ cho nó đừng tan, đừng đi qua như cái bóng, để nâng nó thành hẳn một biển cố đánh dấu vào hai gia đình vô tội và vô can. Đã nguy hiểm chưa?

Nguyễn và Mọi, năm nay ở Thanh Hóa lại vẫn cặp kè nhau nói chuyện phiếm như dạo năm ngoái. Người ta lại cùng đi cao lâu với

nhau, và xem tuồng và đi hát và ra ga xem tàu chạy. Ở một cái tỉnh xếp, tuồng có được bấy nhiêu cuộc chơi chung, kể cũng đã là nhiều lắm rồi.

Một buổi tối, muốn đổi thú chơi. Mọi và Nguyễn bèn nảy ra cái ý kiến là rủ nhau đi ăn bánh cuốn đêm và phải ngồi ngay cạnh bếp lửa nhà hàng ấy thì mới thú. Ngọn lửa nơi gian nhà gianh kia đã cho họ thấy cái hứng thú của phút phóng túng hình hài. Chẳng thế mà sau buổi đi chơi đêm ấy, Mọi lại tặng Nguyễn một cuốn sách của mình mới cho xuất bản và đề luôn vào đây:

*"Tặng anh Nguyễn, với cái kỷ niệm một đêm Thanh Hóa, chúng ta ngồi bên một cái bếp lửa đỏ rực những cảm tình".*

Nguyễn cũng biếu Mọi một tấm ảnh nửa người với một câu tặng: *"Vô hạn cảm"*.

Phút nồng nàn cao hứng đã qua, trấn tĩnh lòng mình lại, nhìn cuốn sách Mọi tặng, đọc lại dòng đề tặng, Nguyễn buồn rầu mà than một câu tràn trề những từng trải về lòng người: "Mỏng mang thay chút kỷ niệm này". Bây giờ đọc câu đề tặng này, kể cũng vui đây. Nhưng có một ngày rất gần đây, giờ đọc lại ta sẽ thấy vô nghĩa. Và rồi có một ngày nữa cũng gần đây, Mọi cũng bẽ bàng khi ngắm lại bức ảnh mình vừa đưa. Nguyễn mênh mông buồn cho mình, buồn cho lòng mình và lòng người. Và tự hỏi rằng sao đã biết như thế mà vẫn còn cứ đi lại với Mọi. Nguyễn thấy cái sức mạnh của thói quen mà ghê quá. Ra người ta cứ có dịp gần nhau là dung được nhau, chịu đựng được hết cả.

Nguyễn đã hiểu rõ tại làm sao có những gia đình có những lứa đôi mà mỗi người là một người của một thế giới riêng, họ chịu luộm thuộm sống cạnh nhau trong một tình trạng tâm tưởng lơ mờ cho đến lúc cùng bạc đầu mà không một ai dám nhờ đến ly dị giải quyết hộ. Sức mạnh của thói quen. Ôi! Chẳng nghĩ đến cái đẹp của giải tán.

Những ngày trở về Thanh riêng đối với mỗi người đều chỉ đây những nhạt nhạt. Mọi và Nguyễn đều biết trước rằng những cuộc xê dịch ngăn ngắt này là do bốn phận đùn đẩy họ. Bốn phận đối với nhà.

Cứ mỗi năm đúng vào ngày, vào mùa ấy, bốn phận lại cho nổi lên một cơn gió. Gió đã lên, hai hạt bụi ấy của nhân gian lại đổi chỗ từ một cái đô thành lớn để cùng rụng xuống mặt đất một cái tỉnh nhỏ. Và Mọi cùng Nguyễn lại có dịp được gặp nhau, lắm phút nồng nàn thành thực, hai người lại than thở, lại tường thuật tâm sự lẫn cho nhau nghe nữa kia. Nhưng hễ động trở lại Hà Nội thì họ lại "không phải" gần nhau nữa. Có khi gặp nhau ở giữa phố mà họ làm ra bộ lạ nhau.

Chẳng cần phải trở về đến hẳn Kinh đô, Mọi và Nguyễn mới cảm thấy gần nhau là thừa, là tẻ. Họ đã xa nhau từ trên cái chuyến tàu mỗi lần đem họ từ Thanh ra trả lại cho đời sông Hà Nội. Đến Nam Định họ nói chuyện đã đâm ra nhát gừng. Tới Phủ Lý, câu chuyện đã thành ra chuyện của người mơ ngủ. Đến ga Hàng Cỏ, họ lật đật rời nhau, đưa những bàn tay nhũn nhùn ra để chào nhau trong một cái bắt tay rất chóng vánh.

Tâm lý hai người ấy trên một chuyến xe lửa bắt đầu từ ga Thanh cho tới ga Hàng Cỏ khác gì tình trạng tâm tưởng của một du học sinh Việt, lúc trang xong nợ sách đèn, trên con tàu bẻ về cố hương, được làm quen với một vài vị quan cai trị vốn ở Đông Dương nghỉ giả hạn về Pháp, mà bây giờ lại sang cung chức lại. Rời bến Marseille, người ta có cảm tình với nhau ngay vì cùng là bạn đi cho đến chỗ cùng tột của một chuyến lữ hành sang Cực Đông. Trong lòng bể Địa Trung Hải, phía tay trái. Kia là những ven bờ rất cổ tích. Bờ Ý, sâu quá trong đó là La Mã. Bờ Hy Lạp. Quê hương của cổ điển, của nghệ

thuật, của đẹp.

... Và cuộc kết thân của Mọi và Nguyễn cũng chỉ đến ga Hà Nội là hết. Ở đấy, mỗi người đã có một cuộc sống riêng chờ đợi mình.

Tình cảnh này quả phải là một nếu cứ kéo dài như thế mãi để làm cho lòng người ta mòn dần; mòn đến đâu thì hồi tiếc đến đấy.

Nhưng có một Ông Trời rất thương người, đã bắt những kẻ kia không phải chịu đựng cực hình ấy lâu quá sức họ. Ông đã bắt một người trong hai người phải chết đi để cho cái người còn sót lại khỏi phải bận lòng vì một cái tình giao hữu gắng gượng.

Ôi, nếu không có cái chết rút được Mọi ra khỏi cái lòng phiền phức của Nguyễn thì mỗi lần về Thanh Nguyễn lại càng bực dọc đến chừng nào? Vạn tuế cái Chết! Cái chết phải có mãi.

\*  
\* \*

**M**ọi cảm xoàng có một hôm mà chết ngay được. Ra chết được cũng không phải là một việc khó khăn như cô Kiều đã nói xưng xưng lên trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Mọi chết ở Thanh, ở bên cạnh cha mẹ. Con người ta ăn ở lành thì được nhắm mắt trong cảnh thuận là thế.

Đi theo đám, Nguyễn đi gần cỗ đò. Lúc đám phải rẽ ngoặt đường vuông thước thợ đến 90 độ, chàng đi ở đuôi đám, được trông thấy cả đầu đám và trông thấy bức trường dạ xanh chữ nhung đen của mình phúng có năm chữ "Du du tống biệt tình". Chàng chàng có một người đàn bà nạ giọng rất xấu, rất bẩn, vừa ăn trầu vừa hút thuốc lá tổ sâu kèn ướp hoa ngâu, vừa nói một câu chuyện mà chàng chỉ nghe rõ thấy một đoạn có những tiếng: "Ôi, nghĩa tử là nghĩa tận..." Nguyễn muốn được biết cái tình nghĩa giữa người đàn bà nạ giọng

này với kẻ chết lúc còn sinh thời là như thế nào, và chàng có cái ý cầu kinh muốn cùng với người đàn bà nọ đi tách ra ngoài đuôi đám để sống vài phút hội đàm trong cái kỷ niệm của kẻ đã khuất bóng cách lời.

Nguyễn theo đám đến tận huyết, cũng bốc một hòn đất ném xuống một cái hố mới đào, còn có những đoạn giun bị nhát mai mới xén đang quần quai trong lòng huyết xâm xấp nước. Hòn đất ném xuống đùng ván thiên kêu đánh bộp một tiếng rất hồng. Cái tiếng không chắc ấy đã tả đúng cái tính hơi hợt bề ngoài của Mọi và Nguyễn. Có những vật vô tri và nhỏ bé như thấy rõ được lòng mình khi nó bị xô động bật lên thành tiếng.

Nguyễn lấy làm xấu hổ vô cùng khi bà cụ Phán, bù lu bù loa vịn vai chàng: "Ôi bác ôi, tôi trông thấy bác, lòng tôi càng đau. Bác Nguyễn còn đây, bạn của con còn đây mà con bỏ mẹ con đi đâu, ới Mọi ơi, Mọi ơi! Ớ hờ hờ...".

Nguyễn muốn kính cẩn gửi mấy lời đại tâm sự vào lòng người mẹ đang thương con: "Thưa cụ, đến bây giờ mà cụ vẫn còn nhầm. Lúc anh Mọi còn sống con không dám nói rõ. Giờ anh Mọi nhà chẳng may không được làm người của cõi đời này nữa, con muốn thừa lại để cụ biết cho rằng chưa bao giờ con là người bạn của anh Mọi. Anh Mọi con cũng nghĩ như thế. Tất cả phần lỗi đều ở anh Mọi đã không trình rõ cụ hay. Để đến nỗi tình thế ấy kéo dài mãi, dài mãi cho đến lúc này đã có một người chết. Con sờ dĩ có mặt ở đây, vì con "đã trót" quen một người trong lúc sống, và để cho một số người quen con không khinh con là một người thiếu luân thường, đối với việc bạn bè lúc chết. Thực khổ lắm cụ ạ. Nhà con nó cũng hiểu nhầm như cụ".

Nhưng đứng trước một suối lệ không ngăn được của một bà già tiếc con, Nguyễn không dám gây thêm phiền não cho lòng người nữa. Chàng im, tưởng mình đã làm được việc thiện, và lại tự nghĩ



rằng: Mọi đã chết, và khi người ta đã chết thì cũng chẳng cần phải cải chính nữa. Vì thế, có một người chết đã được nằm yên và yên chí rằng mình vẫn còn có một người bạn gửi lại trên cõi dương. Lại cũng vì thế có một bà cụ già, những lúc nhớ đứa con bây giờ chỉ còn là ma, lại tìm đến nhà Nguyễn. Nếu Nguyễn còn ở Hà Nội chưa về thì bà cụ lại dềnh dàng chuyện vãn với vợ Nguyễn. Những lúc được gần những người có dính líu với con mình lúc nó còn sống, bà cụ thấy lòng mình cũng vơi vơi.

Kỳ giỗ đầu Mọi năm ấy, bà cụ Phan khẩn khoản mời cả hai vợ chồng Nguyễn lại ăn giỗ. Trông thấy Nguyễn góp thêm phần nhang vào bát hương còn mới, cụ Phan sụt sịt. Tiễn khách ra cửa, cụ mếu máo "Tôi chả dám buộc hai bác nhớ ngày giỗ em. Nhưng khi nào tôi lại mời các bác hoặc tôi bận làm com cúng em mà người nhà dưới này lên trên ấy mời hai bác, thì xin các bác quá bộ xuống cho. Em nó mất đi rồi, nhà vắng lắm". Nguyễn thấy lòng mình nao nao một cách rất thành thực.

Và, bây giờ mỗi lần về Thanh đúng ngày ấy tháng ấy như mọi năm, ngoài cái kỵ chính nhà mình, chàng lại còn phải đi ăn giỗ ở nhà cụ Phan nữa. Đi ăn giỗ Mọi.

Ngồi ở nhà cụ Phan phảng phất mùi hương hoa, và khói nến béo ngậy xa xôi, Nguyễn lại liên tưởng đến những lần đi đến thăm nhà các người bạn đồng chí cũ hiện đang đi tù, bị phát vãng ra đảo, ở nhà chỉ còn trơ có một ông cụ già, một bà cụ già, hoặc một người vợ băng khuâng. Những lúc ấy sự đời nhạt nhẽo đã bắt chàng phải tư lượng nhiều cũng bằng lúc này.

Trở ra Hà Nội, nhân gặp lại Bình, nhân đưa cho Bình xem cuốn sách có lời Mọi tặng mình một đêm ăn bánh cuốn nọ, Nguyễn đã kể hết những tình cảm của mình đối với Mọi và chàng bảo Bình:

- Trong đạo ngũ luân, trong năm tình vua tôi cha con vợ chồng anh em bè bạn, bốn tình trên đều có dính dấp đến phép nước.

Những trường hợp của bốn tình trên, luật pháp có sẵn sóc đến và phải can thiệp tới vào những lúc cái tình ấy sinh biến.

Tại làm sao nhà làm luật lại bỏ lửng mất cái thiên bằng hữu? Sao một cái tình giàu như thế, phiền phức như thế, hay bị diễn lầm như thế mà lại không có cái gì định nghĩa cho nó và quy nó vào những trách nhiệm nhỉ? Xã hội chưa ngã vạ ai, phạt tù ai, vì một người bạn đã lợi dụng, đã phụ một người bạn khác hoặc lừa dối nhau trong tình tình.

Người ta chỉ nói: Chớ nên đùa với ái tình.

Chưa ai nói: không nên đùa với sự bằng hữu.

"Ở đời, chơi được với nhau là khó lắm.

Đánh bạn tức là lụy.

Đánh bạn gượng lại càng mệt nữa".

Bình nhìn cái đầu điều thuốc có tàn đỏ dài:

- Bởi thế nên tôi có dám tham lam trong sự giao du đâu. Vợ vét cho lắm, chỉ thêm nặng lòng mình và có khi mang hận suốt đời. Hóa cho nên, ai muốn nghĩ thế nào thì cứ nghĩ, riêng tôi, tôi cho giữ nổi được những người bạn cũ thôi, cũng đã là giỏi lắm rồi.

Không nên làm quá cái sức mình.

1940

## CHUYẾN XE TÌNH

Cũng như mọi lần, sớm nay, Nguyễn lại đi xe của nhà tài Vây. Xe của nhà tài Vây không những chắc chắn lại còn chạy nhanh, ít khi om hành khách ở giữa đường. Và thường chính ông tài Vây cầm tay lái.

Đồng hồ buồng phát vé điểm sáu giờ từ đã lâu. Thế mà trời vẫn tối như đêm. Đêm mùa lạnh, giọt sương đọng nhiều trên lá bàng trút mạnh xuống mũi chiếc xe tải tải. Tiếng giọt sương nặng kêu lộp bộp đã đổ dồn rất nhanh như nổi một hồi trống tan canh rất mau chằm cái đầu chót cho đêm dài.

Nguyễn không có hành lý. Tay trái, cầm mẩu giò lụa, tay phải cầm chiếc bánh tây nóng, Nguyễn vừa đi bách bộ ở sân, vừa ăn lót dạ, chốc chốc chàng lại ngẩng cái đầu không mũ, điểm mặt một vài hành khách hấp tấp vào lấy vé.

Sân chứa xe hàng đã có sinh khí.

Bây giờ Nguyễn mới đứng đĩnh vào lấy vé. Chàng hút một điều thuốc để quên sự chờ đợi. Ánh sáng lờ mờ đã chiếu rõ mặt bà tài Vây lấp ló ở lỗ cửa buồng phát vé.

- Kia, ông Nguyễn, lâu nay ít thấy ông tới.
- Chào bà.
- Ông lại vào châu Như Xuân đây chứ?
- Thưa vâng.

Túm tím, Nguyễn nhà mẩu thuốc, nói tiếp:

- Chứ bà còn bắt tôi đi đâu nữa?

Tình người vốn lẳng lơ, bà tài Vây nguyệt Nguyễn, đặt tấm vé vào lòng bàn tay Nguyễn và đã vội vàng quát một người nhà quê đang chia mấy hào chỉ mới vào lỗ cửa bán vé:

- Cái người kia đi đâu?

Một tên tài xế phụ hi hục mãi mới quay nổi bộ máy nguội. Tiếng động cơ nổ rầm rầm, Nguyễn hít mùi nước xăng, khoan khoái trong lòng. Chàng đã chợt ngửi thấy mùi thơm gắt của đường trường. Xe hôm nay đông khách vì gặp ngày phiên chợ. Họ lên xe ngồi đã đông kín hết cả. Những tiếng tranh giành chỗ ngồi và đùn đi đẩy lại, người nhón trẻ con kêu í oái, tị nạnh nhau lại càng làm bà tài Vây phải to tiếng thêm:

- Kia ông Nguyễn không lên xe đi, còn đợi gì nữa?

- Tôi còn đợi ông nhà ta. Ông nhà ta chưa lên xe thì đã đi đâu mà vội.

- Không, xe sắp chạy rồi đây. Hôm nay nhà tôi bận không cầm lái được.

- Tiếc nhỉ, chẳng biết tay lái lạ đi có chắc chắn và đúng giờ cho không. Tám giờ, tôi đã phải có mặt ở châu Như Xuân rồi đây.

- Được rồi, mời ông cứ lên đi cho.

Người tài xế vận lái xe thay chủ, đã lui xe ra đường cái. Nguyễn chạy theo nhẩy lên bực bên trái, ép sát mình vào sườn xe. Từ trong chiếc xe tối om và lộn xộn, tiếng bà tài Vây đưa ra:

- Này ông Nguyễn, xe còn rộng. Mời ông vào trong này. Ông đứng như thế không quen, có chóng mặt lại trách tôi.

- Bà không nên ngại. Tôi đi đường xa đã quen rồi bà ạ. Vả lại trong ấy có mùi nước mắm và cá khô. Đứng ngoài này tuy thế mà hơn.

Gió sớm phả vào mặt Nguyễn. Đến chỗ ngã tư ra khỏi thành phố, có một ông già cũ kỹ cầm ô vậy; xe tạm ngừng, bà tài Vây đã chạy đến cạnh Nguyễn và một lần nữa, mời Nguyễn lên vào trong xe mà ngồi. Bà tài Vây đã tỏ ra là người không đứng đắn trong giọng nói:

- Khổ lắm, ai đẩy dọa ông mà ông cứ phải bám vào thành xe. Ấy tôi bảo thực đấy, khéo không mà lại cảm...

Tiếng động cơ nổ rất mau, rất đều, làm vui tai Nguyễn. Chàng không nghe thấy những lời bà chủ xe hàng ái ngại hộ mình.

Thế này thì có thích không: buổi sớm mùa rét mà lại giống hệt một buổi sớm mùa xuân. Cây cỏ đều tươi tỉnh dưới một bầu trời sáng sủa. Đường cái quan ẩm ướt đã tránh cho khách đi đường cái nạn bụi cát bay mù. Nguyễn say sức nhanh, hít mạnh khí lạnh đầy hai lá phổi và so sánh màu xanh các ngọn núi chen nhau đứng sững trước tầm mắt.

Bỗng Nguyễn thấy ở gáy mình hơi âm âm. Chàng ngoảnh cổ nhìn lại thì ra từ lúc nào, bà tài Vây đã nhảy lên bọc xe đứng đằng sau phía chàng. Hai người gần nhau quá. Bà chủ xe vận tải đã thờ những hơi thở nồng vào gáy một người hành khách đang mê man với cảnh đường trường. Nguyễn hay có máu buồn, chàng rùng mình mỉm cười và quay mặt đi.

Chặng đường thứ hai, qua khỏi chiếc cầu si-moong Bến Sung, xe đứng trước một quán nước. Bà tài Vây, đôi chân gọn gàng trong giày dầm đế cao su đã nhảy phắt xuống đĩa đường. Tay bà tung tăng cái túi gai đựng xu hào kêu loảng xoảng. Chưa vào hẳn trong hàng nước, bà Tài chấp hai tay vào bụng, nheo nheo cặp mắt lá dăm chăm chú nhìn Nguyễn, có ý mời Nguyễn xuống để cùng sóng đôi vào quán nước. Nguyễn đã ngồi vắt chân chữ ngũ bên thành giường uống nước, đối diện với bà tài Vây. Hôm nay Nguyễn mới nhận rõ mặt một người đàn bà. Chàng nhận thấy bà chủ xe dù sao cũng có một

lời đẹp, nếu chàng đừng khó tính lắm trong sự phê bình cái đẹp của một bộ mặt, vào một vài trường hợp. Bộ mặt và dáng điệu kia cũng có thể làm cho lòng người ta nao nao.

Trên con đường quần quèo lẩn vào cánh rừng châu Như Xuân, chiếc xe hàng vẫn mở máy đều đều. Lần này bà chủ xe ngồi vắt vẻo trên tai xe và Nguyễn vẫn đứng ở bệ lên xuống ngắm người đàn bà quay lưng lại mình. Sao cái gáy người đàn bà phần nhiều xinh đến thế. Mà cái gáy người ngồi trước mắt Nguyễn lại tròn trĩnh như gáy một pho tượng đàn bà Chăm.

Vào những ngoặt đường thước thợ cong gần tới chín mươi độ, chiếc xe hàng chiềng hằn đi như sắp lật úp. Chiếc xe nhiều lúc gần mất trung tâm trọng lực. Nhờ cái gáy đẹp của bà tài Vầy ám ảnh óc thẩm mỹ mà Nguyễn đã quên cả cái hồi hộp của nguy hiểm nơi đường nghèo. Sức nhanh của xe càng ru lòng Nguyễn đang mở tung như một hoa sim rừng trước sự khiêu khích của gió ngàn. Bên đường những nông phu đi gặt nối nhau theo hàng một kết thành một đoàn bộ hành rất dài. Họ đều mang mỗi người một chiếc đòn xóc hai đầu nhọn hoắt. Nhiều khi họ trở tay mỗi, quay ngang đòn xóc vào hằn lòng con đường. Đường hẹp, xe lướt qua mình họ và đã mấy lần, chỉ thiếu một chút những đòn xóc nghênh ngang đã cắm phập vào ngực và bụng Nguyễn như một mũi lao có đà mạnh. Đã mấy lần chàng sượt qua những mũi nhọn trở nên giết người rất mau lẹ vì sức mạnh xô tới. Cái chết trên thoi đường này cách Nguyễn chỉ có mấy phân tây.

Nguyễn sờ gai ốc khắp người. Chàng tự hỏi lòng mình: "Nếu vừa rồi ta có bị mũi đòn xóc xuyên qua người là tại ta tự gây lấy nghiệp. Nếu chui vào trong xe mà ngồi thì làm gì có những sợ hãi vừa qua. Chỉ vì vài nét đẹp nhất thời của cái gáy một thiếu phụ mà ta đã đi sát cái chết".

Bà chủ xe hơi vẫn gọn gàng ngồi ở mũi xe, mắt đắm nhìn con đường đất đỏ cứ rút ngắn lại phía mình. Tỉnh thoảng xe đi qua một

dãy nhà lẻ tẻ bên đường, bà lại quay cổ lại bảo người cầm lái đi chậm lại một chút. Thế rồi xe vẫn không ngừng, bà đã kiểm người lên, nghiêng nhìn ra khỏi xe, giao một lá thư hay một cuốn sổ cho một đôi người đứng đấy chờ sẵn chiếc xe qua. Trong cái vội vàng, bà vẫn không hấp tấp và trong cái sức nhanh của xe bà cứ chỉ gọn gàng đặt lá thư vào đúng cái tay xoè của người đứng bên đường, hình như là đã tính theo số học không sai một giây. Những sợi tóc đen dài bị gờ tung diên cuồng vờn theo một chiều gió. Bà tài Vây đẹp như một pho tượng "Say với Tóc Lụa".

Nguyễn nửa muốn vào ngồi trong xe, nửa muốn đứng mãi ở bên xe để được ngắm đầy đủ một cái đẹp tới tả, đi thõa pha trộn lẫn vào cái lỏng lộn của một bộ máy lớn muốn ngón lẩy ngón để cả một dải đường đồ nhiều đoạn thẳm như gạch cua bể.

Nguyễn trở nên nghĩ ngợi.

"Ồ, thế ra con người ta, mỗi người có một địa hạt để tỏ rõ cái đẹp của mình. Mỹ Thuật vốn không là bà con với Luân Lý của thời đại. Một thằng ăn cắp đã trở nên đẹp đẽ vô cùng khi hắn cắt túi người ta rất gọn, rất nhanh. Bà chủ xe hơi này, trong thế giới vận tải bằng xe hàng, bà ta có những dáng điệu và cử chỉ đẹp lạ. Bà đẹp trong cái hoàn cảnh của bà". Vụt một cái, một mũi đòn xóc lại trượt qua vai Nguyễn. Chàng chưa kịp khùng khiếp thì một cành cây thấp rủ xuống đường lại đập mạnh vào mặt chàng. Qua nhỡn tuyến bị mù quang, Nguyễn lơ mơ nhận thấy một ít lá khô lá tả rụng bay về xuôi, khi chàng dụi mắt nhìn về phía sau để tránh luồng gió bạo và nhìn lại cái cành cây dữ tợn. Cái vẻ đẹp hỗn độn của người đàn bà ngồi đầu mũi xe giữ chàng chôn chân ở bên xe. Nguyễn đã hoàn toàn mê si trong phút này. Phía xa, những nông phu cầm ghe ngang đò xóc vẫn hiện lên lổ nhố. Nguyễn vẫn cứ đứng ngoài bên xe. Và tự bảo chữa cho sự lộng hiểm của mình, Nguyễn nói với lòng:

"Ở đời mấy khi có dịp làm người si tình để được coi nhẹ tính

mệnh. Và chẳng chết được cũng khó lắm chứ. Và khi nào cái đòn xóc cắm trúng vào người, bấy giờ ta sẽ liệu".

Thế rồi Nguyễn cứ nấn ná mãi không chịu vào ngồi trong xe. Mặc dầu bây giờ, lòng chiếc xe hàng đã thừa nhiều chỗ.

Chiếc xe leo lên đến dốc đồi, phải dừng lại vì tắc máy. Bác tài xế bước xuống khám lại máy. Bà chủ xe ngồi vào thay tay lái và ấn ga. Động cơ vẫn rú lên, nhưng người tài xế cứ phải nằm bò trên mũi xe mở nắp để dò xét cái máy hỗn hển và đòi dỡ chúng. Chiếc xe ỉ ạch và căn cơ rút từng thước đường gồ ghề. Lúc này ngồi cầm bánh lái, chân tay làm việc luôn với máy móc rất nhẹ nhàng, bà tài Vây đã phát huy hết cái đẹp của bà trong một không khí thể thao.

Sớm nay đi kiểm soát vé trên đường vào châu Như Xuân, khi cho xe chạy chậm chậm qua mấy dốc đồi bà đã chở luôn qua rừng xanh cả một cái tinh một buổi của một hành khách không cầu mong sự đền bù.

Đến châu Như Xuân, xe dừng bánh. Bà tài Vây loạng choạng đặt chân xuống mặt đất Mường. Rồi bỏ chiếc xe mới có vài chục thước, bà trơ trên như một kếp hát thiếu mất ánh sáng của đêm sân khấu. Thiếu không khí quen thuộc, bà đã vụng về như cái bước chân của một gã lính thủy đổ bộ ở một thành phố nào.

Rất đứng đắn, Nguyễn chào bà tài Vây đang mệt và đang xấu. Một cái gì vừa nhòe vỡ trong thế giới hình và sắc.



## CÁI CÀ VÁT ĐEN

*Tặng Đoàn Phú Từ*

**T**ừ bỏ cái áo the thâm quốc phục, đổi sang ăn mặc tây, trong phục sức mới, Nguyễn khổ bận nhất về chiếc cà vát tét múi ở cổ! Tiền sắm cà vát, chàng quăng ra kể cũng đã nhiều lắm. Mua cứ hàng hộp. Xa xỉ. Nghĩa là không thiếu, không rách, không cũ nhàu.

Cổ Nguyễn lộ hầu đã hứng chịu lấy cái buộc trời của bao nhiêu là dải lụa dệt đủ hình bài trí và sáng ánh đủ các màu sắc, hoặc là hòa hợp hoặc là tương phản. Đã có bao nhiêu thân cà vát đặt giá ăn ở với cổ Nguyễn. Đã có bao nhiêu đời cà vát lia rời khỏi tủ pha lê lữ lái xa xỉ phẩm để đến gá nghĩa với da thịt một cái cổ lúc nào cũng thềm đến sự tô điểm của tư nỡn, của màu đẹp.

Nhưng những dải lụa diêm dúa ấy cũng chỉ sống đủ cái đời của một dải lụa. Và đâu có phải là chúng thiếu cái đức bền vững của vật tốt.

Thật tình ra, những cà vát của Nguyễn đều là thứ dệt bằng hàng tốt. Vò không nát, tuốt mạnh không đứt, rút không dãn, sợi không giãn thớ. Nguyễn còn muốn gì nữa.

**N**guyễn vốn có một lối sống hỗn độn. Trong lòng chàng và thứ nhất là trên đời chàng, luôn luôn có mưa gió và bão giông. Bọn cà vát lụa sinh ra là để sống một cuộc đời yên nghỉ ấm rợp của mỹ nhân, vì thế cũng phải theo luôn Nguyễn mà đi sâu vào cái mưa gió nó cứ quện lấy tháng ngày của Nguyễn, chỉ biết có xê dịch và xa lìa. Hỡi thương ôi những dải lụa màu! Cứ theo Nguyễn mà lăn xả vào cái thất thường ghê gớm của thời tiết - với sương muối gió nồm, nắng chói lòa và trùng của ẩm mốc - thì nhan sắc nào mà chẳng sớm tàn. Cái gì quá đẹp thì lại chóng tàn. Trong cái phút giây chớp mắt của mùa lên đường, cánh bích đào ngày này năm này đã có đủ cái nhợt phai của đào năm trước.

Ấy thế mà đám cà vát tơ kia đã không đến nỗi phụ Nguyễn, người nhân tình bất diệt của lụa màu. Tất cả màu sắc luôn luôn khôi ngô trong treo trên các giải lụa dệt lòng thông trong tủ áo Nguyễn chúng như muốn trêu nhạo cả thời gian - cái thời gian tuyệt đối mỗi lướt trên mọi vật tươi sáng là chỉ muốn mọi vật trở nên cũ xấu và hóa theo cái bản sắc vàng bệch của mình.

Những giải lụa yêu của Nguyễn vẫn tươi bóng không chịu úa rầu xuống mặt.

Ấy thế mà Nguyễn đã phụ tình. Ngày nay chàng đã quên, chàng đã ghé lạnh với lũ lụa màu. Lại còn giam cầm. Trong cái tủ áo kia, những thân tơ óng ả ấy đã là những phạm tù của không biết đến bao giờ. Bao nhiêu dây cà vát rù rù rù trong cái đen ngòm của tủ đứng đã khép kín hai cánh. Ở đây, lạnh lẽo vô cùng và tối om om vô cùng. Tơ nồn dệt màu ấy sinh ra là để được phô phang, trình bày cái diễm lệ của mình ra giữa cái sáng thom tho của Tự Nhiên hay giữa cái sáng ma túy quynh rũ của quán rượu gác ca có tiếng cười chen tiếng

xô động của thủy tinh và sứ mỗi rớt xuống thêm là lại làm xao xuyến cả một bầu không khí đượm phần ngát nước huê nồng. Lũ tơ non dẹt màu ấy giờ đã phải đau khổ âm thầm với Nguyễn đã ý mình nhiều tiền, lấy về để rồi mà ghê lạnh và hạ ngục. Chiếc tủ áo là một cái đê lao xinh xinh, là một thừa lãnh cung và bấy nhiêu cà vát là tất cả số phận của những cung nhân bị bỏ rơi - ngày đêm thâm trộm nhớ đến một khuôn mặt rỗng ở xa trên những nơi chín bệ. Tiếng đàn ca thừa nhật não nùng của một đô thành hoa lệ, nhiều đêm khô nỏ và thuận chiều gió về đã lên qua kẽ tủ gương mài cạnh và dội vào nơi lãnh cung này của đám cà vát bị thất sủng, bị rẻ rúng, rẻ rúng cho đến tàn cái kiếp một sợi tơ tầm nhuộm thắm.

Ở những đâu đâu xa xôi đùa vui là thế mà trong tủ gương này chỉ có lạnh vắng. Đùn đùn hơi ẩm. Dề dề mùi mốc. Giấy lát một con gián bị luồng long não băng phiến đuổi theo sột soạt chạy, quảy nhàu cái tịch liêu của lãnh cung. Có những con nhậy con dài đuôi phụ họa vào. Rồi pha thêm vào những mùi thuốc sát trùng ấy là cái mùi phân gián và chuột chù nhiều khi rất tanh rất đặc. Đã tội nghiệp thay cho cái đời của những màu sắc bị đẩy ả vào đen tối và tẩm mình trong hôi mửa.

Khi không, Nguyễn đã trở nên một bạo chúa trong lịch sử loài tơ quần cổ. Người ta héo dần trong oán tiếc ở các thâm viện bạo chúa của sứ xanh như thế nào thì ở đây, trong cái tủ gương sáng chói chỉ có bề mặt ngoài này thôi, bọn cà vát cũng giần chờ khổ đợi như thế. Cái tủ gương đứng có khi hàng mấy tuần, Nguyễn không mở đến. Có những buổi chiều mà một giới ráng vàng còn cố níu lấy hoàng hôn chưa cho trụt xuống vội, tủ gương lách cách tiếng thìa khóa dậm quay trong họng ổ khóa đã đi.

Đám cà vát tinh giắc và mừng và hy vọng như lũ tội nhân, cầm cổ đợi phút được đưa từ buồng tối ra chỗ ánh sáng muôn năm. Luồng gió lạnh tạt từ ngoài vào làm động đập mấy dây cà vát cọ mình vào

nhau. Lũ dải tơ ngả ngốn lá loi, xê xích lại. Lũ phi tần nghìn xưa gân kẻ nhau trong thâm viện rồi xì xào tâm sự với nhau xem hôm nay đê của Thánh Thượng dùng xe trước bó lá dâu phòng nào thì cũng hồi hộp đến nhường ấy thôi.

Bấy nhiêu dải tơ dệt màu, mỗi cái đẹp một vẻ. Cái thì kẻ ô vuông xanh màu thạch xương bồ chen vào những gạch chéo màu lục ngày nắng tháng năm - hình như đây là thứ cà vạt dùng vào buổi lễ hành. Cái thì nhờ nhờ màu hạt trai điểm những hình quả đậu tươi sáng. Cái thì trong vắt sắc da giòi lác đác ít ngôi sao màu cá vàng. Cái thì biêng biếc một màu âm thầm của nước biển chiều trên ấy chạy ít đường sóng lệch, nhăn nheo như mình lá hổ thiệt. Có thứ lại đẹp một lối chắc chắn khiêm tốn với màu huyết dụ toàn thể hoặc tím than một sắc. Và chao ôi, từ ngày thời thượng phục sức bước vào một kỷ nguyên mới, người ta đã dệt được bao nhiêu là thứ hình cầm thú, cây cỏ và hoa lá, rất xinh và cũng rất quái đản để làm nền cho một dải cà vát. Nói ra cho hết, sao cho tới chỗ cùng được.

Nghe tù động tiếng khóa mở, chiếc cà vạt nào cũng tự cho mình là đẹp, là đủ điều kiện đẹp để hôm nay rời khỏi lãnh cung ra mà vòng ôm lấy cổ người yêu đã có một phút nghĩ lại.

Nguyễn mở rộng hai cánh tù, điểm hết mặt bấy nhiêu dải tơ. Hai mắt Nguyễn rầu rầu.

Đám cà vạt óng ả bị tay Nguyễn quơ phải, giạt cả về một phía, nép sát mình vào nhau, tỏ rõ cái yếu thơ rất khiêu khích của một giống đẹp sinh ra để mà làm nũng và biết lấy ngay cái sở đoản kiêu nhược của mình ra mà làm một thứ khí giới lợi hại. Có mấy chiếc cà vạt khỏe quá, tươi thắm quá lại đứng riêng ra một chỗ nơi đầu dây, như chiều ta đây không muốn lẫn vào với đám chị em tầm thường, đã chẳng dám tách riêng ra mà can đảm đòi lại quyền sống ngoài ánh sáng.

Bữa nay tù cà vạt nhộn nhịp.

Sợi dây cà vạt rung rinh rồi mấy mươi dải cà vạt cũng đều rung

rình theo trong bóng tối. Một luồng ước vọng thấp thỏm vừa chạy qua tâm linh đám mụn tở. Chưa cái cà vát nào biết rõ trước là "chị" nào sẽ được ra khỏi chỗ tối tăm này, dầu là chỉ có một buổi. Quyền lựa lọc ấy là quyền của đảng chủ nhân - đảng chủ nhân thì chỉ có một mà họ, những lựa đẹp, thì là rất đông. Tủ cà vát đợi, phút dài như năm.

Nguyễn rầu rầu gởi mắt vào lòng tủ mà không để tâm đến dải cà vát nào cả. Chàng uể oải tháo mũi một dải cà vát đeo ở cổ không biết từ bao giờ, rồi vứt nó xuống cạnh đám cà vát cũ kia. "Ta lại chôn vào đây một ngày vui nữa đi qua". Nguyễn lẩm bẩm, đóng ập cửa tủ đang kêu một tiếng râm.

Thì ra đám cà vát hy vọng và thất vọng kia lại đang thêm được một số phận bạn bầu nữa, bị vứt vào đây để làm lạnh thêm không khí tủ đã thừa mùi thê lương. Nơi lạnh cung, Thánh Thượng lại vừa thêm được một nàng phi thất sủng.

Khốn nạn, đa không dùng đến đám cà vát này nữa, đã không muốn thắt cà vát lỏng lẻo nữa thì Nguyễn nên đem mà nhường lại cho các bạn thân, hoặc tiện và thấp xoàng hơn nữa, thì nên đem cả cái lô hàng tốt ấy gửi vào nhà hàng tâm tâm nào cho họ bán đấu giá đi như cái lối bán đồ vật của những vị Tây phải hai năm mươi ở xứ này. Không muốn cho "người ta" ở với mình nữa thì nên phóng thích người ta ra, thả cho về, để cho người ta đi tìm những bộ cổ xinh tròn khác mà làm bạn mà gởi thân. (Cuộc đời chung quanh đâu phải là không còn có cái cổ nào nữa. Người đao phủ vẫn còn thêm sống kia mà). Giữ làm gì người ta trong một cái tủ lạnh hơi người vắng mùi hương ấm để cho nó mai một những màu sắc chóng vánh nhất thời ấy đi. Đã phụ tình nhau thì nên buông tha nhau ra, chẳng có hơn sao.

Chiều nay ngồi tháo giầy bên tủ gương mài cạnh, cổ sơ mi để hở, Nguyễn lắng lòng mình. À, cái đời tiềm tàng của riêng mỗi

người, Nguyễn chán lắm rồi, không thể chán hơn được thế này nữa. Chàng đã mất hết cả tin tưởng trong cái lối sống riêng biệt mà trước kia chàng cho là màu nhiệm kỳ thú lắm.

Ra cái hạnh phúc con người ta không thể đặt lên Truy Hoan được. Khi mà người ta thừa thãi sức khỏe và tiền bạc, và lại được hai đấng cha mẹ thừa bát ăn để cho mình ăn học để có lấy một quan niệm đại khái về sự sống theo chiều mặt, thì ai mà lại chẳng vui và đùa hát và nói to cho nó qua ngày đoạn tháng. Đã từ một ngày xa thẳm nào, Nguyễn tưởng cứ ướm mãi được nụ cười như thế trong ca hát và lúc nào cũng nấn mãi được một múi cà vát xinh tươi trước cúc áo cổ sơ mi. Nhưng có một buổi chiều không gian nặng trĩu như nhựa sống thuần túy, Nguyễn đã bị không khí mới sai bảo dặc lực và hiểu cuộc đời theo một chiều sâu để rồi lại đem mình lẳng mình vào một đời sống bên trong. Thì Nguyễn mới nhận ra rằng một cốc rượu máu đào nồng men cũng như một món tóc thề, cũng như một miếng dê béo, đều đã không nói cho chàng nghe thấy một điều gì hết. Hay là tất cả bấy nhiêu chỉ có bảo cho chàng hiểu rằng tất cả bấy nhiêu là vô vị, là nhạt nhẽo, là thối nát và chàng không tiếc gì mà thay bỏ hết.

Cái lô cà vát kia là dấu vết của một thời đã được coi là đứt đoạn hẳn. Và để đánh dấu lại cái bóng quang âm ấy của một thời đã đi qua, Nguyễn đã cất hết bấy nhiêu cà vát đẹp vào tủ kín. Rồi để lúc nào buồn lại thử mở ra xem. Trong cái tủ áo cánh gụ chặt khóa, nhiều kỷ niệm lắm. Nào là những buổi chiều lộng lẫy và hí hửng bên một vòng đua ngựa. Nào là những buổi sớm ngày chúa nhật đàn đúm đi rong phố Tây sắm những đồ vật không cần dùng gì cho sự sống hằng ngày, nào là những đêm... Ôi! Mỗi dải lụa tơ dệt màu là một ngày nào động được hồi tưởng đến. Ví chẳng khác một cuốn an-bom lúc được giở lại từng tờ một.

Bây giờ Nguyễn đi tìm những thức ăn mới và đã biết trôn

xa những nơi hội họp cũ. Nguyễn đã muốn thay thực đơn cho lòng mình.

Và Nguyễn đã thay luôn cả cái bề ngoài của mình. Những cái gì là lộng lẫy là hào nhoáng, chàng thái hết. Và giờ, trước ngực nơi cổ, người ta chỉ thấy chàng tét có một nút cà vát đen kịt. Có người trông tộc ngựa mồm, biết trong họ nhà - về chi Nguyễn - không có ai nằm xuống hồi gần đây, hội nghịch chàng là để trở ai thế, thì Nguyễn trả lời rất gọn rằng "Thưa cụ, cháu đang để tang cháu đấy ạ".

## MỘT NGƯỜI CHA VỀ ĂN TẾT

*Tặng Đỗ Đức Thu*

**C**hiều hai mươi chín tết, vợ chồng anh bạn trước khi đáp chuyến tàu cuối cùng về quê, đã bảo Nguyễn:  
- Cái đó tùy anh. Nếu anh muốn ăn tết ở đây để "tìm cảm giác của tha phương", thì cái nhà này bao giờ cũng vẫn là nhà của anh. Sẵn đây có, sẵn rượu thuốc, giò bánh và cá kho và trầm hương. Nếu anh đổi ý kiến sau khi vợ chồng tôi đi rồi thì anh cứ về. Hay là về? Cũng nên về nhà, Nguyễn ạ. Đã mấy năm, anh không ăn tết ở nhà, anh không thấy để phiên cho thân quyến hay sao? Nhưng nếu anh về, anh làm ơn gửi nhà lại cho ông cụ Tư bên hàng xóm nhé. Dặn qua ông cụ mấy tiếng. Thôi đến giờ tàu rồi, vợ chồng tôi đi, và gửi lời chúc anh ăn tết cho... cho được... thôi chúng tôi đi.

Đêm ấy, Nguyễn uống rượu cảm khái trong một căn nhà bạn đã về quê.

Đứng trên bao lơn, Nguyễn chệnh choáng nhìn xuống cái nhộn nhịp của đêm tết Kinh thành. Nửa chai đã cạn. Chỉ có rượu vào mà thơ không thấy ra, Nguyễn khoác áo ra đường. Trời rét đã khuyên chàng chỉ nên đi bộ, mỗi bước dài đủ tám mươi phân. Nguyễn thêm hút thuốc chưa guồn nhồi trong một cái tẩu thuốc mà nồi hút phải sâu lòng. Chàng rẽ vào một hiệu tạp hóa thực phẩm của Khách Phúc Kiến, tìm thuốc và tẩu thuốc. Hộp thuốc lá thơm thái nhỏ mắt một



đồng bảy hào. Cái tẩu thuốc chỉ có một đồng. Nguyễn nhớ tiếc cái thời phong lưu xưa cũ, trong nhà, trên giá tẩu, lúc nào cũng có đến năm sáu cái tẩu đủ kiểu, cầm đến cứ nhẹ như không và hút không nóng cổ.

Đứng ở đầu ngã ba, chàng bảo người bán cà phê rong pha cho một cốc cà phê đặc. Thói quen đã bảo chàng ngâm một ngụm cà phê không bỏ đường chún nước đắng vào ruột tẩu để tời cái tẩu mới.

Nguyễn dừng trước tủ kính một hiệu giấy, ngắm lô giấy đẹp trẻ con. Rất giấy trẻ con. Thật là một thể giới chân ấu trĩ. Chàng thấy lòng rung động, nhớ đến lũ con chàng không biết bây giờ đang ngủ hay là đang làm những trò gì ở nơi xa vắng ấy. À, còn hai hôm nữa thì chúng thêm một tuổi và bố chúng thì kém đi một tuổi già. Nguyễn hút một mồi thuốc tẩu, cau mặt đánh một cây diêm mà mắt vẫn không rời khỏi lô giấy tí ti xinh xắn. Chàng lẩm bẩm làm một cái tính nhẩm. Thăng Tuyền mười một tuổi... Con Khuyên... tám tuổi. Con Tương... Thăng Châu... Con Hường... Cộng cả lại chúng nó được đúng ba mươi tuổi. Một mình chàng cũng ba mươi tuổi. Tam thập nhi lập. Lập cái gì? Lập công? Lập đức? Lập ngôn? Hay là lập dị như người ta thường bảo chàng? Ô! Thế sự! Nhớ đến tên lũ con, chàng lại buồn cười cho ông nội sao đặt tên cho cháu toàn đặt chữ đôi. Đọc nghe Tàu quá. Cái con Tiêu Tương bằng ti tẹo thế mà ông nội cũng đã tìm chữ cho cháu gái dùng làm biệt tự. Tiêu Tương tự là Sở Đò! Nguyễn nhớ đến một câu thơ Chinh phụ. Những cái tên cùng một bộ thủy, đẹp như thế này, chẳng biết mai sau có đứa nào làm nên cái trò trống gì không?... Lại còn có những người lúc được hiển đạt - họ được hiển đạt vì một quê hương toàn người mù họ còn được cái may, có một con mắt mở - lại muốn xóa bỏ khỏi tầm căn cước, nơi giấy khai sinh một cái tên rất bố cu mẹ đi tố cáo một nguồn gốc quá ti tiện.

Nguyễn đã quay gót rảo bước được một quãng rồi mà hình ảnh

lũ con chàng vẫn ám ảnh hoài. Chàng giữ lại hiệu giấy ấy, đòi mua luôn một lúc năm đôi giấy trẻ con đủ màu da láng xanh đỏ đen nâu.

- Thừa ông chân các cháu số mấy? Người chủ hiệu giấy tùm tùm hỏi.

Nguyễn lúng túng. Chàng nhớ cách đây sáu tháng, một lần vội vã tạt về nhà, chàng đã lấy bút chì xanh khoanh kiểu chân lũ con vào một tờ bìa. Nhưng tìm đâu cho ra cái tấm bìa ấy bây giờ? Và nếu có tìm được thì chưa chắc đã dùng để làm mẫu cho đúng được. Sáu tháng rồi, chúng nó nhớn như thổi. Vợ Nguyễn viết thư ra cho chồng, thường lúc nào cũng viết một câu như thế để vào lời tái bút.

"Này ông hàng giấy này, con tôi đưa đầu lòng mười một tuổi, đưa nhỏ nhất đứng cuối số là hai tuổi. Tôi có tất cả năm cháu. Nhà tôi cứ hai năm ở cũ một lần. Ông liệu mà xếp giấy. Rộng một chút cũng không sao".

Nguyễn bung bọc giấy ấy về nhà, đi qua hiệu tạp hóa chú Khách ban nãy còn mở cửa, chàng mua luôn một cối pháo toàn hồng và một chai rượu Cognac, thứ nhỏ và mình lọ đẹp. Cái dáng lọ ấy bỏ vào túi áo trong ba-đờ-suy tiện và xinh quá. Có thể đem theo luôn trong mình để lúc lỡ gặp vui hoặc gặp buồn ở giữa đường, người ta chỉ phải ngậm lấy cổ lọ và tu đánh ực một ngum rất gọn ghẽ.

Thằng đầy tớ chưa đi ngủ. Nó đang ngồi phá trận với một cỗ bài tổ tôm đã mòn hết góc cạnh và mất cả hình vẽ. Nguyễn bảo nó đốt ngay cối pháo trong nhà. Trong khói đặc như mây thung lũng, lửa pháo dẹt những sợi sáng nhanh tựa chớp. Tiếng pháo nổ xé không khí gian phòng kín vương mùi diêm sinh ngạt. Trong bài trí của khói diêm đứng im không chịu đi đâu và xác pháo trụy lạc ở mặt thềm, Nguyễn ngồi ngắm lũ giấy trẻ con. Chàng ngừng uống rượu để hút tẩu thuốc. Rượu và thuốc đem vào đầu Nguyễn một cơn thiên đầu thống nặng trĩu. Và đến lúc chàng mở mắt dậy trên trường kỷ lạnh

tụt mất cả nệm phá Lào, chàng nhìn cửa tay áo cháy thủng một lỗ to bằng quả cam đường. Miệng chàng chát xít một mùi tàn tro. Đồng hồ đeo tay của Nguyễn chết từ lúc hai giờ đêm.

Xa xa tiếng tiu cảnh leng keng. Chẳng biết có phải là tiếng vọng một đám lễ tất niên một nhà hàng xóm chậm trễ không?

Nguyễn đánh thức thằng nhỏ dậy:

- Con bỏ cái va ly trên đầu tủ xuống, lau bụi đi... Đây cậu cho đồng bạc giữ lấy mà ăn Tết. Cậu đi vắng nên trông nhà nhiều hơn là đi chơi. Cậu mợ con ngoài giêng có ra sớm, con nói cậu phải vắng nhà độ mấy hôm.

- Cậu lại không ăn Tết ở Hà Nội?

- Ừ. Con nhớ để cái đĩa pha lê ra giữa bàn nhà ngoài cho những bạn của cậu mợ con đặt danh thiếp nhé.

Một tấm cửa sáng mở rọi đúng vào một đêm tuế mộ mò mò. Gió đêm thổi thốc vào miệng thằng nhỏ đang: "Lấy cậu về..." với một giọng buồn tiếc. Cậu Nguyễn lại cũng về quê nữa!

Nguyễn đặt chân ra ngoài hè cũng không biết lúc ấy là mấy giờ. Đêm hai mươi chín tết rạng ngày ba mươi, trời tối như trát mực tàu. Ngược làn gió nay mai sẽ giao thừa, chàng lần về nẻo ga.

Mấy người phu đổi thùng chậm trễ, tay lòng thông cầm cái thứ đèn chụp làm bằng vỏ chai rượu ty cura đáy, túm tụm ở cửa một ngõ ngang bàn nhau ngày mai nấu chung một nồi nước nóng có ngâm hạt mùi già để tẩy mình cho hết cái ô uế trong một năm giữ việc vệ sinh chung cho thành phố.

Trên con tàu, Nguyễn móc củ thủy tiên vào cái mấu sắt ở trần toa. Lúc sáng hửng thì hoa ấy, đêm qua còn ngậm cười, đã toạc nở hai đóa giữa quặng Phó Tia - Cầu Guột trong con tàu tết trườn trên đường sắt dài. Hoa chớm nở đượm một mùi thơm của sự được đổi rời. Nguyễn nhìn ra cửa sổ tàu, nhìn con đường nhựa thiên lý song

song đánh bạn với con đường sắt. Và trên đường, có một quả hồ lô máy đang ì ạch nuốt từng tấc đường dài. Người phu lục bộ làm phần đường đã cho chở cả lên xe lăn một cái hòm mới gỗ nhuộm màu nước vàng và hai man vàng Sét. Nguyễn ngùi ngùi nhìn lại cái bóng người hèn mọn đang lùi xa lại với con lăn trong đám cỏ cây gần thay hết lớp lá già cũ. Đường nhựa, dưới trời mưa phẫn rĩ rả, bóng và lạnh như một thổi thép rộng bản. Sớm ba mươi Tết, Nguyễn nhận ở hình ảnh người phu đường ấy cả ý nghĩa sự quyền uy của con người ta đối với phần hương và cố lần mò về góp mặt cho kỳ được với quê hương, mặc dầu mình chỉ là một mẩu đời tùn mùn chẳng đáng nên góp vào đâu tất cả. Mà Nguyễn thì đã hơn gì người phu phần đường kia (!).

Còn nửa chai Cognac con giắt theo, Nguyễn dốc nốt, chàng xuống ga về nhà, ngửi cái mùi vôi mới quét ở ngoài cổng. Chàng uể oải bước vào nhà, đứng ngắm mẹ đang chỉ bảo người lấy trầu đánh bóng bộ đồ đồng ngũ sự. Mẹ Nguyễn thở dài một tiếng, rồi cúi luôn mặt xuống. Ông cụ để ra Nguyễn đi vắng, mang các cháu nhón lên chơi chùa. Vợ Nguyễn đi chợ, thằng Tuyền bạn đi họp bạn Sói Con. Nguyễn cảm thấy hình như không một ai có ý chờ mình về. Mấy kỳ Tết, chàng có về đâu mà chờ với đợi. Chàng về Tết, nói cho cùng, cũng chỉ như một người đi tù về. Tủi tủi và rầu rầu. Nguyễn thấy mình có trở về nhà trong ngày long trọng này cũng chỉ là vì một thói quen đã cũ. Không về thì không đành lòng mà về tới thì... ối dào...!

Chàng vào cái buồng cũ đầy mùi ẩm mốc, chui luôn vào chăn bông ngủ một giấc say, trả nợ cho mắt phải thao láo vì mấy đêm thao thức trước ngày về. Con Hường đang ngủ say quá. Nằm cạnh con gái út hai tuổi, chàng thấy ấm, ấm hơn cái lồng ấp có than hồng.

Chàng ngủ không biết mấy giờ. Lúc mở mắt dậy, thấy có những cái gì vương vãng chung quanh mình. À, ra con Tiêu Tương và lại

cả thằng Châu nữa. Hai đứa nhỏ này chui vào chăn tịt bao giờ. Nguyễn lắng thấy ngoài cửa sổ khép có những tiếng quen quen đang nói chuyện. Đúng là tiếng thằng Tuyền nó đang hỏi mẹ nó:

- Cậu đã về đấy mẹ?

- Ừ, con bảo em Khuyên khê chứ để cậu ngủ. Thôi con không phải thay quần áo nữa. Cứ để nguyên cả quần áo sì cút đấy, đợi cậu dậy rồi ra mà khoe luôn. Cậu đã thấy con mặc lối Hương Đạo đâu?

Một lát lại có tiếng cha nói với mẹ:

- Thôi bà đừng nói gì với nó nữa.

- Tôi tưởng năm nay nó lại cứ ăn tết với những bạn nó.

- Thì đạo bằng hữu cũng đáng phải kể trong ngũ luân chứ? Nhưng thôi, tôi cũng rồi đấy, bà lên cúng đi để cho các cháu nó lễ... Cái thằng ấy thế mà tốt số. Năm nay nhà mới giết lợn gói giò làm chả, thì nó về. Mà không biết nó ở đâu về, xem ra mệt nhọc thế.

Nguyễn thấy trong mình đang rào rạt những tình cảm mới lạ. Rồi Nguyễn phàn nàn cho mình đã không đem được tí gì về nhà gọi là góp vào cái tết trong gia đình. Một chút hối lỗi buồn bã này làm gì đã đủ. Con Tiêu Tương đã trở dậy. Nó cười ngay. Và khoe luôn với Nguyễn cái ống tre bỏ tiền của nó đã đầy nặng. Nguyễn mới nhớ ra mình đã để đồng xu cuối cùng của mình vào lòng tay người phu xe kéo từ ga về ban nãy. Con Tiêu Tương giờ ra cái đôi tất trắng sạch nhưng mà cũ. Nguyễn vụt nhớ đến lũ giày dép của trẻ con, mở va ly ước cho con Tiêu Tương một đôi hơi lỏng một chút. Thằng Châu cũng choàng dậy và méo mào:

- Thế của con đâu? Cậu có mua cho Châu không? Có mua que đan và cuộn len để chị Khuyên đan áo cho con không?

Nguyễn gật liêu và chàng vừa ngáp vừa nhớ lại tất cả những lần vợ ở cũ thì chàng đều không có mặt ở nhà. Chàng cảm thấy mình chỉ là một đứa ích kỷ quá và không xứng đáng tí nào đối với cái độ

lượng của tất cả già trẻ và người bạn lúa đôi kia. Chàng thấy mình đã nghĩ đến mình nhiều quá đến nỗi quên hẳn những nguồn sống chung quanh gần nhất.

Đêm giao thừa ấy, lúc cúng ở giữa trời, ông cụ thân sinh ra Nguyễn lắng đêm, hóa vàng và lúc nghe thấy mèo kêu sau lúc pháo các nhà đón Xuân đã tắt bèn nói với Nguyễn đang lom khom trút rượu ở bàn cúng:

- Mèo kêu rậm rú. Năm nay rồi động rừng, rồi dữ rừng lắm đây, Cả ạ. Không nên đi các vùng xa.

*Tết Nguyên Đán Kỷ Mão*

## LỬA TRẠI

*Gởi cho một người con*

Cái đêm thức vừa rồi sao mệt đến thế. Ấy là cái đêm trắng không có nhựa độc pha thêm nữa vào mà còn thế đấy. Nếu có nha phiến thấm tràn vào người như những năm trước thì phải biết! Có mà giặc đã ập ngay đến lúc này thì mới dựng nổi được Nguyễn dậy. Nguyễn bẻ tay kêu lắc rắc.

À, cái thằng Xuân lại đang ôn lại những bản nhạc cổ điển, nắn nót nhún nhảy, mài mười đầu ngón tay trên lũ phím ngà chiếc dương cầm lù lù chiếm mất hẳn một góc phòng. Sao hôm nay người bạn đàn hay và du dương đến thế. Xuân, cái người bạn tốt - đã vui vẻ đánh chó và mở cửa cho Nguyễn vào ngủ nhờ một đêm - thấy Nguyễn cựa mình, tay vẫn nhún phím đàn, ngoái đầu lại, nói chớ vào tấm màn trắng rung rinh.

- Còn sớm, ngủ lại đi; để tôi tìm một bài gì ngộ ngộ đàn cho anh ngủ thêm nhá. Bài "Bữa Cỗ Của Con Nhện". Anh thử nghĩ kỹ xem cái đoạn giữa bản đàn có toàn là những tiếng ruồi tiếng muỗi rung vẩy cánh chực phá bung cái lưới tơ nhện dăng không nhá?

Mặc kệ bạn đánh bài "Bữa Cỗ Của Con Nhện" Nguyễn thăm lặng đuổi theo những ý nghĩ mình đầy tiếc thương và rẻ rúng. Chao ôi! Đêm qua Nguyễn lại đi chơi. Đến lúc này mà vẫn còn trong mồm chàng, trên da lưới chàng, nơi đáy họng chàng cái mùi vị chất xít và ma túy của mấy bình rượu. Cánh tay sơ mi đưa lên mũi, có mùi thơm của chất dầu bôi tóc đàn bà. Và ở đây vẫn còn đọng lại chút hương

phần của một thứ phần dằm. Lại còn cái gì mà đồ lem nhem thế này nữa? Trời! Sáp môi.

Đêm qua, lúc gần về sáng, Nguyễn mò về nhà Xuân xin ngủ nhờ. Cái giường vẫn thừa chỗ cho hai người nằm, tại sao Xuân lại không cùng nằm chung với chàng? "Tôi ngủ đây giấc rồi. Cho anh nằm một mình cho dễ chịu. Tôi dậy làm việc đây. Tôi dậy làm việc đây! Mấy giờ thì đánh thức anh?". Nguyễn suy nghĩ về câu nói và cử chỉ của Xuân. Có lẽ người bạn tốt của chàng đã ghê tởm chàng. Nguyễn đã tha lê về đây bao nhiêu dư vị, dư hương chẳng thơm tho ngon lành gì của một đêm chơi nhảm. Xuân có quyền coi thường chàng. "Và tính vốn kín đáo, nó đã giả vờ dậy làm việc để khỏi phải ngủ cạnh mình. Tính Xuân nó sạch sẽ và lòng nó trong sạch, chốc nữa mình đi rồi, chắc chỗ vải gối vải giường vải bọc chăn này, nó sẽ đưa ra thợ giặt hết". Nguyễn lại đưa hai cánh tay sơ mi nhàu lên mà ngửi. Chàng thấy mình đang chán mình. Nguyễn càng thấy chán hơn nữa: Cách cái tâm cảnh rời rạc của chàng có một thước, người ta đang làm việc rất vui vẻ và lương thiện. Xuân nó đang đánh đàn. Xuân nó đang tìm tòi một cái gì trong cõi thanh âm huyền bí. Bên một cỗ đàn dương cầm bóng nhoáng, Xuân nó đang cần cù phụng sự cái lý tưởng của nó. Đẹp vậy thay là âm nhạc. Đẹp vậy thay là anh bạn Xuân đang khảo phím cỗ đàn.

- Thế nào? Anh lại mặc quần áo đi đâu? Chưa đến còi mười giờ mà.

- Ra thư viện và tạt qua nhà in một lát.

- Có cần viết gì, sẵn cả giấy bút ở bàn ấy. Người anh trông mệt lắm, đi làm quá gì. Ở đây đến trưa đợi tôi đi dạy mấy bài đàn về rồi cùng đi ăn cơm. Có buông tắm đây. Quần áo tây và sơ mi tôi, anh mặc vừa, có cần thay thì cứ lấy mà thay. Ủ, hôm nay vừa kỳ thợ giặt tới lấy quần áo, đồ cũ của anh cứ vứt vào bồ kia cho nó giặt luôn thể. Sao? Độ này anh có viết được quyển gì mà tự mình lấy làm bằng



lòng không? Lâu không thấy họ in tên anh.

Nguyễn giở một cuốn tự vị lơ đãng nhìn mấy hình vẽ, lắc đầu. Chàng đã vội vàng bỏ một bàn tay ngón mềm nhũn lạnh toát mồ hôi vào lòng bàn tay ấm áp rần rori của Xuân. Xuân tiễn chàng ra cửa, nhìn theo người bạn bỏ phờ đang lữ một bước chân, lúc tạt ngang qua đường phố, loạng quạng suýt đâm vào một cỗ xe rác.

Bác tuý phải nhà in đưa cho Nguyễn một bức thư.

- Thưa ông, thư này tới đã một tuần lễ. Không biết chỗ ở nhất định của ông, nên đành phải giữ lại đây.

Nguyễn bóc thư - một bức gia thư.

*Thưa Cậu,*

*Con vừa được lên đoàn trên. Đúng ngày kia con làm lễ tuyên thệ. Anh đoàn trưởng có viết giấy lại đảng nhà mời Cậu và Mợ đi dự lễ tuyên thệ của con. Mợ con bảo con viết thư ra mời Cậu về. Có Cậu cùng đi thì Mợ con mới đi. Vậy thế nào Cậu cũng về. Các em đều ngoan cả. Em Thi vẫn đi học. Còn em Thu thì kỳ vừa rồi, cô giáo bắt phạt vì đi học đến trường chậm luôn và hay khóc.*

*Cái mũ nồi giờ không dùng được nữa, cái mũ nồi chỉ dùng được khi con còn đi họp đoàn Sói Con thôi. Bây giờ con là thiếu sinh đoàn Hương Đạo. Phải đội mũ khác. Bằng vải vàng máy, có vành rộng. Cái thứ mà chòm mũ bóp thành quả nùm có bốn múi ấy. Cậu ạ. Cậu mua mũ nhớ đầu con số 48.*

*Ký tên: CON*

*T.B. - Hôm qua em Vinh đánh đổ cả chai mực tím vào áo lụa. Mợ con đánh cho đến mấy cái phát trần. Rồi cả em Vinh và Mợ con cùng khóc. Mợ con bảo Cậu đi vắng mãi thì các em con đến hư hết thôi... À, cái con sáo đã bay mất rồi, Cậu ạ. Thế là từ giờ, không còn gì đem ra mà tắm chơi nữa, Cậu ơi. Lại còn mấy con lợn đất đựng tiền của chúng con. Mợ con hôm vừa rồi cũng đập ra hết lấy cái mua*

sữa cho em bé. Ông nội di Huế đã gần một tháng chưa về. Nhà vắng. Bà nội hay gắt và mắng chúng con là đi ra Hà Nội với thằng bố chúng mày. Mỗi lần bà nội gắt là Mợ con lại kêu rức đầu, bỏ ăn đi vào buồng nằm. Thành ra các em con đùa nghịch bên mâm cơm, đánh nhau chí chóc, đổ canh đổ nước mắm ra giường, con thường bị bà nội mắng lầy".

Nguyễn dạo qua các phố, dính mũi vào nhiều miếng kính tử hiệu bán mũ. Chàng ngắm mãi cái mũ hướng đạo vừa chọn xong. Tuy là vải vàng máy chỉ vải mà đẹp khéo vô cùng. Sẵn tấm gương của nhà hàng, Nguyễn đặt mũ lên đầu, ướm thử. Phiến gương to trả lại cho chàng bóng một cái mũ rất bé đặt chênh vênh trên một cái đầu lớn quá. Đầu mình và mũ trẻ làm bạn với nhau một cách không xứng đáng đã gọi cho Nguyễn thấy hình ảnh bộ mặt một hề xiếc hay đội và mặc lối lẳng để làm trò cười cho thiên hạ. Tay vẫn nghênh ngang cầm chiếc mũ vải vàng đi giữa phố, Nguyễn gặp dăm bạn tay chơi quen.

- Mày làm cái điệu gì mà nghênh ngang giữa phố với cái mũ kia thế. Định đội à? Lập dị thế! Mày mà đội mũ thì trời sập đó. Mấy năm nay, có ai thấy mày mũ măng gì đâu.

Trái với cái tính chàng mọi ngày hề gặp những bạn tay chơi là khô hài ngay, Nguyễn nhìn họ rất lâu, rồi trả lời, mệt-mỏi:

- Tôi mua về cho thằng con vừa được lên đoàn Hướng Đạo.

- Nói đùa hay thực?... Khốn nạn, nào ai biết được ông là bố trẻ con. Trông cái mặt nghịch ngợm thế kia và được rõ cái lối sống bạ mạng của ông, ai dám ngờ ông đã lập gia đình. Với lại ông có khai ra bao giờ. Nhưng hãy gác chuyện đứa con ông lại đã. Nhận gặp ông đây, chúng tôi vui vẻ báo cho ông một cái tin buồn này: là chiều nay, chúng tôi kéo nhau ra ngoại ô đánh chén. Một con dê. Mà chỉ có ba người ăn. Có ông nhập vào nữa thì vương cổ. Ăn xong, lại rủ nhau sang nhà con Tuyết gầy. Ông nghĩ sao?

Chẳng cần nghĩ sao cả, Nguyễn không nhận nhời và không kèn càng chuyện gẫu thêm như mọi lần, chàng rảo bước đi thẳng. Lũ bạn ngạc nhiên nhìn theo Nguyễn đang lom khom ở quãng cây cột đèn trên, cúi xuống rãnh nhặt một cái gì cho một đứa trẻ hàng phố đang chỉ tay vu vơ và sụt sịt khóc.

Tối hôm ấy, Nguyễn đã về đến nhà, sau bốn giờ tàu tốc hành. Chàng đánh thức ngay thằng Tuyền đang ngủ dậy. Lồm ngồm trở dậy, thấy đèn sáng trưng, thằng bé Tuyền háp háy dụi mắt. Nguyễn đội ngay lên đầu trẻ cái mũ ca ki si cút, xoay đi xoay lại mấy vòng. Mũ vừa đầu con, Nguyễn cười, trẻ Tuyền cũng cười, lộ hai hàm răng không đều và chưa đủ. Thế rồi nó lại lăn ềnh ra ngủ. Nguyễn thấy đứa con ngủ ngon lành như vậy, chàng lại nhớ đến những giấc ngủ đứng ngủ ngồi của mình vào những đêm nể bạn cũ phải căng mắt và rộng miệng cả hơi làm vui cho bạn ngả ngón bên đèn và bên hoa. Lại nhìn thêm đến lũ con nhỏ khác ngủ rải rác ở mấy bộ giường. Nguyễn không muốn đánh thức chúng dậy vì, trót cấu thả trong việc về thăm nhà, chàng đã chẳng mua được tí quà bánh và đồ chơi cho trẻ, giờ lại đi khua chúng dậy, bố con nhìn nhau, lại có điều tủi bẽ thêm chằng! Nguyễn chỉ vội thực hành ngay một ý vui vừa chớm qua đầu óc. Rón rén chàng lật tà áo cánh mỗi trẻ lên, buộc một đồng kèn năm vào đầu dải rút mỗi chiếc quần hồng dưng. Rồi trở ra bên mâm cơm bắt thường vợ vừa bung lên, Nguyễn đã xoa tay với sự bằng lòng của một ông cụ Noel sau một đêm phát chẩn tết Giáng Sinh. Cơm có rượu, chàng lại uống, vừa uống vừa ngẫm. Quái, cũng là một thứ rượu ấy - chàng đã nâng mãi cái chai rượu nút còn nguyên vẹn dấu xi vừa mở có dán nhãn hiệu rất quen thuộc kia lên, đọc đi đọc lại tên rượu - mà hôm nay chàng nhấp thấy ngọt dịu chứ không cay gắt và đắng như mọi lần uống với đám anh em từu đồ ở "ngoài ấy". Ngất ngưỡng một mình trên cả một cái gác, đêm đó, Nguyễn lại muốn làm thơ, để ca tụng đến cái hương thơm dịu đượm mùi xúc cảm bốc lên khỏi chén rượu của một "Cuộc trùng lai của đứa con

hoang toàng".

Từ buổi mang mũ về cho thẳng con đứng đầu lũ con đàn. Nguyễn lần nữa ngày một ngày hai, không chịu trở vội lại Hà Nội và mặc kệ bao nhiêu "những thằng những con Hà Nội", chàng không trả lời một lá thư nào cả. Có lúc nhận những cái bì thư hoa mỹ này, chàng đã muốn xếp xó lại đấy, nhất định không mở đọc, giống như cái lối chán chường của một người nợ nhiều quá, lúc phải nhận những bì thư đảm bảo của chủ nợ thúc. Mỗi buổi ăn cơm được luôn luôn đổi bữa bằng những món tầm thường như cá kho tương, riêu cua cà bung, tay bí xào, nộm khoai, thịt thôn, Nguyễn cảm thấy cái sinh thú cảm dỗ của cuộc sống có gia đình. Bây giờ chàng mới thấy cơm cao lâu là nặng và rượu nơi nhà hát là cay. Mỗi buổi ăn điểm vài chén rượu - vài chén thôi - cho ngon miệng lúc và cơm, mỗi lúc mâm cơm bung đi rồi, vợ chàng quét giường giải chiếu khác. Nguyễn nằm đùa với lũ con đàn. Nguyễn ít ở nhà, lũ con nhỏ không quen mấy, chưa dám đùa ngay, chúng giạt cả vào phía tường, trốn mắt nhìn. Có đùa sợ quá lại òa lên khóc, mặc dầu có mẹ chúng cũng ngồi đấy, Nguyễn hơi cúi với trẻ. Vợ chàng lại một phen phải đứng ra nói nhiều câu đến là buồn cười để hòa giải cái việc hiểu lầm giữa chồng đùa nhà đùa vụng và lũ con trẻ đàn đang sợ người lạ. Một hôm, hai hôm... dần dần bọn trẻ cũng hiểu được cái người lạ hay đùa với chúng kia là ai rồi. Chúng không sợ nữa, nhưng những cuộc đùa nghịch trên giường kia, trông nó vẫn đĩnh đoảng thế nào ấy. Ở mọi nhà, bố con họ đùa với nhau, trông nó vui và dịu êm dịu dàng hơn kia. Vợ Nguyễn đứng quạt màn trong buồng nhìn ra, lấy làm ái ngại cho một người bố trẻ con vì lối đạo đã lâu ngày rồi nên dầu mấy bữa nay tập tành riết mà vẫn chưa chơi được với đàn trẻ cho nó nên hồn. Nàng cười rất có lượng "Bấy nay chồng mình chỉ quen đùa với những đàn ông và đàn bà lớn tuổi ở chỗ ngoài gia đình thôi!" Nguyễn cũng biết mình chưa lấy được tin nhiệm của đàn con, chưa quen những thói tục, chưa nhiều cái kỳ cục thực. Chúng lấy một cái

buồng cau tươi đã bị cắt hết quả. Chúng kẹp hai chân cuồi lên một bộ xương cau xanh, giả làm cuồi trâu cuồi ngựa không ép âm i vui vẻ như thể được luôn mấy ngày liền mà không chán thì cũng thú thực. Nguyễn ngồi rình lũ con nô đùa và cố hiểu những ngón chơi của chúng. Cái thế giới nhi đồng ấy có nhiều cái bí ẩn bất Nguyễn phải nhận chân đến một thứ nghệ thuật làm cha con trẻ. Hiện bây giờ chàng chỉ là đang tập làm bố.

Chờ mãi, mãi tối nay thằng Tuyền mới đi họp bạn si-cút và đốt lửa trại thì trời lại phẫn phẫn mưa. Nguyễn đưa vợ con ra bãi cắm trại chen lẫn với đám cha mẹ kia cũng đang đi xem con cái mình điếu qua trước một ngọn lửa và chút nữa sẽ làm trò. Đứng trên bãi cỏ ướt đầm, vợ Nguyễn chỉ cái đống củi tạ cháy đỏ ngòm và nói chuyện với chồng rằng: "Trông y như là Tết nấu bánh chưng ấy". Lũ con nhỏ thì say mê với những cái tàn lửa nổi bật lên nền trời mưa và nghĩ đến những cái pháo hoa cải được đốt hồi đầu năm chơi Tết mua bằng cái tiền ông bà nội phong bao cho lúc chúng mừng tuổi. Chúng thì thảo:

- Mãi mà chưa thấy anh Tuyền ra đóng trò vua Lê Lợi nhỉ?

Hạt mưa màu vẫn xèo xèo trên ngọn lửa xanh li đang vật vờ đè lên mặt cỏ bãi lấp lánh những cái bóng người áo cụt, đầu mũ tay gậy, linh động như bóng một chiếc đèn kéo quân sống và to tát. Rải rác trên bãi, nhiều lều lều soi vào cái bóng một tráng sinh cầm gậy đứng gác bên cửa lều như một người lính canh thành. Nguyễn nhìn ngọn lửa cháy vù vù. Cùng với tiếng lửa reo, trong lòng Nguyễn có cái gì mới lạ muốn trào ra khỏi khóe mắt vì cảm xúc. Nguyễn muốn đem nửa đời tội lỗi của mình đánh đổi lấy một đêm đốt lửa thiêng liêng của cái nhân loại Sói Con âm sáng trong trẻo kia. Nguyễn muốn đem bao nhiêu là năm hoài nghi cũ của mình nhờ cái lò lửa trung tâm bãi trại này chế hóa hộ ra thành được một giấy lát tin tưởng chân thành của người tráng sinh yêu đời và đang

vui sống kia.

Đã đến lượt thằng Tuyền ra làm trò vui bên ngọn lửa trại. Tưởng chồng chưa nhận ra đứa con trá hình để hát và múa kia, vợ Nguyễn giật lay vạt áo chàng. Đứng cạnh vợ, Nguyễn đành ngây cứng ra như đá tượng. Cặp mắt Nguyễn bị ngọn lửa cháy đang thôi miên. Bằng sức dẫn của thương đau và tủi nhớ, Nguyễn giật lùi về một cái quá vãng tối mò.

1941

1945 - 1956

## QUÁN TƯƠI

**K**hâu đeo ba lô vào tỉnh sớm quá đấy. Mấy dãy lều chợ thị xã chưa ai ngồi. Nhưng không hề gì. Chẳng mấy chốc sẽ tắt nắng, chợ chiều sẽ họp. Khâu nhớ câu của anh bạn về đây chuyển trước: "Minh bây giờ nhiều hơn thời đế quốc. Chiến tranh mà lại hóa ra đông người thêm thế có lý thú không! Cứ chiều đến là các nơi ngồn ngộn người đi, người đứng, người ngồi, chợ phố ê hề miếng sống miếng chín và ngùn ngụt hơi người, tiếng người". Qua dãy lều hớt tóc, Khâu đều nhô đầu vào cười một cái, ngắm bóng mình trong gương to của mỗi gian. "Xin mời anh cứ soi tự nhiên". Tất cả bấy nhiêu anh thợ xén nhếch mép theo Khâu, cái tay rồi việc vẫn lách tách chiếc kéo nghề. Khâu đi thẳng ra ngoài tỉnh, ngắm nghía một quán cà phê không có gì là "máy chém" lắm. Cô bán cà phê không lộng lẫy, phích phiếc, cốc kiếc, người, thủy tinh đều sạch sẽ một vẻ trung bình.

- Không tôi không uống cà phê. Chị cho tôi một cốc trứng đường.

Thế rồi Khâu lại chồm ra đường cái reo to: "Hay quá lại sẵn hiệu vá dép ngay đây". Miệng nói, tay tháo phăng dép đưa luôn cho ông cụ đeo kính ngồi giữa một thế giới da, một lớp cao su đen, cao su đỏ: "Xin cụ cho cháu mấy mũi vào hai chỗ quai gần đứt này. Cháu lầy ngay đây ạ". Đằng sau lưng Khâu một người nói qua vai chàng, nói vào trong hiệu dép: "Cụ làm sớm cho tôi tôi đi ngay đây cụ ạ". Khâu chợt để ý đến một cỗ yên ngựa giữa hàng lòng thòng mấy sợi



chỉ gai dính dờ vào cái bàn đạp. Cô cả phê nói vọng sang: "Mời ông về xôi trứng kê nguội".

Có tiếng ầm ầm inh inh gằn mãi lại. Khâu lẳng. Không khéo lại tàu bay! "Thưa ông, tiếng xe bò đây ạ. Vâng, xe bò". Cô hàng không nói đùa, nhưng Khâu cứ bước ra ngoài. Đoàn xe bò thật, nhưng cái xe rất mới, thùng xe ăm ắp áo quần đồng phục mới tinh màu lá coi và chân kháng chiến thì vô kể là bó đang nhảy nhẩy theo đà xe. Anh Vệ quốc mặc quần áo mới đẩy xe mới chạy băng băng, anh nào cũng có vẻ phớn. Ra đều thông thạo, anh đồng chí có cỗ yên ngựa khâu dờ, cắt nghĩa ngay cho mọi người: "Chả là năm nay rồi cái gì cũng đều tiến tới chính quy hết. Quân trang, quân lương phải là xe bò mới được. Không thể gánh được như trước nữa. Gồng gánh trông không khoa học một tí nào. Ấy, bây giờ là mình đều đắp lại, nắn lại những đường đào mà lại! Này khéo không mà dép của ông cụ đâm ra hồng kiểu đấy nhá. Ông cụ không thấy các cấp chỉ huy bây giờ toàn đi giày da có cổ cả đấy à! Cuối năm nay, cả binh nhì chúng tôi cũng đều là tiến tới đi giày mà hành quân tất cả kia đấy". Ông cụ cứ khâu tiếp nhìn anh đồng chí nửa ngờ nửa tin.

Ở dưới này, ra cái gì trông cũng hay cả. Đến cái nắng buổi chiều vàng nhạt trên mái gianh cũ gianh mới trông cũng lung linh tẹt. Ở chỗ cơ quan trên ấy, Khâu nhớ hình như nắng buổi chiều nó lãng nó tái hơn chứ không vàng lòe thiết tha như ở phố dưới xuôi này. Nắng lòa nhảy trên những chiếc ca có quai, chiếc đèn bão con lấp kính, chiếc loa thông tin một cửa hiệu thợ thiếc. Khâu không thể ngồi im được nữa, tu vọt cốc trứng, nhảy luôn sang cái khoảng nắng tắm trần trê cả một bên đường. Khâu mân mê đèn, ca, loa và hộp sơ-ranh đựng ống tiêm. "Cái loa này mang về làm quà cho Thông tin xã thì anh ấy thích lắm đây! Cái hộp này mua đựng ống tiêm để bảo vệ sức khỏe cho anh em nhà. Còn cái đèn này bỏ vào ba lô có thể làm việc đêm ở trạm nghỉ được tiện quá đi mất. Làm thế nào mà tha được hết cả về nhỉ!". Ông cụ thợ thiếc dẹo tay kéo,

luôn tay cắt các mảnh sắt tây. Giữa lò lửa, cái mỏ hàn nằm chờ vẩy thiếc hàn. Nhanh như khía kim cương, cạnh nét những phôi sắt tây xoắn cong nhấp nhánh sáng. "Không cần nhiều, giá cứ rủ được độ một ông thôi, lên trên ấy bán đèn bán loa thì chợ vùng núi sẽ đông thêm". Có đến ba bốn con ngựa hí giống như đánh hơi cái, có con đá vung cả lên và xô gần mũi vào hiệu thợ thiếc. Khâu lại chạy sang hiệu lò rèn bên cạnh, chống tay vào đầu gối, đứng xem người ta bắt móng ngựa. Bể thợ hiệu rèn đều đều tiếng. Trên giá vách lem luốc vài mẫu mã tấu dao găm đầu mắc búp đa lại cả kiếm rèn theo kiểu Nhật. Bên những vật sắc nhọn chống giặc, lưỡi và mũi lóng lánh theo ánh lửa lò, nhô lên vài chiếc lưỡi liềm quá mùa gặt, Khâu thấy mền tất cả những cái ở quanh đây. Hiệu rèn vùng vãi gió than, đen bẩn lổn nhổn. Nhưng Khâu yêu ông cụ lò rèn, cảm tình với cái đe, cái kim, cái búa, với cô bé lênh nghênh kéo bể, với con ngựa ngoan ngoãn đương co chân sau chờ bắt móng ngoài cửa hàng. Cái đồng chí khâu yên ngựa ban nãy đứng ngay bên con ngựa đóng móng, chào Khâu, nét cười mở rộng. Hai người nói chuyện như là đã quen nhau lâu, rồi lại cùng kéo nhau về ngồi bên quán trứng. Bây giờ Khâu mới biết quán có một cửa con ăn thông sang hiệu dép. Và cô cà phê lại đi từ cửa bên ấy về bên này mà bảo chàng: "Thưa anh, dép khâu xong rồi đây ạ". Anh đồng chí yên ngựa vui vẻ: "anh Kha có hay về nhà không hả chị Vinh". Bỗng dưng Khâu biết tên người bán cà phê. Chị Vinh đưa thêm một đĩa bánh ngọt: "Anh Kha em hôm nọ cũng có về qua đây. Về một lúc, vớt dép cũ đây, rồi lấy của ông cụ em đôi giày da lộn bày mẫu hàng. Ông cụ em khôi hài bảo sao không đi mà tước giày của tây mà lại về tha giày của nhà đi". Đồng chí yên ngựa chen vào: "Ông cụ khâu yên ngựa khâu dép cho chúng ta ở bên kia là để ra anh Kha và và chị Vinh. Anh Kha trước hoạt động ở Hồng Quảng và lập nhiều chiến công ở Tây Bắc. Tôi trước ở đơn vị anh Kha. Anh Kha hay cho tôi sách và giấy để sinh hoạt". Thế là Khâu biết hết cả.

Khâu thấy càng mến thêm ông cụ chữa dép và người em gái "anh cán bộ Kha" hồn nhiên linh lợi như một cô học sinh trung học các vùng tự do.

Bên lò rèn gọi với sang: "Mời đồng chí về lấy ngựa. Xong móng rồi". Khâu nài đồng chí ăn thêm cái bánh ngọt, anh đồng chí xin khiêu vì "vừa ăn cơm xong", đứng thẳng người chào, tạt nhanh sang bên kia đường, Khâu quyến luyến nhìn theo, nhớ lại những ý kiến của anh đồng chí vừa rồi về "lúc vào phố, có khu trục đến bán, không gì khổ bằng có đất ngựa theo. Nó khổ hơn cả cái nông nổi đi mua thóc hằng ngày cho nó trong suốt cái thời kỳ ăn độn khao hạn chế đạo nọ". Nhiều quang gông, nhiều gánh hàng xén, nhiều người đi vội theo một chiều vun vút lướt qua quán.

- Đồng bào đi đâu mà đông thế chị Vinh nhỉ?

- Thưa anh, đi họp chợ đây ạ. Chợ tỉnh vui lắm. Gia đình nhà em tản cư dọn hàng đến đây là chẳng thứ mười sáu mười bảy mà chưa thấy nơi nào đông vui như đây. Chiều đến cứ như là hội. Ban ngày thì vắng sợ tàu bay.

- Tôi cũng ra chợ bây giờ. Ban nãy tôi qua chợ sớm quá.

- Vậy, bây giờ thì đang đông lắm. Dép của anh xong từ ban nãy. Ở dưới gậm bàn ấy.

Người và nhiều người quá ở ngoài đường. Ban nãy, Khâu vào tỉnh chỉ thấy vền vện có vài anh công an, dăm bảy bóng cao đen ở đơn vị Bắc Phi, ít anh thợ cắt tóc, còn thì là gạch vụn ngói rêu và trùn lên tất cả là những vòm cây xanh um rậm dày khiến người đi qua có cảm tưởng đây là cửa rừng để riêng cho chim làm tổ. Tiến theo mọi người về phía chợ, Khâu thấy tất cả những chằm đậm nhạt gông gánh mang xách nháp nhô vào chợ chiều lúc này cũng vẫn là những thứ chim đang về tổ. Tiếng nói rào rào âm âm vang rộng đến quãng đường. Khâu đang xúc tớn. Người ta nói vào nhau, người ta vượt nhau, ùn ùn, lũ lũ. Dép cao su trắng, cao su đen, dép

da sồng da chín quẹt mạnh quẹt nhanh trên nhựa, tiếng đều hơn miết hơn các tiếng chổi quét lá sớm mai của người phu lục lộ ngày xưa. Có người hỏi hà quá, lại đi tắt qua những đồng gạch tiêu thổ, đổ ra phía sau những cửa hàng lộ thiên bán quần áo cũ của một góc chợ giời con con. Chết chết, người gì mà đông như là đi biểu tình nghe Tuyên ngôn độc lập thế này: xe đạp đưa theo vào chợ, ngựa cũng đi theo vào chợ, ngựa thồ, ngựa cưỡi lóc cóc bước một, len qua khối già trẻ gái trai đông đảo nghìn nghịt. Cũng lơ thơ một số bóng chậm chạp nhưng mà sao bò ở đâu mà đi mãi, dất mãi qua chợ làm người ta sốt ruột thế này! Ba bốn lái bò chạy theo bộ đội dất bò nằn nì: "Các anh mua ở vùng trên ấy có bảy nghìn cả chỗ ba con này. Em xin giả ngay là một vạn hai. Lãi gần gấp đôi rồi, đồng chí bán lại bò cho em". Anh đồng chí dất chỗ ba con bò cười nhe bộ răng đen lại nói cái câu đã nói rồi: "Không được, đã bảo không bán mà. Của đơn vị đấy. Sức khỏe của đơn vị đấy, không ai bán đâu". Ngựa, áo chàm, bò Đông Bắc, chợ Trung du gọi một chút gì biên giới. Người đi chợ, xuôi ngược thành hai dòng rõ rệt. Khâu thấy hai tay mình đâm ra công kênh. Khâu nhìn, nhìn rất nhiều, nhìn rất kỹ. Một anh bạn cũng về xuôi đi lớp huấn luyện bị tụt lại sau, hẹn chiều nay gặp Khâu ở chợ. Trước gian hàng bán thuốc Âu Mỹ có mấy người trông ngờ đang ngồi xỏm kháo giá thuốc. Tí nữa Khâu vỗ vai nhầm. Chắc lại cũng cán bộ đường ngược hoặc quản lý cơ quan vùng trên ấy đây. Cuối chợ, chất tươi nhiều quá. Rau xanh củ trắng, cà chua đỏ mọng, muối lếp lánh phau phau, lợn gà cựa quậy xao động nhón nháo hơn cả người đi chợ. Khâu đi xuống, đi lên, đi xuống rồi lại đi lên nữa. Người bán người mua ai cũng trợn mắt múa tay nhả nhỏ kêu oai oái về tiền rách, nhưng rốt cục, ai cũng đều là bỏ tiền ấy vào túi, vào ruột tượng cả. Ai cũng mè nheo kêu thóc gạo cao vút, nhưng Khâu thấy trong chợ không có một người ăn mày nào. Vải len nhan nhản, giấy ngoại hóa giấy bản chông chát và sao lại có thể nhiều tấm khăn

mặt nội hóa sạch sẽ nồn nà đến nhường này! Ánh sáng kéo vàng, phai nhạt trên các màu đồ ăn thức dùng. Đèn đóm thấp lên trong các gian hàng từ lúc nào Khâu không nhớ nữa. Khâu chỉ còn mang máng là cái lúc nhọ mặt người vừa qua, dân chúng, quân đội, cán bộ chen lách nhau, hình như nhiều hơn lúc đồ đèn chợ này. Khâu nghe tiếng leng keng, bèn tìm đến cái hòm ảnh ống nhòm đặt ở giữa phố chợ kê lên một đôi mễ đường hoàng và lão chủ hòm nhòm ngồi ghế ghẹo giữa chợ đông như là bất chấp tất cả đang đun đậy lẫn nhau qua hai dãy lều quán. Lão khoe lão làm ăn với cái hòm nhòm này từ ngày đế quốc vẫn còn mạnh kia. Khâu bỏ ra hai đồng, chống hông nhòm vào hòm ảnh sáng rực, xem một "bài" những mười hai cảnh, nào là cảnh "đánh Nha Trang, bắn tàu chiến Pháp", nào là "mặt trận Lào Việt bên sông Mê Công", "đánh Hồng Gai" - "đồng bào Mọi kháng chiến ở Tây Nguyên" - "đốt mỏ, chém đồn điền cao su Nam Bộ". Nghĩa là cứ theo lời giải thích của chủ ống nhòm thì những cảnh, những ảnh có thật ấy người Việt Nam chân chính nào lúc này đều cũng phải bỏ tiền ra mà xem cho nó há. Lão lấu cá, ảnh ở đâu đâu chụp một đặng, lão chú thích một nẻo lão bịa đặt chuyện, lão xuyên tạc ảnh để ăn đồ tiền của tất cả những công dân giữa chợ. Khâu biết thế, nhưng lâu lắm, không được sống lại những phút sống còn trẻ, chàng thấy thu thú ghé mắt vào ống nhòm để ông lão đánh lừa mình. Sự thật nghe lão nói thích hơn là xem của lão. Lão nói nhăng nói cuội, cũng nhớ thời sự ra phết, lão giải thích cả những tấm ảnh mà lão gọi là "Ngày mừng sáu tháng ba"; lão hát giọng ê a như là giọng chạy bài tổ tôm điếm. Chợ vội người. Nhiều tiếng hỏi nhau to nhỏ xem đêm nay đã có chỗ ngủ chưa. Khâu chợt nhớ là mình cũng chưa biết ngủ đâu và đồng thời càng thấy đói. Anh đồng chí yên ngựa ban nãy mách Khâu nên tìm cái hiệu cơm gần cột đèn, thì có nước mắm ngon, có dưa giá và hay có tôm cá nữa. Khâu đến trước một cái quầy sáng có mấy bát tôm rang đồ mực đầy vút ngon và ngò ngợ trước một

người đang chặt thịt quay trên thớt hàng. Nhận ra người chặt thịt chính là ông cụ vá dép ban chiều, chàng vui sướng hỏi:

- Cụ ở đây à?

- Kia đồng chí! Mời đồng chí vào xơi cơm. Chả là cứ đến chiều tối thì tôi không khâu vá giày dép nữa, giao cho cháu Vinh hạ cửa xuống và ra chợ đỡ tay cho u cháu Vinh đây.

- Vui quá nhỉ. Cả nhà ta thành ra dọn những ba cửa hàng. Tôi chưa thấy mấy gia đình chịu khó vất vả như gia đình nhà ta đấy. Mỗi cụ lại ở một góc phố, kể cũng có điều diệu vợi đấy.

- Thì mỗi người cũng phải xoay sở cho nó đủ ăn đủ mặc. Mới trông thì thấy là phân tán ra nhiều sở, chứ chúng tôi vẫn thống nhất đấy ạ. Chốc nữa hết khách ăn là bà cháu lại dọn cả về quán cà phê cháu Vinh. Hai gánh thôi. Được cái miếng chín ở hàng tôi hôm nào cũng bán hết.

Cái bàn ăn bên cạnh, có tí rượu thành ra vui nhộn gồm. Đúng rồi, lâu ngày họ mới tình cờ gặp lại nhau trong buổi chợ tối. Anh trong cùng nói chuyện công tác ở khu Ba. Anh ngoài cùng kể những mẩu sinh hoạt sốt dẻo của Bắc Giang chạy khùng bố chống càn quét, có những nhận xét rất quý về việc gặt thóc giấu thóc tháng mười. Còn anh ngồi quay lưng lại Khâu thì đang tả cảnh bên Cây Đa Nước Chảy và lên án cái thằng "có răng vàng bắt bí khách ăn cơm bữa nhờ độ đường ở Châu Tự Do". Cái đám ngồi ăn nhanh ở đầu ghế sát đường thì đang xĩa răng, bàn nhau nên thuê dò riêng hay là đáp dò chợ xuôi về kè Đức Lâm. Ở đây là một cái ngã tư lớn của vùng tự do Việt Bắc có khác. Ngoài đường, người ta đốt đuốc, đốt ruyệt cao su, đốt mép lốp ô tô sáng rực cháy bùng bùng, mùi khói nửa mùi khét lốp và bóng người lữ lượt múa đông ơi ới gọi nhau, chẳng khác gì cảnh nhân dân liên hoan với bộ đội sau những đêm nhổ đồn Tây trên đường số 4 Khâu có dự một vài lần.

Khâu gọi chuyện với ông cụ về vấn đề tìm chỗ ngủ.

Nếu ở đây mà không quên ai, thì vào giờ này cũng hơi khó đấy. Nhà ai cũng có người ngủ nhờ đã dặn từ chiều. Chỗ hiệu dép của tôi không được rộng sạch, nhưng anh em đi công tác qua, cũng có nghỉ lại vài bận.

Khâu nhận ngay, yên trí đeo ba lô xin về trước và ra đường mua hai đồng hai bó đóm. Đường phố sáng trưng, từng đồng gạch hiện rõ dưới ánh đuốc tan chợ. Chị Vinh lại chào Khâu trước:

- Anh đi chợ về?

- Tôi có ăn cơm ở quán nhà ta. Lâu không được ăn tôm cá, vừa rồi tôi ăn nhiều quá. Và may hơn nữa, cụ lại dặn về bên hiệu dép nghỉ đêm nay.

- Anh có cần đèn làm việc tối thì để mua thêm dầu ta. Thịnh thoảng những anh bạn anh Kha em đi công tác nghỉ lại đây, anh nào cũng thức thật khuya và ngồi viết cả đêm ấy.

- Chị cho tôi một quả cam Bó Hạ. Cam trông thích quá thế này mà anh em ở quân y được một quả mà ăn thì sướng lắm đấy. Hồi mới đánh nhau còn có ai là dám nghĩ đến những thứ này, có phải không chị Vinh?

- Chẳng cứ cam, đến cả nhiều thứ khác nữa, như là ảnh chẳng hạn. Cái năm nó ào ạt lên, thật không ai dám tưởng đến còn có ngày gộp nhật ảnh kỷ niệm. Năm nay thì lại nhiều ảnh quá. Anh Kha em bảo mỗi người cán bộ, trong túi hết bây giờ ai cũng có một quyển ảnh bom dán ảnh gia đình, ảnh mặt trận, ảnh hậu phương. Ở thị xã đây cũng có đến ba bốn hiệu ảnh. Em thấy họ phơi những phim ảnh mặt trận của cán bộ đi qua đưa rửa nhiều phim trông đẹp và lạ lắm.

Khâu tiến lại phía bàn con, nó nhỏ như cái bàn học, có một cậu em dáng thông thả lật trang sách dưới đĩa đèn. Vinh nhìn theo Khâu và gọi:

- Em Lai đứng dậy để anh ngồi. Em đưa cam vào.

Khâu giữ Lai cứ ngồi nguyên, và ghé vào cuốn an bom ảnh. Lai đang giở xem. Một tấm ảnh to in rõ hình ông cụ bà cụ, Vinh, em Lai và một thanh niên đội ca-lô khỏe đẹp, tất cả đứng chụp chung trước quán, cái biển: "Quán Tươi" rõ từng nét.

- Có phải đây là anh Kha không hả chú Lai?

- Anh có biết anh Kha em à? Nghe nói anh Kha em sắp đi mở chiến dịch mới phải không anh?

Khâu lảng ra ngồi vào cái bàn vuông giữa quán, khách vừa đứng dậy. Người quân nhân ngoại quốc còn đứng chờ giả lại tiền kia đang dở câu chuyện với một cán bộ người mình: "Nếu người ta cứ kêu mãi về họ tức là không biện chứng tí nào. Lòng tay những người tiểu trí thức ấy đã có chai. Những người chuyên môn ngồi xe cao su dạo phố ấy đã có những thành tích hành quân xéo lấm qua đá, qua gai Việt Bắc. Tôi còn nhớ hồi ấy là khoảng giữa năm 1947, tôi ngồi nhìn họ hành quân qua bên Bình Ca. Buổi sớm một tốp khiêng cái bộ phận chính khẩu đui-xét. Mãi đến trưa mới thấy cái nòng trở dua diễu qua. Gần chiều mới thấy mấy người khiêng cỗ chân đang ngơ ngác tìm hai tốp trước. Tôi đã dè dặt không dám phát biểu ý kiến hồi ấy. Nay thấy họ nền nếp lớn mạnh sau ba năm chiến đấu càng dẻo dai càng gân guốc, tôi phục cái đơn vị ấy trong công việc xây dựng chung của quân đội Cách mạng Việt Nam. Thần tình và khả quan lắm!".

Quây lầy cái bàn giữa, Lai và Vinh và Khâu chụm đầu lại xem cuốn an bom. Khâu nhấp cốc nước cam. Có tiếng trống ếch nhi đồng vọng từ xóm xa về. Không, trống nghe cũng gần đây thôi. Nghe rõ cả tiếng hát đồng ca nữa. Vinh cười với Lai.

- Đám Thiếu sinh quân về đóng gần đây rồi. Chắc lại sắp có lễ kỷ niệm.

- Thế nào chị cũng nói với anh Kha lần sau cho em đi Thiếu sinh quân khu, chị nhà. Ở nhà chỉ bung cà phê và trứng, chả bao giờ



được hát to cả.

Khâu nhìn Lai, buột miệng gọi Lai là chú:

- Chú Lai thích hát thì rồi đi với anh.

Lai ta vô ngay lấy câu chuyện học hát, hỏi dồn Khâu là đi có xa không và đi bao nhiêu ngày. Khâu cười cười bảo Lai là thế nào cũng xin phép anh Kha cho Lai đi. Chàng ngắm Vinh, trở vào cái biển nền giấy:

- Nay chị Vinh này, sao quán nhà lại đặt tên là "Quán Tươi"? Nghe hay đấy.

- Thưa anh trước gọi là Thủ Đô. Tên này là mới đặt. Ông cụ em kêu chữ Quán Tươi ngô nghê cộc cạch nhưng anh Kha em thì bằng lòng lắm. Chả là em cứ thấy các anh ấy qua lại đây lúc nào cũng nói đến chữ tươi nên em đặt luôn cho quán. Cái tên cũ thấy nhiều quá rồi. Nhiều Thủ Đô quá.

Ông cụ, bà cụ ở chợ về, dám đuốc rừng rục trước quán. Vinh ra đỡ gánh cho mẹ. Và Lai thì chạy vù sang gian dép bên thấp sần đèn. Chắc mọi ngày vẫn thế. Ông cụ nhìn Khâu cười cười, rủ luôn Khâu cùng sang gian bên cạnh: "Đồng chí sang bên này. Hôm nay cứ kể còn tôm rang thì còn bán được nhiều. Ngày mai ta đi mua nhiều tôm mà làm hàng, u con Vinh ạ. Hôm nay đồng chí nằm giường kia với tôi. Còn Lai thì nằm chõng kia". Khâu hơi tiếc. Giá được nằm một giường với "chú Lai" thì thích hơn. Chàng vụt nhớ đến những chú giao thông liên lạc của cơ quan trên ấy, hay nằm chung với Khâu hay ù cho Khâu những đêm núi đá toát lạnh nhiều quá.

Còn ít thịt luộc mang về ông cụ mang ra đánh chén ở cái bàn bừa bộn dùi, kéo, chỉ, dao. Chú Lai đặt một chai rượu và hai cái chén. Ông cụ lại cười cười: "Đồng chí lại đây. Tôi cứ xong hàng, tối nào về nhà cũng làm mấy chén trước khi đi ngủ". Khâu xin kiếu nhưng cũng lại ngồi gần bàn có chú Lai ngồi sấn đây, châu hẫu nhìn ông cụ đang nói. Trong này ông cụ nói, bên gian cà phê bà cụ cũng

nói. Vinh và bà cụ đang nhắm tiền hàng và thu dọn nhiều thứ. Ông cụ uống rượu vui tính. Chuyện đang xoay quanh vấn đề dép cao su. Khâu không nhớ rõ tại sao lại sang đến vấn đề cao su. Lúc đầu nói về trống ếch ông cụ bảo "trống ếch bây giờ thay cho trống đình trống cái", thế rồi không biết nó chuyển sang giấy dép từ lúc nào. Ông cụ chỉ cái lô dép và cái đám lóp, ruột lóp còn nguyên nghĩa chưa phá cắt, vuốt râu: "Áy, chính vì cái thứ hàng này mà tôi dọn nhà lên thị xã Bắc Cạn, giải phóng không đầy một tháng là tôi về làm ăn ở đây. Bây giờ nhiều sấm, nhiều lóp quá chứ hồi ấy cao su còn có giá trị lắm. Bây giờ thì chỗ nào cũng bày bán dép đen, chứ hồi ấy, chiều chiều ra bến đò sông Cầu mà nhìn thuyền tải sấm lóp ô tô, bánh cơ giới, là tôi cứ mê toi cả người, bỏ cả ăn. Chỗ cầu bê tông, đã có lúc gọi là bến Cao Su đấy. Lắm quá đi mất. Thế này thì còn gì là "nó". Chết cứ như rạ. Thái độ ông cụ phân minh hơn nữa khi ông cụ cầm những chiếc dép bên cạnh chai rượu giơ lên kéo dài giọng ra: "Đấy là ruột non, ruột già chúng nó đấy. Đấy là ruột đen ruột đỏ quân giặc đấy!". Khâu chen vào:

- Thưa cụ vâng ạ, đây là những kết quả cụ thể các trận truy kích phục kích đường số 3 đường số 4. Nhưng thật ra, đây cũng còn là máu mủ của đồng bào Nam Bộ nữa.

Hà, thế này thì cũng hơi khó hiểu đấy. Ông cụ ngừng chén chóp chóp mắt chờ Khâu cắt nghĩa thêm. Khâu mới trình bày cho ông cụ dép nghe về câu chuyện các đồn điền cao su Nam Bộ, Cao Miên, sự bóc lột thặng dư giá trị cần lao trong ấy và vấn đề tiêu thổ của Nam Bộ, một phần lớn là phá hoại các đồn điền cao su, chém gẫy hàng trăm triệu gốc cao su xanh tươi rườm rà và đốt cháy cơ man là bát mủ thùng nhựa ra gio ra than. Chiến tranh cao su kích thích chú Lai và Lai lờ mờ tìm ra một mối tương quan giữa "chiến tranh mù" và cái súng cao su chàng nạng gỗ ổi chú dắt dưới đáy bị từ hồi mới theo mẹ, theo chị chạy về các thôn xóm ngoại thành. Lai giục Khâu:

- Anh Khâu nói chuyện về chiến tranh cao su nữa đi anh!

Riêng đối với ông cụ, "chiến tranh cao su" làm tốn rượu thêm mấy chén nữa, quá hẳn cái mức uống mọi tối.

Ngoài cửa liếp, nhiều tiếng giày đinh lộp cộp trên đường đá. Tiếng xe bò. Tiếng móng ngựa thò. Hàng đoàn ngựa thò. Ông cụ nhấp chén rượu cuối cùng để đi ngủ, chỗ chỗ ra ngoài đường, hạ thấp giọng: "Minh đây! Bộ đội mình lại chuyển đây. Râm rập cả đêm cả ngày. Lâu nay là cứ liên miên như thế. Tôi khâu vá kể cũng đã nhiều cho anh em mà cũng chẳng còn biết đảng nào mà nhận ra ai nữa. Người nào trông cũng tài hoa lỗi lạc, nói năng lễ phép. Ông nào cũng nhận là con nuôi của phố này cả. Hay thật. Tây mà cứ nhảy dù xuống đây là có châu dù đòn". Khâu lách cửa đi ra ngoài. Đã khuya thế mà vẫn còn nhiều nhà có đèn. Khâu dạo một lúc. Trong các nhà sáng, nổi lên nhiều tiếng máy may rền đều như không bao giờ ngừng hết. Khâu vào đến ba bốn hiệu giả vờ hỏi giá máy. Ba bốn hiệu đều nhất loạt: "Chúng tôi không dám nhận thêm của ai nữa. Và còn bận đến mấy tháng liền nữa. Ấy toàn của bộ đội địa phương cả đấy. Lại còn bao nhiêu bộ ka ki phải làm ngay nữa. Nghe đâu ta sắp có phái đoàn các nước tới thăm, ai cũng may sắm chờ đón tiếp cả. Nghĩa là chúng tôi may cả ngày cả đêm, cứ tối mất tối mũi lại đây anh ạ. Tiếng máy khâu sè sè vui đều trong phố thức khuya. Khâu nhớ lại những tiếng máy may năm Bốn năm đâu đâu cũng hồi há may cò, mua cò, làm cò. Mấy nhà sáng đèn góc phố, không có tiếng máy khâu, nhưng nhiều bóng người đang cong lưng cúi xuống hàng đồng công việc. Đây là một hiệu khắc gỗ, khắc tranh vẽ báo tranh áp phích, dao trở linh động, ý nhị tia gỗ mềm như là gọt thủy tiên ấy. Đằng kia là một cửa hàng thêu, có nhiều phụ nữ thùa mép kim tuyến cho phù hiệu sao vàng của năm chính quy. Khâu trở về thao thức cả đêm vì những hình ảnh kỳ diệu dồn dập của sinh hoạt quanh mình và cả ngay trong lòng mình. Tiếng giày đinh lộp cộp mãi, tiếng ngựa, tiếng xe bò ngân dài loang rộng

mãi qua thị xã đã từ lâu không còn mảnh tường đứng nào. Khâu dào dạt cảm xúc và chuyện này về núi, buổi lửa trại thân mật trong cơ quan nào cũng kết quả khi chàng đứng ra nói chuyện trung du cho toàn thể anh em nghe.

Khâu chớp mắt có một lúc mà gà đã gáy sáng. Ông cụ ho. Có tiếng ù ù như gần như xa. Khâu ngồi nhồm dậy chăm chú. Ông cụ khuyên cứ ngủ tiếp đi: "Bố nó cũng chả dám dù chỗ này. Tiếng xe goòng của công đoàn ra lấy than đấy mà". Ngoài tám liếp đóng, lại vẫn rất nhiều tiếng người đi, tiếng giầy đinh, tiếng móng ngựa trượt trên đá. Hình như cả đêm, có rất nhiều người không ngủ nổi nhau mà đi trên đường cái.

Sáng đã lâu. Khâu ngồi uống cà phê, mắt không rời mặt phố. Người nào đi qua, túi cũng dặt một cái bút máy hoặc sắm một cái bút chì vào sắc cốt da bên cạnh. Rồi là kiu kịt, loang loảng qua "Quán Tươi" không biết bao nhiêu là gánh bột tre, bột dó. Năng sớm mai nhấp nhánh trên nhiều phiến đá li tô trắng bóng vuông vẫn áp trên vai một đoàn người vận tải áo nâu. Tất cả bút mếp túi, bút sắc cốt, gánh bột giấy và đá in, tất cả những người gánh người đi linh tinh ngẫu nhiên nối lãn nhau vào kia đều như là một bức hoạt cảnh có sự xếp đặt để tuyên truyền cho một phong trào học tập sôi nổi. Khâu ít hút thuốc lá nhưng các gói thuốc bày hàng có những tên đặt dễ ưa: Bắc Sơn, Lô Giang, Công Đôn, Công Kiên, Công Thành, Phản Công. Khâu thở khói thuốc nhìn nắng hừng trên đường. Thôi chàng không đợi người bạn chạm nữa, chàng xóc ba lô, chào ông cụ, chào chị Vinh và quyền luyến nhiều với chú Lai. Cả nhà ai cũng đều bảo Khâu lần sau đi công tác qua thì cứ đến "Quán Tươi" mà nghỉ đêm.

Qua bãi rộng ngoài tỉnh, Khâu đứng lại xem bộ đội mặc quần cut đá bóng tròn. Tiếng còi trọng tài, tiếng chân sút bóng da bình bình trên cỏ ướt. Khâu thấy lạ tai lạ mắt. Mấy năm đánh nhau với

Tây, giờ Khâu mới lại nhớ lại những biểu diễn này và quả là sự sống kháng chiến đến năm thứ tư này đã được bình thường hóa một cách thú vị. Giá biết là có đá bóng vui thể này thì lúc đi Khâu đã rủ em Lai cùng ra bãi chơi. Bây giờ quay về thì cũng không tiện. Chàng nhắm tính độ đường cho ngày hôm nay, nhất quyết lần sau về qua đây thế nào cũng cố nèo ông cụ cho Lai theo mình về cơ quan. Khâu tin chắc sẽ rủ được Lai, đem Lai về văn thư cơ quan, nâng đỡ Lai. Lai chỉ ở với cơ quan trong một thời kỳ là sẽ "trưởng thành" trước lứa tuổi. Cái phố nhỏ chặng đường này cũng nhộn nhịp ra dáng. Lại xe đạp vận tải, lại quang gánh, ba lô, bị còi, điệu nâu. Khâu đi miết trên đường còn những hai chục cây nữa mới đứng chặng nghỉ, nhất định không nghỉ vật. Nhưng cái hiệu bán cơm và bán cả sách này trông hay quá. Dây gai giăng đầy mặt hàng, lòng thông báo chí sách mới và phơ phát nhiều tấm lịch 1950. Khâu bật bật những tờ a-đăng-đa rộng khổ in ngày tháng bên cạnh. Lại có cả những khẩu hiệu mới và những tranh to để ghi thành lịch thi đua. Khâu mua một cuốn ký tên lên bìa bỏ ngay vào túi.

- Năm bốn bẩy tưởng như là kháng chiến thì không còn làm gì có ngày tháng nữa, tưởng không còn in được lịch vào đâu nữa ông hàng nhỉ!

- Vâng, bây giờ lịch in nhiều và đẹp. Người mua cũng nhiều. Tôi có cái ý kiến là càng lúc càng thắng lợi, ngày tháng càng được chú ý hơn. Tâm lý ai cũng thấy là cần ghi chép, tính toán ngày giờ để xếp đặt công việc.

Ngoài hè quán có mấy gánh vừa đổ xuống trông khác thường. Khâu ghé gần, sờ mó vào, cầm xem những mảnh sắt nhẹ đũa-ra, chặt cắt ra từng miếng nhỏ sáng bóng, cạnh rất sắc. Mấy anh gánh nhôm thân tàu bay nhìn Khâu không nói gì, chỉ tùm tùm rất là hóm hình. Không khi nào Khâu lại còn đi hỏi mấy anh vận tải Xê Bê ích này xem nhôm kia là lấy ở đâu, gánh đi đâu, để làm gì. Khâu nhớ

lại, cố nhớ lại những cột báo đã đăng về tin hạ máy bay gần đây. Người gánh nhôm và người xem những mảnh vụn thân tàu bay đang gặp nhau trên khóc mắt phản chiếu một nỗi hãnh diện thầm, một sự tự tin hể hã không cần nói ra ngoài. Khâu thân mặt: "mời các anh ăn com" để năm bảy người gánh đũa-ra ngoài chõng vui vẻ nói vào: "Xin mời đồng chí". Tay vẫn cầm bát đũa, đôi lúc Khâu dang trí: "Đũa-ra, Đũa-ra! Địch là dùng làm đầu đạn moóc-chi-ê đây".

Việt Bắc xuân 1950

*Tạp chí văn nghệ*

số 20, 21 tháng 2, 3 - 1950

## MỤC LỤC

1932 - 1940

- Vườn Xuân Lan tạ chủ 7
  - Đánh mất ví 14
  - Gỡ cái vạ vịt 22
  - Một vụ bắt rượu lậu 29
- Chiếc đĩa sứ Giang Tây 36
- Mười năm trời mới lại gặp cố nhân 44
  - Đông phương là Đông phương  
Tây phương là Tây phương 53
  - Thời sự 62
- Vang bóng một thời (*Tập truyện ngắn*) 72
  - Bữa rượu máu 75
  - Những chiếc âm đất 85
    - Thả thơ 94
    - Đánh thơ 101
    - Ngồi mà cũ 111
    - Hương cuội 123
  - Chữ người tử tù 132
- Một đám bắt đắc chí 140
  - Chén trà sương 149

• Đền đêm thu	155
• Trên đỉnh non tản	168
• Khoa thi cuối cùng	186
<b>1940 - 1945</b>	
• Một người muốn đập vỡ đàn	205
• Có một người không muốn ốm nữa	213
• Con sư tử một năm Quý Sửu	220
• Giá đồng quan giám sát	227
• Một cảnh rước dâu chạy tang	233
• Mượn cái vui của người khác	241
• Một người tỉnh rượu đốt cháy rừng trúc	248
• Xác Ngọc Lam	253
• Rượu bệnh	273
• Đói - Roi	285
• Lừa nên trong tranh	292
• Loạn âm	304
• Nguyễn (Tập truyện)	319
• Nhà Nguyễn	320
• Đồi tri kỷ gương	378
• Chuyến xe tình	424
• Cái cà vát đen	431
• Một người cha về ăn tết	438
• Lừa trại	445
<b>1945 - 1956</b>	
• Quán tươi	455



# NGUYỄN TUÂN

Truyện ngắn

---

## NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 8 294684 - 8 294685

Fax: (04) 8 294781

E-mail: [nxbvanhoc@hn.vnn.vn](mailto:nxbvanhoc@hn.vnn.vn)

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Nguyễn Văn Lưu**

Biên tập: **Nguyễn Anh Vũ**

Trình bày: **Kim Long**

Vẽ bìa: **Lưu Chí Cương**

Chế bản: **Đông Tây**

---

In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 tại Xưởng in Khảo sát & xây dựng.

Giấy đăng ký KHXB số 48/128 QLXB - CXB ngày 15/3/2004.

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2004.

# NGUYỄN TUÂN

# TRUYỆN NGẮN

